

MỤC LỤC

MEIN KAMPF – CUỘC TRANH ĐẤU CỦA TÔI	6
LỜI BAN BIÊN TẬP	6
LỜI NGƯỜI DỊCH.....	7
LỜI GIỚI THIỆU CỦA ABRAHAM FOXMAN.....	11
LỜI TỰA	21
TẬP I: TOAN TÍNH.....	23
CHƯƠNG 1: Ở NHÀ BỐ MẸ.....	23
CHƯƠNG 1.1: BỐ HITLER CHOÁNG VẮNG KHI NGHE QUYẾT ĐỊNH MÔN HỌC CON MÌNH	26
CHƯƠNG 1.2: ĐIỀU GÌ ĐÃ QUYẾT ĐỊNH TƯƠNG LAI CỦA HITLER?.....	32
CHƯƠNG 2: NHỮNG NĂM THÁNG HỌC TẬP VÀ GIAN KHÓ Ở VIENNA.....	36
CHƯƠNG 2.1: KẺ NÀO BỊ KẸT CỨNG GIỮA HÀM RĂNG LỮ RẰN MỚI BIẾT CHÚNG ĐẦY NỌC ĐỘC	41
CHƯƠNG 2.2: SUY NGHĨ CỦA HITLER TRONG MÔI TRƯỜNG SỐNG KHỔ SỞ VÀ BẦN THỦ	49
CHƯƠNG 2.3: CUỘC CHẠM TRÁN ĐẦU TIÊN CỦA HITLER.....	55
CHƯƠNG 2.4: GIAI CẤP TƯ SẢN CHẴNG BAO GIỜ CÓ THỂ BÙ ĐÁP ĐƯỢC TỘI LỖI CỦA MÌNH	62
CHƯƠNG 2.5: NHỮNG SUY NGHĨ VỀ THẾ LỰC XẤU CỦA HITLER.....	69
CHƯƠNG 2.6: BỘ MẶT QUỶ QUYẾT CỦA CHỦ NGHĨA MARX.....	75
CHƯƠNG 2.7: TẤT CẢ MỌI CHUYỆN VỚI TÔI DƯỜNG NHƯ QUÁ TÀN ÁC	81
CHƯƠNG 2.8: SỰ GHÊ TỎM CỦA DÂN DO THÁI	87

CHƯƠNG 2.9: KHÔNG THỂ BẮT TÔI TỪ BỎ QUAN ĐIỂM “CĂM GHÉT” DÂN DO THÁI.....	91
CHƯƠNG 2.10: HITLER NHÌN NHẬN SỰ “RÈN LUYỆN” TỪ VIENNA	97
CHƯƠNG 3: NHỮNG TƯ DUY CHÍNH TRỊ CHUNG THỜI TÔI Ở VIENNA....	106
CHƯƠNG 3.1: HITLER: KHÔNG AI HIỂU RÕ CHÍNH TRỊ HƠN TÔI.....	113
CHƯƠNG 3.2: CUỘC CÁCH MẠNG NĂM 1848	118
CHƯƠNG 3.3: LÃNH ĐẠO VÀ NGHỆ THUẬT GIẢI THÍCH	124
CHƯƠNG 3.4: CƯỚP ĐI TRÍ TUỆ CỦA NHÀ BÁO LƯU MANH.....	130
CHƯƠNG 3.5: THẾ GIỚI CHẴNG TỒN TẠI CHO NHỮNG DÂN TỘC YẾU HÈN.....	136
CHƯƠNG 3.6: NGUYÊN NHÂN SỤP ĐỔ PHONG TRÀO TOÀN ĐỨC TRÊN ÁO	142
CHƯƠNG 3.7: BIẾN ĐỘNG LỚN TRÊN THẾ GIỚI ĐƯỢC CHỈ ĐẠO BỞI NGÔI BÚT?	152
CHƯƠNG 3.8: THỦ ĐOẠN SỬ DỤNG LINH MỤC VÀ NHỮNG NGƯỜI CHĂM SÓC TÂM LINH.....	156
CHƯƠNG 3.9: TRIẾT LÝ “THIÊN TÀI” CỦA BẠC THỦ LĨNH CỖ LỚN?	162
CHƯƠNG 3.10: NHỮNG THU HOẠCH TỪ VIENNA	168
CHƯƠNG 4: MUNICH.....	176
CHƯƠNG 4.1: CÓ 4 CON ĐƯỜNG ĐỂ TRÁNH MỘT TƯƠNG LAI ĐÁNG SỢ	182
CHƯƠNG 4.2: SỐ PHẬN VÀ VIỄN CẢNH CỦA NƯỚC ĐỨC SẼ RA SAO?..	190
CHƯƠNG 4.3: LIÊN MINH CÓ THẬT SỰ “DỎ HỜI” ?.....	196
CHƯƠNG 4.4: HITLER: “TƯƠNG LAI CỦA DÂN TỘC ĐỨC CHÍNH LÀ PHẢI TIÊU DIỆT CHỦ NGHĨA MÁC”	202
CHƯƠNG 5: THẾ CHIẾN.....	210

CHƯƠNG 5.1: HITLER THAM GIA CUỘC CHIẾN.....	216
CHƯƠNG 5.2: CHÀNG CHIẾN SĨ NGÀY NÀO GIỜ ĐÃ TRỞ THÀNH NGƯỜI LÍNH GIÀ	222
CHƯƠNG 6: TUYÊN TRUYỀN CHIẾN TRANH.....	233
CHƯƠNG 7: CUỘC CÁCH MẠNG	243
CHƯƠNG 7.1: HITLER BỊ TRÚNG ĐỘC.....	251
CHƯƠNG 8: TÔI BẮT ĐẦU HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRỊ	264
CHƯƠNG 9: ĐẢNG CÔNG NHÂN ĐỨC.....	274
TẬP II: PHONG TRÀO QUỐC GIA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA.....	283
CHƯƠNG 1: THẾ GIỚI QUAN VÀ ĐẢNG.....	283
CHƯƠNG 1.1: HỌC THUYẾT CHỦ NGHĨA MÁC.....	289
CHƯƠNG 2: PHÂN BIỆT 3 QUAN ĐIỂM CỦA NHÀ NƯỚC	297
CHƯƠNG 2.1: SỨ MỆNH CỦA NHÀ NƯỚC	297
CHƯƠNG 2.2: QUÁ TRÌNH ĐẦU ĐỘC DÒNG MÁU TỘC NGƯỜI	305
CHƯƠNG 2.3: MÔN THỂ THAO BỊ NGƯỜI DÂN CHO LÀ MẤT PHẨM GIÁ	315
CHƯƠNG 2.4: HITLER: “NHỮNG TÀN TẬT VỀ ĐẠO ĐỨC”	324
CHƯƠNG 2.5: CON NGỰA QUÝ KHÔNG PHẢI CƯƠNG NÀO CŨNG CHỊU MANG.....	332
CHƯƠNG 2.6: ĐÁNH GIÁ MỘT NHÂN TÀI THỂ NÀO?	340
CHƯƠNG 3: NGƯỜI CÓ QUỐC TỊCH VÀ CÔNG DÂN	349
CHƯƠNG 4: TÍNH CÁ NHÂN TƯ TƯỞNG NHÀ NƯỚC NHÂN DÂN.....	355
CHƯƠNG 5: THẾ GIỚI QUAN VÀ TỔ CHỨC	365
CHƯƠNG 6: CUỘC ĐẤU TRANH TRONG THỜI GIAN ĐẦU – Ý NGHĨA CỦA DIỄN THUYẾT.....	377
CHƯƠNG 6.1: SỰ PHÁT TRIỂN THẦN KỲ CỦA PHONG TRÀO.....	387

CHƯƠNG 7: CUỘC ĐẤU TRANH VỚI MẶT TRẬN CỘNG SẢN.....	397
CHƯƠNG 7.1: KẺ CƯỚP CÓ CHỦ TÂM KHIẾN NGƯỜI TỬ TẾ TRỞ NÊN KHÓ KHĂN.....	403
CHƯƠNG 7.2: CUỘC CÁCH MẠNG CHỈ CÓ THỂ XẢY RA DO SỰ LÃNH ĐẠO TAI HẠI	410
CHƯƠNG 7.3: HITLER VỀ HÌNH DÁNG LÁ CỜ THẾ NÀO?	416
CHƯƠNG 7.4: HITLER VÀ SỰ THÀNH CÔNG DIỄN THUYẾT	421
CHƯƠNG 7.5: MỌI CUỘC CÁCH MẠNG ĐƯỢC THÔNG BÁO TRƯỚC THÌ ĐA PHẦN ĐỀU KHÔNG XẢY RA	424
CHƯƠNG 8: KẺ MẠNH LÀ KẺ CÓ QUYỀN LỰC NHẤT	430
CHƯƠNG 8.1: QUÁ TRÌNH “CHIA RẼ TOÀN DÂN TỘC”	435
CHƯƠNG 9: NHỮNG TƯ TƯỞNG CƠ BẢN VỀ Ý NGHĨA VÀ TỔ CHỨC CỦA SỰ ĐOÀN BẢO TẬP S.A	442
CHƯƠNG 9.1: HỘI “CHUYÊN CHÍNH NHÂN DÂN” RA ĐỜI THẾ NÀO?	446
CHƯƠNG 9.2: CUỘC CÁCH MẠNG THÀNH CÔNG NẾU TIẾN HÀNH PHÂN RÃ QUÂN ĐỘI?	450
CHƯƠNG 9.3: HAM MUỐN CHÍNH TRỊ THIÊN TÀI.....	457
CHƯƠNG 9.4: LÀM SAO CHIẾM ĐƯỢC TRÁI TIM CỦA MỘT DÂN TỘC?	462
CHƯƠNG 9.5: CỘT CHỐNG QUAN TRỌNG NHẤT CỦA QUYỀN LỰC?	468
CHƯƠNG 9.6: “NGÀY CỦA NGƯỜI ĐỨC” TẠI KOBURG	474
CHƯƠNG 9.7: VÙNG KOBURG VÀ NHỮNG TÊN KHỦNG BỐ ĐỎ.....	479
CHƯƠNG 10: CHỦ NGHĨA LIÊN BANG CHỈ LÀ GIẢ TẠO	485
CHƯƠNG 10.1: NGHỆ THUẬT MÀ BỌN ĐỘC TÀI HAY SỬ DỤNG?	490
CHƯƠNG 10.2: THỦ ĐOẠN TINH VI CỦA NGƯỜI DO THÁI LÀ GÌ?	495
CHƯƠNG 10.3: THẾ NÀO LÀ MỘT NHÀ NƯỚC LIÊN BANG?	502
CHƯƠNG 10.4: NĂNG LỰC CỦA ĐẾ CHẾ BISMARCK LÀ GÌ?	507

CHƯƠNG 10.5: “QUYỀN LỰC BÊN TRONG CỦA HỆ THỐNG CHÍNH PHỦ?”	514
CHƯƠNG 11: CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN VÀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC.....	520
CHƯƠNG 11.1: NHIỆM VỤ CỦA CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN LÀ GÌ?	525
CHƯƠNG 11.2: TẠI SAO PHẢI TÌM KIẾM NGƯỜI ĐẶC BIỆT CHO CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN?	530
CHƯƠNG 12: VẤN ĐỀ CÔNG ĐOÀN	538
CHƯƠNG 13: CHÍNH SÁCH LIÊN MINH ĐỨC HẬU THỂ CHIẾN	550
CHƯƠNG 13.1: KẼ NÀO KHUẤY ĐỘNG PHONG TRÀO LÀM SỤP ĐỔ NƯỚC ĐỨC?	561
CHƯƠNG 13.2: THÓI QUEN LỪA PHỈNH MÀ BỌN DO THÁI ĐÃ RẤT THUẦN THỰC?	568
CHƯƠNG 13.3: ĐÂY LÀ CHÍNH SÁCH LIÊN MINH TÍCH CỰC?	575
CHƯƠNG 14: ĐỊNH HƯỚNG PHƯƠNG ĐÔNG HAY CHÍNH SÁCH PHƯƠNG ĐÔNG.....	585
CHƯƠNG 14.1: TẦM QUAN TRỌNG CỦA LIÊN MINH VỀ MẶT QUÂN SỰ	599
CHƯƠNG 15: QUYỀN ĐƯỢC PHÒNG THỦ KHẨN CẤP.....	614
CHƯƠNG 15.1: CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP CÓ HOÀN TOÀN VÔ NGHĨA?	623
KẾT LUẬN	636

MEIN KAMPF – CUỘC TRANH ĐẤU CỦA TÔI

(ADOLF HITLER)

LỜI BAN BIÊN TẬP

Có một tác phẩm nổi tiếng khắp thế giới của Adolf Hitler từ năm 1924 mà cho đến thời điểm hiện tại ít ai biết đến vì chưa có phiên bản tiếng Việt. Với tên gốc là Mein Kampf, cuốn sách “Đời tranh đấu của tôi” trình bày tư tưởng và âm mưu của Adolf Hitler về Đế chế Đức khi ông ta lên nắm quyền. Chính vì sự hấp dẫn của tác phẩm đó nên BBT chia sẻ với quý bạn đọc trong mục chuyên đề kỳ này bằng tiếng Việt.

Nội dung trong tập 1 đề cập đến việc Hitler xách động vụ Đảo chính Nhà hàng bia ngày 8 tháng 11 năm 1923, nhưng bị đàn áp một cách đẫm máu, bị án tù bắt đầu từ ngày 1 tháng 4 năm 1924. Án tù này tạo cho Hitler một thời gian tĩnh lặng để suy nghĩ, phân tích và đặt ra những kế hoạch kinh thiên động địa cho tương lai, và cũng trong thời gian này Hitler đã viết lên tác phẩm Mein Kampf.

Hitler muốn đặt tựa đề cho quyển sách là “Bốn năm rưỡi tranh đấu chống lại những dối trá, ngu xuẩn và hèn nhát”, nhưng Max Amann, nhân viên quản trị cứng đầu trong ngành xuất bản của Quốc xã, người sẽ lo phát hành quyển sách, phản đối cái tựa nặng nề – và khiến cho sách khó bán chạy – nên đề nghị tựa là “Cuộc tranh đấu của tôi” (Mein Kampf). Amann cảm thấy thất vọng nào nê về nội dung... Thoạt tiên, ông đã hy vọng một câu chuyện cá nhân trong đó Hitler sẽ kể lại bước đường tiến thủ từ một anh “công nhân” vô danh ở Wien đến vị thế nổi tiếng cả thế giới. Nhà quản trị “cứng đầu” của Quốc xã cũng mong những chi tiết nội tình của vụ bạo loạn ở nhà hàng bia, tám kịch và trò nước đôi của ông chắc chắn sẽ khiến quyển sách thu hút người đọc. Nhưng Hitler đã quá khôn lanh về điểm này, không muốn khơi lại đồng tro tàn trong khi Đảng Quốc xã đang bị loại ra ngoài vòng pháp luật. Không có mấy lời nói đến vụ bạo loạn bất thành trong quyển Mein Kampf.

Trong tác phẩm Mein Kampf, Hitler diễn giải thêm tư tưởng của ông ta và áp dụng đặc biệt vào vấn đề không những phục hồi một nước Đức bị thất trận và nhieu nhượng đến một vị thế chưa từng đạt được bao giờ trước đây, mà còn tạo nên một quốc gia mới, một quốc gia dựa trên chủng tộc và quy tụ mọi người

Đức còn đang sống bên ngoài biên giới Đức. Trong quốc gia đó sẽ thiết lập chế độ độc tài tuyệt đối dưới quyền một Lãnh tụ – chính là ông ta – để ban hành mệnh lệnh cho một tầng lớp lãnh đạo nhỏ hơn, rồi những người này sẽ truyền lệnh xuống bên dưới.

Vì thế, quyền sách trước nhất vạch ra nước Đức tương lai và cách thức mà Đức sẽ trở thành “chủ nhân của thế giới”, như cách tác giả phát biểu ở trang cuối.

Làm thế nào để chế Đức mới sẽ chiếm lại vị thế cường quốc trên thế giới và từ đó làm chủ nhân của thế giới? Hitler suy nghĩ về câu hỏi này trong tập đầu tiên, phần lớn được viết trong thời gian ông ta ngồi tù năm 1924, rồi trở lại viết thêm chi tiết trong tập hai, được hoàn tất năm 1926.

Bành trướng ra nơi khác? Nơi nào? Về vấn đề này, Hitler dẫn đến trọng tâm của chính sách ngoại giao mà ông sẽ trung kiên theo đuổi khi trở thành nhà lãnh đạo Đức. Ông nói thẳng thừng: “Đức phải bành trướng về hướng Đông – chủ yếu là chiếm đất của Nga”.

Theo Hitler, Hoàng tộc Đức ngày xưa Hohenzollern đã sai lầm khi tìm kiếm thuộc địa xa xôi ở Châu Phi, nhưng đất ở Châu Âu đã bị chiếm hết rồi. Hitler nhận ra: “thiên nhiên đã không dành sẵn đất này đặc biệt cho quốc gia hoặc chủng tộc nào, đất này là để cho dân tộc nào có đủ sức mạnh mà lấn chiếm.” Nhưng nếu chủ nhân hiện tại phản đối thì sao? “Thế thì luật tự sinh tồn sẽ phát huy, nếu không có phương pháp ôn hòa thì phải dùng vũ lực.”

Theo Hitler, “chỉ có thể chiếm đất ở miền Đông... Nếu cần đất ở Châu Âu thì chỉ có thể chiếm lấy đất của Nga”.

Nếu một đầu óc bệnh hoạn suy nghĩ ra những tư tưởng mà người bình thường trong thế kỷ 20 thấy là quái đản thì không nói làm gì? Điều kỳ lạ là hàng triệu người Đức, sau khi đã đọc qua quyển Mein Kampf lại tiếp thu một cách cuồng tín luồng tư tưởng như thế, và còn bị tư tưởng ấy dẫn đến chỗ hủy diệt cho hàng triệu con người vô tội bên trong và đặc biệt bên ngoài nước Đức.

LỜI NGƯỜI DỊCH

Đời đầu tranh của tôi được viết theo văn phong của một người dân miền nam nước Đức thời kỳ hiện đại, một người tự học và có tài năng hùng biện. Dĩ

nhiên, hình ảnh ấy không hoàn toàn mô tả con người Hitler nhưng tôi nghĩ rằng nó hẳn phải lý giải một vài điều trong phóng cách của ông ta.

Khi ở Vienna, Hitler là một người rất ham đọc báo. Văn phong báo chí nước Áo, cứ như Karl Kraus nhận định, lại rất cầu thả, thiếu logic và rất giọng khoe mẽ. Hiên nhiên là chính sự đông đúc của người Czech, Hungary và những ngoại bang khác tới Áo để kinh thương nên thứ ngữ pháp người ta dùng trên báo chí trở nên vô cùng tệ hại.

Hẳn là Hitler đã đọc những cuốn sách nhỏ về lịch sử, tâm lý học, phân biệt chủng tộc và chính trị. Tuy vậy, Hitler chẳng hề muốn hệ thống hóa những gì mình đã đọc. Ông ta giữ lại hầu hết những kiến thức trong sách vở rồi tách rời những sự kiện muốn sử dụng cho mục đích riêng và nhặt ra những cụm từ mà năn khiêu hùng biện mách bảo ông cần ghi nhớ. Tuy thế, hầu hết những câu nói ông ta yêu thích xuất phát từ các vở nhạc kịch. Hitler thuộc nhiều trích dẫn nổi tiếng của Goethe và Schiller cũng như nhớ nhiều thuật ngữ hết sức khó hiểu của Wagner. Không có dấu hiệu nào khẳng định Hitler từng đọc các tác phẩm của tác giả Đức, hướng chỉ là các tác giả cổ điển nước ngoài, để có thể kết luận rằng ông ta chịu ảnh hưởng từ lối văn phong của các tác giả đó.

Hitler từng được coi là kẻ hoang tưởng; trong mọi trường hợp, quan điểm của ông ta đều nặng tính chủ quan cá nhân. Ngay cả khi bàn về những vấn đề có tính lý thuyết như là “nhà nước”, “chủng tộc”, v.v..., hiếm khi thấy ông ta theo đuổi một lập luận logic gắn kết với các chủ đề đó. Ông ta đưa ra những luận điệu khác thường mà chẳng buồn tìm cách chứng minh là mình đúng. Ít khi thấy có sự liên hệ rõ ràng giữa các đoạn văn trong tác phẩm của ông ta. Lập luận ở đây hoàn toàn mang tính tâm lý: Hitler đang đấu tranh chống lại bè lũ đối lập, tán dương thời phong về bản thân mình, tạo ra một thế giới không tưởng nào đó mà ở đây ông ta là nhân vật rất quan trọng. Trong một vài đoạn cụ thể hơn một chút, Hitler lại chiến đấu chống lại các đối thủ chính trị cùng tham gia phong trào với mình. Ngay cả khi đó, người đọc vẫn thấy rất khó hiểu vì chẳng bao giờ ông ta hé lộ mình đang lập luận chống lại ai nhưng lại đưa ra mọi mưu đồ chính trị và coi đó như là tôn chỉ hoạt động. Chính sự theo đuổi thuyết nhân cách đây đã biến Hitler thành một người có óc quan sát tồi. Văn phong của ông ta vắng bóng những sắc màu và sự chuyển động. Hiếm khi thấy có hình ảnh xuất hiện,

nếu có cũng chỉ lời nói thuần túy và khó mà lường tượng được, kiểu như “nền móng để kết thúc sự thống trị của người Đức trong nền quân chủ”, hay buộc “những kẻ kém mạnh mẽ hơn phải lui về chốn vô danh vĩnh hằng”. Sử dụng phép ẩn dụ là nét đặc trưng trong văn phong báo chí Đức thời hiện đại nhưng phải nói rằng Hitler là một chuyên gia thực tài về phép ẩn dụ. Chẳng hạn, ông đã mô tả Pöchner là “cái gai trong mắt các quan chức chính phủ dễ bị mua chuộc”.

Một tác giả không phải là người Đức có cùng trình độ như Hitler sẽ có lối hành văn theo một cách khác. Đức là đất nước có nền văn hóa đại chúng cao, với số lượng người đọc sách lớn nhất trên thế giới. Ở tầng lớp trung lưu, mong muốn được học hành là rất lớn. Người dân ở các nước khác hay đọc các tiểu thuyết nhẹ nhàng hay những tạp chí thông thường chứ người Đức thì đam mê những tác phẩm về nghệ thuật, khoa học, lịch sử và trên hết là triết học. Có những cụ từ triết học đã trở thành khuôn mẫu trong văn học báo chí. Hitler lúc nào cũng nói tới “các khái niệm” hay những thứ “theo đúng nghĩa của nó”. Không chỉ thế, ông ta còn luôn cố gắng tỏ ra mình cũng là một người có văn hóa. Đó là lý do để ông ta viết những câu văn dài dòng, khó hiểu mà chính bản thân ông ta còn thấy rối tinh lên chẳng biết đầu mà lặn; hay là dùng toàn những lời khoa trương khoe mẽ để mở đầu cho Chương Mười.

Sự thiếu tinh chuyển động và phát triển trong cuốn “Đời tranh đấu của tôi” hẳn là có liên quan tới việc Hitler ít chú tâm tới thế giới khách quan. Tuy nhiên cái lối diễn đạt chuồng sử dụng thể từ nhiều hơn đồng từ một lần nữa khẳng định Hitler chịu ảnh hưởng của văn phong báo chí Đức. Rất nhiều tác giả người Đức, trong đó có cả các học giả hàn lâm, dường như cho rằng thể từ là loại từ mạnh nhất và có tính cảm xúc sâu sắc nhất. Xu hướng chuồng thể từ còn thấy cả trong các báo cáo của giới cảnh sát Đức. Thay vì nói “người này bị bắt” họ sẽ nói là “việc bắt người này đã diễn ra”. Cách nói đó cũng là đặc điểm nổi bật nhất trong phong cách của Hitler.

Đôi khi, bên cạnh những câu cú nặng nề, tẻ nhạt, Hitler bỗng như bị đánh thức bởi một cơn thịnh nộ. Thế là ông ta vứt bỏ hành trang quen thuộc của mình và cho ra đời một bài diễn văn đầy tính hùng biện và chỉ trích mạnh mẽ.

Nét đặc trưng và khác thường trong phóng cách của Hitler nói chung không gây nhiều khó khăn cho dịch giả. Việc kết hợp phép ẩn dụ cũng thường thấy trong các ngôn ngữ nào. Một Hitler của ngôn ngữ Anh cũng có thể rườm rà dài dòng như một Hitler người Đức mà thôi; một nhà văn học hành dang dở, với những ý tưởng không được rành mạch cho lắm, thường cho rằng nếu nói một điều gì đó mà không lặp lại thì không nhấn mạnh được tầm quan trọng.

Tuy vậy có những nét tiêu biểu trong phong cách Hitler mang đậm đặc trưng ngôn ngữ Đức cũng khiến người dịch gặp khó khăn, chủ yếu là ở chỗ các câu văn rất dài và sử dụng nhiều thể từ và tiểu từ.

Một mặt, phải nói rằng, bản dịch sang tiếng Anh không nhất thiết phải thật hay về mặt ngôn từ nhưng phải thật sự là ngôn ngữ Anh, như thể là do các tác giả người Anh viết ra vậy. Nhưng mặt khác, thật sai lầm khi cố biến Hitler thành một người nói tiếng Anh bởi lẽ phong cách của Hitler nhất thiết phải thuần Đức.

Chỉ có người Đức mới viết những câu văn phức tạp dài dòng như vậy. Nhiệm vụ của người dịch ở đây thường ví như tài nghệ của diễn viên xiếc đi trên dây là phải thể hiện được cái buồn tẻ, chán ngắt, thậm chí phải truyền tải được cái hương vị Đức của tác phẩm, chứ không phải viết ra một thứ lai tạp Anh và Đức. Nói chung, tôi chỉ chia nhỏ các câu văn trong trường hợp khi dịch sang tiếng Anh, sự dài dòng làm cho người đó thấy quá khó hiểu. (Ngôn ngữ Đức với đặc trưng về giống và cách cho phép người đọc có thể hiểu được những câu dài dòng rắc rối trong khi ở những ngôn ngữ không biến hình điều đó rất khó thực hiện). Trái ngược hẳn quan điểm của nhiều người, nguyên bản tiếng Đức chỉ có một hoặc 2 câu mà thoát đọc tưởng chừng vô nghĩa.

Dùng thể từ lại là một vấn đề khác. Ở đây, sự thay đổi của dịch giả là cần thiết bởi trong rất nhiều trường hợp, việc sử dụng danh động từ không thích hợp lắm khi dịch sang tiếng Anh. Những kẻ ưa phô trương, các nhà chính trị hay mị dân, hay các thư ký ở sở cảnh sát không bao giờ viết như vậy. Tôi vẫn sử dụng cấu trúc đó chừng nào trong tiếng Anh người ta còn hiểu được nhưng ở nhiều chỗ tôi buộc phải bỏ cấu trúc đó đi. Một số tác giả người Đức có thể cho rằng việc sử dụng tràn lan các thể từ của Hitler làm mất vẻ đẹp của tiếng Đức, nhưng

thực tế lại cho thấy rất nhiều nhà văn Đức cũng làm như Hitler, trong khi đó nhược điểm này hầu như không tồn tại trong tiếng Anh.

Khi tìm hiểu cách sử dụng tiểu từ của Hitler, cần nhớ rằng Hitler sống ở vùng hạ Bavaria và chịu ảnh hưởng bởi phương ngữ vùng. Kể cả khi không phải do phương ngữ thì nhiều áng văn xuôi của tác giả Đức, ngay cả ở những tác phẩm không tòi, cũng thừa rất nhiều những từ vô nghĩa như: wohl, ja, denn, schon, noch, eigentlich, v.v... Ở vùng Nam Đức người ta còn nghiện sử dụng những từ như vậy, và phải đến một nửa các câu văn của Hitler sử dụng đầy rẫy các tiểu từ đó, đây là chưa nói đến những từ mà cá nhân Hitler hết sức chuộng như besonders và damals xuất hiện tràn lan không cần thiết. Thậm chí các tiểu từ mà Hitler sử dụng còn mang một ý nghĩa chính trị nhất định bỏ lẽ theo những bộ óc tư sản bé nhỏ, các tiểu từ, giống như những thứ đồ được chạm khắc, là hiện thân của những giá trị đặc trưng Đức. Hành vi tránh không dùng tiểu từ được coi là có tính ngoại lai và hiện đại. Tiếc là trong quá trình dịch, tôi buộc phải lược bỏ hầu hết các tiểu từ bởi không tìm được từ tương đương trong tiếng Anh.

Bản dịch này dựa trên bản đầu tiên. Những thay đổi thúc vị hơn trong các lần tái bản bằng tiếng Đức sau này đã được nêu ở mục ghi chú. Khi sự diễn đạt của Hitler thách thức tính cả tin của độc giả, tôi đã trích các dẫn các câu nguyên văn tiếng Đức trong mục ghi chú. Trăm nghe không bằng mắt thấy.

LỜI GIỚI THIỆU CỦA ABRAHAM FOXMAN

Gần sáu mươi năm sau khi Đại chiến thế giới lần 2 kết thúc, “Đời tranh đấu của tôi” vẫn không bị biến thành một tư liệu lịch sử thuần túy. Mở luận thuyết trong đó đã bị gạt ra từ lâu, ảnh hưởng hiện thời của cuốn sách cũng được hạn chế tới đa nhưng nó vẫn không chấp nhận trở thành một văn bản chính trị lỗi thời. Cứ nhắc đến cuốn sách xem, thế nào cuộc nói chuyện xoay quanh đó là sẽ trở nên rắc rối; nói đến cuốn sách này, vài nước khác còn tìm cách ngăn chặn việc dịch cuốn sách. Việc tái bản cuốn sách không phải là một sự kiện truyền thông quan trọng nhưng lại khơi dậy sự phản kháng, chống đối và đôi khi cả những vụ kiện cáo.

Ở một chừng mực nào đó, khả năng làm dấy lên sự tức giận ở nhiều người của cuốn sách lại bắt nguồn từ chỗ thật không may, nó vẫn tiếp tục là

nguồn cảm hứng của nhiều người khác. Cuốn “kinh thánh của chủ nghĩa quốc xã” đã tìm thấy thế hệ tín đồ mới của mình, những kẻ cuồng tín của Đệ tam Quốc xã. Nhận thức được điều này, nhiều người không muốn cuốn sách này được tái bản. Đối với học giả cần nghiên cứu, họ hoàn toàn có thể tìm thấy cuốn sách ở thư viện hay ở các tiệm sách cũ. Một số người cho rằng tốt hơn là chẳng nên làm cho “Đời tranh đấu của tôi” trở nên dễ tìm dễ kiếm bởi nó có thể rơi vào tay những kẻ âm mưu khơi lại cái phong trào mà tác giả cuốn sách đã khởi xướng.

Lập luận này đáng được xem xét nghiêm túc và đã được chính phủ nhiều nước Châu Âu chấp nhận. Những nước này đã kiểm soát việc phát hành và truyền bá các tài liệu về quốc xã theo nhiều cách khác nhau. Bộ tài chính Bang Bavaria hiện giữ bản quyền của “Đời tranh đấu của tôi” và luôn từ chối các đề nghị trích dẫn hay tái bản cuốn sách. Nhiều nước Châu Âu xiết chặt hơn việc bán các ấn bản của “Đời tranh đấu của tôi” cho các nhà học thuật uy tín. Tháng 12 năm 2000, một nhà xuất bản tiếng Czech của cuốn sách này.

Trong mắt nhiều người dân nước Mỹ, các biện pháp này được xem là cực đoan. Người Mỹ chúng ta yêu thích Tu chính án đầu tiên về nhân quyền và đặc biệt ghét sự kiểm duyệt. Tuy vậy cũng đừng quên rằng, chúng ta đã may mắn trải qua hai thế kỷ ở Mỹ trong bình ổn về chính trị và an toàn bờ cõi, trong khi đó các nước Châu Âu không may mắn được như vậy. Họ đã phải chịu đựng chủ nghĩa quốc xã và những hoạt động, chống phá xã hội trên chính mảnh đất của mình. Chúng ta cần trân trọng những nỗ lực của các nước đó nhằm kiểm soát tàn dư của chủ nghĩa cực đoan, cho dù ở Mỹ chúng ta có những biện pháp khác với họ.

“Đời tranh đấu của tôi” đưa ra một vấn đề sâu sắc hơn nhưng lại không liên quan tới những mối quan tâm thực tế như là kiểm soát chủ nghĩa cực đoan. Nó khơi dậy sự lo lắng và bất ổn. Nó che đậy những âm mưu dã man, tàn bạo và làm cho người ta không ý thức được điều đó. Khi bất chợt gặp những điều đẹp đẽ, lẽ tự nhiên chúng ta đều muốn phô bày sự đẹp đẽ ấy; ở đây mọi thứ đi theo chiều ngược lại và có thể thấy rõ ý đồ xóa sạch sự xấu xa đồi bại che giấu trong cuốn sách.

Chúng ta không nên để sự căm dỗ ấy lôi cuốn bản thân. “Hãy xóa hẳn ký ức Amalek khỏi dưới gầm trời,” Kinh thánh đã dạy như vậy khi nói về một trong những kẻ thù truyền kiếp của người Israel; nhưng thực tế là chính Kinh thánh lại khơi dậy ký ức về lũ người hiểm ác đó ở khắp nơi trên trái đất và lưu truyền nó qua bao nhiêu thời gian. “Hãy ghi nhớ,” chúng ta được dạy như thế, không chỉ là ghi nhớ những nạn nhân mà phải ghi nhớ cả những tội ác đã xảy ra với họ. Ghi nhớ tội ác để khước từ tội ác; khước từ tội ác nhưng không được quên tội ác. Hãy ghi nhớ, và vì thế chúng ta lưu giữ cuốn kinh thánh của Đảng quốc xã.

Sự ghi nhớ tiếp thêm sức mạnh cho những sống sót, xoa dịu nỗi đau của những gia đình có người thân đã bỏ mạng, và là tài sản cuối cùng mà những người đã hy sinh để lại cho chúng ta. Còn hơn thế sự ghi nhớ những vụ thảm sát người Do thái dưới thời Hitler, nhớ những nguyên nhân, tiến trình diễn ra hậu quả của nó, giúp chúng ta hiểu hơn về tội ác diệt chủng và nhận thức được nguy cơ hiểm họa từ các cuộc xung đột sắc tộc.

Trước khi các vụ thảm sát xảy ra, các nước phương Tây không có nhiều kinh nghiệm về những vấn đề sắc tộc. Bởi vậy, chúng ta đã bỏ qua những điểm báo tai họa: nhiều người bị tước quyền tự do công dân tại Đức ngay từ năm 1933, trại tập trung Dachau được thiết lập cũng trong năm đó (đây là nơi giam giữ các tù nhân chính trị đối lập với chính phủ), Quốc hội Đức thông qua Luật chủng tộc Nuremberg vào năm 1935. Tất cả những động thái này nhẽ ra phải cảnh tỉnh chúng ta về mối hiểm nguy mà Hitler mang đến. Cái đích cuối cùng của Hitler nhằm tới đã được phơi bày rất rõ ràng trong cuốn “Đời tranh đấu của tôi” ngay từ khi nó xuất hiện vào những năm 1926, đó là: tiến hành tái vũ trang, thủ tiêu chế độ dân chủ, bành trướng lãnh thổ, thực hiện thuyết ưu sinh, loại trừ mối nguy dân Do thái. Hẳn là các nước phương Tây đã không chú ý tới Đời tranh đấu của tôi khi nó được xuất bản. Khi đó người ta cho rằng đây chỉ là cuốn sách mang tính lý thuyết và Hitler còn thiếu một chương trình hành động rõ ràng để có thể đạt được những mục đích mà ông ta nêu ra trong cuốn sách. Trên thực tế, Hitler đã tiến hành từng bước cụ thể để hiện thực mục tiêu của mình. Tuy vậy, không ai có bất kỳ hành động nào cả. Ngay cả đến những năm 1940, khi báo cáo về các trại tập trung giết người được công bố, chúng ta vẫn cư

xử với Hitler theo đúng khuôn khổ các quy ước quân sự; chúng ta hiểu rõ về chiến tranh nhưng lại không thể hiểu đúng nỗi sự diệt chủng, ngay cả khi mọi chứng cứ phơi bày ngay trước mắt. Thậm chí cho đến hôm nay, chúng ta vẫn muốn nhắm mắt làm ngơ trước tội ác diệt chủng trong Thế chiến lần thứ hai, vẫn muốn xem nạn thảm sát người Do thái là một hậu quả phụ của một cuộc xung đột chính trị, dù thảm khốc nhưng cũng bình thường như những cuộc xung đột khác. Những nỗ lực tiến hành có hệ thống nhằm tận diệt cả một cộng đồng tôn giáo hay một nhóm sắc tộc là một ý tưởng đáng ghê sợ tới mức bản năng con người khiến chúng ta không dám nhìn thẳng vào nó.

Tuy nhiên, người ta đã dần dần hiểu ra bài học đó. Khái niệm diệt chủng ra đời vào năm 1944. Bốn năm sau Hội đồng Liên hiệp quốc chính thức coi diệt chủng là hành vi vi phạm pháp luật của quốc tế. Vụ xét xử các tội phạm chiến tranh Đức Quốc xã tại tòa án quốc tế Nuremberg năm 1946 là một sự kiện bất ngờ nhưng kể từ đó những vấn đề cơ bản của “tội ác chống nhân loại” đã được làm rõ và các tòa án tội phạm chiến tranh đã trở thành một khía cạnh được chấp nhận trong nghệ thuật lãnh đạo đất nước. Trong những năm 1940, người Do thái bị nạn phải đối mặt với việc đóng cửa biên giới và thái độ thờ ơ, dửng dưng của các nước phương Tây. Ngày nay, các nước này đã được học về lòng trắc ẩn dành cho người bị nạn. Bị kịch và may mắn thay, chính nạn thảm sát dân Do thái lại giúp nhân loại có được những bước tiến mới trong văn minh loài người.

Phải thừa nhận rằng chúng ta còn phải học rất nhiều điều nữa. Tội thảm sát dân Do thái đã xảy ra ở một đất nước văn minh, nơi sản sinh các chiến binh kiên cường trên mặt trận; nạn nhân của tội ác ấy rất rõ ràng và hầu hết không có khả năng tự vệ. Ấy thế nhưng gần đây, chúng ta vẫn phải đương đầu với các vụ diệt chủng thảm khốc ở các nước thuộc “Thế giới thứ ba”, nơi mà những người hôm nay là nạn nhân, ngày mai có thể trở thành tội nhân, nơi mà các khối đồng minh luân phiên thay đổi và sự hỗn loạn khắp mọi nơi ngăn cản nỗ lực cứu trợ những người đang cần được nhiều điều hơn về những hiểm họa mà người phụ nữ phải đối mặt trong các cuộc xung đột liên quan tới sắc tộc. Gần đây, chính quyền Taliban ở Afghanistan đã bắt người Hindu phải đeo phù hiệu nhận dạng. Những lời cảnh báo quốc tế lại vang lên; chúng ta nhớ đến biểu tượng ngôi sao vàng mà Đức quốc xã bắt người Do thái phải đeo theo hơn năm mươi năm

trước. Phù hiệu ấy là đặc điểm nhận dạng của những người thuộc “giống khác”, điềm báo nạn khủng bố tàn khốc sẽ xảy ra. Thế giới ghi nhận những nỗ lực của Taliban và chăm chỉ theo dõi hoạt động của cái chính quyền hỗn loạn đó.

Chúng ta lưu giữ cuốn “Đời tranh đấu của tôi” trên tinh thần ghi nhớ những gì đã diễn ra; chúng ta nghiên cứu nó với hi vọng bảo đảm một tương lai sáng lạng hơn cho nhân loại.

Những người tìm đến cuốn Đời tranh đấu của tôi với mục đích tìm ra sự thật về con người Hitler và quá trình nắm quyền lực của ông ta, hẳn sẽ thất vọng hay tệ hơn nữa, họ sẽ bị đánh lừa. Các nhà sử học đã ghi nhận rằng những đoạn viết dài dòng mang tính tự truyện trong cuốn sách là sự thổi phồng, phóng đại và thể hiện những nỗ lực vô thường vô phạt của tác giả nhằm tô vẽ chân dung bản thân. Cần phải hiểu những đoạn viết đó như là một phần của sự tuyên truyền, trong đó tác giả chủ động bỏ qua, xuyên tạc và bóp méo những dữ kiện nhằm tạo ra hiệu ứng mong muốn.

Quãng thời gian giữa năm 1924 và 1926, khi Hitler viết cuốn Đời tranh đấu của tôi, là lúc ông ta đang nỗ lực đánh bóng bản thân mình. Từ năm 1921, Hitler là thủ lĩnh Đảng Lao động Đức, một đảng liên Đức khá nhỏ quy tụ ở Munich. Với tài hùng biện sôi nổi, Hitler đã thành công khi đưa tổ chức đảng của mình lên bản đồ chính trị bang Bavaria. Tuy nhiên, vào lúc đó, chẳng hề có dấu hiệu nào cho thấy Hitler hay đảng phái của ông ta sẽ thành công ở phạm vi quốc gia. Trên thực tế, Hitler viết cuốn sách Đời tranh đấu của tôi khi đang chịu án tù vì tội cầm đầu vụ bạo loạn chống chính quyền Bavaria và đã thất bại một cách khôi hài.

Cuộc sống thời thơ ấu của Hitler lại càng không có gì là cao sang như ông ta thể hiện vào năm 1926. Mất cả cha và mẹ ở tuổi 18, Hitler ở một mình tại khu nhà trọ dành cho nam sinh ở Linz và Vienna. Dù mơ mộng trở thành họa sĩ, Hitler lại trượt cả hai lần thi vào Học viện Mỹ thuật và chưa bao giờ tiến xa hơn bậc trung học. Ông ta dành phần lớn thời gian trong phòng đọc của khu nhà trọ. Ông sống nhờ số tiền trợ cấp ít ỏi cho trẻ mồ côi và tiền bán các tấm bưu thiếp do ông ta tự vẽ. Tháng 2 năm 1914 Hitler đăng ký tham gia quân đội Áo nhưng bị từ chối vì không đủ sức khỏe. Thành công lớn nhất đến với Hitler khi ông ta

phục vụ trong quân đội Bavaria. Ông đã từng là giao liên trong Thế chiến thứ nhất và sau đó là chính trị viên tuyên truyền.

Mãi tới giữa những năm 1920 Hitler mới bộc lộ mong muốn trở thành lãnh đạo trên chính trường nước Đức. Ngay cả khi đã kiểm soát Đảng Lao động Đức, Hitler vẫn tập trung cho tuyên truyền và những nỗ lực nhằm kích động người dân Đức bằng những thông điệp bài dân chủ, nói về chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa bảo thủ kinh tế, và thuyết chủng tộc thượng đẳng. Ông ta tổ chức các cuộc mít-tinh và diễu hành, bắt đầu nhúng tay vào các hoạt động chính trị ở Đức.

Ngay cả ở thời điểm cuộc đảo chính tại nhà hàng bia thất bại vào năm 1923, Hitler vẫn xem mình như một tay đánh trống hô hào cho chủ nghĩa dân tộc hơn là một chính khách hay một vị lãnh tụ tiềm năng.

Tuy nhiên, vào giữa những năm 1920, khi xung quanh toàn những đảng viên cuồng tín và phấn chấn bởi thứ quyền lực gần như là độc tài mà mình đang nắm giữ trong Đảng Lao động, Hitler ngày càng thấy mình không còn chỉ là một kẻ gây kích động bạo loạn. Với Hitler, gây dựng sự nghiệp chính trị trở thành một sứ mệnh và các bài diễn thuyết của ông ta ngày càng tập trung vào vấn đề hợp nhất những thành phần cứng đầu cứng cổ của chủ nghĩa dân tộc vào dưới mái trường của mình. Đời tranh đấu của tôi là sự nỗ lực của Hitler nhằm xóa đi hình ảnh một chính trị gia mị dân cơ hội và chiếm lấy vai trò người dẫn dắt, một lãnh tụ anh hùng, người cứu nước Đức khỏi sự suy yếu và hỗn loạn. Giọng điệu của cuốn sách cho thấy một sự tự tin, nếu không nói là hoang tưởng tự đại. Hitler diễn tả cuộc đời của mình như một biên niên sử về một Đảng cứu thế đang trông chờ khoảnh khắc cứu rỗi thần dân của mình. Theo như các nhà sử học đã chỉ ra, trong khi tìm cách tạo ra hiệu ứng đó, Hitler lờ đi không hề nói đến những sai lầm hay sự do dự, dao động của mình nhưng lại cố làm cho mình được khen ngợi vì những thành tựu mà thực tế là do người khác tạo ra.

Chẳng hạn, Hitler đã kịch hóa khi nói về quyết định gia nhập Đảng Lao động Đức (sau này đổi tên thành Đảng Quốc xã, hay Đảng Nazi) vào năm 1919. Ông ta mô tả việc đó diễn ra thật khó khăn và rằng ông ta chỉ đưa ra quyết định sau khi đã tự vấn lương tâm một cách sâu sắc. Điều đó là nhằm tô vẽ chân dung bản thân như một vĩ nhân chưa lộ diện đang cố gắng cân nhắc với sự cẩn trọng

cao độ về việc nên hướng tài năng của mình vào đâu, hàm ý rằng vận mệnh của một dân tộc có thể phụ thuộc vào quyết định của ông ta. Ấy thế nhưng nhà viết tiểu sử Ian Kershaw đã nhận thấy sự gia nhập đó không phải hoàn toàn do Hitler tự quyết định. Chính cấp trên ông ta, Đại tá Karl Mayr “sau này khẳng định rằng ông ta đã ra lệnh cho Hitler phải gia nhập đảng và làm cho nó lớn mạnh hơn”. Mô tả của Hitler trong cuốn *Đời tranh đấu* của tôi khẳng định tuyệt đối rằng, ông ta là thành viên thứ bảy của Đảng, và như thế với số lượng ít ỏi người tham gia khi ấy ông ta trở thành một trong một trong số các thành viên sáng lập của Đảng, một điều mà ông ta rất thích kể lại những năm sau này. Tuy nhiên trên thực tế Đảng Lao động Đức khi đó đã có 554 thành viên. Sự thật được chính Anton Drexler, vị chủ tịch đầu tiên của tổ chức này chỉ ra trong lá thư viết nhưng không gửi cho Hitler: “không người nào biết rõ hơn ngài, thưa Lãnh tụ, rằng ngài chưa bao giờ là thành viên thứ bảy của Đảng, nhưng trong điều kiện kiện thuận lợi nhất là thành viên thứ bảy của Hội đồng, tôi đã đề nghị ngài gia nhập và giữ trọng trách tuyển mộ thành viên cho Đảng. Mấy năm sau, tôi đã buộc phải trình bày với một vị lãnh đạo của Đảng rằng chiếc thẻ đảng viên DAP của ngài có chữ của Schuissler và tôi thực ra là giả mạo, trên đó con số 555 đã được xóa đi và thay vào là con số 7”.

Và như thế, *Đời tranh đấu* của tôi được xem là nguồn tài liệu lịch sử không đáng tin cậy đâu rằng nó có thể hữu ích cho nhiều sử giả có tài phát hiện ra những lời dối trá, những sự bỏ sót cố ý và những điều chỉ có một nửa là sự thật trong cuốn sách đó.

Dĩ nhiên hầu hết nội dung trong *Đời tranh đấu* của tôi là sự thuyết trình của Hitler về những tư tưởng của ông ta chứ không phải là mô tả lịch sử. Như vậy, giá trị của cuốn sách có lẽ nằm ở chính sự trình bày giảng giải về các ý tưởng của Hitler.

Có lẽ vậy. Tuy nhiên, ở đây chúng ta cũng phải xem xét nó thật cẩn trọng, không nên làm cho người đọc bị mê muội bởi những gì Hitler đã viết. Được sáng tác từ những năm đầu hoạt động chính trị của Hitler, *Đời tranh đấu* của tôi né tránh những vấn đề có thể khiến Hitler mất đi sự ủng hộ của quần chúng; dẫn chứng rõ ràng nhất là việc của Hitler tuyệt nhiên không nhắc tới các vấn đề của

Cơ đốc giáo, dù sự chống đối đạo giáo này của ông ta thể hiện rõ ràng trong nhiều tài liệu.

Không những vậy, chúng ta cũng không nên xem cuốn Đòi đấu tranh của tôi như phần mở đầu trong kế hoạch của Hitler. Thực ra ông ta đã hiểu bản thân như một nhà tư tưởng; có những lúc ông ta không hề nói đến những chi tiết mà để hiện thực hóa quan điểm của mình ông ta cần phải làm. Chẳng hạn, Hitler đã hết sức cụ thể khi viết về các tổ chức công đoàn, về sự kiểm soát giới truyền thông và các đồng minh nước ngoài, nhưng lại là không chi tiết lắm khi mô tả hệ thống giáo dục của một nhà nước Đức lý tưởng hay kế hoạch thủ tiêu căn bệnh giang mai. Hitler hay viết về mối nguy hiểm mà người Do thái có thể đem tới cho người Đức, cho thế giới, và vẽ ra viễn cảnh một ngày nào đó người Đức sẽ bắt người dân Do thái phải đền tội, và rõ ràng ông ta sẽ tiêu diệt hiểm họa Do thái. Ấy thế nhưng ông ta lại chẳng đưa ra một chi tiết nào về chuyện sẽ thực hiện điều đó ra sao.

Độc giả cũng không nên xem “cuốn kinh thánh của Chủ nghĩa Quốc xã” là sự thể hiện tiến bộ nhất của tư tưởng Đức quốc xã. Điều đó có lẽ nên thuộc về Alfred Rosenberg với cuốn Thần thoại thế kỷ hai mươi xuất bản năm 1930 (Hitler chưa từng đọc cuốn này). Theo nhà sử học Hajo Holbrn, sức mạnh của Hitler trong tư cách một nhà tư tưởng nằm ở chỗ “biết biến những ý tưởng đơn giản thành những điều thậm chí đơn giản và khi tin vào những điều đó là thực ra ta đã đạt tới sự thông thái cao hơn”. Bất chấp những nỗ lực mà những kẻ theo chủ nghĩa Quốc xã và cả những kẻ không ủng hộ Quốc xã ở phương Tây đã thực hiện nhằm đưa Hitler vào hàng ngũ các triết gia vĩ đại của Đức, sách cùng Leibniz, Kant, Fuchite, và Hegel. Hitler vẫn gầy ẳng tượng như một kẻ phân biệt chủng tộc ít học và sùng bái chủ nghĩa dân tộc. Hitler được ví với Adolf Lanz (gọi là Lanz von Liebenfels), ông chủ của tờ báo lá cải bài Do thái Ostara, và Houston Stewart Chamberlain, tác giả cuốn Nền móng của thế kỷ hai mươi nổi tiếng, viết về chủ nghĩa phân biệt chủng tộc.

Những đóng góp ý tưởng của Hitler có thể tìm thấy qua những phát biểu rõ ràng và đầy sức thuyết phục về vô số các luận thuyết mà người ta thường bàn đến đầu những năm của thế kỷ 20, chứ không phải là trong những lý thuyết do chính ông ta đưa ra. Nhiều ý tưởng trong cuốn sách Đòi đấu tranh của tôi đã

được các tổ chức chính trị ở Đức, Châu Âu và thậm chí cả Hoa Kỳ thu nạp ở nhiều mức độ khác nhau, trước cả khi Hitler tập hợp chúng lại thành cơ sở nền móng của chủ nghĩa Quốc xã. Chẳng hạn, thái độ chỉ trích nền dân chủ của Hitler thường được so sánh với chủ nghĩa phát xít ở Ý. Cũng trong cuốn sách này Hitler bộc lộ sự lo ngại và không tin tưởng vào chủ nghĩa Marx; thực tế là không thể có mình Hitler nghĩ như vậy. Chủ nghĩa Do thái dù được tuyên trắng án sau hơn mười năm bị buộc tội vô căn cứ; Mật thư của các trưởng lão Do thái bị coi là giả mạo cho đến tận năm 1921 nhưng trước đó đã được công bố hàng kỳ trên tờ tạp chí Dearborn độc lập của Henry Ford (Hoa kỳ) người do thái bị cấm không được vào các khách sạn hay tham gia các câu lạc bộ. Ngay cả Winston Churchill, người được coi là thần báo ứng của Hitler, cũng từng công khai nói về “liên minh quỷ dữ” của “dân Do thái quốc tế” khi nhắc tới chủ nghĩa cộng sản.

Chất keo mà Hitler sử dụng để kết dính các mảng ý tưởng lộn xộn của mình chính là những quan điểm cực đoan của thuyết Darwin xã hội thiên về phân biệt chủng tộc, nhưng ngay cả ý tưởng này cũng không chỉ giới hạn trong phạm vi nước Đức. Khoa học hiện đại về chủng tộc đã có bước tiến với thời đại Khai sáng, là khi sự phân biệt giữa các chủng tộc “có văn hóa” và “man rợ” từ thời Aristote lại sống dậy và xuất hiện các khái niệm “văn minh” và “nguyên thủy”. Bằng cách khẳng định một số chủng tộc thừa kế tính “nguyên thủy”, những người da trắng thuộc thời kỳ khai sáng có thể bào chữa cho hành vi áp bức người nô lệ da đen và âm mưu thiết lập chủ nghĩa đế quốc ở những nơi như Châu Phi. Sự khác biệt giữa các chủng tộc được minh chứng bằng các kỹ thuật khoa học như nhân trắc học (là kỹ thuật tập hợp và nghiên cứu các đo đạc chính xác chỉ số cơ thể người); sau đó các chủng tộc sẽ được xếp hạng rất độc đoán trong đó người Châu Âu luôn giữ vị trí cao nhất.

Các học thuyết về chủng tộc ngày càng trở nên cực đoan khi được kết hợp thêm với các quan điểm trong học thuyết Darwin đã lan rộng ở các nước phương Tây từ nửa thế kỷ 19. Ý tưởng về sự tiến hóa và “sự sống sót của kẻ mạnh nhất” được áp dụng vào vấn đề chủng tộc đã được đưa lên lịch sử nhân loại, và cả thế giới đương đại, trở thành lịch sử của xung đột sắc tộc. Khi sóng đôi cùng chủ nghĩa dân tộc, thuyết Darwin chủng tộc (hay Darwin xã hội) đã tạo

ra các nguyên mẫu dân tộc, vì vậy, những người được giáo dục ở cuối thế kỷ 19 có thể tuyên bố nghiêm túc rằng các đặc trưng độc đáo về văn hóa của người Anh, Pháp, Mỹ và Đức là có cơ sở sinh học. Ở Anh, các nước trên bán đảo Scandinavia và Mỹ, đẩy lên các phong trào ủng hộ thuyết ưu sinh với các mục tiêu là cải thiện “dòng dõi” cho dân tộc bằng sinh sản chọn lọc (về sau này được xem là có mối quan hệ chặt chẽ với bộ máy Đức quốc xã).

Lý thuyết chủng tộc của Hitler đã gắn kết mọi triết lý của ông ta lại với nhau. Chủ nghĩa Đại Đức, chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa bài Do thái điên cuồng, tư tưởng chống chủ nghĩa Marx, và cả những lý thuyết về xung đột sắc tộc đều dẫn Hitler tới triết lý Mani giáo về chủng tộc Aryan và Do thái. Mỗi một khía cạnh trong hệ tư tưởng Hitler đều tồn tại ở đâu đó; thành công của Hitler nằm ở chỗ ông ta đã liên kết chúng lại với nhau thành một thứ rượu dễ làm người ta say mà những tên người Đức đờ đẫn bại và đang tranh giành quyền lợi kinh tế không sao khước từ được. Mặc dầu những người khác có thể đưa ra cương lĩnh quốc xã theo một cách tinh tế hơn nhưng những điều mà Hitler đã vạch ra trong cuốn sách của mình và nhiều bài phát biểu khác lại có khả năng kích động người dân Đức theo những cách không ai làm nổi.

Có lẽ bài học chúng ta rút ra từ Đời tranh đấu của tôi là quan trọng nhất. Nhược điểm của cuốn sách có vẻ thật rõ ràng; lối viết tàn nhẫn, sự lạc đề có phần non nớt, và thái độ say mê bản thân quá mức rất dễ dàng nhận ra ngay cả với vị độc giả bình thường nhất. Các lý thuyết của nó thật cực đoan, vô đạo đức, và thậm chí nếu thật sự áp dụng có thể dẫn tới chiến tranh và thảm họa. Nhưng bằng một cách nào đó, cuốn sách và tác giả của nó lại được chấp nhận ở một dân tộc văn minh và các kế hoạch điên rồ của nó thậm chí đã được thực hiện. Cuốn sách vẽ ra về chủ nghĩa dân tộc cực đoan, phân biệt chủng tộc, bành trướng lãnh thổ, thái độ coi thường kiểu phát xít dành cho dân chủ và nhân quyền, đôi khi có vẻ như bức tranh tự biếm họa, ấy thế mà cuốn sách đã từng được phát miễn phí cho tất cả các đôi vợ chồng người Đức vừa kết hôn suốt từ những năm 1930 và sau đó. Nếu chúng ta đọc cuốn sách kỳ quặc này và gắn với bối cảnh lịch sử xung quanh nó, sự tung hô Seig Heils điên cuồng, các cuộc mít-tinh lớn, sự truyền bá tư tưởng phân biệt chủng tộc cuối cùng là sự dã man và tư tưởng diệt chủng mà cuốn sách đã khơi dậy, chúng ta sẽ có được bức tranh toàn

cảnh lịch sử ở thời điểm đó, có thể mở ra cánh cửa dẫn tới một thế giới khác với thế giới chúng ta đang sống.

Trong Đòi tranh đấu của tôi, Hitler đã vẽ ra thế giới tương lai bằng cái nhìn đen tối của bản thân. Nhiều năm trôi qua trước khi Hitler giành được quyền lực để hiện thực hóa bức tranh của mình, nhưng sự tồn tại của cuốn sách phủ nhận luận điệu của thế giới khi cho rằng mình không biết gì về điều đó. Chúng ta đã bỏ qua sự thật rằng Hitler là kẻ điên rồ và cùng phớt lờ trước cuốn sách có thể gây nên thảm họa của ông ta. Kết quả là chúng ta phải chịu đựng tâm bi kịch thảm khốc nhất chưa từng có trong lịch sử. Vẫn còn một điều nữa chúng ta có thể rút ra từ Đòi tranh đấu của tôi: bài học về sự cảnh giác và trách nhiệm, không làm ngơ trước những tội ác xung quanh ta. Kể từ Thế chiến thứ hai, nhân loại đã có thể bước tiến tích cực theo chiều hướng này. Đảm bảo cho xu hướng văn minh ấy tiếp tục phát triển là trách nhiệm của mỗi chúng ta.

LỜI TỰA

Ngày 1 tháng 4 năm 1924, theo phán quyết của Toàn án Nhân dân Munich, tôi bắt đầu những ngày tháng bị giam cầm tại pháo đài Landsberg am Lech.

Lần đầu tiên sau bao nhiêu năm làm việc liên tục, tôi có cơ hội bắt tay vào một công việc mà nhiều người mong mỏi tôi thực hiện và cũng là công việc mà tôi thấy sẽ đóng góp nhiều cho phong trào. Tôi quyết định viết hai tập sách về mục đích và quá trình hình thành phát triển của phong trào. Qua các cuốn sách này, các bạn sẽ học được nhiều điều hơn bất kỳ thứ luận thuyết thuần túy giáo điều nào.

Viết sách cũng là cơ hội tôi giải bày về quá trình tôi trưởng thành, ở chừng mực nào đó sẽ giúp các bạn hiểu rõ hơn nội dung cuốn sách và xóa bỏ những chuyện bịa đặt dối trá mà bọn người Do thái đã rêu rao về tôi trên báo chí.

Cuốn sách này không dành cho những kẻ ngoài cuộc mà dành cho những con người trung thành đã gắn bó với phong trào bằng cả trái tim, cho những trí tuệ vẫn thiết tha tìm đến sự khai sáng tuyệt đối. Tôi hiểu rằng con người thường dễ bị đánh bại bởi lời nói hơn là những gì được viết ra. Tôi cũng hiểu rằng sự

lớn mạnh của tất cả những phong trào lớn trên trái đất đều là nhờ vào những nhà hùng biện vĩ đại chứ không phải là những đại văn hào.

Tuy vậy, một học thuyết muốn được truyền bá một cách thống nhất và chặt chẽ về lý luận thì cũng cần được ghi chép để lưu lại. Với mục đích ấy, tôi mong muốn cuốn sách này sẽ là nền móng để từ đó chúng ta cùng xây nên ngôi nhà chung.



TẬP I: TOAN TÍNH

CHƯƠNG 1: Ở NHÀ BỐ MẸ

Ngày hôm nay, dường như số phận đã ưu ái tôi khi chọn thành phố Braunau bên dòng sông Inn là nơi tôi sinh ra. Thành phố nhỏ bé này nằm ở ranh giới giữa hai bang của nước Đức nên ít ra thể hệ trẻ bọn tôi cũng phải gắng gáp nhất bằng mọi giá và xem đó là sự nghiệp cả đời.

Nước Áo-Đức phải trở về đất mẹ Đức vĩ đại, nhưng không phải vì bất kỳ toan tính kinh tế nào. Không, ngàn lần không, ngay cả khi xét từ góc độ kinh tế, sự hợp nhất đó chẳng ích lợi gì. Đúng thế, ngay cả khi việc đó là có hại thì nhất thiết vẫn phải tiến hành. Mỗi dòng máu đều đòi một đế chế. Nước Đức sẽ không bao giờ có quyền can dự vào chính trị vùng thuộc địa trừ khi đưa con của Đức lại trở về với mẹ trong một ngôi nhà chung. Chỉ khi nào Đế chế còn lại một người Đức cuối cùng mà không thể đảm bảo được bánh mì hàng ngày cho anh ta, lúc đó mới có giành lấy đất đai ngoại bang từ chính nỗi thống khổ của người dân chúng ta. Lưỡi kiếm của họ sẽ trở thành cày cuốc cho chúng ta và bánh mì cho thế hệ tương lai sẽ mọc lên từ nước mắt của cuộc chiến tranh. Vì thế, với tôi, cái thành phố vùng biên giới này là biểu tượng của một sứ mệnh vĩ đại. Nói cách khác, nó là lời nhắc nhở tôi về ngày hôm nay. Hơn một trăm năm trước, vùng đất tầm thường này đã được trao sứ mệnh lưu danh sử sách, chí ít là trong lịch sử nước Đức, bởi đây là nơi chứng kiến một thảm họa bi kịch làm chấn động khắp nước Đức. Vào lúc nổi sĩ nhục quốc gia lên đến đỉnh điểm thì chính tại đây, Johannes Palm, một dân thường, một người bán sách, một người theo chủ nghĩa dân tộc không thỏa hiệp và một người căm thù quân Pháp, đã hy sinh cho nước Đức mà ông ta yêu say đắm ngay cả khi đất nước đang trong cơn hoạn nạn. Ông đã kiên quyết từ chối khai báo các cộng sự cũng đồng thời là cấp trên của mình. Ông làm nhớ đến Leo Schlageter. Giống như Schlageter, ông đã bị chính một thành viên trong chính phủ tố cáo. Cái tiếng tăm chẳng ai thèm muốn ấy đã thuộc về một tên cảnh sát trưởng ở Ausburg. Đó cũng là một ví dụ về hình ảnh bọn quan chức chính phủ trong đế chế của ngài Severing.

Cái thành phố bé nhỏ bên dòng sông Inn này, nơi ánh lên những tia hy vọng của những số phận Đức thống khổ, nơi thuộc về Bavaria từ trong máu thịt nhưng lại là đất của bọn Áo, cũng chính là nơi bố mẹ tôi sống trong những năm

1880. Bố tôi là một công chức mẫn cán còn mẹ tôi thì dành cả đời để chăm sóc gia đình và hiến dâng cho bọn trẻ chúng tôi tất cả sự chăm sóc và tình yêu thương bất tử. Tôi không nhớ nhiều lắm về những ngày tháng sống ở đây vì chỉ vài năm sau, bố tôi buộc phải rời bỏ cái thành phố bé nhỏ mà ông hằng yêu quý, chuyển xuống vùng hạ lưu sông Inn để nhận một công việc mới tại Passau.

Ngày đó, việc di chuyển liên tục là chuyện thường thấy ở các cán bộ hải quan nước Áo. Ít lâu sau, bố tôi được cử tới Linz. Tại đó ông về hưu và sống bằng trợ cấp hưu trí. Ấy thế nhưng điều đó không có nghĩa là thoải mái với một người già cả như bố tôi. Là con trai của một nông dân nghèo, khi còn trẻ, ông không thể chịu nổi việc ngồi ở nhà. Chưa đầy mười ba tuổi, ông đã khoác ba lô trốn khỏi nhà ở vùng Waldviertel. Bất chấp lời khuyên ngăn của những người cùng làng dày dặn kinh nghiệm, ông tự tìm đường tới Vienne và học cách kinh thương tại đó. Đó là vào những năm 1850. Một quyết định liều lĩnh, lên đường chỉ với ba gundon làm lộ phí và lao vào những thứ mình không hề biết. Ở tuổi mười bảy, ông kết thúc giai đoạn tập sự nhưng chẳng lấy thế làm hài lòng. Trái lại là đằng khác. Ông đã vượt qua quãng thời gian vất vả và đắng đắng, những khó nhọc bất tận và bao đau đớn, nhờ thế càng thêm quyết tâm từ bỏ việc buôn bán để trở thành một điều gì đó tốt đẹp hơn. Trước kia, chàng trai nghèo coi linh mục là biểu tượng của sự cao quý nhất mà con người đạt được, giờ đây giữa thành phố lớn, ông đã mở rộng tầm mắt hơn và thấy rằng cao quý nhất là trở thành một viên chức. Bằng tất cả lòng kiên trì của một chàng trai trẻ, mới mười bảy tuổi nhưng đã già đi bởi những lo toan và vất vả, ông đã theo đuổi đến cùng quyết định của mình và cuối cùng đã trở thành viên chức nhà nước. Sau gần hai mươi ba năm, ông đã đi tới đích. Như vậy, ông dường như đã hoàn thành lời thề từ thời thơ ấu: không bao giờ trở về nơi chôn rau cắt rốn nếu chưa làm được điều gì cho bản thân.

Mục tiêu đã đạt được nhưng chẳng ai còn nhớ tới cậu bé của những ngày xưa, và tới ông, ngôi làng xưa cũng trở nên xa lạ.

Cuối cùng, khi về hưu ở tuổi năm mươi sáu, ông không thể nào chịu nổi một ngày nhàn rỗi ngồi không. Ông mua một trang trại gần khu chợ làng Lambach vùng thượng Áo, ở đó ông tự làm việc và như thế, tiếp nối quãng đời cần cù lao động, ông lại trở về với công việc mà tổ tiên đã từng làm.

Cũng chính vào thời gian đó, trong tôi hình thành mẫu hình lý tưởng đầu tiên. Những cuộc rong chơi ngoài trời, quãng đường dài đi bộ tới trường, và nhất là sự giao du với mấy cậu bạn to con, điều mà đôi khi vẫn làm mẹ tôi khổ tâm, đã biến tôi thành một người không thể ở nhà. Dù rằng khi đó tôi hiếm khi suy nghĩ nghiêm chỉnh xem sau này sẽ làm nghề gì nhưng rõ là tôi không thể đồng tình với định hướng nghề nghiệp của bố tôi trong bất kỳ hoàn cảnh nào. Tôi tin rằng kể cả khi đó tài hùng biện của tôi được nảy nở qua những lần tranh cãi ít nhiều có phần hung dữ với bạn cùng lớp. Tôi trở thành một kẻ đầu sỏ; ở trường, tôi học hành dễ dàng và có thể nói là rất tốt, nhưng mặt khác tôi lại là học sinh hay gây rắc rối. Thời gian rảnh, tôi học hát ở tu viện Lambach. Đó chính là cơ hội tuyệt vời làm cho tôi đắm ra mê mẩn sự tráng lệ, uy nghi của các lễ hội hoành tráng ở nhà thờ. Ý tưởng muốn trở thành cha trưởng tu viện đến với tôi tự nhiên như khi xưa bố tôi từng muốn làm linh mục, một mẫu hình cao quý đáng thêm muốn nhất trên đời. Ít nhất thì ý định đó cũng kéo dài một thời gian. Tuy nhiên, chính vì bố tôi, với những lý do có thể thông cảm được, tỏ ra không thể đánh giá cao tài hùng biện của cậu con trai ngỗ ngược, hay chí ít cũng đưa ra những kết luận có lợi cho tương lai của con mình, nên ông đã không thể, lẽ tất nhiên rồi, có chút thông cảm nào với những ý tưởng của tuổi trẻ. Ông lo ngại quan sát sự xung đột của bản chất tự nhiên.

Cũng tình cờ, niềm khao khát vươn tới mẫu hình lý tưởng của tôi sớm tan biến, bất luận thế nào, và nhường chỗ cho những hy vọng phù hợp với tính khí của tôi hơn. Trong khi lục lọi thư viện của bố, tôi tình cờ tìm thấy rất nhiều sách về quân sự trong đó có một ấn phẩm nổi tiếng viết về cuộc chiến Đức-Pháp thời những năm 1870-1971. Ấn phẩm gồm hai số báo trong một tạp chí định kỳ của thời đó mà tới giờ vẫn là thứ tôi thích đọc. Chẳng bao lâu, cuộc chiến vĩ đại và anh hùng đã trở thành những trải nghiệm nội tâm sâu sắc nhất trong đời tôi. Kể từ đó tôi ngày càng say mê tất cả những gì liên quan tới chiến tranh theo mọi cách, hay những gì viết về đời sống của người lính.

Ở góc độ khác, sự thay đổi này thật quan trọng đối với tôi. Lần đầu tiên, trong nhận thức của tôi nảy ra nhiều câu hỏi, đầu rằng còn có phần lộn xộn, buộc tôi phải trả lời: Có sự khác nhau nào – và nếu có thì khác ở điểm nào – giữa những người Đức tham gia các trận chiến và những người Đức khác? Tại

sao nước Áo lại tham gia chiến tranh? tại sao bố tôi và những người khác không chiến đấu?

Liệu chúng ta có giống như những người Đức khác?

Liệu chúng ta có thuộc về cùng một nơi hay không? Lần đầu tiên, trí óc non nớt của tôi day dứt bởi những câu hỏi đó. Tôi đặt ra những câu hỏi thận trọng và nhận được câu trả lời rằng không phải người Đức nào cũng có cái may mắn được thuộc về Đế chế Bismarck.

Điều này vượt quá khả năng hiểu biết của tôi.

CHƯƠNG 1.1: BỐ HITLER CHOÁNG VÁNG KHI NGHE QUYẾT ĐỊNH MÔN HỌC CON MÌNH

Gia đình đã quyết định tôi sẽ học lên trung học.

Bố tôi tin chắc rằng với bản chất của tôi, nhất là với cái tính khí của tôi, theo học ở một trường Gymnasium thiên về xã hội nhân văn là không đúng năng lực. Một trường theo kiểu Realschul có vẻ hợp ý ông hơn. Ông càng khẳng ý kiến của mình khi thấy tôi bộ lộ rất rõ năng khiếu vẽ vời, một thứ mà ông cho rằng luôn bị bỏ bê trong các trường Gymnasium. Lý do nữa có thể là do những trải nghiệm nghề nghiệp của bản thân đã khiến ông cho rằng các môn học khối xã hội nhân văn thật chẳng ích lợi gì cả và vì thế mà ông không thích. Về cơ bản, ông nghĩ và cáo ý định rằng con trai ông nhất định sẽ trở thành một viên chức giống như ông. Cũng là lẽ tự nhiên khi ông tin rằng chính nhờ những gian khó thời trai trẻ mà ông có được thành tựu như hôm nay, và nhất là ông đã thành ông bởi nghị lực và cần cù của bản thân. Chính lòng kiêu hãnh vì đã tự mình làm nên thành công ấy đã thúc đẩy ông mong muốn con trai cũng phải làm được như vậy, và tất nhiên có thể còn làm hơn thế nữa. Mong muốn ấy càng được củng cố khi ông tin rằng ông có thể giúp con trai mình rất nhiều trong bước đường phát triển.

Với ông, việc tôi từ chối trở thành người mà cả đời ông mong muốn là điều không thể tưởng tượng được. Bởi vậy, quyết định của ông rất đơn giản, dứt khoát, rõ ràng; tất nhiên đấy là bản thân ông thấy vậy. Rốt cuộc, với bản tính độc đoán áp đặt người khác hình thành từ những ngày tháng vật lộn mưu sinh vất vả, ông dường như không thể chịu đựng nổi khi phải từ bỏ quyết định về sự nghiệp của cậu con trai chưa trải đời mà cũng chẳng có tí ý thức gì về trách

nhiệm. Không chỉ thế, với ông, đó là sự yếu đuối tội lỗi và đáng trách bởi đã không áp đặt được cái quyền làm cha mẹ và đã không thực hiện được trách nhiệm với tương lai của cậu con trai, và nói cho đúng thì điều đó hoàn toàn trái ngược với khái niệm của ông về bổn phận và nghĩa vụ.

Mọi việc sau này hóa ra hoàn toàn khác.

Vừa tròn mười một tuổi, lần đầu tiên trong đời tôi buộc phải chống đối người khác. Với một người luôn cứng rắn và kiên quyết thực hiện bằng được các kế hoạch và ý định của mình như bố tôi, cái việc cậu con trai cứ khăng khăng và ngoan cố không chấp nhận ý kiến của mình là một điều không dễ chịu một chút nào.

Tôi không muốn trở thành một viên chức.

Sự thuyết phục và các cuộc tranh luận nghiêm túc cũng chẳng hề làm tôi nao lòng. Không, nghìn lần không, tôi không muốn làm một viên chức. Dù bố tôi có cố hết sức kể những câu chuyện về chính cuộc đời ông để làm cho tôi thấy yêu quý cái nghề đó và hãnh diện vì được là viên chức, vẫn chỉ có một kết cục là sự chống đối. Tôi ngán ngẩm và ớn đến tận cổ với ý nghĩ ngồi trong một văn phòng, mọi tự do bị tước đoạt, không được làm chủ thời gian của mình và buộc phải làm cho cả đời mình trống rỗng thay vì đầy ắp những điều thú vị.

Vậy cái viễn cảnh ấy đã khơi lên những suy nghĩ gì ở một cậu bé trong thực tế chỉ được coi là “khá tốt” theo đúng nghĩa thông thường?

Việc học ở trường thì quá dễ nên thời gian tôi ở bên ngoài còn nhiều hơn là ở nhà. Ngày hôm nay, khi các đối thủ chính trị của tôi dành những tình cảm quan tâm tới cuộc điều tra về cuộc đời tôi, ngược dòng thời gian tìm về những ngày thơ ấu ấy và cuối cùng đã khám phá ra những trò đùa quá quắt mà Hitler này đã chơi ngay từ thời trai trẻ, tôi cảm tạ đáng thương đế vì đã lưu giữ trong tôi những ký ức đẹp đẽ này. Những khu rừng và những bãi cỏ cũng chính là chiến trường, nơi giải quyết các cuộc xung đột vẫn tồn tại khắp mọi nơi trong đời sống.

Xét ở góc độ ấy, việc học hành của tôi mới bắt đầu ở trường Realschule quả có hơi khác biệt.

Nhưng lúc này, chắc chắn rằng có một cuộc xung đột cần giải quyết.

Chùng nào cái ý định bắt tôi làm viên chức của bố chỉ gặp phải thái độ khó chịu của tôi về mặt lý thuyết thì cuộc xung đột còn có thể ở mức chịu đựng được. Vì thế cho tới lúc ấy, ở một chùng mực nào đó tôi đã có thể giữ kín suy nghĩ của mình; không phải lúc nào tôi cũng cãi lại bố. Tôi đã xác định rất rõ sẽ không bao giờ trở thành viên chức và thế là đủ để tôi có được sự bình yên tuyệt đối trong tâm tưởng. Với tôi, quyết định ấy là không thể thay đổi. Mọi chuyện khó khăn hơn khi kế hoạch mà tôi tiến hành lại hoàn toàn đối lập với kế hoạch của bố. Điều đó xảy ra khi tôi mười hai tuổi. Bản thân tôi cũng chẳng rõ nó xảy ra thế nào, chỉ biết một ngày tôi bỗng nhận ra rõ ràng rằng tôi sẽ trở thành một họa sĩ, một nghệ sĩ. Đúng là chính vì năng khiếu vẽ của tôi mà bố tôi cho tôi học ở trường Realschule, nhưng chẳng bao giờ ông nghĩ rằng ở đây tôi lại được dạy dỗ theo chiều hướng ấy. Mọi việc diễn ra trái với suy nghĩ của bố. Sau một lần cãi lại ý muốn của bố, lần đầu tiên tôi được hỏi muốn làm nghề gì sau này, tôi đã buột miệng nói ra quyết định của mình, khiến bố tôi trong khoảnh khắc bỗng choáng váng lặng đi.

“Họa sĩ á? Nghệ sĩ á?”

Bố ngỡ rằng tôi không được minh mẫn, hay có thể ông cho rằng đã nghe nhầm hoặc hiểu sai ý tôi. Nhưng khi hiểu rõ mọi chuyện, và nhất là khi cảm thấy tôi rất nghiêm túc với ý định của mình, ông bắt đầu phản đối bằng tất cả sự quyết tâm trong bản chất của mình. Quyết định của ông cực kỳ đơn giản bởi nhất quyết là không có cân nhắc gì hết, bất kể tôi có năng khiếu gì đi chăng nữa.

“Họa sĩ ư, không đời nào, chùng nào tao còn sống!” Nhưng rồi cậu con trai, ngoài những phẩm chất của mình lại thừa hưởng sự ngoan cố của bố nên vẫn cứ khăng khăng câu trả lời của mình. Tất nhiên, lần này câu trả lời đã ẩn chứa sự chống đối.

Cuộc chiến giữa hai bên xảy ra. Bố tôi nhất quyết “Không đời nào!” Còn tôi cũng khăng khăng “Có chứ ạ!”.

Kết quả dĩ nhiên chẳng vui vẻ gì. Bố tức điên lên còn tôi, dù rất yêu quý bố, cũng cảm thấy vô cùng bức bối. Bố ngăn cấm tôi không được nuôi bất kỳ hy vọng nào dù mong manh nhất rằng tôi có thể theo học nghệ thuật. Tôi tiến thêm một bước và tuyên bố rằng nếu vậy tôi sẽ không học hành gì nữa. Dĩ nhiên, với tuyên bố ấy tôi đã chuốc lấy sự trừng phạt; bố bắt đầu áp đặt quyền hành bắt tôi

nghe theo ông một cách không thương xót. Chính vì thế mà về sau tôi chỉ im lặng nhưng lại hành động đúng như đã đe dọa. Tôi tin rằng một khi bỏ tôi thấy tôi học hành không tiến bộ, ông sẽ để tôi dành thời gian cho ước mơ của mình, cho dù ông có thích điều đó hay không.

Tôi không rõ mình tính toán như vậy có đúng không. Lúc đó, chỉ có một điều là chắc chắn: phải làm sao để ai cũng thấy là tôi học hành chẳng ra gì. Tôi chỉ học những gì mà tôi thấy thích và có thể cần cho tôi khi trở thành họa sĩ. Còn những cái tôi thấy vô bổ và nhạt nhẽo tôi chỉ phá mà thôi. Thế nên phiếu kết quả học tập của tôi, vì phụ thuộc vào môn học và sự tính toán của tôi, toàn thấy những điều đối nhau chan chát. Ngay cạnh những nhận xét “xuất sắc”, “giỏi”, lại thấy ngay lời phê “trung bình”, thậm chí “dưới trung bình”. Tôi được điểm cao nhất ở môn địa lý và môn lịch sử. Đó cũng là những môn học tôi yêu thích và luôn dẫn đầu trong lớp.

Giờ đây, sau bao nhiêu năm, khi nhìn kết quả của giai đoạn này, tôi chỉ thấy hai điều đặc biệt có ý nghĩa:

Một: Tôi đã trở thành một người theo chủ nghĩa dân tộc.

Hai: Tôi đã học để hiểu và nắm bắt được ý nghĩa của lịch sử nước Áo cũ là đất nước của các dân tộc.

Nhìn chung, vấn đề của Đề chế Đức, ít ra tại thời điểm đó, là hoàn toàn không thể nắm bắt được ý nghĩa của thực tế này đối với cuộc sống của người dân. Sau chiến thắng vẻ vang của đội quân anh dũng trong cuộc chiến Pháp-Đức, mọi người dần dần bớt quan tâm tới những người Đức sống ở nước ngoài; nhiều người không thể, có người còn không có khả năng đánh giá được tầm quan trọng của mình. Đặc biệt là khi nhắc đến những người Áo gốc Đức, người ta rất hay nhầm tưởng cái triều đại thoái hóa này với những con người khỏe mạnh, tráng kiện.

Điều mà họ không thể nhận thức được đó là: chỉ khi nào những người Đức sống tại Áo thật sự là dòng giống ưu việt nhất họ mới giành được cái quyền khắc dấu ấn của mình vào một đất nước của năm triệu tâm hồn, với sự sâu sắc tới mức ngay cả ở Đức, người ta cũng nhầm tưởng rằng Áo chính là một bang của nước Đức. Đó là một sự ngu xuẩn kéo theo những hậu quả thảm khốc, và cũng là tấm bằng khen chói lọi tặng cho mười triệu người Đức sinh sống trong

đế chế Ostmark. Chỉ có vài người Đức của Đế chế có khái niệm mơ hồ về cuộc chiến đấu không ngừng và quyết liệt để bảo vệ ngôn ngữ Đức, trường học Đức và lối sống Đức. Chỉ đến hôm nay, khi chính những nỗi thống khổ đau đớn đổ ập đến với những người Đức của Đế chế, những người ở trong ách thống trị của ngoại bang vẫn mơ về tổ quốc chung và đấu tranh để bảo vệ quyền lợi thiêng liêng của mình với tiếng mẹ đẻ, người ta mới hiểu ra rằng thế nào là bị buộc phải chiến đấu cho dân tộc. Ngày hôm nay, có lẽ nhiều người đã nhận ra sự vĩ đại của những người Đức trong Đế chế Ostmark xưa cũ, những người chỉ biết dựa vào chính bản thân mình và hàng thế kỷ nay vẫn bảo vệ Đế chế khỏi xâm nhập từ phía Đông, rồi cuối cùng đã tiến hành cuộc chiến tranh du kích nhằm bảo tồn biên giới ngôn ngữ Đức, vào đúng thời điểm Đế chế đang mải mê quan tâm tới các thuộc địa nhưng lại thờ ơ với máu thịt của chính mình.

Cũng giống như mọi cuộc chiến khác, trong cuộc chiến ngôn ngữ ở nước Áo cũ, luôn luôn có sự tham gia của ba tầng lớp:

Các chiến sĩ, những người ngoài cuộc thờ ơ, và bọn phản bội.

Quá trình sàng lọc phân loại bắt đầu từ trong nhà trường. Sự thật đáng ghi nhận về cuộc chiến ngôn ngữ này là các phong trào đấu tranh nổi lên mạnh mẽ nhất ở khu vực trường học, bởi đây là nơi gieo mầm cho thế hệ tương lai. Đó là cuộc đấu tranh vì tâm hồn của thế hệ trẻ, và lời kêu gọi đầu tiên dành cho những người trẻ tuổi là:

“Các chàng trai Đức, đừng quên bạn là người Đức”, và “Hỡi các cô gái, hãy nhớ rằng các bạn sẽ trở thành những người mẹ Đức”.

Bất kỳ ai hiểu rõ tâm lý của đám thanh niên thì cũng sẽ hiểu rằng chính chúng ta là những người lắng nghe thích thú nhất những lời kêu gọi chiến đấu. Chúng tiến hành đấu tranh với vô vàn hình thức khác nhau, theo cách thức và bằng vũ khí của riêng chúng. Chúng từ chối hát những bài hát không phải là tiếng Đức. Mọi người càng cố tách chúng khỏi nước Đức anh hùng vĩ đại thì lòng nhiệt tình chiến đấu của chúng càng trở nên cuồng nhiệt; chúng nhịn ăn để tiết kiệm từng đồng xu cho cuộc chiến, nhạy cảm với những bài giảng của các giáo viên không phải là người Đức và đồng thời cũng phản đối kịch liệt các giáo viên đó; chúng đeo các phù hiệu đã bị cấm biểu tượng cho dân tộc mình và thấy hạnh phúc với ai đó trừng phạt hay đánh đập chúng vì điều đó. Như vậy, xét ở

phạm vi hẹp, chúng là hình ảnh phản ánh trung thực về cha mẹ mình, trừ một điều là niềm tin của chúng thì mạnh mẽ và chân thực hơn.

Bản thân tôi, khi còn trẻ, cũng đã có cơ hội tham gia cuộc chiến dân tộc ở đế quốc Áo cũ. Bọn tôi quyên góp cho Sudmark và các hiệp hội trong nhà trường; chúng tôi củng cố niềm tin bằng cách cài hoa xa cúc lam và mặc trang phục với ba màu đỏ, đen và vàng; “Heil”, chúng tôi chào nhau như vậy, và thay vì hát quốc ca của Đế quốc chúng tôi hát bài “Deutschland uber Alles”, bất chấp những lời cảnh báo và sự trừng phạt. Cứ như vậy, bọn trẻ được dạy về chính trị trong một thời kỳ mà theo thông lệ, môn học về quốc gia dân tộc hầu như chẳng chắc gì tới quốc tịch hay ngôn ngữ của chúng. Khỏi phải nói, ngay cả khi đó tôi cũng phải là kẻ thờ ơ lãnh đạm. Chỉ trong một thời gian ngắn, tôi đã trở thành một người theo “chủ nghĩa dân tộc Đức” cuồng nhiệt, dẫu rằng khái niệm ấy không giống với khái niệm mà Đảng của chúng ta ngày nay đang nói tới.

Điều này đã đem lại cho tôi những bước tiến bộ nhanh chóng, mười lăm tuổi, tôi đã hiểu được sự khác biệt giữa “chủ nghĩa yêu nước” của vương triều và “chủ nghĩa dân tộc” của nhân dân; và ngay cả khi đó tôi cũng chỉ quan tâm tới khái niệm sau:

Với những người chưa từng khổ công tìm hiểu về những điều kiện nội tại của nền quân chủ Habsburg, thật khó có thể hiểu hết một quá trình như vậy. Ở đất nước này, việc dạy môn lịch sử thế giới buộc phải cung cấp những mào mống ban đầu cho quá trình phát triển ấy, bởi lẽ thực tế là hầu như không có thứ nào tương tự như lịch sử nước Áo. Vận mệnh của đất nước này gắn chặt với đời sống và sự phát triển của tất cả những người Đức tới mức sự chia cắt lịch sử thành các giai đoạn của Đức và Áo dường như là điều không tưởng tượng nổi. Thực vậy, khi rớt cuộc nước Đức bị chia thành hai phạm vi quyền lực, chính sự phân chia ấy lại là một phần trong lịch sử nước Đức.

Biểu tượng cho vinh quang của triều đại trước, được giữ gìn ở Vienna, dường như vẫn mang một lời nguyên ma thuật; nó tồn tại như một bằng chứng cho sự hợp nhất vĩnh viễn của hai số phận ấy.

Lời kêu gọi mãnh liệt của những người Áo gốc Đức đòi tái hợp với nước mẹ Đức vĩ đại được cất lên trong những ngày vương triều Habsburg sụp đổ chính là kết quả của niềm khao khát bấy lâu ngủ yên trong trái tim của mọi người –

khao khát được trở về nơi quê cha đất tổ. Điều này thật khó lý giải nếu sự giáo dục lịch sử của những người Áo gốc Đức không khơi dậy một niềm khát khao lớn đến vậy. Ẩn trong sự giáo dục ấy là một giếng nước không bao giờ cạn, vào chính thời điểm của sự quên lãng, lại dâng lên cao hơn cả sự phồn thịnh khi đó, không người nhắc nhở về quá khứ và khế thì thắm một tương lai mới.

CHƯƠNG 1.2: ĐIỀU GÌ ĐÃ QUYẾT ĐỊNH TƯƠNG LAI CỦA HITLER?

Ngay cả bây giờ, việc dạy về lịch sử thế giới trong các trường trung học cũng vẫn ở trong những điều kiện rất kém. Rất ít giáo viên hiểu rằng mục đích học lịch sử không thể là chỉ học thuộc lòng những ngày tháng và sự kiện lịch sử và nói lại như một con vẹt; và rằng vấn đề không phải ở chỗ liệu học sinh có biết được chính xác khi nào thì cuộc chiến này hay cuộc chiến kia diễn ra, vị tướng nọ sinh ngày tháng năm nào, hay thậm chí ngày tháng lên ngôi của vị vua (một sự kiện thường được coi là chẳng đáng để ý). Không, thế có Chúa, điều này chẳng hề quan trọng.

“Học” lịch sử là phải tìm hiểu và tìm ra những yếu tố, nguyên nhân dẫn tới những sự kiện lịch sử đó.

Nghệ thuật đọc cũng như nghệ thuật học hỏi là ở chỗ phải giữ lại những điều quan trọng và bỏ qua những điều không quan trọng.

May mắn đã khiến tôi được học một thầy giáo lịch sử vốn trong số ít người tuân theo nguyên tắc này trong dạy học và kiểm tra, một điều mà có lẽ ảnh hưởng tới toàn bộ cuộc đời tôi sau này. Tiến sĩ Leopold Potsch, thầy giáo của tôi tại trường Realschule ở thành phố Linz, là người đã đưa yêu cầu này tới mức độ lý tưởng. Người giáo sư già đối xử rất tốt với chúng tôi, tài hùng biện đáng kinh ngạc của thầy đã khiến chúng tôi như bị bỏ bùa và thật sự lôi cuốn chúng tôi. Ngay cả hôm nay tôi vẫn nhớ về tình cảm ân cần của người thầy mái tóc hoa râm, người khiến chúng tôi quên đi thực tại bởi những lời kể sinh động; người đã đưa bọn tôi trở về quá khứ, như thể bằng phép thuật, vượt qua màn sương mờ cả nghìn năm nay, biến những ký ức lịch sử thành thực tại sống động. Những giờ học của thầy, chúng tôi thường thấy trong lòng rực cháy ngọn lửa nhiệt tình và đôi khi cả niềm xúc động đến trào nước mắt.

Điều khiến chúng tôi thấy may mắn hơn nữa là người thầy giáo này biết cách soi rọi quá khứ bằng những ví dụ từ hiện tại và rút ra những kết luận cho hiện tại chính từ quá khứ. Vì thế, thầy hiểu biết hơn bất kỳ người nào những vấn đề hàng ngày vẫn khiến chúng tôi căng thẳng đến ngạt thở. Thầy tận dụng sự cuồng nhiệt ủng hộ ban đầu cho chủ nghĩa dân tộc của chúng tôi để thường xuyên kê gọi chúng tôi ý thức về tự hào dân tộc. Chỉ cần thế thầy đã có thể thiết quân luật với lũ học sinh ngỗ ngược chúng tôi dễ dàng hơn bất kỳ cách thức nào khác.

Chính thầy đã làm tôi yêu thích môn lịch sử.

Thực là thế, mặc dầu thầy không dụng tâm như vậy nhưng chính vào lúc đó tôi đã trở thành một nhà cách mạng nhỏ tuổi.

Với một giáo viên như vậy, ai có thể học môn lịch sử Đức mà không thấy mình trở thành kẻ thù của một nhà nước thông qua vương triều thống trị của mình và áp bức các số phận của dân tộc?

Chẳng lẽ chúng ta, kể cả những học sinh, lại không biết rằng đất nước Áo đã và không thể có tình yêu với người Đức chúng ta?

Các kiến thức lịch sử về những công trình ở Vương triều Habsburg ngày càng nhiều thêm nhờ những trải nghiệm hàng ngày. Ở phía Nam và phía Bắc, chất độc của những nước ngoại bang đang dần ăn mòn cơ thể đất nước của chúng ta, và rõ ràng là ngay cả Vienna cũng ngày càng bị biến thành một thành phố không phải của người Đức. Hoàng gia đang tìm cách Czech hóa ở mọi nơi có thể, và chính bàn tay của nữ thần công lý bất tử và sự trừng phạt không khoan nhượng đã khiến cho Archduke Francis Ferdinand, kẻ thù tàn bạo nhất của những người Áo gốc Đức, phải chết vì những viên đạn mà chính ông ta đã giúp làm ra.

Gánh nặng người Đức phải chịu mới to lớn làm sao, những hy sinh của họ trong những thử thách và các cuộc tàn sát mới phi thường làm sao, và chỉ có kẻ nào đui mù hoàn toàn mới buộc phải công nhận tất cả những điều đó là vô ích. Điều mà chúng ta đau đớn nhất là chính phe đồng minh Đức lại thanh minh cho toàn bộ hệ thống này, và kết quả là sự hủy diệt dần dần của chủ nghĩa sùng bái nước Đức trong vương triều cũ, ở một khía cạnh nhất định, lại chính nước Đức đồng tình. Thói đạo đức giả của Habsburg đã cho phép bộ thống trị người

Áo tạo ra các vẻ bề ngoài rằng nước Áo cũng là nước Đức, đã biến lòng căm ghét với vương triều này trở thành sự phẫn nộ sôi và cùng lúc đó là sự khinh miệt.

Chỉ có những kẻ bên trong Đế chế, được coi là nắm quyền lực trong tay, mới không nhìn thấy điều gì cả. Dường như bị sự mù quáng che mắt, chúng ta vẫn sống bên cạnh những xác người chết và chỉ nhìn thấy những dấu hiệu của một cuộc sống “mới” trong những triệu chứng của sự thối nát.

Cái liên minh xấu xa vô đạo giữa Đế chế non trẻ và đất nước Áo giả mạo chứa đựng những mầm mống của chiến tranh thế giới sau này và của cả sự sụp đổ.

Trong khi viết cuốn sách này, tôi sẽ có dịp đề cập đến vấn đề này đầy đủ và chi tiết. Đến đây hoàn toàn có thể nhận định rằng ngay cả trong những ngày thơ ấu nhất tôi đã có được sự hiểu biết sáng suốt không những không bao giờ rời bỏ tôi mà còn trở nên ngày càng sâu sắc:

Chủ nghĩa sùng bái nước Đức chỉ có thể được bảo vệ bằng cách tiêu diệt nước Áo, và hơn thế nữa, quan điểm dân tộc không bao giờ đồng nhất với lòng trung quân ái quốc; và trên hết số phận đã định sẵn Vương triều Habsburg là mối họa của nước Đức.

Tôi có được một điều từ nhận thức này: tình yêu mãnh liệt dành cho quê hương Đức-Áo của tôi.

Thói quen tư duy lịch sử hình thành từ hồi đi học vẫn theo tôi suốt những năm sau này. Càng ngày, lịch sử thế giới càng trở thành một nguồn kiến thức vô hạn để tôi hiểu được những sự kiện lịch sử thời hiện tại, nói cách khác, hiểu được chính trị. Tôi không muốn “học”, tôi muốn những điều đó dạy tôi.

Vậy là, ở độ tuổi trẻ, tôi đã trở thành một nhà cách mạng chính trị, và tôi cũng ở độ tuổi trẻ như vậy, tôi trở thành một nhà cách mạng về nghệ thuật.

Khi đó, ở thủ phủ vùng Thượng Áo, có một nhà hát kịch, nói một cách tương đối, cũng không tồi. Rất nhiều vở nhạc kịch đã ra đời. Mười hai tuổi, tôi lần đầu xem vở kịch Wilhelm Tell, và vài tháng sau lại lần đầu xem một vở opera có tên là Lohengrin. Tôi bị quyến rũ ngay lập tức. Lòng nhiệt tình tuổi trẻ dành cho bậc thầy của Bayreuth quả là vô hạn. Tôi bị lôi cuốn vào các tác phẩm của ông hết lần này đến lần khác, và dường như tôi quá may mắn khi

những cuộc trình diễn bình thường nơi tỉnh lẻ lại đem đến cho tôi một trải nghiệm sâu sắc về sau này.

Tất cả mọi chuyện, nhất là sau khi tôi thoát ra khỏi thời thanh niên (với tôi đó là một hành trình nhiều đau khổ), càng làm tôi thêm chán ghét cái nghề mà bố đã chọn cho tôi. Càng ngày tôi càng tin chắc rằng không thể hạnh phúc nếu trở thành viên chức. Thực tế năng khiếu vẽ của tôi đã được ghi nhận ở trường Realschule khi đó càng làm cho quyết định của tôi vững chắc hơn bao giờ hết.

Không một sự đe dọa hay khẩn cầu nào mảy may thay đổi được điều đó.

Tôi muốn làm họa sĩ và không một thế lực nào trên thế giới có thể bắt tôi làm một viên chức.

Tuy vậy, có vẻ hơi kỳ lạ, tôi ngày càng yêu thích nghệ thuật kiến trúc.

Khi đó, tôi coi điều này như một sự bổ sung tự nhiên cho năn khiếu hội họa của mình, và chỉ cần vui khi thấy phạm vi nghệ thuật của mình được mở rộng.

Tôi chẳng hề ngờ rằng mọi việc sau này lại diễn ra khác hẳn.

Vấn đề nghề nghiệp của tôi được quyết định nhanh hơn tôi nghĩ.

Bố mất khi tôi mười ba tuổi. Một cơn đột quỵ đã lấy đi mạng sống của người đàn ông tuy tuổi cao nhưng còn sức khỏe mạnh, kết thúc không đau đớn kiếp sống trần tục của ông, đẩy chúng tôi vào tận cùng của sự đau khổ, tiếc thương. Mong muốn mãnh liệt nhất của ông là giúp con trai tiếp nối sự nghiệp của mình, cái sự nghiệp đã giúp ông thoát khỏi những vất vả khổ sở trước kia. Việc này, xét theo bề ngoài, ông đã không thành công. Tuy nhiên, dầu không chủ tâm, ông đã gieo một hạt giống tương lai mà cả ông và tôi khi đó đều chưa nhận thức được.

Vào lúc đó, không xảy ra bất kỳ thay đổi bề ngoài nào.

Mẹ tôi, hẳn là thế rồi, cảm thấy có trách nhiệm phải tiếp tục cho tôi học hành theo nguyện vọng của bố; nói cách khác, bắt tôi học hành để trở thành viên chức. Về phần mình, tôi càng hết sức kiên quyết không làm cái nghề đó. Thế rồi một trận ốm bỗng nhiên đến giúp tôi và vài tuần sau đã quyết định tương lai của tôi và giải quyết cuộc cãi cọ bất tận trong gia đình. Sau trận viêm phổi nặng của tôi, bác sĩ khuyên mẹ tôi nhất thiết không nên cho tôi làm ở văn phòng. Không

chỉ thế, việc đi học ở trường Realschule cũng bị ngắt quãng ít nhất là trong một năm. Mục tiêu mà tôi hằng thầm mong ước và luôn đấu tranh để đạt được, nhờ sự việc này bỗng trở thành hiện thực, hầu như là tự nguyện.

Lo lắng vì trận ốm của tôi, mẹ đồng ý cho tôi thôi học ở Realschule và chuyển sang học ở Học viện.

Đó là những ngày hạnh phúc nhất đời tôi, như thể một giấc mơ; và đúng là nó chỉ là giấc mơ. Hai năm sau, mẹ tôi qua đời, chấm dứt các kế hoạch vĩ đại của tôi.

Đó là kết cục của một trận ốm dài và đau đớn mà ngay từ đầu mọi người gần như không hy vọng sẽ hồi phục. Đó quả là một đòn chí tử, nhất là với tôi. Tình cảm của tôi với bố là lòng kính trọng, nhưng với mẹ là tình yêu thật sự.

Nghèo đói và thực tế khắc nghiệt buộc tôi phải nhanh chóng quyết định. Chút tiền bố để lại đã tiêu gần hết vào việc chữa chạy cho mẹ; khoản trợ cấp trẻ mồ côi mà tôi được hưởng không đủ để sống, và thế là tôi đối mặt với chuyện phải xoay sở thế nào để kiếm tiền.

Với một chiếc va-li đầy quần áo và đồ lót trong tay, một ý chí bất khuất trong tim, tôi bắt đầu hành trình tới Vienne. Giống như bố, tôi cũng hy vọng sẽ giành lấy từ số phận những gì ông đã đạt được năm mươi năm trước; cũng mong muốn trở thành “một điều gì đó” – tất nhiên không phải là viên chức dù vì bất kỳ lý do nào.

CHƯƠNG 2: NHỮNG NĂM THÁNG HỌC TẬP VÀ GIAN KHÓ Ở VIENNA

Khi mẹ tôi qua đời, số phận, xét ở mặt nào đó, đã có những quyết định của mình.

Trong những tháng cuối cùng mẹ bị bệnh tôi buộc phải tới Vienne để tham dự kỳ thi vào Học viện. Tôi lên đường mang theo các bức họa, tin tưởng rằng vượt qua kỳ thi cũng như một trò chơi con trẻ. Khi học ở Realschule, tôi giỏi hơn hết thầy mọi bạn bè trong lớp về môn vẽ, và kể từ đó khả năng vẽ của tôi nảy nở một cách đáng ngạc nhiên; sự hài lòng của bản thân đã khiến tôi thấy tự hào vui sướng khi hy vọng vào những điều tốt đẹp nhất.

Tuy nhiên đôi khi một giọt đắng bỗng lại rơi xuống: tài năng đồ họa dường như vượt trội tài năng hội họa, nhất là trong hầu hết lĩnh vực về kiến

trúc. Cùng lúc đó, sự hứng thú với nghệ thuật kiến trúc của tôi cứ thế đều đều tăng lên, và càng mạnh mẽ hơn sau chuyến du hành hai tuần ở Vienna khi tôi chưa tròn mười sáu tuổi. Mục đích của chuyến đi vốn là tìm các bức tranh trưng bày ở Viện bảo tàng Hoàng gia, nhưng tôi hầu như không thể rời mắt khỏi chính tòa viện ấy. Suốt từ sáng đến tối muộn, tôi đi từ hết điều thích thú này tới điều thích thú khác, nhưng luôn luôn chỉ có các tòa nhà làm tôi thú vị nhất. Tôi có thể đứng trước nhà hát Opera hay ngắm Tòa nhà Quốc Hội hàng giờ đồng hồ liền; với tôi, toàn thể Đại lộ Ring giống như một phép màu trong thế giới Nghìn lẻ một đêm.

Đây là lần thứ hai tôi đến thành phố đẹp đẽ này, chờ đợi kết quả của kỳ thi vào Học viện trong sự sốt ruột sục sôi, nhưng cũng đầy tự tin. Tôi tin chắc mình đã tới mức cái tin không đỡ với tôi như sét đánh ngang tai. Dẫu vậy mọi việc đã xảy ra như thế. Khi tôi đến gặp đến gặp giám đốc học viện để đề nghị đề giải thích về việc không được nhập nhận vào học, ông ta đã quả quyết rằng những bức vẽ của tôi đã nộp cho thấy rõ ràng rằng tôi không phù hợp với hội họa, và năng khiếu của tôi chắc chắn nằm ở lĩnh vực kiến trúc. Điều ông ta không thể hiểu nổi tôi chưa từng đi học ở một trường kiến trúc hay được dạy dỗ tí nào về kiến trúc. Chán nản, tôi rời tòa nhà tráng lệ của kiến trúc sư Von Hansen trên quảng trường Schiller, lần đầu tiên trong cuộc đời trai trẻ, thấy mâu thuẫn chính với bản thân mình. Nhưng điều tôi được nghe về khả năng của mình giống như ánh chớp, đột nhiên phơi bày cái mâu thuẫn với những điều lâu nay làm tôi đau khổ, mặc dù trước đó khi tôi không hề có khái niệm rõ ràng nào về nguyên nhân và lý do của nó.

Trong một vài ngày, tự tôi biết rằng một ngày nào đó tôi nên trở thành kiến trúc sư. Chắc chắn rằng đó là một chặng đường vô cùng gian khó; bởi những môn học mà vì căm ghét tôi đã bỏ qua khi học ở Realschule giờ đây lại hết sức cần thiết. Không thể vào học ở trường kiến trúc và chưa học qua các trường kỹ thuật về xây dựng để lấy bằng trung học. Tôi chẳng có gì cả. Giấc mộng của tôi dường như là điều không thể.

Sau khi mẹ tôi mất, tôi tới Vienne lần thứ ba, sau một quãng thời gian mà cũng với nó tôi lấy được sự bình tĩnh và quyết tâm. Ý chí thách thức trước đây

đã trở lại với tôi và mục tiêu của tôi bây giờ thật rõ ràng và chắc chắn. Tôi muốn trở thành kiến trúc sư, những chướng ngại kia không phải làm tôi đầu hàng mà là phải phá vỡ. Tôi quyết tâm vượt qua những chướng ngại ấy, với hình ảnh của bố tôi, người đã khởi đầu chỉ là một người con trai của một thợ đóng giày ở miền quê, đã vươn lên bằng nỗ lực của chính mình để trở thành một quan chức nhà nước. Tôi có nền tảng vững chắc hơn để vươn lên, vì thế khả năng thắng của tôi trong cuộc đấu này cũng nhiều hơn, và những điều tưởng chừng là sự khắc nghiệt của số phận, giờ đây với tôi lại là sự thông thái và ban phước của thượng đế. Khi Nữ thần thống khổ ôm tôi trong vòng tay của người, đe dọa tiêu diệt tôi, ý chí phản kháng của tôi lại nảy nở và cuối cùng ý chí ấy đã chiến thắng.

Tôi có được điều đó là nhờ quãng thời gian trưởng thành khắc nghiệt và giờ đây tôi cũng vẫn khắc nghiệt. Thậm chí còn hơn thế, tôi đề cao điều đó vì nó đã giúp tôi thoát khỏi sự trống rỗng của cuộc sống an nhàn; vì đã kéo đứa con cưng của mẹ ra khỏi chiếc giường êm ấm và thôi lo lắng về một người mẹ mới; vì đã quẳng tôi vào một thế giới của sự khổ sai và đói nghèo bất chấp mọi kháng cự, nhờ thế mà tôi được quen biết với những người sau này vì họ đã đứng lên đấu tranh.

Quãng thời gian này, tôi biết đến hai mối đe dọa mà tôi chỉ vừa rồi mới biết tên và ảnh hưởng ghê gớm của nó với sự tồn tại của người Đức tôi chưa được biết: chủ nghĩa Marx và dân Do thái.

Thành phố Vienna, trong mắt rất nhiều người, là hình ảnh thu nhỏ của những thú vui vô hại, là sân chơi nhôn nhịp của những kẻ thích ưa hội hè, thì với tôi lại tượng trưng cho những ký ức đang sống về quãng đời đau buồn nhất của tôi.

Ngay cả ngày ấy, thành phố này vẫn không thể khởi dậy điều gì trong tôi ngoài những suy nghĩ âm đạm, buồn thảm. Với tôi, cái tên của thành phố Phaeacian nhắc tới năm năm gian nan và khổ sở. Trong năm năm ấy, tôi buộc phải kiếm sống, đầu tiên là làm công theo ngày, rồi làm họa sĩ; một cuộc sống thật đậm bạc, chẳng bao giờ làm đủ nuôi con đói của tôi. Cái đói là thần hộ vệ trung thành của tôi khi đó; hẳn chẳng rời tôi đến một khắc và chia sẻ tất cả những gì tôi có, chia đều hết. Mỗi cuốn sách tôi có hẳn đều thấy thích thú, một

chuyến thăm nhà hát Opera cũng khiến hăng quan tâm đến mấy ngày liền; cuộc sống của tôi là sự đấu tranh liên miên và gã bạn độc ác. Và chính trong thời gian này tôi đã học hành nhiều hơn bất kỳ lúc nào. Bên cạnh những tòa kiến trúc và những chuyến thăm hiếm hoi tới nhà hát Opera, tôi chỉ có thú vui: đọc sách.

Lúc đó tôi đọc rất nhiều và rất kỹ. Mọi thời gian rảnh rỗi không làm việc tôi đều dành hết vào đọc. Cứ như vậy, sau vài năm tôi đã tích lũy được những nền tảng kiến thức mà đến hôm nay vẫn là nguồn sống trong tôi.

Và hơn thế nữa:

Trong thời gian ấy, hình thành trong tôi những hình ảnh về thế giới về một triết lý về sau này đã trở thành nền móng vững chắc trong mọi hoạt động của tôi. Ngoài những gì tôi tạo ra khi đó, tôi hầu như học rất ít; và tôi chưa hề phải thay đổi điều gì. Trái lại là đằng khác.

Giờ đây, tôi tin chắc chắn rằng, về cơ bản và xét một cách tổng quát, tất cả những ý tưởng sáng tạo đều được sinh ra khi chúng ta còn trẻ. Tôi phân biệt rõ sự khác nhau giữa sự hiểu biết do tuổi tác, cốt nằm ở chỗ suy nghĩ thấu đáo và cẩn thận do thời gian từng trải đã nhiều, và cái thiên tư của tuổi trẻ, cái tuổi của những ý tưởng phong phú tưởng như vô tận nhưng lại không được phát triển cũng chính với sự quá phong phú ấy. Chính những khả năng thiên phú của tuổi trẻ là vật liệu để xây dựng đồng thời vạch ra những kế hoạch cho tương lai, để từ đó, ở độ chín chắn hơn, ta đón nhận những viên gạch nền móng, tạo hình cho chúng và hoàn thành ngôi nhà, ở một chừng mực sự không ngoan của tuổi già không dập tắt tài năng của tuổi trẻ.



Chính những khả năng thiên phú của tuổi trẻ là vật liệu để xây dựng đồng thời vạch ra những kế hoạch cho tương lai

Cho đến nay cái cuộc sống mà tôi đã sống khi ở nhà chẳng khác mấy thậm chí chẳng khác gì so với cuộc sống của những người khác. Chẳng hề ưu tư, tôi có thể chờ đợi một ngày mới, và với tôi chẳng có vấn đề gì về mặt xã hội. Thế giới của tôi khi còn trẻ đầy những kẻ tầng lớp tiểu tư sản, và bởi thế hầu như chẳng có mối liên hệ nào với những người lao động chân tay thuần túy. Điều này thoát nhून có vẻ kỳ lạ những cái khoảng cách giữa tầng lớp tiểu tư sản, hiểu theo nghĩa kinh tế vốn chẳng có vị trí cao sang cho lắm, với những

người lao động chân tay thường lớn hơn rất nhiều so với những gì chúng ta tưởng tượng. Lý do cho sự thù địch này, chúng ta có thể coi như vậy, nằm ở chỗ một nhóm xã hội đã đặt bản thân mình cao hơn vị trí của những người lao động chân tay nhưng lại sợ rằng mình sẽ bị nhấn chìm trở lại cái tầng lớp cũ kỹ và bị khinh miệt ấy, hay chỉ ít là bị đồng nhất với nó. Trong nhiều trường hợp, chúng ta phải thêm vào nhưng ký ức đáng ghét về sự nghèo nàn văn hóa cùng tầng lớp thấp này, sự thô tục thường xuyên diễn ra trong giao tiếp xã hội; cái vị trí tầng lớp của tiểu tư sản trong xã hội, dấu cho chẳng quan trọng gì trong xã hội, cũng làm cho mọi sự liên hệ với thứ đời sống nhà văn hóa tưởng đã mất đi trở nên không thể chịu đựng nổi.

Kết quả là, những tầng lớp trên thường ít cảm thấy miễn cưỡng, gương gao khi tiếp xúc với những kẻ thuộc thấp kém nhất trong tầng lớp của mình hơn là với những “kẻ mới phát”.

Ai cũng là một kẻ mới phát, một kẻ bằng nỗ lực bản thân đã thoát khỏi vị trí cũ trong cuộc sống và vươn lên tới vị trí cao hơn.

Rốt cuộc, cuộc vật lộn ấy, vốn thường là khắc nghiệt, đã thủ tiêu mọi tình cảm xót thương, trắc ẩn. Cuộc đấu tranh đầy đau đớn để tồn tại đã giết chết tình thương dành cho những số phận khổ sở của những kẻ bị bỏ lại phía sau.

Về mặt này, số phận quả là đã nhân từ với tôi. Số phận đã buộc tôi phải trở lại về cái thế giới đói nghèo bất ổn, nơi mà từ đó cha tôi đã vươn lên. Và nhờ thế đã làm thoát khỏi sự nuôi dưỡng theo đầu óc tiểu tư sản hẹp hòi trước đây. Chỉ đến giờ tôi mới được học để biết thế nào là nhân văn, biết phân biệt giữa cái vỏ rỗng tuếch hay vẻ ngoài hung ác với bản chất bên trong.

CHƯƠNG 2.1: KẺ NÀO BỊ KẸT CỨNG GIỮA HÀM RĂNG LŨ RẮN MỚI BIẾT CHÚNG ĐẦY NỌC ĐỘC

Sau bước ngoặt thế kỷ, xét từ góc độ xã hội, Vienna là một trong những thành phố tụt hậu nhất Châu Âu.

Sự giàu có xa hoa và cảnh nghèo hàn cơ cực cứ luân phiên nối tiếp nhau. Ở các quận trung tâm và nội thành, người ta có thể thật sự cảm nhận được mạch đập của cái vương quốc năm mươi hai triệu dân, với sự lôi cuốn ma thuật đáng ngờ của một đất nước đa chủng tộc. Cung điện hoàng gia với vẻ đẹp huy hoàng rực rỡ như một nam châm hút về mình tất cả những giàu sang và trí tuệ từ khắp

nơi trong cả nước. Thêm vào đó là sự tập trung hóa mạnh mẽ của vương triều Habsburg nội tại.



Những năm tháng học tập và gian khổ của Hitler ở Vienna.

Điều đó đem lại một triển vọng độc nhất về sự hòa hợp các dân tộc với nhau dưới bất kỳ hình thức cố định nào. Nhưng kết quả lại là sự tập trung khác thường các quyền lực tối cao nơi đô thành.

Thế nhưng Vienna lại là trung tâm của quân chủ Danube cũ kỹ cả ở góc độ chính trị, trí lực cũng như kinh tế. Thủ phủ của những sĩ quan cấp cao, quan chức chính phủ, nghệ sĩ, và các học giả phải đương đầu với quân người lao động đông đảo hơn, song hành với sự thịnh vượng kinh tế và quý tộc lại là sự nghèo đói khủng khiếp. Bên ngoài các cung điện, trên đại lộ Ring, hàng ngàn người thất nghiệp đang tập trung, và phía dưới Khải hoàn môn cũng là nơi cư ngụ của những vô gia cư rêu rĩ với quần áo lấm lem bùn đất.

Chẳng có thành phố nào của nước Đức mà ở đó các vấn đề xã hội lại được nghiên cứu theo cái cách mà người ta làm ở Vienna. Nhưng chớ có lầm tưởng. “Cái sự nghiên cứu” này không thể hiện được tiến hành từ trên đỉnh cao sùng sững. Chỉ có những kẻ bị kẹt cứng giữa các hàm răng của lũ rắn giết người

này mới biết được rằng nanh của chúng đầy nọc độc. Nếu không, kết quả sẽ chẳng có gì ngoài lời nói hời hợt và sự ủy mị giả dối. Cả hai đều tai hại như nhau. Tai hại ở chỗ cái đầu tiên không bao giờ nhìn nhận thấu đáo cốt lõi vấn đề, còn cái thứ hai sẽ làm ngơ vấn đề ấy. Không hiểu điều gì tệ hơn; sự thờ với những nỗi thống khổ của xã hội, những cái chúng ta vẫn nhìn hằng ngày ở hầu hết những kẻ được số phận ưu ái hay vươn lên từ lỗ lưc bản thân, hay là sự khinh bỉ hợm hĩnh, có khi còn sống sượng và làm phiền người khác, trong thái độ hạ mình của những quý bà ăn vãn hợp thời, những người tự cho là biết “xót thương loài người”. Trong mọi trường hợp, dạng người này đều không có bản năng, vẫn có bản năng nhận thức được. Vì vậy, chúng kinh ngạc tới độ khi những “nỗ lực” của chúng chỉ mang lại con số không, thực tế cái chúng nhận được là sự từ chối đầy căm phẫn, dẫu vậy sự khước từ này, tất nhiên rồi, lại được xem như là bằng chứng cho thái độ vô ơn của loài người.

Những bộ óc này hình như không thể hiện ra rằng nỗ lực xã hội chẳng có gì chung với kiểu xã hội này; và quan trọng hơn nó chẳng thể khơi dậy lòng biết ơn bởi lẽ những nỗ lực ấy không nhằm ban phát ân mà là nhằm lập lại các quyền lợi.

Tôi không được nghiên cứu vấn đề xã hội theo cách thức như vậy. Bằng cách dẫn mình trong lĩnh vực đau khổ này, nó dường như không chào mời tôi “nghiên cứu” nó, nhưng kinh nghiệm về nó đã ngấm sâu trong máu thịt của tôi. Giống như một vật thí nghiệm đã trải qua sự phẫu thuật an toàn thành công.

Có cố cũng chẳng thể kể hết những tình cảm tôi đã trải qua suốt thời kỳ đó; bởi thế tôi chỉ ra ở đây những cảm xúc cốt yếu nhất, khiến tôi xúc động nhất, và những bài học mà cảm xúc ấy đã đem lại cho tôi.

Thực chất kiếm việc làm thường không phải là khó khăn đối với tôi, bởi lẽ tôi không phải là một thợ thủ công lành nghề mà là một kẻ buộc phải kiếm miếng bánh mì hàng ngày với công việc “trợ giúp” người khác và đôi khi là người không có công việc cố định.

Tôi kế thừa quan điểm của những kẻ đã xới tung đất châu Âu với ý đồ nhất quyền phải tìm ra sự tồn tại của Tân thế giới và chiếm lấy cho mình một ngôi nhà mới. Những người này, thoát khỏi tất những tư duy cũ kỹ và cứng nhắc về nghề nghiệp và vĩ trí xã hội, thoát khỏi môi trường quen thuộc và

truyền thống, vội vàng chớp lấy mọi cơ hội nghề nghiệp có thể giúp họ từng bước từng bước tiến tới nhận thức rằng một công việc lương thiện, cho dù là gì đi chăng nữa, cũng không khiến ai phải hổ thẹn. Tôi cũng đã quyết tâm lao vào thế giới mới mẻ này, bằng đôi chân mình, và sẽ chiến đấu để vượt qua chặng đường ấy.



Một kẻ buộc phải kiếm miếng bánh mì hàng ngày với công việc “trợ giúp” người khác và đôi khi là người không có công việc cố định. (Ảnh minh họa)

Tôi sớm học được rằng luôn luôn có một công việc theo kiểu nào đó, và cùng tôi cũng nhận ra có thể dễ dàng đánh mất nó thế nào. Những ngày kiếm ăn không ổn định là một trong những thời gian đen tối nhất trong cuộc đời tôi.

Một người lao động lành nghề ít phải ở ngoài đường như những người không lành nghề; nhưng không có nghĩa là anh ta hoàn toàn không gặp điều đó trong đời. Với anh ta, mất đi kế sinh nhai do kham hiếm công việc được thay bằng sự đóng sập cánh cửa công việc hoặc đình công với chính bản thân mình. Xét ở góc độ này toàn bộ nền kinh tế cũng phải lao đao khi các cá nhân ở trong tình trạng kiếm sống bấp bênh.

Một chàng nông thôn ra thành phố lớn, bị hấp dẫn bởi những công việc dễ làm hơn (dù trên thực tế hay trong tưởng tượng), đòi hỏi ít thời gian hơn, nhưng nhất là bởi thứ ánh sáng rực rỡ chói lóa nơi thành đô, thường quen với sự ổn định về nghề nghiệp. Cậu ta chỉ từ bỏ công việc trước đây khi ít nhất cậu ta có triển vọng về một công việc mới. Bởi lẽ sự thiếu hụt lao động nông nghiệp là rất lớn nên khả năng thất nghiệp trong một thời gian dài là rất thấp. Thật sai lầm khi tin rằng những người trẻ tuổi ra thành phố là những kẻ nghèo hơn so với những thế hệ trước đó, những người nỗ lực kiếm sống lương thiện từ mảnh đất vùng thôn quê. Trái lại đáng khác: kinh nghiệm cho thấy trong tất cả các nhân tố của người di cư, ngoài những người đã tới Mỹ, chúng ta còn phải kể đến, ở một mức độ tương đương, những tá điền trẻ tuổi, những người quyết tâm rời bỏ quê hương để tới những thành phố xa lạ. Họ cũng được chuẩn bị để đối mặt với cuộc sống bất ổn. Lẽ thường chàng trai trẻ sẽ tới thành phố với một số tiền nào đó trong túi; anh ta sẽ không cần phải mất dừng khí ngay trong đầu tiên khi số phận không ưu ái cho anh tìm được một công việc bất kể thời hạn dài ngắn thế nào. Nhưng chuyện sẽ tồi tệ khi anh đã tìm được việc rồi mà lại nhanh chóng mất việc. Tìm một công việc mới, nhất là trong mùa đông, quả là rất khó nếu không nói là không thể tìm nổi. Ngay cả vậy, những tuần đầu tiên vẫn có thể chấp nhận được. Anh ta sẽ nhận được tiền trợ cấp thất nghiệp và cố gắng xoay sở càng lâu càng tốt. Nhưng khi những đồng xu cuối cùng ra đi và khi nghiệp đoàn cũng từ chối tiếp tục trợ cấp bởi thời gian thất nghiệp quá dài, nhưng gian khó thật sự mới bắt đầu. Anh lang thang trên đường, bụng đói meo, cầm cổ và đem bán những tài sản cuối cùng, quần áo ngày càng tồi tệ; và rồi anh ta lún sâu vào cuộc sống bên ngoài, cái điều kinh khủng hơn cả những gian khổ đau thể xác, đã dần độc tâm hồn của anh ta. Nếu anh lại bị đuổi việc và nếu (điều này hay xảy ra) sự việc lại diễn ra vào mùa đông, sự khổ sở của anh lại càng gấp bội. Rồi cuộc, anh sẽ lại tìm được một công việc mới. Nhưng rồi câu chuyện cũ lại gặp lại. Điều tương tự diễn ra đến lần thứ hai, rồi thứ ba thì mọi sự càng tệ hại hơn, và dần dần anh ta học được cách chịu đựng cái bất ổn bên ngoài đó với thái độ bàng quan ngày càng lớn. Cuối cùng, việc chịu đựng lặp đi lặp lại ấy trở thành thói quen.

Chàng trai trẻ trước đây cần cù lao động là thế, giờ đây ngày càng trở lên dễ dãi khi nhìn nhận về cuộc sống và dần dần biến thành công cụ để những kẻ khác khai thác vì lợi ích của bọn chúng. Anh thường xuyên bị mất việc mà không phải vì lỗi của mình đến nỗi đôi khi anh ta chẳng thấy chuyện đó nghiêm trọng nữa, ngay cả khi mục đích của anh ta không còn là lợi ích kinh tế mà là tiêu diệt các giá trị văn hóa, chính trị hay xã hội. Anh ta không nhất thiết phải nhiệt tình với các cuộc bãi công nữa mà trở nên lãnh đạm, dửng dưng.

Với đôi mắt to, tôi có thể theo dấu cái tiến trình này với hàng ngàn ví dụ. Càng chứng kiến nhiều, tôi càng thêm ghê sợ cái thành phố to lớn, đầu tiên thì lôi cuốn người ta một cách mạnh mẽ để rồi sau đó nghiền nát họ một cách không thương xót.



Tác phẩm tái hiện một khu phố cổ ở Vienna do chính tay Hitler đã vẽ ra.

Khi mới tới đây, người ta vẫn thuộc về con người của mình; sau vài năm, họ trở nên lạc lõng với chính mình.

Tôi cũng đã trải qua tung hứng của cuộc sống nơi đô thành – ở vị trí của tôi, tôi có thể cảm nhận được những tác động của số phận ấy và ném trả nó bằng chính tâm hồn mình. Tôi còn nhìn ra một điều nữa; sự thay đổi nhanh chóng từ chỗ có việc đến mất việc và ngược lại, cùng với cái hậu quả của nó là sự bập bênh về thu nhập, cuối cùng lại khiến một người mất hết cả mong muốn

tiết kiệm và không thể thông cảm được với sự chi tiêu tăn tiện. Đường như cơ thể anh ta ngày càng quen với ngồi mát ăn bát vàng khi thuận lợi và sống đói khát khi khó khăn. Thực vậy, những cơn đói đã đập tan mọi cố gắng chi tiêu hợp lý của anh ta khi cuộc sống khá hơn. Nó vẽ ra trước mắt những nạn nhân khổ sở bởi cơn đói, cái ảo tưởng vĩnh cửu về một cuộc sống tốt đẹp và đầy giấc mơ ấy tới sự khát khao tột đỉnh đến mức ngay khi có tiền trong tay anh ta quên phắt tất cả những ý nghĩ về kỷ luật và nguyên tắc và bắt đầu sống xa hoa để tận hưởng cuộc sống. Ngay cả quỹ chi tiêu nhỏ nhoi hàng tuần cũng bị đảo lộn, nhất là khi chẳng hề có bất kỳ sự phân chia sáng suốt nào; ban đầu số tiền được tính đủ để sống cho năm ngày thay vì bảy ngày, rồi sau đó chỉ đủ cho ba ngày cũng không đủ, và rốt cuộc ngay đêm đầu tiên đã bị tiêu hết vào các cuộc rượu.

Thường thì các anh chàng như vậy có vợ và con ở nhà. Đôi khi, vợ con anh ta cũng bị ảnh hưởng bởi kiểu sống ấy, nhất là khi người đàn ông luôn luôn đối xử tốt với họ và thật lòng yêu theo cách của anh ta. Thế là cả gia đình tiêu hết sạch số tiền công của một tuần chỉ trong hai hay ba ngày; họ ăn và uống chừng nào có tiền và những ngày cuối tuần cả nhà lại đói. Người vợ lại sang nhà hàng xóm, vay mượn chút ít, xin mua chịu ở các cửa hàng thực phẩm, và theo cách ấy xoay xở vượt qua những ngày cuối tuần khổ sở. Đến trưa, họ cùng nhau ngồi trước bữa ăn đạm bạc và đôi khi là những chiếc bát rỗng không, chờ đợi tiền công của ngày kế tiếp, bàn luận về số tiền ấy, vẽ ra các kế hoạch, và trong cơn đói khát là mơ về niềm hạnh phúc sẽ tới. Bởi vậy, ngay từ khi ngày đầu tiên, lũ trẻ đã quen với cách sống khổ sở.

Mọi việc sẽ kết thúc tệ hại khi người đàn ông sống theo cách đó còn người vợ, vì lợi ích bọn trẻ, tỏ thái độ chống đối anh ta. Thế là nổ ra các cuộc cãi cọ, xích mích và rồi khi người đàn ông bị vợ ghét lạnh, anh ta lại càng thân thiết với rượu hơn. Thứ bảy nào anh ta cũng say và với bản năng tự bảo vệ mình và các con, người vợ sẽ phải đấu tranh để giành lấy dù chỉ vài xu của anh ta; và rồi, tồi tệ hơn nữa, chuyện đó thường xảy ra khi anh ta đang trên đường từ nơi làm việc tới quán rượu. Rốt cuộc anh ta trở về vào Chủ nhật, hay thậm chí là đêm ngày thứ hai, say khướt và hung dữ, luôn luôn tiêu hết đến đồng xu cuối cùng, cảnh tượng đó diễn ra thường xuyên tới mức Chúa cũng phải rủ lòng nhân từ.



Bức tranh màu nước vẽ cây cầu Hero và nhà thờ Karl tại Vienna do chính tay Hitler vẽ.

Tôi đã chứng kiến hàng trăm trường hợp như vậy. Ban đầu tôi thấy ghê tởm thậm chí cảm thấy bị sỉ nhục, nhưng về sau tôi đã hiểu được toàn bộ tầm thâm kích của nỗi cơ cực ấy và những nguyên nhân sâu xa của nó. Những con người này chỉ là nạn nhân bất hạnh của hoành cảnh khốn khó mà thôi.

Nhưng cái tồi tệ nhất là điều kiện ăn ở khi đó. Sự khổ sở mà những người lao động công nhận ở Vienna phải chịu đựng đúng thật đáng sợ. Ngay cả bây giờ, tôi vẫn tràn ngập cảm giác hải hùng khi nhớ lại những khu nhà ở tồi tàn, ngập ngụa rác rưởi bẩn thỉu, những lời tục tĩu ghê tởm và còn tệ hại hơn thế.

Điều gì sẽ xảy ra khi một ngày, từ tận cùng đau khổ, những người nô lệ vùng lên, phá tung hê rào cản để trả thù thậm chí cả những người không trực tiếp gây ra thống khổ cho họ?

Chỉ vì những kẻ đó đã không bận tâm!

Vô tư lự, họ đến mọi việc cứ thế trôi qua, và bởi hoàn toàn thiếu khả năng trực giác, họ thậm chí không thể ngờ rằng sớm hay muộn, số phận sẽ trừng phạt họ, trừ khi trong lúc còn thời gian họ xoa dịu được số phận.

Ngày hôm nay tôi phải vô cùng cảm ơn thượng đế vì đã cho tôi được học ở ngôi trường ấy. Chính ở đó tôi không còn phá hoại các môn học mà tôi không ưa. Chính ngôi trường ấy đã dậy dỗ tôi, một cách nhanh chóng và thấu đáo.

CHƯƠNG 2.2: SUY NGHĨ CỦA HITLER TRONG MÔI TRƯỜNG SỐNG KHỔ SỞ VÀ BẦN THỈU

Nếu như tôi không từng ao ước sẽ thất vọng về những con người ấy, những con người đã tạo nên môi trường sống của tôi khi đó, tôi sẽ phải học cách phân biệt giữa những nét tính cách và cuộc sống bề ngoài của họ với những nền tảng sự phát triển của chính họ. Chỉ khi đó mới có thể chịu đựng được mọi chuyện mà không hề nhụt chí. Và như thế, sinh ra từ những nỗi khổ sở và tuyệt vọng, từ sự thoái hóa tâm thường và bần thiêu, không còn là những con người mà kết quả tồi tệ của những luật lệ tồi tệ; và những khôn khéo trong đời tôi, chẳng hề ít hơn những người khác, đã giúp tôi không đầu hàng trong sự ủy mị suốt suốt trước những sản phẩm thoái hóa của quá trình phát triển này.



Vienna, nơi Hitler từng sinh sống. Hình ngôi nhà do chính tay Hitler vẽ. Không đó không phải là cách để giải quyết mọi chuyện!

Ngay cả khi đó tôi đã nhìn thấy chỉ có hai chặng đường có thể dẫn tới mục tiêu cải thiện những điều kiện tồi tệ ấy:

Ý thức sâu sắc nhất về trách nhiệm xã hội với việc tạo dựng những nền tảng phát triển tốt hơn, và quyết tâm đập tan không thương xót những lề lối cổ hủ đã thành bệnh nan y.

Chính vào lúc tạo hóa không chú ý tới việc gìn giữ những gì đang tồn tại, nhưng lại quan tâm hết mức tới sự sinh sản duy trì nòi giống các loài và ở người, thì việc làm giảm bớt những cái xấu đang tồn tại vốn được cho là theo quan điểm về bản chất con người, chín mươi chín phần trăm không thực hiện được, xem ra không quan trọng bằng việc bảo đảm một khởi nguồn lành mạnh hơn từ ban đầu cho sự phát triển tương lai.

Trong suốt cuộc đấu tranh sinh tồn ở Vienna, tôi đã nhận ra rõ ràng:

Hoạt động xã hội không bao giờ và vì bất kỳ lý do gì được phép hướng tới những chuyện tào lao về lòng nhân từ bác ái, mà phải hướng tới việc thủ tiêu những thiết sót cơ bản trong quá trình tổ chức đời sống kinh tế, xã hội của chúng ta mà hậu quả chắc chắn hay trong hầu hết các trường hợp đều có thể là sự suy thoái của các cá nhân.

Cái khó của việc áp dụng các phương pháp cực đoan và tàn nhẫn bậc nhất nhằm chống lại những kẻ tội phạm gây nguy hiểm cho quốc gia, dẫu đây chưa phải là điều kiện khó nhất, nằm ở sự đánh giá không chắc chắn của chúng ta về động cơ hay các nguyên nhân bên trong của những sự việc.

Sự thiếu chắc chắn ấy chỉ có cơ sở theo nhận thức của chính chúng ta về những tội lỗi liên quan tới các bi kịch suy thoái nòi giống; dù sự thật là như vậy, nó vẫn làm tê liệt mọi quyết định nghiêm túc và chắc chắn và phần nào phải chịu trách nhiệm cho sự yếu kém và thiếu nhiệt tình, hậu quả của thái độ do dự, trong việc thực thi các biện pháp tự bảo toàn tối cần thiết.

Chỉ khi nào chúng ta không còn bị ám ảnh bởi ý thức của chính chúng ta về sự tội lỗi, chúng ta mới có thể đạt tới sự bình yên bên trong và sức mạnh bên ngoài, dù tàn nhẫn và không thương xót nhỏ sạch những mầm cây hoang và cỏ dại.

Chính bởi đế quốc Áo thực tế không hề có pháp chế xã hội hay phát luật nên ta có thể thấy rành rành những nhược điểm của nó khi chiến đấu chống lại những khối u ác tính.

Tôi không biết điều gì khiến tôi sợ hãi nhất khi đó; cảnh sống cơ cực của những người bạn, sự thô tục về đạo đức và luận lý ở họ, hay là trình độ phát triển trí tuệ thấp kém của họ.

Đã bao nhiêu lần tầng lớp tư sản của chúng ta đẩy lên sự căm phẫn cao độ về mặt đạo đức khi nghe lời tuyên bố của những kẻ lang thang khốn cùng rằng đối với họ thì thế cả thôi, dẫu họ là người Đức hay không, cho dù ở đâu đi chăng nữa, họ vẫn thấy hạnh phúc như nhau, chừng nào họ còn đủ tiền để sống!

Không có “tinh thần tự hào dân tộc” như vậy thật đáng trách hết sức, và thật đáng sợ khi thái độ ấy lại được biểu thị rõ ràng và cả quyết đến vậy.

Bao nhiêu người đã từng hỏi bản thân đâu là lý do thực sự để khẳng định các quan điểm của họ là ưu việt?

Bao nhiêu người nhận biết được vô vàn những ký ức rời rạc về sự vĩ đại của tổ quốc trong mọi lĩnh vực đời sống văn hóa và nghệ thuật, những người mà thắng lợi hoàn toàn của họ chỉ là nhằm truyền cho bản thân lòng tự hào được là thành viên của một đất nước thần thánh?

Bao nhiêu người hồ nghi rằng mức độ của lòng tự hào dân tộc phụ thuộc vào những hiểu biết của mọi người về sự vĩ đại của đất nước trong mọi lịch vực?

Có bao giờ giới thiệu tiểu tư sản thôi quan tâm tới mức độ ít ỏi lỗi bịch mà điều kiện kiên quyết của lòng tự hào dân tộc truyền tới được những “thần dân” của nó hay không?

Chúng ta không thể tha thứ cho điều này chỉ bằng câu nói “các nước khác cũng không tốt đẹp gì hơn”, và rằng ngay cả ở các nước ấy, người lao động vẫn cứ công khai thừa nhận quốc tịch của mình. Cho dù sự thật có như vậy thì đó cũng không phải là cái cớ để chúng ta bỏ qua mọi chuyện. Nhưng nếu sự thật không phải như vậy; với những thứ mà chúng ta vẫn luôn gọi là giáo dục “kiểu sô-vanh”; chẳng hạn người Pháp lúc nào cũng nhấn mạnh tuyệt đối về sự vĩ đại của nước Pháp thường nói. Thực tế là thế hệ trẻ của Pháp không được nuôi dạy để biết suy nghĩ khách quan mà bị nhồi nhét những quan điểm hết sức chủ quan

nhiều tời mức chúng cũng quan tâm đến sự vĩ đại về chính trị và văn hóa của đất nước mình.

Sự giáo dục kiểu đó luôn được giới hạn ở những giá trị toàn diện và hoàn toàn khái quát để khi cần phải được khắc sâu vào trí nhớ và tình cảm của mọi người thông qua sự nhắc đi nhắc lại không ngừng.



Adolf Hitler.

Tuy nhiên, đất nước này không chỉ phạm phải cái tội lỗi xấu xa là đã bỏ qua mọi chuyện mà còn tích cực phá hủy những điều nhỏ nhoi mà nhiều người may mắn được học ở trường. Bè lũ phản bội đã đầu độc đất nước chúng ta về mặt chính trị giờ lại còn gặm nhấm cả những thứ ít ỏi ấy trong trái tim và ký ức của quần chúng nhân dân, ở mức độ ghê gớm hơn cả những gì mà đói nghèo và gian khổ đã từng gây ra.

Hãy thử hình dung thế này:

Trong một căn hộ tầng hầm hai buồng ngột ngạt, có một gia đình gồm bảy người đang sinh sống. Trong số năm đứa trẻ có một cậu bé ba tuổi, giả dụ vậy. Đây là cái tuổi mà ý thức của đứa trẻ sẽ tạo nên ấn tượng ban đầu. Nhưng

người tài năng có thể giữ lại những dấu vết ký ức thời kỳ này mãi tới khi về già. Sự chật chội và đông đúc quá mức trong căn phòng không đem lại những điều kiện dễ chịu. Kết quả là cãi cọ xảy ra rất thường xuyên. Trong hoàn cảnh ấy, con người không sống cùng nhau mà là đè nén, dồn ép nhau. Mọi cuộc tranh luận, kể cả về những chuyện vật vãn nhất, nếu xảy ra trong một căn hộ rộng rãi hẳn đã có thể được giảng hòa khi mọi người tránh mặt nhau với thái độ hòa nhã, và như vậy mọi chuyện tự được giải quyết, nhưng ở đây, chỉ đem lại những cuộc cãi lộn gay gắt không có hồi kết. Dĩ nhiên, bọn trẻ vẫn có thể chịu được mọi chuyện; trong hoàn cảnh ấy chúng luôn đánh lộn rồi lại nhanh chóng quên ngay. Nhưng nếu cuộc chiến ấy lại diễn ra giữa bố mẹ chúng, và hầu như ngày nào cũng diễn ra theo chiều hướng; cuộc chiến tranh cãi diễn ra với những cảnh bố hung dữ lao vào mẹ, rồi những trận đòn trong cơn say, ai chưa từng biết đến hoàn cảnh này sẽ khó mà hình dung được cái tính cách chắc chắn sẽ hình thành ở bọn trẻ sau những cuộc cãi lộn ấy. Lên sáu tuổi cậu bé đáng thương nghi ngờ sự tồn tại của những thứ chẳng đem lại điều gì cho mọi người, kể cả người lớn, ngoài nỗi khiếp sợ. Bị đầu độc về mặt đạo đức, thể chất ốm yếu vì ăn uống thiếu thốn, đầu tóc đầy chấy rận, vị “công dân” trẻ tuổi vào học ở một trường công lập. Vật lộn mãi cậu bé cũng biết đọc, biết viết, nhưng chỉ có vậy mà thôi. Cậu không thể làm bài tập về nhà được. Trong khi đó, bố mẹ cậu, ngay trước mặt con cái, dùng những từ ngữ kinh khủng không thể nhắc lại được về thầy cô và trường học của cậu, và có nhiều hướng chửi rửa thẳng vào họ là hơn dạy con mình được điều gì tử tế. Tất cả những điều mà cậu bé nghe được ở nhà không làm cậu thêm kính trọng những người thân yêu của mình. Chẳng còn dấu vết gì về những điều tốt đẹp của lòng nhân ái, chẳng có tổ chức nào không bị chửi rửa; từ các thầy cô giáo tới các vị đứng đầu chính quyền, bất kể là vấn đề liên quan tới tôn giáo, đạo đức, nhà nước xã hội, tất cả đều bị sỉ vả với những từ tục tĩu nhất và đều bị ném vào đồng rác rưởi của những cái nhìn hạ đẳng nhất. Bị đuổi khỏi trường khi mười bốn tuổi, chàng trai trẻ thật khó quyết tâm điều gì mạnh hơn cả bản thân mình. Sự dốt nát không thể tin nổi đến mức chỉ có kiến thức và năng lực thật sự mới biết được, hay là thái độ xác lảo cộng với lối sống vô đạo đức, cho dù còn ít tuổi, khiến người khác phải dựng tóc gáy.

Thử hỏi cả nhà mà đến giờ chẳng có gì khiến anh ta tôn thờ, một người chẳng gặp được một sự cao quý nào, trái lại còn hồ nghi về điều đó và nhận biết được mọi sự đê tiện của cuộc sống, có thể có được vị trí trong cái cuộc sống mà anh ta chuẩn bị bước vào?

Cậu bé ba tuổi đã trở thành một kẻ luôn khinh miệt. Cho đến lúc đó, ngoài sự bần thiêu và thô tục, chàng trai trẻ chẳng hề thấy điều gì có thể khơi dậy nhiệt tình mạnh mẽ hơn.

Nhưng chỉ tới giờ chàng trai mới bước vào trường học thật sự về những thư tồn tại ấy.

Giờ đây chàng trai bắt đầu một cuộc sống như trước đây, một cuộc sống mà cha cậu từng sống và cậu đã từng chứng kiến điều đó trong suốt những ngày thơ ấu. Chàng trai lang thang trên những góc phố, những quán bar, Chúa mới biết cậu trở về nhà vào lúc nào; và đôi khi để thay đổi không khí, cậu đánh cả người phụ nữ ốm yếu đã từng là mẹ cậu, nguyên rửa Chúa và cả thế giới, rồi rốt cuộc bị kết tội trong vụ tấn công nào đó và bị bắt đến trại cải tạo.

Ở đó cậu ta được đánh bóng lần cuối cùng. Những người bạn tiểu tư sản đáng quý ngạc nhiên cực độ khi thấy vị “công dân” trẻ tuổi này chẳng hề có cái gọi là “lòng nhiệt tình dân tộc”.

Ngày tháng trôi đi, qua những vở kịch hay những bộ phim, những tác phẩm văn hóa viết dăm dúi và những tờ báo lá cải, họ nhìn thấy hàng xô chất độc đang dồn vào nhân dân, và kinh ngạc trước “tình trạng đạo đức” thấp kém và thái độ “thờ ơ với dân tộc” của quần chúng nhân dân.



Hình ảnh Hitler chụp với học sinh năm 1936 và hình ảnh Hitler lúc còn đi học năm 1904.

Cứ như thế là những bộ phim rẻ tiền, những tờ báo lá cải, và những thứ nhơ bẩn như vậy có thể tạo nên nền tảng để người ta hiểu về sự vĩ đại của tổ quốc, ngoài những gì mọi người đã được học từ khi bé.

Những cái trước đây tôi chưa từng đặt mỗi nghi ngờ thì trong những năm ấy tôi đã được học một cách nhanh chóng và thấu đáo.

Vấn đề “Quốc gia hóa” của một dân tộc, xét trong tương quan với những vấn đề khác, cốt yếu là ở việc tạo ra những điều kiện xã hội lành mạnh, xây dựng nền móng cho triển vọng giáo dục cá nhân. Chỉ những người được học ở nhà trường và được nuôi dạy để nhận biết tầm vóc to lớn về kinh tế, văn hóa, và nhất là về chính trị của đất nước mình có thể và chắc sẽ có thể giành được niềm tự hào khi được hưởng cái quyền là thành viên của một dân tộc như vậy.

CHƯƠNG 2.3: CUỘC CHẠM TRÁN ĐẦU TIÊN CỦA HITLER

Những gì tôi biết về Dân chủ Xã Hội từ thời trẻ cực kỳ ít ỏi và hoàn toàn không chính xác.

Tôi hết sức hài lòng vì Đảng Dân chủ Xã hội đã xúc tiến cuộc đấu tranh đòi phổ thông đầu phiếu và bỏ phiếu kín. Bởi lẽ ngay cả khi đó trí thông minh mách bảo tôi rằng điều đó chắc chắn sẽ làm suy yếu chế độ Habsburg mà tôi vô cùng căm ghét. Tôi tin chắc chắn rằng Đế quốc Áo không thể nào giữ được, trừ khi tiêu diệt được hết người Đức ở đó, nhưng ngay cả những đánh đổi trong quá trình từng bước sla-vơ hóa các nhân tố Đức cũng không đem lại một sự bảo đảm nào cho khả năng sống sót thật sự của cái đế chế ấy, bởi lẽ thứ quyền lực mà bọn người sla-vơ dùng để duy trì đất nước hoàn toàn mơ hồ. Với niềm tin ấy, tôi hoan nghênh mọi sự phát triển mà theo quan điểm của tôi, chắc chắn sẽ dẫn đến sự sụp đổ của một nhà nước không thể chấp nhận được, cái nhà nước đã kết án tử hình mười triệu người dân Đức. Tòa tháp Babel vô hình càng gặm mòn và phá hoại tổ chức của Quốc hội bao nhiêu, giờ khắc tan rã không tránh khỏi của cái Đế chế kiểu Babylon càng tới gần bấy nhiêu, và cùng với nó sẽ là những giờ phút tự do của những người Áo gốc Đức chúng ta. Chỉ có bằng cách ấy mới có thể khôi phục mỗi Liên minh chính trị Đức – Áo với nước mẹ ngày xưa.



Tòa tháp Babel mà Hitler mô tả.

Do vậy hành động này của Đảng Dân chủ Xã hội không hề khiến tôi phật lòng. Và cái thực tế nó đã cố hết sức để cải thiện điều kiện sống của người lao động, dường như đã lên tiếng ủng hộ hơn là chống lại. Điều làm tôi khó chịu nhất là cái thái độ thù địch mà Đảng Dân chủ Xã hội dành cho cuộc đấu tranh giữ gìn và bảo vệ những giá trị Đức, sự tranh thủ đáng hổ thẹn lũ người sla-vơ mà chúng gọi là “đồng chí”, những kẻ một mặt chấp nhận lời tuyên ngôn về tình thương trong chừng mực nó phải gắn chặt với sự nhượng bộ thực tế, nhưng mặt khác lại giữ cái thái độ ngạo mạn, trịch thượng, ban phát cho lũ ăn mày khó ưa phần thưởng xứng với chúng.

Vì thế, mặc dù mười bảy tuổi tôi nhưng tôi hầu như chưa biết đến cái từ “chủ nghĩa Marx” trong khi đó với tôi, khái niệm “Dân chủ Xã hội” và chủ nghĩa xã hội là hai khái niệm đồng nhất với nhau. Ở đây, một lần nữa lại cần đến bàn tay của số phận giúp tôi mở mắt để thấy được sự phản bội chưa từng có ở con người.

Cho đến lúc đó, tôi mới chỉ biết về Đảng Dân chủ xã hội với tư cách một người ngoài cuộc bàng quang đứng ngó nghiêng mấy cuộc biểu tình với đông đảo quần chúng tham gia, mà không nhìn thấu được, đâu chỉ là thoáng qua nhất, cái tâm tính của những đảng viên của đảng này cũng như bản chất học thuyết của chúng; nhưng giờ đây, chỉ với một cuộc gặp bất thành linh, tôi được tiếp xúc với những sản phẩm của nền giáo dục và “triết lý” kiểu Dân chủ xã hội ấy. Trong vài tháng, tôi đã thu được những điều lẽ ra phải mấy hàng chục năm mới có được: tôi có cơ hội biết đến ả gái điếm thâm độc nhưng lại khoác vẻ ngoài của đức hạnh xã hội và tình bằng hữu anh em, để từ đó nuôi niềm hy vọng rằng lòng nhân ái sẽ giải thoát thế giới một cách nhanh nhất, bởi nếu không thế giới sẽ sớm mất hết tình người.

Cuộc chạm trán đầu tiên với các đảng viên Đảng Dân chủ Xã hội diễn ra khi tôi đang là một công nhân xây dựng.

Ngay từ ban đầu mọi chuyện đã không được hay ho cho lắm. Lúc đó tôi quá bận rộn với số mệnh của chính mình tới mức tôi chẳng mấy bận tâm về những người xung quanh. Quần áo hầu như vẫn nghiêm chỉnh, lời ăn tiếng nói vẫn được trao dồi, và lối hành xử thì vẫn không thay đổi. Tôi kiếm việc làm chỉ để khỏi chết đói, để có cơ hội được tiếp tục học hành, đầu thật là chậm chạp. Có

lẽ tôi đã không hề bận tâm tới môi trường mới của mình nếu như vào ngày thứ ba hay thứ tư gì đó, không xảy ra một sự kiện buộc tôi ngay lập tức phải nhận một vị trí. Người ta yêu cầu tôi gia nhập Đảng.

Thực tế là tôi chẳng hề biết gì về tổ chức công đoàn cả. Tôi chẳng thể chứng minh được sự hiểu biết ấy nếu có thì có lợi hay có hại nữa. Khi người ta bảo tôi phải tham gia, tôi đã từ chối. Lý do của tôi khi đó là tôi không hiểu mọi chuyện, rằng tôi sẽ không dễ bị ép phải tham gia bất kỳ thứ gì. Có lẽ lý do đầu tiên của tôi đã khiến tôi không bị người ta quăng đi. Có lẽ người ta hy vọng có thể biến đổi tôi hay bẻ gãy sự kháng cự của tôi trong vài tuần gì đó. Trong mọi trường hợp, họ đều phạm sai lầm nghiêm trọng. Sau hai tuần tôi không hề tham gia, ngay cả khi tôi muốn làm thế. Trong hai tuần ấy, tôi bắt đầu hiểu rõ hơn những người xung quanh mình, và không một thế lực nào trên thế giới có thể buộc tôi phải gia nhập một tổ chức mà các thành viên của nó xuất hiện trước mắt tôi trong theo cái cách thiếu thiện chí đến vậy.

Trong những ngày đầu tôi đã rất giận dữ.

Buổi trưa, một vài công nhân đến mấy quán rượu gần đó còn những người khác ở lại công trường và ăn bữa trưa, như thường lệ, hết sức đạm bạc. Đó là những người đàn ông đã có gia đình được vợ mang cho món súp bữa trưa được đựng trong những cái bát trông thật thảm hại. Càng đến cuối tuần, số người ở lại ăn trưa càng đông, lý do tại sao thì mãi về sau tôi mới biết. Trong những lúc ăn trưa ấy, người ta bàn luận về chính trị.

Tôi uống chai sữa và ăn mẩu bánh mì đã bị mốc một vài chỗ, cẩn thận dò xét những người bạn mới hay suy ngẫm về số phận khổ sở của mình. Tuy vậy, tôi vẫn nghe được rất nhiều điều; và thường thì có vẻ như mọi người cố tình tiến gần đến chỗ tôi, có lẽ là để bắt tôi phải tham gia. Trong mọi trường hợp, những điều tôi được nghe khiến tôi giận dữ cùng cực. Những con người này đã khước từ mọi thứ; khước từ đất nước vốn là phát minh của “bọn tư sản” (sao mà tôi buộc phải nghe đến cái từ này nhiều thế!); khước từ mảnh đất quê hương đã bị biến thành công cụ để bọn tư sản bóc lột người lao động; khước từ những luật lệ được dùng làm phương tiện để đàn áp người vô sản; khước từ trường học đã biến thành nơi nuôi dưỡng người ta thành nô lệ và chủ nô; khước từ tôn giáo đã bị biến thành phương tiện khiến con người trở nên đàn độn cho kẻ khác dễ bóc

lột hơn; khước từ thứ đạo lý thực chất là triệu chứng của căn bệnh chỉ biết ngoan ngoãn và ngu dốt chịu đựng; và còn khước từ vô số những thứ khác. Hoàn toàn không tìm thấy bất kỳ điều gì đi qua bùn lầy của vực thẳm đáng sợ ấy.



Hitler từng làm việc tại công trường.

Thoạt đầu, tôi cố giữ im lặng. Nhưng cuối cùng, tôi không thể chịu được nữa. Tôi bắt đầu nhập cuộc và chống lại, nhưng tôi buộc phải thừa nhận rằng mọi chuyện hoàn toàn vô vọng cho tới khi tôi có được những hiểu biết rõ ràng và chắc chắn về những điểm gây tranh cãi. Và thế là tôi bắt đầu kiểm tra nguồn gốc bọn tư bản và có thể thu được cái mà chúng tưởng là sự thông thái. Tôi nghiên cứu sách vở hết cuốn này đến cuốn khác.

Từ lúc đó, những cuộc thảo luận nơi làm việc thường rất sôi nổi. Tôi phản bác, và ngày qua ngày lại càng biết nhiều điều hơn những kẻ đối lập với mình, cho tới một ngày chúng đã sử dụng thứ vũ khí có thể chế ngự lý trí một cách dễ dàng nhất: khủng bố và bạo lực. Một vài kẻ diễn thuyết của phe đối lập buộc tôi lựa chọn hoặc phải rời khỏi công trường ngay lập tức hoặc chúng sẽ quẳng tôi xuống đất từ dàn giáo. Bởi lẽ tôi hoàn toàn đơn độc và sự kháng cự dường như vô vọng, tôi, giờ đây đã có nhiều kinh nghiệm hơn, quyết định chọn cách thứ nhất.

Tôi ra đi lòng đầy căm phẫn, nhưng cùng lúc đó tôi hết sức bối rối bởi tôi thật sự không thể hoàn toàn quay lưng với công việc ấy. Sau cơn giận đầu tiên, cái tính ương ngạnh đã lấy lại quyền kiểm soát trong tôi. Tôi quyết định đến làm ở một công trường khác bất chấp những gì đã xảy ra. Quyết định ấy càng được củng cố bởi chỉ vài tuần sau đó, khi tôi đã tiêu hết số tiền tiết kiệm ít ỏi từ đồng lương, tôi lại bị siết chặt trong vòng tay nhần tâm của “Thần đói nghèo”. Tôi buộc phải trở lại cho dù có muốn hay không đi nữa. Câu chuyện cũ lại lặp lại và kết cục chẳng khác lần đầu là mấy.

Tôi đấu tranh với nơi sâu kín nhất tâm hồn: những kẻ này có phải là con người không, có xứng đáng thuộc về một dân tộc vĩ đại hay không?

Thật là một câu hỏi đau đớn; bởi lẽ nếu câu trả lời là có, cuộc đấu tranh vì dân tộc của tôi thật sự không xứng đáng với những gian khổ và hy sinh mà những người ưu tú nhất trong số chúng ta phải chịu đựng vì lợi ích của lũ người cận bã đó; còn nếu câu trả lời là không, dân tộc của chúng ta thật sự đáng thương và thảm hại làm sao giữa các dân tộc khác.

Trong những ngày suy nghĩ và nghiền ngẫm ấy, tôi đã nghĩ nhiều về số đông những kẻ không còn thuộc về dân tộc mình và chứng kiến đám người đó ngày càng phình lên gần tới số lượng của một đội quân đáng sợ.

Với những cảm xúc đã thay đổi, giờ đây tôi chăm chú dõi theo những hàng người biểu tình của tầng lớp lao động thành Vienna khi họ vai kề vai diễu hành bên nhau. Trong hai tiếng đồng hồ, tôi đứng đó, hồi hộp nhìn ngắm dòng người đông đúc như một con rồng khổng lồ chậm chậm uốn mình qua các phố. Trong nỗi lo âu đè nặng tâm can, cuối cùng tôi rời khỏi nơi đó và thông thả cuộc bộ về nhà. Trên đường về, tôi nhìn thấy tờ Công nhân Nhật báo trong một hiệu thuốc lá, tờ báo được coi là cơ quan ngôn luận chủ yếu của Đảng Dân chủ Xã hội nước Áo cũ. Nó vẫn có mặt ở các quán cà-phê dành cho những người ít tiền, nơi tôi vẫn thường tới để đọc báo; nhưng tới lúc đó tôi chưa từng dành quá hai phút vào những trang báo mà giọng điệu của nó với tôi giống như sự đả kích về đạo đức. Thất vọng vì cuộc biểu tình, tôi bị sai khiến bởi một giọng nói bên trong buộc phải mua và đọc tờ báo ấy một cách cẩn thận. Tới đó tôi đã làm như thế, cố nén cơn cuồng giận cứ thi thoảng dâng lên bởi thứ dung dịch cô đặc của những lời dối trá.



Cuộc biểu tình trước Nghị viện Vienna năm 1918.

Hơn cả bất cứ lý thuyết nào, việc đọc hàng ngày tờ báo của Đảng Dân chủ Xã hội đã giúp tôi tìm hiểu bản chất bên trong của các quá trình tư duy ấy.

Bởi lẽ thật là khác biệt giữa những lời lẽ đẹp đẽ về tự do, về cái đẹp với những chân lý giá trị trong cái thứ lý thuyết chẳng qua là một mớ hỗn độn những ngôn từ bịp bợm nhưng ngoài mặt lại thể hiện một sự hiểu biết uyên thâm và khổ công tích lũy, một chuẩn mực đạo lý về lòng nhân đạo đáng ghê tởm – tất cả những thứ đó được viết ra với sự xúc phạm không thể tin nổi cùng những lời tiên tri đoán chắc – và với tờ nhật báo đầy dã tâm, bằng những hành vi đê hèn, đã sử dụng mọi thủ đoạn vu khống, lừa bịp mọi người bằng sự điêu luyện bậc thầy có thể bẻ gãy những thanh rào làm bằng sắt, tất cả đều nhân danh niềm tin về một lòng nhân ái mới. Tờ báo này nhắm tới những kẻ ngu ngốc ở tầng lớp giữa, chứ không phải là những kẻ ở tầng lớp trên, có giáo dục, “có địa vị”, những kẻ không cùng phía với quần chúng nhân dân.

Với tôi, khi mê mải với những thứ lý thuyết và báo chí của học thuyết hay tổ chức này cũng là khi tôi tìm đường quay về với dân tộc tôi. Điều trước đây

với tôi dường như là vực thẳm không thể vượt qua giờ đây lại trở thành nguồn nuôi dưỡng tình yêu ngày càng mạnh mẽ hơn bao giờ hết.

CHƯƠNG 2.4: GIAI CẤP TƯ SẢN CHẴNG BAO GIỜ CÓ THỂ BÙ ĐÁP ĐƯỢC TỘI LỖI CỦA MÌNH

Chỉ có kẻ ngốc mới có thể ngắm nhìn công trình của kẻ đầu độc dê hèn này mà vẫn kết tội những nạn nhân. Càng trở nên độc lập hơn trong những năm tháng tiếp theo, triển vọng thành công của tôi càng rõ ràng, nhờ thế tôi đã thấu hiểu được những căn nguyên bên trong của Đảng Dân chủ Xã hội. Giờ đây tôi đã hiểu được ý nghĩa của những đòi hỏi khắt khe buộc tôi chỉ đọc báo của cộng sản, chỉ tham dự các cuộc họp của cộng sản, chỉ đọc sách của cộng sản, v.v... Tôi nhìn thấy rõ ràng trước mắt kết quả không thể tránh khỏi của thứ giáo lý về sự không khoan nhượng này.

Tâm lý của phân đông quần chúng là không thể tiếp thu những thứ yếu ớt và hời hợt nửa vời.



Một bức tranh của Hitler - ông đã sản xuất và bán hàng trăm bức họa để kiếm sống trong 1908-1913.

Giống như phụ nữ, những người mà trạng thái tâm lý dễ bị ảnh hưởng bởi cái cảm xúc mong mỏi mơ hồ về một sức mạnh có thể bổ sung cho những thiếu sót trong bản chất của họ hơn là những lý lẽ trừu tượng, và vì thế cũng là những người thà cuối đầu khuất phục trước một người đàn ông mạnh mẽ còn hơn là làm chủ một kẻ yếu đuối, quần chúng nhân dân cũng thường yêu quý một người biết chỉ huy hơn là một kẻ chỉ biết cầu xin, và thâm tâm thấy hài lòng bởi một thứ giáo lý, chẳng tổn hại đến ai ngoài chính bản thân nó, hơn là chấp nhận quyền tự do kiểu tự do chủ nghĩa mà với sự tự do ấy, những gì họ có thể làm là rất ít và họ dễ cảm thấy bị cấm đoán. Những người này đều không nhận thức được sự khủng bố tâm linh vô liêm sỉ dành cho họ và sự lạm dụng ghê tởm quyền tự do con người của họ, bởi lẽ họ hoàn toàn không hề nghi ngờ sự điên rồ bên trong của toàn bộ thứ giáo lý này. Tất cả những gì họ thấy được là một sức mạnh tàn ác và sự dã man trong những biểu hiện được tính toán kỹ lưỡng của thứ giáo lý ấy mà rốt cuộc họ luôn phải phục tùng.

Nếu có một học thuyết khác với một chân lý mạnh mẽ hơn, nhưng phương pháp tiến hành cũng tàn bạo như thế, xuất hiện để chống lại chủ nghĩa Dân chủ Xã hội, thì chắc chắn nó sẽ chiến thắng, dầu rằng điều đó có thể đem đến một cuộc chiến đấu khốc liệt nhất.

Trước khi khoảng thời gian hai năm trôi qua, tôi đã hiểu rõ lý thuyết cũng như phương pháp vận hành của phe Dân chủ Xã hội.

Tôi hiểu được trò khủng bố tâm linh bỉ ổi mà cái phong trào này áp dụng, nhất là với giai cấp tư sản, những kẻ đủ khả năng đối phó với những cuộc tấn công ấy cả về khía cạnh đạo và tinh thần; với một dấu hiệu rõ ràng, nó đặt ra một chương ngại vật thực sự bằng những lời dối trá và vu khống can bước bất kỳ kẻ đối lập nào có vẻ nguy hiểm nhất, cho tới khi tinh thần của những kẻ bị tấn công ấy hoàn toàn quy sụp, và để lập lại hòa bình, họ buộc phải hy sinh cái cá thể đáng khinh của mình.

Tuy vậy, lũ ngốc đó đâu có nhận được hòa bình.

Trò chơi bắt đầu và lặp đi lặp lại tới khi nỗi sợ hãi lũ người đê tiện điên rồ rốt cục khiến cho nạn nhân hoàn toàn tê liệt.

Những kẻ theo chủ nghĩa Dân chủ Xã hội biết rõ hơn ai hết giá trị của sức mạnh nhờ kinh nghiệm của chính bản thân mình, bởi thế chúng tấn công với sự

tàn bạo nhất vào những kẻ có mục tiêu tiên quyết là tìm ra chân tướng của mọi sự việc. Ngược lại chúng tán dương những kẻ yếu đuối của phe đối lập, khi thì rất thận trọng, khi lại rất âm ỉ, tùy theo mức độ trí tuệ thật sự hay chúng cho rằng thế ở những người này.

Chúng sợ bản chất mạnh mẽ của những bộ óc tầm tầm hơn là những thiên tài thật sự nhưng lại yếu đuối và nhu nhược.

Nhưng với lòng nhiệt tình mạnh mẽ nhất, chúng ca ngợi những kẻ yếu đuối cả về trí tuệ và sức mạnh.

Chúng biết cách tạo ra cái ảo tưởng rằng đó là con đường duy nhất để duy trì hòa bình, và cùng lúc đó, lén lút nhưng rất điều đặn, chúng chiếm lấy hết vị trí này đến vị trí khác, khi thì ngấm ngấm tống tiền, khi thì trộm cắp thật sự, vào những thời điểm khi mọi người mãi hướng tới những vấn đề khác, và hoặc giả không muốn bị làm phiền hay cho rằng vấn đề đó quá nhỏ chẳng cần làm âm ỉ lên, thế nên một lần nữa lại chọc tức kẻ đối lập bỉ ổi.

Đây là một chiến thuật dựa trên sự tính toán chính xác những nhược điểm của con người, và kết quả là sẽ thành công với sự chắc chắn gần như chính xác trừ khi phía đối phương cũng biết cách đáp trả theo kiểu dĩ độc trị độc.

Nghĩa vụ của chúng ta là phải làm cho tất cả những kẻ yếu biết rằng đây là vấn đề tồn tại hay không tồn tại.

Tôi lại được hiểu rõ về ý nghĩa của trò khùng bố thể chất đối với các cá nhân và quần chúng nhân dân.

Ở đây một lần nữa hiệu ứng tâm lý có thể cũng đã được tính toán chính xác.

Hành động khùng bố ở nơi làm việc, trong các xí nghiệp, nơi hội họp, và vào những dịp biểu tình đại chúng sẽ luôn thành công trừ khi vấp phải sự chống đối với mức độ khùng bố tương tự.

Trong trường hợp này, không nghi ngờ gì, các phe phái sẽ kêu gọi sự tàn sát đẫm máu; mặc dù đã coi khinh mọi quyền lực quốc gia từ lâu, chúng sẽ bắt đầu kêu gào đòi một thứ quyền lực tương tự và hầu như lần nào chúng cũng đạt được mục tiêu ấy giữa lúc mọi người còn đang hỗn loạn: chúng sẽ tìm ra một vị quan chức cấp cao đàn độn nào đó, kẻ hy vọng ngu xuẩn rằng thế nào cũng xoa

điều được những kẻ đối lập đáng sợ và là kẻ sẽ giúp chúng đàn áp những kẻ chống đối.



Adolf Hitler.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Chỉ những ai thấu hiểu tâm hồn con người, không phải từ những gì đọc trong sách vở, mà từ chính cuộc sống mới đánh giá được chính xác cái ẩn tượng mà sự thành công ấy đem lại cho quần chúng dù ở phía ủng hộ hay chống đối.

Càng biết rõ hơn, chủ yếu là về những biện pháp khủng bố thể chất, tôi càng khoan dung hơn với hàng trăm ngàn người không thể chống cự lại những hành vi khủng bố ấy. Điều khiến tôi biết ơn nhất với giai đoạn khổ sở ấy là chính nó đã đưa tôi trở lại với dân tộc của mình, dạy cho tôi biết phân biệt đâu là nạn nhân và đâu là kẻ lừa gạt.

Kết quả của sự lừa phỉnh này chỉ có thể được xem là nạn nhân. Bởi lẽ nếu tôi cố gắng vẽ ra vài bức tranh từ cuộc sống, mô tả cái thực chất của những tầng lớp thấp kém nhất, tôi sẽ không thể hoàn thành bức tranh ấy mà không tin chắc rằng từ trong cái hố sâu tối tăm ấy vẫn có những điểm sáng tồn tại dưới hình

thức của lòng tự nguyện hy sinh hiểm hoi, của tình bạn trung thành, của tính tiết kiệm lạ lùng, và sự e dè khiêm tốn, nhất là ở những người lao động nhiều tuổi. Cho dù những đức tính tốt đẹp ấy không còn ở thế hệ trẻ hơn, giá mà đó là vì ảnh hưởng to lớn của đô thị, vẫn còn rất nhiều người, kể cả những người trẻ, với dòng máu lạnh mạnh chảy trong huyết quản, vẫn cố gắng để vượt qua những trò bịp bợm dối trá của cuộc sống. Tuy nhiên, nếu chẳng may trong khi hoạt động chính trị, những con người đức hạnh, và thường là rất tốt bụng này, lại gia nhập cùng kẻ thù của dân tộc ta, và nhờ thế mà củng cố vững chắc địa vị của họ, thì hẳn là do họ không biết hoặc không thể biết sự đê tiện của thứ học thuyết giáo lý mới, và bởi chẳng có ai cố công quan tâm đến họ cả, và cuối cùng là vì những điều kiện xã hội có sức mạnh lớn hơn mọi ý chí chống đối có thể có khi đó. Sự nghèo đói mà sớm hay muộn họ cũng không chống đỡ nổi đã lái họ tiến về doanh trại của phe Dân chủ Xã hội.

Không biết bao nhiêu lần giai cấp tư sản đã chống lại một cách vô cùng vụng về và sai trái những đòi hỏi đã được chứng minh là chính đáng theo quan điểm chung của nhân loại, lại thêm hầu như không nhận được, hay chỉ ít cũng hy vọng sẽ nhận được, bất kỳ lợi ích nào từ thái độ ấy, nên ngay cả những người lao động tự trọng nhất cũng bị lôi kéo ra khỏi tổ chức nghiệp đoàn và tham gia các hoạt động chính trị.

Hàng triệu công nhân, tôi chắc chắn vậy, khởi đầu đều coi Đảng Dân chủ Xã hội là kẻ thù từ trong sâu thẳm tâm hồn, nhưng sự phản kháng của họ đã bị đánh bại theo một cách cực kỳ điên rồ; đó là khi các đảng phái tư sản giữ thái độ thù địch với mọi yêu cầu của một cá nhân xã hội. Sự khước từ đơn giản và thiển cận mọi nỗ lực nhằm cải thiện điều kiện làm việc, đưa ra các thiết bị an toàn cho máy móc, ngăn cấm lao động trẻ em và bảo vệ phụ nữ, chỉ ít là trong quá thời gian họ sinh cho chúng ta người đồng chí tương lai, đã góp phần lái phần đông quần chúng nhân dân vào cái cạm bẫy của phe Dân chủ Xã hội vốn luôn chớp lấy, với lòng biết ơn, mọi cơ hội tận dụng cái thái độ đáng xấu hổ ấy. Giai cấp tư sản chẳng bao giờ có thể bù đắp được tội lỗi của mình theo chiều hướng ấy, bởi lẽ với việc từ chối những nỗ lực loại bỏ sự ngược đãi, họ lại gieo vào nhân dân lòng thù hận và thậm chí dường như còn biện minh cho sự khăng

định của kẻ thù nguy hại của quốc gia rằng chỉ có Đảng Dân chủ Xã hội mới đại diện cho lợi ích của người lao động.

Theo cách ấy, thoát đầu họ đã tạo ra cơ sở đạo đức cho sự tồn tại thật sự của các nghiệp đoàn vốn luôn được coi là kẻ dốt mỗi hiệu quả nhất của các đảng phái chính trị. Trong thời gian ở Vienna, tôi bị buộc phải tham gia nghiệp đoàn, bất chấp tôi có thích hay không.

Tôi coi nghiệp đoàn là thành phần không thể tách rời của Đảng Dân chủ Xã hội theo đúng nghĩa của nó, vì thế tôi quyết định ngay lập tức – tôi đã sai lầm.

Tôi dứt khoát từ chối mà chẳng cần suy nghĩ gì hết.

Và trong vấn đề vô cùng quan trọng này, cũng như bao chuyện khác, số phận lại trở thành người dẫn dắt tôi.

Kết quả lại là sự đảo ngược với nhận định ban đầu của tôi.

Trải qua hai mươi năm, tôi đã học được cách phân biệt sự khác biệt giữa một liên hiệp, được coi là phương tiện để bảo vệ các quyền lợi xã hội chung của những người làm công ăn lương và để đạt được những điều kiện sống tốt hơn cho bản thân với tư cách một cá thể, với một nghiệp đoàn, được sử dụng làm công cụ của các đảng phái trong cuộc đấu tranh của các giai cấp chính trị.



Adolf Hitler, 35 tuổi, trong ngày ra tù từ nhà tù Landesberg, vào ngày 20 tháng 12 năm 1924.

Chính sự nhận thức của phe Dân chủ Xã hội về tầm quan trọng vô cùng to lớn của các phong trào trong nghiệp đoàn khiến họ tin chắc vào công cụ ấy và vì thế cũng vững tin vào sự thành công; còn giai cấp tư sản vì không nhận thức được điều đó đã phải trả giá bằng chính địa vị chính trị của mình. Giai cấp tư sản nghĩ rằng mình có thể chặn đứng một quá trình hợp lý bằng một thái độ “khước từ” xác lảo, nhưng trên thực tế, chúng lại thúc đẩy sự phát triển ấy theo một hướng không hợp lý. Bởi lẽ, gán cho các phong trào của nghiệp đoàn cái tên không ái quốc thật là một việc làm vô nghĩa và sai trái. Phần nào những điều ngược lại mới đúng sự thật. Nếu như hoạt động của nghiệp đoàn nhằm nỗ lực và thành công trong việc cải thiện số phận của một tầng lớp được coi là một trong những lực lượng ủng hộ căn bản nhất của một đất nước, công việc của nó không những không phải là nổi loạn hay phản đối lòng ái quốc, mà còn được coi là có “tính dân tộc” theo nghĩa chân thực nhất của từ này. Bởi lẽ, bằng cách ấy, nghiệp đoàn giúp tạo ra những tiền đề xã hội mà thiếu nó chúng ta không thể có một nền giáo dục quốc gia đại chúng. Nó giành được phần thưởng cao quý nhất

vì đã tiêu thủ những căn bệnh xã hội, tấn công sự lây nhiễm về mặt trí tuệ hay thể chất, và nhờ thế góp phần đem lại sự lành mạnh cho tổ chức chính trị.

Vì thế, việc nghi ngờ vai trò thiết yếu của nghiệp đoàn thực sự là không cần thiết.

CHƯƠNG 2.5: NHỮNG SUY NGHĨ VỀ THẾ LỰC XẤU CỦA HITLER

Chừng nào vẫn còn những ông chủ với vốn hiểu biết xã hội ít ỏi hay thiếu ý thức về tính công bằng và sự đúng mực, chừng đó những người làm công, những người góp phần cấu thành nên dân tộc của chúng ta, không chỉ có quyền mà còn có nghĩa vụ phải bảo vệ lợi ích của đông đảo quần chúng chống lại sự tham lam và vô lý của các cá nhân; bởi lẽ đối với lợi ích của một dân tộc, sự bảo vệ lòng trung thành và niềm tin vào một tổ chức xã hội cũng quan trọng như bảo vệ sức khỏe của mọi người.



Hitler mô tả hành vi thủ tiêu mọi căn nguyên của một quá trình phát triển như vậy là phục vụ lợi ích dân tộc và không khi nào lại mang nghĩa ngược lại.

Cả hai điều đó đều bị đe dọa nghiêm trọng bởi những tên chủ đáng khinh, những kẻ không hề thấy rằng xét cho cùng chúng cũng là thành viên của cộng

đồng dân tộc. Chính những hậu quả thảm khốc do sự tàn nhẫn và tham lam của chúng đã nuôi dưỡng những thế lực xấu xa vô độ trong tương lai.

Hành vi thủ tiêu mọi căn nguyên của một quá trình phát triển như vậy là phục vụ lợi ích dân tộc và không khi nào lại mang nghĩa ngược lại.

Không ai có thể nói rằng mọi cá nhân đều tự nguyện chuốc lấy hậu quả từ một sự bất công thực sự hay được cho là như vậy; nói cách khác là tự nguyện bỏ việc. Chắc chắn là không. Đây là một trò đánh bóng tưởng tượng và phải được coi là sự cố ý làm chệch hướng mỗi quan tâm của của mọi người. Việc loại bỏ những điều kiện không tốt, phi xã hội có thể sẽ phục vụ lợi ích quốc gia hoặc cũng có thể không phải như vậy. Nếu có, cuộc đấu tranh chống lại hành động ấy phải được tiến hành với những vũ khí có thể đảm bảo hy vọng về sự thành công. Tuy vậy, các cá nhân người lao động không bao giờ ở vào vị trí tự bảo vệ mình chống lại thế lực của các nhà tư bản công nghiệp lớn, bởi lẽ trong những vấn đề như vậy, kẻ chiến thắng không thể là bên công bằng hơn (nếu điều này được chấp nhận, cả cuộc chiến sẽ không còn thiếu động cơ nữa) – chắc chắn là không, vấn đề ở đây là kẻ thắng lại là kẻ có quyền lực cao hơn. Mặt khác ý nghĩa của sự công bằng chỉ riêng nó đã đưa cuộc chiến tới một kết cục hợp lý, hay nói một cách chính xác hơn, cuộc chiến chẳng bao giờ có xảy ra.

Không phải vậy, nếu sự đối xử không phù hợp hoặc phi xã hội dành cho con người nhất thiết đòi hỏi phải phản kháng thì cuộc chiến này, chừng nào các cơ quan thẩm quyền tư pháp chưa được hình thành nhằm loại những thứ xấu xa này, chỉ có thể được giải quyết bởi bên nắm quyền cao hơn. Và điều đó hiển nhiên cho thấy quyền lực của giới chủ tập trung ở một cá nhân riêng lẻ chỉ có thể bị đánh bởi sự liên kết của những người làm công cùng nhau chống lại nó, nếu họ không vội từ chối khả năng chiến thắng.

Do vậy, tổ chức nghiệp đoàn có thể củng cố những ý tưởng xã hội ẩn chứa trong các tác động thực tế của nó tới cuộc sống thường ngày, và bằng cách đó tiến tới loại bỏ các nhân tố gây khó chịu luôn làm nảy sinh sự bất mãn và không hài lòng.

Nếu sự việc không như vậy, sẽ là sai lầm vô cùng lớn với những người có thể bày ra các chướng ngại vật ngăn cản đường đi của mọi quy định luật pháp

do các thế lực xấu trong xã hội đặt ra hoặc có thể dùng ảnh hưởng chính trị gây khó khăn cho các thế lực ấy.

Ở mức độ tương tự, bởi các nhà tư sản không hiểu, hoặc cố tình không muốn hiểu, vai trò quan trọng của các tổ chức nghiệp đoàn, và chống lại nó, phe Dân chủ Xã hội đã chiếm lấy các phong trào đấu tranh. Vì thế, với tính chất nhìn xa trông rộng, chúng đã tạo ra một nền tảng vững chắc nâng đỡ cho mình trong những thời điểm gay go, khi mà mọi lực lượng ủng hộ khác đã thất bại. Theo cách đó, những mục tiêu bên trong ngày càng bị áp đảo, nhường chỗ cho những mục tiêu mới.

Phe Dân chủ Xã hội không bao giờ giới hạn cái phong trào mà chúng đã chiếm giữ ấy trong khuôn khổ những nhiệm vụ ban đầu của nó.

Chắc chắn là không, điều đó không hề nằm trong ý định của chúng.



Tấm ảnh cho là Hitler được mời dự đi thăm Rudolf Hess (thứ hai từ bên phải) khi ông đang ở trong nhà tù Landsberg.

Sau một vài thập kỷ, thứ vũ khí để bảo vệ các quyền lợi xã hội của con người, dưới bàn tay đầy kinh nghiệm của chúng, đã trở thành công cụ để tiêu diệt nền kinh tế đất nước. Và chúng không hề để cho lợi ích của người lao động cản bước mình, hoàn toàn không. Bởi lẽ trong chính trị, cũng như các lĩnh vực khác, việc gây áp lực kinh tế luôn luôn cho phép hành động đe dọa tổng tiền,

miễn là ở mặt này vẫn còn sự thiếu nguyên tắc đạo đức ở mức độ cần thiết và ở mặt kia là sự chịu đựng ngoan ngoãn không kháng cự ở mức vừa đủ.

Trong trường hợp này, có những điều đúng ở cả hai mặt.

Ở bước ngoặt của thế kỷ, hoạt động của nghiệp đoàn không còn giữ những chức năng ban đầu của mình nữa. Sau nhiều năm, nó ngày càng tiến vào lãnh địa chính trị của Đảng Dân chủ Xã hội và cuối cùng không còn tác dụng gì ngoài vai trò của một thứ vũ khí công phá trong cuộc đấu tranh giai cấp. Mục đích của nó là làm sụp đổ toàn bộ nền kinh tế rất khó khăn mới xây dựng được bằng những cú đánh liên tục, và như thế, sau khi những nền tảng kinh tế được loại bỏ, sẽ càng dễ dàng hơn để chuẩn bị dành cho đất nước một số phận tương tự. Sự quan tâm dành cho việc bảo vệ các quyền lợi thật sự của giai cấp lao động ngày càng ít đi, và cuối cùng những động cơ lợi ích chính trị đã biến việc xoa dịu những nỗi thống khổ về xã hội và văn hóa của người dân trở thành một việc hoàn toàn không được mong muốn, bởi lẽ, xét ở góc độ khác, một dân chúng đã thỏa mãn những mong ước của mình, sẽ chẳng thể lợi dụng và biến họ thành đội quân xung kích để bảo được nữa.

Các thủ lĩnh của cuộc chiến giai cấp nhìn vào sự phát triển ấy với một linh tính xấu và nỗi lo sợ rằng cuối cùng, chúng sẽ loại bỏ mọi sự cải thiện lợi ích xã hội thực sự ra khỏi tay mình, và thậm chí còn tấn công những điều đó với ý chí quyết tâm lớn nhất. Và không khi nào chúng cảm thấy bối rối khi phải giải thích cho hàng loạt những hành động dường như không thể lý giải được.

Với việc siết chặt các yêu cầu ngày càng mạnh mẽ hơn, chúng đã khiến những hành động của mình trở nên tầm thường và vô giá trị đến mức lúc nào chúng cũng có thể nói với quần chúng rằng thực ra chúng chẳng đối phó với cái gì cả mà chỉ nhằm nhe cái dã tâm làm suy yếu, thực tế là nếu có thể chúng còn muốn làm tê liệt hoàn toàn, thứ quyền lực mà chúng thấy chướng tai gai mắt của tầng lớp lao động theo một cách thức rẻ tiền nhất, bằng sự thỏa mãn đến là lộ bịch đối với những quyền lợi căn bản nhất. Cứ nhìn vào khả năng suy nghĩ yếu ớt của quần chúng, chúng ta cũng chẳng lấy làm ngạc nhiên khi những biện pháp này lại thành công.

Phe giai cấp tư sản hết sức phần nộ trước sự giả dối rõ ràng rành rành trong các chiến thuật của phe Dân chủ Tư sản, nhưng lại không hề rút ra được bài học nào, dù là nhỏ nhất, cho chính hành động của mình. Sự lo sợ của phe Dân chủ Xã hội rằng tầng lớp lao động sẽ thực sự nổi dậy, thoát khỏi vực thẳm của những nỗi thống khổ về văn hóa và xã hội, đã thúc đẩy những nỗ lực lớn nhất theo cái chiều hướng ấy, để rồi sẽ dần giành lấy vũ khí từ tay những người ủng hộ cuộc đấu tranh giai cấp.

Tuy nhiên, chúng đã không thực hiện được điều đó.

Thay vì tấn công và chiếm lấy vị trí của kẻ thù, giai cấp tư sản lại tỏ ra thích thú với việc bị dồn tới chân tường và cuối cùng lại trông cậy vào những thứ thay thế tạm thời không hề thỏa đáng, thậm chí còn vô ích bởi chúng đến quá muộn, và không những thế, còn dễ bị khước từ bởi sự tầm thường quá đỗi. Vì vậy, thực tế là mọi việc vẫn y nguyên như trước đây, chỉ riêng sự bất mãn là lớn hơn.



downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online



Hitler sử dụng thời gian mình đang còn ở trong tù Landsberg để viết lên cuốn sách "Mein Kampf".

Như thể một đám mây bão nguy hiểm, các “tổ chức nghiệp đoàn tự do” bay lơ lửng trên vùng trời chính trị và sự sinh tồn của các cá nhân.

Đó là một trong những công cụ khủng bố đáng sợ nhất đe dọa an ninh và độc lập của nền kinh tế đất nước, đe dọa sự vững mạnh của một quốc gia, và quyền tự do con người.

Và hầu hết những thứ này đã khiến cho khái niệm dân chủ trở thành một cụm từ bần thủ và lỗ bịch, và còn nói tới hình anh em bằng những từ chứa đựng đầy khinh miệt: “Và nếu các bạn, những người đồng chí của chúng tôi, không làm như thế, chúng tôi sẽ đâm vỡ đầu các bạn ngay – dễ như đếm một, hai, ba vậy!”.

Đó cũng là cách tôi quen với người bạn nhân đạo này. Sau nhiều năm, cách nhìn của tôi đã mở rộng và sâu sắc hơn, nhưng tôi chẳng hề cần thay đổi nó.

CHƯƠNG 2.6: BỘ MẶT QUỲ QUYẾT CỦA CHỦ NGHĨA MARX

Càng hiểu rõ về cái tính cách bề ngoài của bọn người Dân chủ Xã hội, tôi càng thêm mong muốn hiểu hơn cái cốt lõi bên trong học thuyết của chúng.

Dựa vào những tài liệu văn bản chính thức của Đảng Dân chủ Xã hội xem ra không giúp ích gì nhiều cho mục đích của tôi. Trong khi đề cập tới các vấn đề kinh tế, nó lại đưa ra những khẳng định và các bằng chứng giả mạo; trong khi bàn về các mục tiêu chính trị, nó lại dối trá. Không những thế, thâm tâm tôi thấy khó chịu với kiểu ngữ cú tân thời vô bổ quá chú trọng những chi tiết vụn vặt và cả lối hành văn của những thứ tài liệu ấy. Trong khi sử dụng quá nhiều từ ngữ mơ hồ, khó hiểu, chúng lấp ba lấp bắp mớ câu cú hồ lớn mà chúng tự cho là dí dỏm nhưng thực chất hoàn toàn vô nghĩa. Chỉ có những kẻ phóng túng suy đồi mới có thể cảm thấy thoải mái giữa cái mê cung lý luận và nhặt ra được cái gọi là “trải nghiệm nội tâm” từ đối thoại thôi của thứ văn học theo chủ nghĩa dada này, lại được cổ xúy bởi tính khiêm tốn mà ai cũng biết đến một tầng lớp trong số chúng ta, những kẻ luôn kiếm tìm sự thông thái uyên thâm trong những thứ mà bản thân chúng ta chẳng thể hiểu nổi. Tuy vậy, nhờ cân bằng sự giả dối về lý thuyết và những lời vô nghĩa của học thuyết này với sự tồn tại thực tế của hiện

tượng, tôi dần có được bức tranh rõ rệt về ý định thật sự bên trong của các học thuyết Dân chủ Xã hội.



Adol Hitler: tôi bị chế ngự bởi những linh tính xấu và nỗi lo sợ về cái ác.

Vào những lúc ấy như vậy, tôi bị chế ngự bởi những linh tính xấu và nỗi lo sợ về cái ác. Và rồi tôi nhìn thấy trước mắt một thứ học thuyết, được hình thành bởi thuyết duy ngã độc tôn và lòng căm ghét, có thể dẫn tới sự chiến thắng theo đúng những quy luật được tính toán chính xác, nhưng trong khi làm vậy nhất thiết sẽ đặt dấu chấm hết cho loài người.

Trong lúc ấy, tôi đã học được cách nhận biết mối liên hệ giữa thứ học thuyết giết người ấy với bản chất của một dân tộc mà cho tới khi đó tôi chưa hề biết gì về nó.

Chỉ có sự hiểu biết về người Do thái mới đem lại cho ta chiếc chìa khóa để hiểu được những mục đích bên trong, và vì thế cũng là những mục đích thực sự, của Đảng Dân chủ Xã hội.

Những khái niệm sai lầm về mục tiêu và ý nghĩa của đảng phái này như bức màn che mắt ta bỗng rơi xuống, một khi biết về dân tộc này, từ trong màn

sương mù của những câu từ bỗng hiện lên bộ mặt quỷ quyết của chủ nghĩa Marx.

Ngày hôm nay, thật khó khăn, nếu không nói là không thể, để tôi nói rằng từ khi nào hai chữ “Do thái” đem lại cho tôi lý do để có những suy nghĩ đặc biệt như vậy. Khi còn ở nhà, tôi không nhớ là đã từng nghe đến cái từ này lúc bố tôi còn sống. Tôi tin rằng hẳn là bố tôi xem mọi sự nhấn mạnh đặc biệt nào với cái từ này là một sự lạc hậu về văn hóa. Trong suốt cuộc đời mình, ông đã từng ít nhiều có quan điểm về chủ nghĩa thế giới, bất chấp tình cảm cá nhân rất rõ rệt dành cho tổ quốc, không những không hề thay đổi mà còn phần nào tác động đến tôi.

Cũng như vậy, lúc ở trường, tôi không thấy có dịp nào khiến tôi có thể thay đổi được cái hình ảnh tôi kế thừa từ bố.

Tại trường Realschule, tôi chắc vậy, tôi đã gặp một cậu bé Do thái mà tất cả chúng tôi đều đối xử rất thận trọng, nhưng đó chỉ bởi những kinh nghiệm khác nhau mà chúng tôi nghi ngờ sự chín chắn của cậu ta và chúng tôi rất không tin cậu ta; nhưng cả tôi và mọi người ở trường đều chẳng suy nghĩ gì về chuyện đó.

Mãi tới khi mười bốn hay mười lăm tuổi gì đó tôi mới bắt đầu tình cờ bắt gặp cái từ “Do thái”, rất nhiều lần, phần nào liên quan tới các cuộc thảo luận về chính trị. Điều đó khiến tôi hơi bực mình, và tôi không thể thoát khỏi cảm giác khó chịu cứ luôn xâm chiếm tôi bất cứ khi nào tôi có mặt ở các cuộc tranh luận về tôn giáo.

Khi đó tôi chẳng hề nghĩ ngợi gì về chuyện này.

Ở Linz có rất ít dân Do thái. Sau nhiều thế kỷ, vẻ bề ngoài của chúng đã bị biến đổi giống như người châu Âu và đã mang một diện mạo của con người; trên thực tế, tôi thậm chí còn tưởng chúng là người Đức. Tôi chẳng suy nghĩ gì bởi lẽ tôi không nhận ra một đặc điểm khác biệt nào ngoài thứ tôn giáo kỳ quặc. Tôi tin rằng, cái việc chúng bị hành hạ vì chuyện này đôi khi khiến sự khó chịu của tôi về những lời nhận xét thiếu thiện chí dành cho chúng trở thành sự ghê tởm.

Và rồi tôi tới Vienna.



Một góc thành phố Linz bây giờ (là thành phố lớn thứ ba của Áo).

Bị phân tâm bởi những ấn tượng phong phú với lĩnh vực kiến trúc, lại thêm bị một số phận vất vả đè nặng trong lòng, thoát đầu tôi không hề nhận biết được sự ngấm phân tầng các loại người ở nơi thành phố lớn này. Mặc dù ở thành Vienna ngày ấy có gần hai trăm nghìn dân Do thái trong số hai triệu cư dân của thành phố, tôi lại chẳng hề nhìn thấy chúng. Trong những tuần đầu tiên, tâm trí và đôi mắt của tôi không đủ khả năng tiếp nhận những giá trị và ý tưởng cứ ập tới như thác lũ. Mãi tới khi sự bình tâm dần trở lại và khi bức tranh mơ hồ trở nên rõ ràng, tôi mới bắt đầu nhìn ngó xung quanh thế giới mới của mình một cách kỹ lưỡng hơn, và giữa bao nhiêu điều tôi bỗng bắt gặp câu hỏi về dân Do thái.

Không thể nói rằng cái cách tôi quen biết dân Do thái đem lại điều gì rất thú vị. Bởi lẽ với tôi, dân Do thái chỉ khác biệt bởi thứ tôn giáo của chúng, và vì thế, vì lòng nhân từ với con người, tôi vẫn khước từ mọi sự công kích tôn giáo trong mọi trường hợp. Chính vì thế, tôi cảm thấy cái giọng điệu, nhất là của những tờ báo bài Do thái ở Vienna khi đó, dường như không xứng đáng với bề

dày văn hóa của một đất nước vĩ đại. Tôi bị ám ảnh với những ký ức về những sự kiện nhất định xảy ra thời Trung cổ, những thứ mà tôi chẳng hề mong muốn sẽ lặp lại. Bởi lẽ những tờ báo mà tôi đang nói tới không được mọi người đánh giá cao lắm (khi ấy, tôi không biết chính xác lý do cho chuyện đó), tôi coi đó chỉ là sản phẩm của cơn giận dữ và đố kỵ hơn là kết quả của một quan điểm dựa trên các nguyên tắc, dầu rằng có thể còn sai lầm.



Vienna trước khi bị hủy.

Tôi càng tin chắc như vậy khi chứng kiến những hình thức vô cùng tôn quý mà những tờ báo thực sự lớn đã sử dụng để đáp lại mọi sự công kích, hay những điều mà tôi cho là còn đáng ca ngợi hơn thế, đó là không hề nhắc đến những cuộc công kích đó; nói cách khác, thủ tiêu chúng một cách đơn giản bằng sự im lặng tuyệt đối.

Tôi sốt sắng tìm đọc những tờ báo của thế giới (như là Neue Freie Presse, Wiener, Tageblatt, v.v...) và ngạc nhiên trước phạm vi kiến thức mà những tờ báo này đem tới cho độc giả và tính khách quan trong các bài báo. Tôi trân

trọng giọng điệu cao quý của các tờ báo ấy, dù rằng lối hành văn trau chuốt quá mức đôi khi khiến tôi không hài lòng, hay thậm chí còn làm tôi khó chịu. Tuy nhiên có thể là nhịp sống nơi thủ đô đã làm nên điều đó.

Ngày đó, tôi đã nhìn thành Vienna dưới cái ánh sáng như vậy, vì thế, tôi cho rằng bản thân mình có lý do chính đáng để chấp nhận lời lý giải ấy như một cái có hoàn toàn đúng đắn.



Quảng trường Stephans, ở trung tâm phố cổ của thành phố Vienna (Áo).

Nhưng điều khiến tôi đôi khi cảm thấy khó chịu là cái xu hướng thấp kém mà những tờ báo này dùng để xu nịnh, tán tụng triều đình. Hiếm có sự kiện nào về Hoàng gia được thông báo cho độc giả mà lại không chứa đựng lòng nhiệt tình say mê hay cảm xúc u sầu, và tất cả những thứ huyền ảo ấy, nhất là khi nói tới “vị hoàng đế thông thái nhất” của mọi thời đại, hầu như luôn làm tôi nhớ tới tiếng gáy gọi bạn tình của một chú gà rừng.

Với tôi, tất cả mọi thứ dường như là giả tạo.

Trong mắt tôi, đó là vết nhơ của nền dân chủ tự do.

Xu nịnh triều đình theo những cách đáng xấu hổ như vậy chính là giết chết sự cao quý của tổ quốc.

Đó là bóng đen đầu tiên làm xấu đi mối liên hệ có tính tri thức của tôi với những tờ báo “lớn” của thành Vienna.

CHƯƠNG 2.7: TẤT CẢ MỌI CHUYỆN VỚI TÔI DƯỠNG NHƯ QUÁ TÀN ÁC

Giống như mọi khi, tôi tiếp tục ở Vienna để theo dõi những sự kiện về nước Đức với Niềm say mê sôi sục, bất kể những sự kiện đó liên quan tới văn hóa hay chính trị. Trong niềm tự hào và thán phục, tôi so sánh sự đi lên của Đế chế Đức với sự suy yếu của đế quốc Áo. Nếu như những sự kiện về chính trị ở nước ngoài đem lại cho tôi niềm vui trọn vẹn thì những khía cạnh kém vui hơn của đời sống trong nước thường khơi dậy trong tôi nỗi buồn phiền, lo lắng. Tôi không đồng tình với cuộc chiến chống lại William Đế nhị khi đó. Với tôi, ông không chỉ là vị Hoàng đế của nước Đức, mà còn là người đầu tiên và trước hết kiến tạo nên đội quân Đức. Sự kiện Quốc hội hạn chế quyền phát biểu của ông đã khiến tôi vô cùng tức giận bởi lẽ điều đó lại bắt nguồn từ một nguyên cớ mà theo tôi không hề có một cơ sở nào, và bởi những gì lũ nghị sĩ dốt nát lấp ba lấp bấp trong một phiên họp còn vô nghĩa hơn tất cả những điều mà mọi triều đại hay mọi vị hoàng đế từng làm trong hàng thế kỷ nay.



Adolf Hitler.

Tôi thấy bị xúc phạm bởi một đất nước, nơi mà những tên ngốc không những có quyền chỉ trích mà còn có ghế trong Quốc hội và được tự do điều hành đất nước với tư cách “kẻ lập pháp”, trong khi đó những con người mang vương miện hoàng gia lại phải tiếp thu “lời khiển trách” từ những kẻ lăm điều nhất của mọi thời đại.

Nhưng tôi còn phẫn nộ hơn khi cũng những tờ báo của thành Vienna ấy, vốn vẫn cúi đầu khúm núm trước những chú ngựa gầy yếu trong Triều đình, và cười phá lên vui sướng nếu tình cờ thấy chúng ve vẩy đuôi, giờ đây lại tỏ ra chỉ trích Hoàng Đế Đức, với một vẻ tưởng như quan tâm, ấy thế nhưng với tôi, đó lại là sự ác tâm không khéo che giấu. Dĩ nhiên, những tờ báo này chẳng hề có ý định cản trở những điều kiện bên trong Đế chế Đức – ôi, không, Chúa không cho phép điều đó – nhưng bằng cách đặt những ngón tay của mình lên những vết thương ấy theo một cách thân thiện nhất, chúng lại thực hiện cái nhiệm vụ được tinh thần liên minh giao phó, và ngược lại thỏa mãn các yêu cầu về sự thật báo chí, v.v... Và bây giờ đây chúng lại thọc ngón tay vào những vết thương một cách tùy thích.

Những lúc như thế, trong tôi máu bốc lên tận đầu.

Chính điều này đã khiến tôi dần dần đọc các tờ báo lớn với sự cẩn trọng hơn trước đây.

Và trong một lần như thế tôi buộc phải thừa nhận rằng, một trong những tờ báo chống Do thái, tờ Deutsches Volksblatt, có cung cách cư xử tử tế hơn các tờ báo khác.

Một điều nữa khiến tôi phát cáu là sự tôn thờ đáng khinh mà những tờ báo lớn dành cho nước Pháp. Một người Đức không thể không cảm thấy nhục nhã hơn vì mình là người Đức khi nhìn lời ca tụng ngọt xớt về cái gọi là “đất nước văn hóa lớn”. Hành động liếm gót giày quân Pháp này đã hơn một lần khiến tôi quăng ngay một trong những “tờ báo của thế giới” ấy đi. Và những lần như vậy, đôi khi tôi nhặt lấy tờ Volksblatt, một tờ báo nhỏ hơn nhưng trong những vấn đề thế này có phần dễ làm người đọc ngon miệng hơn. Tôi không đồng tình với giọng điệu bài Do thái gay gắt, nhưng đôi khi tôi cũng đọc những lập luận đem lại cho tôi những điều đáng phải suy nghĩ.

Trong mọi trường hợp, những lần như vậy dần làm tôi quen với một con người và một phong trào mà trong những ngày ấy đóng vai trò dẫn dắt các số phận của thành Vienna, đó là Tiến sĩ Karl Lueger và Đảng Xã hội Thiên chúa giáo. Khi mới tới Vienna, tôi thù ghét cả hai thứ đó. Con người đó và phong trào đó trong mắt tôi đều là “phản động”.

Tuy nhiên, ý thức về sự công bằng đã buộc tôi dần thay đổi nhận định ấy khi được biết con người ấy và công trình của ông ta; và dần dần những nhận định của tôi đã biến thành sự thán phục không dấu diếm. Ngày hôm nay, hơn bao giờ hết, tôi coi con người ấy là thị trưởng vĩ đại nhất từ trước tới nay của nước Đức.

Sự thay đổi thái độ với phong trào Xã hội Thiên chúa giáo đã đánh đổ bao nhiêu là nguyên tắc cơ bản của tôi!

Và như thế, những quan điểm về bài Do thái của tôi đã không chống cự được trước sự trôi đi của thời gian, và đó là biến đổi lớn nhất của tôi.

Điều đó đã buộc tôi phải trải qua những cuộc đấu tranh nội tâm quyết liệt nhất, và phải vài tháng sau cuộc chiến với tình cảm, lý trí của tôi mới bắt đầu giành được thắng lợi. Hai năm sau, tình cảm của tôi đã hoàn toàn khuất phục lý

trí, và kể từ đó nó trở thành người bảo vệ và canh gác trung thành nhất của lý trí.

Vào lúc xảy ra cuộc chiến đấu gay go giữa sự giáo dục về tâm hồn và lý trí lạnh lẽo, những chỉ dẫn bằng hình ảnh của các đường phố Vienna là sự giúp đỡ vô giá đối với tôi.

Đã đến lúc tôi không còn như trước đây, lang thang mò mẫm trong thành phố lớn mà giờ đây với đôi mắt mở to, tôi không chỉ thấy những tòa nhà mà còn thấy cả những con người của thành phố.

Một lần, khi tôi đi dạo qua khu trung tâm, tôi bỗng bắt gặp một người trong bộ captan mà đen với những mớ tóc quần dài màu đen. Ý nghĩ đầu tiên của tôi là “Chẳng lẽ đây là một tên Do thái?”

Bởi vì rõ ràng là người này trông không giống dân Do thái tôi từng gặp ở Linz, tôi bèn quan sát một cách ngấm ngấm và cẩn thận, nhưng càng nhìn chăm chăm vào bộ mặt ngoại bang ấy, xem xét kỹ lưỡng từng đặc điểm một, cái câu hỏi ban đầu lại càng biến dạng thành: Chẳng lẽ đây là một người Đức?



Đội cứu hỏa ở Linz vào năm 1920

Giống như mọi lần, giờ đây tôi bắt đầu cố gắng làm giảm mọi nghi ngờ qua những cuốn sách mà tôi tìm mua. Tôi mua cuốn sách đầu tiên về chủ đề bài Do thái. Thật không may, cuốn sách được viết dựa trên giả định rằng nói chung,

người đọc đã biết hoặc thậm chí hiểu về vấn đề dân Do thái ở một mức độ nào đó. Bên cạnh đó, cái giọng điệu trong cuốn sách phần lớn lại khơi dậy nỗi ngờ vực trong tôi, phần là vì những lập luận ngu dốt và thiếu khoa học một cách đáng ngạc nhiên được đưa ra để bảo vệ quan điểm bài Do thái.

Tôi lại rơi vào trạng thái cũ trong nhiều tuần kế tiếp, thậm chí hàng tháng trời.

Tất cả mọi chuyện với tôi dường như quá tàn ác và lời buộc tội quá sức tưởng tượng tới mức, bị dày vò bởi nỗi sợ hãi đã làm một điều không công bằng, tôi lại trở nên lo âu và không chắc chắn.

Tuy thế tôi không còn nghi ngờ nhiều rằng các mục tiêu nghiên cứu của tôi lại không phải là những người Đức của một thức tôn giáo đặc biệt nào đó, mà là một dân tộc trong bản chất của chính nó; bởi lẽ từ khi tôi bắt đầu quan tâm tới vấn đề này và bắt đầu có nhận thức về dân Do thái, thành Vienna bỗng hiện ra trước tôi dưới một thứ ánh sáng hoàn toàn khác so với trước. Bất cứ nơi nào tôi đến, tôi bắt đầu nhìn thấy dân Do thái, và càng nhìn thấy chúng nhiều hơn, trong mắt tôi chúng lại càng trở nên đặc biệt rõ rệt với phần còn lại của nhân loại. Nhất là ở khu trung tâm hay các khu phi bắc Kênh Danube, nhưng nhúc nhích người mà về bề ngoài không còn bất kỳ điểm tương đồng nào với người Đức.

Mọi nỗi ngờ vực trong tôi cuối cùng đã bị xua tan bởi chính thái độ của một bộ phận dân Do thái.



Dân Do thái lang thang trên đường phố tại Vienna vào năm 1915.

Trong đám Do thái xuất hiện một phong trào lớn, với sự tham gia của khá nhiều người Do thái ở Vienna, nhằm khẳng định bản sắc dân tộc của mình: đó là phong trào phục quốc Do thái.

Cứ như thể là, điều này có vẻ chắc chắn, chỉ có một bộ phận dân Do thái đồng tình quan điểm trên, trong khi đại đa số phê phán và thâm tâm từ chối cái ý tưởng đó. Nhưng khi được xem xét kỹ lưỡng, cái vẻ bề ngoài thực ra chỉ là cái cơ che đậy những động cơ cá nhân, nếu không nói là che đậy những lời dối trá. Bởi lẽ những kẻ được gọi là Do thái tự do không hề coi những kẻ theo chủ nghĩa phục quốc Do thái là phi Do thái mà chỉ là những người Do thái công khai thừa nhận bản sắc của mình một cách không thực tế, thậm chí là nguy hiểm.

Thực chất chúng vẫn cùng một loại với nhau chẳng có gì thay đổi cả.

CHƯƠNG 2.8: SỰ GHÊ TỎM CỦA DÂN DO THÁI

Chẳng bao lâu cuộc chiến đấu vờ vĩnh giữa những kẻ thuộc phái Do thái tự do và phục quốc Do thái đã làm tôi ghê tởm; bởi lẽ nó hoàn toàn giả dối, dựa trên những lời dối trá và hiếm khi thấy được sự cao quý hay trong sạch về mặt đạo đức như bọn người này vẫn tuyên bố.



Quần áo của người Do Thái trong thời Trung cổ.

Phải nói rằng, sự sạch sẽ của cái chủng tộc này, xét cả về đạo đức và cả các mặt khác, cũng là một vấn đề trong chính bản thân nó. Cứ suy từ vẻ bề ngoài của những kẻ này, ta hẳn cho rằng chúng không ưa dùng nước, và thật đáng buồn, ta lại thường nhầm mắt mà vẫn biết được điều đó. Về sau này, tôi phát buồn nôn bởi cái mùi bốc ra từ những kẻ mặc áo captan ấy. Lại thêm cả những bộ quần áo bẩn thỉu và cái vẻ ngoài ươn hèn của chúng nữa.

Tất cả những thứ đó không thể gọi là hấp dẫn được; nhưng nó lại trở nên hoàn toàn ghê tởm khi mà, ngoài bộ dạng bẩn thỉu, ta còn phát hiện ra những vết nhơ nhuốc về đạo đức ở thứ “chủng tộc được lựa chọn” này.

Chẳng mấy chốc tôi trở nên suy tư hơn bao giờ hết nhờ ngày càng hiểu thấu hơn những hình thức hoạt động mà bọn Do thái tiến hành trong những lĩnh vực nhất định.

Có hình thức tục tĩu hay phóng dăng nào, nhất là trong đời sống văn hóa, mà không có ít nhất một tên Do thái tham gia vào!

Kể cả khi ta mở xe vào bên trong một khối áp xe như vậy, ta vẫn tìm thấy, giống như lũ giò sống trong một cơ thể đang mục rữa, và thường lóa mắt bởi thứ ánh sáng đột ngột – một tên Do thái!

Trong mắt tôi những gì buộc phải toan tính kỹ chống lại dân Do thái đó là khi tôi trở nên quen với các hành động của chúng qua báo chí, nghệ thuật, văn học và nhà hát. Tất cả những lời cam đoan ngọt xót giả dối hầu như không hoặc hoàn toàn không giúp ích được gì. Chỉ cần nhìn vào một bảng cáo thị, học những cái tên ẩn sau những ngôn từ kinh tởm mà chúng dùng để quảng cáo là đủ để ta sôi máu. Đó là một thứ bệnh dịch hạch, dịch hạch trong tâm hồn, tồi tệ hơn cả nạn dịch hạch thời xưa và nó đang đầu độc mọi người! Chắc chắn rằng trình độ trí tuệ của những kẻ làm nghệ thuật này càng thấp kém thì sự sinh sản của chúng càng trở nên không có giới hạn, và tên vô lại sẽ kết thúc giống như chiếc máy tách rác, vũng vãi sự bẩn thỉu của mình vào mặt cả nhân loại. Hãy nhớ rằng số lượng bọn chúng không giới hạn. Thật kinh khủng, nhưng không thể bỏ qua, khi chính bọn Do thái, với số lượng khổng lồ, lại dường như được Tạo hóa chọn để đón nhận cái nghiệp nhục nhã này.

Liệu đó có phải là lý do mà dân Do thái được gọi là “những kẻ được chọn”?

Giờ đây tôi bắt đầu tìm hiểu kỹ lưỡng những cái tên của tất cả những kẻ tạo ra những thứ bẩn thỉu trong đời sống nghệ thuật đại chúng. Kết quả càng khiến tôi thêm căm ghét quân Do thái. Bất kể tình cảm kháng cự thế nào, lý trí của tôi vẫn buộc phải rút ra kết luận của mình.

Thực tế là chín phần mười tất cả những thứ tục tĩu văn chương, rác rưởi nghệ thuật và những lời lẽ ngu ngốc trên sân khấu kịch đều thuộc về một chủng tộc chiếm chưa đầy một phần trăm số dân cư cả nước, cái thực tế này không đơn giản cứ đổ đi là xong; đó là một sự thật phơi bày ngay trước mắt.

Và bây giờ tôi lại bắt đầu tìm hiểu những “tờ báo của thế giới” mà tôi yêu thích từ trên quan điểm đó.

Càng dò tìm sâu hơn, cái đối tượng khiến tôi thán phục trước đây càng rúm ró teo tóp hơn. Văn phong của những tờ báo ấy ngày càng trở nên không thể chịu nổi; tôi không thể không coi những thứ đó là nông cạn và sáo rỗng; tính khách quan của những bài báo giờ đây với tôi dường như ngày càng gần với những lời dối trá hơn là sự thật chân chính; và kẻ viết ra những thứ đó chính là dân Do thái.

Bao nhiêu điều trước đây tôi không nhìn thấy thì bây giờ đập thẳng vào nhận thức của tôi, và với những thứ trước đây từng đem lại cho tôi những điều đáng suy nghĩ thì giờ đây tôi học được cách nắm bắt và hiểu thấu chúng.

Giờ đây tôi nhìn cái tinh thần tự do của những tờ báo ấy dưới con mắt khác; cái giọng điệu ngạo mạn dùng để đáp trả các cuộc công kích và tiêu diệt chúng bằng cách im lặng giờ đây đã lộ ra là một trò bịp bợm vừa khôn khéo vừa xảo trá; những lời bình luận tán dương dành cho các vở kịch luôn hướng tới các tác giả Do thái, và thái độ không tán đồng chẳng nhắm vào ai khác mà chính là những tác giả người Đức. Cứ chăm trích nhẹ nhàng nhưng bền bỉ dành cho William Đệ nhị đã phối bày phương pháp, và cũng lộ rõ thái độ tán dương mà chúng dành cho nền văn hóa và văn minh Pháp quốc. Những mẫu chuyện ngắn với nội dung rác rưởi giờ đây với tôi là một sự khiếm nhã hoàn toàn, và trong ngôn ngữ của nó tôi nhận ra cái giọng điệu của một dân tộc ngoại bang, tất cả mọi thứ đều thể hiện sự thù địch với những giá trị Đức rõ rệt tới mức chỉ có thể nói đó là sự chủ ý.

Những ai là kẻ hứng thú với những chuyện này?

Liệu tất cả có phải chỉ là một tai nạn không cố ý?

Càng ngày tôi càng trở nên không chắc chắn.

Quá trình phát triển được thúc đẩy bởi cái nhìn thấu bản chất của một số vấn đề khác. Tôi đang nói tới quan điểm chung về đạo đức và đạo lý, những thứ mà phần đông bọn Do thái hay phô bày công khai và việc áp dụng thực tế những thứ ấy có thể nhìn thấy được. Ở đây, một lần nữa dường như lại dạy cho tôi một bài học về một thứ đôi khi là sự xấu xa hoàn toàn.



Leopoldstadt hơn 150 năm là điểm đáp dành cho du khách quốc tế.

Mỗi liên hệ của bọn người Do thái tới nạn mại dâm, và thậm chí hơn thế nữa, tới nạn buôn nô lệ da trắng, có thể được nhìn thấy rõ ràng nhất ở thành Vienna, rõ hơn bất kỳ thành phố nào khác ở Tây Âu, chỉ trừ khi cảng ở phía nam nước Pháp. Nếu bạn có dịp dạo bộ trong đêm các con phố và ngõ hẻm của vùng Leopoldstadt, mỗi bước đi bạn sẽ chứng kiến những sự vụ vẫn được phần đông người dân Đức dấu giếm mãi tới khi Chiến tranh khiến những người lính ở mặt trận phía đông có cơ hội nhìn thấy những thứ tương tự, hay nói đúng hơn, buộc họ phải nhìn thấy.

Vì thế, lần đầu tiên khi tôi nhận ra bọn Do thái là những kẻ máu lạnh, vô liêm sỉ và tính toán cầm đầu những vụ mua bán đồi bại đáng kinh tởm trong lớp cận bã xã hội, tôi thấy một cơn rừng mình ớn lạnh chạy dọc sống lưng.

Nhưng rồi một ngọn lửa bùng lên trong tôi. Tôi không còn né tránh các cuộc thảo luận về vấn đề Do thái; trái lại, giờ đây tôi còn tìm kiếm chúng. Và khi tôi học cách tìm ra bọn Do thái trên mọi ngã đường của đời sống văn hóa và nghệ thuật, và cả trong những hình dạng khác nhau của chúng, tôi bỗng chạm trán chúng ở một nơi tôi chưa từng nghĩ chúng sẽ xuất hiện.

Khi tôi nhận ra dân Do thái là thủ lĩnh của phe Dân chủ Xã hội, tôi bỗng sáng mắt ra. Cuộc đấu tranh dai dẳng trong tâm hồn đã tới hồi kết thúc.

Ngay cả trong các mối quan hệ hàng ngày với đồng nghiệp, tôi cũng quan sát khả năng thích nghi đáng ngạc nhiên khiến họ có những quan điểm khác nhau về cùng một vấn đề, đôi khi trong vòng vài ngày, có khi chỉ vài giờ. Tôi thấy thật khó có thể hiểu được làm thế nào mà những con người khi nói chuyện riêng với nhau cũng bộc lộ vài ý kiến hợp lý, thế mà bỗng nhiên lại tiêu tan mọi ý tưởng dưới ảnh hưởng của số đông. Thường thì thế là đủ để thất vọng. Và khi, sau hàng giờ tranh cãi, tôi tin tưởng rằng cuối cùng mình đã phá bỏ được tảng băng ngăn cách, dẹp hết những suy nghĩ vớ vẩn và bắt đầu tận hưởng chiến thắng thì ngay ngày tiếp theo, trước sự phẫn nộ, tôi buộc phải bắt đầu lại tất cả mọi chuyện; mọi thứ đã làm chẳng đem lại kết quả gì. Giống như một con lắc vĩnh cửu, ý kiến của họ cứ lắc qua lắc lại về điểm ngu dốt ban đầu.

Tôi có thể hiểu được tất cả những điều này: họ bất mãn với số phận của mình và nguyên rủa số phận đã khắc nghiệt với họ; họ căm ghét giới chủ và cho đó là những kẻ chấp pháp vô lương tâm của số phận; họ nguyên rủa các nhà cầm quyền mà trong mắt họ là lũ người vô cảm trước số phận của họ. Nhưng điều tôi không sao hiểu nổi được là lòng thù hận vô biên của những con người này với dân tộc của chính mình, khinh miệt sự vĩ đại của đất nước, bôi nhọ lịch sử, và dìm các vĩ nhân xuống bùn đen.

Cuộc đấu tranh chống lại chính giống loài của mình, thị tộc của mình, quê hương của mình thật điên rồ và không sao hiểu nổi. Điều đó trái với tự nhiên.

Ta có thể tạm thời chữa trị cho họ khỏi căn bệnh xấu xa đó, nhưng chỉ được vài ngày hay vài tuần mà thôi. Nếu sau đó bạn gặp lại kẻ mà bạn tưởng đã biến đổi được ấy, bạn sẽ thấy hần vẫn y như trước.

Trạng thái quái đản trái với tự nhiên ấy đã chiếm lĩnh toàn bộ con người hần.

CHƯƠNG 2.9: KHÔNG THỂ BẮT TÔI TỪ BỎ QUAN ĐIỂM “CĂM GHÉT” DÂN DO THÁI

Dần dần tôi nhận ra rằng báo chí của phe Dân chủ Xã hội chủ yếu là do bọn người Do thái nắm giữ, nhưng tôi không gán cho điều đó một ý nghĩa đặc biệt nào, bởi lẽ các tờ báo khác cũng ở trong hoàn cảnh y hệt. Tuy nhiên có một thực tế có vẻ đáng chú ý: không có một tờ báo nào của người Do thái có thể

được xem là mang tính dân tộc chân chính, xét theo lối suy nghĩ của tôi và những gì tôi được học.

Tôi nuốt tức giận vào lòng và cố gắng đọc những tờ báo theo kiểu Mác-xít này, nhưng nỗi khiếp sợ điều đó đã trở nên lớn tới mức tôi cố gắng trở nên gần gũi hơn với những kẻ tạo ra bộ sản phẩm này.

Từ chủ báo trở đi, tất cả đều là dân Do thái.



Hitler không ưa thích mấy dân Do Thái: "không có một tờ báo nào của người Do thái có thể được xem là mang tính dân tộc chân chính, xét theo lối suy nghĩ của tôi và những gì tôi được học."

Tôi lấy tất cả những sách báo của phe Dân chủ Xã hội mà tôi có được và tìm kiếm tên của các tác giả bài viết: toàn những cái tên Do thái. Tôi ghi chú những cái tên của những kẻ cầm đầu cũng như những thành viên của "bọn người được chọn", xem liệu chúng có phải là đại biểu Quốc hội hay thư ký công đoàn, lãnh đạo các tổ chức hay kẻ gây bạo động đường phố. Tôi luôn thấy những hình ảnh khủng khiếp giống nhau. Những cái tên như Austerlitzes, Davids, Adlers, Ellenbogens, v.v..., sẽ mãi mãi ghi khắc trong trí nhớ của tôi. Có một điều trở nên đáng quý với tôi: tôi nhận ra cái tổ chức đảng mà tôi đã có

cuộc đấu tranh khốc liệt nhất hàng tháng trời với những thành viên đê tiện của nó, hầu như hoàn toàn thuộc về một dân tộc ngoại bang, và với sự hài lòng sâu sắc và vui sướng, cuối cùng tôi đã đi đến kết luận rằng dân Do thái không phải là người Đức.

Chỉ tới bây giờ tôi mới biết rõ kẻ dẫn dụ dân tộc ta.

Chỉ một năm ở Vienna đã đủ làm tôi thấm nhuần niềm tin rằng không có người lao động nào lại ương ngạnh tới mức không khuất phục trước trí tuệ thông hiểu hơn và những lời giải thích hợp lý hơn. Dần dần tôi đã trở thành một chuyên gia về học thuyết của họ và dùng nó như một thứ vũ khí đấu tranh để bảo vệ niềm tin sâu sắc của mình.

Thành công hầu như luôn đứng về phía tôi.

Nhân dân có thể được cứu thoát, nếu như có sự hy sinh lớn lao nhất và lòng kiên trì bền bỉ.

Nhưng không thể bắt một tên Do thái từ bỏ quan điểm của mình.

Khi đó tôi vẫn ngây ngô lắm nên cứ cố làm cho chúng hiểu sự điên rồ trong những học thuyết của chúng; trong phạm vi nhỏ bé của mình, tôi nói đến khăn cả cổ, tê cả lưỡi, tưởng rằng chắc chắn sẽ thuyết phục chúng hiểu được những ý tưởng điên rồ Mác-xít tai hại đến thế nào; nhưng những gì tôi đạt được lại thường khác hẳn. Mọi chuyện cứ như thể càng hiểu rõ những tác động có tính hủy diệt của những lý thuyết Dân chủ Xã hội và các kết quả của nó, chúng lại càng thêm quyết tâm theo đuổi ý tưởng của mình.

Càng tranh cãi với chúng, tôi càng hiểu thêm về phép biện chứng của chúng. Ban đầu chúng kể lể từng sự ngu xuẩn một mà phe đối lập mắc phải, và rồi, khi đã hết cách, chính bản thân chúng lại giả đò ngu xuẩn. Nếu tất cả đều không ích gì, chúng lại ra vẻ không hiểu, hoặc nếu bị thích thú, chúng lập tức vội vã thay đổi chủ đề, trích dẫn những lời vô vị, tẻ nhạt mà nếu người ta chấp nhận, ngay lập tức chúng dẫn dắt tới những vấn đề hoàn toàn khác, và rồi, nếu lại bị tấn công, chúng sẽ lại thoái lui và vờ như không hiểu người ta đang nói về cái gì. Bất kể khi nào ai đó tìm cách tấn công chúng, họ sẽ thấy tay mình chạm vào một thứ nhót nhót quánh như thạch sẽ tách ra và chạy qua các kẽ tay mình, nhưng ngay sau đó lại tụ lại với nhau. Nhưng nếu người đó giáng cho chúng một đòn đích đáng tới mức, theo như các độc giả quan sát thấy, chúng không

thể làm gì hơn là đồng ý với họ, và nếu họ tin rằng như vậy là mình đã tiến được một bước thì họ sẽ rất dễ dàng ngạc nhiên với những gì diễn ra ngày hôm sau. Tên Do thái chẳng hề nhớ chút gì về ngày trước đó, lại tiếp tục ra rả những lời vô nghĩa như thể chưa hề xảy ra việc gì, và hẳn chẳng thể nhớ một điều gì, ngoại trừ việc hẳn đã chứng minh tính đúng đắn của những lời hẳn khẳng định ngày hôm trước.

Đôi khi tôi đứng đó sững sờ như bị sét đánh.

Tôi không biết điều gì đáng kinh ngạc hơn: giọng lưỡi lượn lẹo hay sự dối trá điêu luyện của chúng.

Dần dần tôi bắt đầu căm ghét chúng.

Tuy thế, tất cả những chuyện này cũng có một mặt tốt: càng nhìn thấy nhiều kẻ cầm đầu thực sự hay ít nhất là những kẻ truyền bá của phe Dân chủ Xã hội, tôi lại càng thêm yêu quý dân tộc mình. Bởi lẽ nếu xét tới những mảnh khóe độc ác của những kẻ dẫn dụ này, ai có thể chỉ trích những nạn nhân bất hạnh cơ chứ? Thật là khó biết bao, kể cả với tôi, khi đánh bại cái giống dối trá biện chứng này! Và thật vô ích khi thắng những kẻ dám bóp méo sự thật những gì ta nói ra, những kẻ đó chẳng hề đổ mặt xấu hổ khi phủ nhận những gì mình vừa nói để rồi ngay sau đó lại thừa nhận những điều đó.

Càng hiểu hơn về bọn Do thái tôi lại càng thêm bao dung với những người lao động. Trong mắt tôi, lỗi lầm lớn nhất không phải là ở họ mà là ở những người cho rằng chẳng nên bận tâm thương xót họ, với lòng chính trực quả cảm trao cho người con của dân tộc những gì họ đáng được hưởng, và dồn những kẻ dẫn dụ và mua chuộc kia vào chân tường.

Thôi thúc bởi những điều trải qua hàng ngày, giờ đây tôi bắt đầu lần tìm dấu vết nguồn gốc của học thuyết Mác-xít. Tôi thấy rõ ảnh hưởng của nó qua các trường hợp riêng lẻ; mỗi ngày thành công của nó lại hiện rõ rành rành trước đôi mắt chăm chú của tôi, và dùng thêm chút đầu óc tưởng tượng, tôi có thể phác ra những hậu quả của nó. Câu hỏi duy nhất còn lại là liệu kết quả đó đã có sẵn trong tiên liệu của người tạo ra học thuyết đó hay chỉ là nạn nhân của một sai lầm.

Tôi cảm thấy, cả hai điều này đều có thể xảy ra.



Bốn người lính của đảng công nhân xã hội Đức hát trước một chi nhánh Berlin tại cửa hiệu Woolworth Co trong cuộc vận động tẩy chay người Do Thái hiện đang ở Đức, vào tháng 3 năm 1933. Hitler tin rằng những người sáng lập nên cửa hiệu Woolworth Co. là người Do Thái.

Nếu là trường hợp đầu tiên, đương nhiên nghĩa vụ của một người biết suy nghĩ là phải buộc mình đứng hàng đầu trong cái phong trào chẳng hứa hẹn điều gì tốt đẹp, nếu thế còn có thể ngăn chặn thảm họa xảy ra; chứ trong trường hợp kia, kẻ tạo ra thảm họa hẳn phải là những thế lực vô cùng ác độc – bởi lẽ chỉ trong đầu lũ quái vật – chứ không thể là đầu óc con người – thì kết hoạch về một tổ chức mới có được hình hài và ý nghĩa thực sự, và những hành động của lũ quái vật ấy chắc chắn sẽ dẫn tới kết quả cuối cùng là sự sụp đổ của nền văn minh nhân loại và kế tiếp là sự hủy diệt thế giới.

Trong trường hợp này, niềm hy vọng còn lại duy nhất là đấu tranh, bằng tất cả những vũ khí mà tâm hồn, lý trí và ý chí con người có thể tạo ra được, bất kể số phận sẽ ban sự may mắn cho bên nào.

Vì thế tôi bắt đầu bắt mình phải làm quen với những kẻ đã tạo ra học thuyết đó, để hiểu hơn về những cơ sở nền tảng trong sự vận động của chúng.

Nếu như tôi có đạt được mục đích của mình nhanh hơn là trước đó tôi đã tin tưởng thì đó là những kiến thức mà tôi mới thu nhận được, đầu khi đó còn chưa thật sâu sắc, về vấn đề dân Do thái. Chỉ riêng điều đó cũng đã giúp tôi phác ra một sự so sánh thực tế giữa hiện thực và những lý luận tào lao của những kẻ đã hi sinh ra đảng Dân chủ Xã hội, bởi lẽ chính nó đã dạy tôi hiểu được ngôn ngữ của dân Do thái, những kẻ mà lời nói là để che đậy hay chí ít cũng ngụy trang những suy nghĩ của mình; mục tiêu thực sự của chúng vì thế không tìm thấy được ngay trong những dòng chữ viết ra mà được giấu rất khéo đằng sau đó.

Với tôi đã là thời điểm tôi phải trải những biến động tinh thần mạnh mẽ nhất chưa từng có.

Tôi không còn là kẻ theo chủ nghĩa thế giới yếu đuối mà đã trở thành một người ủng hộ bài Do thái.

Lại một lần nữa – và đây là lần cuối cùng – những ý nghĩ đáng sợ, nặng nề đến với tôi trong nỗi thống khổ sâu sắc cả về thể xác lẫn tâm hồn.

Khi tìm hiểu kỹ lưỡng hành động của dân Do thái trong suốt lịch sử loài người, tôi bỗng nảy ra một câu hỏi đáng sợ, liệu số phận khó lường, có thể nào vì những lý do mà chúng ta, những sinh linh tội nghiệp, không biết được, bằng ý chí quyết tâm không bao giờ thay đổi, lại mong muốn cái chủng tộc ti tiện này giành được chiến thắng cuối cùng.

Có thể nào trái đất này từng được hứa hẹn làm phần thưởng dành cho cái chủng tộc ấy, cái chủng tộc sống là vì trái đất này?

Liệu chúng ta có được quyền lợi khách quan để đấu tranh tự bảo tồn, hay phải có điều này chỉ được biện minh một cách chủ quan ở chúng ta hay không?

Khi tôi đào sâu nghiên cứu luận điệu giáo huấn của chủ nghĩa Marx và tiếp đó đem những hành vi của bọn người Do thái ra nghiên ngẫm trong sự rõ ràng điềm tĩnh, chính số phận đã trao cho tôi câu trả lời của mình.

Học thuyết của chủ nghĩa Marx của dân Do thái bác bỏ nguyên tắc cao quý của Tạo hóa và thay thế những sức mạnh và quyền lực đặc ân bằng số lượng lớn các con số và sức nặng chết người của nó. Theo cách đó, nó phủ nhận các giá trị nhân cách trong con người, không thừa nhận ý nghĩa quan trọng của dân tộc và sắc tộc, và bằng cách ấy lấy mất của con người những tiền đề cho sự sinh tồn và văn hóa của mình. Lấy học thuyết này làm nền tảng cho vạn vật thì

ất nó sẽ chấm dứt mọi trật tự mà trí tuệ con người có thể hiểu được. Và khi việc áp dụng một luật lệ như vậy chỉ đem lại sự hỗn loạn, sẽ không còn gì ngoài sự diệt vong của nhân loại trên hành tinh này.

Chỉ riêng điều đó cũng sẽ khiến những người có bản năng chính trị khác trở thành kẻ thù của hắn; trong mỗi sự vận động hắn sẽ đánh hơi thấy một điều có thể là khởi đầu cho sự kết thúc của hắn, và trong mỗi con người dù lớn nhỏ thế nào, hắn đều ngửi thấy cái mùi nguy hiểm đe dọa hắn.

Tôi sẽ còn nhiều điều nữa để nói về hạng người mặt rệp của nghị viện này.

CHƯƠNG 2.10: HITLER NHÌN NHẬN SỰ “RÈN LUYỆN” TỪ VIENNA

Ngay cả một người ở tuổi ba mươi cũng sẽ phải học rất nhiều trong suốt cuộc đời mình, nhưng những cái đó chỉ mang tính chất bổ sung và lấp đầy cái khung mà anh ta xây dựng từ những triết lý đã được anh ta tiếp nhận về cơ bản. Khi anh ta học thì việc học đó không phải là làm thay đổi những nguyên lý mà chỉ là sự nghiên cứu bổ sung, và những người ủng hộ của anh ta sẽ không có cảm giác những gì anh dạy họ từ trước tới nay là sai lầm. Trái lại là đằng khác: sự phát triển có hệ thống và nhìn thấy được ở người lãnh đạo sẽ làm những người ủng hộ thấy hài lòng, bởi lẽ với việc học đó, người lãnh đạo chỉ có làm cho những triết lý của họ sâu sắc hơn mà thôi. Và trong mắt họ điều này mà bằng chứng cho tính đúng đắn của những quan điểm mà họ có từ trước tới giờ.

Một nhà lãnh đạo buộc phải từ bỏ những triết lý của mình vì nhận ra nó hoàn toàn sai lầm, chỉ hành xử đúng chuẩn mực xã hội nếu, khi nhận ra sai sót trong cách nhìn trước đây của mình, anh ta sẵn sàng chuốc lấy những hậu quả sau cùng. Trong trường hợp như vậy, tối thiểu anh ta cũng phải thôi không tiến hành bất kỳ hành động chính trị công khai nào nữa. Bởi lẽ khi đã một lần phạm phải sai lầm thì hoàn toàn có khả năng điều đó sẽ xảy ra lần thứ hai. Và không một khả năng nào cho phép anh ta giữ lại cái quyền tiếp tục đòi hỏi, chứ đừng nói là yêu cầu, sự tin tưởng từ những người đồng chí của mình.



Hitler tự hào mình học được nhiều điều tại Vienna.

Cái cách người ta xem thường sự đúng mực xã hội ngày nay được chứng thực qua sự thoái hóa của lũ tiên dân tự thấy mình có đủ lý do để tham gia hoạt động chính trị ngay thời điểm đó.

Tôi đã cẩn thận tránh mọi sự xuất hiện trước công chúng, mặc dù tôi cho rằng mình đã nghiên cứu về chính trị sâu sắc hơn bất kỳ kẻ nào. Chỉ có trong phạm vi rất nhỏ với rất ít người tôi mới nói tới những thứ khiến tôi thấy hấp dẫn hay xúc động trong lòng. Điều này có nhiều mặt tốt: tôi học được cách bớt diễn thuyết và tìm hiểu quan điểm của mọi người cũng như nguyên nhân thường là hết sức nguyên thủy đã khiến họ cảm thấy bất bình. Và tôi tự rèn luyện bản thân mà không hề mất thời gian hay cơ hội tiếp tục con đường học vấn của mình. Chắc chắn là không có nơi nào trên nước Đức lại cho tôi cơ hội rèn luyện thuận lợi như ở Vienna.

Cùng một thời điểm, những tư tưởng chính trị về nền quân chủ Danube có tính khái quát và toàn diện hơn những tư tưởng về nước Đức cũ, không tính các vùng của nước Phổ, Hamburg và bờ biển phía Bắc. Trong trường hợp này, không nghi ngờ gì, tôi hiểu rằng, dưới tên gọi “đế quốc Áo”, cái vùng đất của

Đế chế Habsburg vĩ đại ấy, vốn là kết quả của quá trình bình ổn nước Đức, không chỉ là nguyên nhân lịch sử của sự hình thành đất nước này mà hơn thế nữa, số dân của nó còn thể hiện thứ quyền lực mà nhiều thế kỷ nay đã thổi vào cấu trúc này, hiểu theo nghĩa chính trị chỉ là thứ nhân tạo, một đời sống văn hóa bên trong. Theo thời gian, sự sinh tồn và tương lai của đất nước này ngày càng phụ thuộc vào việc có bảo vệ được tế bào hạt nhân của Đế chế đó hay không.

Nếu những vùng đất cha truyền con nối từ xưa là trái tim của Đế chế, liên tục đưa dòng máu tươi tuần hoàn khắp cơ thể sống văn hóa và chính trị thì Vienna chính là khối óc và ý chí.

Chỉ riêng vẻ bề ngoài cũng đủ để ta có lý do để gán cho thành phố này thứ quyền lực thống trị của một vị nữ hoàng hợp nhất các nhóm người, và với vẻ đẹp rạng ngời nàng khiến chúng ta quên đi những triệu chứng tồi tệ của tuổi già đang tiềm ẩn trong toàn bộ cấu trúc này.

Đế chế có thể run rẩy và rung lên dưới trận chiến đẫm máu của các dân tộc khác nhau, nhưng những người nước ngoài, và nhất là người Đức lại chỉ nhìn thấy gương mặt yêu kiều quyến rũ của thành phố này mà thôi. Điều khiến sự dối trá này lớn hơn bao giờ hết là thành Vienna khi đó dường như tham gia vào một quá trình có thể coi là sự phục hưng cuối cùng và dễ nhìn thấy nhất của mình. Dưới sự lãnh đạo của một thị trường thực sự tài năng, nơi cư ngụ của các vị hoàng đế thuộc chế độ cũ một lần nữa thức tỉnh trước tuổi trẻ diệu kỳ. Con người Đức vĩ đại cuối cùng sinh ra trong một dân tộc đã chiếm Ostmark làm thuộc địa không được chính thức xếp vào hàng ngũ những người sẽ trở thành chính khách; nhưng với tư cách thị trưởng thành Vienna, một thành phố quan trọng và là nơi ở của hoàng tộc, Tiến sĩ Lueger đã tạo ra hết thành tích đáng này tới thành tích khác trong tất cả các lĩnh vực kinh tế và văn hóa chính trị của thành phố, nhờ thế đã củng cố sức mạnh cho vùng trung tâm của cả Đế chế, và gián tiếp trở thành một chính khách vĩ đại hơn tất cả những người được gọi là “nhà ngoại giao” từ trước tới giờ.

Nếu như vì thế mà khối các dân tộc được gọi là “nước Áo” cuối cùng sẽ diệt vong, điều đó không hề làm giảm một chút nào năng lực chính trị của những người Đức trong đế chế Ostmark cũ, nhưng đó lại là kết quả tất yếu cho thấy không thể dùng mười triệu người để duy trì một đất nước của năm mươi

triệu dân thuộc các dân tộc khác nhau, trừ phi những tiền đề rõ ràng chắc chắn được thiết lập kịp thời.

Ý tưởng của những người Áo gốc Đức còn hơn cả vĩ đại.

Đã quen với việc sống trong một đế chế vĩ đại và chưa từng hết cảm xúc với những nhiệm vụ ngắn. Là người duy nhất trong đất nước này, người mà vượt xa cả ranh giới đất đai của nhà vua chật hẹp, vẫn nhìn thấy những đường biên giới của Đế chế; thực vậy, khi số phận cuối cùng đã tách anh ta ra khỏi mảnh đất quê hương chung, anh vẫn tiếp tục đấu tranh để làm chủ nhiệm vụ lớn lao và bảo vệ cho dân tộc Đức những gì mà cha ông đã từng giành được từ phía Đông trong những cuộc đấu tranh liên miên. Trong mỗi liên hệ này chúng ta cần nhớ rằng điều đó đã được thực hiện với một sức mạnh bị chia cắt; bởi trái tim và trí nhớ của những con người ưu tú nhất đã không còn tình cảm với nước mẹ chung, và chỉ còn một dấu vết được để lại cho quê hương.



Nước Áo năm 1900.

Vào những lúc minh mẫn, sự sáng suốt nhận ra quyền lực tối thượng. Nhưng theo thói quen, nó sớm bị quên lãng hay xếp xó vì khó thực hiện. Mọi ý nghĩ về một cơ cấu liên bang cho Đế chế tất sẽ thất bại bởi thiếu mất một tế bào chính trị tốt làm nên thứ quyền lực thực sự nổi bật. Thêm vào đó là những điều kiện nội tại của nước Áo khác hẳn với Đế chế Bismarck của Đức. Ở Đức, đó chỉ

là vấn đề khắc phục các điều kiện chính trị, bởi lẽ luôn luôn có một nền tảng văn hóa chung. Quan trọng nhất là, ngoài những nét ngoại bang rất nhỏ, Đế chế Đức bao gồm những thành viên của một dân tộc duy nhất.

Ở nước Áo, sự thể hoàn toàn trái ngược.

Ở đây, các tỉnh riêng lẻ, trừ Hungary, đều không có nhớ gì về tầm vóc của chính mình, hoặc vì điều đó đã bị thời gian xóa khỏi trí nhớ, hay ít nhất cũng bị che đậy và làm mờ đi. Tuy thế, trong thời điểm nguyên tắc chung của các dân tộc đang hình thành, các lực lượng dân tộc trỗi dậy ở nhiều tỉnh, và việc chống lại các lực lượng ấy khó hơn bao giờ hết khi mà ngay trên đường biên bao quanh nền quân chủ bắt đầu hình các quốc gia dân tộc mà dân cư của nó, tương ứng hoặc có quan hệ về mặt chủng tộc với dân tộc Áo, giờ đây có thể tạo ra một lực hút lớn hơn cả.

Ngay cả thành Vienna cũng không thể chịu đựng được cuộc chiến này mãi.

Khi Budapest phát triển thành một thành phố lớn, lần đầu tiên Vienna có một địch thủ mà nhiệm vụ của nó không còn là giữ gìn nền quân chủ như một tổng thể mà là củng cố sức mạnh cho một bộ phận của nền quân chủ ấy. Chỉ trong một thời gian ngắn, Prague cũng theo gương đó mà làm, rồi tới Lemberg, Laibach, v.v... Từ những thành phố nhỏ trở mình vươn lên trở thành thủ phủ của các nước thuộc Đế quốc, các trung tâm hình thành nên một đời sống văn hóa độc lập ở các nước này. Và chỉ khi đó, bản năng chính trị dân tộc mới giành được nền móng và chiều sâu tinh thần của mình. Chắc chắn đã đến lúc sức mạnh công phá của các dân tộc riêng lẻ trở nên mạnh mẽ hơn sức mạnh của các lợi ích chung, và đó sẽ là sự kết thúc của Đế quốc Áo.

Sau cái chết của Joseph Đệ nhị, quá trình vận động biến đổi này càng trở nên rõ ràng. Sự phát triển mau lẹ của quá trình này phụ thuộc vào hàng loạt các yếu tố một phần nằm trong chính bản thân nền quân chủ, một phần là kết quả của quan điểm nhất thời về chính sách đối ngoại của Đế chế. Nếu cuộc đấu tranh nhằm bảo tồn đất nước này được tiếp tục và tiến hành một cách nghiêm túc, chỉ có một chính sách tập trung hóa kiên trì và không khoan nhượng mới có thể dẫn tới thành công. Trước hết, cần phải nhấn mạnh sự gắn kết chính thức qua việc thiết lập các nguyên tắc về ngôn ngữ chung chính thức, và bộ máy

chính quyền cũng phải được cung cấp các phương tiện kỹ thuật mà thiếu nó một quốc gia thống nhất không thể tồn tại. Tương tự như vậy, một ý thức về quốc gia thống nhất chỉ có thể được nuôi dưỡng mãi mãi bằng trường học và giáo dục. Điều đó không phải là điều có thể thực hiện được trong mười hay hai mươi năm; chắc chắn phải cần hàng trăm năm; bởi lẽ trong tất cả các vấn đề về thuộc địa, sự bền bỉ, kiên trì có vai trò quan trọng hơn cả sức mạnh của thời khắc.



Hallsatt (Áo) là một làng cổ nhỏ với 800 hộ dân. Nó được UNESCO công nhận là Di sản thế giới từ năm 1997 bởi giá trị kiến trúc đặc sắc cũng như những phát hiện khảo cổ thời đại đồ sắt từ hàng trăm năm nay.

Chắc chắn rằng việc điều hành đất nước và định hướng chính trị phải được tiến hành với sự giống nhau sát sao. Với tôi, nhận biết chắc chắn lý do tại sao điều này không xảy ra là một bài học quan trọng, hay đúng hơn là, vì sao nó không được thực hiện. Người nào phạm phải lỗi lầm đã bỏ qua điều đó sẽ phải gánh tội cho sự sụp đổ của đế chế.

Hơn bất kỳ nước nào khác, nước Áo cũ phụ thuộc rất nhiều vào tầm vóc của những nhà lãnh đạo. Thiết chế này đang cần một nhà nước dân tộc mà trong

bản chất dân tộc của mình, luôn sở hữu một sức mạnh để sống sót, bất kể ban bệ lãnh đạo của nó có kém cỏi thế nào. Một nhà nước dân tộc thuần nhất, chính vì tính trì trệ cố hữu của người dân, và sức mạnh kháng cự, đôi khi có thể vẫn trụ vững một cách đáng kinh ngạc cả trước sự điều hành hay lãnh đạo yếu kém nhất trong một thời gian dài mà không hề bị tan rã từ bên trong. Vào những thời điểm ấy như thể không còn chút sức sống này trong một cơ thể như vậy, như thể nó đã chết, nhưng rồi một ngày đẹp trời, cái cơ thể tưởng như đã chế ấy đột nhiên trỗi dậy và cho cả nhân loại thấy những dấu hiệu kinh ngạc của một sức sống không thể dập tắt.

Tuy vậy, điều đó hoàn toàn khác với một đế chế bao gồm những dân tộc không giống nhau, được tập hợp lại không phải bởi một dòng máu chung mà là cùng một bàn tay kiểm soát. Trong trường hợp này, khả năng lãnh đạo yếu kém không tạo ra sự ngưng trệ của đất nước mà là sự thức tỉnh của mọi bản năng cá nhân hiện có trong dòng máu nhưng chưa thể bộc lộ khi vẫn còn một ý chí chi phối. Chỉ có một nền giáo dục chung kéo dài nhiều thế kỷ, những truyền thống chung, những quyền lợi chung, v.v..., mới có thể làm giảm nguy cơ này. Vì thế các quốc gia được thành lập càng non trẻ thì chúng càng phụ thuộc vào sự lớn mạnh của các nhà lãnh đạo, và nếu quốc gia ấy được tạo nên bởi những người lính ưu tú và những anh hùng tinh thần, chúng sẽ sụp đổ ngay sau khi người sáng lập vĩ đại duy nhất qua đời. Nhưng ngay cả sau hàng thế kỷ, những nguy cơ này vẫn không được xem là đã vượt qua được; chúng chỉ tạm ngủ yên và thường đột nhiên thức giấc ngay khi sự yếu kém của nhà lãnh đạo và sức mạnh của giáo dục cũng như những truyền thống cao cả không thể chiến thắng sự lấn tới của lời thúc giục mang tính sống còn của các bộ tộc riêng lẻ.

Đây có lẽ là lỗi râm bi thảm của Vương triều nhà Habsburg.

Chỉ vì một trong những lỗi lầm ấy, số phận đã một lần nữa giương cao ngọn đuốc soi rọi tương lai của đất nước này, và rồi nó bị dập tắt mãi mãi.

Joseph Đệ nhị, Hoàng đế La mã trị vì nước Đức, trong nỗi lo sợ và bối rối, đã nhìn thấy được vương triều của mình, bị đẩy tới góc tận cùng nhất của Đế chế, một ngày nào đó chắc chắn sẽ biến mất giữa mớ hỗn độn sự tranh giành của các dân tộc, trừ khi vào phút cuối cùng họ đều bỏ qua tổ tiên và quá khứ. Với sức mạnh phi thường, người bạn của loài người này gắng hết sức không lặp

lại điều sơ suất của tổ tiên và cố gắng lấy lại trong mười năm điều mà cả trăm năm nay chưa ai làm được. Nếu như ngài chỉ được ban tặng bốn mươi năm để thực hiện điều này, và nếu như hai thế hệ nối tiếp đó tiếp tục công việc ngài đã khởi xướng, điều kỳ diệu có thể xảy đến. Nhưng khi ngài mất đi, sau vón vẹn mười năm trên chiếc ngai vàng, kiệt quệ cả về thể chất và tâm hồn, sự nghiệp của ngài sẽ bị chôn vùi theo, chẳng còn đánh thức được ai và ngủ yên vĩnh viễn trong hầm mộ Capuchin. Những người kế nhiệm ngài không đủ khả năng thực hiện nhiệm vụ, cả trong tâm trí và ý chí.

Khi những tia chớp cách mạng của một thời đại mới lóe sáng trên bầu trời châu Âu, nước Áo cũng bắt lửa và dần dần cháy sáng.

Cuộc cách mạng năm 1848 nhẽ ra có thể là một cuộc đấu tranh giai cấp ở khắp nơi, nhưng ở Áo nó lại là khởi đầu của một cuộc chiến tranh sắc tộc mới. Không thừa nhận hay quên đi nguồn gốc của mình và đặt mình vào biến mình thành kẻ phục vụ cho cuộc cách mạng, người Đức đã định đoạt số mệnh của chính mình. Họ góp phần khơi dậy tinh thần về “nền dân chủ phương Tây” mà chỉ trong một thời gian ngắn chính nó đã xóa bỏ những nền tảng tồn tại của họ.

Sự hình thành của cơ quan đại diện quốc hội mà không cần phải thiết lập và kết tinh một ngôn ngữ chung của đất nước đã đặt viên gạch nền đầu tiên, chấm dứt sự thống trị nền quân chủ của nước Đức. Từ thời khắc ấy, chính bản thân đất nước đã mất đi. Tất cả những gì diễn ra sau đó chỉ là sự chấm dứt mang tính lịch sử của một đế chế.



Bảo tàng Vienna.

Theo dõi quá trình tan rã ấy là một việc làm vừa đau lòng vừa mang lại nhiều bài học bổ ích. Việc thi hành bản án của lịch sử được tiến hành chi tiết dưới vô vàn hình thức. Thực tế rất nhiều người bước đi mù quáng trong những biểu hiện của sự suy tàn chỉ cho thấy một điều: Chúa đã mong muốn nước Áo phải diệt vong.

Tôi sẽ không bàn chi tiết ở điểm này vì đây không phải là nhiệm vụ của cuốn sách này. Tôi sẽ chỉ đưa ra một cái nhìn triết để hơn với những sự kiện luôn là những nguyên nhân không bao giờ thay đổi dẫn tới sự sụp đổ của các quốc gia và dân tộc, và vì thế cũng có ý nghĩa quan trọng với thời đại của chúng ta, và cũng là những điều góp phần củng cố cơ sở nền tảng trong những suy nghĩ chính trị của chính bản thân tôi.

Hệ thống hai viện của người Anh được phục hồi một cách nghiêm trang trong Nghị viện và Viện nguyên lão. Chỉ trừ một việc là bản thân hai viện phần nào có điểm khác biệt. Khi Barry xây dựng các tòa nhà quốc hội của mình trên dòng sông Thames, việc làm đó đã dẫn mình vào lịch sử của Đế chế Anh và lấy ra từ đó những mẫu trang trí cho một nghìn hai trăm hốc tường, thanh đỡ và cột

chống trong công trình của mình. Vì thế, với các bức họa và các tác phẩm điêu khắc, hai tòa Thượng viện và Hạ viện đã trở thành Nhà Lưu danh của đất nước.

Đó chính là chỗ khó khăn đầu tiên của thành Vienna. Khi Hansen, một kiến trúc sư người Đan-mạch, hoàn thành phần cuối cùng của tòa quốc hội xây bằng đá cẩm thạch, ông ta không biết lấy gì để trang trí ngoại trừ những thứ vay mượn từ các tác phẩm mỹ thuật cổ xưa. Hình ảnh những chính khách và các triết gia La Mã và Hy Lạp giờ đây tô điểm cho nhà hát Opera của nền dân chủ Tây phương, và trong sự mĩa mai biểu trưng, cỗ xe tứ mã thời La mã cổ bay lượn khắp bốn hướng phía trên hai tòa nhà, đem lại ấn tượng bên ngoài mạnh mẽ nhất về những hoạt động diễn ra bên trong tòa kiến trúc.

Tính “đa dân tộc” đã nghiêm cấm mọi hành động nhằm tôn vẻ đẹp của lịch sử nước Áo trong công trình này và xem đó là sự khiêu khích và lăng mạ, cũng giống như trong bản thân Đế chế Đức, chỉ có dưới sấm sét cả các cuộc chiến tranh thế giới người ta mới dám dâng Tòa nhà Quốc hội của Wallot cho người Đức bằng một lời đề tặng.

Vào lúc chưa đầy hai mươi tuổi, khi tôi lần đầu tiên đặt chân tới tòa nhà hùng vĩ ở Franzensring để tham dự một phiên họp của Hạ viện với tư cách người xem và người nghe, lòng tôi tràn ngập những cảm giác xung đột nhau mạnh mẽ.

CHƯƠNG 3: NHỮNG TƯ DUY CHÍNH TRỊ CHUNG THỜI TÔI Ở VIENNA

Nay tôi tin chắc rằng, nói chung trừ các trường hợp thiên tài đặc biệt, người ta không nên công khai làm chính trị trước tuổi ba mươi. Kẻ đó chẳng nên làm vậy, bởi lẽ đến tận thời điểm đó thường mới hình thành được một cương lĩnh chung, mà từ đây ông ta thẩm tra các vấn đề chính trị khác nhau và xác định lập trường dứt khoát của mình. Chỉ sau khi tiếp thu được một thế giới qua cơ bản như vậy, cùng cách quan sát riêng liên tục của mình đối với từng vấn đề thời sự mà qua đó thành tựu, kẻ đó chín chắn trong nội tâm mới nên tham gia vào việc lãnh đạo chính trị trong cộng đồng.



Tòa nhà Quốc hội ở Vienna.

Nếu khác thế, thì có nguy cơ một ngày kia: hoặc là ông ta phải thay đổi lập trường của mình về những vấn đề cơ bản hoặc, trái với tri thức và nhận thức rõ hơn của mình, dừng lại ở một quan điểm, mà từ lâu nó đã chối từ sự hiểu biết và sức thuyết phục. Trong trường hợp đầu, điều này rất khó xử cho chính cá nhân ông ta, vì bây giờ ông ta tự thấy mình lung lay và có lý để không được phép chờ đợi rằng niềm tin của các tín đồ (của ông ta, ND), vẫn hướng về ông ta với độ bền chắc không gì lay chuyển nổi như trước; còn đối với những người do ông ta lãnh đạo thì một thay đổi quan điểm của lãnh tụ như vậy đem đến sự lúng túng, cộng với cảm giác về một sự nhục nhã nhất định nào đó trước những người mà cho đến nay vẫn bị họ chống lại (phe đối lập, ND). Nhưng trong trường hợp sau, xuất hiện điều mà đặc biệt ngày nay chúng ta thường thấy là: lãnh tụ càng không còn tin điều ông ta nói, thì sự tự vệ của ông ta càng nông cạn và trống rỗng, cùng với nó là sự dè dặt trong cách lựa chọn phương tiện. Trong khi chính ông ta không còn nghĩ đến việc nghiêm túc bênh vực các chính kiến của mình (người ta chẳng chết vì điều mà chính người ta chẳng tin vào nó), thì những đòi hỏi đối với các tín đồ của mình theo chính tỷ lệ nói trên ngày càng

lớn và càng trơ trẽn hơn, cho đến khi cuối cùng ông ta hy sinh nốt phần sót lại của “lãnh tụ”, để hạ cánh ở “nhà chính trị”, nghĩa là ở loại người mà chính kiến thực duy nhất là không có chính kiến, kèm theo sự quấy rầy đến hỗn xược và một nghệ thuật dối trá phát triển tới mức trơ trẽn.

Thực bất hạnh cho những người nghiêm túc, nếu một gã như vậy lại len vào được nghị viện và ngay từ đầu, người ta nên biết rằng, bản chất chính trị đối với hắn chỉ còn là cuộc hiến ngoạn cố giành quyền sở hữu mãi mãi miếng com manh áo cho cuộc đời và gia đình hắn. Vợ con càng phụ thuộc vào nó, hắn càng tranh đấu bền bỉ hơn vì sự ủy quyền này. Qua đó, bất kỳ ai khác, chỉ riêng có bản năng chính trị đã là kẻ thù cá nhân của hắn: hắn đánh hơi thấy ở mỗi phong trào mới là bước khởi màu có thể cho đoạn kết của hắn và ở mỗi con người vĩ đại nào, là mối nguy cơ đe dọa trực tiếp từ người đó.

Tôi sẽ còn nói cặn kẽ hơn về “loại rệp nghị viện” này.

Ngay cả người ba mươi tuổi cũng còn phải học nhiều khi cuộc đời mình ngày còn tiến triển, tuy nhiên điều đó chỉ là một sự bổ sung và lấp đầy cho cái khung mà thế giới quan đã được chấp nhận làm cơ bản, đặt ra cho ông ta. Việc học của ông ta không còn là sự học lại các nguyên tắc nữa, mà chỉ là sự học thêm, và các tín đồ của ông ta không phải cố nhét vào hòng mình cái cảm giác bồn chồn rằng, cho đến nay những điều ông ta dạy là sai; mà trái lại: sự tăng trưởng hữu cơ thể hiện của lãnh tụ cho phép họ hài lòng, bởi lẽ việc học của ông ta thực ra chỉ là sự đào sâu cái học thuyết của chính họ. Trong mắt họ, điều đó lại là bằng chứng cho sự đúng đắn của những quan điểm tính đến nay của họ.

Tuy nhiên, ngày nay tương ứng với một phép xã giao như vậy là điều ít ỏi ra sao, thì chỉ riêng sự sa ngã nói chung của lũ súc sinh hiện đang tự cảm thấy mình được bổ nhiệm “làm” chính trị, đã chứng minh.

Hầu như chẳng có ai trong bọn chúng được tuyển chọn cho việc đó.

Hồi ấy, bằng cách nào đó tôi tránh xuất hiện trước công chúng, mặc dầu tin rằng mình đã tìm hiểu về chính trị nhiều hơn rất nhiều kẻ khác. Tôi chỉ nói, trong giới hết sức nhỏ, về những điều kích động hay cuốn hút nội tâm mình. Cái cách nói trong khuôn khổ hạn hẹp nhất này mang lại nhiều thuận lợi: tôi học được cách ít “diễn thuyết” hơn và nhờ vậy tôi hiểu biết con người với những quan điểm và phản kháng thường hết sức cổ sơ của họ. Khi ấy tôi tự đào tạo

mình mà không để mất thời gian và khả năng tiếp tục tự đào tạo. Để làm việc đó, chắc chắn thời ấy ở Đức chẳng đâu có cơ hội thuận lợi như ở Vienna.

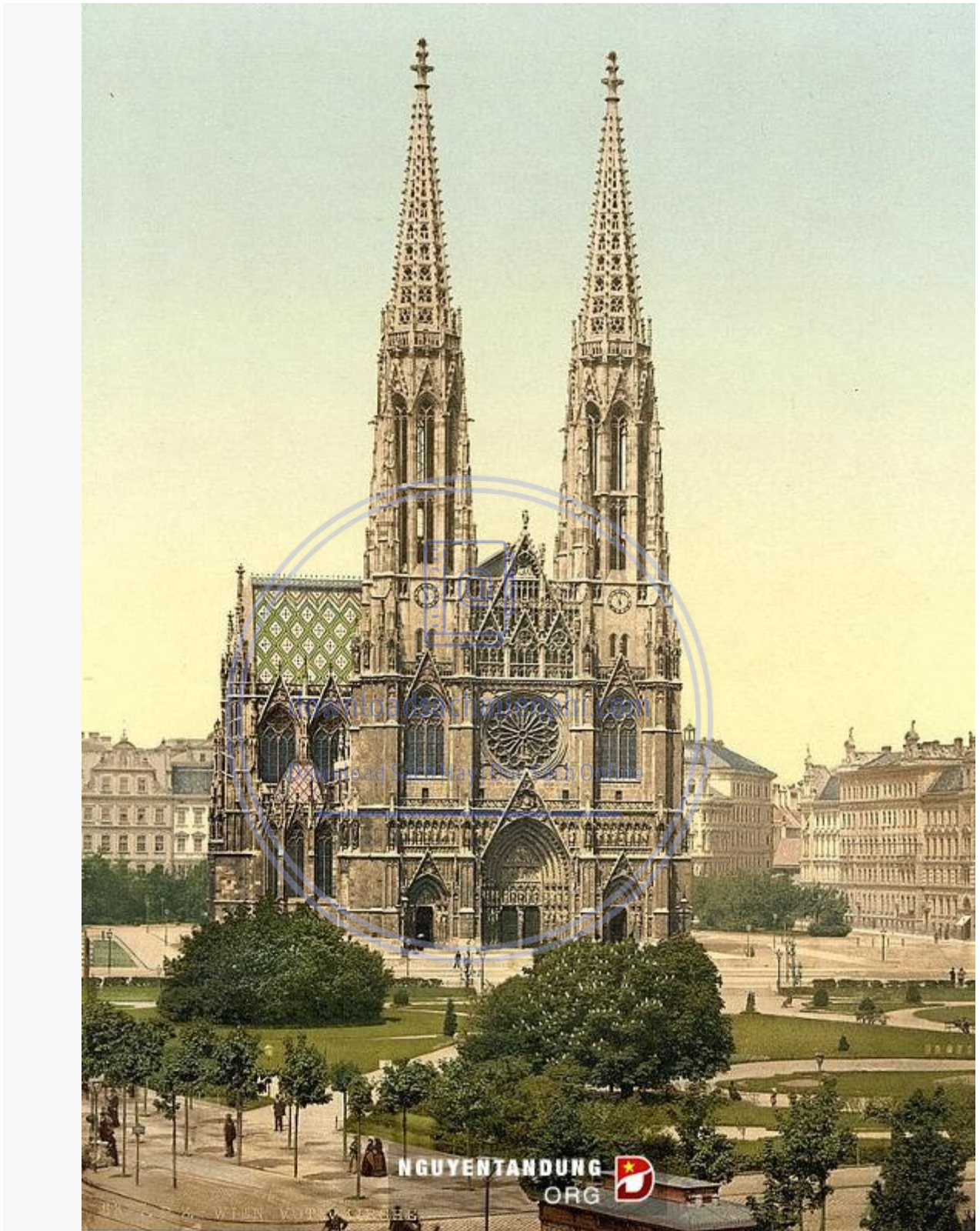
Trước hết xét về phạm vi của mình, thì tư duy chính trị chung ở nền quân chủ Danub lớn hơn và bao quát hơn nước Đức già cỗi cùng thời gian đó – loại trừ các phần của Phổ, Hambourg và vùng ven bờ Baltic. Tuy nhiên trong trường hợp này, tôi hiểu tên gọi “Áo quốc” (Österreich, nghĩa đen theo tiếng Đức: đế chế của người miền Đông, ND) là cái vùng của đế chế Habsbourg (nguyên văn: Habsburgerreich, ND) vĩ đại mà do có nhiều người Đức đến cư trú, theo bất cứ phương diện nào không chỉ hoàn toàn là nguyên có lịch sử cho sự hình thành nhà nước này, mà nó có thể hiện lực lượng duy nhất tồn tại trong cư dân của nó, có khả năng ban tặng cho cái thực thể quá nhân tạo về mặt chính trị này một cuộc sống văn hóa nội tại sẽ tồn tại nhiều thế kỷ nữa. Thời gian càng trôi đi, thì sự tồn tại và tương lai của nhà nước này càng phụ thuộc vào sự duy trì tế bào đó của đế chế.

Nếu như các nước thừa kế là trái tim của đế chế luôn lưu chuyển máu tươi cho sự tuần hoàn của cuộc sống nhà nước và văn hóa, thì Vienna đồng thời cũng là não bộ và ý chí. Ngay ở bờ bên ngoài của nó, ta đã có thể quy cho thành phố này cái động lực để chễm chệ ngôi trên ngôi nữ hoàng, có sức thống nhất một cổ kết các dân tộc như vậy. Nhờ đó mà qua sự trắng lệ kiêu diễm của chính mình, nó cho phép làm quên đi những biểu hiện già nua tồi tệ của tổng thể.

Nếu như trong cốt lõi của mình, đế chế đang còn dấy dựa vì các cuộc đấu tranh đẫm máu của các tộc người đến vậy; thì nước ngoài, đặc biệt là nước Đức, vẫn chỉ thấy hình ảnh đáng yêu của thành phố này. Sự nhầm lẫn lại còn lớn hơn nữa, khi vào thời này, Vienna có vẻ như đang lẩy dả thực hiện bước nhảy vọt thể hiện cuối cùng và cũng là vĩ đại nhất. Dưới sự cai trị của một vị thị trưởng thật sự thiên tài, cái dinh đáng kính của các hoàng đế đế chế cổ một lần nữa bừng tỉnh để sống lại cuộc đời trẻ trung kỳ diệu. Người Đức cuối cùng, mà dân tộc gồm những kiều dân Ostmark (nghĩa đen: vùng biên miền đông, ở đây chỉ Áo quốc và vùng phụ cận, ND) này từ hàng ngũ mình đẻ ra, tuy không chính thức được liệt vào hạng những người thường gọi là “chính khách cấp cao”; nhưng với việc vị tiến sĩ Lueger ở cương vị thị trưởng của “thủ đô đế chế và thành phố dinh thự” Vienna phù phép ra hết thành tựu lớn này đến thành công

chưa từng có khác, trên tất cả mọi lĩnh vực về chính sách kinh tế văn hoá địa phương, thì người ta được phép nói rằng, ông ta khích lệ trái tim toàn thể để chế và bằng con đường vòng này đã trở nên một chính khách cấp cao, hơn nữa tạo thành tập hợp toàn thể những người khi đó được gọi là “nhà ngoại giao”.





Nhà thờ Kafederalny tại Vienna.

Nếu như mặc dầu vậy, cuối cùng thì thực thể các dân tộc được gọi là “Áo quốc” vẫn đi đến chỗ diệt vong, thì điều đó cũng chẳng phản bác chút nào khả

năng chính trị của chất Đức (ở đây xin hiểu là toàn bộ gốc kinh tế và văn hoá của cộng đồng dân tộc Đức, ND) tại Ostmark cổ, mà chỉ là kết quả tất yếu của điều không thể để cho mười triệu người đứng vững lâu dài trước một nhà nước năm mươi triệu các tộc người khác nhau, nếu như không kịp thời có những điều kiện nhất định. Người Áo quốc Đức (nguyên văn Deutschösterreicher: ý tác giả muốn nói người Áo gốc Đức, vì Áo quốc cũng là nước đa chủng tộc, ND) nghĩ nhiều hơn cái chỉ là vĩ đại.

Trước nay hãn vẫn quen sống trong khuôn khổ một đế chế vĩ đại và chưa bao giờ mất đi những nhiệm vụ liên quan tới điều đó. Hãn là người duy nhất ở nhà nước này còn nhìn ra ngoài biên hạn hẹp của ngôi nhà vua để thấy được biên giới của đế chế; thậm chí khi cuối cùng số phận bắt hãn phải tách khỏi tổ quốc chung, thì hãn vẫn còn cố làm chủ cái nhiệm vụ phi thường là gìn giữ chất Đức, điều mà cha ông hãn nhờ những cuộc chiến liên miên hồi ấy vốn giành lại được từ phía Đông. Khi ấy vẫn luôn phải nhớ rằng, việc đó chỉ có thể xảy ra với lực lượng đã bị chia xẻ; bởi lẽ trái tim và khối óc của những người con ưu tú nhất chưa bao giờ ngừng cảm nhận về nước mẹ chung, và chỉ có một số ít là còn giữ lại với quê hương riêng.

Ngay tầm mắt chung của người Áo quốc Đức cũng đã tương đối xa hơn. Các mối quan hệ kinh tế của hãn thường bao gồm hầu như toàn bộ đế chế đa dạng. Gần như tất cả các doanh nghiệp thực sự lớn đều nằm trong tay hãn, số cán bộ kỹ thuật và quan chức cấp lãnh đạo phần lớn do hãn chỉ định. Hãn cũng là người chủ chốt ở ngành ngoại thương, ở chừng mức mà người Do Thái chưa đánh đáng đến lĩnh vực thiên bẩm nhất này. Về mặt chính trị, duy nhất chỉ mình hãn còn gắn kết được nhà nước lại làm một. Ngay ở thời gian quân dịch, hãn đã vượt xa ra ngoài biên giới hạn hẹp của quê hương. Anh tân bình người Áo quốc Đức có thể nhập ngũ ở một trung đoàn Đức, thế nhưng chính trung đoàn đó lại có thể đóng ở Herzegowina (vùng Nam Tư cũ, ND), Vienna hoặc Galizien (vùng Bắc Tây Ban Nha hiện nay, chắc tác giả nhầm vì không bao giờ thuộc nước Đức hay Áo quốc, ND) cũng thế. Giới sĩ quan vẫn luôn là Đức, giới quan chức cao cấp thì chiếm ưu thế. Nhưng cuối cùng thì Đức là nghệ thuật và khoa học. Không kể đến những sản phẩm tồi ở bước phát triển gần đây của nghệ thuật, mà dầu sao thậm chí đến dân mọi đen cũng sản sinh ra được, thì chủ nhân

và cả người truyền bá quan niệm nghệ thuật chân chính chỉ có thể duy nhất là người Đức mà thôi. Còn trong âm nhạc, kiến trúc, điêu khắc và hội họa thì Vienna là nguồn cung cấp cảm hứng vô tận cho toàn bộ nền quân chủ kép (nguyên văn Doppelmonarchie: ý tác giả muốn nói là nước Đức và Áo quốc, ND) mà chính mình chưa bao giờ cạn kiệt.

CHƯƠNG 3.1: HITLER: KHÔNG AI HIỂU RÕ CHÍNH TRỊ HƠN TÔI

Cuối cùng chất Đức cũng còn là cái cốt lõi cho toàn bộ ngành ngoại giao, nếu ta bỏ qua số ít người Hung. Tuy nhiên toan tính nào để cố duy trì cái đế chế ấy cũng là vô ích bởi thiếu hẳn cái tiên đề quyết định nhất.

Chỉ có một khả năng cho nhà nước đa dân tộc Áo quốc là phải khống chế bằng được những lực lượng ly khai ở các bộ tộc riêng lẻ. Hoặc nhà nước phải được cai trị từ trung ương trở xuống, mà như vậy thì ở bên trong cũng phải tổ chức giống thế; hoặc tuyệt không thể hình dung ra nó.



Hitler tuyên bố mình hiểu rất rõ về Chính trị.

Vào những thời điểm sáng sủa khác nhau thì cái nhận thức ấy cũng đã từng lọt lên được đến tận vị trí “cao nhất”, nhưng rồi chỉ một quãng thời gian ngắn ngủi sau đó lại bị lãng quên hoặc giả lại bị xếp xó vì khó thực hiện. Ý

tướng nào nhằm để tạo dựng một đế chế có màu sắc liên bang hơn, tất yếu rồi cũng thất bại, bởi làm gì với cái mầm mống khoẻ khoản của một thứ quyền lực trội hơn hẳn. Rồi lại còn những tiên đề bên trong của nhà nước Áo quốc, khác hẳn so với khuôn hình kiểu Bismarck (nhà lãnh đạo nhà nước của nước Phổ (1815-1898). Sau khi tiến hành chiến tranh với Đan Mạch, Áo quốc, 1867 ông thành lập Liên Bang Bắc Đức, rồi tiến hành chiến tranh với Pháp. 1871/1890 ông trở thành Thủ tướng Đế chế (Reichskanzler), ND) của đế chế Đức. Ở Đức chỉ có vấn đề phải khống chế các truyền thống chính trị, bởi về văn hoá đã luôn luôn sẵn có một nền tảng chung. Nhất là, bỏ qua những dăm vụn ngoại lai, đế chế chỉ gồm có người của một dân tộc duy nhất.

Ở Áo quốc, tình hình ngược lại.

Ở đây ký ức chính trị trong các bang riêng rẽ, ngoại trừ Hungary, về tầm vóc của chính mình lại, hoặc đang còn quá đậm nét, hoặc chưa bị sỉ bọ của thời gian dập cho tắt hẳn, chí ít cũng là xoa mờ để trở nên không rõ ràng. Thay vì thế, trong thời đại của nguyên lý dân tộc đã có những lực lượng bộ tộc nổi dậy, mà việc khống chế càng khó ở chỗ bên lề của chế độ quân chủ tầm nghiên thấy, bắt đầu hình thành những nhà nước của dân tộc; và các dân tộc của nhà nước này, xét dưới góc độ chủng tộc, lại gần với hoặc chính là các mảnh vụn về dân tộc của Áo quốc, chưa nói là từ phía họ, họ có nhiều khả năng thu hút hơn là Áo quốc ở Đức ngược lại.

Về lâu dài thì chính Vienna cũng không thể giải quyết được cuộc đấu tranh này nữa.

Với sự phát triển của Budapest, đô thành lần đầu tiên đã có đối thủ, nhiệm vụ lại không phải là để thu gom cả nước quân chủ mà là để gia cố một phần của nó. Chỉ trong một thời gian ngắn thôi, tất đến lượt Praha, rồi Lemberg (nay là Lwow, thuộc nước cộng hoà Ucraina, ND), Laibach (nay là Ljubljana, thủ đô nước Slovenia, ND) v.v...; vốn trước chỉ là các đô thị tỉnh lẻ, nay tiến lên thành thủ đô bang, tất cũng thành tâm điểm của một đời sống văn hoá càng ngày càng độc lập. Song có như thế thì tiềm thức chính trị – dân tộc mới có được nền tảng tinh thần và chiều sâu của nó. Tất rồi sẽ đến thời điểm, những lực đẩy ấy của các dân tộc riêng lẻ át mất lực của những quyền lợi chung, và đó là chuyện đa xảy ra với Áo quốc.

Sự phát triển ấy càng rõ nét sau ngày Joseph II. (1741-1790, hoàng đế các nước thừa kế Habsbourg từ 1765 cho đến khi qua đời, nhiều cải cách tư bản chủ nghĩa, ND) qua đời. Nhanh, vì nó bị chi phối cả loạt yếu tố, có phần nằm chính ở nền quân chủ, phần khác là kết quả của lập trường chính trị đối ngoại của đế chế.

Chấp nhận tiến hành cuộc đấu tranh để duy trì nhà nước ấy, thì để đi tới đích chỉ có một cách là tập trung hóa, kiên trì mà cũng không nương tay. Trước hết phải quy định nguyên tắc: nhà nước chỉ có một ngôn ngữ thống nhất, vừa để nhấn mạnh sự ràng buộc chính thức về pháp lý vừa để cho hệ hành chính nắm được trong tay thứ phương tiện kỹ thuật, mà thiếu nó thì không thể thành một quốc gia thống nhất. Về lâu về dài lại còn phải thông qua nhà trường, thông qua giáo dục mà gây dựng cho được một ý thức thống nhất về nhà nước. Không thể chỉ mười, hai mươi năm có thể làm được, mà phải tính hàng trăm năm; ở đây cũng như ở mọi vấn đề thực dân khác, kiên trì còn quan trọng hơn quyết tâm tức thời. Rồi thì, lẽ đương nhiên, quản lý hành chính cũng như chỉ đạo chính trị phải được thống nhất triệt để.

Bây giờ tôi mới thật vỡ lẽ vô cùng, thấy tại sao lại chưa từng có việc này hay nói cho đúng hơn, tại sao họ lại chẳng hề làm việc này. Một khi đế chế sụp đổ, kẻ duy nhất có tội chính là kẻ đã bỏ lơ việc này.

Áo quốc cũ vốn gắn bó với tầm vóc của bộ phận lãnh đạo nó hơn bất kỳ nhà nước nào khác. Ở đây thiếu hẳn cái nền tảng nhà nước dân tộc vốn hãy còn là một sức mạnh duy trì trong cơ sở dân chúng, một khi lãnh đạo với tư cách ấy rồi mà vẫn không đáp ứng được. Có đôi khi nhà nước dân tộc thống nhất, do quán tính tự nhiên của cư dân cùng với sức đề kháng gắn với nó, từng thời kỳ kéo dài đến kỳ lạ, lại vẫn có thể chịu đựng được sự quản lý hay là chỉ đạo tồi tệ vào bậc nhất mà nội tình không vì vậy suy sụp đi. Rồi lắm khi cứ ngỡ trong cái cơ thể ấy làm gì còn sự sống – nó đã chết hẳn, bỗng nhiên lại thấy nó đột ngột hồi sinh, lại bộc lộ những dấu hiệu kỳ lạ cái sức sống chẳng thể hủy diệt của loài người.

Nhưng trong một đế chế lại khác: không cùng dân tộc, thay vì do huyết thống chung thì lại do một bàn tay chung nắm giữ. Ở đây, sự yếu kém của lãnh đạo sẽ không ru được nhà nước vào một giấc ngủ đông nào cả, mà nó sẽ tạo dịp

để cho mọi tiềm thức cá nhân bùng tỉnh, những cái vốn sẵn có trong máu huyết, song đã không thể phát triển ở các thời kỳ có một ý chí trội hơn hẳn. Chỉ có trải qua hàng trăm năm giáo dục chung, truyền thống chung, quyền lợi chung mới có thể làm dịu đi cái nguy cơ ấy. Vậy nên những hình thái nhà nước như thế, càng non trẻ lại càng lệ thuộc vào tầm cỡ của lãnh đạo – quả là tác phẩm của những bậc quyền uy kiệt xuất, những đấng anh hùng về tinh thần thật, song lại cũng dễ tan rã, và thường là tan rã ngay sau khi con người đơn độc đã lập ra nó qua đời. Phải hàng trăm năm nữa mới có thể khống chế nổi các nguy cơ ấy; chúng chỉ thiêm thiếp ngủ thế thôi, để thường là bùng tỉnh thật đột ngột, ngay khi mà lãnh đạo chung bộc lộ yếu kém và sức mạnh của giáo dục, mọi truyền thống cao quý không còn át nổi sức trỗi dậy của các bộ tộc khác nhau vùng lên đòi quyền sống riêng.

Có khi lỗi lầm bi thảm của nhà Habsbourg lại ở chỗ đã không nhận thức ra được điều ấy.

Số phận còn dương cao ngọn đuốc soi sáng tương lai đất nước thêm một lần nữa, chỉ cho duy nhất một người trong nhà ấy, để rồi sau đó lại dập cho nó lụi hẳn mãi mãi.

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online



Joseph II., vị hoàng đế La Mã của dân tộc Đức.

Joseph II., vị hoàng đế La Mã của dân tộc Đức đã lo lắng nhiều khi nhìn thấy triều đình của ông đã bị đẩy ra đến tận sát lề ngoài cùng của đế chế, rồi tất sẽ phải biến đi trong vũng xoáy suy tàn của các dân tộc, nếu như đến thời khắc cuối cùng rồi mà thiếu sót của các bậc cha ông vẫn chưa được bù đắp. Giá như ông được ân hạn chỉ bốn chục năm thôi cho công việc, và giá như chỉ hai đời

sau ông thôi, vẫn làm tiếp cũng như thế cái công việc đã được khởi động, thì hẳn là đã có chuyện thần kỳ xảy ra.

Song ông trị vì đâu có được đủ chục năm, rồi cả về thể xác lẫn tinh thần, ông đã ra đi và sự nghiệp của ông cùng theo ông xuống mồ, để rồi chẳng được ai đánh thức, cũng lại vĩnh viễn ngủ luôn dưới mồ.

Những người kế vị ông thấy đều không ngang tầm nhiệm vụ, về cả tinh thần và ý chí.

Đến khi những dấu hiệu giông bão cách mạng đầu tiên của một thời đại mới đã bùng lên khắp châu Âu thì ở Áo quốc lửa cũng từ từ tuôn tụt bén. Rồi cuối cùng cháy bùng lên, sức thiêu đốt của đám cháy ở thời điểm ấy lại ít do các nguyên nhân từ xã hội, tổ chức xã hội hay là thậm chí chính trị chung, mà do các lực đẩy có nguồn gốc từ dân là chính.

CHƯƠNG 3.2: CUỘC CÁCH MẠNG NĂM 1848

Cuộc cách mạng năm 1848 có thể là cuộc đấu tranh giai cấp ở các nơi, nhưng ở Áo quốc thì ngay từ đầu, vốn nó đã là một cuộc tranh chấp chủng tộc. Ở chỗ là ngày ấy người Đức, quên bằng mất hay là không thừa nhận cái nguồn cơn ấy, đã đứng lên phụng sự cuộc nổi dậy cách mạng, tức thì đã chấp nhận số phận của chính mình. Người Đức đã góp phần thức tỉnh tinh thần dân chủ phương Tây, cái tinh thần chẳng mấy lâu sau đó đã rút ruột cuộc sống của chính họ, khiến nó mất hết nền tảng.

Dựng lên cả một giới đại diện nghị viên mà lại chẳng đề ra và xác định từ trước một ngôn ngữ chung của nhà nước, vậy là hòn đá tảng đã được đặt sẵn ở đó để chấm dứt dần cái thế áp đảo của tính cách Đức trong nền quân chủ. Kể từ thời điểm đó trở đi cũng mất luôn cả chính nhà nước. Tất cả những gì đã xảy ra sau đó thì chỉ là sự tan rã lịch sử của cả một đế chế.



Cuộc cách mạng năm 1848.

Dĩ nhiên theo sự giải thể ấy, mới thấy thật đáng kinh ngạc mà cũng bỏ ỉch nữa. Bản án của lịch sử về chi tiết đã được thi hành thông qua cả ngàn dạng thức. Mà số đông người ta lại chẳng hề thấy các hiện tượng tan rã; vậy chỉ có thể là do ý của thánh thần đã quyết huỷ diệt Áo quốc.

Ở đây tôi không muốn sa đà vào chi tiết, bởi đó không phải là nhiệm vụ của cuốn sách này. Tôi chỉ có ý định kéo vào phạm vi nghiên cứu cho cơ bản hơn nữa, chính những quá trình vốn vẫn luôn luôn là những nguyên nhân làm cho các dân tộc và các nhà nước suy sụp mà vẫn hầy còn có ý nghĩa cho đến tận thời đại của chúng ta ngày nay, và cuối cùng đã góp phần cho tôi bảo đảm được các nền tảng cho tư duy chính trị của mình. Trong các thiết chế, mà đến người tiểu thị dân bảo thủ hẹp hòi không được trời phú cho đôi mắt sắc sảo cũng thấy rành rành, đã xâu xé nền quân chủ Áo quốc rồi thì vẫn có cái tự cho rằng mình nhiều quyền lực nhất – nghị viện hoặc giả hội đồng đế chế như người Áo quốc thường gọi.

Thấy rõ là hình mẫu của cái thiết chế ấy ở mãi tận bên Anh, đất nước của nền “dân chủ” cổ điển. Người ta đã tiếp thu từ bên đó cái tổ hợp đem lại hạnh phúc ấy rồi cứ thế bê nó nguyên si về Vienna.

Hệ thống lưỡng viện của người Anh như thế đã được chào mừng sự tái sinh của nó trong Abgeordnetenhaus (nghĩa đen: viện các đại biểu, nghĩa bóng: hạ viện Đức và Áo, ND) và Herrenhaus (nghĩa đen: viện các ông chủ, nghĩa bóng: thượng viện Đức và Áo, ND). Chỉ có chính các “toà nhà” là hơi khác đi chút ít. Khi Barry (kiến trúc sư Anh (1795- 1860), đây là công trình lớn nhất của ông, ND) bắt đầu cho dựng toà lâu đài của nghị viện bên dòng sông Thames, ông đã bỏ công lục lại lịch sử của đế quốc Anh, cố tìm để nhặt ra các tiết trang trí dành cho 1200 cái hốc tường, rầm chìa, cột trụ ở công trình tráng lệ của ông. Vậy là trong nghệ thuật kiến trúc và mỹ thuật, ngôi nhà của các Lord (đức ông, tiếng Anh trong nguyên bản, ND) và của nhân dân trở thành dấu ấn vinh quang của quốc gia.

Đến đây thì nảy sinh cái khó đầu tiên cho Vienna. Bởi khi Hansen (kiến trúc sư, ND), người Đan Mạch, hoàn thiện xong các bậc cửa cuối cùng ở toà nhà đá hoa cương của nghị viện mới, thì để làm đẹp, ông ta cũng chẳng còn cách nào khác, lại phải dựa vào cổ đại. Vậy là các chính khách và triết gia La Mã và Hy Lạp lúc này lại phải làm đẹp cho toà diễn trường ấy của “nền dân chủ phương Tây”, và như thể một sự mỉa mai biểu tượng, trên hai tòa mái bốn cỗ xe tứ mã lại phóng toả ra bốn phương, do vậy thể hiện rõ nét nhất cái lực đẩy bên trong hướng ngoại ở thời ấy.

Loại trừ các thứ “tính dân tộc” bởi lịch sử Áo quốc sẽ được ngợi ca trong công trình ấy, tựa như xúc phạm và khiêu khích, trong đế chế người ta đúng là đã phải đợi mãi cho đến tận khi đã rộ lên tiếng súng các trận đánh của thế chiến mới dám khắc lên cái công trình Reichstag (nghị viện Đức, ND) của Wallot (kiến trúc sư Đức, 1841-1912, công trình chính là nghị viện Đức, ND) dòng chữ tôn vinh dân tộc Đức.

Ngày đó tôi còn chưa tới tuổi hai mươi, lần đầu tiên đến cái toà nhà tráng lệ ở vành đai Franzen ấy, để dự khán và dự thính một phiên họp của hạ viện, đã có ngay cảm giác thấy chối.

Tôi vốn đã căm ghét nghị viện từ trước rồi, song tuyệt không phải vì nó là thiết chế. Ngược lại chứ, là người cảm nhận tự do, tôi đã không thể nào tự hình dung nổi một khả năng cai trị khác, bởi do thái độ của tôi đối với nhà Habsbourg; với tôi ý tưởng về bất kỳ một nền chuyên chính nào cũng là tội ác, chống tự do và chống mọi lẽ phải.

Lại cũng không ít phần vì tôi là người còn trẻ, đọc báo chí nhiều mà không tự hình dung được thật rõ, cho nên ít nhiều cũng đã bị tiêm nhiễm lòng căm mèn nghị viện Anh, mà tôi không định để cho nó dễ dàng mai một. Công sức mà ở bên đó, cả hạ viện nữa đã bỏ ra để chú tâm đến các nghĩa vụ của họ (như báo chí của chúng ta từng biết cách mô tả rất hay) đã để lại trong tôi những ấn tượng mạnh. Liệu có thể có được một dạng thức nào còn thanh cao hơn thế, để cho một cộng đồng dân tộc tự quản lấy mình?

Song chính vì thế mà tôi là kẻ thù của nghị viện Áo quốc. Tôi cho rằng cái dạng thức hiện ra toàn cảnh ấy thật chẳng xứng tầm với tám gương lớn kia. Song thêm vào đó bây giờ lại còn có chuyện sau đây.

Số phận của chất Đức trong nhà nước Áo quốc phụ thuộc vào cái vị thế của nó trong hội đồng đế chế. Cho đến khi quyền bỏ phiếu phổ thông và bí mật (kín, ND) được áp dụng thì ở trong nghị viện vẫn còn một đa số Đức, tuy rằng không đáng kể. Chỉ cái tình thế ấy thôi đã là đáng để cho nghỉ ngơi, bởi lẽ Đảng Xã hội Dân chủ với hành tung không đáng tin cậy về mặt dân tộc của nó: cứ mỗi khi có vấn đề gay gắt liên quan đến cộng đồng người Đức – để cho người đi theo (Đảng, ND) ở các dân tộc khác khỏi quay lưng lại với nó – là nó luôn luôn chống các đòi hỏi của người Đức. Nhưng với việc đưa quyền bỏ phiếu phổ thông vào thực thi thì cái thế áp đảo của người Đức đâu còn nữa, thuần túy chỉ trên những chữ số thôi cũng vậy. Bây giờ chẳng còn có trở ngại nào nữa trên con đường phi Đức hoá nhà nước.

Vì lý do đó nên ngay từ hồi ấy, do bản năng tự bảo tồn dân tộc, tôi đã chẳng thấy ưa một thứ cơ quan đại diện cho dân, mà trong đó cộng đồng Đức bị phản bội chứ không phải được đại diện. Chỉ từng ấy thôi đã là những thiếu sót mà, cũng như còn nhiều cái khác nữa, không thể đem gán cho tự thân sự vật được, mà phải quy về cho nhà nước Áo quốc mới thật đúng. Trước, tôi hãy còn tin là với việc tái lập đa số của người Đức trong các cơ quan đại diện rồi sẽ hình

thành một lập trường nguyên tắc, thì nay ngược lại, không còn vận hội nữa chừng nào mà cái nhà nước già cỗi này vẫn cứ tồn tại.

Đã tự xác định trong lòng như thế, lần đầu tiên tôi bước chân vào những căn phòng vốn được tôn phong mà cũng gây tranh cãi. Tuy nhiên tôi lại thấy là chúng được tôn phong chỉ vì vẻ đẹp thanh nhã của kiến trúc tráng lệ. Một kỳ quan thuộc thời cổ Hy Lạp ở ngay trên đất Đức.



Dòng sông Thames năm 1884.

Song nào có được mấy lúc, tôi đã nổi giận ngay khi được chứng kiến cái màn kịch thảm thương diễn ra ngay trước mắt mình.

Có khoảng vài trăm vị đại diện cho dân đang có mặt ở đó, họ cần phải nói lên quan điểm của mình về một vấn đề có ý nghĩa kinh tế quan trọng. Chỉ một ngày đầu tiên ấy đã là đủ với tôi, để gợi cho tôi nghĩ ngợi mãi hàng tuần lễ sau.

Nội dung tinh thần của cái được nói ra quả là ở một “tầm cao” có thể thật sự làm cho ta suy sụp trong chừng mực mà ta còn có thể hiểu ra lời nói, bởi dăm ba vị nào đâu có nói tiếng Đức, mà lại nói các thứ tiếng Xlavơ mẹ đẻ, hoặc đúng hơn, các thứ phương ngữ. Cái mà cho tới hôm đó tôi đã biết qua báo chí, thì bây giờ tôi được nghe tận tai của mình. Một đám đông náo loạn, la hét om sòm trong đủ mọi âm vực, khoa chân múa tay, còn trên kia là một ông “bác” đã già, vô hại, trong mồ hôi của kiếp người, đang ra sức lắc cho thật mạnh một cái

chuông và, lúc thì đổ dành, lúc lại cảnh cáo, cố gắng hô hào là hãy để cho phẩm chất của viện được quay lại dòng chảy.

Tôi đã phải bật cười.

Mấy tuần sau tôi lại đến toà nhà ấy. Hình ảnh đã khác chẳng còn nhận ra được. Hội trường trống trơn. Người ta ngủ ở bên dưới. Dăm đại biểu ngồi ghé đang ngáp vặt với nhau, lại có một vị đang “diễn thuyết”. Một vị phó chủ tịch viện có mặt đó và thấy rõ là ông ta đang chán ở trong hội trường.

Những suy xét đầu tiên đã trào lên trong tôi. Bảy giờ, hể cứ thời gian tạo cho khả năng thế nào đó là tôi lại chạy tới, âm thầm chăm chú quan sát từng hình ảnh, lắng nghe các diễn từ trong chừng mức còn hiểu được, nghiên cứu các gương mặt thông minh hơn hay kém của những con người đã được chọn lọc ra từ các dân tộc của cái nhà nước đáng buồn này – và rồi dần dần cứ thế tự hình thành lấy những ý kiến riêng của mình.

Một năm cứ lặng lẽ quan sát như thế đã đủ, để mà hoặc là thay đổi, hoặc là bỏ hẳn đi cái quan điểm trước của tôi về thực chất của cái thiết chế này. Lòng tôi không còn chống đối cái hình thù bị biến dạng mà ý tưởng ấy ở bên Áo quốc đã chấp nhận; không, tôi không còn có thể nhận ra nghị viện là như vậy. Cho tới khi đó, tôi vẫn cho rằng điều chẳng may của nghị viện Áo quốc là ở chỗ không có một đa số Đức, bây giờ thì tôi lại thấy là nổi bật hạnh không tránh được kia nằm ở chính trong toàn bộ bản chất và bản sắc của cái cơ cấu ấy.

Ngày ấy, cả một loạt câu hỏi đã rộ lên ở trong tôi.

Tôi đã bắt đầu hiểu ra cái nguyên lý dân chủ trong quyết định của đa số – vốn là cơ sở của toàn bộ cái thiết chế ấy, và cũng đã chú ý không kém đến giá trị tinh thần và đạo lý của những vị đã được các dân tộc bầu chọn ra để phụng sự cho cái mục tiêu ấy.

Như vậy cùng lúc tôi đã được làm quen với cả thiết chế và những người gánh vác nó.

Chỉ mất có vài năm thôi, mà đã thành hình xong trong tôi, cả về nhận thức và cách nhìn, cái kiểu hình của thứ hiện tượng sáng giá nhất ở thời đại mới, mà rành rọt như đúc, như nặn: con người nghị sĩ. ông ta đã bắt đầu in dấu trong tôi ở một dạng thức mà không bao giờ còn có thể bị làm cho thay đổi về cơ bản.

Lần này cũng thế, cái cách học bằng trực quan ở chính chân lý của thực tế đã bảo vệ cho tôi khỏi bị bóp nghẹt bởi một thứ lý thuyết mà mới xem cứ ngỡ sẽ hấp dẫn nhiều người, song tuy thế lại thuộc về những hiện tượng làm suy sụp loài người.

Nền dân chủ phương Tây ngày nay vốn đã có từ trước chủ nghĩa Mác, không có nó thì tuyệt không thể tưởng tượng ra chủ nghĩa Mác. Chính nó lúc đầu đã cung ứng mảnh đất nuôi dưỡng cho căn bệnh dịch này, để rồi dịch bệnh đã lây lan ra từ chính mảnh đất ấy. Trong cái hình thái thể hiện ra ngoài của nó, là chế độ đại nghị, nó còn tự tạo ra cho mình một “thứ đáng kinh tởm toàn bunn với lửa”, mà vào đúng thời điểm ấy, tiếc là hình như tôi lại đã chỉ nhìn thấy có lửa cháy rụi.

Tôi mắc nợ số phận còn hơn cả hàm ơn, ở chỗ nó đã đặt cũng câu hỏi ấy cho tôi để nghiệm xem từ hồi đang còn ở Vienna, bởi tôi e rằng khi ấy mà ở Đức thì biết đâu, tôi đã chẳng trả lời quá khinh xuất. Giả như tôi được biết đến chỗ lổ lổng của cái thiết chế gọi là “nghị viện” ấy ở Berlin trước, thì có khi tôi đã bị sa vào chỗ đối nghịch và đã tự mình, chẳng phải không có lý do hình như là xác đáng, đứng ngay sang phía những ai chỉ trông thấy vận hội của dân và nước duy nhất trong mọi việc gia tăng sức mạnh cho ý tưởng hoàng đế, mà như thế thì đứng trước thời đại với con người cùng lúc lại thành ra vừa đui mù vừa xa lạ.

Bên Áo quốc không thể có điều ấy được.

Ở Áo quốc người ta đâu có dễ dàng từ một sai lầm này lại sa vào sai lầm khác được. Một khi nghị viện chẳng được việc gì thì việc được của nhà Habsbourg lại ít hơn thế nhiều – tuyệt không còn trường hợp ấy. Ở đây chỉ riêng việc chối bỏ “chế độ đại nghị” thì chưa là gì cả, bởi như thế thì câu hỏi vẫn đang còn bị bỏ ngỏ: cái gì bây giờ? Việc chối bỏ và loại trừ hội đồng đế quốc sẽ dẫn đến – chỉ còn nhà Habsbourg làm quyền lực duy nhất điều hành đất nước, một ý tưởng hoàn toàn không chấp nhận được đối với tôi.

CHƯƠNG 3.3: LÃNH ĐẠO VÀ NGHỆ THUẬT GIẢI THÍCH

Khó khăn của trường hợp đặc biệt này dẫn tôi tới việc xem xét kỹ càng hơn nữa bản chất vấn đề, điều vốn đã xuất hiện từ thời trẻ.

Điều đầu tiên mà cũng là điều gây cho tôi nhiều suy nghĩ nhất là sự thiếu hụt rõ ràng bất cứ trách nhiệm nào của một cá nhân.

Nghị viện đi đến một nghị định nào đó mà dù cho nó có thể dẫn đến nguy hại thế nào chẳng nữa – không ai chịu trách nhiệm cho việc đó, chẳng có ai phải báo cáo về nó cả.

Bởi lẽ đó là nhận trách nhiệm ư, khi mà sau một vụ đổ vỡ như vậy thì chính phủ mắc lỗi từ chức? Hay liên minh thay đổi, thậm chí giải tán nghị viện?

Liệu bao giờ có thể hoàn toàn quy trách nhiệm cho một đa số người đang lung lay chẳng?

Phải chăng mỗi ý nghĩ về trách nhiệm phải gắn cho một cá nhân?



Adolf Hitler.

Nhưng liệu trên thực tế, người ta có thể quy trách nhiệm cho cá nhân lãnh đạo một chính phủ về những hành động mà bước hình thành và việc thực thi hoàn toàn đặt vào tài khoản ý chí và xu hướng của nhiều người?

Hoặc: Phải chăng đó là nhiệm vụ của vị lãnh đạo nhà nước, thay vì chỉ để ra ý tưởng sáng tạo hay những kế hoạch, lại chỉ chú trọng vào nghệ thuật giải

thích, để cho một đàn cừu với những cái đầu bả đậu hiểu được tính thiên tài các bản phác thảo của ông ta, và sau đó nài nỉ xin sự đồng tình dễ dãi của họ?

Liệu đó có phải là tiêu chuẩn cho vị lãnh đạo nhà nước, là ông ta có nghệ thuật thuyết phục ngang bằng nghệ thuật của sự khôn ngoan lãnh đạo nhà nước trong việc đề ra những hướng lớn hay những quyết định?

Liệu đã chứng minh được sự thiếu năng lực của một lãnh tụ qua sự kiện ông ta không thành công với việc thuyết phục đa số một đám người, được ghép lại nhờ những sự ngẫu nhiên nhiều hay ít sạch sẽ hơn, để họ theo một ý tưởng nhất định?

Liệu mỗi hành động thiên tài ở thế giới này có phải là sự phản kháng rõ rệt của thiên tài đó chống lại tính trơ y của đám đông?

Nhưng vị lãnh đạo nhà nước phải làm gì khi ông ta không thành công với việc nịnh hót để giành được sự ủng hộ của đám đông này cho những kế hoạch của mình?

Hay ông ta phải mua chúng?

Hay ông ta, do sự ngu dốt của đồng bào mình, phải từ bỏ việc thực thi những nhiệm vụ được coi là hệ trọng cho đất nước; rút lui, hay đầu sao vẫn cứ nên ở lại?

Trong trường hợp này, liệu nhân cách có thật đi đến mâu thuẫn không giải quyết nổi, giữa nhận thức và nghi thức, hay nói đúng hơn là chính kiến trung thực chẳng?

Ở đây đâu là biên giới cách biệt trách nhiệm của tính cộng đồng với nhiệm vụ danh dự của cá nhân?

Liệu mỗi lãnh tụ chân chính có phải tự cấm mình không được bằng cách này hạ cấp xuống thành kẻ chợ đen chính trị chẳng?

Ngược lại, phải chẳng mỗi kẻ chợ đen không được phép cảm thấy thời cơ đến để “làm” chính trị do chẳng bao giờ anh ta phải nhận trách nhiệm cuối cùng, mà đó là cái không ai nhận thức được?

Liệu nguyên tắc đa số nghị viện của chúng ta có nhất thiết dẫn tới việc chủ tâm phá hủy cái ý tưởng lãnh tụ chẳng?

Hay người ta tin rằng, tiến bộ trên thế giới này xuất phát từ não bộ số đông chứ không phải từ khối óc cá nhân?

Hay người ta tưởng rằng, có thể bỏ qua điều kiện này của văn minh nhân loại cho tương lai chăng?

Phải chăng trái lại, ngày nay cần điều đó hơn bao giờ hết?

Bằng cách để cho nguyên tắc nghị viện là đa số quyết định phủ nhận uy tín cá nhân, và thay vào đó là con số của cái đám nào đó, nguyên tắc này phạm tội chống lại ý tưởng cơ bản của tự nhiên về giới quý tộc, tuy nhiên ở đây quan điểm về giới quý tộc không nhất thiết bằng bất cứ cách nào thể hiện sự suy đồi hiện nay của tầng lớp mười ngàn (người, ND) ở trên.

Cái cơ quan quyền uy nghị viện dân chủ hiện đại này gây bao nhiêu hoang tàn, thì dĩ nhiên bạn đọc của những tờ báo Do Thái khó hình dung, chừng nào anh ta còn chưa suy nghĩ tự lập và chưa học được cách kiểm chứng. Trước hết nó là nguyên cơ cho việc toàn bộ đời sống chính trị bị tràn ngập bởi các hiện tượng thấp kém nhất của thời hiện tại.

Chừng nào mà lãnh tụ còn lùi bước trước hành động chính trị, chủ yếu nó không thể bao gồm năng lực và công việc sáng tạo, mà phần lớn trong việc buôn bán và mặc cả để giành sự ưu ái của đa số, thì chừng đó chính hành động này lại tương ứng với tư tưởng tiểu nhân và từ đó cũng kéo theo nó.

Ngày nay một tên hoạn lợn như vậy càng có tư duy và năng lực của gã lùn hơn, nhìn nhận của chính hắn về sự thảm hại thể hiện thật của hắn càng đi vào ý thức rõ rệt hơn, thì hắn càng ca ngợi cái hệ thống chẳng hề đòi hỏi ở hắn sức lực và thiên tài của một vị khổng lồ, mà trái lại hắn càng bằng lòng hơn với tính láu cá của anh trưởng thôn, thậm chí thích thấy một loại thông thái như vậy hơn một viên đá quý. Khi đó một kẻ ngây ngô như vậy chẳng bao giờ phải dằn vò bởi trách nhiệm về hành động của mình. Về cơ bản hắn đã rũ bỏ trách nhiệm này, bởi lẽ hắn biết rất rõ, dù kết quả của việc làm cầu thả “lãnh đạo nhà nước” của hắn có ra sao đi nữa thì kết cục của hắn vẫn đã được ghi trên số tử vi: một ngày kia hắn sẽ nhường chỗ cho một nhà tư tưởng cũng lớn hệt như vậy. Bởi lẽ đây cũng là một đặc trưng cho một sự suy vong như thế, khi số lượng các nhà lãnh đạo nhà nước tăng theo cùng tỷ lệ với sự sụt giảm của cá nhân (lãnh đạo, ND). Nhưng cá nhân phải càng ngày càng ít theo sự gia tăng sự phụ thuộc vào đa số trong nghị viện, bởi lẽ các nhà tư tưởng lớn sẽ từ chối làm tên mật thám

cho những kẻ vô tích sự đàn độn và khoác lác, hết như ngược lại các đại diện cho đa số, nghĩa là cho sự ngu dốt, ghét cay ghét đắng hơn nữa bộ óc vượt trội.



Adolf Hitler là một nhà lãnh đạo nhưng ông vẫn thành lập một kết nối với hàng triệu người dân Đức rất thân thiện.

Đó luôn là một cảm giác khuây khoả cho một cuộc họp hội đồng lãnh đạo thành phố Schilda (thành phố đông Đức nổi tiếng với các trò tình nghịch Schildbürger, ND), biết rằng đang có một lãnh tụ đứng đầu, mà sự thông thái của vị này chỉ tương đương với mức của những người hiện diện: mỗi người vẫn đều có niềm vui sướng đôi lúc cũng có thể nhét tư tưởng của mình vào được. Nhưng trước hết là: khi lúc này Hinze đã có thể là ông chủ, tại sao Peter lúc khác lại không?

Thế nhưng sâu xa nhất thì phát minh dân chủ này lại ứng với tính chất, mà gần đây đã lớn lên thành một nỗi nhục thật sự – chính là sự hèn nhất của phần lớn cái gọi là “giới lãnh đạo” của chúng ta. Hạnh phúc xiết bao, nếu như trong mọi quyết định thật sự có thể dấu mình dưới váy của cái gọi là đa số!

Ta chỉ cần một lần ngắm một kẻ cấp chính trị như vậy, khi hắn ở mỗi công việc phải tiến hành, lại đi ăn xin sự chấp thuận của đa số, để qua đó bảo đảm được số đông môn ti tiện cần thiết và như vậy bất cứ lúc nào cũng rũ bỏ được trách nhiệm. Nhưng đó cũng lại là nguyên nhân chính sao cho một loại hành động chính trị như vậy bị một người, có nội tâm đứng đắn và dũng cảm, ghê tởm và căm thù đến thế; trong khi ngược lại, nó thu hút tất cả các nhân cách khốn nạn. Và những ai không muốn cá nhân mình đứng ra chịu trách nhiệm cho hành động của mình, mà đi tìm cái ô che, đều là kẻ đê tiện hèn nhát. Nhưng một khi những người lãnh đạo một quốc gia lại chỉ gồm những kẻ đáng thương như vậy, thì chỉ một thời gian ngắn sau, điều đó sẽ bị trả giá nặng nề. Sau đó người ta sẽ chẳng còn có gan quyết tâm đi đến một hành động nào nữa – sẽ dễ dàng chấp nhận ngay cả sự phỉ báng dù nhục nhã nhất, thay vì cố đứng lên đi đến một quyết định, vì chẳng còn ai nữa tự nguyện sẵn sàng đưa cá nhân với cái đầu mình ra cho một quyết định nhẫn tâm.

Bởi lẽ có một điều mà không ai được phép quên: Ngay ở đây, đa số cũng chẳng bao giờ thay thế được con người. Nó không chỉ luôn luôn là đại diện cho sự ngu dốt, mà cả sự hèn hạ. Và hết như trăm cái đầu bã đậu chẳng thể cho một cái đầu thông thái, thì từ trăm kẻ hèn nhát cũng chẳng thể đi đến quyết định anh hùng.

Nhưng nếu cá nhân lãnh tụ càng dễ nhận trách nhiệm, thì số những người ngay ở quy mô dù tội nghiệp nhất vẫn cảm thấy mình được bổ nhiệm đóng góp sức lực bất tử của mình cho đất nước. Thực vậy, họ sẽ chẳng khác được để cuối cùng cũng đến lượt đứng trong hàng và đếm số người đứng chờ trước mình với sự nuối tiếc vô cùng, và tính trước được giờ mà theo cách đánh giá con người, đưa họ ra tàu. Bởi vậy họ kỳ vọng vào mỗi sự thay đổi về vị trí trước họ, và cảm ơn mỗi vụ bê bối làm cho hàng của họ đỡ dài. Nhưng nếu có ai đó không chịu nhường vị trí đã lấy, họ có cảm giác gần như phá hoại một hiệp định thần thánh về tình đoàn kết chung. Rồi họ sẽ bức bối và không chịu yên chừng nào kẻ không biết ngược, cuối cùng cũng bị đánh đổ, hiến cái chỗ đang còn nóng hổi đó cho cộng đồng. Hắn chẳng nhanh chóng lấy lại được cái vị trí đó. Bởi lẽ khi một trong những kẻ súc sinh này bị buộc phải bỏ chức vụ của mình, thì y lại

phải cố gắng len vào cái hàng chung của những người đứng đợi, nếu như không bị tiếng la hét, chửi rủa của những kẻ khác ngăn lại.

Hệ quả của tất cả những cái đó là sự thay đổi nhanh một cách đáng sợ ở những vị trí và chức vụ quan trọng nhất của một thể chế nhà nước như vậy, một kết quả mà trong bất cứ trường hợp nào cũng là bất lợi, nếu không muốn nói, thậm chí đôi khi là tai hoạ. Bởi lẽ giờ thì không phải chỉ kẻ ngu đần và bất tài trong phẩm cách trở thành nạn nhân, mà hơn thế là cả lãnh tụ thật sự, nếu như số phận còn đưa được một người như vậy vào vị trí đó. Chỉ cần một khi nhận ra điều này, ngay lập tức hình thành một mặt trận nhất trí nhằm phòng thủ, đặc biệt khi một cái đầu như vậy lại không xuất phát từ chính hàng ngũ mình, mà vẫn dám len lỏi vào cái xã hội thanh cao này. Về nguyên tắc, lẽ ra người ta chỉ muốn là người trong nhà với nhau thôi và ghét ở tư cách kẻ thù với bất cứ cái đầu nào mà có thể đạt tới điểm một trong cái nhóm toàn số không. Và theo hướng này thì bản năng nhảy bén hơn, dù cho về tất cả các mặt khác thì nó có yếu chẳng nữa.

CHƯƠNG 3.4: CƯỚP ĐI TRÍ TUỆ CỦA NHÀ BÁO LƯU MANH

Thế nên, hậu quả là một sự càng ngày càng nghèo đi về trí tuệ lan toả ở tầng lớp lãnh đạo. Qua đó điều gì sẽ mang lại cho quốc gia và nhà nước, thì ai cũng có thể tiên liệu được, chừng nào cá nhân anh ta không thuộc vào loại các “lãnh đạo” này.

Áo quốc cổ xưa vốn đã có cách điều hành nghị viện ở dạng thuần túy.

Chắc rằng các thủ tướng đều do hoàng đế hay nhà vua đề cử, chỉ riêng sự đề cử này cũng đã không gì khác hơn là việc thực thi ý muốn nghị viện. Tuy nhiên sự mua bán và mặc cả từng chức bộ trưởng riêng lẻ lại đã là nền dân chủ phương Tây dạng tinh khiết nhất. Các kết quả cũng tương ứng với những nguyên tắc thực dụng. Đặc biệt, việc thay đổi từng nhân vật riêng lẻ lại đã xảy ra theo những thời hạn ngày càng ngắn đi, để cuối cùng trở nên một cuộc săn đuổi thực sự. Theo cùng mức độ đó thì tầm cỡ của “lãnh đạo nhà nước” tương ứng càng ngày càng co lại, để cuối cùng chỉ còn lại cái thể loại nhỏ nhoi của những kẻ buôn lậu nghị viện mà giá trị lãnh đạo nhà nước của chúng chỉ được đo đạc và công nhận nhiều hơn theo năng lực mà với nó, chúng thành công với việc nhào nặn liên minh tương ứng, nghĩa là tiến hành những phi vụ buôn bán

chính trị nhỏ bé nhất, mà chỉ riêng điều đó đã có thể lý giải cho sự phù hợp của các vị đại diện nhân dân này với các công việc thực tiễn.

Vậy nên trong lĩnh vực này, trường phái Vienna có thể cung cấp những ấn tượng tốt nhất.



Điều cuốn hút tôi chẳng ít là sự so sánh giữa khả năng và hiểu biết sẵn có của những đại biểu nhân dân này với những nhiệm vụ đang chờ họ. Dĩ nhiên, dù muốn hay không người ta vẫn phải tự mình quan sát kỹ hơn tầm tư duy của những người được các dân tộc lựa chọn này, khi đó sẽ hoàn toàn không tránh được việc phải dành sự lưu ý cần thiết cho cả những quá trình dẫn tới sự phát hiện ra những nhân vật tuyệt vời này của công chúng.

Cả cái cách mà khả năng thật sự của các quý ông được đưa vào dùng để phục vụ tổ quốc, nghĩa là quá trình kỹ thuật hoạt động của họ, đáng được nghiên cứu và kiểm tra kỹ càng.

Khi đó sẽ thấy toàn bộ bức tranh đời sống nghị viện càng đáng thương hơn, nếu người ta quyết định càng đi sâu hơn vào các mối quan hệ nội tại này, nghiên cứu các cá nhân và cơ sở chuyên môn bằng sự khách quan sắc bén tới mức nhẫn tâm. Đúng vậy, điều này rất đáng cho một thể chế mà, nó tự thấy

được có lý do để qua những người đại diện cho nó, sau mỗi câu lại lưu ý tới “tính khách quan” như là cơ sở công bằng duy nhất đối với bất cứ việc kiểm tra và bày tỏ thái độ nào. Người ta hãy kiểm tra chính các quý ông này và những quy luật sự tồn tại cay đắng của họ, và người ta sẽ chỉ có thể ngạc nhiên về kết quả mà thôi!

Chẳng có nguyên tắc nào, nếu xét thật khách quan, lại sai hơn cái nguyên tắc nghị viện.

Khi đó người ta còn được phép hoàn toàn bỏ qua cái cách, ở đó tiến hành sự lựa chọn các quý ông đại biểu nhân dân, mà họ đi đến chức vụ và phẩm giá mới của mình như thế nào. Việc ở đây chỉ xoay quanh một phần thực sự tí xíu của sự thoả mãn ước vọng chung hay thậm chí một nhu cầu, thì ai cũng nhận ra ngay, nếu như người đó tự khai sáng mình rằng: hiểu biết chính trị của quần đại quần chúng hoàn toàn còn chưa phát triển, để có thể tự mình đi đến những quan điểm chính trị khái quát nhất định và tìm ra những người đáng để ý cho vấn đề đó.

Cái mà chúng ta hay gọi bằng từ “công luận”, chỉ dựa một phần nhỏ vào những kinh nghiệm tự mình đúc kết hay thậm chí nhận thức của từng người; trái lại đa phần dựa vào ý tưởng phát sinh thường từ một thể loại hoàn toàn có sức thuyết phục và kiên trì của cái gọi là “sự khai sáng”.

Hệt như quan điểm tôn giáo là kết quả của giáo dục và chỉ có chính nhu cầu tín ngưỡng mới âm ỉ bên trong con người, thì lập trường chính trị của quần chúng cũng chỉ thể hiện kết quả cuối cùng của sự xử lý đôi khi bèn bỉ và kỹ lưỡng tới mức rất khó tin về tâm linh và tri thức.

Phần rõ ràng lớn nhất của “giáo dục” chính trị, mà ở trường hợp này người ta có thể gọi rất đích đáng bằng từ tuyên truyền, rơi vào tài khoản của báo chí. Trước hết nó chăm sóc “công tác khai sáng” này gần như là một trường học dành cho người lớn. Chỉ có điều việc học này không nằm trong tay nhà nước, mà trong nanh vuốt của những lực lượng phần nào đó rất thấp kém. Chính ở Vienna, khi còn là một người trẻ tuổi, tôi đã có cơ hội tốt nhất để tìm hiểu chính xác các ông chủ tinh thần và các nhà sản xuất ra cỗ máy giáo dục quần chúng này. Lúc đầu tôi phải ngạc nhiên rằng, chỉ với khoảng thời gian ngắn tới mức nào mà cái cường quốc bầy bọ bên trong nhà nước này có thể tạo ra một ý kiến

nhất định, dẫn cho ở đó xoay quanh sự xuyên tạc hoàn toàn những ước nguyện nội tâm và quan điểm chắc chắn vốn dĩ đã tồn tại trong quần chúng. Chỉ trong vài ngày, từ một sự kiện nực cười đã làm ra một phong trào nhà nước trọng đại; trong khi ngược lại, trong cùng thời gian đó, những vấn đề hệ trọng tới cuộc sống lại bị mọi người lãng quên, hay nói đúng hơn là dễ dàng đánh cắp chúng ra khỏi trí nhớ của quần chúng.

Như vậy là chỉ cần vài tuần đã có thể phù phép từ số không nên tên tuổi, gắn những kỳ vọng không tin nổi của công luận rộng rãi vào đó, thậm chí tạo cho chúng tính đại chúng mà ngay với một người thật sự nổi tiếng cả đời cũng khó đạt được. Tên tuổi mà một tháng trước chẳng ai biết, ngay cả chẳng bao giờ nghe đến, trong khi cùng thời gian đó những nhân vật cũ, đã qua thử thách ở hoạt động nhà nước hay các mặt khác của đời sống xã hội, đang có sức khỏe sung mãn nhất lại đơn giản biến mất khỏi thế giới liên đới, hay bị dèm pha tệ hại tới nỗi trong chốc lát tên họ có nguy cơ biến thành biểu tượng cho một sự đều giả hết mức. Người ta phải tìm hiểu cái cách ti tiện này của bọn Do Thái nhằm trút trong chỉ một lần những thứ bản thủ nhất về vụ khổng thấp hèn và bôi nhọ danh dự lên một người, để có thể đánh giá hết mọi nguy cơ của những tên lưu manh báo chí này.

Sau đó sẽ chẳng có gì không hợp với một tên cướp đường trí tuệ để hấn đi đến những mục tiêu trong sạch của hấn.

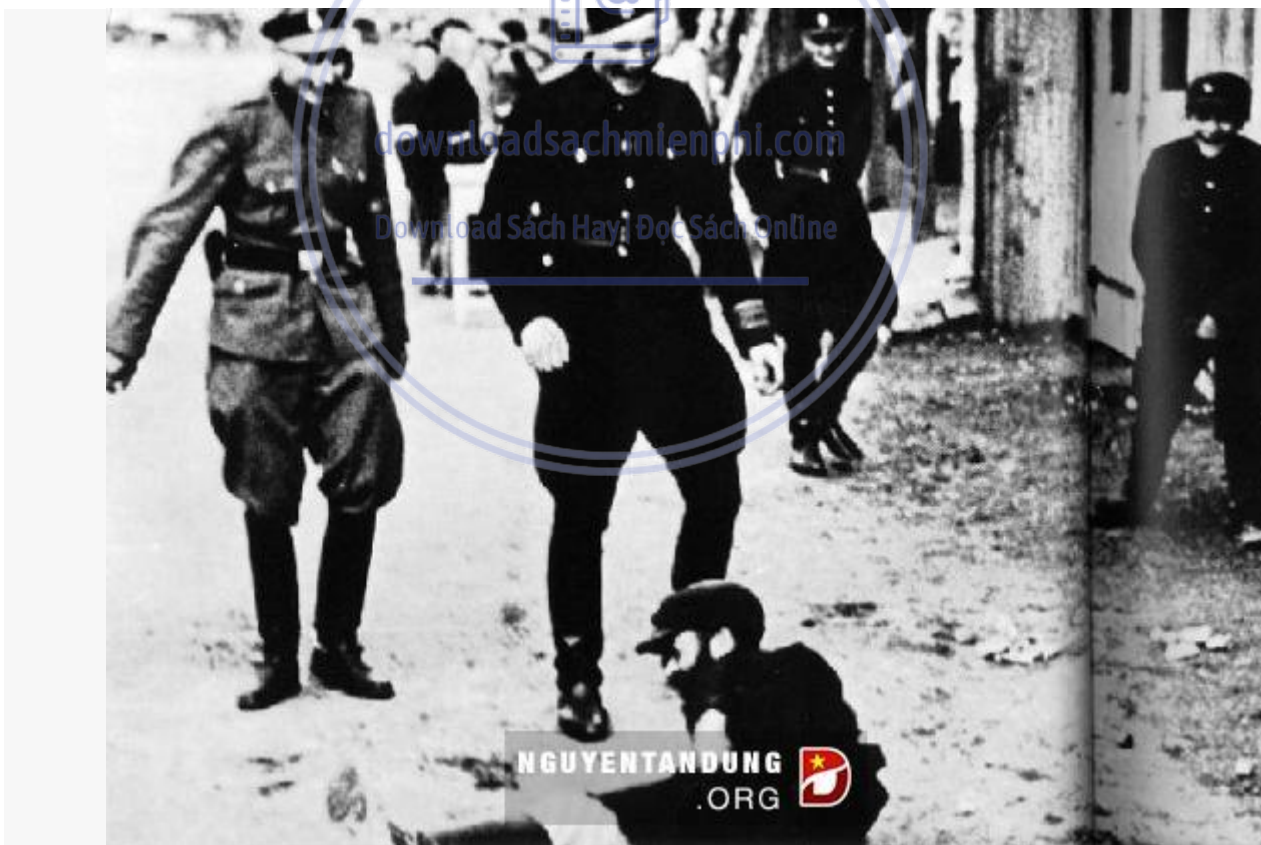
Hấn sẽ rình mò những vấn đề gia đình thâm kín nhất và không nghi chùng nào cái bản năng chó săn mồi của hấn chưa tìm ra bất kỳ một biến cố tội nghiệp nào, để sau đó quyết định tiêu diệt nạn nhân bất hạnh.

Nhưng nếu ngay khi đã đánh hơi kỹ càng nhất mà chẳng tìm thấy gì, cả ở đời sống cộng đồng lẫn cuộc sống riêng tư, thì một gã như thế đơn giản là dùng ngay sự vu khống với niềm tin sắt đá rằng dù có tới ngàn lần cải chính thì vẫn luôn còn lưu lại cái gì đó; và do hàng vạn lần lặp đi lặp lại, việc bôi nhọ vẫn xảy ra ngay được nhờ tất cả những đồng đội grooms giáo của hấn. Trái lại, trong phần lớn trường hợp, nạn nhân chẳng thể chống cự; thế nhưng ở đây nhóm côn đồ này chẳng bao giờ tìm những nguyên cớ mà lẽ ra ở nhóm người khác là đáng tin hay ít nhất là cũng còn hiểu được. Xin Chúa cứu xét! Bằng cách kẻ lưu manh này tấn công thế giới đáng yêu xung quanh với sự đê tiện nhất, thì con cá mực

đó cùng lúc lại tung ra đám mây của sự thật thà và những ngôn từ thành tâm, trảng giang đại hải về “trách nhiệm của báo chí” và những thứ giả dối tương tự, thậm chí ở cả những cuộc hội đàm hay hội nghị – nghĩa là những dịp mà tai ương này nhóm họp ở số đông hơn nữa, còn lộng ngôn về một cái hết sức đặc biệt, chính là “danh dự” báo chí, mà sau đó lũ vô lại đang tụ tập này khẳng định với nhau đầy tôn kính.

Tuy nhiên nhóm quân súc sinh này lại tạo ra được hơn hai phần ba cái gọi là “công luận”, mà lớp bột của nó về sau còn vượt qua cả Aphrodite (nữ thần Hy Lạp, sinh ra từ bọt biển – ND) nghị viện.

Để mô tả đúng phương pháp này và thể hiện được toàn bộ tính giả dối vô độ của nó, người ta phải viết hàng pho sách. Chỉ riêng, ngay cả khi người ta có hoàn toàn bỏ qua nó và chỉ xem xét sản phẩm đã sinh ra từ hoạt động của nó, thì với tôi có vẻ như đã đủ để gọi lên chứng điên khùng khách quan nhất của tổ chức này, ngay cả với những tâm hồn ngoan đạo nhất.



Lính Đức Quốc Xã chà đạp người Do Thái.

Vậy là người ta sẽ hiểu, sớm nhất và dễ nhất, sự nhầm lẫn cả vô lý lẫn nguy hiểm này của loài người, chừng nào người ta so sánh chế độ đại nghị dân chủ với một nền dân chủ Đức quốc thật sự.

Điều đáng lưu ý của khái niệm đầu là ở chỗ, chẳng hạn năm trăm ông, hay thời gian gần đây là cả bà, được bầu mà họ có quyền quyết định cuối cùng ở từng và mọi việc. Vậy duy nhất họ là quyền lực; bởi lẽ dù cho có một hội đồng nội các được họ bầu ra mà với bên ngoài thì nó thực hiện điều hành công việc nhà nước, song đó cũng chỉ làm vì. Trên thực tế thì cái gọi là chính phủ chẳng tiến hành được dù chỉ là một bước, nếu trước đó không lấy được sự chấp thuận của đại hội đồng. Qua đó thì nó (chính phủ, ND) cũng chẳng nhận trách nhiệm gì, bởi lẽ trách nhiệm cuối cùng lại không bao giờ ở nó, mà ở đa số của nghị viện. Trong mọi trường hợp, thì nó chỉ là người thực thi của ý chí đa số đó. Lẽ ra người ta cũng có thể đánh giá khả năng chính trị của nó qua nghệ thuật mà nó hiểu: hoặc thích nghi với ý chí đa số, hoặc chèo kéo đa số về mình. Nhưng qua đó thì nó tụt từ tầm cao của một chính phủ thật sự xuống một kẻ đi ăn mày ở đa số tương ứng. Vâng, vậy thì nhiệm vụ trọng yếu nhất của nó bây giờ chỉ còn là từ trường hợp này sang trường hợp khác: hoặc bảo đảm sự ưu ái của đa số đang tồn tại, hoặc tiếp nhận việc lập một đa số mới có xu hướng tốt hơn. Nếu thành đạt, thì nó lại được phép tiếp tục “điều hành” một thời gian ngắn sau đó, còn nếu không, nó có thể phải ra đi. Tính đúng đắn những ý định của nó, khi đó về cơ bản chẳng hề đóng một vai trò gì.

Nhưng qua đó thì trên thực tế, mọi trách nhiệm đều đã được rũ bỏ.

Điều này dẫn đến hậu quả gì, chỉ từ quan sát rất đơn giản sau đã lộ rõ:

Cấu tạo nội tại của năm trăm đại biểu nhân dân được bầu theo nghề nghiệp hay thậm chí theo khả năng của từng người cho ta một hình ảnh của sự chấp vá mà thường cũng còn rất thảm hại. Bởi lẽ người ta chẳng thể tin rằng, những vị được chọn này của quốc gia lại cũng đã được lọc lựa về cả tư duy lẫn trí tuệ! Hy vọng người ta sẽ không cho rằng từ những lá phiếu của tập thể những người đi bầu – có mọi thứ, chỉ trừ tư duy, mà mọc lên cả trăm vị lãnh đạo nhà nước. Thực vậy, người ta chẳng thể chống lại điều vô lý đủ lớn là: từ những phổ thông đầu phiếu sinh thành ngay các thiên tài.

CHƯƠNG 3.5: THẾ GIỚI CHẴNG TỒN TẠI CHO NHỮNG DÂN TỘC YẾU HÈN

Đối ngược với nó là nền dân chủ Đức thực sự với việc tự do lựa chọn lãnh tụ, với nghĩa vụ phải hoàn toàn nhận mọi trách nhiệm về hành động và quyền hạn của mình. Trong nền dân chủ này không có biểu quyết đa số về từng vấn đề riêng lẻ, mà chỉ có quyết định duy nhất của một người, người với khả năng và cuộc sống của mình đứng ra bảo đảm cho nó.

Nếu có người phản đối rằng: trong những điều kiện như thế khó mà tìm ra người dám hy sinh cá nhân mình cho một nhiệm vụ quá nhiều rủi ro như vậy, thì chỉ có thể có một câu trả lời mà thôi: Lạy Chúa, chính ở đó là ý nghĩa của một nền dân chủ Đức, sao cho không phải là kẻ quá nhiều tham vọng, chẳng giỏi nhất, không đủ tư cách và hèn nhất về đạo đức, bằng đường vòng lại có thể vào được vị trí lãnh đạo đồng bào mình; mà chỉ ngay qua độ lớn của trách nhiệm gánh chịu đã làm cho những kẻ bất tài và ươn hèn phải lánh xa.



Thế giới chẳng tồn tại cho những dân tộc yếu hèn

Nếu mặc dù thế, một ngày kia vẫn có kẻ như vậy thử lên vào, thì người ta vẫn dễ dàng tìm ra hấn và quát: “Cút đi, thằng khốn hèn hạ kia! Hãy rút chân

lại, mi chỉ làm bản các bậc thang mà thôi, bởi lẽ lối vào điện Pantheon của lịch sử không dành cho những kẻ ươn hèn, mà chỉ dành cho các vị anh hùng!”.

Tôi đi đến quan điểm này sau hai năm tới dự nghị viện Vienna.

Sau đó tôi chẳng đến đó nữa.

Những năm qua, trung đoàn nghị viện góp phần chính làm cho sự suy yếu ngày càng gia tăng của nhà nước Habsbourg cổ lỗ. Nếu như tác động của nó càng phá vỡ sự thống trị của chất Đức, thì cũng ngày càng thấy cái hệ thống này bị các dân tộc sử dụng để chống lại nhau. Còn chính trong hội đồng đế quốc thì điều đó luôn xảy ra nhờ vào công sức của người Đức và dĩ nhiên qua đó cuối cùng là bằng công sức của cả đế quốc; bởi vì vào bước chuyển giao thế kỷ (chuyển từ thế kỷ 19 sang thế kỷ 20 – ND) thì ngay kẻ ngu si nhất cũng thấy, sức lôi cuốn của nền quân chủ chẳng còn khắc phục được những nỗ lực tách ra của các bang.

Trái lại:

Các phương tiện mà nhà nước dùng để gìn giữ nó càng nghèo nàn bao nhiêu, thì sự khinh miệt chung đối với nó càng to lớn bấy nhiêu. Không chỉ ở Hungary, mà ở từng tỉnh Slavơ, người ta cũng ít cảm thấy sự đồng nhất với nền quân chủ chung tới mức, sự yếu kém của nó hoàn toàn không được cảm nhận như nỗi nhục của chính mình. Người ta thậm chí còn vui mừng vì những dấu hiệu như vậy về sự già nua đang đến gần; dấu sao thì người ta kỳ vọng vào cái chết của nó hơn là sự hồi phục.

Ở nghị viện, sự sụp đổ hoàn toàn còn ngăn chặn được nhờ việc thoái lui vô liêm xỉ và thoả mãn (của nó, ND), và cũng nhờ cả sức ép, mà người Đức phải trả giá, qua việc sử dụng – càng khéo léo càng tốt, các dân tộc để chống lại nhau. Riêng có đường hướng chung cho phát triển thì vẫn chống người Đức. Đặc biệt kể từ khi sau vụ nhường ngôi, Erzherzog (chức thái tử Áo quốc, ND) Franz Ferdinand bắt đầu được sắp xếp cho có chút ít ảnh hưởng hơn, thì việc Séc hoá (được lệnh từ trên xuống) đi vào kế hoạch và trật tự. Với tất cả phương tiện có thể có, bậc đế vương tương lai này của nền lưỡng quân chủ cố gắng thúc đẩy việc phi Đức hoá và tự mình khuyến khích nó, hoặc ít nhất cũng bảo vệ nó. Vậy là qua đường vòng chế độ quan chức nhà nước chậm chạp nhưng chắc chắn tới mức không hề nao núng, những địa phương thuần Đức bị kéo vào khu vực

nguy hiểm của ngôn ngữ hỗn hợp. Ngay ở vùng Hạ Áo quốc, quá trình này cũng bắt đầu càng ngày càng tiến triển nhanh hơn; và đối với nhiều người Séc, Vienna đã trở thành đô thị lớn nhất của họ.

Ý tưởng chủ đạo người hùng mới này của nhà Habsbourg, mà gia đình ông ta chỉ còn nói tiếng Séc là chính (vợ Erzherzog, với tư cách trước đây là nữ công tước Séc, chỉ được làm lễ cưới không chính thức cùng thái tử; bà này vốn xuất thân từ giới có truyền thống chống Đức), là dân lập nên một nhà nước Xlavơ ở Trung Âu để tạo nên sự an toàn, chống lại nước Nga dựa trên cơ sở Gia tô giáo chính thống. Qua đó tín ngưỡng, như vẫn thường xảy ra trong nhà Habsbourg, được dùng làm công cụ phục vụ cho một ý tưởng chính trị thuần túy; thêm vào đó còn có một ý nghĩ – ít nhất là xét từ giác độ Đức – đen đui.

Kết cục, xét trên nhiều phương diện, còn buồn hơn người ta tưởng: Cả nhà Habsbourg lẫn nhà thờ Gia tô giáo nhận được phần thưởng vốn mong đợi.

Nhà Habsbourg mất ngai vàng, Roma mất một nhà nước to lớn. Bởi lẽ một khi vương miện cũng dùng các giờ phút tôn giáo để phục vụ những cân nhắc chính trị của mình thì nó đồng thời gợi nên một ý nghĩ, mà lúc đầu dĩ nhiên chính nó cũng chẳng hề cho là có thể nảy ra được.

Từ nỗ lực bằng tất cả mọi phương tiện để huỷ diệt tận gốc chất Đức ở nền quân chủ trước đây, tại Áo quốc bùng lên phong trào toàn Đức như là câu trả lời.

Vào những năm tám mươi, chủ nghĩa tự do mang tính Manchester với quan điểm cơ bản là Do Thái cũng đạt được đỉnh điểm, nếu chẳng muốn nói là đã vượt quá ngưỡng đó rồi. Trái lại, phản ứng – như mọi sự ở Áo quốc cổ, trước hết không đến từ những giác độ xã hội, mà lại từ quan điểm dân tộc. Bản năng tự bảo tồn buộc chất Đức phải đứng lên bảo vệ ở mức độ quyết liệt nhất. Ở tuyến hai, cả những cân nhắc kinh tế cũng dần dần bắt đầu mang đến ảnh hưởng quyết định. Vậy là từ mớ hỗn độn chính trị nói chung, hình thành nên hai thực thể đảng phái, cái này nhiều tính dân tộc, cái kia nhiều tính xã hội hơn, nhưng cả hai đều rất lý thú và mang tính giáo dục hết sức cho tương lai.

Sau kết cục nặng nề của cuộc chiến tranh năm 1866, nhà Habsbourg nung nấu ý chí trả thù trên chiến trường. Chỉ có cái chết của hoàng đế Max von Mexiko (Đại công tước Áo Ferdinand Maximilian Joseph von Österreich, 1832-

1867, chết tại Mehico, trong cuộc chiến tranh Mehico, được người Pháp đưa lên làm hoàng đế Mehico từ 1864-1867, ND) mà cuộc thám hiểm bất hạnh của ông phải quy cho Napoleon III., và việc người Pháp bỏ rơi ngài vẫn giữ mãi nỗi phần nộ nói chung, ngăn cản bước đi đến gần nhau hơn với nước Pháp. Tuy nhiên khi đó nhà Habsbourg vẫn ở thế mai phục. Nếu như cuộc chiến tranh 1870/71 không trở thành một chiến thắng độc đáo như thế, thì triều đình Vienna chắc còn dám mở trò chơi đẫm máu để trả thù cho Sadowva (tên làng gần thành phố Königgratz, nay là Hradec Králové thuộc Séc, nơi diễn ra trận đánh mà Phổ thắng ngày 3. 7.1866 để quyết định cho cuộc chiến Áo – Phổ, ND). Nhưng khi những câu chuyện anh hùng, kỳ lạ đến khó tin nhưng lại là sự thực, từ chiến trường về đến, thì vị quân chủ “thông thái nhất” mọi thời, nhận ra được cái giờ bất lợi và cố làm bộ mặt thánh thiện nhất có thể, để lao vào cuộc chơi ác.

Cuộc đấu tranh anh dũng của hai năm này mang lại một kỳ tích còn vĩ đại hơn, bởi lẽ ở nhà Habsbourg sự thay đổi quan điểm chẳng bao giờ ứng với niềm đam mê từ trái tim, mà với điều thôi thúc từ các mối quan hệ. Nhưng nhân dân Đức ở Ostmark lại bị niềm hân hoan của chiến thắng lôi kéo, và hết sức xúc động thấy sự trỗi dậy giấc mơ của cha ông trở thành hiện thực huy hoàng.

Bởi lẽ người ta chẳng làm: người Áo mang ý thức thật sự Đức, ngay ở Königgratz thì kể từ giờ phút này cũng nhận ra điều kiện vừa bi ai nhưng vừa cần thiết để dựng nên một đế chế, không còn gắn liền với tình trạng tiêu tụy rữa nát của liên bang cũ, mà điều đó cũng chẳng còn đúng nữa. Anh ta trước hết cũng học cách cảm nhận sâu xa nhất từ tận đáy lòng rằng nhà Habsbourg cuối cùng thì cũng đã kết thúc sứ mạng lịch sử của mình và đế quốc mới nay chỉ được phép bầu người nào lên làm hoàng đế, nếu như người đó, với ý chí anh hùng của mình về “vương miện của dòng Rhein” có thể chung diện một bộ mặt khả kính. Nhưng còn hơn thế phải ngợi khen số phận, bởi lẽ nó đã thực hiện việc sinh ra mầm non này cho một vương triều mà với Friedrich dem Großen (Friedrich đại đế hay Friedrich II., 1712-1786, vua Phổ, được xem là người đại diện cho chính thể chuyên chế khai sáng, ND) từ thời xa xưa nó đã ban tặng một biểu tượng sáng chói cho sự nổi dậy.

Nhưng, sau cuộc chiến tranh vĩ đại nhà Habsbourg bằng quyết tâm cuối cùng bắt đầu cố gắng huỷ diệt tận gốc, chậm rãi nhưng kiên trì cái chất Đức

nguy hiểm của nền lương quân chủ (mà quan điểm nội tại của nó chẳng thể nghi ngờ được – bởi lẽ điều đó phải là kết cục của chính sách Xlavor hoá), khi đó nổi lên sức đề kháng của dân tộc đã được xác định cho hồi kết rồi, lên đến mức mà lịch sử hiện đại Đức chưa hề biết tới.

Lần đầu tiên, những người mang ý tưởng dân tộc chủ nghĩa và yêu nước trở thành kẻ phản loạn.

Những kẻ phản loạn chẳng phải để chống quốc gia, mà cũng không phải chống nhà nước theo chính thể, mà kẻ phản loạn chống lại một thể loại chính phủ, mà theo niềm tin của họ thì chính nó sẽ dẫn dân tộc mình tới sự suy tàn.

Lần đầu tiên trong lịch sử hiện đại Đức, chủ nghĩa yêu nước thường mang tính vương triều tách ra khỏi tình yêu tổ quốc và dân tộc.

Đó là công lao của phong trào toàn Đức những người Áo gốc Đức trong những năm chín mươi khi họ đã xác định rõ ràng và đơn nhất rằng, một uy quyền nhà nước chỉ có quyền đòi hỏi được tôn trọng và bảo vệ khi nó tương ứng với các quyền lợi của một dân tộc, ít nhất là không làm hại dân tộc này.



Chiến tranh Áo - Phổ năm 1866.

Uy quyền nhà nước với tư cách là ý nghĩa tự thân chẳng thể có, bởi lẽ trong trường hợp đó bất cứ chế độ bạo chúa nào trên thế giới này cũng sẽ là bất khả xâm phạm và được tôn thờ.

Nếu một dân tộc, qua các phương tiện bạo lực của chính phủ bị dẫn tới suy tàn, thì sự phiến loạn của mỗi thành viên dân tộc này không chỉ là quyền lợi, mà còn là nghĩa vụ nữa.

Tuy nhiên câu hỏi, bao giờ có trường hợp như thế, không được quyết định bởi các luận văn lý thuyết, mà qua bạo lực và – sự thành công.

Bởi lẽ mỗi bạo lực chính phủ dĩ nhiên đòi hỏi cho mình nghĩa vụ bảo vệ uy quyền nhà nước, nên dù nó có xấu đến đâu chẳng nữa và phản bội lợi ích dân tộc có đến cả ngàn lần, thì bản năng tự bảo tồn dân tộc nhằm đánh tan một thế lực như vậy, để giành tự do hay độc lập, cũng phải dùng chính thứ vũ khí mà đối thủ đã dùng để cố gắng giữ mình. Bởi vậy cuộc chiến đấu sẽ được tiến hành với các phương tiện “hợp pháp”, chừng nào cái thế lực phải đánh đổ cũng dùng chúng; nhưng nó cũng chẳng ngần ngại dùng những thứ bất hợp pháp, nếu như kẻ đàn áp dùng đến chúng.

Nhưng nói chung, không bao giờ được phép quên rằng, việc gìn giữ một nhà nước hay thậm chí một chính phủ là mục đích tối thượng của sự tồn tại những con người, và là việc gìn giữ loài người.

Nhưng nếu một khi chính loài người gặp nguy cơ bị đàn áp hay thậm chí bị loại bỏ, thì câu hỏi về tính hợp pháp chỉ đóng vai trò phụ. Có thể xảy ra là, trong cách thức hành động của mình, thế lực cầm quyền dùng đến cả ngàn lần những phương tiện gọi là “hợp pháp”, thế nhưng bản năng tự bảo tồn của những kẻ bị áp bức thì luôn là sự biện minh cho cuộc chiến bằng mọi thứ vũ khí.

Chỉ từ chấp nhận câu nói này thì đã thấy những ví dụ lịch sử to lớn từ các cuộc đấu tranh vì tự do, chống lại những vụ nô lệ hoá các dân tộc trên trái đất này từ trong và cả ngoài.

Quyền con người bẻ gãy quyền nhà nước.

Nhưng nếu một dân tộc trong cuộc đấu tranh của mình bị thua, thì dĩ nhiên là bởi trên cán cân số phận, nó đã bị hẫng lên đối lại niềm khát khao được tiếp tục tồn tại trên trái đất. Bởi vì nếu ai không sẵn sàng hay không có khả năng tranh đấu cho sự tồn tại của mình, thì thiên ý muôn đời công bằng đã quyết định hồi kết cho kẻ đó.

Thế giới chẳng tồn tại cho những dân tộc yếu hèn.

CHƯƠNG 3.6: NGUYÊN NHÂN SỰ ĐỔ PHONG TRÀO TOÀN ĐỨC TRÊN ÁO

Thế nhưng ở ví dụ Áo quốc lại cho thấy rõ nhất và cũng có sức thuyết phục nhất, dễ dàng biết bao đối với một chế độ bạo chúa để quàng vào mình cái gọi là “tính hợp pháp”.

Uy quyền nhà nước hợp pháp khi đó dựa trên nền tảng thù địch Đức với nghị viện có đa số không phải người Đức – và gia đình nhà cầm quyền cũng thù địch với Đức hết vậy. Trong hai yếu tố này đã thể hiện toàn bộ uy quyền nhà nước. Muốn từ đây để thay đổi số phận của dân tộc Đức-Áo là điều ngớ ngẩn. Nhưng lẽ ra theo ý kiến những kẻ hăm mộ của chúng ta, đó là con đường duy nhất có thể “hợp pháp” và với uy quyền nhà nước thì phải dẹp bỏ đi bất cứ một phản kháng nào; bởi lẽ nó chẳng khả thi bằng các phương tiện hợp pháp. Nhưng đó lại là sự cần thiết (sự phản kháng, ND) bắt buộc – chính là ở thời gian ngắn nhất – nếu không sẽ có nghĩa là sự kết liễu của dân tộc Đức trong nền quân chủ. Thực ra, việc cứu chất Đức khỏi số phận đó cũng chỉ duy nhất có thể qua sự sụp đổ của nhà nước này.

Dĩ nhiên lý luận gia đeo kính cận luôn luôn muốn chết vì học thuyết của bản thân hơn là vì dân tộc mình.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online



Một góc của Vienna.

Bởi lẽ đầu tiên con người tạo ra luật, nên anh ta tin rằng, sau này chúng tồn tại là để cho những người này.

Đó là công lao của phong trào toàn Đức hồi đó ở Áo quốc, khi họ dẹp bỏ đến tận gốc rễ cái điều ngớ ngẩn để gây kinh ngạc cho tất cả các lý luận gia luôn cười trên những nguyên tắc cũng như các dân đảo quốc là tín đồ theo bái vật giáo là nhà nước.

Khi những người nhà Habsbourg cố gắng dùng mọi biện pháp để công kích chất Đức, thì đảng này đã tấn công chính nhà cầm quyền “cao cả”, và thực là thắng tay.

Lần đầu tiên, họ đã dám đặt ống dò vào nhà nước mục nát này và mở mắt cho hàng chục vạn người. Đó là công lao của họ khi dám tách khái niệm tuyệt vời về tình yêu tổ quốc ra khỏi sự ô nhiễm cái nên quân chủ đáng buồn này.

Vào thời đầu khi mới xuất hiện, số đông chí của đảng quá đông, thậm chí có nguy cơ biến thành cơn lốc thật sự. Tuy nhiên, duy nhất thành công lại chỉ gang tấc. Khi tôi tới Vienna, phong trào từ lâu đã bị lấn át bởi Đảng xã hội

Thiên chúa giáo – nay đã trở nên cầm quyền, thậm chí bị dẫn xuống chỗ gần như hoàn toàn vô nghĩa.

Đối với tôi, một mặt thì toàn bộ quá trình sinh tử của phong trào toàn Đức, và mặt khác là sự thắng tiến không ngừng của Đảng xã hội Thiên Chúa giáo sẽ là đối tượng nghiên cứu kinh điển đây ý nghĩa.

Khi tôi tới Vienna, thiện cảm của tôi hoàn toàn thuộc về phía xu hướng toàn Đức.

Việc người ta có dũng khí để dám hô vang khẩu hiệu “**Hoch Hohenzollern**” (“Hohenzollern muôn năm”, Hohenzollern vốn là bang lịch sử Tây Nam Đức, 1849 – 1945 thuộc Phổ, nay thuộc bang Baden-Württemberg của CHLB Đức, với người Đức có ý nghĩa như vùng đất Tổ, ND) cũng gây ấn tượng cho tôi, hết như tôi vui sướng rằng, người ta luôn coi là mình chỉ tạm thời là phân tách biệt khỏi đế quốc Đức chứ chẳng bỏ lỡ dù giây phút để công khai tuyên bố điều này, đánh thức nơi tôi niềm tin mãnh liệt là người ta công khai thừa nhận, thẳng thừng mang màu sắc Đức ở tất cả mọi vấn đề liên quan tới chất Đức và không bao giờ cho phép có nhượng bộ. Nó chỉ ra cho tôi rằng, có lẽ đó là con đường duy nhất còn có thể đi theo để cứu rỗi dân tộc chúng ta, tuy nhiên việc phong trào này sau bước thắng tiến ngoạn mục ban đầu của mình, nay lại suy sụp nhanh như vậy, thì tôi chẳng thể hiểu nổi. Còn ít hiểu hơn nữa là việc Đảng xã hội Thiên chúa giáo trong cùng thời gian đó lại đạt tới quyền lực lớn lao đến thế. Khi đó họ đã đạt tới tuyệt đỉnh vinh quang.

Khi tôi bắt đầu so sánh hai phong trào, thì ngay ở đây, số phận cũng ban cho tôi, được tăng tốc qua trạng huống nói chung đáng buồn của tôi, bài học hay nhất đang tìm ra được lời giải cho bài toán đó này.

Trước hết bắt đầu cân nhắc giữa hai người đàn ông được coi là lãnh tụ và người sáng lập của hai đảng: Georg v. Schönerer và TS. Karl Lueger.

Nếu xét về mặt thuần túy con người, họ, người này cũng như người kia, đều vượt xa cái khung và kích cỡ của những thực thể vốn gọi là nghị viên. Trong vũng lầy của tham nhũng chính trị tràn lan, cả cuộc đời họ trong sạch và không ai có thể đụng đến được. Nhưng ban đầu tôi dành hết tình cảm cá nhân cho vị toàn Đức Schönerer, để sau đó dần dần cũng quan tâm đến lãnh tụ xã hội Thiên chúa giáo.

Nếu so sánh về năng lực của họ, ngay từ thời đó, tôi đã có cảm tưởng như về những vấn đề thuộc nguyên tắc, Schönerer là nhà tư tưởng giỏi hơn và sâu sắc hơn. Hơn bất cứ người nào khác, ông nhận thức đúng và rõ hơn cái kết cục tất yếu của nhà nước Áo quốc. Đặc biệt, nếu như trong đế quốc người ta đã biết lắng nghe những lời cảnh báo của ông về nền quân chủ Habsbourg, thì cuộc thế chiến bất hạnh của nước Đức chống lại toàn Âu châu đã không bao giờ xảy ra.

Khi duy nhất chỉ Schönerer nhận biết các vấn đề theo đúng bản chất nội tại của chúng, thì ông lại càng nhầm lẫn hơn với giữa muôn người.

Nhưng đây lại chính là điểm mạnh của TS. Lueger.

Ông này là một người am hiểu con người ở mức hiếm hoi, nhưng ông đặc biệt tránh không nhìn thấu vào con người hơn như họ vốn là vậy. Bởi vậy ông cũng tính kỹ hơn đến những khả năng thực của cuộc sống, trong khi về vấn đề đó, Schönerer lại ít hiểu biết. Tất cả những gì mà vị toàn Đức suy nghĩ, nếu xét về lý thuyết thì đều đúng, duy chỉ thiếu mất sức lực và tri thức để truyền bá cái nhận thức lý thuyết này cho quảng đại quần chúng, nghĩa là chuyển chúng về dạng sao cho nó tương xứng với khả năng tiếp nhận của mọi tầng lớp nhân dân, vì dẫu sao khả năng đó đang và vẫn hạn hẹp. Vì thế mà mọi nhận thức đều chỉ là cái thông thái của nhà tiên tri chứ chẳng bao giờ đi vào thực tiễn được.

Nhưng chính cái thiếu am hiểu con người thực sự này trong bước tiếp theo sẽ dẫn đến sự nhầm lẫn trong việc đánh giá lực lượng của cả những phong trào lẫn những thể chế cổ xưa.

Dẫu sao cuối cùng thì Schönerer cũng nhận thức ra rằng, ở đây vấn đề xoay quanh các thế giới quan, nhưng lại không hiểu được rằng, chỉ có quảng đại quần chúng của một dân tộc mới trước hết và luôn luôn tương thích với sự tiếp nhận một niềm tin gần thành tín ngưỡng như thế.

Ông thấy đáng tiếc chỉ ở một mức độ rất nhỏ cái tính hết sức hạn hẹp trong ý chí chiến đấu của cái gọi là giới “tiểu tư sản” ngay do vị thế kinh tế của họ, làm cho từng cá nhân lo sẽ mất quá nhiều và bởi vậy cũng cản trở họ nhiều hơn.

Tuy nhiên, nói chung thế giới quan chỉ có tương lai cho thắng lợi, khi quảng đại quần chúng với tư cách người tiếp thu học thuyết mới tuyên bố sẵn sàng nhận về chính mình cuộc chiến không sao tránh khỏi đó.

Nhưng sau đó, sự thiếu hiểu biết về ý nghĩa của các tầng lớp dưới trong nhân dân làm nảy sinh ra quan niệm hoàn toàn hụt hẫng về vấn đề xã hội.

Trong tất cả những vấn đề như thế, TS. Lueger tương phản với Schönerer. Sự am hiểu cận kề con người cho phép ông đánh giá đúng tương quan lực lượng, cũng như qua đó thận trọng trước việc đánh giá thấp những thể chế đang tồn tại, thậm chí có thể chính vì thế học được cách tận dụng những thứ đó cho việc đạt tới các ý định của mình.

Ông cũng hiểu quá rõ rằng sức chiến đấu chính trị của tầng lớp tư sản ở thời nay quá yếu, không đủ để giành thắng lợi cho một phong trào lớn. Bởi vậy ông đặt trọng tâm hoạt động chính trị của mình vào việc thu phục những giới, mà sự tồn tại của họ đang bị đe dọa. Cũng vậy, ông có xu hướng muốn tận dụng những công cụ quyền lực vốn có sẵn để những tổ chức đầy quyền lực đang tồn tại phải thiên về mình, đừng có thể rút ra được những ích lợi lớn nhất có thể, từ những nguồn lực cũ như vậy.



Chân dung Georg Schönerer năm 1899.

Như vậy ông đã điều chỉnh đảng mới của mình trước hết hướng vào giới trung lưu đang bị đe dọa huỷ diệt và qua đó bảo đảm cho mình một đám quần chúng cảm tình khó lay chuyển được, có tính sẵn sàng hy sinh lớn lao cũng như

sức chiến đấu bền bỉ. Quan hệ vô cùng khôn khéo ông tạo dựng được với nhà thờ Gia tô giáo còn làm cho ông trong thời gian ngắn thu hút được giới tăng lữ trẻ mà cái đảng giáo đồ cũ hoặc buộc phải dọn dẹp chiến trường hoặc nếu thông minh hơn, đầu quân vào đảng mới để bằng cách đó chiếm lại dần dần từng vị thế một.

Nhưng nếu chỉ duy nhất coi những điều đó là bản chất đặc trưng của người đàn ông này thì ta đã bắt công với ông. Bởi lẽ ngoài việc là nhà chiến thuật khôn ngoan, ông còn có thêm những tính chất của một nhà cải cách vĩ đại và thiên tài. Tuy nhiên ngay ở đây cũng hạn chế bởi việc nhận biết chính xác những khả năng vốn có cũng như năng lực của bản thân mình. Đó là một mục đích vô cùng thực tế mà người đàn ông thực sự nổi tiếng này đã tự đặt ra cho mình, ông muốn chinh phục Vienna.

Vienna là trái tim của nền quân chủ, từ thành phố này còn trào ra sức sống cuối cùng cho cơ thể ốm yếu và già nua của cái đế quốc mọt ruỗng. Trái tim càng khoẻ thì lẽ ra cả phần cơ thể còn lại càng phải tươi mát bùng lên. Đó là một ý nghĩ đúng trên nguyên tắc, nhưng lại chỉ có thể đưa vào ứng dụng cho một khoảng thời gian hạn hẹp nhất định mà thôi.

Và đây chính là điểm yếu của người đàn ông này.

Những gì ông đã làm ở cương vị thị trưởng thành Vienna là bất tử, theo đúng nghĩa nhất của từ ngữ, song ông đã không còn có thể cứu vãn nền quân chủ – quá muộn rồi.

Điều đó thì đối thủ của ông, Schönerer, đã thấy rõ.

Trong thực tế TS. Lueger, đánh đâu là được đó, rất tuyệt; mong thì lại không thấy đến.

Còn Schönerer muốn cũng chẳng được; mà lo thì lại vẫn cứ gặp, thật đáng sợ.

Thế là cả hai đều đã không đạt được cái đích xa của họ. Lueger đã không thể cứu được Áo quốc; Schönerer đã không ngăn nổi thoái trào của dân Đức.

Thật là bổ ích vô cùng cho thời đại của chúng ta ngày hôm nay, nếu chịu tìm hiểu sâu vào các nguyên nhân đã khiến cho cả hai đảng đều bế tắc. Sẽ đặc biệt có lợi cho các ông bạn tôi, bởi tình hình ngày nay cũng na ná như hồi ấy ở

nhiều điểm, có thể tránh được những sai lầm đã khiến phong trào này phải kết thúc còn phong trào kia thì vô hiệu.

Như tôi thấy thì phong trào toàn Đức trên Áo quốc đã sụp đổ vì ba nguyên nhân:

Một là đảng mới, cách mạng từ bản chất bên trong, thế mà ý niệm về tầm quan trọng của vấn đề xã hội lại không rõ.

Do Schönerer và người của ông trước hết nhằm vào các giới tư sản Đức nên kết quả chỉ là rất yếu, rất mờ nhạt.

Tầng lớp tư sản Đức, nhất là các giới ở phía trên, tuy lẻ tẻ cũng có khi vượt quá mong đợi, thường hòa bình chủ nghĩa tới mức có thể dứt khoát tự phủ định, mỗi khi chạm đến các công việc của nhà nước hay của dân tộc. Thời buổi mà thuận, ý nói đây là có một chính phủ tốt, thì cái thái độ ấy chính là cơ sở của các giá trị đến cực kỳ của các tầng lớp đó đối với nhà nước; song gặp thời buổi cai trị dở thì chính nó lại phá phách ghê gớm. Ngay để có thể tiến hành một cuộc đấu tranh thật sự nghiêm túc, vốn phong trào toàn Đức đã phải tranh thủ quần chúng trước hết. Lại đã không làm như thế, nên ngay từ đầu đến cái đà sơ đẳng nhất mà một phong trào như thế phải có cũng chẳng có, vậy là chỉ sau một thời gian ngắn nó đã yếu và thiếu hẳn.

Ngay từ đầu đã không đề ý đến, không thực hiện cái nguyên lý cơ bản ấy, đảng mới sau đó cũng mất khả năng sửa lại thiếu sót. Vì kết nạp quá nhiều phần tử tư sản ôn hòa, lập trường trong đảng ắt bị các phần tử này chi phối, thế thì triển vọng thu hút lực lượng đáng kể từ quảng đại quần chúng tất phải chịu thiệt thòi.

Một phong trào như thế làm sao thoát ra được khỏi tình trạng chỉ biết có phản nản và chỉ trích. Không còn bao giờ thấy được lòng tin ít nhiều mang tính tôn giáo, gắn với tinh thần xả thân cũng ít nhiều mang tính tôn giáo. Thế vào chỗ đó là cái xu thế công tác “tích cực”, ý nói ở đây là chấp nhận cái đã sẵn có, mài mòn dần ý chí đấu tranh, để rồi cuối cùng đi đến một nền hòa bình cam chịu.

Với phong trào toàn Đức cũng thế, ngay từ đầu đã không đặt nặng việc tranh thủ người theo mình từ các giới của đám đông rộng rãi. Nó đã trở thành “tư sản, quý tộc, cấp tiến vừa phải”.

Từ sai lầm ấy đã nảy sinh cái nguyên nhân thứ hai của thoái trào nhanh chóng.

Hồi mới có phong trào toàn Đức thì vị thế của khối người Đức ở trên đất Áo quốc vốn đã là mập mờ. Mỗi năm qua đi nghị viện càng thiên về triệt tiêu từ từ dân tộc Đức. Muốn thử cứu vãn vào giờ chót, giờ thứ mười hai, thì chỉ còn mỗi cách là xóa bỏ cái thiết chế ấy thì mới có được cái triển vọng nhỏ nhoi để chuyển bại thành thắng.

Khi ấy thì phong trào lại sẽ đứng trước một vấn đề mang tính nguyên tắc. Để xóa bỏ nghị viện, liệu có nên vào để rồi, như người ta hay nói “phá từ trong phá ra” không, hay là chỉ từ ngoài đánh vào?

Vào để rồi thua mà ra? Đương nhiên phải vào.

Chống lại một quyền lực như thế từ bên ngoài có nghĩa là phải dũng cảm đến cùng, sẵn sàng hy sinh không giới hạn. Năm sừng con bò tốt, chịu để cho nó húc nhiều lần, húc mạnh, có khi bị hất văng xuống đất, gãy tay gãy chân, may lắm mới gượng đứng dậy được. Chỉ khi đã vật lộn đến mức cam go nhất thắng lợi mới ngả sang phía người tân công gan dạ. Tầm vóc của hy sinh sẽ kéo thêm chiến sĩ mới đến với chính nghĩa, để rồi cuối cùng chiến thắng sẽ là phần thưởng dành cho sự dẻo dai, bền bỉ.

Nhưng thế thì phải có những đứa con của dân, những người của quảng đại quần chúng. Chỉ họ mới đủ quyết tâm và kiên trì để đưa cuộc chiến đẫm máu kia đến chỗ kết thúc.

Vậy mà phong trào toàn Đức lại chẳng nắm được đông đảo quần chúng, cho nên chẳng còn cách nào khác, đành chịu vào nghị viện.

Sẽ là sai lầm nếu cho rằng cái quyết định đó vốn là kết quả của những năm tháng dằn vặt nội tâm, suy lui nghĩ tới. Không, họ đâu có nghĩ đến cái gì khác. Chẳng qua họ tham gia vào cái trò vô bổ ấy chỉ vì họ đã thất bại, họ đã hình dung sai về ý nghĩa và tác động của việc tham gia vào một thiết chế mà nhận thức của họ về nguyên tắc cũng đã sai. Nhìn chung họ những tưởng sẽ bớt đi được việc tuyên truyền trong quần chúng rộng rãi, bởi đã có cơ hội, giờ đây chỉ việc cứ lên “diễn đàn của toàn dân tộc”. Mà dường như họ thấy như thế là đánh vào tận gốc rễ của ung nhọt ắt phải có hiệu quả công kích từ bên ngoài. Đã

có quyền miễn trừ bảo vệ ắt là càng an toàn cho người lính xung kích, như thế sức mạnh công phá phải càng lớn hơn.

Trong thực tế sự việc lại diễn ra khác hẳn.

Diễn đàn, chỗ các vị đại biểu của toàn dân lên tiếng lại không lớn hơn mà ngược lại, nhỏ hơn. Vì mỗi người chỉ nói trước có một đám người muốn nghe; có khi đám người ấy lại nhận thẳng bản thông cáo báo chí thuật lại lời người đã nói.

Mà cái diễn đàn lớn nhất, trực tiếp nhất với người nghe đâu có phải cái hội trường của nghị viện, mà là hội họp công khai với đông đảo quần chúng.





Tượng đài nữ hoàng Marie Theresa ở Vienna.

Bởi lẽ khi đó hàng ngàn người kéo đến, với chỉ mục đích để xem diễn giả nói gì? Còn ở hội trường của nghị viện giỏi lắm được độ vài trăm, lắm khi họ

đến cốt chỉ để ăn bữa ăn theo chế độ, tuyệt chẳng hề có ý định để sự uyên bác của “dân biểu” này hay là “dân biểu” kia soi sáng cho bản thân mình.

Mà ngán ngẫm nhất là bao giờ cũng vẫn một đám người ấy, họ chẳng bao giờ muốn học thêm cái gì, vì họ không có được cái vốn hiểu biết cần thiết và cũng không có cả ý chí nữa, dù chỉ chút đỉnh.

Không bao giờ có một vị dân biểu tự nguyện nhận vinh dự vì chân lý mà đứng ra phục vụ nó. Không, chẳng một ai, trừ phi họ khắp khởi hy vọng là nếu quay ngoắt lại như vậy thì may ra cứu được nhiệm chức của mình thêm một khóa nữa. Vậy là chỉ khi tinh thần của thời đại thay đổi, cảm thấy đảng hiện nay khó lòng trọn vẹn vượt qua được kỳ bầu cử sắp tới, những hình nộm trang trí kia mới bắt đầu động đậy, tìm hiểu xem liệu có nên và có cách nào chuyển sang cái đảng hoặc cái phong trào phỏng đoán là rồi sẽ thành công hơn hay không và lẽ đương nhiên, phải có vô vàn lý do đủ giải thích cho bước chuyển đổi vị trí ấy. Vậy là bao giờ cũng thế, đến khi một đảng hiện hữu rơi vào vòng sa sút, đến nỗi mất gần hết tín nhiệm của người dân, cảm chắc nguy cơ thất bại và giải thể, tức thì dấy lên một cuộc di trú lớn: lũ chuột nghị viên từ bỏ con tàu của đảng.

Không có vấn đề biết hơn hay muốn hơn mà ở đây chỉ có cái tài đánh hơi thấy trước, nó cảnh báo cho con rệp hút máu ở nghị viện kia vừa đúng lúc, để còn kịp tìm đến cái giường của đảng khác ấm áp hơn.

Lên tiếng từ một diễn đàn như thế khác gì quăng hạt trai cho lũ thú. Thật không bỏ. Kết quả ở đây dứt khoát không thể là gì khác hơn con số không.

Mà cũng đúng là thế. Các ông nghị toàn Đức cứ việc rút họng diễn thuyết: hoàn toàn chẳng thấy tác động gì.

CHƯƠNG 3.7: BIẾN ĐỘNG LỚN TRÊN THẾ GIỚI ĐƯỢC CHỈ ĐẠO BỞI NGÔI BÚT?

Báo chí lại thường hay lơ tịt đi hoặc giả cắt xén vụn vặt, khiến nội dung mất liên tục, ý nghĩa của diễn từ bị méo mó, thậm chí mất hẳn; chỉ còn phô ra trước công luận một thứ hình ảnh rất xấu xa về các quan điểm của phong trào mới. Thành thử lời từng vị nói ra hoàn toàn vô nghĩa; ý nghĩa vốn nằm ở trong cái mà người ta đọc ra được từ chính các vị: Đây chỉ là trích lục diễn từ, đã xé lẻ như vậy ắt chỉ còn có thể và tất phải tác động vô nghĩa. Mà cái diễn đàn duy

nhất, nơi các vị lên tiếng, thật sự cũng chỉ đếm được vón vẹn có năm trăm ông nghị – chỉ điều này thôi cũng đã nói lên quá đủ.

Chưa từng có bao giờ mà những biến động lớn nhất trên thế giới này lại được chỉ đạo bởi ngòi bút!

Tuy nhiên cái sau đây mới lại là cái tồi tệ nhất:

Phong trào toàn Đức chỉ có thể tính đến thành công nếu như ngay từ ngày đầu tiên đã nhận ra được là – ở đây không có vấn đề đảng mới mà chỉ có vấn đề thế giới quan mới. Chỉ có thế giới quan mới mới đem lại nội lực để vào cuộc chiến đầy cam go ấy. Cũng chỉ những cái đầu sáng giá nhất và gan dạ nhất mới xứng tầm thủ lĩnh.

Khi cuộc đấu tranh vì một thế giới quan lại không do những nhân vật chính sẵn sàng xả thân cầm đầu thì chỉ một thời gian ngắn sau đó sẽ không thể tìm ra được những chiến sĩ dũng cảm đến mức dám hy sinh tính mạng. Chỉ vì sự tồn tại của riêng mình thì chẳng còn gì nhiều cho cái chung.

Để có được tiền đề ấy thì từng người lại cần biết là phong trào mới sẽ chỉ đem lại danh dự và vinh quang cho mai sau thôi chứ chưa đem lại được gì cho hiện tại. Phong trào càng sắp đặt nhiều chức trách, vị thế dễ với tới thì càng lắm kẻ tầm thường kéo nhau đến, đến rồi cuối cùng bè lũ cơ hội chính trị ấy áp đảo hẳn về số lượng. Người chiến sĩ trung thành không còn nhận ra được cái phong trào gốc nữa và sẽ bị những kẻ đến sau kiên quyết khước từ, xem như “người ngồi không đúng chỗ”, chỉ hay quấy nhiễu, thêm khó chịu. Tuy nhiên, vậy là “sứ mạng” của một phong trào kiểu ấy đã được hoàn tất.

Do phong trào toàn Đức đã nguyện sẽ hết mình vì nghị viện, tự nó lại cũng có “nghị viện” thay vì thống lĩnh và chiến binh. Tức là tự nó đã tụt xuống trình độ của một trong những phe đảng chính trị sự vụ tầm thường, không còn sức đề, với ý chí tử vì đạo, chống chọi với số phận vẫn còn đầy rẫy bất trắc. Thay vì chiến đấu, bây giờ nó cũng học “ăn nói”, học “thương lượng”. Song rồi chẳng bao lâu, vị nghị viên mới kia đã cảm thấy ngay rằng, với nhiệm vụ chiến đấu đến cùng cho thế giới quan mới toàn bằng vũ khí “tinh thần” của phép hùng biện, chẳng có gì nguy hiểm, thật sự còn thú vị hơn nhiều so với lao đầu vào

một cuộc chiến có thể mất mạng, mà kết cục lại không chắc chắn, và dù thế nào đi nữa thì cứ vẫn chẳng được gì.

Vì người lúc này đã ngồi trong nghị trường cho nên ở bên ngoài đám người ủng hộ đêm ngày khắc khoải hy vọng, trông chờ phép màu. Lẽ đương nhiên phép màu không tới và cũng chẳng bao giờ tới được. Thế cho nên chẳng mấy chốc người hết kiên nhẫn; còn vì một lẽ nữa, những gì mà người được nghe thốt ra từ miệng các ông nghị đâu có ứng với lòng mong mỏi của cử tri. Dễ hiểu điều này, báo chí thù nghịch vốn thận trọng lắm, họ muốn giới thiệu với dân một hình ảnh trung thực về tác động của các vị đại diện cho toàn dân của nước Đức.

Các vị đại diện mới cho dân càng bén mùi đấu tranh “cách mạng ôn hoà” trong nghị viện và trong các hội đồng cấp bang, thì lại càng ít vị thấy mình sẵn sàng quay về với cái việc có phần nguy hiểm hơn thế, là đi giải thích trong những tầng lớp nhân dân rộng rãi.

Thế cho nên việc hội họp với quần chúng, con đường duy nhất thật sự có hiệu quả, bởi cá nhân trực tiếp tác động vào dân và cũng chỉ như vậy mới thu hút được đại bộ phận dân, cứ luôn luôn bị gạt lùi lại phía sau.

Khi mà bàn bi a nơi phòng họp đã dứt khoát bị thay thế bởi diễn đàn chốn nghị trường, để rồi từ diễn đàn ấy mọi diễn từ chẳng được rót thẳng xuống đến dân, mà lại chỉ dành cho các nhân vật quan trọng nhất trong cái đám gọi là “đã được dân bầu”, thì ôi thôi, phong trào toàn Đức đâu còn là một phong trào của người dân nữa; nó tụt hạng, chẳng mấy lâu sau đó, thành một thứ câu lạc bộ của những cuộc luận bàn mang tính hàn lâm, đáng xem trọng nhiều hay ít thì còn tùy.

Vì vậy, ấn tượng xấu do báo chí loan truyền tuyệt nhiên không còn được hoạt động hội họp cá nhân của từng vị đứng chính, thành thử cuối cùng cái từ “toàn Đức” đâm ra nghe chối tai trong quảng đại quần chúng.

Bởi xin tất cả các vị hiệp sĩ và những con người thời thượng lố lăng văn hay chữ tốt hãy chịu khó nghe cho: chưa từng có bao giờ mà những biến động lớn nhất trên thế giới này lại được chỉ đạo bởi ngòi bút!

Không, công việc dành cho ngòi bút chỉ là tạo dựng cơ sở lý luận.

Còn sức mạnh, cái sức mạnh đã từng lay chuyển đến cả những khối băng đồ sộ, tôn giáo hay chính trị, của lịch sử thì tự ngàn xưa vốn vẫn chỉ có thể là sức mạnh của lời lẽ nói ra miệng.

Quảng đại quần chúng trước hết và khi nào cũng chỉ chịu tác động ghê gớm của lời nói. Mọi phong trào lớn thay đều là phong trào của dân, là những đợt phun trào núi lửa của đam mê và xúc cảm tự trong lòng người, được khuấy động bởi bàn tay nghiệt ngã của nữ thần đói khát hoặc bởi ngọn đuốc của lời nói bùng cháy trong quần chúng, chứ không phải bởi thứ nước mát ngọt ngào của các vị bậc thầy mỹ học hay các vị anh hùng trong phòng khách.

Chỉ giông bão của đam mê cháy bỏng mới xoay chuyển được số phận của người dân, và chỉ người vốn đã mang sẵn đam mê trong tâm hồn mới thức tỉnh được đam mê.

Chỉ đam mê mới gọi mở được cho người có nó, từng lời lẽ như tiếng búa gõ để mở cánh cửa đi vào trái tim của nhân dân.

Hitler công nhận chỉ có đam mê mới gọi mở được cho người có nó. Như ông từng đam mê việc vẽ tranh.

Kẻ không có đam mê, kẻ miệng khoá, Trời không chọn để làm người nói ra ý định của Trời.

Vì vậy xin mỗi người viết hãy chịu khó ngồi lại bên lọ mực của mình – nếu có đủ hiểu biết và năng lực, bởi đã không được sinh ra để làm thủ lĩnh.

Vì vậy một phong trào với những mục tiêu lớn phải biết lo, cố gắng không để mất liên hệ với quảng đại quần chúng.

Phải soát xét từng vấn đề trước hết dưới quan điểm ấy và phải ra từng quyết định theo chiều hướng ấy.

Phải tránh tất cả những gì làm mất đi, thậm chí chỉ làm yếu đi, khả năng tác động vào quần chúng – chẳng phải vì “mị dân” đâu, không, mà đơn giản chỉ vì nhận thức: không có sức mạnh ghê gớm của quảng đại quần chúng thì sẽ không có một ý tưởng nào, cho dù cao quý đến đâu, có thể thành hiện thực.

Con đường đi đến đích phải do duy nhất thực tế khắc nghiệt xác định. Trên thế gian này, không muốn đi những lối cam go, dù muốn hay không thường vẫn có nghĩa là từ bỏ mục đích.

Vì phong trào toàn Đức, thiên về quan điểm nghị trường, đã chuyển trọng tâm hoạt động từ dân vào nghị viện nên nó đã đánh mất tương lai và chỉ thu được những thành quả rẻ tiền trước mắt.

Nó đã chọn cách đấu tranh nhẹ nhàng, vậy nên không còn giá trị liên quan đến thắng lợi cuối cùng.

CHƯƠNG 3.8: THỦ ĐOẠN SỬ DỤNG LINH MỤC VÀ NHỮNG NGƯỜI CHĂM SÓC TÂM LINH

Hồi còn ở Vienna tôi đã từng suy nghĩ rất sâu về chính những vấn đề đó và cũng đã thấy: việc không nhận thức ra chúng chính là một trong những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự sụp đổ cái phong trào, mà trong mắt tôi hồi ấy, vốn là thích đáng nhất để nắm lấy quyền lãnh đạo khối toàn dân Đức.

Hai sai lầm đầu khiến phong trào toàn Đức không thành công, có quan hệ gần gũi với nhau. Không hiểu biết hết nội lực của những biến động lớn nên không đánh giá được hết tầm quan trọng của quảng đại quần chúng, dẫn đến ít quan tâm tới vấn đề xã hội, thiếu tranh thủ tâm hồn của những tầng lớp dân bên dưới và thiên về quan điểm nghị trường.



Việc sử dụng linh mục và những người chăm sóc tâm linh là người Séc chỉ là một trong nhiều thủ đoạn để tiến đến cái đích ấy, Xlavor hoá Áo quốc trên tổng thể.

Giá mà đã nhận thức được cái sức mạnh tuyệt vời ấy, sức mạnh chống đối mang tính cách mạng vốn tiềm tàng trong quần chúng ở mọi thời đại, thì hẳn đã làm khác về mặt xã hội cũng như về mặt tuyên truyền vận động. Hẳn đã không chuyển trọng tâm vận động vào nghị viện, mà đặt ở trong công xưởng và ngoài đường phố.

Rồi đến sai lầm thứ ba cũng lại mang mầm mống của việc không nhận thức được giá trị của quần chúng, lúc đầu khởi phát từ mấy bộ não ưu tú đã chèo lái nó đi theo một chiều nhất định, để rồi như đã có đà, sau đó nó điên cuồng và bạo cường phá phách.

Cuộc đấu cam go mà phong trào toàn Đức đã gây ra chống nhà thờ công giáo cũng chỉ có thể được giải thích như thế: vì thiếu hiểu biết mà người ta đã cố tình đi ngược lại một thiên hướng vốn đã ăn sâu bắt rễ trong lòng người.

Đảng mới đã công kích dữ dội Roma vì những nguyên nhân sau:

Ngay sau khi nhà Habsbourg quyết định dứt khoát tái cơ cấu Áo quốc thành một nhà nước Xlavor thì người ta không từ một thủ đoạn nào xem ra tương thích với chiều hướng đó. Đến cả các thiết chế tôn giáo cũng bị cái triều vua vô ý thức nhất ấy không ngần ngại bắt phải phục vụ cho “ý tưởng nhà nước” mới.

Việc sử dụng linh mục và những người chăm sóc tâm linh là người Séc chỉ là một trong nhiều thủ đoạn để tiến đến cái đích ấy, Xlavor hoá Áo quốc trên tổng thể.

Quá trình đại khái như sau:

Linh mục người Séc được điều động về những giáo xứ thuần Đức; từng bước song chắc nịch, họ bắt đầu đặt quyền lợi của dân gốc Séc lên trên cả quyền lợi của nhà thờ và trở thành những mầm mống của toàn bộ quá trình tuần tự phi Đức hoá.

Đáng tiếc là hàng giáo phẩm người Đức lại gần như chẳng có phản ứng gì trước một diễn tiến như vậy. Không những họ chẳng phát động được một cuộc đấu tranh tương tự nào theo tinh thần Đức, mà cũng chẳng thấy họ chống chọi với mức độ phải có trước các đợt tấn công của những người kia. Vậy là, một

mặt qua con đường vòng lăm dục đức tin, mặt khác vì không thấy đề kháng đầy đủ, cứ thế từng bước song không hề dừng, bản thể Đức đã bị đẩy lùi.

Trong tiểu tiết diễn biến đã là như thế, tiếc rằng trên tổng thể cũng chẳng có gì khác mấy.

Ngay ở chỗ này, mưu toan chống Đức của nhà Habsbourg, trước hết thông qua giới tăng lữ bề trên là chính, đã không hề gặp sức đề kháng đáng phải có, mà đến chính phái lễ ra phải đại diện cho các quyền lợi Đức lại cũng đã tự nguyện rút hoàn toàn vào hậu trường.

Ấn tượng chung không khác được, ở chỗ này các quyền lợi Đức đã bị hàng giáo phẩm Gia tô giáo xâm phạm trắng trợn.

Như vậy là dường như nhà thờ đã không hề đồng cảm với dân tộc Đức, mà lại bất công đứng sang phía đối thủ. Cội rễ của tất cả cái dở này, theo Schönerer, chủ yếu là do lãnh đạo nhà thờ Gia tô giáo không hề sống trên đất Đức và chỉ vì thế thôi đã đủ để họ hằn học với yêu cầu của dân Đức chúng ta.

Các vấn đề gọi là văn hoá ở nơi đó, cũng như ở mọi nơi trong Áo quốc thời ấy, hầu như bị gạt hẳn về vị trí phụ. Lập trường của phong trào toàn Đức đối với nhà thờ Gia tô giáo ít bị chi phối bởi thái độ của nhà thờ đối với những vấn đề, như khoa học chẳng hạn, mà bị chi phối nhiều bởi thái độ của nhà thờ thiếu quan tâm đến các quyền của người Đức mà ngược lại, thường xuyên đặc biệt khích lệ tính ngạo ngược và lòng tham của người Xlavơ.

Georg Schönerer không phải là con người chỉ làm đến nửa chừng rồi bỏ. Ông lao vào cuộc đấu tranh chống nhà thờ với niềm tin sắt đá là chỉ có đấu tranh mới bảo toàn được dân tộc Đức. Phong trào “Tách khỏi Roma” dường như là phong trào mạnh nhất hồi đó, và đương nhiên cũng là đòn nặng nhất, giáng cho đại bản doanh của đối thủ phải tan nát. Giá mà chiến thắng hẳn nhà thờ trên đất Đức đã không bị chia cắt vô lối, với nội lực của nước Đức, dân Đức đã thắng lợi cực lớn.

Chỉ có điều, tiền đề của cuộc đấu tranh đó không đúng, kết cục cũng không đúng.

Không còn nghi ngờ gì nữa, sức mạnh đề kháng mang tính dân tộc của hàng giáo phẩm Gia tô giáo có quốc tịch, trong mọi vấn đề liên quan đến tính

Đức, không thể sánh với cái sức mạnh ấy của đồng cấp không phải người Đức, đặc biệt của đồng cấp người gốc Séc.

Đúng thế, chỉ kẻ dốt nát mới không thể thấy, giới tăng lữ Đức đã hầu như không bao giờ dám, thậm chí chỉ nghĩ đến, tấn công để bảo vệ quyền lợi của người Đức.

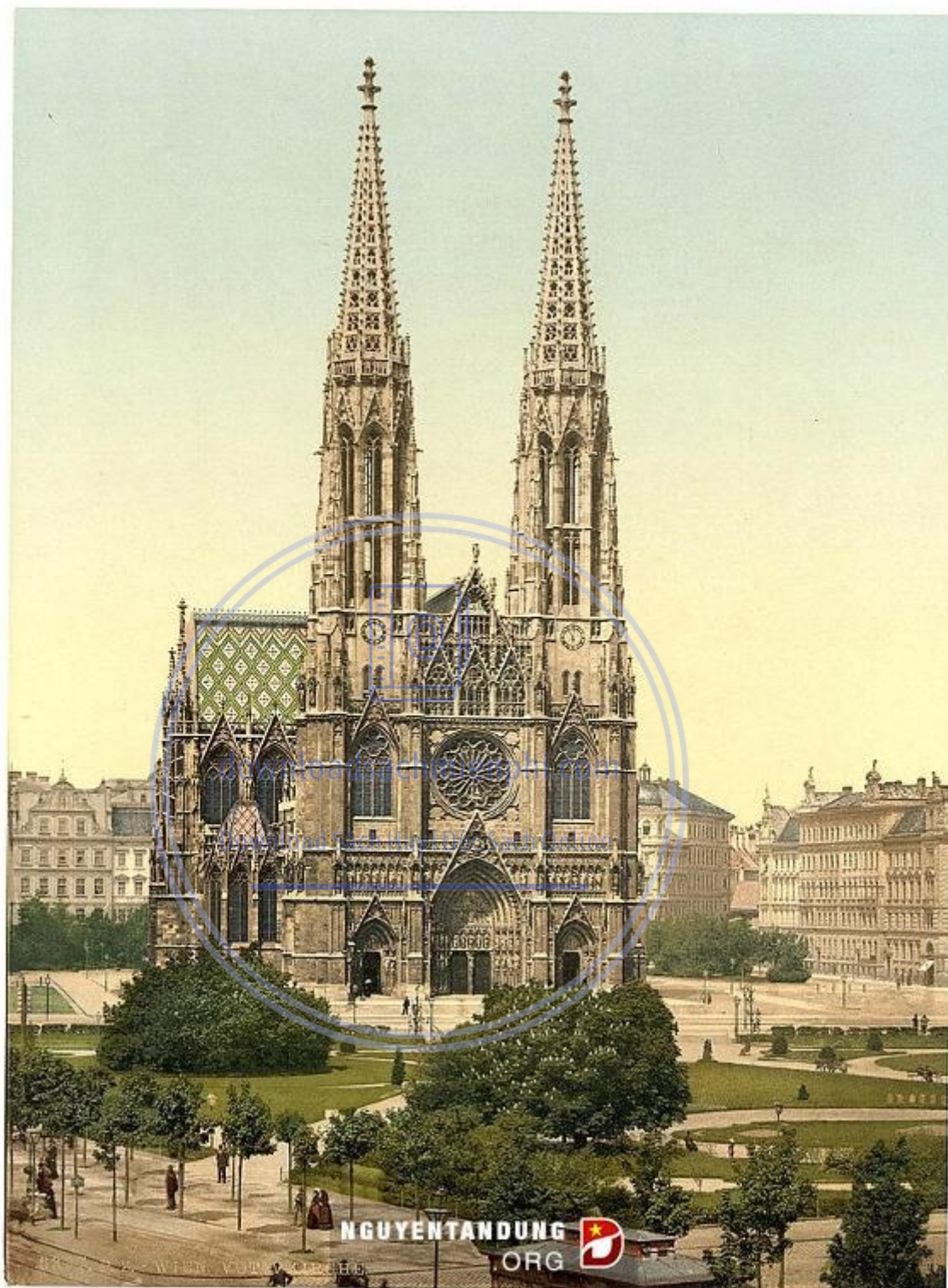
Cũng đúng thế – đến kẻ loà cũng phải thừa nhận, là trước hết do một tình huống mà mọi người Đức, tất tât, đều đã phải gánh chịu cực kỳ nặng nề, ấy chính là thái độ ngoài cuộc của chúng ta trước vấn đề tính Đức của chúng ta, hết như trước bất cứ vấn đề nào khác.

Hàng giáo phẩm Séc chủ quan đối với dân tộc họ và chỉ khách quan đối với nhà thờ như thế nào, thì giới tăng lữ Đức lại chủ quan đối với nhà thờ và khách quan đối với dân tộc họ như thế ấy. Một hiện tượng mà bất hạnh thay, chúng ta còn có thể thấy hết như vậy ở cả ngàn trường hợp khác nữa.

Nó tuyệt không chỉ là một di sản đặc biệt của giáo lý Gia tô giáo mà nó đã nuốt gọn – chỉ trong một thời gian ngắn, hầu như tất tât, nhất là những cơ sở nhà nước hoặc tinh thần.

Người ta chỉ cần so sánh vị thế mà giới quan chức chúng ta nắm bắt khi có những nỗ lực hồi sinh đất nước, với cùng trường hợp đó ở giới quan chức một nước khác. Hay liệu ta có thể tin rằng, giới quan chức của toàn thể cái thế giới đó cũng tương tự như ở ta từ năm năm nay là tất nhiên đặt lợi ích quốc gia bên dưới sáo ngữ “uy quyền nhà nước”, thậm chí coi đó là đóng góp đặc biệt? Chẳng hạn trong vấn đề Do Thái, ngày nay cả hai tôn giáo (Tin lành và Gia tô giáo, N.D.) đều lấy chung một lập trường mà nó chẳng hề tương ứng với lợi ích quốc gia lẫn những nhu cầu thật sự của tín ngưỡng? Người ta cũng chỉ cần so sánh quan điểm của một thầy tu Do Thái về mọi vấn đề chỉ cần có chút ít ý nghĩa đối với dân Do Thái ở nghĩa chủng tộc với lập trường của phần lớn hơn rất nhiều các tu sĩ chúng ta, nhưng xin nhớ là cả hai tôn giáo!

Chúng ta luôn có hiện tượng này khi nó liên quan tới việc đại diện cho một ý tưởng trù tượng.



Nhà thờ Kafederalny tại Vienna

“Quyền lực của nhà nước”, “nên dân chủ”, “chủ nghĩa hoà bình”, “tình đoàn kết quốc tế” v.v toàn là những khái niệm ở nước ta gần như luôn luôn trở thành những hình ảnh cứng nhắc, thuần túy học thuyết, đến nỗi chỉ được phép

duy nhất đi từ những quan điểm ấy mỗi khi đánh giá các tất yếu sống còn của dân tộc nhìn chung.

Cái kiểu cách vô lối ấy – nhìn nhận mọi vấn đề dưới góc độ của một định kiến có trước, đã bóp chết mọi khả năng suy nghĩ chủ quan vào sâu một sự việc; nó mâu thuẫn khách quan với chính học thuyết, cuối cùng dẫn đến đảo ngược hẳn phương tiện và mục đích. Người ta sẽ chống bất kỳ một cuộc thử nổi dậy nào mà nếu như để làm được thì phải mất trước một trung đoàn tòi. Vì thế là vi phạm “quyền lực của nhà nước”, thứ “quyền lực nhà nước” mà dưới mắt của kẻ cuồng nhiệt – khách quan đâu có phải phương tiện để phục vụ cho mục đích; đó chính là mục đích đủ choáng hết cả cuộc đời khôn khổ của mình. Chẳng hạn, người ta sẽ phần nộ đứng lên chống chuyên chính, dù cho có là Friedrich đại đế cầm đầu đi nữa, dù cho chính lúc này những kẻ đang diễn trò đa số nghị viện chỉ là những chú lùn bất lực, thậm chí là vô tích sự. Bởi, với người cứng rắn về nguyên tắc đến thế thì sắc luật dân chủ thậm chí còn thiêng liêng hơn hạnh phúc của dân tộc. Vậy là, người này thì che chắn cho cái vòng câu thúc tòi tệ nhất, đang làm cho cả một dân tộc đi đến chỗ lụn bại – song lúc này là hiện thân của “quyền lực nhà nước”; trong khi chính người kia thì đẩy đẩy khước từ cái hình thái chính quyền, có thể giàu năng lực nhất, chỉ bởi nó không tương thích với ý niệm “dân chủ” riêng của mình.

Hệt như vậy, dù cho dân tộc có bị hiếp đáp dẫm máu đến đâu – bạo lực quân sự được dung túng, thì người theo chủ nghĩa hoà bình trên đất Đức vẫn cứ im lặng vì: tuy rằng chỉ có chống lại cũng bằng bạo lực thì mới mong thay đổi số phận, nhưng như thế lại là đi ngược tinh thần xã hội hoà bình. Con người xã hội theo chủ nghĩa quốc tế ở nước Đức có thể bị thiên hạ nơi khác trấn lột tàn tệ trong tình đoàn kết, anh ta vẫn lo liệu chu đáo trên tinh thần anh em, không hề nghĩ đến chuyện được đền đáp mà cũng không hề nghĩ đến phản ứng, chỉ vì anh ta chính là – người Đức.

Có thể là buồn, song muốn thay đổi sự vật thì phải nhận chân ra nó đã.

Một bộ phận tăng lữ yếu đại diện cho quyền lợi của người Đức, cũng hết như vậy.

Thật tình không có ác ý (ý xấu vì còn bị lệnh “trên” chi phối), mà sự thiếu kiên quyết vì dân tộc này chỉ là hệ quả của một quá trình giáo dục thanh niên

thiếu mất bản thể Đức, mặt khác còn do sự khuất phục hoàn toàn trước cái ý tưởng đã thành tượng Thánh.

CHƯƠNG 3.9: TRIẾT LÝ “THIÊN TÀI” CỦA BẠC THỦ LĨNH CỐ LỚN?

Giáo dục về dân chủ, về chủ nghĩa xã hội kiểu quốc tế, về chủ nghĩa hoà bình khô cứng và độc nhất như thế nên nhìn từ phía họ, thuần tuý khách quan, cái hình ảnh chung của thế giới còn lại dưới cái ý niệm cơ sở ấy cũng bị chi phối, trong lúc quan điểm về bản thể Đức lại rất chủ quan suốt từ thời trẻ tuổi. Vậy, người theo chủ nghĩa hoà bình, bởi chủ quan vốn đã toàn tâm toàn ý với ý tưởng của mình, nên mỗi lần dân tộc bị đe dọa – dù bất công, dù nghiêm trọng thế nào thì anh ta (nếu vẫn còn đúng là người Đức) bao giờ cũng cứ đi tìm các quyền lợi khách quan trước đã, và chẳng bao giờ vì bản năng tự bảo tồn thuần tuý mà đứng vào hàng ngũ của bầy đàn để cùng chiến đấu.



Hitler: Với thủ lĩnh chính trị, các tín điều và cơ sở tôn giáo của dân tộc bao giờ cũng phải là bất khả xâm phạm, bằng không thì không thể là nhà chính trị

Đúng đến đâu với từng đức tin thì lại như sau đây:

Đạo Tin lành tự thân nó đại diện cho các quyền lợi của người Đức tốt hơn, bởi lẽ vốn đã có cơ sở từ lúc mới sinh và cả trong truyền thống sau đó, tuy nhiên nó cũng bế tắc khi phải bảo vệ quyền lợi cho dân tộc trên lĩnh vực mà ở đường lối chung về thế giới quan và ở quá trình phát triển truyền thống của nó lại không có hay không được chấp nhận vì một nguyên nhân nào đó.

Vậy nên, vì tất cả những gì liên quan đến tính Đức bao giờ nó cũng tự thân vào cuộc, ngay khi có những vấn đề nảy sinh như thanh lọc nội bộ, chiều sâu của tính dân tộc bảo tồn bản thể Đức, ngôn ngữ Đức, tự do Đức, bởi tất cả đều từng cùng lúc hình thành, đã bén rễ sâu trong nó. Song nó lại tức thời và cực kỳ kiên quyết chống bất kỳ một thử nghiệm nào nhằm giải thoát cho dân tộc ra khỏi cái vòng kìm kẹp của kẻ tử thù số một của mình. Là bởi lập trường của nó đối với vấn đề người Do Thái đã được xác lập, chắc chắn ít nhiều có tính giáo điều. Mà đây lại chính là vấn đề, mà nếu như không được giải quyết, thì mọi thử nghiệm khác để cho nước Đức tái sinh hay là để nổi dậy hết thảy đều hoàn toàn vô nghĩa, đang và sẽ còn là bất khả thi.

Hồi ở Vienna, tôi đã có đủ thời gian rảnh rỗi và có dịp để, không định kiến, xem xét lại vấn đề này và qua giao tiếp thường ngày kiểm chứng lại nó đến cả ngàn lần.

Ở chôn hội tụ đa sắc tộc nhiều màu nhiều vẻ nhất này thì thấy cực rõ ngay, là chỉ có người Đức theo chủ nghĩa hoà bình mới luôn luôn tìm cách khách quan xem xét quyền lợi của dân tộc mình. Với quyền lợi của dân tộc mình thì dân Do Thái chưa bao giờ được như thế. Lại chỉ có người Đức theo chủ nghĩa “quốc tế” mới chịu đi cầu xin công bằng cho dân tộc mình, bởi lẽ tinh thần ấy cấm họ làm khác – họ chỉ được phép khóc lóc, rên rỉ với các đồng chí quốc tế. Đến người Séc, người Ba Lan cũng chẳng thêm làm theo cách đó bao giờ. Nói ngắn gọn, hồi ấy tôi đã nhận thức được, chỉ có một phần bất hạnh nằm ở tự thân các học thuyết ấy, còn phần khác nằm ở chỗ tính dân tộc đã được dạy dỗ hoàn toàn không đầy đủ và vì vậy ít có tinh thần cống hiến, xả thân vì nó.

Thế là đã rơi rụng mất cái cơ sở thuần tuý lý thuyết đầu tiên của phong trào toàn Đức trong cuộc chiến chống Gia tô giáo.

Người ta giáo dục dân chúng Đức ngay từ khi còn ở tuổi thơ – chỉ dạy thừa nhận quyền của chính dân tộc mình, mà đã không làm ô uế tâm hồn con trẻ

bằng câu chữ “tính khách quan” của chúng ta, cả trong việc giữ gìn cái Tôi của chính mình. Nên chỉ trong một thời gian ngắn, đã thấy (miễn rằng đó cũng là một chính phủ dân tộc cấp tiến) giống như ở Ai Len, Ba Lan hoặc Pháp, cả ở Đức nữa, người Gia tô giáo luôn luôn là người Đức.

Minh chứng thuyết phục nhất vốn đã có từ cái thời mà lần chót vì bảo vệ sự tồn tại, dân tộc ta đã phải ra trước toà án lịch sử trong cuộc đấu tranh sống còn của mình.

Thời đó thiếu lãnh đạo từ trên, dân vẫn gồng mình lo đầy đủ nghĩa vụ và trang trải hết nợ nần. Mục sư Tin lành hay linh mục Gia tô giáo cũng như nhau, cùng góp sức chung lòng không hạn chế để bảo tồn sức đề kháng lâu dài, không chỉ ngoài trận tuyến mà ở ngay hậu phương lại còn hơn thế. Những năm ấy và nhất là khi mới bùng cháy, ở cả hai bên thật sự chỉ có một nước Đức thiêng liêng – mỗi bên có một khoảng trời riêng, song đều cầu nguyện cho sự sống và tương lai của nó.

Lẽ ra đã có lúc mà phong trào toàn Đức ở trên Áo quốc phải tự hỏi mình: Liệu có bảo tồn được chất Đức trên Áo quốc dưới một đức tin Gia tô giáo? Nếu được thì đảng phái chính trị chẳng cần quan tâm đến các vấn đề tôn giáo hay thậm chí đức tin; nếu không thì lại phải có một cuộc cải cách tôn giáo và không bao giờ được có một đảng phái chính trị. Cho thấy là, với những ai tưởng vòng qua một tổ chức chính trị có thể đi tới cuộc cải cách tôn giáo, ánh sáng lấp lánh của các ý niệm tôn giáo, các học thuyết tín ngưỡng và những tác động của chúng vào nhà thờ đã lia bỏ chính họ.

Ồ đây thật tình không thể cùng lúc vì cả hai ông chủ. Theo tôi thì dựng lên hay là dẹp đi một tôn giáo là chuyện lớn, lớn hơn dựng hay dẹp một nhà nước nhiều, huống là một đảng phái.

Người ta không nói tấn công, mà chỉ là đáp trả tấn công của đối phương.

Tất nhiên là thời nào cũng có đứa bất lương không ngần ngại lạm dụng đến cả tôn giáo để mặc cả chính trị (với kẻ như thế hầu như khi nào cũng là và chỉ thế). Song (cũng hẳn nhiên) là sai nếu lại đổ trách nhiệm cho tôn giáo hoặc đức tin (hẳn nhiên cũng bị nó lạm dụng), bởi lẽ để thoả mãn dục vọng thấp hèn đứa lưu manh sẽ không từ bỏ bất kỳ thủ đoạn nào.

Đổ trách nhiệm cho cho tôn giáo hoặc đức tin vì nó xấu ư, tức thì nó lu loa om sòm, nó xin thiên hạ chứng giám là cho tới đó hành xử của nó không xấu, và chỉ nhờ nó với cái lưỡi dẻo quẹo của mình mà đã cứu được tôn giáo, cứu được nhà thờ. Lúc đó vì om sòm như thế, đám người đã ngớ ngẩn lại chóng quên kia, tất không thể nhận chân ai mới đích thực là người đã đứng ra phát động cả cuộc đấu tranh, thậm chí họ còn chẳng nhớ ra nó là người nào nữa. Thế là đưa lưu manh đạt được mục đích của nó.

Thừa biết chẳng có gì liên quan đến tôn giáo hết, con cáo già bung miệng cười thâm. Trong lúc đối thủ trung thực nhưng vụng về bị thua cuộc đề rồi đến một ngày, không còn lòng thành và niềm tin đối với mọi người nữa, đành ngậm ngậm bỏ cuộc.

Mà mặt khác cũng không phải lẽ, nếu buộc tự thân tôn giáo hay buộc chính nhà thờ phải chịu trách nhiệm về từng người. Đối chiếu cái tầm vóc hiển hiện ngay trước mắt với cái kém cỏi bình quân của con người nhìn chung ắt hẳn phải thừa nhận, tỷ lệ tốt xấu ở đây hơn hẳn ở bất cứ đâu khác. Tất nhiên rồi, trong giới tu sĩ cũng có vị xem cái giáo chức thiêng liêng của mình chỉ như cái công cụ nhằm thoả mãn tham vọng cá nhân, quá mê mải đấu tranh chính trị cho nên quên phắt cả nghĩa vụ là phải bảo vệ một chân lý thiêng liêng hơn chứ không phải là đi biện hộ cho chơi dơi trá và lừa bịp. Cứ một người không xứng danh như thế thì vẫn còn cả ngàn người đáng trọng, hết mực trung thành với sứ mạng là những người chăm sóc linh hồn, tuy số người như thế này chỉ tựa như mô đất nhỏ trời lên giữa đám sinh lầy là cái xã hội bây giờ vừa giả dối vừa chưa hoàn thiện.

Nếu tôi không nở và không dám công kích nhà thờ vì chỉ có một ai đó bận áo choàng linh mục mà lại làm ô uế đạo lý, thì tôi cũng không đành lòng và không thể làm như vậy khi chỉ có một người nào đó trong số đông lại làm vậy bản và phản bội dân tộc mình, ở vào thời mà cái việc như vậy mặc nhiên đúng là chuyện cơm bữa thường ngày. Đặc biệt hôm nay đây xin đừng quên, lỡ có gặp phải một Ephialtes (có hai nghĩa: lãnh đạo nhà nước Hy Lạp, chết năm 461 trước công nguyên; và người khổng lồ theo truyền thuyết Hy Lạp, có lẽ ở đây tác giả muốn nói theo ý thứ hai, ND) như vậy thì vẫn còn gặp được cả ngàn con người tâm huyết, và hết như những người con ưu tú nhất của dân tộc họ vẫn đau

đấu chờ mong đến một ngày rồi ông Trời sẽ lại rạng rỡ mỉm cười với tất cả chúng ta.



Ephialtes: người khổng lồ theo truyền thuyết của Hy Lạp (ảnh minh họa).

Song ai dám đáp lại rằng ở đây không có vấn đề của thường ngày, chỉ có vấn đề chân lý hay giáo điều thì xin giải đáp cho một vấn đề nữa:

Bạn tin là bạn được chọn để truyền bá chân lý, thế thì cứ việc, nhưng hãy dừng cảm, đừng tính đến chuyện đi con đường vòng của một đảng chính trị – bởi như vậy là rẽ ngang.

Xin hãy dựng lên cái tốt hơn của ngày mai thế vào chỗ cái xấu của ngày hôm nay; dù thế nào đi nữa thì cũng xin đừng tính chuyện vòng qua con đường của một phong trào chính trị để mà với tới, bằng mảnh khoé kín đáo, cái mà bạn đã cảm chắc là không thể có nếu cứ sòng phẳng và minh bạch.

Đảng chính trị chẳng có gì phải bận bịu vì tôn giáo, chừng nào mà tôn giáo không xa lìa dân, buông bỏ tập quán và đạo lý dân tộc; hết như vậy, tôn giáo không phải lo đảng chính trị ứng xử không thoả đáng.

Một khi hàng giáo phẩm lại sử dụng các cơ sở hay học thuyết của tôn giáo có hại cho dân tộc thì (người ta, ND) không thể đi theo và còn được phép chống trả với chính những vũ khí ấy.

Với thủ lĩnh chính trị, các tín điều và cơ sở tôn giáo của dân tộc bao giờ cũng phải là bất khả xâm phạm, bằng không thì không thể là nhà chính trị mà (ông ta, ND) nên là nhà cải cách nếu có được công cụ cần thiết!

Một thái độ khác (với ở trên, ND) có thể sẽ dẫn đến thảm họa, đặc biệt ở Đức.

Khảo sát phong trào toàn Đức và cuộc đấu tranh chống Roma của nó ngay từ hồi đó và nhất là cả những năm tiếp sau, tôi đã đi đến chỗ tin rằng: vì phong trào ấy thiếu hiểu biết ý nghĩa của vấn đề xã hội cho nên nó đã mất quần chúng thật sự có sức chiến đấu; đi vào nghị viện, nó đã bị mất cái đà vốn mạnh rồi lại phải gánh vác tất cả các điểm yếu của chính cái thiết chế ấy; cuộc đấu tranh chống nhà thờ Gia tô giáo, làm cho nó thành ra không chấp nhận được đối với nhiều giới vừa và nhỏ, đã cướp đi của nó vô số phần tử ưu tú nhất.

Kết quả thực tế của cuộc đấu tranh văn hoá trên Áo quốc gần như bằng không.

Cũng lỗi kéo được của nhà thờ khoảng 100.000 thành viên thật, chỉ có điều là số người này chẳng phải mất mát gì đặc biệt. Như thế ở trường hợp này, nhà thờ không cần khóc “con chiên nhỏ” bởi nó chỉ mất cái mà nội tâm đã từ lâu không còn hoàn toàn thuộc về nó. Chỗ khác giữa cái cách mới với cái cách trước đây chính là ở đó: trước đây những con chiên ngoan ngoãn nhất đã vì đức tin tôn giáo trong nội tâm mà quay lại nhà thờ, thì bây giờ bỏ đi lại là những kẻ mới chỉ có được nửa chữ tâm, mặc nhiên vì những “cân nhắc” chính trị.

Nhìn dưới góc độ chính trị, cái kết quả này thật sự đáng cười mà cũng lại đáng buồn.

Lại có một phong trào chính trị cứu nước hứa hẹn thành công cho dân tộc Đức bị diệt vong bởi lẽ nó không được lãnh đạo bằng sự tinh táo đến tàn nhẫn cần thiết, mà lại bị rơi vào những lĩnh vực chỉ dẫn nó đến sự phân rã.

Bởi lẽ có điều sau là hết sức đúng đắn:

Phong trào toàn Đức sẽ không phạm sai lầm đó, nếu như nó đã không am hiểu quá ít tâm lý đám đông. Nếu như lãnh tụ của nó biết rằng, muốn giành thắng lợi thì những cân nhắc thuần túy tình cảm không bao giờ được phép để quần chúng cùng lúc thấy hai đối thủ hay nhiều hơn thế, vì như vậy sức chiến đấu sẽ hoàn toàn bị xé lẻ; lẽ ra hướng công kích của phong trào toàn Đức phải nhằm vào chỉ một đối thủ mà thôi. Không có gì nguy hiểm hơn cho một đảng chính trị là lúc ra các quyết định lại dễ bị chèo lái bởi những kẻ “gì cũng biết” song lại chẳng làm được một tí gì cho thật trọn vẹn.

Ngay cả khi mà ở từng đức tin thấy sự phô bày quá nhiều đi nữa, thì đảng chính trị cũng không được rời mắt chỉ một lúc khỏi cái sự thật là, theo tất cả

kinh nghiệm xưa nay, trong lịch sử chưa từng có bao giờ một đảng chính trị thuần túy ở vào những tình thế như vậy lại đã có thể đi đến cải cách được tôn giáo. Ta không học lịch sử để rồi đến lúc cần vận dụng vào thực tế lại không nhớ hay là không tin vào những bài học của nó, cho rằng sự vật ở thời đó lại khác kia, vậy nên không còn vận dụng được những nguyên lý của cái thời xa xưa ấy nữa; mà ta học ở nó cách vận dụng có lợi cho hiện tại. Ai không làm được điều đó thì xin chớ mơ tưởng làm lãnh tụ chính trị; thật tình anh ta chỉ là một kẻ nông cạn, lắm khi còn là một kẻ rất cao ngạo, hão huyền đáng thương, và dù thiện chí có đến đâu cũng không biện hộ được cho cái bất tài trong thực tế. Nghệ thuật của các vị thủ lĩnh thật sự lớn ở mọi thời đại chính là không phân tán sự chú tâm của nhân dân, mà biết luôn tập trung vào chỉ một đối thủ duy nhất. Sức chiến đấu của dân càng được thống nhất huy động thì lực hút của phong trào càng lớn và sức công phá càng mạnh. Thiên tài của bậc thủ lĩnh cỡ lớn chính là ở chỗ: đối thủ thì nhiều thật song lại biết gom tướng như chỉ có một, bởi lẽ ở những người cá tính yếu đuối, không kiên định thì nếu nhận ra lắm kẻ thù quá rất dễ là ngay từ đầu đã sinh nghi những quyền chính đáng của mình.

Quần chúng dao động vào cuộc tranh đấu mà lại thấy lắm kẻ thù quá, tức thời tính khách quan thức tỉnh và câu hỏi được đặt ra: Có thật chỉ có dân, chỉ có phong trào mới là đúng còn tất cả những người kia là sai không?

Vậy là nội lực bắt đầu tê liệt. Vì thế phải biết gom, sao để đối thủ thì nhiều và khác nhau ở nội tình song quần chúng lại thấy như chỉ có một kẻ thù. Họ sẽ càng tin vào lẽ phải của mình và càng căm thù đối phương.

Từ ban đầu phong trào toàn Đức vốn không nhận thức ra được như thế nên đã thất bại.

Mục tiêu đặt đúng, ý chí trong sạch, song đi sai đường. Như người leo núi, ngược lên nhìn thấy đỉnh, quyết tâm cao, ra sức leo; song bởi chỉ nhìn lên đỉnh mà không nhìn xuống nên không thấy rõ, không nắm chắc được con đường leo lên, cuối cùng thất bại.

CHƯƠNG 3.10: NHỮNG THU HOẠCH TỪ VIENNA

Tình hình đối thủ lớn của nó là Đảng xã hội Thiên chúa giáo dường như ngược lại.

Con đường mà đảng này đã chọn là đúng và khôn ngoan, song mục tiêu lại không được rõ ràng. Trong mọi yêu cầu, nơi phong trào toàn Đức bị khuyết, thì cách đứng chân của Đảng xã hội Thiên chúa giáo lại đúng và rất có kế hoạch.

Đảng ấy đã có sự hiểu biết phải có về ý nghĩa của số đông và đã tranh thủ được chí ít cũng là một phần quần chúng nhờ công khai nhấn mạnh tính xã hội ngay từ những ngày đầu. Bằng cách định hướng cơ bản nhằm thu hút các giới tiểu thủ công nhỏ và vừa lớp dưới, đã kéo theo được đoàn người vừa trung thành vừa kiên định, lại có tinh thần xả thân. Vì đảng tránh mọi cuộc đấu tranh chống tôn giáo nên cũng rất được các cơ sở của cái tổ chức cực mạnh này, như nhà thờ chẳng hạn, ủng hộ. Thế là đảng chỉ còn có một đối thủ lớn, đích thực và duy nhất.



Hitler và những ngày sống tại Vienna.

Đảng nhận thức được giá trị của việc tuyên truyền rộng rãi và là bậc kỳ tài trong cách thức tác động đến tận sâu thẳm trong tâm hồn của đám đông theo mình.

Tuy vậy đã không đạt đến được mục đích từng mơ ước là giải cứu cho Áo quốc vì đảng đã có hai thiếu sót và chính mục đích vốn cũng chưa thật rõ ràng.

Chủ trương bài Do Thái của phong trào mới thay vì được xây dựng trên nhận thức về chủng tộc lại đã xuất phát từ ý niệm tôn giáo.

Nguyên nhân phạm phải cái sai lầm ấy cũng còn là nguyên nhân dẫn đến sai lầm thứ hai nữa.

Cứ như những người đã sáng lập ra nó suy nghĩ thì muốn giải cứu Áo quốc, Đảng xã hội Thiên chúa giáo không thể đứng trên nguyên lý chủng tộc được, vì chỉ trong một thời gian ngắn nữa nhà nước nói chung tất phải bị giải thể. Song đặc biệt tình hình ở chính Vienna khi đó lại đòi hỏi, như lãnh tụ của đảng nhận định, phải cố gắng đến tối đa gạt sang bên tất cả các mômen chia rẽ và thay vào đó hãy ra sức đề cao mọi quan điểm có sức mạnh thống nhất.

Vienna hồi đó đã áp đặt mạnh tới mức, đặc biệt với những người gốc Séc, là chỉ có khoan dung đến tối đa trong mọi vấn đề chủng tộc mới giữ được họ ở lại trong một cái đảng vốn không phải là chống Đức từ đầu. Muốn giải cứu Áo quốc thì không thể không có họ. Người ta bèn tìm cách tranh thủ những người Séc làm các nghề tiểu thủ công, đặc biệt rất đông đảo ở Vienna, thông qua cuộc đấu tranh chống trào lưu kinh tế tự do kiểu Manchester, và những tưởng vậy là đã tìm được một thứ khâu hiệu đấu tranh bài Do Thái trên cơ sở tôn giáo, vượt qua mọi khác biệt sắc tộc của Áo quốc ngày xưa.

Những tưởng đấu tranh trên cơ sở như thế chắc chắn không có gì nhiều đáng lo ngại, ở trường hợp tồi tệ nhất thì chỉ cần vẩy ít nước rửa tội là đã cùng lúc cứu vãn được cả công chuyện lẫn người Do Thái.

Cơ sở hời hợt đến thế thì chẳng bao giờ xử lý nghiêm túc và khoa học được toàn bộ vấn đề, chỉ tổ đẩy ra xa quá nhiều người, bởi họ không thể hiểu cách bài Do Thái như thế. Vậy nên sức mạnh thu hút của ý tưởng hầu như chỉ đến được những giới mà vốn hiểu biết chỉ có hạn, vì cảm xúc thuần túy nhiều hơn là do nhận thức thật sự. Giới trí thức thì kiên quyết khước từ. Càng lúc càng lộ rõ, cứ như toàn bộ công chuyện chỉ là một thử nghiệm để người Do Thái cải tạo, thậm chí là một chút ganh tị trong cạnh tranh. Vậy là cuộc đấu tranh mất đi đặc điểm của một cuộc cống hiến trong tâm linh và cao cả hơn; nhiều người – mà không chỉ những kẻ tồi tệ nhất, thấy nó phi đạo lý và đáng nguyên rủa.

Thiếu niềm tin rằng đây chính là vấn đề sống còn của cả nhân loại, mà số phận của mọi dân tộc không phải Do Thái lại phụ thuộc vào cách giải quyết vấn đề này.

Nửa vời như vậy nên lập trường bài Do Thái của Đảng xã hội Thiên chúa giáo không còn có giá.

Bài Do Thái giả vờ còn tồi tệ hơn không bài vì chắc chắn có người bị ru ngủ. Những tưởng kéo được tai đổi thủ mà thành ra chính mình bị dắt mũi!

Song, người Do Thái chỉ sau một thời gian ngắn đã quen với kiểu bài Do Thái ấy tới mức, với anh ta chắc chắn thà bị bỏ quên còn hơn là bị chính sự tồn tại của mình cản đường.

Ở đây nhà nước đa sắc tộc đã phải chịu hy sinh nặng nề, song quyền lợi của người Đức cũng đã phải hy sinh còn nặng nề hơn thế.

Không được phép là “người theo chủ nghĩa dân tộc” nếu như không muốn mất đất đứng ở chính giữa Vienna. Người ta cứ tưởng nhẹ nhàng lảng tránh vấn đề ấy thì cứu được nhà nước Habsbourg, song chính như vậy lại đẩy nó nhanh đi đến diệt vong. Phong trào bị mất cái nguồn lực cần cho một đảng phái chính trị. Phong trào xã hội Thiên chúa giáo vốn đã trở thành được một đảng như bất kỳ một đảng nào khác chính là nhờ thế.

Hồi ấy tôi đã hết sức chăm chú theo dõi cả hai phong trào: phong trào này thì bởi từ nhịp đập sâu thẳm trong con tim, phong trào kia thì do bị hấp dẫn bởi con người hiem có, ngay hồi đó đã dường như là một biểu tượng lớn của cả khối người Đức trên đất Áo quốc.

Lúc đám tang linh đình của vị thị trưởng đã qua đời bắt đầu chuyển động từ toà thị chính ra phía con đường bao quanh Ringstraße, tôi cũng đứng lẫn trong số mấy trăm ngàn người đến xem tang lễ. Xúc động sâu sắc trong lòng như bảo tôi rằng, thế là sự nghiệp của con người này thật sự vô vọng bởi cái nhà nước này rồi cũng tiêu vong, một số phận bất khả kháng. Giá như TS Karl Lueger đã sống ở bên Đức, ắt là sẽ được xếp vào hàng những bộ óc vĩ đại của dân tộc chúng ta; song ông lại đã hoạt động ở cái nhà nước không thể chấp nhận được này, đó là nỗi bất hạnh cho sự nghiệp của ông và của chính ông.

Ông vừa mất đi, thì lửa đã vội bùng cháy trên dải đất Balcan, càng lúc càng dữ dằn, tháng này qua tháng khác; vẻ như số phận khoan dung muốn cho ông không phải thấy nó, cái mà ông vẫn từng tin là có thể ngăn chặn được.

Tôi lại thử cố tìm hiểu xem vì đâu mà một phong trào bế tắc, một phong trào thất bại và đi đến chỗ tin chắc rằng, loại trừ chuyện củng cố nhà nước trên đất Áo quốc cũ vốn là chuyện không thể có, thì những sai lầm của hai đảng như sau đây:

Phong trào toàn Đức đúng là có quan điểm nguyên tắc rõ ràng về mục đích cuộc cạnh tranh của người Đức, song lại không may mắn khi chọn đường đi. Phong trào có tính dân tộc, song tiếc rằng lại không đủ tính xã hội để tranh thủ số đông. Tính bài Do Thái cũng lấy nhận thức đúng về ý nghĩa của vấn đề chủng tộc làm cơ sở chứ không dựa vào các ý niệm tôn giáo. Nhưng, việc nó đấu tranh chống chỉ một đức tin nhất định thì lại là sai. Sai cả về thực tiễn lẫn chiến thuật.

Phong trào xã hội Thiên chúa giáo hình dung mục đích cuộc tái sinh của người Đức không rõ ràng, nhưng hiểu và may mắn tìm được đường đi cho mình như thể một đảng phái. Nắm được ý nghĩa của vấn đề xã hội, song lâm lạc trong đấu tranh chống người Do Thái và không có khái niệm gì về sức mạnh của tư tưởng dân tộc.

Giả như Đảng xã hội Thiên chúa giáo, với nhận thức khôn ngoan về quần chúng lại có thêm ý niệm về ý nghĩa của vấn đề chủng tộc như của phong trào toàn Đức nữa, thì chính nó cuối cùng cũng theo chủ nghĩa dân tộc. Hoặc giả như phong trào toàn Đức thêm vào nhận thức đúng đắn của nó về mục đích vấn đề Do Thái và về tầm quan trọng của tư tưởng dân tộc, cả sự khôn ngoan trong thực tiễn của Đảng xã hội Thiên chúa giáo nữa và đặc biệt, lập trường của cái đảng ấy về chủ nghĩa xã hội thì ắt sẽ trở thành cái phong trào mà như tôi đã tin tưởng hồi đó, đủ khả năng can thiệp thành công vào số phận của người Đức.

Lại đã không được thế, phần lớn nhất do tự bản chất của nhà nước Áo quốc.

Vì tôi không tin vào bất cứ đảng nào khác nữa nên về sau tôi đã quyết định không gia nhập một tổ chức nào hết trong số các tổ chức đã có, thậm chí còn không cùng đấu tranh với họ. Ngay hồi đó tôi đã cho rằng tất cả các phong

trào chính trị đều có chỗ khiếm khuyết và không có khả năng, không thể làm nổi một cuộc tái sinh ở quy mô lớn chứ không chỉ ở vẻ ngoài cho dân tộc Đức.

Ác cảm của tôi đối với nhà nước của dòng họ nhà Habsbourg không ngừng gia tăng. Tôi càng bắt đầu chú tâm đặc biệt đến các vấn đề chính trị đối ngoại thì niềm tin của tôi càng có thêm cơ sở, là các hình thái nhà nước ấy rồi sẽ trở thành cái hoạ cho dân tộc Đức. Cuối cùng tôi cũng càng thấy rõ là số phận của dân tộc Đức không còn được quyết định từ nơi đó nữa, mà phải là ở trong nước. Không chỉ nói về các vấn đề chính trị chung, mà về mọi hiện tượng của toàn bộ đời sống văn hoá cũng hoàn toàn như vậy.

Ở đây cũng thế, trên lĩnh vực các công việc thuần túy văn hoá hay nghệ thuật, nhà nước Áo cũng cho thấy đủ mọi đặc điểm của một trạng thái mệt mỏi, chí ít cũng là của một sự vô nghĩa đối với dân tộc Đức. Thường thấy nhiều nhất trên lĩnh vực kiến trúc. Vì vậy nghệ thuật xây dựng mới không thể có thành quả đặc biệt lớn trên Áo quốc. Tính từ khi mở rộng con đường bao quanh Ringstraße, chí ít cũng ở Vienna, không có công trình nào đáng kể nữa so với những kế hoạch vẫn không ngừng cất cánh trên nước Đức.



Trường học ở Vienna năm 1910. Nơi Hitler từng theo học.

Vậy là tôi bắt đầu cùng lúc hai cuộc sống; kiến thức và chân lý đã bắt tôi phải trải qua một trường học thật nghiệt ngã song cũng giàu thu hoạch trên Áo quốc, chỉ duy trái tim thì cứ ở tận đâu đâu.

Càng nhận ra chỗ trống rỗng của cái nhà nước ấy, thấy chẳng còn có thể cứu vãn nó thì càng bất bình day dứt, song cũng càng tin chắc nó chỉ còn là nỗi bất hạnh của dân tộc Đức, hoàn toàn là thế.

Tôi tin là với cái nhà nước ấy, cứ cái gì là Đức thật sự tất nó phải hạn chế và ngăn cản; còn ngược lại, cứ cái gì không phải là Đức hẳn nó rồi sẽ khuyến khích.

Tôi rất ngán khối sắc tộc tụ hội ở thủ đô, ngán vô cùng cái khối pha trộn ấy, nào người Séc, người Ba Lan, người Hung, người Ruthenen (tên gọi xưa những người Ucraina sống tại nền quân chủ Áo – Hung, ND), người Sécbia, người Croatia, và lẫn lộn giữa họ, những con khuôn vĩnh hằng của nhân loại – người Do Thái và lại người Do Thái.

Tôi thấy cái thành phố khổng lồ ấy như thể là hiện thân của tệ loạn luân.

Tiếng Đức của tôi thời còn trẻ là thứ phương ngữ mà ở Niederbayern họ cũng nói, tôi không có ý định quên nó đi mà cũng chẳng có ý muốn học lấy thứ biệt ngữ của Vienna. Càng nán lại lâu ở cái thành phố ấy thì càng căm ghét cái đám hồ lớn sắc tộc xa lạ, nó đã bắt đầu găm nhăm cái di sản văn hoá cổ xưa ấy của người Đức.

Tuy nhiên với tôi, ý nghĩ rằng nhà nước này còn tồn tại dài dài, tỏ ra khá nực cười.

Vào thời đó, Áo quốc như là một bức tranh ghép hình mà chất keo kết dính các hình đã cũ nát và dễ vỡ; chừng nào chưa ai đụng tới nó thì tác phẩm nghệ thuật này còn tiếp tục giả vờ như vẫn hiện hữu được mãi, song nếu có va chạm thì nó sẽ vỡ ra muôn mảnh ngay. Câu hỏi luôn là, bao giờ thì cú va chạm nọ sẽ đến.

Bởi trái tim tôi đập, không bao giờ vì Áo quốc quân chủ mà luôn luôn chỉ vì nước Đức, cho nên với tôi, giờ sụp đổ của cái nhà nước ấy chỉ có thể là lúc khởi đầu để giải thoát dân tộc Đức.

Vì tất cả các lý do ấy mà tôi càng ngày càng nung nấu khát khao, cuối cùng sẽ đến cái nơi mà những ước mơ và những mối tình thâm kín đã từng thu hút tôi từ những tháng năm tôi còn trẻ.

Tôi mong mỗi sau này rồi sẽ là một kỹ thuật viên ngành xây dựng có tên tuổi, và trong phạm vi nhỏ hay lớn thì còn tùy theo số phận, được trung thực phục vụ dân tộc.

Rốt cuộc tôi muốn được chia sẻ cái may mắn được sống và tác động ở đó, nơi mà năm xưa tôi đã phải từ đó ra đi vì khát vọng cháy bỏng nhất trong tôi, đúng như vậy, là sáp nhập chốn quê hương yêu dấu của tôi vào tổ quốc chung, vào vùng lãnh thổ của người Đức.

Lắm người cho đến tận ngày nay vẫn chưa ý thức được tầm vóc của cái khát vọng ấy. Tôi chỉ xin nói với những ai mà số phận, hoặc đã không cho hưởng hoặc đã nghiệt ngã tước đi mất cái may mắn ấy. Xin nói với tất cả những ai bị tách ra khỏi đất mẹ đã phải chống chọi – dù chỉ để cố giữ lấy chút di sản ngôn ngữ thiêng liêng, đã từng bị bắt bớ tù đầy chỉ vì trung thành với tổ quốc, những ai lúc này đây vẫn đang đau đáu mong đợi từng giờ cái ngày lại được về sống giữa lòng đất mẹ. Xin nói với tất cả những con người mà tôi biết ấy: Các người sẽ hiểu tôi!

Chỉ ai tự cảm nhận được tận sâu thẳm trong tâm, người Đức là như thế, mà lại không được thuộc về chính tổ quốc thân yêu của mình thì mới có thể biết đến và đo được cái niềm khát khao vào mọi lúc mọi thời vẫn không ngừng cháy bỏng trong tâm khảm của những đứa con đã phải lìa xa đất mẹ. Nó dẫn dắt người ta, chẳng để cho ai được yên hưởng hạnh phúc, chừng nào mà cánh cửa ngôi nhà của bố mẹ còn rộng mở, để cho dòng máu chung được thấy lại hoà bình và no ấm trong vùng lãnh thổ chung.

Dù sao trước sau gì Vienna vẫn cứ là cái trường học nghiệt ngã nhất nhưng cũng lại cơ bản nhất của đời tôi. Lúc đến, tôi hãy còn là một cậu bé. Lúc đi, tôi đã thành người trầm tĩnh và đúng mực. Tôi đã thu hoạch được ở đó cái cơ sở cần cho một thế giới quan ở phạm vi rộng và một tầm nhìn chính trị ở phạm vi hẹp; đương nhiên là sau đó tôi còn phải bổ sung cho chi tiết, song cái cơ sở đó thì tôi sẽ chẳng bao giờ quên được. Giá trị đích thực của những năm tháng

miệt mài học hỏi đó, cũng đương nhiên, chỉ bây giờ tôi mới đánh giá được đúng và đủ.

Vậy nên tôi đã xử lý cả thời kỳ ấy có phần sâu kỹ, bởi lẽ chính nó đã ban phát cho tôi bài học đầu đời về quan điểm ở những vấn đề mà sau này lại thuộc về cơ sở của cái đảng, lúc mới sinh còn nhỏ bé đến cực kỳ, vậy mà chỉ sau năm năm đã vụt lớn thành cả một phong trào quần chúng rộng khắp. Tôi không biết là về vấn đề Do Thái, về nền dân chủ xã hội, thậm chí về toàn bộ chủ nghĩa v.v... lập trường của tôi đã có thể ra sao? Nếu như đã không sẵn có ngay từ buổi sớm mai ấy cái vốn liếng ban đầu đó, mà vì áp lực của số phận và cũng nhờ tự học, tôi đã tự tạo được cho mình.

Vì, dù bất hạnh của dân tộc có gọi mở cùng suy ngẫm về các nguyên nhân nội tại của sự sụp đổ cho cả ngàn ngàn người đi nữa, thì cũng chẳng bao giờ có thể hình thành cái chính xác tỷ mỹ kia, vốn đã phải mất nhiều năm lăn lộn làm chủ số phận mới có được.

CHƯƠNG 4: MUNICH

Đầu năm 1912, cuối cùng thì tôi cũng đến Munich.

Tôi biết về thành phố kỹ đến mức cứ tưởng như mình đã ở đây từ nhiều năm rồi. Điều đó xuất phát từ lý do là từ thời tôi còn đi học, mỗi bước đi đều đã hướng về thủ phủ này của nền nghệ thuật Đức. Nếu ta chưa biết Munich, ta không chỉ chưa biết nước Đức. Không, là ta chưa biết trước hết nền nghệ thuật Đức, nếu ta chưa biết Munich.

Dù sao đi nữa thì thời tiền chiến này là quãng thời gian hạnh phúc và thoải mái nhất, vượt xa mọi thời khác của cuộc đời tôi. Dầu cho thu nhập của tôi vẫn còn rất thấp thì tôi cũng chẳng sống để được vẽ, mà chỉ vẽ để qua đó bảo đảm khả năng cho cuộc đời tôi, nói đúng hơn là, qua đó cho phép tôi được tiếp tục học. Tôi tin chắc rằng, những mục tiêu mà tôi đã tự đặt ra cho mình thì dầu sao cũng phải đạt cho được một. Và duy chỉ điều đó thôi đã cho phép tôi dễ dàng và vô tư chịu đựng mọi lo toan nho nhỏ khác trong đời sống thường nhật.



Hitler in Munich.

Tuy nhiên, thêm vào đây còn có tình yêu thâm lặng mà tôi dành cho thành phố này hơn mọi nơi tôi đã biết, hầu như ngay từ phút đầu đến đó. Một thành phố Đức! Khác biệt biết bao so với Vienna. Tôi thấy choáng váng ngay khi chỉ cần thoáng nghĩ đến cái thành Babylon đầy chủng tộc kia. Thêm nữa, thổ âm ở đây rất gần gũi với tôi, đặc biệt khi tôi tiếp xúc với người Niederbayern (người vùng Hạ Bavaria, ND) tôi luôn có thể nhớ lại thời trai trẻ của mình. Có hàng ngàn hay hơn thế những thứ mà từ thâm tâm tôi đã và dần cảm thấy yêu mến và quý trọng. Nhưng cuốn hút tôi nhiều nhất là sự hôn phối tuyệt diệu giữa sức mạnh hoang sơ với không khí nghệ thuật của nó, cái tuyến duy nhất này từ Hofbräuhaus (nhà Hofbräu, là một lâu đài bia nổi tiếng toàn cầu của Munich, từ xa xưa vốn là xưởng bia Hofbräu, nằm ở khu phố cổ, gần Platzl, ND) đến Odeon (Quảng trường Odeon, nằm ở khu phố cổ. Mang tên này vì từ 1827 có phòng hoà nhạc Odeon do vua Ludwig I. xây ở phía nam quảng trường, ND); từ Oktoberfest (Oktoberfest là Hội bia tháng mười, cũng còn gọi theo tiếng thổ âm là d'Wiesn, một trong những lễ hội dân gian lớn nhất hành tinh, tổ chức hàng năm từ 1810. Mỗi năm đón khoảng trên sáu triệu khách và các xưởng

bia Munich sản xuất loại bia với gia vị đặc biệt và lượng cồn khoảng 6-7% có tên là Wiesn Märzen dành cho lễ hội đó, ND) đến Pinakothek (bảo tàng nghệ thuật Munich gồm ba bảo tàng con: Alte Pinakothek – Pinakothek cũ trưng bày tác phẩm của các họa sĩ thời Trung cổ đến thế kỷ 18; Neue Pinakothek – Pinakothek mới, thế kỷ 19 đến đầu thế kỷ 20; Pinakothek der Moderne – Pinakothek thời hiện đại, thế kỷ 20 và 21, ND) v.v... Việc tôi ngày nay gắn bó với thành phố này hơn bất cứ địa điểm nào khác trên thế giới, chắc còn có lý do ở sự kiện là nó đã và vẫn gắn chặt tới mức không ai tách nổi với bước đường phát triển chính cuộc đời tôi; thế nhưng việc ngay từ thời đó tôi đã cảm nhận được điểm phúc của một sự thoả mãn nội tâm thực sự thì chỉ có thể quy về phép màu mà Wittelsbacherresidenz (đình Wittelsbacher, khu biệt thự, một trong những địa danh nổi tiếng nhất thành phố Munich, xây từ 1508 đến 1518, gồm kiến trúc các thời phục hưng, Barock, Rococo và chủ nghĩa kinh điển. Đó vốn là nơi ở và làm việc của vua chúa và giới quý tộc Bavaria, bằng chứng cho nền văn hoá cung đình Bavaria. Nó nằm ở khu phố cổ, ND) tuyệt diệu gây ra ở những ai không chỉ có khối óc tính toán mà còn được Chúa trời ban cho một tâm hồn đầy cảm xúc. downloadsachmienphi.com

Ngoài công việc chuyên môn, cái lôi cuốn tôi nhiều nhất ở đây vẫn là việc nghiên cứu các sự kiện chính trị thường nhật, trong đó đặc biệt là những quá trình thuộc về chính sách đối ngoại. Tôi đến với chúng qua chính sách liên minh đường vòng của Đức mà ngay từ thời tôi còn ở Áo quốc tôi đã nhất thiết cho rằng là sai. Tuy nhiên khi ở Vienna tôi còn chưa thật rõ về toàn thể phạm vi sự tự huyễn hoặc của đế quốc. Khi đó tôi thiên về giả thiết – hay có lẽ cũng chỉ tự nói với mình như lời xin lỗi – rằng có thể ngay ở Berlin người ta đã biết là trên thực tế người yếu và ít đáng tin cậy đến mức nào, nhưng do những nguyên nhân ít nhiều bí ẩn vẫn nén điều hiểu thấu này lại để trợ giúp chính sách liên minh mà chính đích thân Bismarck trước đây đã lý giải và việc đột nhiên cắt đứt không thể là điều đáng mong, vì không muốn gây sự khiếp đảm cho phía nước ngoài đang sốt ruột chờ đợi hoặc làm những tên thiến cận bên trong phải lo ngại.

Dĩ nhiên cái cách ứng xử, trước hết trong chính quần chúng, chỉ sau thời gian ngắn đã làm tôi hải hùng thấy ngay rằng niềm tin này là sai. Một cách ngạc nhiên, ở đâu tôi cũng nhận thấy rằng chính ngay đến giờ lẽ ra phải rất thông

thạo lại chẳng hề có một chút khái niệm gì về bản chất của nền quân chủ Habsbourg. Lại chính trong quân chúng, người ta bị giam trong cơn điên cuồng rằng có thể coi các “đồng chí trong liên minh” như là một thể lực đáng nể mà trong giờ phút lâm nguy chắc chắn sẽ đưa ra ngay được người của mình. Trong quảng đại quân chúng, người ta luôn coi nền quân chủ như là một nhà nước “Đức” và cũng có thể từ đó lập nên sự nghiệp. Người ta cho rằng, ngay ở đây lực lượng cũng có thể đến số hàng triệu, hết như ở chính Đức chẳng hạn mà hoàn toàn quên rằng, thứ nhất: từ lâu Áo quốc đã ngưng là một thể chế nhà nước Đức; và còn cả điểm thứ hai: những mối quan hệ nội tại của đế chế này ngày càng tiến sâu vào giai đoạn giải thể.

Khi đó tôi biết về cái thực thể nhà nước này kỹ hơn cái gọi là “giới ngoại giao” chính thức đó, cái giới mù quáng, luôn gần như vậy, chao đảo rơi vào tai ương; bởi lẽ tâm trạng của nhân dân luôn chỉ là cửa cống công luận cho cái mà từ trên người ta rót xuống. Nhưng từ trên người ta đang cùng “các đồng chí trong liên minh” chăm bẵm tẽ sùng bái như chăm bẵm con bò vàng. Chắc người ta hy vọng rằng có thể dùng sự nhả nhận thay cho thứ người ta đang thiếu là sự ngay thẳng. Ở đó người ta luôn coi lời nói là giá trị sẵn có.

Ở Vienna đôi khi tôi đã điên lên khi thấy sự khác biệt xuất hiện giữa các bài diễn văn chính thức của các vị lãnh đạo nhà nước với nội dung báo chí Vienna. Mà khi đó Vienna vẫn còn là, ít nhất theo bề ngoài, một thành phố Đức. Tuy nhiên sự thể mới khác biệt làm sao khi người ta đi từ Vienna hay rõ hơn nữa là từ vùng Áo quốc tính Đức tới những tỉnh lẻ Xlavơ của đế quốc. Người ta chỉ cần cầm lên tay các tờ báo Praha để biết, ở đó toàn bộ cái trò ảo thuật của liên minh tay ba được đánh giá như thế nào. Ở đó chẳng còn gì khác hơn cho cái “công trình tài ba mang tính lãnh đạo nhà nước” ngoài lời chế diễu và mỉa mai thâm thúy. Người ta hoà nhã nhất khi hai vị hoàng đế ôm hôn nhau thân thiện, nhưng vẫn chẳng hề giấu giếm rằng liên minh này sẽ biến mất vào cái ngày mà có người cố gắng đưa nó từ Schimmer des Nibelungen Ideals (nguyên văn: mờ ảo của các tư tưởng Nibelungen – truyền thuyết Đức, tạm dịch lý luận, ND) vào thực tế.

Nhưng sau đó vài năm người ta mới bối rối làm sao khi vào cái giờ cuối cùng phải đến đó, lúc liên minh được thử thách, thì Italia lại rút khỏi liên minh

để “hai người đồng chí” tự kéo cày, rồi cuối cùng thậm chí lại thành kẻ thù của nhau. Việc trước đây người ta dám tin rằng, dù chỉ một phút, Italia sẽ cùng chiến đấu với Áo quốc, thì với bất cứ ai nếu không bị phép ngoại giao làm mù mắt, đều đơn giản là không thể tin nổi. Tuy nhiên duy nhất ở Áo quốc thì mọi thứ lại diễn ra chẳng khác đi, dù chỉ một sợi tóc.

Ở Áo quốc, những người mang ý tưởng liên minh chỉ là những người thuộc nhà Habsbourg và người Đức. Những người nhà Habsbourg do từ mưu toan và bắt buộc, những người Đức từ niềm tin đầy thiện ý và sự ngu xuẩn về chính trị. Từ niềm tin đầy thiện ý, bởi lẽ họ tưởng nhầm, qua liên minh tay ba đã mang được cho chính đế quốc Đức một công hiến vĩ đại, giúp củng cố và bảo vệ nó. Tuy nhiên lại từ ngu xuẩn về chính trị, vì điều nói trên là không đúng, mà trái lại qua đó họ chỉ giúp buộc chặt đế quốc vào một thây ma nhà nước mà nó sẽ kéo cả hai xuống vực, nhưng trước hết vì chỉ qua liên minh này mà chính họ càng ngày càng bị phi Đức hóa. Bởi lẽ trong khi người nhà Habsbourg qua liên minh với đế quốc tin rằng mình có thể chắc là an toàn trước sự hòa trộn từ phía này và đáng tiếc còn coi đó là đúng, thì rõ ràng họ dám thực thi chính sách đối nội dần dần lấn át chất Đức dễ dàng hơn và ít rủi ro hơn. Không chỉ có việc người ta hoàn toàn chẳng cần phải sợ “tính khách quan”, mà mặt khác người ta có thể bất cứ lúc nào cũng lập tức làm chính đám người Đức ở Áo quốc với tiếng nói bất bình đang muốn cất lên để chống lại cái cách Xlavor hoá (có thể là) quá hèn hạ, phải căm hòng ngay, khi lưu ý tới liên minh.

Người Đức ở Áo quốc liệu còn phải làm gì nữa khi chính đám người Đức của đế quốc lại thể hiện sự công nhận và tin cậy với chính phủ Habsbourg? Liệu anh ta phải chống đối, để rồi sẽ bị sỉ nhục là kẻ phản bội chính dân tộc mình trước toàn bộ công luận Đức chăng? Chính anh ta, người từ hàng thập niên nay đã chịu những hy sinh chưa từng có nhất cho dân tộc mình!

Nhưng liệu liên minh này có giá trị gì, một khi trước tiên chất Đức đã bị xoá bỏ khỏi nền quân chủ Habsbourg? Liệu cái liên minh tay ba có phụ thuộc vào chính việc giữ địa vị thống trị của người Đức ở Áo quốc chăng? Hay người ta thực sự tin là còn có thể chung sống trong một liên minh với đế quốc Habsbourg Xlavor?

Lập trường của giới ngoại giao chính thức của Đức cũng như toàn bộ công luận không chỉ ngu trước vấn đề đa dân tộc ở Áo quốc, mà đơn giản là điên! Người ta tạo dựng một liên minh, cố thích nghi tương lai và sự an toàn của một dân tộc 70 triệu dân vào đó và từ năm này sang năm khác ngắm nhìn cái cơ sở duy nhất cho liên minh này bị đối tác kiên trì phá huỷ một cách có kế hoạch và chắc chắn. Một ngày kia tất sẽ chỉ còn lại một “hợp đồng” với giới ngoại giao Vienna và sự trợ giúp của một đế quốc cho liên minh sẽ biến mất.

Với Italia, trường hợp này xảy ra ngay từ đầu.



Hình vẽ Munich năm 1912.

Lẽ ra, nếu như ở Đức người ta chỉ cần nghiên cứu kỹ hơn lịch sử và khảo sát sâu hơn tâm lý học dân tộc, thì người ta chẳng bao giờ có thể tin rằng, một lúc nào đó chính phủ Italia và hoàng cung Vienna sẽ đứng chung trong một chiến hào. Italia lẽ ra đã biến thành một núi lửa trước khi một chính phủ dám gửi chỉ một người lính Italia ra mặt trận vì cái bị ghét đến cuồng nhiệt là nhà nước Habsbourg, chỉ trừ trường hợp khi nó là kẻ thù. Tôi đã từng thấy, nhiều hơn một lần, ngọn lửa của sự khinh bỉ tột độ và căm thù ghê gớm mà người Italia “ưu ái” dành cho nhà nước Áo quốc, bùng lên ở Vienna. Những tội mà nhà Habsbourg đã gây ra với nền độc lập tự do Italia trong nhiều thế kỷ qua là quá lớn để người ta, dẫu cho ý chí có muốn chẳng nữa, có thể hầu quên đi. Nhưng điều đó chẳng bao giờ tồn tại, cả trong nhân dân lẫn ở chính phủ Italia. Bởi vậy với Italia chỉ có hai khả năng trong cuộc chung sống với Áo quốc: hoặc liên minh hoặc chiến tranh.

Bằng cách chọn cái thứ nhất, ta tạo bình yên cho mục hai.

Đặc biệt kể từ khi mối quan hệ với Nga càng ngày càng xô tới một cuộc xung đột gần như chiến tranh, thì chính sách liên minh đối với Đức là hoàn toàn vô nghĩa và nguy hiểm.

Đó là trường hợp kinh điển, ở đó thể hiện sự thiếu vắng bất kỳ một đường hướng suy nghĩ lớn và đúng đắn nào.

Tại sao người ta lại cứ phải lập liên minh? Chắc rằng vì qua đó bảo vệ được tốt hơn tương lai của đế quốc, còn nếu chỉ một mình thì chẳng được. Nhưng tương lai này của đế quốc lại chẳng có gì khác hơn là sự bảo đảm khả năng tồn tại của dân tộc Đức.

Nhưng khi đó câu hỏi chỉ có thể là: sự sống của dân tộc Đức trong một tương lai gần phải được tổ chức như thế nào, và làm sao người ta có thể bảo đảm những cơ sở cần thiết và sự an toàn cần có trong khuôn khổ mối tương quan lực lượng chung của châu Âu?

CHƯƠNG 4.1: CÓ 4 CON ĐƯỜNG ĐỂ TRÁNH MỘT TƯƠNG LAI ĐÁNG SỢ

Khi quan sát kỹ các điều kiện cho hoạt động ngoại giao của nghệ thuật điều hành nhà nước Đức, người ta phải đi đến nhận thức sau:

Nước Đức có mức gia tăng dân số hàng năm gần 900.000 người. Khó khăn nuôi sống đội quân những công dân mới này ngày càng tăng và sẽ kết thúc bằng thảm họa, nếu không tìm ra được phương tiện và đường lối để sớm tránh khỏi nguy cơ chết đói này.

Có bốn con đường để tránh một tương lai đáng sợ như vậy:

1. Người ta theo gương nước Pháp hạn chế một cách nhân tạo sự gia tăng sinh sản và qua đó đối mặt được với nạn dư thừa dân số.



Hitler: Có bốn con đường để tránh một tương lai đáng sợ.

Ngay chính thiên nhiên cũng thường đi đến một sự hạn chế sinh sản ở một số nước hay chủng tộc nhất định trong những thời đói kém ghê gớm hay thiên tai ác liệt; tuy nhiên lại theo những phương cách cả khôn ngoan lẫn nhẫn tâm. Đó là không ngăn cản chính khả năng sinh sản, mà ngăn cản sự tiếp tục tồn tại của loài vừa sinh ra, bằng cách cho chúng chịu những thử thách và thiếu thốn ghê gớm sao cho mọi thứ thiếu sức lực, yếu đuối đều bắt buộc phải quay về cái nôi hư không vĩnh hằng. Và những thứ vượt qua được các khó khăn của sự-tồn tại, đã được nó (thiên nhiên, ND) thử nghiệm cả ngàn lần và vì rất khó khăn nên giờ đây quá thích hợp để sinh sản tiếp, mà sau đó sự lựa chọn kỹ càng

lập lại từ đầu. Bằng cách hành xử rất thô bạo như vậy đối với từng cá thể, nó (thiên nhiên, ND) bảo vệ chính chủng tộc và các loài mạnh mẽ, thậm chí gia tăng chúng lên những khả năng tối đa.

Song qua đó thì việc giảm số lượng lại là sự tăng cường cho cá thể và cuối cùng là cho sự củng cố giống loài.

Thế nhưng sự việc sẽ khác đi khi con người dự định tiến hành tự hạn chế số lượng của mình. Anh ta không được gọt từ thớ gỗ của thiên nhiên, mà mang “nhân tính”. Anh ta giỏi giang hơn nữ hoàng tàn bạo này của mọi sự thông thái (thiên nhiên, ND). Anh ta không hạn chế việc tiếp tục tồn tại của từng cá thể mà hơn thế – hạn chế chính sự sinh sôi. Với anh ta điều đó có vẻ như nhân đạo và hợp lý hơn con đường ngược lại, bởi lẽ anh ta luôn thấy trước mắt mình là bản thân chứ không phải chủng tộc. Nhưng đáng tiếc là các hậu quả cũng trái ngược:

Trong khi thiên nhiên, bằng cách cho tự do sinh đẻ và bắt việc tiếp tục tồn tại của từng cá thể phải chịu sự ngặt nghèo nhất, từ số quá đông các cá thể chọn ra những cái quý nhất làm thứ đáng sống và như thế cho phép chúng thành kẻ mang sứ mệnh; thì con người hạn chế sinh đẻ nhưng lại cố gắng hết sức sao cho mỗi sinh linh khi ra đời sẽ được duy trì bằng mọi giá. Đối với anh ta, sự hiệu chỉnh này cho ý chí Chúa có vẻ như có cả thông thái lẫn nhân tính, và anh ta vui mừng vì đã thêm một lần nữa vượt trội hơn so với thiên nhiên, thậm chí còn chứng minh được sự khiếm khuyết của nó. Dĩ nhiên chú vượn của tạo hoá này lại ghét nghe hoặc thấy rằng: song trên thực tế tuy con số được hạn chế nhưng cũng vì thế mà cả giá trị từng cá thể bị suy giảm.

Bởi lẽ sinh sản ngay khi chính nó bị hạn chế và số trẻ sinh ra giảm, thay cho cuộc đấu tranh sinh tồn chỉ cho phép kẻ khoẻ mạnh và cường tráng nhất được sống, dĩ nhiên xuất hiện chứng nghiệm muốn “cứu” kẻ yếu nhất, thậm chí bệnh tật nhất, qua đó gieo mầm mống cho một thể hệ kế cận tất là càng ngày càng thảm hại hơn, nếu sự nhạo báng thiên nhiên và ý chí của nó như thế cứ tiếp diễn.

Nhưng cuối cùng rồi sẽ là, một ngày kia dân tộc đó sẽ biến mất khỏi Trái đất; bởi lẽ trong khoảng thời gian nhất định, loài người chắc có thể coi thường các định luật muôn thuở về ý chí duy trì nòi giống, tuy nhiên sự báo thù phải

đến chẳng chóng thì chầy. Một giống mạnh hơn sẽ đuổi những kẻ yếu đi, bởi vì ý chí muốn sống ở dạng tối hậu của nó nhất định sẽ luôn bẻ gãy mọi xiềng xích nực cười về cái gọi là tính nhân đạo của từng người thay cho tính nhân đạo của thiên nhiên – nó tiêu diệt kẻ yếu để ban tặng chỗ cho kẻ mạnh.

Vậy là, ai muốn bảo đảm sự tồn tại cho dân tộc Đức bằng con đường tự hạn chế sinh sản chính là đã cướp đi tương lai của nó.

2. Con đường thứ hai là, như chúng ta ngày nay hay nghe phát biểu và tán dương: thực dân hoá nội tại. Đó là kiến nghị do nhiều người nêu lên với dụng ý tốt, nhưng lại hay bị phần lớn mọi người hiểu nhầm, gây nên mối hại lớn tới mức người ta chỉ có thể mỉm cười hoặc nghĩ ra được mà thôi.

Chẳng nghi ngờ gì nữa, độ phì nhiêu của đất có thể gia tăng. Nhưng chỉ đến một giới hạn nhất định chứ không vô hạn được. Vậy, trong một thời gian nhất định có thể cân bằng giữa gia tăng dân số Đức bằng tăng hiệu quả sử dụng đất mà chẳng sợ nạn đói. Tuy nhiên điều đó đòi hỏi lại phải đối mặt với sự thật là các yêu cầu cuộc sống nói chung tăng nhanh hơn là chính dân số. Đòi hỏi của con người về ăn mặc tăng mỗi năm và chẳng theo một tỷ lệ nào so với yêu cầu của tổ tiên ta trước đây một trăm năm. Vậy sẽ là điên khùng nếu cho rằng, tăng sản xuất cũng tạo điều kiện cho tăng dân số. Không; điều đó chỉ đúng ở mức độ nhất định, khi ít nhất một phần số sản phẩm dư ra của đất đai được dùng hết nhằm thoả mãn nhu cầu gia tăng của con người. Dù cho ngay chính khi một mặt có hạn chế tối đa, mặt khác chăm chỉ đến cực độ, thì ở đây vào lúc nào đó vẫn đi đến một giới hạn mà đất đai tự nó đặt ra. Cho dù có chăm chỉ đến mấy nữa, cũng sẽ không đạt được việc có thể kiếm lời thêm nhiều hơn từ nó, và khi đó tai hoạ một lần nữa lại xuất hiện. Trước hết là nạn đói, xảy ra khi mất mùa. Khi dân số tăng, nó xảy ra thường xuyên hơn – nó chỉ không xảy ra khi những năm được mùa hiếm hoi nhất đổ đầy các vựa lúa. Nhưng rồi cuối cùng cũng sẽ đến lúc không dẹp được nghèo đói nữa, và nó trở nên bạn đồng hành thường xuyên của dân tộc. Bấy giờ thiên nhiên lại phải trợ giúp và chọn ra những người mà nó đã lựa để cho sống tiếp, hoặc con người lại phải tự giúp chính mình: nghĩa là anh ta sử dụng sự hạn chế sinh sản bằng cách nhân tạo và nó có những hậu quả nặng nề, như đã nói trên, cho nòi giống.

Tuy nhiên người ta vẫn có thể phản bác là tương lai này đang đứng trước toàn thể nhân loại theo cách này hay cách khác và bởi thế mà dĩ nhiên từng dân tộc một cũng chẳng thể tránh được.

Điều đó thực tình là đúng nếu nhìn sơ qua. Tuy nhiên ở đây vẫn nên ngầm nghĩ như sau:

Chắc chắn đến một thời điểm nhất định, toàn thể nhân loại (do không còn khả năng khác, bắt buộc phải tiếp tục cân bằng với sự liên tục tăng dân số) ngừng sự sinh sôi nảy nở – hoặc để thiên nhiên quyết định hoặc qua việc tự giúp, khi có thể, dĩ nhiên bằng con đường đúng hơn ngày hôm nay – để tạo mức cân bằng cần thiết. Nhưng điều này sẽ đúng cho mọi dân tộc, trong khi hiện tại có những chủng tộc bị đói khổ đến vậy, bởi vì họ không đủ sức lực để bảo đảm cho mình số đất đai cần cho họ trên cái thế giới này. Bởi lẽ sự vật vẫn thế, trên Trái đất này hiện vẫn còn đất với diện tích vô cùng lớn đang nằm yên không sử dụng và chỉ chờ người đến khai khẩn. Nhưng tương tự, cũng đúng là đất đai này chẳng do thiên nhiên chỉ trao riêng cho một dân tộc hay chủng tộc nhất định ở tư cách là bảo tồn diện tích bảo lưu dành cho tương lai, mà nó là đất đai cho người dân cái dân tộc nào có đủ sức mạnh để chiếm lấy nó và có đủ tính chuyên cần để khai khẩn nó.

Thiên nhiên chẳng hề biết đến biên giới chính trị. Trước hết nó rải con người lên Trái đất rồi đứng nhìn cuộc chơi tự do của các lực lượng. Sau đó kẻ mạnh nhất về lòng dũng cảm và tính chuyên cần, với tư cách đưa con ngoan nhất của nó, nhận quyền làm ông chủ của sự sống.

Nếu một dân tộc chỉ giới hạn ở thực dân hoá nội tại do bởi các chủng tộc khác giữ chặt những diện tích đất đai ngày càng lớn hơn, đến một lúc nào đó nó bắt buộc phải chiếm lấy, vì những dân tộc còn lại vẫn luôn gia tăng. Trường hợp này sẽ xảy ra, và dĩ nhiên càng sớm hơn, nếu không gian sống thuộc quyền sử dụng của dân tộc đó càng hẹp. Nhưng vì, đáng tiếc nói chung, quá thường xuyên các dân tộc giỏi nhất, hay chính xác hơn là duy nhất các dân tộc thực sự văn minh, là những người nắm giữ tất cả mọi tiến bộ của loài người, trong cơn mù quáng hoà bình chủ nghĩa của mình đã quyết định khước từ việc xâm chiếm đất đai mới để tự hài lòng với sự thực dân hoá “nội tại”, chấp nhận để các dân

tộc thấp kém tự giữ cho mình những diện tích sống bao la. Điều đó sẽ dẫn đến những hậu quả sau:

Những chủng tộc văn hoá cao hơn, song ít nhần tâm hơn, với thời gian phải tự hạn chế sinh sản vì có đất đai hạn hẹp, trong khi những dân tộc văn hoá thấp hơn và dĩ nhiên về bản chất tàn bạo hơn do diện tích sống bao la nên cũng sẽ có khả năng sinh sản đi đến vô độ. Nói cách khác: Qua đó một ngày kia, thế giới sẽ rơi vào quyền sở hữu của cái loài người văn hoá thấp kém hơn, nhưng hiệu dụng hơn.

Khi đó thì trong một tương lai dù cho là khá xa chỉ có hai khả năng: Hoặc thế giới được điều hành theo những ý tưởng của nền dân chủ hiện đại của chúng ta, khi đó trọng tâm của mỗi quyết định phụ thuộc vào các chủng tộc nhiều hơn về con số; hay thế giới lại được thống trị theo các định luật của trật tự sức mạnh thiên nhiên, khi đó các dân tộc có ý chí dã man, và dĩ nhiên không phải là cái dân tộc biết tự hạn chế, sẽ thắng.

Thế nhưng việc cái thế giới này hiện vẫn còn bị điều khiển bởi những cuộc đấu tranh cam go nhất vì sự tồn tại, thì chẳng ai nghi ngờ được. Cuối cùng thì mãi mãi chỉ còn nghiệm của sự tự tồn tại là thắng. Dưới nó, cái gọi là “nhân đạo tính” sẽ tan ra như là biểu hiện của hỗn hợp gồm ngu dốt, hèn hạ và sự làm tưởng mình hiểu biết hơn mọi người, hết như tuyết dưới ánh nắng mặt trời cuối xuân. Trong cuộc đấu tranh muôn thuở – loài người đã lớn lên. Trong hòa bình muôn thuở – nó sẽ tàn tạ.

Tuy nhiên với người Đức chúng ta thì ngay vì thế, khẩu hiệu “thực dân hoá nội tại” đã là khủng khiếp, bởi lẽ nó sẽ gia tăng ngay ở trong chúng ta ý kiến là đã tìm ra phương tiện cho phép có thể “đạt tới” sự tồn tại cuộc sống mê muội êm dịu của ý tưởng theo chủ nghĩa hoà bình. Học thuyết này, một khi được chúng ta coi là nghiêm chỉnh, sẽ có nghĩa là kết cục của nỗ lực gìn giữ trên cái thế giới này vị trí mà chúng ta xứng đáng được hưởng. Cũng hết như khi người Đức trung bình đi tới niềm tin rằng, cũng bằng con đường này có thể bảo đảm cuộc sống và tương lai, nên sẽ tan biến mọi cố gắng để thể hiện một cách tích cực và qua đó duy nhất hiệu quả tính sống còn của dân tộc Đức. Nhưng với một lập trường như vậy thì mỗi chính sách đối ngoại thật sự hữu hiệu sẽ được xem là đưa dân tộc Đức cùng tương lai của nó xuống mồ.

Khi nhận thức ra những hậu quả này, chẳng tình cờ là trước tiên, người Do Thái luôn luôn là kẻ cố gắng và biết cách tiêm những đòn suy nghĩ nguy hiểm chết người như thế vào dân tộc chúng ta. Hẳn hiểu quá rõ điểm yếu của kẻ khác để biết rằng, kẻ đó sẽ cảm ơn bất cứ tên Tây mũi lõ (Tây Ban Nha, ND) mua thầy bán bạn nào và tự biến chính mình thành vật hiến khi tên này biết cách chứng minh rằng, đã tìm ra được biện pháp để biến cuộc đấu tranh cam go, không khoan nhượng vì sự tồn tại trở nên vô bổ và thay cho nó, qua lao động, đôi khi chỉ cần qua duy nhất mỗi người ngồi rồi “tùy thích”, mà thành ông chủ của cái hành tinh này.



Trường Đại học Khoa học Ứng dụng - München (Munich) được thành lập vào năm 1971

Khó nói cho đủ sắc bén là bất kỳ công cuộc thực dân hóa nội tại nào của người Đức cũng nhằm để trước tiên xóa sổ các rối ren xã hội, trên hết trút bỏ chỗ đứng chân cho tệ nạn đầu cơ nói chung, song lại không bao giờ có thể đủ để bảo đảm chắc chắn nền móng và đất đứng mới cho tương lai của dân tộc.

Hành động khác đi thì chỉ một thời gian ngắn sau không những chẳng còn đất mà lực cũng chẳng còn.

Cuối cùng lại còn phải thấy như sau:

Thực dân hóa nội tại mà lại giới hạn chỉ nội trong một diện tích đất đai hẹp nhất định rồi cùng lúc hạn chế dân số, tất sẽ dẫn đến một vị thế chính trị quân sự cực kỳ bất lợi cho dân tộc.

Địa bàn cư trú của một dân tộc rộng hay hẹp, chỉ chừng đó thôi đã là một nhân tố có thể quyết định an ninh của dân tộc đối với bên ngoài. Không gian có trong tay càng lớn thì khả năng được bảo vệ tự nhiên càng lớn. Vì lẽ quyết định chống bằng quân sự các dân tộc co cụm trên địa bàn hẹp bao giờ cũng nhanh hơn, tức là dễ hơn, đặc biệt hiệu quả và hoàn thiện hơn so với khi chống lại các nhà nước có lãnh thổ rộng bao la. Tức là, nước lớn bao giờ cũng tự nhiên ít nhiều được bảo vệ vì lẽ nếu nhẹ dạ tấn công nó thì chỉ có thể thắng sau cuộc chiến rất lâu dài và quyết liệt, chưa nói rủi ro có thể quá lớn do xâm lược liên lĩnh, trừ phi vì những lý do thật đặc biệt. Như thế tầm cỡ to lớn của đất nước đã là một cơ sở để giữ tự do và độc lập cho dân tộc; còn ngược lại, bé nhỏ chỉ dễ khêu gợi cho người ta xâm chiếm.

Trong thực tế thì cả hai khả năng để tạo cân bằng giữa dân số gia tăng với đất đai vẫn đều không được những giới gọi là quốc gia chấp nhận. Tất nhiên lập trường ấy có những lý do khác những gì đã nói trên kia. Không chấp nhận hạn chế sinh sản trước tiên vì cảm nhận đạo lý; phản đối thực dân hóa nội tại vì thấy tấn công vào giới đại địa chủ như thế cũng là bắt đầu cuộc chiến chống chế độ tư hữu nói chung. Với cái dạng mà đặc biệt bản thông điệp cứu rỗi thứ hai đã được đề xuất thì quả thật người ta dễ cho là như thế.

Nhìn chung thì với đám đông rộng rãi phản kích như vậy không được khôn ngoan lắm mà cũng không nhằm trúng cốt lõi của vấn đề.

Vậy chỉ còn có hai con đường để bảo đảm công ăn việc làm cho dân số gia tăng.

3. Tìm kiếm đất đai mới để giãn mấy triệu thừa hàng năm, và như vậy vẫn duy trì được dân tộc trên nền tảng tự nuôi mình. Hay là:

4. Chuyển qua tạo ra công nghiệp và thương mại cho nhu cầu ở bên ngoài, để có thu nhập mà trang trải cho đời sống.

Vậy: hoặc đất đai hoặc chính sách thực dân và thương mại.

Cả hai con đường từng đã được xem xét từ nhiều phía khác nhau, được rà soát, được đề xuất, được giành giật để rồi, cuối cùng, đi con đường thứ hai.

Đương nhiên, con đường lành mạnh đáng lẽ là con đường thứ nhất.

Kiểm đất đai mới để di số dân thừa có vô vàn cái lợi, đặc biệt nếu không chỉ nhìn thấy hiện tại mà nhìn cả về tương lai.

Chưa hề bao giờ, khả năng duy trì một giới nông dân khỏe mạnh làm nền móng cho toàn dân tộc được đánh giá cao cho xứng tầm. Lắm nỗi khổ của chúng ta ngày hôm nay chính là hệ quả của mối quan hệ không được lành mạnh giữa dân nông thôn và dân thành thị.

CHƯƠNG 4.2: SỔ PHẬN VÀ VIỄN CẢNH CỦA NƯỚC ĐỨC SẼ RA SAO?

Một khối vững chắc của trung và tiểu nông ở mọi thời đại vẫn là cái vỏ bảo vệ tốt nhất để chống lại các căn bệnh xã hội như của xã hội chúng ta ngày nay. Mà đó cũng là giải pháp duy nhất để cho một dân tộc tìm ra được miếng ăn hàng ngày trong vòng chu chuyển nội tại của một nền kinh tế. Công nghiệp và thương mại rút khỏi cái vị trí dẫn đầu không lành mạnh và tự xếp mình vào trong cái khuôn chung của một nền kinh tế quốc dân có nhu cầu và cân đối. Cả hai không còn là nền tảng mà bây giờ là một phương tiện trợ giúp để nuôi sống dân tộc. Vì chỉ còn có việc giữ cân đối giữa sản xuất và nhu cầu cho chính mình trên tất cả các lĩnh vực, mà cái ăn của toàn dân nhiều hay ít không còn phụ thuộc vào nước ngoài, và như thế cũng là trợ giúp để bảo đảm nhà nước tự do và dân tộc độc lập, nhất là trong những ngày khó khăn.



Toàn cảnh Munich chụp năm 1900.

Tuy nhiên một chính sách đất đai như thế ngày nay hầu như chỉ có thể ở châu Âu mà không thể thành hiện thực ở Camerun được. Thế thì phải lạnh lùng và tỉnh táo mà đứng sang quan điểm, chắc chắn chẳng có ý trời nào lại đã định ban phát đất đai cho dân tộc này nhiều gấp những năm chục lần dân tộc khác trên trái đất này. Ở trường hợp này không được phép để cho những đường biên chính trị kéo ra khỏi các biên giới của cái quyền vĩnh cửu. Chỉ khi trái đất này có đủ không gian để sống cho hết thấy mọi người thì người ta mới có thể sẵn lòng cho ta phần đất mình cần để sống.

Lẽ đương nhiên là người ta chẳng dễ đến thế đâu. Thì khi ấy quyền tự bảo tồn phát huy tác dụng. Cái không được trái tim cho, phải giành lấy bằng nắm đấm. Nếu như tổ tiên của chúng ta thời xa xưa cũng bị chi phối bởi tinh thần hoà bình chủ nghĩa như chúng ta giờ đây trong mọi quyết định thì hẳn đã chỉ còn độ phần ba đất đai hiện nay là của chúng ta; hẳn một dân tộc Đức đã không thể làm cho châu Âu còn phải ngán ngại. Không – chính là nhờ ở quyết tâm chiến đấu rất tự nhiên vì lẽ sống còn mà chúng ta đã có được hai đường ranh

giới phía Đông của vùng lãnh thổ, đã có được cái nội lực vĩ đại của vùng quốc gia và dân cư đủ để cho chúng ta tồn tại đến tận ngày nay.

Giải pháp ấy là đúng, chắc còn vì một nguyên nhân nữa:

Nhiều vùng quốc gia châu Âu ngày nay giống nhau, đều đã đứng trên ngọn tháp. Phần đất đai châu Âu của họ lại nhỏ bé đến tức cười so với những gì còn lại trong vòng tác động của họ ở thuộc địa, ở ngoại thương v.v... Có thể nói: ngọn ở châu Âu mà đáy lại ở khắp thế giới. Liên bang Hoa Kỳ lại khác, đáy ở ngay trong lục địa của chính mình, chỉ có ngọn tiếp giáp với thế giới còn lại. Cái nội lực ghê gớm của quốc gia này chính là vì thế và cái yếu của số đông các cường quốc thực dân châu Âu cũng bởi vì vậy.

Ngay nước Anh cũng không phải là minh chứng ngược lại. Không thể đem vị thế của nước Anh so với bất kỳ một quốc gia châu Âu nào khác bởi nước Anh chung ngôn ngữ và nền văn hoá chỉ với mỗi Hoa kỳ.

Thế thì để thi hành một chính sách đất đai lành mạnh, nước Đức chỉ có cách duy nhất là tìm kiếm đất mới ở ngay tại châu Âu. Thuộc địa không đáp ứng được mục đích, vì không thể ồ ạt đưa người Âu di trú đến đó. Mà ở thế kỷ 19 vốn cũng đã không còn có thể chiếm thuộc địa chỉ bằng đường lối hoà bình. Có chiến đấu quyết liệt mới có thuộc địa, mà khi đó đất đai mới có lại ở ngoài châu Âu thì thật chẳng bổ, phải là đất ở ngay trên châu lục của mình.

Quyết rồi là phải đi đến cùng. Không có chuyện nửa vời, càng không thể rút rề, đã vào cuộc là phải gồng mình căng sức mới có thể thành. Khi ấy lãnh đạo chính trị phải tập trung vì cái mục đích duy nhất đó, từng bước đi không thể vì cân nhắc này nọ mà phải vì nhiệm vụ và tình hình. Phải dứt khoát là chỉ có chiến đấu thì mới đến đích và như thế phải đỉnh đạc và đàng hoàng đối mặt với chiến trận.

Cần rà soát lại tất cả mọi mối liên minh, đánh giá lại khả năng khai thác. Cũng dưới quan điểm ấy, đất đai châu Âu nhìn đại thể chỉ còn có ở bên Nga, thế thì quốc gia mới tất phải đi lại con đường mà các hiệp sĩ đời xưa đã từng đi; thanh kiếm Đức lật đất cho lưỡi cày Đức, và dân tộc Đức có bánh mì mà ăn hàng ngày.

Tuy nhiên với chính sách như thế thì ở châu Âu chỉ còn mỗi nước Anh là cùng hội cùng thuyền.

Chỉ với nước Anh thôi là lưng đã kín, người Đức đã có thể lên đường hành tiến. Cái quyền ở đây không hề nhỏ hơn cái quyền của tổ tiên chúng ta thời xa xưa. Ăn bánh mì của phía Đông, rồi sẽ không một vị hoà bình chủ nghĩa nào của chúng ta từ chối, cho dù nguyên thủy cái cây vốn đã có tên là “thanh kiếm”!

Tranh thủ nước Anh đồng tình thì cũng không phải hy sinh quá lớn. Khước từ thuộc địa, thôi tác động ngoài biển khơi, đừng cạnh tranh với công nghiệp Anh. Lập trường có rõ ràng dứt khoát thì mới đi được đến đích: không giao thương quốc tế và thuộc địa, không hạm đội, tập trung hết mọi phương tiện cho lục quân.

Kết quả có vẻ như bó hẹp trước mắt, nhưng tương lai lại rộng mở.

Từng có đạo nước Anh để ngỏ khả năng trao đổi trên tinh thần ấy. Nước Anh thừa hiểu là nước Đức bí vì dân số gia tăng đang muốn tìm lối ra; hoặc là cùng với nước Anh ở ngay châu Âu, hoặc là không có nước Anh trên thế giới ngoài kia.

Cảm nhận này xuất phát từ chỗ vốn từ đạo đầu thế kỷ, nước Anh đã từng tìm cách nhích lại gần với nước Đức. Từ đạo ấy đã từng có dấu hiệu của cái mà những năm sau đó, chúng ta đã thấy và thật sự kinh ngạc. Đạo ấy người ta đã khó chịu lắm, bởi cho rằng người Anh có ý đồ gấp lừa bỏ tay người, rằng vậy hẳn là liên minh trên một cơ sở nào khác chứ không phải trên cơ sở đôi bên cùng có lợi. Ngoại giao Anh vẫn đủ thông minh để hiểu rằng, không có đi thì đừng mong có lại.

Song người ta lại đã hình dung rằng, khôn ngoan ra thì chính sách đối ngoại của Đức có lẽ nên là tiếp nhận lấy vai trò của Nhật năm 1904, và người ta chẳng lường được, rồi việc đó đã có thể có những hệ quả như thế nào cho nước Đức.

Chắc là đã không khi nào đi đến một cuộc “thế chiến”.

Chắc là lượng máu đổ năm 1904 đã tiết kiệm được cho các năm 1914-1918, khi lượng máu đổ còn nhiều gấp mười.

Song rồi nước Đức sẽ đứng ở vị thế nào trên cái thế giới ngày hôm nay?

Hẳn thế rồi, như thế liên minh với Áo quốc là vô nghĩa.

Vì cái nhà nước xác ướp nay đi với Đức không phải là để làm chiến tranh, mà là để giữ lấy một nền hoà bình vĩnh cửu rồi khéo léo sử dụng nó, chậm chậm song chắc chắn, xoá sổ dứt điểm cái chất Đức của nền quân chủ.

Song liên minh ấy lại còn là không thể vì lẽ, không thể cứ ngồi đó mà trông chờ mãi một nhà nước đứng ra tích cực bên vực quyền lợi dân tộc cho người Đức, một khi chỉ để chấm dứt tiến trình phi Đức hoá ngay ở đường biên sát vách thôi mà nó cũng đã không có được sức mạnh và quyết tâm. Nếu nước Đức chưa có đủ tinh thần “vì dân tộc thì bất chấp” để mà tước lấy quyền quyết định số phận của mười triệu con em mình từ tay cái nhà nước Habsbourg không chấp nhận được ấy, thì thật thế xin đừng trông chờ là rồi cũng đến lúc nó sẽ tiếp tay cho các kế hoạch nhìn xa táo bạo kia. Thái độ của nước Đức chính là hòn đá thử vàng, thử thách hành xử của nó trong cuộc đấu tranh vì sự sinh tồn của toàn thể dân tộc.

Dù thế nào cũng không được ngồi nhìn tính Đức cứ thế bị đẩy lui hết năm này qua năm khác; chỉ có duy trì nhân tố Đức mới quyết định được giá trị cho khả năng liên minh của phía Áo quốc.

Rõ ràng không thể đi theo con đường ấy.

Không sợ gì bằng sợ chiến đấu mà cuối cùng đến lúc bất lợi nhất vẫn cứ phải chiến đấu.

Lánh số phận thì số phận tự nó ập đến. Thôi giữ gìn hoà bình thế giới thì sa vào thế giới chiến tranh.

Đó chính là nguyên nhân quan trọng nhất đã khiến người ta chưa từng có lần nào để mắt đến con đường thứ ba để tạo dựng một tương lai cho người Đức. Chỉ có thể kiếm được đất mới ở phía Đông, người ta đã biết. Thế thì phải có một cuộc chiến, người ta đã thấy. Song người ta lại muốn hoà bình bằng bất cứ giá nào. Bởi lẽ đã từ lâu lắm rồi, ở chính sách đối ngoại của Đức, khẩu hiệu chẳng còn là bảo tồn dân tộc Đức bằng mọi con đường, mà lại là bảo vệ hoà bình thế giới bằng mọi cách. Rồi chuyện gì xảy ra thì chúng ta biết cả.

Tôi sẽ còn đặc biệt trở lại vấn đề này.

Còn khả năng thứ tư: công nghiệp và thương mại thế giới, sức mạnh trên biển và các thuộc địa.



Ảnh tấm bưu thiếp Munich năm 1890-1905.

Phát triển cách này hẳn nhiên lúc đầu dễ hơn và đi tới cũng nhanh hơn nhiều. Đợi cho đất có dân thường rất chậm, nhiều khi phải mất hàng thế kỷ. Nhưng nội lực lại nằm ở đây, không bộc phát, phát triển từ từ, bền bỉ song chắc chắn. Phát triển công nghiệp thì khác, có khi chỉ vài năm sau đã phình to ra, song lại như bong bóng xà phòng, không phải thứ nội lực bền bỉ. Đóng một hạm đội hẳn nhiên nhanh hơn tạo ra một vùng cư dân – kiên trì lập nông hộ rồi đưa dân đến, nhiều lần. Song hủy diệt một hạm đội cũng nhiều lần nhanh hơn hủy diệt một vùng cư dân.

Nếu mà nước Đức, mặc dù vậy, vẫn cứ theo con đường này thì chí ít cũng phải thấy được là rồi cũng đến một ngày tất cách phát triển này phải kết thúc bằng một cuộc chiến. Chỉ con trẻ mới tin là – như người ta thích nói quá cho vui: hãy cứ hành xử cho hữu nghị và đứng mực, hãy cứ luôn miệng nhấn mạnh tinh thần hoà hoãn, rồi tất sẽ được ăn chuối trong cuộc “thi đua hoà bình giữa các dân tộc”. Ý nói chẳng cần đụng đến vũ khí!

Không: nếu đi con đường ấy tất có ngày nước Anh thành kẻ thù. Còn hơn cả vô nghĩa nếu cứ phải lo – mà đúng thế với khẩu khí hoà hoãn của chúng ta,

có ngày nước Anh đáp lại ứng xử hiền hoà của chúng ta bằng bạo lực thô thiển của kẻ vị kỷ.

Song chúng ta đã không bao giờ làm.

Khi chính sách đất đai châu Âu chỉ nhằm chống nước Nga và xem nước Anh là bạn thì ngược lại, chính sách thuộc địa và thương mại quốc tế lại chỉ có thể là chống nước Anh, xem nước Nga là bạn. Như thế thì phải không được ngần ngại rút từ đây ra các hệ lụy mà trước hết thật nhanh tay dẹp bỏ nước Áo.

CHƯƠNG 4.3: LIÊN MINH CÓ THẬT SỰ “DỞ HƠI” ?

Nhìn nhận theo chiều nào đi nữa thì liên minh với Áo quốc hồi đầu thế kỷ vẫn cứ là dở hơi thật sự.

Trước kia, không một ai nghĩ đến liên minh với Nga để chống Anh, cũng chẳng một ai nghĩ đến liên minh với Anh để chống Nga vì cho rằng cả hai trường hợp rồi kết cục vẫn là chiến tranh. Nghĩ rằng vốn đã có một phương sách tiện dụng là chiếm thế giới bằng “kinh tế hoà bình”, nó sẽ vĩnh viễn xoá bỏ phương sách bạo lực. Song dường như lại thấy cũng không được chắc chắn, đặc biệt là vì từ phía người Anh thỉnh thoảng vẫn có những đe dọa hoàn toàn khó hiểu. Bèn quyết định xây dựng một hạm đội, tuy nhiên không phải để tấn công tiêu diệt nghị viện Anh, mà cốt để “bảo vệ” cái “hoà bình thế giới” kia, bảo vệ cuộc “hoà bình chiếm đoạt thế giới”. Nên cũng quyết định đại thể là quy mô sẽ chỉ khiêm nhường, không chỉ về số lượng con tàu, mà về cả tải trọng và trang bị của từng con tàu, cốt để cuối cùng lại một lần nữa cho thấy rõ ý đồ “hoà bình”.



Hitler khẳng định iên minh với Áo quốc hồi đầu thế kỷ vẫn cứ là dở hơi.

Chuyện vớ vẩn đi chiếm thế giới bằng “kinh tế hoà bình” đúng là chuyện tào lao nhất, thế mà được đôn lên thành nguyên lý chỉ đạo chính sách quốc gia. Càng tào lao khi họ không ngăn dẫn nước Anh ra làm nhân chứng sống cho cái khả năng ấy. Những gì các vị dạy sử, viết sử ở nước ta từng “tồng phạm” thật khó sửa, song cũng chứng minh rõ, biết bao người “học” sử song chẳng hiểu, chẳng nắm được sử. Phải thấy nước Anh chính là phản chứng thuyết phục nhất: không dân tộc nào hơn được dân tộc Anh, bao ngược khi chiếm đoạt bằng gươm rồi cũng khốc liệt lúc bảo vệ bằng gươm. Tự sức mạnh chính trị rút ra thành quả kinh tế rồi khi kinh tế đủ mạnh, lại rót nó trở vào sức mạnh chính trị: đó chẳng phải chính là đặc điểm ở nghệ thuật điều hành nhà nước của họ sao? Sẽ thật sai lầm, nếu nghĩ nước Anh đích thân hình như hèn quá, chẳng dám đổ máu của chính họ cho chính sách kinh tế của mình! Bao người Anh không có “quân đội nhân dân”, song vấn đề đâu có ở hình thái tổ chức quân đội, mà lại ở ý chí và quyết tâm sử dụng quân đội. Người Anh luôn có đủ lực lượng cần phải có. Chừng nào họ thấy lính đánh thuê là đủ thì họ đánh bằng lính đánh thuê. Nhưng họ vẫn sẵn sàng hy sinh cả dòng máu quý giá của dân tộc họ, một khi họ thấy

chiến thắng đòi hỏi phải thế. Chiến đấu quyết tâm, chiến đấu kiên trì, lãnh đạo kiên quyết thì trước sau vẫn như một.

Thế nhưng ở Đức qua nhà trường, báo chí, chuyện hài về bản chất người Anh và đế chế Anh, người ta lại đã dựng lên một hình ảnh để đi đến một ảo ảnh vào hàng tồi tệ nhất. Rồi điều phi lý cứ vậy từ từ truyền lan mà hệ lụy là sự xem thường với những tác động xấu xa nhất. Xuyên tạc sâu đến mức người ta tin chắc, người Anh vốn chỉ là dân thương lái mưu mẹo mà con người thì lại uơ hèn đến khó tưởng tượng. Một đế quốc tầm cỡ đến như thế bị bêu riếu, bị bôi bác, vậy mà dường như các vị học giả uyên bác của chúng ta không nhận thức ra. Cũng có người cảnh báo. Song chẳng ai thèm nghe hoặc họ giả điếc. Tôi còn nhớ như in gương mặt kinh ngạc của các bạn tôi hồi ấy ở Flandern (phần cực Tây đồng bằng Trung Âu từ Hà Lan tới Bắc Pháp, ND), khi chúng tôi được thấy cánh Tommies tận mắt. Chỉ sau vài thi đấu, đầu óc của từng người đã sáng ra: người Scotland đâu có phải như người ta vẫn tô vẽ lâu nay trong các chuyện hài và phóng sự.

Hồi ấy tôi đã bắt đầu ngẫm nghĩ về tính mục đích của hình thức tuyên truyền.

Xuyên tạc như thế tuy nhiên ít nhiều cũng có cái hay cho người đi vận động: mặc dù lấy ví dụ không đúng lại đã chứng minh được xâm chiếm thế giới bằng kinh tế là đúng. Người Anh làm được thì ta tất làm được. Đặc biệt, ta còn hơn vì ta vẫn được tiếng là thật thà hơn, chẳng có cái “xảo” riêng của người Anh. Mong mỗi nhờ đó dễ tranh thủ thiện cảm của các dân tộc nhỏ và lòng tin của các dân tộc lớn.

Nói như thế quả thật là có tội với người khác, song hồi ấy chúng tôi chưa thấy, bởi chúng tôi đang còn hoàn toàn nghiêm túc tin là thật thế, trong lúc cả thế giới đã thấy đó chỉ là chuyện hoang đường, bịa đặt để đánh bóng. Kỳ cho đến khi cách mạng đem lại một cái nhìn sâu sắc hơn, một nhận thức trung thực, chúng tôi mới giật mình ngơ ngác vô cùng.

Chỉ từ cái tào lao của cuộc “chiếm đoạt thế giới bằng kinh tế trong hoà bình” là đã rõ ra và hiểu được ngay cái tào lao của liên minh tay ba. Vậy có thể liên minh với nhà nước nào đây? Với Áo quốc thì hẳn nhiên là không thể phát động chiến tranh để chiếm đất, cho dù chỉ ở châu Âu. Đó chính là chỗ yếu nội

tại của liên minh ngay từ ngày đầu tiên: Một Bismarck có thể vờ đến cái phương sách bần cùng ấy, nhưng một hậu duệ bất tài thì quyết không thể, nhất là khi không còn nữa những tiên đề cơ bản đã có cho liên minh của Bismarck. Bismarck thời ấy vẫn tin Áo quốc là một nhà nước của người Đức. Song kể từ khi thực hiện phổ thông đầu phiếu, để cho nghị viện cai trị, nhà nước ấy đã tụt hạng, chỉ còn là một mớ bong bóng phi Đức.

Chỉ nhìn từ góc độ chủng tộc đã đủ thấy liên minh với Áo quốc chẳng thể bền. Chấp nhận hình thành một cường quốc Slavơ mới ở sát nách nước Đức thì rồi sớm muộn gì nó cũng sẽ chống Đức chứ không chống Nga. Qua từng năm, những ai cổ vũ cho ý tưởng ấy ở trong nền quân chủ mà yếu thế đi, mất chức quyền đi, thì rồi tất liên minh cũng rỗng ruột, yếu đi theo.

Ngay từ hồi đầu thế kỷ, liên minh với Áo quốc đã sa vào tình trạng hết như liên minh giữa Áo quốc với Italia.

Ở đây chỉ có hai khả năng: hoặc vẫn liên minh với nền quân chủ Habsbourg, hoặc phải chống sự đẩy lui người Đức. Song nếu lại bắt đầu cách này thì kết thúc thường là sự giành giật công khai.

Nhìn từ góc độ tâm lý cũng đã thấy giá trị của liên minh tay ba thật khiêm nhường. Càng thu về giữ nguyên hiện trạng thì tính bền của liên minh càng kém. Ngược lại, càng mạnh khi các đối tác cùng mong với đến những mục tiêu bành trướng nhất định trong tầm tay. Ở đâu cũng thế cả: sức mạnh chẳng ở thủ mà ở công.

Ngay hồi ấy từng đã có người nhận thấy tình hình đó, đáng tiếc lại không phải là “người thích hợp”. Bản ghi nhớ năm 1912 của đại tá Ludendorff ở Bộ tổng tham mưu từng đã chỉ ra các chỗ yếu đó. Lẽ đương nhiên là bị các “chính khách” xem thường, không thêm bận tâm. Vẻ như những con người rất đổi bình thường kia sáng suốt sao được, trên nguyên tắc họ chỉ là “những nhà ngoại giao”.

May cho nước Đức là chiến cuộc năm 1914 lúc nổ ra đã đi vòng qua Áo quốc, nhà Habsbourg buộc phải tham gia. Không thì đã chỉ có một mình nước Đức. Nhà nước Habsbourg không bao giờ muốn hoặc tự có ý muốn tham gia một cuộc chiến do nước Đức gây ra. Chuyện này người ta trách Italia thì hồi đó đã có Áo quốc: giữ “trung lập” thì chí ít cũng cứu được nhà nước trước cuộc

cách mạng ngay từ lúc đầu. Thay vì để giúp Đức, người Xlavor ắt sẽ đập tan nền quân chủ ngay trong năm 1914.

Liên minh với nền quân chủ vùng Đanúyp nguy hiểm khó khăn bao nhiêu, lại chỉ có rất ít người thấy.

Một là Áo quốc vốn lắm kẻ thù mà kẻ nào cũng ao ước thừa kế cái nhà nước đã xập xệ ấy. Thế rồi dần dần sinh ra căm ghét nước Đức vì cho rằng vật cản, khiến sự sụp đổ mà từ phía cùng trông chờ kia chậm diễn ra, chính là nước Đức. Họ tin rằng chỉ có qua được Berlin thì mới lật nổi Viena.

Hai là như thế nước Đức đã mất những khả năng liên minh tốt nhất, giàu triển vọng. Thay vì, với Nga và cả với Italia nữa, căng thẳng đã gia tăng. Ở Roma sự thân Đức, giống như thân Áo quốc cũng đã tàn lụi, lắm khi thậm chí bùng phát đến tận trong tâm thế của người Italia cuối cùng.

Đã ngả sang chính sách thương mại và công nghiệp thì còn có cơ gì để mà gây chiến chống Nga. Chỉ kẻ thù của cả hai dân tộc mới có thể có quyền lợi sống còn trong vấn đề này. Mà thế thật, trước tiên là người Do Thái, người Mác xít, họ thường vẫn tìm mọi cách kích động để cổ dậy lên một cuộc chiến tranh giữa hai nhà nước.

Cuối cùng, ba là liên minh ấy tiềm ẩn một nguy cơ vô cùng lớn cho nước Đức, bởi lẽ cái cường quốc vốn là kẻ thù của đế chế thời Bismarck, bất kỳ khi nào cũng có thể dễ dàng động viên cả một loạt quốc gia cùng chống Đức, với lời hứa rồi sẽ có phần cho từng người trên lưng anh chàng đồng minh là Áo quốc.

Chống nền quân chủ Đanúyp thì phải huy động cả khối Đông Âu, đặc biệt Nga và Italia. Sẽ không bao giờ thành được một liên minh quốc tế, vốn từng đã được nhà vua Eduard (Eduard VII., 1841-1910, vua Anh, người tích cực tạo dựng thành lập liên minh chống việc các đế quốc kình địch nhau, ND) khởi xướng, nếu như không có anh chàng đồng minh Áo quốc của người Đức làm miếng mồi nhử. Chỉ như vậy mới lôi kéo nổi vào mặt trận tấn công duy nhất những kẻ mà mơ ước và mục đích quá khác nhau đến vậy. Ai cũng mơ màng đi rồi sẽ có phần. Nếu lại kéo được cả nước Thổ vào cái liên minh bất hạnh ấy làm thành viên nữa thì mặc nhiên nguy cơ nói trên càng lớn đến tột cùng.

Giới tài phiệt quốc tế người Do Thái vốn cần miếng mồi như vậy để hoàn thành kế hoạch hằng mơ ước, là tiêu diệt cái nước Đức bướng bỉnh vẫn đứng ngoài vòng khống chế kinh tế và tài chính siêu quốc gia của họ. Chỉ có vậy mới ra đời được một khối liên minh đủ sức mạnh và sức thuyết phục, với quân số hàng triệu, để mà dồn ép anh chàng Siegfried (nhân vật chính trong huyền thoại Đức, anh hùng diệt rồng – đại diện cho cái ác, ND) có sừng có mỏ.



Siegfried: nhân vật chính trong huyền thoại Đức, anh hùng diệt rồng - đại diện cho cái ác. Ảnh minh họa.

Tôi đã hoài nghi liên minh với nền quân chủ Habsbourg ngay từ ngày còn bên Áo quốc. Tôi suy nghĩ thêm nhiều về nó suốt một thời gian dài nhưng vẫn thấy ý kiến trước của mình là đúng.

Ngày đó tôi đã từng không ngần ngại nói toạc ra ý của mình ở từng nhóm nhỏ, nơi tôi vẫn lui tới, rằng ký kết với một cái nhà nước khốn khổ trước sau gì cũng sẽ đổ sẽ là một thảm họa cho nước Đức nếu không kịp buông bỏ. Tôi đã từng tin chắc nịch như thế, chẳng hề dao động dù chỉ giây lát cho đến tận khi giông tố của cuộc thế chiến ập đến khiến lý trí dường như bị ru ngủ và có những người, vốn chỉ quen lạnh lùng toan tính, đã vội vàng hoan hỉ. Ra mặt trận rồi, ở

bất kỳ đâu mà vấn đề được bàn tới, tôi vẫn giữ ý kiến là rõ được liên minh ấy càng nhanh càng tốt cho dân tộc Đức, trả giá cho nền quân chủ Habsbourg đâu phải là hy sinh, nước Đức có thể bớt được kẻ thù. Hàng triệu người đội mũ sắt đâu phải để giữ lấy một triều đại đang ngắc ngoải mà chính là để cứu vãn dân tộc Đức.

Trước chiến tranh có đôi lúc, chí ít cũng là ở một phe, thấy nổi lên thoáng chút nghi ngại về tính đúng đắn của chính sách liên minh đã được chọn, cũng thoáng thấy giới bảo thủ ở Đức bắt đầu lên tiếng cảnh báo đừng vội quá sùng tín. Chỉ có điều lời cảnh báo ấy rồi cũng như bất kỳ cái gì khác thuộc về lý trí lại chỉ như gió thoảng. Người ta vẫn cứ mê mải tin là đang đi đúng đường để “chiếm đoạt” thế giới – được sẽ vô cùng mà mất chẳng bao nhiêu.

“Con người không thích đáng” đâu còn cách nào khác, đành ngậm tằm đứng nhìn những “con người thích đáng” thẳng đường hành tiến đến diệt vong, kéo dân tộc thân yêu lếch thếch theo sau, tựa như trong chuyện cổ ngày xưa ở Hameln (thành phố nhỏ ở Trung Đức, xin xem thêm ở “Truyện cổ” Grimm”, ND) có kẻ chỉ thổi tiêu mà dụ được cả đàn chuột ra ngoài thị trấn.

CHƯƠNG 4.4: HITLER: “TƯƠNG LAI CỦA DÂN TỘC ĐỨC CHÍNH LÀ PHẢI TIÊU DIỆT CHỦ NGHĨA MÁC”

Sở dĩ họ đã vạch ra lại còn dụ được toàn dân lấy “chiếm đoạt bằng kinh tế” làm mục tiêu thực tế, lấy “giữ gìn hoà bình thế giới” làm mục tiêu chính trị còn do một nguyên nhân sâu xa nữa: bấy lâu nay toàn bộ tư duy chính trị của chúng ta nói chung đã ốm yếu, què quặt rồi.

Chuỗi thắng lợi liên tiếp của kỹ thuật và công nghiệp Đức, những thành quả không ngừng đi lên của thương mại Đức đã làm lu mờ mất cái nhận thức là có nhà nước mạnh làm tiên đề thì mới được thế. Ngược lại, ở nhiều giới họ lại tin là chính nhà nước phải hàm ơn các hiện tượng ấy để mà tồn tại, trước tiên nó phải là một định chế kinh tế, phải cai trị thế theo yêu cầu kinh tế trên hết; vì thế kinh tế quyết định thực chất của nó, tùy theo kinh tế thấy và đánh giá trạng thái nào là lành mạnh nhất cũng như là tự nhiên nhất.



Ảnh chụp Hitler tham gia lễ hội đám đông ở Munich ngày 02/08/1914.

Song nhà nước chẳng liên quan gì đến một quan niệm kinh tế hay là một đường lối phát triển kinh tế nhất định nào.

Nó đâu có phải là một tập hợp các đối tác kinh tế nội trong một không gian sống hạn định để thực thi các nhiệm vụ kinh tế. Mà là tổ chức của một cộng đồng những con người như nhau về thể chất cũng như tâm hồn, để tạo điều kiện tốt hơn nhằm lâu dài thì bảo tồn được bản sắc, trước mắt thì đạt được cái mục tiêu tồn tại mà nhờ nhìn xa trông rộng đã tự vạch ra được. Mục tiêu và ý nghĩa của một nhà nước chính là ở đó chứ chẳng ở đâu khác. Kinh tế chỉ là một trong nhiều thứ phương tiện hỗ trợ thôi, tuy có nó thì mới với tới được mục tiêu. Không bao giờ nó lại là ý nghĩa hay mục tiêu của nhà nước, vì nếu như thế thì ngay từ đầu nền tảng của nhà nước đã sai, bởi phi tự nhiên. Nhà nước với danh nghĩa ấy (kinh tế là nền tảng, ND) tự thân không cần có giới hạn lãnh thổ. Điều này (nhà nước có giới hạn lãnh thổ, ND) chỉ cấp thiết với những dân tộc vốn muốn tự nuôi sống, tức thì sẵn sàng giành giết với cuộc sống bằng lao động của chính mình. Có những dân tộc lại chỉ ưa kín đáo luôn lách, sống bám vào nhân loại còn lại, với đủ mọi nguyên cớ, chỉ chực để người khác lao động cật lực cho

mình – thế thì họ, cho dù chẳng có lấy một không gian sống nhất định nào, họ vẫn lập nhà nước được. Điều này đặc biệt đúng với một dân tộc mà ngày nay tất cả nhân loại lương thiện vẫn đang phải chịu nuôi bảo cô: người Do Thái.

Nhà nước Do Thái chưa hề có giới hạn không gian bao giờ, về không gian thì nó không có giới hạn trên cả địa cầu, nhưng về chủng tộc thì nó lại có giới hạn, duy nhất một. Vì vậy dân tộc ấy luôn luôn thành ra một nhà nước ở bên trong các nhà nước. Cho các nhà nước ấy giống buồm ra khơi như thể “tôn giáo”, quả là đã nghĩ ra được một trong những cái mẹo thiên tài bậc nhất xưa này; vốn là người Arier (dân tộc chính gốc du mục, hồi thế kỷ thứ 2 trước công nguyên nô dịch dân bản địa ở Ấn Độ rồi dựng nên xã hội có giai cấp và các nhà nước theo chế độ nô lệ, nhưng thời phát xít Đức bị lạm dụng chỉ dân tộc Đức mất xanh tóc vàng, lẽ ra không khoa học nếu xét từ góc độ nhân chủng học, ND) xưa nay bao giờ cũng sẵn lòng công nhận đức tin. Mà trong thực tế cái tôn giáo như ghép mảnh ấy đâu có là cái gì khác, chính là giáo lý để bảo tồn chủng tộc Do Thái. Nên nó bao quát gần như đủ mọi lãnh vực xã hội, chính trị, khoa học, tất cả những gì có thể cần đến.

Xu thế bảo tồn nòi giống vẫn là nguyên nhân đầu tiên dẫn đến hình thành những cộng đồng người. Thế thì nhà nước phải là một cơ cấu của dân chứ không thể là một tổ chức kinh tế. Khác nhau đến thế mà lắm kẻ được gọi là “chính khách” thời nay lại không nằm được. Vậy nên họ mới tin là có thể dựng được nhà nước bằng kinh tế, trong lúc thật ra thì mãi mãi nó vẫn chỉ là kết quả tác động của trước hết là ý chí bảo tồn – bảo tồn giống nòi và chủng tộc. Thế thì lại rất cần đến các đức tính của người anh hùng và tội kỵ thói vị kỷ háms lợi lật vạt. Bởi tiên đề để duy trì sự sống còn cho một giống nòi chính là tinh thần sẵn sàng hy sinh của từng con người một. Cổ thi có câu “Không dám liều mạng sống thì chẳng có cuộc sống” chính là thế: cá nhân dám xả thân thì mới giữ được nòi giống. Song như thế thì cái tiên đề cơ bản nhất để dựng và giữ một nhà nước còn phải là tình cảm cố kết trên cơ sở cùng cội nguồn, cùng bản sắc và ý chí quyết sử dụng hết tất cả các phương tiện vì cái đích ấy. Điều này ở những dân tộc đã sống trên đất đai của chính mình tất sẽ dẫn đến các đức tính anh hùng, mà ở những kẻ lười nhác sống dựa dẫm ắt sẽ dẫn đến thói gian dối, xảo trá và thói mưu mẹo tàn bạo, nếu như các tính chất đó lại chưa phải là tiên đề

vốn đã sẵn có trong hình thái của các nhà nước rất khác nhau đó. Để hình thành một nhà nước chỉ ít lúc nguyên thủy, bao giờ cũng chỉ có mỗi cách là vận dụng các tính chất đó, thế rồi trong cuộc vật lộn nhằm tự bảo tồn thế nào cũng có những dân tộc đánh thua cuộc, tức là chịu bị đè nén và bị diệt vong, hoặc sớm hoặc muộn. Tuy thế ngay ở trường hợp này thường vẫn không phải vì họ thiếu khôn ngoan, mà chủ yếu vì họ thiếu kiên cường, dũng mãnh và thường lại là ẩn trong cái vỏ bọc của tình người.

Các tính chất để dựng và giữ nước ít liên quan đến kinh tế thế nào thì sự kiện đã chỉ rõ: chỉ ở những trường hợp cực hiếm mới thấy sức mạnh bên trong của nhà nước khớp đúng vào thời kỳ gọi là thăng hoa của kinh tế, còn ở vô số ví dụ khác dường như sự thăng hoa lại là dấu hiệu báo trước nhà nước sắp đến hồi suy tàn. Thành nhà nước mà trước hết lại do tự các lực lượng hay là động lực kinh tế thì thời kỳ kinh tế phát triển nhất cũng phải là thời kỳ nhà nước mạnh nhất, chứ không thể ngược lại.

Đặc biệt, lòng tin ở sức mạnh dựng và giữ nước của nền kinh tế khiến cho khó hiểu vì sao nó lại ứng nghiệm ở cả một xứ sở mà bấy lâu rõ ràng đại thể chỉ nhìn thấy rất những phản chứng của lịch sử. Chính là nước Phổ, rất sâu sắc, đã cho thấy không phải các tính chất vật chất, mà chỉ các đức tính tinh thần là đã đủ để dựng được nước.

Thế rồi kinh tế cũng nở rộ dưới sự bảo trợ của các đức tính ấy, lâu dài, kỳ cho đến khi các khả năng dựng nước đã suy sụp thì nền kinh tế mới suy thoái theo; một quá trình mà cho đến tận nay chúng ta có thể vẫn còn thấy tiếc đến lạ lùng. Mỗi quan tâm vật chất của người ta chừng nào đang còn núp bóng đức hạnh thì vẫn còn có thể phát triển cực tốt, thế nhưng nếu như nó lại tìm cách len lỏi vào cuộc sống ngay từ vòng đầu thì nó đã tự phá đi tiên đề sự tồn tại của chính nó.

Thường là ở Đức, cứ mỗi lần quyền lực chính trị nổi lên thì kinh tế cũng bắt đầu đi lên, rồi đến khi kinh tế trở thành nội dung duy nhất của cuộc sống trong dân và bóp nghẹt các đức tính lý tưởng, thì nhà nước lại suy sụp và chỉ một thời gian ngắn sau đó đến lượt kinh tế cũng sụp đổ theo.

Tuy nhiên nếu đặt câu hỏi, thật sự các sức mạnh dựng nước và giữ nước ấy là gì, thì có thể gói gọn tất cả chỉ trong một mã hiệu duy nhất, là khả năng và

ý chí hy sinh của từng người vì tất cả mọi người. Bảo các đức tính ấy chẳng có gì mắc mớ với kinh tế chính vì xuất xứ từ nhận thức đơn giản, là con người không khi nào lại chịu hy sinh vì những thứ (vật chất, ND) đó, có nghĩa: người ta không hy sinh vì những doanh vụ mà vì các lý tưởng.

Thật không có gì tốt hơn minh chứng cho tính hơn hẳn về tâm lý của người Anh trong nhận thức về tâm hồn của dân chúng là cái động cơ của họ trong chiến đấu. Chúng ta giành giật vì miếng ăn, còn người Anh lại vì “tự do”, không vì tự do của chính họ đâu, không, mà vì tự do của các dân tộc bé nhỏ. Ở ta có khi người ta cười cho sự cao ngạo ấy hay là người ta nổi giận vì nó song đó cũng lại là minh chứng, rằng cái gọi là nghệ thuật điều hành nhà nước ở Đức ngay từ hồi trước chiến tranh đã tối tăm tùy tiện tới mức nào. Đã không còn có một khái niệm mờ nhạt nào về bản chất của cái sức mạnh dẫn dắt người ta tự nguyện và quyết tâm đi vào chỗ chết.

Chừng nào dân Đức năm 1914 còn tin mình chiến đấu vì lý tưởng thì còn trụ được; nếu để cho chiến đấu chỉ vì miếng ăn thì chắc đã bỏ cuộc.

Song các “chính khách” sáng suốt của ta hình như lại ngạc nhiên về sự thay đổi tinh thần ấy. Họ đã không khi nào hiểu là con người, kể từ lúc chiến đấu vì quyền lợi kinh tế, lại cố hết sức tránh cái chết, vì nếu thế thì mãi mãi còn hưởng sao được thành quả cuộc chiến đấu của mình. Lo cứu đứa con của chính mình thì đến người mẹ yếu đuối nhất cũng sẽ trở thành anh hùng và chỉ cuộc chiến để giữ lấy nòi giống, quê hương và nhà nước của chính nó mới đẩy được trai tráng lao vào mũi giáo của quân thù.

Người ta có thể xem điều sau đây là chân lí có giá trị vĩnh viễn:

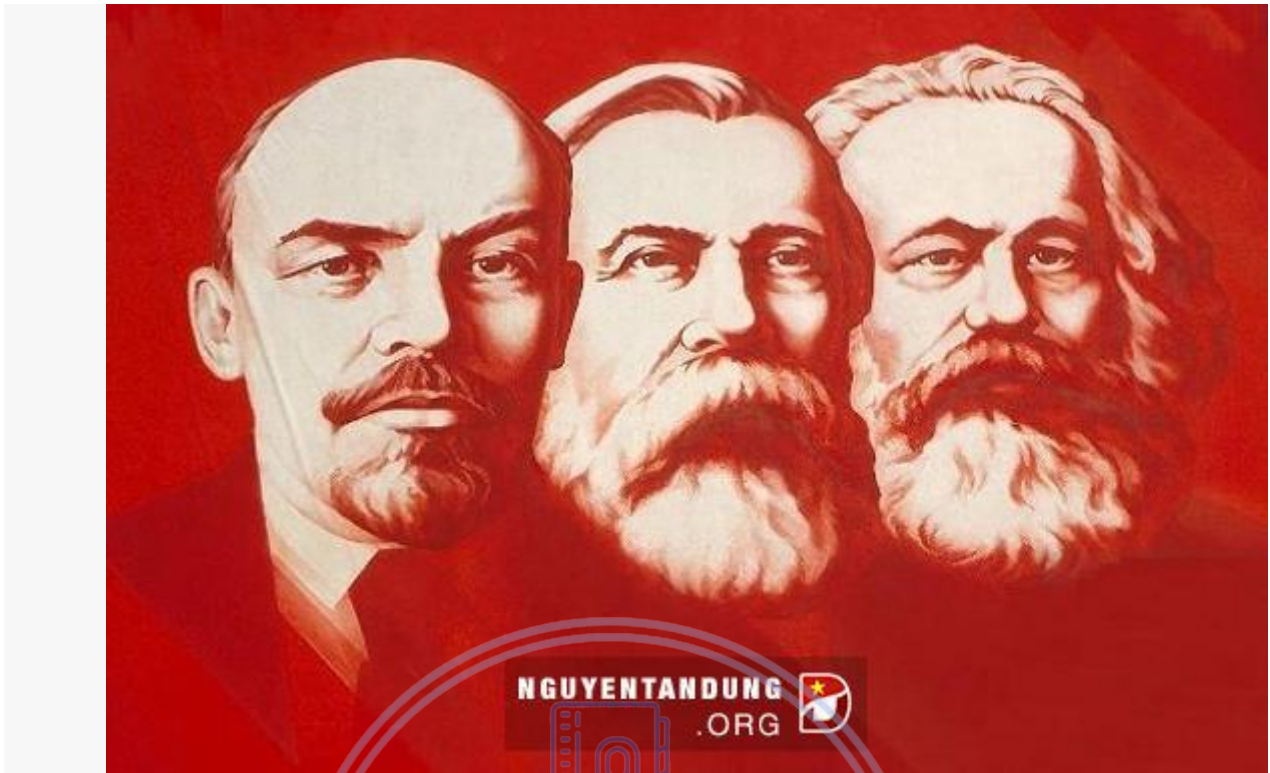
Chưa từng bao giờ có một nhà nước được dựng bằng kinh tế trong hoà bình, luôn luôn phải do bàn năng bảo tồn giống nòi; hoặc bằng hành động anh hùng hoặc bằng mưu mô xảo trá: một đảng sinh ra các nhà nước có lao động, có văn hoá của người Arier, một đảng sinh ra các tập đoàn di thực, ăn bám của người Do Thái. Vì lẽ chỉ ở trong một dân tộc hay ở trong một nước, nền kinh tế mới bắt đầu sinh sôi nảy nở, nên chính nó lại thành nguyên nhân câu như để xích xiềng và đè nén.

Niềm tin ở thời tiền chiến, rằng dân tộc Đức bằng chính sách thương mại và thuộc địa trên con đường hoà bình sẽ có thể khai thác, thậm chí chiếm đoạt

được cả thế giới, chính là một dấu hiệu kinh điển, đã đánh mất quan điểm dựng nước đích thực, mất sức mạnh ý chí, mất cả quyết tâm hành động. Cái giá đã phải trả, theo đúng quy luật tự nhiên, chính là cuộc thế chiến với những hệ lụy của nó.

Với người nghiên cứu không sâu thì lập trường đó của dân tộc Đức – vì thật tình nó chỉ nói chung – có khi lại chỉ là một câu đố không giải được; tuy nhiên chính nước Đức vốn lại là một ví dụ tuyệt vời cho một đế chế đã xuất xứ từ những cơ sở thuần túy chính trị quyền lực. Nước Phổ, mầm mống của đế chế, đã sinh ra từ chủ nghĩa anh hùng chói lọi chứ không phải từ các hoạt động tài chính hay là các doanh vụ thương mại, và chính bản thân đế chế cũng không phải là thành quả rực rỡ của lãnh đạo chính trị quyền lực và tinh thần dũng cảm dám không sợ chết của binh sĩ. Vậy vì đâu mà bản năng chính trị của dân chúng Đức lại thành ra ốm yếu quặt quẹo đến mức ấy? Vì đây không chỉ là thứ hiện tượng riêng lẻ, đó là các mômen tan rã với số lượng thật sự khủng khiếp, cứ như ánh sáng ma trôi lúc xuống lúc lên chập chờn loe lét, hay là như ung nhọt độc hại găm nhấm dần dần cơ thể dân tộc. Dường như có một thứ chất độc vĩnh cửu đã bị một sức mạnh thần bí nào đó đẩy ra cho đến tận những mạch máu ngoại biên, làm cho lý trí lãnh mạnh và rồi đến cả bản năng tự bảo tồn nữa cũng càng ngày càng tê liệt đi.

Vì quan điểm của riêng tôi về chính sách liên minh và chính sách kinh tế của đế chế với Đức trong những năm 1912 – 1914, đã không biết bao nhiêu lần tất cả những câu hỏi ấy lại lướt trong tôi. Lời giải cho câu đố nọ chắc chỉ còn thể hiện ở cái sức mạnh mà trước đó, từ dạo còn ở Viena vì những quan điểm khác, tôi đã từng được biết đến, là học thuyết của Mác với thế giới quan cũng như tác động của nó về mặt tổ chức.



Chủ nghĩa Mac.

Đó là lần thứ hai trong đời, tôi khoan sâu vào các học thuyết mang tính huỷ diệt ấy. Lần đó không còn vì cảm xúc và tác động của môi trường thường nhật quanh mình nữa, mà vì quan sát các tiến trình chung của đời sống chính trị. Một lần nữa bới sâu vào mở tài liệu về lý luận của cái chân trời mới đó, tôi tìm cách làm rõ cho mình những tác động có thể có, rồi lại đối chiếu những tác động ấy với những hiện tượng và sự kiện có thật về hiệu quả của chúng trong đời sống chính trị, văn hoá và cả kinh tế nữa.

Đó là lần đầu tiên tôi đã hướng sự chú ý của mình vào cả những việc đề thủ tiến đến làm chủ cái bệnh dịch ấy của thế giới.

Tôi đã từng khảo sát rất kỹ đạo luật ngoại lệ của Bismarck về ý đồ, kế hoạch và kết quả. Qua đó đã tuần tự thu hoạch được cho niềm tin của riêng mình một cái nền tảng chắc như đá hoa cương, vì thế kể từ ngày đó không còn tự thấy mình phải thay đổi quan điểm ở nội tâm về vấn đề đó nữa. Cũng như thế, quan hệ với chủ nghĩa hoà bình Mác và với vấn đề Do Thái đã được rà soát lại thêm thật kỹ.

Hồi còn ở Viena trước kia, tôi đặc biệt thấy nước Đức cứ như một gã khổng lồ chẳng thể lay chuyển được. Giờ thì thi thoảng lại bắt đầu thấy bản

khảo lo ngại. Chỉ dám âm thầm bàn bạc với nhau trong từng nhóm nhỏ những người tôi quen biết về chính sách đối ngoại của Đức cũng như về cái phương cách – tôi thấy nhẹ dạ đến khó tưởng tượng, mà người ta thường xử lý cái vấn đề tối hệ trọng của nước Đức hồi ấy, vấn đề chủ nghĩa Mác. Tôi thật tình không hiểu nổi, vì đâu mà người ta lại có thể mù quáng và chao đảo đến thế trước mối hiểm họa, mà cứ như ý đồ đích thực của chủ nghĩa Mác thì tác động ắt phải cực kỳ khủng khiếp. Ngay hồi đó trong môi trường quanh tôi và giờ đây trong một môi trường lớn hơn thế, tôi đã từng cảnh báo về cái khẩu hiệu ru ngủ mà lũ người yếu đuối ương hèn thường vẫn rêu rao là “không gì có thể xảy đến cho chúng ta!” Từng đã có một đế chế khổng lồ tan nát chỉ vì một thứ dịch bệnh tinh thần tương tự. Liệu rồi đây nước Đức có phải chịu khuất phục vẫn những quy luật nghiệt ngã ấy, như tất cả mọi cộng đồng người khác chăng?

Từ những năm 1913 – 1914, cũng lần đầu tiên trong những giới khác nhau mà một bộ phận cho đến tận nay vẫn còn trung thành với phong trào quốc gia xã hội, tôi đã từng tuyên bố rằng tôi tin chắc, vấn đề tương lai của dân tộc Đức chính là vấn đề phải tiêu diệt chủ nghĩa Mác.

Ở chính sách đối ngoại của Đức, tôi chỉ nhìn thấy có mỗi một trong số những hiện tượng hệ lụy do tiêu trừ cái học thuyết ấy – đúng vậy, vì điều đáng sợ nhất chính là rồi cái nọc độc không nhìn thấy ấy sẽ làm băng hoại gần như tất cả những nền tảng của một quan niệm lành mạnh về kinh tế, về nhà nước, vậy mà rồi chính những ai phải hứng chịu lại cũng chỉ cảm nhận mơ hồ được rằng đáng lẽ phải kiên quyết cự tuyệt, thì với mong muốn và bằng hành động, chính họ lại đã thông đồng cho cái thế giới quan ấy.

Suy thoái từ bên trong của dân tộc Đức đã bắt đầu ngay từ hồi đó. Thế mà – như vẫn thường xảy ra, người ta lại chẳng thấy rõ kẻ phá hoại cuộc sống. Đôi khi còn chữa chạy loay quanh, tuy như thế chỉ làm thay đổi hình thái của hiện tượng. Vì không biết hay là không muốn biết mầm bệnh nên cuối cùng, cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa Mác cũng lại chỉ có giá trị như trò lang băm huyền thuyên khoác lác.

CHƯƠNG 5: THẾ CHIẾN

Khi còn làm thợ săn thú, trong những năm tháng thoải mái của tôi, tôi chẳng hề buồn phiền vì được sinh ra trong chính cái thời mà rõ ràng nó chỉ trao ngọn cờ vào tay những tên hàng xén hay những vị quan chức nhà nước. Con sóng của các sự kiện lịch sử có vẻ như thật sự đã chèo lái sao cho chỉ có “cuộc thi đua hoà bình của các dân tộc” là có tương lai, nghĩa là trong một cuộc lừa dối lẫn nhau một cách thanh bình khi gạt bỏ các phương pháp tự vệ dùng bạo lực. Các nước bắt đầu ngày càng giống nhau hơn về các dự án để chiếm dụng đất đai, cướp khách hàng hay đơn hàng của nhau và cố tìm mọi cách để kiếm lãi hơn người, và như vậy đưa mọi việc vào một kịch bản gây một tiếng kêu thật to mà cũng thật vô tư lự. Sự phát triển này chẳng những có vẻ như muốn tiếp tục, mà trong tương lai sẽ còn (theo yêu cầu chung) biến toàn thế giới thành một siêu thị lớn, ở các tiền sảnh của nó sẽ trưng bày tượng bán thân những tên đầu cơ lão luyện nhất và những vị quan chức quản lý vô hại nhất của sự bất tử. Các doanh nhân sau đó sẽ có thể đặt hàng để người Anh làm, các vị quan chức quản lý thì người Đức, thế nhưng để làm ông chủ thì phải hiến người Do Thái, bởi lẽ theo lời thú nhận của chính họ thì chưa bao giờ họ biết kiếm chi chút tiền, mà chỉ ”mất tiền” và ngoài ra lại còn nói nhiều ngoại ngữ nhất nữa.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online



Ảnh minh họa.

Tại sao người ta chẳng thể sinh ra trước đây cả trăm năm nhỉ? Chẳng hạn vào thời các cuộc chiến giành độc lập, khi đó người ta chẳng cần phải qua “Geschäft” (tạm dịch việc buôn bán, ND) để còn có giá một chút?!

Như thế, tôi thường có những suy nghĩ không vui về chuyến lữ hành trần thế được tiến hành, mà tôi cứ tưởng thế, quá chậm và xem khoảng thời gian phía trước tôi của “bình an và trật tự” như là một hành động đê tiện chẳng đáng của số phận. Ngay từ khi còn nhỏ, tôi đã chẳng là kẻ “hoà bình chủ nghĩa” và tất cả mọi nỗ lực dạy dỗ theo hướng này đều thất bại.

Khi đó, cuộc chiến Boer (hậu sinh người nhập cư Đức – Hà Lan tại Nam Phi, ND) bùng nổ lên trong tôi hết như một tia chớp.

Hàng ngày tôi theo dõi báo chí và ngẫu nhiên nuốt chửng những bức điện và báo cáo, và thế là đã đủ hạnh phúc rồi, để ít nhất được là nhân chứng từ xa cho cuộc đấu tranh anh hùng này.

Còn cuộc chiến tranh Nga – Nhật lại được tôi quan sát khi đã chín chắn nhiều hơn rồi, và cũng kỹ lưỡng hơn. Ở đó tôi đã xác định được lập trường, đa phần từ những lý do dân tộc và khi thể hiện các ý kiến của chúng ta như thế, tôi

đã tự đặt mình ngay vào phe người Nhật. Tôi thấy ngay ở việc bại trận của người Nga cũng là thất bại của chế độ nô lệ Áo quốc.

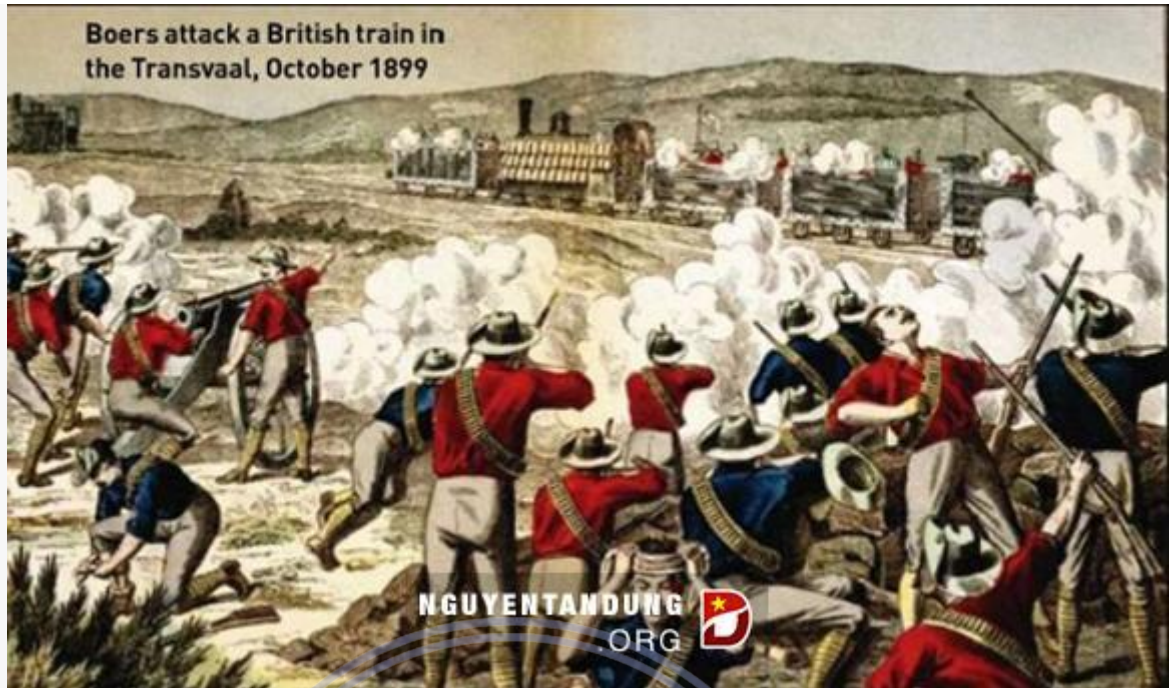
Từ đó đến nay đã trôi qua nhiều năm, và cái mà thời trẻ tôi coi như là tình trạng ốm yếu đến thối rữa, thì nay tôi cảm nhận như là giờ phút lặng yên trước cơn bão tố. Ngay từ thời ở Vienna, vùng Balcan đã lơ lửng cái oi nồng khó chịu mà trận cuồng phong thường hay cho thấy, và đôi khi cũng đã loé lên một tia chớp sáng láng, nhưng lại biến mất ngay vào cõi đêm huyền bí. Nhưng rồi cuộc chiến tranh Balcan bùng lên, và với nó, cơn gió đầu tiên cuốn qua đất châu Âu đã trở nên bản tính. Thời gian sắp tới tác động lên con người như cơn mê sảng nặng nề, nóng cháy da như cái nắng nhiệt đới, tới mức cảm giác về tai hoạ gần đến, do nỗi lo âu nay cuối cùng đã trở thành ước vọng: Vào đoạn kịch này thì ông Trời hãy để cho số phận, vốn chẳng thể cản nữa, được tiến triển tự nhiên. Và xem kìa, tia chớp mạnh mẽ đầu tiên đã giáng xuống trái đất: cơn giông tố bắt đầu nổi lên, và trong tiếng sấm của Trời đã hoà trộn tiếng gầm thét của những pháo đội Thế chiến.

Khi tin về vụ ám sát đại công tước Franz Ferdinand (1863-1914, là đại công tước Áo quốc và thái tử đế quốc Áo Hung, là con vua Karl Ludvvig Áo quốc và công chúa Maria Annunziata của Neapel – Sicil và cháu Franz Joseph I., ND) đến Munich (tôi đang ngồi nhà và chỉ lảng máng nghe về tiến trình vụ việc), thì trước hết tôi cảm thấy lo rằng, có khi là viên đạn bắn ra từ nòng súng của những sinh viên người Đức, vốn căm thù vị thái tử vì công việc nô dịch liên miên, muốn giải phóng nhân dân Đức khỏi ách kẻ thù nội xâm này. Người ta có thể nghĩ ra ngay cái gì sẽ có thể là hậu quả: Một đợt bắt bớ mới mà sẽ được “viện có” và “bào chữa” trước toàn thế giới. Nhưng khi ngay sau đó tôi nghe thấy tên của những nghi phạm và ngoài ra còn đọc được xác nhận chúng là người Xécbi, trong tôi bắt đầu lan toả nỗi hãi hùng nhẹ nhàng về bước báo oán của số phận chưa được thẩm tra này.

Người bạn lớn nhất của người Xlavor lại ngã xuống dưới làn đạn của những tên cuồng tín Xlavor. Ai trong những năm cuối có cơ hội liên tục quan sát mối quan hệ Áo quốc với Xécbi, người đó chắc hẳn như chẳng hề có đến một phút nghi ngờ rằng, bánh xe đã lăn và không gì còn cản lại được nữa.

Sẽ bắt công với chính phủ Viena khi ngày nay trách mắng té tát họ về hình thức và nội dung của tối hậu thư do họ đề xuất. Không có thể lực khác nào trên thế giới có thể hành động khác được khi ở cùng vị trí và hoàn cảnh. Áo quốc có ở biên giới đông nam của mình một kẻ thù sống còn tàn nhẫn mà cứ luôn theo những chu kỳ ngày càng ngắn hơn dám thách thức nền quân chủ và chẳng bao giờ yên cho tới khi cuối cùng ắt xảy ra giờ phút thích hợp để phá tan đế quốc. Người ta có lý do để sợ rằng trường hợp này chậm nhất phải đến với cái chết của vị hoàng đế già; nhưng nếu thế thì nền quân chủ có lẽ hoàn toàn chẳng có khả năng chống đối một cách nghiêm túc. Trong những năm qua, toàn bộ nhà nước đã quá chững lại bởi nhãn quan của Franz Joseph (1830- 1916 từ nhà Habsbourg; 1848-1916 hoàng đế Áo quốc cũng như vua Hungary và Croatia 1848/67- 1916., ND) cho nên cái chết của sự thể hiện cổ xưa cho đế quốc, ngay từ đầu sẽ được quảng đại quần chúng cảm nhận như cái chết của chính đế chế. Thậm chí đó thuộc những nghệ thuật lấu cá nhất của nền chính trị đặc biệt Slavơ là gây cảm giác rằng dầu sao thì sự tồn tại của nhà nước Áo quốc hoàn toàn dựa trên nghệ thuật đặc biệt tuyệt diệu của vị quân chủ này; một lời ve vãn mà với hoàng cung càng đáng quý hơn vì nó tương ứng ít nhất với những đóng góp thật sự của vị hoàng đế này. Người ta chẳng thể có khả năng tìm ra cái gai ngầm mai phục trong lời khen này. Người ta chẳng thấy, hay có lẽ cũng chẳng muốn thấy rằng, nếu nền quân chủ càng dựa chỉ vào cái nghệ thuật lãnh đạo siêu việt – như người ta thường nói, của “nhà quân chủ khôn ngoan nhất” mọi thời đại, thì hoàn cảnh sẽ càng phải mang tính thảm họa hơn nữa, nếu một ngày kia ngay ở đây số phận cũng đến gõ cửa để lấy công vật của mình.

Phải chăng hoàn toàn có thể tưởng tượng ra cái Áo quốc cổ lỗ mà không có vị hoàng đế già nua?!



Người Boer tấn công tàu của Anh tại Transvaal, tháng 10 năm 1899.

Liệu bi kịch mà ngày xưa đã xảy đến với Maria Theresia (1717-1780) là nữ công tước nhà Habsbourg. Bà là đại công tước, nữ hoàng Hungary và Bohemia (1740-1780) và thuộc những nhà quân chủ gây dấn ấn cho thời đại chế độ chuyên chế khai sáng, cũng là vợ hoàng đế Đức – La Mã Franz I. Stephan và các hoàng đế Đức – La Mã kế vị, ND) sẽ lặp lại ngay?

Không, ta sẽ thực sự bất công với các giới trong chính phủ Vienna khi ta trách họ, rằng họ cứ lao thẳng vào cuộc chiến mà lẽ ra đã có thể tránh được nó. Không thể tránh được nó đâu, cùng lắm là chỉ lùi được một hai năm là nhiều. Chỉ riêng điều đó thôi đã là hệ quả tai hại của nền ngoại giao Đức và Áo quốc khi họ luôn cố gắng đẩy ra xa cái giờ tính sổ không tránh được cho đến khi cuối cùng nó điễm vào cái thời gian chẳng thuận chút nào. Ta có thể tin chắc rằng, mỗi cố gắng vẫn hồi hòa bình, chỉ đẩy cuộc chiến xảy ra vào thời điễm còn bất thuận hơn nữa.

Không, ai không muốn cuộc chiến tranh này, người đó phải dừng cảm chấp nhận các hệ quả. Mà chúng lại đã có thể là sự hy sinh Áo quốc. Chiến tranh vẫn sẽ xảy ra, duy nhất có thể không còn là cuộc chiến tất cả chống lại chúng ta mà ở dạng phá tan nền quân chủ nhà Habsbourg. Khi đó người ta phải quyết định, cùng tham gia hay chỉ đứng nhìn để chấp nhận số phận giáng xuống và tay không ra đi.

Nhưng chính những ai giờ đây chửi bới nhiều nhất về cái bắt đầu của cuộc chiến và đánh giá thông thái nhất, lại là những kẻ nguy hiểm nhất kín đáo giữ gìn để lái vào đó.

Nền xã hội dân chủ từ nhiều thập niên đã xúi bẩy chiến tranh khốn nạn nhất chống Nga, tuy nhiên từ các quan điểm tôn giáo thì ở trung tâm, nhà nước Áo quốc lại làm điểm tựa tích cực nhất cho chính sách Đức. Khi đó lời của chính phủ Đức là, để giữ gìn hòa bình nó luôn để lỡ cái giờ cho chiến sự nổ ra, bị lôi cuốn vào liên minh bảo vệ hòa bình thế giới và như vậy cuối cùng là vật tế cho một liên minh thế giới mà nó do cố gắng giữ gìn hòa bình thế giới lại chèo chống trước quyết tâm mở cuộc thế chiến.



Mai phục tấn công đường sắt trong cuộc chiến Boer.

Nhưng nếu như khi đó chính phủ Vienna đã trao tối hậu thư ở một dạng khác, mềm dẻo hơn, thì hoàn cảnh cũng chẳng có gì thay đổi, hay nhiều nhất cũng chỉ là, nó sẽ bị chính nhân dân tức giận mà quét sạch. Bởi lẽ trong con mắt quảng đại quần chúng thì giọng điệu của tối hậu thư còn khá trân trọng và hoàn toàn không đi quá xa hay tàn nhẫn. Ai ngày hôm nay cố gắng phủ nhận điều đó, hoặc là cái đầu bã đậu hay quên hay là kẻ dối trá chủ tâm.

Cuộc chiến đầu năm 1914 không do quần chúng; là Chúa Trời thật sự ép buộc mà được toàn dân khao khát.

Người ta muốn cuối cùng chuẩn bị một hồi kết cho sự bất ổn chung. Chỉ bằng cách đó người ta mới hiểu rằng, để đi đến cuộc đấu cam go nhất này, trên hai triệu thanh niên và những người đàn ông Đức đã tự nguyện đứng dưới cờ để sẵn sàng bảo vệ nó đến giọt máu cuối cùng.

CHƯƠNG 5.1: HITLER THAM GIA CUỘC CHIẾN

Riêng với tôi, những giờ phút thời đó như một bước giải thoát ra khỏi những cảm xúc buồn bực thời trẻ. Ngay hôm nay đây, tôi cũng chẳng thẹn thùng mà bảo, bị choáng ngợp vì sự phấn chấn tốt độ, tôi đã quỳ xuống và từ sâu thẳm trái tim cảm ơn Đức Chúa Trời đã cho tôi cái điểm phúc được sống ở thời đại này.



Hitler cùng những người đồng hành trận chiến.

Một cuộc đấu tranh cho tự do vừa nổ ra, mạnh mẽ nhất từ trước tới nay trên Trái Đất này; bởi lẽ cùng với bất hạnh vừa bắt đầu, cũng đã hé mở cho quảng đại quần chúng niềm tin rằng lần này vận mệnh không chỉ xoay quanh

Xécbi hay cả Áo quốc, mà trước hết quanh sự tồn tại hay không tồn tại của chính dân tộc Đức.

Lần cuối cùng sau biết bao năm, nhân dân lại đã tiên tri được về tương lai của chính mình. Thế nên ngay vào đoạn khởi đầu của cuộc vật lộn vô cùng gay go, cũng đã xuất hiện ngay giọng trầm nghiêm túc cần thiết hoà vào cơn say của niềm hưng phấn thái quá; bởi lẽ duy chỉ có nhận thức này mới không biến cuộc nổi dậy tầm cỡ quốc gia thành ngọn lửa rơm. Sự nghiêm túc này là quá ư cần thiết; bởi vì khi đó nói chung người ta chẳng hề có đến óc tưởng tượng nhỏ nhất về việc cuộc đấu đang bắt đầu có thể lâu đến mức nào. Thậm chí người ta còn mơ thấy đến mùa đông đã có thể về nhà để lại tiếp tục với công việc của thời bình.

Cái mà con người muốn thì hẳn hy vọng và tin tưởng. Đa số áp đảo toàn quốc gia từ lâu đã chán ngấy với tình trạng bất an muôn thuở; nên việc tuy người ta hoàn toàn chẳng tin vào một bước hoà hoãn cho cuộc xung đột Áo quốc – Xécbi, nhưng lại đặt niềm hy vọng rằng vụ tranh chấp sẽ kết thúc dứt khoát, quá ư là dĩ nhiên. Trong số hàng triệu người này cũng có tôi.

Khi cái tin về vụ mưu sát vừa được loan báo ở Munich, trong đầu tôi bùng ngay lên hai ý nghĩ: đầu tiên, cuối cùng chiến tranh cũng là điều không thể tránh khỏi, nhưng thứ nữa là nhà nước Habsbourg nay bắt buộc phải củng cố liên minh; bởi lẽ điều tôi luôn lo lắng nhất là khả năng chính nước Đức một ngày kia, có thể ngay do liên minh này, sẽ lao vào một cuộc xung đột mà chẳng cần Áo quốc phải tạo ra một nguyên cơ trực tiếp, và bởi vậy từ những lý do đối nội, nhà nước Áo quốc chẳng hội tụ được sức mạnh để quyết định tham gia liên minh. Đa số người Xlavor trong đế quốc sẽ bắt đầu phá hoại ngầm ngay tắp lự một ý tưởng vừa nhen nhóm như thế và sẵn sàng huỷ diệt ngay toàn thể nhà nước thay vì ban phát sự trợ giúp mà các đồng minh yêu cầu. Tuy nhiên nguy cơ này vừa được loại bỏ. Giờ thì cái nhà nước giả cỗi này phải đấu súng, cho dù nó có muốn hay không cũng vậy.

Lập trường của tôi về cuộc xung đột cũng rất đơn giản và rõ ràng trước chính mình; với tôi, Áo quốc chẳng tranh đấu vì muốn làm điều gì vừa ý cho Xécbi, mà vì sự tồn tại của nước Đức, vì sự tồn tại hay không tồn tại của chính quốc gia Đức, vì tự do và tương lai. Công trình của Bismarck phải được triển

khai; điều mà trước đây cha ông bằng giòng máu anh hùng của mình đã chiến đấu ở các trận từ Weißenburg (thành phố ở Bavaria, ND) đến Sedan (thành phố ở Pháp, đều liên quan đến cuộc chiến tranh của Napoleon III., ND) và Paris, thì giờ đây cái nước Đức non trẻ này lại phải được hưởng. Nhưng nếu cuộc đấu tranh này thành công thì dân tộc chúng ta lại được tham gia vào nhóm các nước lớn với cái uy thế đối ngoại của họ, chỉ khi đó thì đế quốc Đức mới có thể khẳng định mình là chỗ dựa vững chắc cho nền hoà bình mà con em của nó chẳng hề phải nhịn ăn hàng ngày vì cái nền hoà bình đáng yêu nọ.

Thời nhi đồng và thanh niên, tôi thường có ước muốn ít nhất qua hành động để chứng minh rằng, lòng yêu nước của tôi chẳng là ảo tưởng hão huyền. Tôi gần cảm thấy như mắc tội khi hô vang “muôn năm” mà có lẽ chưa nắm quyền dụng tâm cho nó; bởi lẽ ai được phép dùng từ đó khi chưa một lần được thử lửa, khi mà mọi cuộc chơi kết thúc, và cánh tay không hề biết thương tiếc của vị thần số mệnh bắt đầu cân đong từng người và từng dân tộc về sự thật và bản chất chính kiến của họ? Vậy là trái tim tôi, cùng như hàng triệu người khác trào dâng niềm hạnh phúc kiêu hãnh, cuối cùng rồi cũng thoát được ra khỏi cảm giác què quặt này. Tôi phải chăng từng thường xuyên hát vang “Deutschland über alles” (“Nước Đức trên hết”, quốc ca thời Đức quốc xã, ND) và khản cổ hét Heil (muôn năm, câu chào thời Đức quốc xã, ND), tới mức gần như là một ân huệ ban trao muôn mãn, khi giờ đây ở buổi dâng thánh lễ với vị quan toà muôn thuở, tôi được làm nhân chứng cho buổi tuyên thệ trung thành với chính kiến này. Bởi vì ngay từ đầu tôi đã cương quyết rằng, khi chiến tranh – mà tôi thấy là bất khả kháng – nổ ra, thì bằng cách nào đi chăng nữa, tôi vẫn phải xếp việc bút nghiên. Tương tự như vậy tôi cũng biết rõ rằng, vị trí của tôi sẽ là chỗ mà cái giọng nói nội tâm này đã chỉ ra.

Từ các lý do chính trị, trước tiên tôi rời Áo quốc; nhưng điều còn tất nhiên hơn là, bởi lẽ cuộc đấu tranh đã bắt đầu, thì tôi càng (phải có trách nhiệm với chính kiến này. Tôi chẳng hề muốn đầu quân cho nhà nước Habsbourg, tuy bất cứ lúc nào cũng sẵn sàng chết cho dân tộc mình và đế quốc biểu trưng cho nó.

Ngày mừng ba tháng tám tôi gửi một đơn xin khẩn tới vua Ludwig III. (vua của Bavaria (1845 – 1921) kế vị vua Ludvvig II., là anh em họ cùng tuổi,

chết như trong màn kịch, 1913 lên ngôi và trị vì chỉ trong 6 năm. 1918 cách mạng đã đuổi ông đi, ND) với lời đề nghị được nhập ngũ tại một trung đoàn xứ Bavaria. Vào những ngày này, chắc hẳn phòng nội các chẳng thiếu việc phải làm; vậy nên niềm vui của tôi càng lớn hơn khi ngay ngày hôm sau tôi đã nhận được thư trả lời. Khi tôi, với tay còn đang run, mở lá thư và thấy trong đó lời chấp thuận yêu cầu của mình cùng đòi hỏi tôi tới đăng ký ở một trung đoàn xứ Bavaria, thì niềm hân hoan và lòng biết ơn tràn ngập. Ít hôm sau tôi mặc bộ quân phục mà gần sáu năm sau tôi mới trút bỏ.

Vậy là, như với mọi người Đức, với tôi cũng bắt đầu cái thời gian khó quên nhất và cũng vĩ đại nhất trong cuộc đời hạ giới của tôi. So với các sự kiện của cuộc đấu vĩ đại nhất này thì mọi sự đã qua rơi về một cõi hư vô nhạt nhẽo. Chính vào những ngày đang kỷ niệm mười năm sự kiện vĩ đại này, cùng nỗi ưu sầu kiêu ngạo tôi hồi tưởng lại những tuần đầu này của cuộc đấu tranh anh hùng của dân tộc ta mà số phận đã rộng lòng cho phép tôi tham gia.

Từng hình ảnh một lượt qua tôi như mới xảy ra hôm qua, tôi thấy mình được thăng bộ quân phục trong đám bạn bè thân thuộc, rồi lần đầu hành quân, luyện tập, v.v... cho đến cuối cùng là ngày hành quân ra trận.

Vào thời gian này có nỗi lo duy nhất dày vò chúng tôi, tôi và rất nhiều người khác nữa, là liệu chúng tôi đến chiến trường có chậm quá chăng. Tất cả những điều này thường chẳng để tôi được yên. Vậy với mỗi tiếng hoan hô chiến thắng về một hành động anh hùng lại ần dẫu một giọt nhỏ niềm cay đắng, vì với mỗi chiến thắng lại làm tăng nguy cơ cho việc chúng tôi đến muộn.



Bức ảnh về thương binh Đức trú ẩn.

Vậy cuối cùng cũng đến cái ngày mà chúng tôi rời Munich để bước vào việc hoàn thành trách nhiệm của chúng tôi. Lần đầu tiên tôi thấy sông Rhein,

khi chúng tôi đi về phía Tây ngược theo các con sông của nó; để bảo vệ nó, con sông mẹ của các con sông, trước lòng tham của kẻ thù cũ. Khi qua bức màn mảnh của lớp sương mù buổi sáng, những tia nắng dịu dịu cho phản chiếu về phía chúng tôi hình đài kỷ niệm Niedervvald (nghĩa đen: rừng cây thấp nhỏ. Nằm ở vùng biên khu bảo tồn thiên nhiên Niedervvald gần thành phố Rudesheim am Rhein mà ở dưới chân nó là các vườn nho của dãy núi Rudesheim. Đài kỷ niệm ca ngợi sự thống nhất nước Đức năm 1871 và xây từ đó tới 1883 mới xong. Cùng các đài tưởng niệm khác, đài kỷ niệm Niedervvald được xếp vào nhóm các công trình tưởng niệm vĩ đại nhất Đức, ND), người lính canh già bên dòng sông Rhein lướt qua chuyên tàu chở hàng dài vô tận lên bầu trời sớm, làm tôi cảm động đến nghẹt thở.

Rồi đêm lạnh ảm đến, chúng tôi im lặng hành quân, và khi ngày tách ra khỏi màn sương ban mai, bỗng có một lời chào bằng sắt rít qua đầu chúng tôi rồi một tiếng nổ đánh tung những viên bi nhỏ giữa hàng quân chúng tôi, quất mạnh trên nền đất ẩm; nhưng trước khi đám mây nhò bay qua, thì từ hai trăm cái miệng vang lên tiếng “Hoan hô” để chống lại tín hiệu đầu tiên của tử thần. Sau đó bắt đầu tiếng ầm ỹ vang dội, tiếng hát và hét, và kéo mọi người với cặp mắt hưng hực lên phía trước, ngày càng nhanh hơn, cho đến khi trên các cánh đồng củ cải và các thảm cỏ, cuộc chiến đầu bắt đầu, cuộc chiến một chọi một. Nhưng từ xa vọng lại tiếng một bài hát tới tai chúng tôi, nó đến càng lúc càng gần hơn, lan tới từ hết đại đội này sang đại đội khác, và trông kìa, khi chính lúc tử thần hăng hái bổ xuống hàng ngũ chúng tôi, thì bài hát cũng đã đến với chúng tôi và chúng tôi lại truyền đi tiếp: Nước Đức, nước Đức trên hết, trên mọi thứ nơi thế gian này!

Sau bốn ngày, chúng tôi quay trở lại. Ngay bước đi bây giờ cũng đã khác trước. Những đứa trẻ mười bảy giờ trông giống như những người đàn ông trưởng thành.

Những lính tình nguyện của trung đoàn List có lẽ đã chưa học kỹ cách đánh cho tốt, riêng cách chết thì họ đều biết như những người lính già.

Đó là bước khởi đầu.

Sự việc cứ thế tiếp tục năm này qua năm khác, thế nhưng thay vào cái lãng mạn chiến trận, nỗi rùng rợn lại đến. Niềm hân hoan nguội dân và sự phấn

kích thái quá ngột lại trước cơn sợ chết. Đã đến thời điểm mà mỗi người phải vật lộn giữa bản năng sinh tồn và nghĩa vụ đang kêu gọi. Ngay với tôi, cuộc đấu tranh này cũng chẳng từ. Luôn luôn mỗi khi tử thần đến gọi, có một cái gì đó bất định muốn nổi loạn, nhân danh lý trí bất cơ thể yếu đuối phải tưởng tượng, nhưng rồi đó lại chỉ là sự uơ hèn nguy trang như vậy để bao vây từng người. Có cái lôi kéo rồi cảnh tỉnh nổi lên, tôi thường chỉ còn mẩu cuối cùng của lương tâm mang tính quyết định. Nhưng nếu cái giọng nhắc phải cẩn thận càng cổ lên tiếng, nếu nó càng lớn tiếng và khản khoản quặn rũ hơn, thì sức phản kháng cũng càng mãnh liệt hơn, cho đến cuối cùng sau cuộc vật lộn nội tâm rất lâu, ý thức trách nhiệm thắng thế. Ngay từ mùa đông 1915/16, ở tôi cuộc đấu tranh này đã kết thúc. Cuối cùng ý chí đã hoàn toàn làm chủ. Nếu như những ngày đầu tôi còn hân hoan cười nói tham gia tấn công, thì giờ đây tôi bình thản và quyết tâm. Nhưng chính cái đó mới bền lâu. Chỉ đến khi đó số phận mới có thể đi đến những cuộc thử cuối cùng mà các dây thần kinh không bị đứt hay lý trí tỏ ra bất lực.

CHƯƠNG 5.2: CHÀNG CHIẾN SĨ NGÀY NÀO GIỜ ĐÃ TRỞ THÀNH NGƯỜI LÍNH GIÀ

Từ chàng chiến sĩ tình nguyện trẻ đã thành người lính già.

Nhưng cuộc chuyển biến này cũng đã xảy ra trong toàn thể đoàn quân. Nó đi lên từ các trận chiến liên miên, trở nên già dặn và kiên định, và những gì không chịu được bão tố, dĩ nhiên bị gãy đổ.

Nhưng trước hết người ta phải đánh giá đoàn quân này. Giờ đây sau hai, ba năm, khi nó bị vút hết từ trận chiến này sang trận chiến khác, luôn phải đấu lại với kẻ địch vượt trội về quân số và vũ khí, chịu đói khát và thiếu thốn, thì bây giờ đã đến lúc phải kiểm lại chất lượng của đoàn quân có một không hai này.



Ảnh minh họa.

Nhiều thiên niên kỷ sẽ trôi qua, nhưng người ta sẽ chẳng được phép diễn thuyết hay đàm luận mà không nhắc đến đoàn quân Đức của thế chiến. Khi đó, từ màn khói dĩ vãng sẽ hiện lên chiến tuyến thép của chiếc mũ sắt xám lạnh, không lung lay mà cũng chẳng lui bước, một tượng đài bất tử. Chừng nào còn có người Đức sống thì họ còn tưởng nhớ rằng, có thời đó chính là con em dân tộc họ.

Khi ấy tôi là người lính và chẳng hề muốn chính trị hoá. Mà muốn vậy thì thật ra, đó cũng chẳng là thời điểm thích hợp. Ngay ngày hôm nay đây, tôi vẫn tin chắc là, cái anh người hầu tận đáy vẫn có những đóng góp quý giá cho tổ quốc hơn hẳn chính người đứng đầu, chẳng hạn như “vị nghị viên”. Tôi căm ghét cái bọn mách lẻo này hơn bao giờ hết lại chính vào cái thời gian mà mỗi chàng trai chân chính nếu muốn nói gì đó thì phải thét vào mặt kẻ thù, hay tốt hơn hết là cất cái miệng hần ở lại nhà để tại đâu đó im lặng làm nghĩa vụ của mình. Vâng, khi ấy tôi đã căm ghét tất cả những “nhà chính trị” này, và nếu như tôi được quyết định, thì tôi đã ngay lập tức lập một tiểu đoàn lính nghị viên xúc

đất, để cho chúng tha hồ mách lẻo với nhau thoả thích mà chẳng hề chọc giận hay thậm chí làm hại nhân loại ngay thẳng và thật thà.

Vậy là khi đó tôi chẳng hề muốn dính dáng gì đến chính trị, nhưng lại không làm khác được là phải thể hiện lập trường trước một vài hiện tượng nào đó mà chúng liên quan đến toàn đất nước, nhất là đến giới lính chúng tôi.

Có hai việc, khi đó tôi coi là chúng chọc tức nội tâm và làm hại mình.

Ngay sau những tin thắng trận đầu tiên, một số tờ báo bắt đầu chậm chạp, và có lẽ số đông lúc đầu không nhận ra được, nhỏ vài giọt rượu Wermut (ngải đắng, ND) vào niềm hân hoan chung. Điều này diễn ra dưới vỏ bọc một ý tốt và hảo tâm nào đó, thậm chí một mối bận tâm nhất định. Người ta lo lắng về một sự thái quá trong các buổi lễ chiến thắng. Người ta sợ rằng điều đó, ở dạng này, không xứng đáng với một quốc gia lớn như vậy. Sự dũng cảm và khí phách anh hùng của người lính Đức lẽ ra là điều hoàn toàn dĩ nhiên đến mức không phải vì thế mà người ta bị cuốn hút vào những cách biểu hiện vui mừng bông bột thiếu suy nghĩ; ngay cả xuất phát từ góc độ nước ngoài, mà với họ, một dạng vui mừng lặng lẽ mà xứng đáng sẽ nói được nhiều hơn là la hét không kiểm chế, v.v... Cuối cùng với người Đức chúng ta, ngay giờ đây cũng chẳng nên quên là chiến tranh không phải là ý định của chúng ta và chúng ta cũng không phải hổ thẹn để nói thẳng thắn với tư cách người đàn ông rằng, bất cứ lúc nào chúng ta cũng sẵn sàng đóng góp phần mình vào sự hoà giải của nhân loại. Nhưng chính vậy, chẳng khôn ngoan khi làm vậy bản sự trong sạch của các hành động của quân đội qua tiếng la hét ầm ĩ, bởi lẽ thế giới còn lại sẽ ít thông cảm với một hành vi như thế. Chẳng có gì làm người ta trân trọng hơn là sự khiêm nhường mà với nó một vị anh hùng chân chính lặng lẽ và bình thản – quên đi, bởi lẽ tất cả mọi chuyện còn vươn xa hơn thế nữa.

Thay vì lẽ ra phải bút hai cái tai dài của một gã như thế ra mà buộc hẳn vào cột dài rồi kéo lên, để Tintenritter (nghĩa đen: hiệp sĩ mực, tạm dịch: “anh hùng rơm”, ND) không còn có thể lăng mạ cả cái dân tộc đang hành lễ bằng cảm xúc thẩm mỹ của mình, thì người ta lại thật sự bắt đầu tiến hành nhắc nhở về cái cách “không thích hợp” để hoan nghênh chiến thắng.

Người ta chẳng biết tí gì rằng một khi niềm hân hoan bị dập tắt, thì khi cần sẽ không còn đánh thức lại được nữa. Nó là một cơn say và phải tiếp tục

được giữ ở trạng thái này. Nhưng làm sao người ta có thể chẳng dùng quyền uy của sự gây phẫn kích mà thắng trong một cuộc đấu tranh, nếu lấy theo tiêu chuẩn con người, sẽ đặt ra những yêu cầu ghê gớm nhất về những tính chất tâm linh của cả dân tộc?

Tôi quá biết tâm lý quảng đại quần chúng để lại không biết rằng, ở đây người ta chẳng thể bằng cách nâng cao “thảm mỹ” để có thể giữ lửa cháy sao cho sắt luôn nóng. Trong mắt tôi người ta điên cả khi người ta chẳng hề làm gì cả để nâng cao ngọn lửa đam mê; nhưng chính cái đam mê may mắn đã có cũng dập đi, thì tôi chẳng thể hiểu nổi.

Điều thứ hai làm tôi bức là cái cách người ta cho là hay nếu tự đem mình đối chiếu với chủ nghĩa Mác. Trong mắt tôi qua đó người ta chỉ minh chứng rằng, người ta chẳng biết tí gì về căn bệnh dịch hạch này. Dù cho nghiêm túc nhất, người ta vẫn có vẻ muốn tin rằng, qua việc khẳng định không biết đến các đảng phái nữa, là đã đưa được chủ nghĩa Mác về tình ngộ và tự kiểm chế.

Nhưng sự việc ở đây hoàn toàn chẳng hề liên quan gì đến đảng, mà là cả một học thuyết tất phải dẫn đến sự huỷ diệt toàn thể nhân loại, thì người ta lại càng biết ít hơn nữa bởi lẽ dĩ nhiên ở các trường đại học đã bị Do Thái hoá chẳng thể nghe được về nó; mà lại còn quá nhiều người, đặc biệt là giới quan chức cao cấp chúng ta do cái tính kiêu ngạo ngu xuẩn đã được tập thành thói quen, không bao giờ thấy cần phải cầm lên tay một cuốn sách mà học cái điều vốn không nằm trong giáo trình trường đại học của mình. Chuyên biến mạnh nhất cũng hoàn toàn đi mất tâm khỏi những “cái đầu” này, vì vậy mà các cơ quan nhà nước cũng thường tụt hậu so với các đơn vị tư nhân. Với họ thì, lạy Chúa, đúng nhất là câu tục ngữ dân gian: Cái nhà nông không biết, hấn chẳng gấp.

Là điều ngu xuẩn chẳng gì sánh kịp khi vào những ngày tháng tám năm 1914 đồng nhất giai cấp công nhân Đức với chủ nghĩa Mác. Vào giờ phút đó thì người công nhân Đức đã tách được khỏi vòng tay ôm ấp của cái căn bệnh dịch thổ tả này, bởi lẽ nếu không thì anh ta đã chẳng thể bao giờ tham gia vào cuộc đấu tranh được. Nhưng người ta lại đủ ngu ngốc để nói rằng, có lẽ bây giờ chủ nghĩa Mác đã trở thành “mang tính quốc gia”; một ánh chớp ý tưởng mà nó chỉ loé lên để chứng tỏ rằng, trong những năm dài vừa qua, chẳng có một ai trong

cái đám lãnh đạo nhà nước mặc áo quan chức này chịu dù chỉ khó nhọc chút đỉnh để nghiên cứu bản chất cái học thuyết ấy, bởi nếu không thì một điều vô lý như vậy đã không xảy ra.

Chủ nghĩa Mác, mà mục tiêu cuối cùng của nó đang và vẫn sẽ là tiêu diệt tất cả mọi nhà nước không phải là Do Thái, đã phải hãi hùng thấy rằng vào những ngày tháng bảy năm 1914, giai cấp công nhân Đức vốn được nó ôm ấp trong vòng tay mình bỗng bừng tỉnh để càng ngày càng tiến nhanh hơn vào việc phục vụ tổ quốc. Chỉ trong vài ngày, toàn bộ cái tin lơ mờ và cả dối trá của cú lừa nhân dân dê tiện này tan biến, đám lãnh đạo người Do Thái bỗng đứng trơ ra đơn côi, cứ như chẳng còn bất cứ dấu tích gì của những điều ngớ ngẩn và điên khùng mà trong sáu mươi năm chúng đã tiêm nhiễm vào quần chúng. Đó là giờ phút nhục nhã cho những kẻ lừa dối giai cấp công nhân của dân tộc Đức. Nhưng một khi đám thủ lĩnh nhận thức ra mối nguy cơ đang đe dọa chúng, chúng nhanh chóng đeo ngay cái mặt nạ dối trá ra phía trước và hỗn hào đóng giả cuộc nổi dậy toàn quốc.

Nhưng giờ đã đến thời điểm tiến hành đấu tranh chống lại toàn bộ cái tập đoàn dối trá gồm những tên đầu độc nhân dân người Do Thái này. Giờ đây phải ngay lập tức xử chúng mà không thêm để ý dù chỉ chút đỉnh đến những tiếng kêu la khóc lóc. Tháng tám năm 1914, lời bịp bợm Do Thái về tình đoàn kết quốc tế tức thì biến mất khỏi khối óc giai cấp công nhân Đức, thay vào đó, chỉ vài tuần sau đạn cối Mỹ đã ào ào trút những lời ban phúc về tình anh em xuống đầu các đơn vị đang hành quân. Giờ đây người công nhân Đức đã lại tìm thấy con đường về với dân tộc và lẽ ra trách nhiệm của giới lãnh đạo nhà nước là phải luôn bận tâm, không thương tiếc diệt đến tận gốc cái lũ kích động dân tộc.

Khi những người con ưu tú nhất đổ máu trên chiến trường thì ít ra, ở hậu phương người ta cũng phải tiệt trừ lũ sâu bọ.

Nhưng thay vào đó, đích thân vị hoàng đế tối cao lại bắt tay những kẻ vốn phạm tội và qua đó lượng thứ cho những tên giết người xảo quyệt và dê tiện, kẻ thù quốc gia, và tạo cho chúng điều kiện lấy lại tinh thần.

Vậy là lũ rắn độc đó lại có thể tiếp tục làm việc, cản trở hơn trước kia, nhưng chính vì thế lại nguy hiểm hơn. Trong khi những người lương thiện mơ

về một cuộc tạm ngừng chiến thì lũ tội phạm bội thề lại đang tổ chức cuộc cách mạng.

Về nội tâm, tôi càng ngày càng bất bình hơn về việc khi đó người ta đi đến quyết định nửa vời đáng sợ này; nhưng việc cái kết cục của nó lại khủng khiếp đến thế, thì lúc đó tôi hoàn toàn chẳng ngờ được.

Nhưng người ta phải làm gì đây? Bắt giam lũ thủ lĩnh của toàn bộ phong trào, xét xử chúng để loại bỏ chúng ra khỏi quốc gia. Người ta phải nhấn tâm sử dụng toàn bộ phương tiện quân sự để triệt đến tận gốc cái bệnh dịch này. Phải giải tán các đảng phái, nên cần dùng vũ lực giải tán (nghị viện Đức, ND) để làm cho chúng thấy lẽ phải, tuy nhiên tốt nhất là bãi nhiệm ngay. Như ngày nay nền cộng hoà có thể giải tán các đảng phái, lẽ ra thời đó người ta càng phải có cái cơ để áp dụng biện pháp này. Khi đó vận mệnh sống còn của cả một dân tộc đang bị mang treo lên sợi tóc!

Dĩ nhiên còn có một vấn đề được đặt ra: Liệu người ta hoàn toàn có thể triệt đến tận gốc những lý tưởng chỉ bằng mũi gươm? Liệu người ta có thể dùng vũ lực thô thiển để triệt trừ các “thế giới quan”?

Thời đó tôi đã nhiều lần tự đặt cho mình câu hỏi đó.

Khi ngẫm lại hết những trường hợp tương tự, đặc biệt những cái dựa trên cơ sở tôn giáo thì từ lịch sử thu được những nhận thức sau:

Các quan niệm và ý tưởng, cũng như các phong trào với cơ sở tinh thần nhất định, dù chúng là đúng hay sai, sẽ có thể bị bẻ gãy bằng những phương thức quyền lực ngay từ một thời điểm nhất định trong bước phát triển của chúng, nếu như những vũ khí vật chất này đồng thời chính mình cũng là vật mang cho một ý nghĩ mới – mang tính châm ngòi, một ý tưởng hay một thế giới quan.

Việc chỉ dùng thuần vũ lực mà không động tới lực đẩy của một khái niệm tinh thần cơ bản làm điều kiện, sẽ chẳng bao giờ dẫn tới việc hủy diệt một ý tưởng và sự truyền bá nó, một sự triệt đến tận gốc cả vật mang cùng cái rơi rớt cuối cùng. Bởi lẽ theo kinh nghiệm, vật hiển sinh đó sẽ rơi vào thành phần tuyệt nhất của nhân dân, và chính là mỗi sự truy nã xảy ra mà chưa có điều kiện tinh thần ban đầu, đều phải coi là không công bằng về mặt đạo đức và những thành phần còn tuyệt hơn trong nhân dân sẽ đứng lên phản đối, nhưng điều này lại tác

động đến sự linh hội nội dung tinh thần của phong trào đang bị truy nã một cách bất công. Điều đó xảy ra ở nhiều người đơn giản từ cảm giác chống đối với nỗ lực đánh đổ một ý tưởng bằng vũ lực.

Nhưng qua đó số người ủng hộ từ nội tâm sẽ tăng cùng với mức độ gia tăng truy nã. Qua đó chỉ có thể tiến hành hủy diệt hoàn toàn một học thuyết mới bằng con đường triệt tận gốc rất lớn và ngày càng tăng, tới mức vì việc đó mà cuối cùng tất cả gì là thực sự tinh túy sẽ bị rút hết khỏi dân tộc hay nhà nước đó. Điều đó lại bị trả thù bằng cách là có thể xảy ra một cái gọi là thanh trừ từ “bên trong”, duy nhất bởi một sự bất lực chung. Nhưng ngay từ đầu, một quá trình như vậy luôn là vô ích, một khi học thuyết cần đánh đổ đã vượt quá một nhóm nhỏ nhất định.

Bởi vậy ngay ở đây, như với mọi sự tăng trưởng, thời gian đầu của tuổi ấu thơ còn có nhiều khả năng nhất để hủy diệt, trong khi với năm tháng, sức chống đối tăng lên để mãi khi tuổi già ập đến cùng sức khỏe suy giảm, thì lại phải nhường bước cho tuổi trẻ, dù cho ở dạng khác và vì những lý do khác.

Tuy nhiên hầu như mọi cố gắng triệt tận gốc một học thuyết và tác động tổ chức của nó bằng vũ lực mà không có cơ sở tinh thần, đều dẫn đến thất bại, thậm chí không hiếm khi kết thúc hoàn toàn ngược với điều mong muốn, vì những lý do sau:

Điều kiện đầu tiên cho cách chiến đấu trần trụi bằng vũ khí là, và vẫn luôn là, tính kiên định. Nghĩa là, nó nằm ở sự vận dụng đều đặn và liên tục các phương pháp để trấn áp một học thuyết hoặc khả năng hoàn thành một ý định. Nhưng chừng nào ở đây chỉ cần do dự chuyển đổi bạo lực với khoan hồng, thì không chỉ học thuyết cần trấn áp luôn lặp lại, mà thậm chí từ mỗi lần trấn áp nó tìm ra những giá trị mới để có khả năng, sau khi một đợt sóng áp lực như thế giảm đi thì sự căm giận về nỗi khổ nhục đã phải chịu đựng, góp thêm nhiều người cảm tình mới cho học thuyết, còn những người cũ sẽ ngoan cố và căm thù hơn lúc trước để gắn với nó, thậm chí những kẻ vốn đã phản bội và vương vãi tứ tung, nay sau khi nguy hiểm trôi qua lại cố gắng quay trở lại với lập trường cũ.

Duy chỉ có việc vận dụng luôn luôn đều đặn bạo lực mới là điều kiện đầu tiên cho thành công. Tuy nhiên tính kiên định này luôn chỉ là kết quả của một

niềm tin tinh thần nhất định. Bất cứ bạo lực nào không xuất phát từ một cơ sở tinh thần vững chắc, sẽ do dự và chậm chân. Nó thiếu tính ổn định, cái vốn chỉ có thể dựa trên một thể giới quan cuồng tín. Đó là lối thoát ra cho năng lượng tương ứng và quyết tâm đến tàn bạo của một cá nhân, nhưng tương ứng quy thuận là sự thay đổi về nhân cách, bản chất và sức mạnh.

Nhưng thêm vào đó còn có điểm khác:

Mỗi thể giới quan, dù nó là tôn giáo hay chính trị – đôi khi ở đó biên giới khó xác định – không tranh đấu vì sự huỷ diệt mang tính tiêu cực thể giới tư tưởng của kẻ thù, mà vì việc thực hiện mang tính tích cực thể giới tư tưởng của chính mình. Qua đó, cuộc đấu tranh của nó không phải là tự vệ mà là tấn công. Khi ấy, ngay ở việc xác định mục tiêu nó đã có ưu thế rồi, bởi vì mục tiêu này thể hiện sự thắng lợi tư tưởng của chính mình, trong khi ngược lại rất khó xác định, bao giờ thì có thể bảo đảm được phép coi mục tiêu tiêu cực huỷ diệt học thuyết của kẻ thù là đã đạt được. Ngay vì vậy mà cuộc tấn công của thể giới quan có kế hoạch hơn và cũng vĩ đại hơn là sự tự vệ nó; cũng hoàn toàn như vậy, quyết định là dành cho tấn công chứ không phải là tự vệ. Nhưng cuộc đấu tranh chống lại quyền lực tinh thần bằng các phương sách bạo lực vẫn còn chỉ là tự vệ, chừng nào mà chính lưỡi gươm chưa xuất hiện như là người mang, người thông báo và người tuyên truyền cho một học thuyết tinh thần mới.

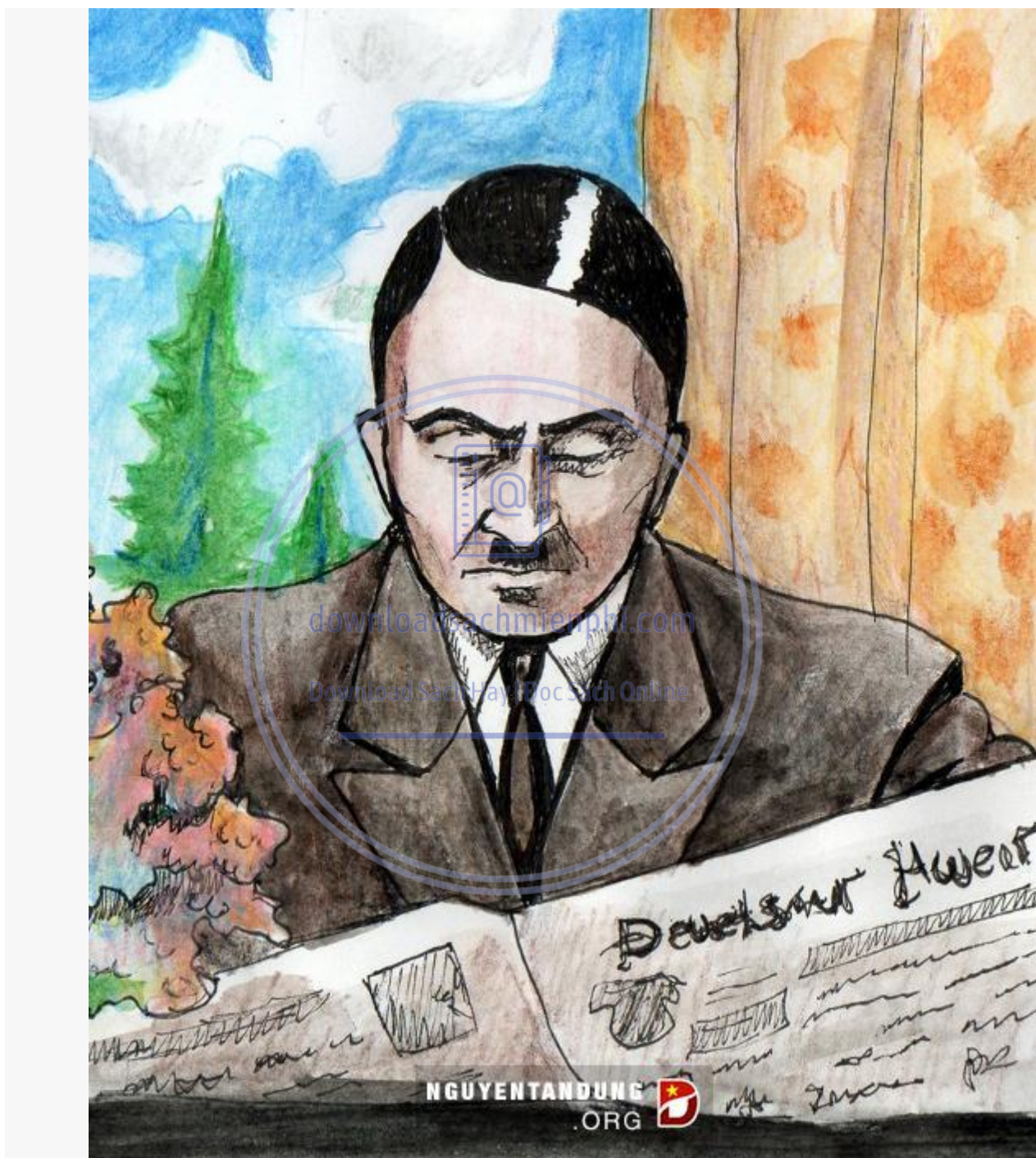
Vậy ta có thể tóm tắt lại như sau:

Mỗi nỗ lực đấu tranh nhằm tiêu diệt một thể giới quan bằng các phương tiện quyền lực cuối cùng sẽ thất bại, chừng nào cuộc đấu tranh không có cái dạng của cuộc tấn công vì một quan điểm tinh thần mới. Chỉ trong cuộc vật lộn giữa hai thể giới quan với nhau thì vũ khí của quyền lực bạo tàn, được vận dụng một cách kiên định và nhẫn tâm, mới có thể dẫn tới quyết định cho phía mà nó hỗ trợ.

Tuy nhiên cho đến nay chính ở việc đó, cuộc đấu tranh nhằm tiêu diệt chủ nghĩa Mác còn luôn luôn thất bại.

Đó là nguyên nhân vì sao việc ban hành đạo luật của những người xã hội của Bismarck cuối cùng dù sao cũng thất bại; và nhất định phải thất bại. Nó thiếu cơ sở cho một thể giới quan mới mà lẽ ra vì sự vươn lên của nó đã có thể tiến hành cuộc đấu tranh. Bởi lẽ chỉ có sự thông thái điển hình của những quan

chức cao cấp cấp bộ mới dám nói được rằng, câu chuyện vớ vẩn về cái gọi là “uy quyền nhà nước” hay “yên bình và trật tự” lẽ ra đã là nền tảng thích hợp cho bước khởi động tinh thần cuộc đấu tranh một mất một còn.



Adolf Hitler.

Nhưng vì thiếu một vật mang tinh thần thật sự cho cuộc đấu tranh này nên Bismarck cũng phải trao việc thực thi sự ban hành đạo luật của những người xã hội cho sự mong muốn và đánh giá của cái thể chế mà chính nó vốn đã

là chôn sinh ra cái quái thai là nếp tư duy mác xít. Bằng cách trao vận mệnh cuộc chiến của ông với những người mác xít cho thiện ý của nền dân chủ tư sản, vị Thủ tướng thép đã biến con cừu thành người chăn cừu.

Nhưng tất cả những điều đó lại chỉ là hệ quả tất yếu của sự thiếu hụt một thể giới quan mới cơ bản, đối kháng với chủ nghĩa Mác, có ý chí chiếm đoạt mạnh mẽ.

Bởi vậy kết quả cuộc đấu tranh của Bismarck chỉ là một sự thất vọng ê chề.

Thế nhưng các điều kiện trong thế chiến hay lúc khởi đầu thế chiến có khác chăng? Đáng tiếc là không.

Khi ấy, tôi càng để tâm đến suy nghĩ về cần phải thay đổi lập trường của lãnh đạo nhà nước đối với nền dân chủ xã hội ở tư cách là biểu hiện đương thời của chủ nghĩa Mác thì tôi càng nhận thức ra được sự thiếu hụt một cái thay thế khả dĩ cho học thuyết này. Người ta muốn cho quần chúng cái gì, nếu giả dụ, nền xã hội dân chủ đổ vỡ? Chẳng sẵn có một phong trào mà ở đó người ta có thể mong chờ rằng nó sẽ thành công trong việc lôi kéo về mình đám đông những người công nhân ít nhiều đã trở nên không có thủ lĩnh. Là điều vô lý và hơn nữa là ngu xuẩn khi nói rằng kẻ cuồng tín quốc tế một khi đã rời bỏ đảng giai cấp bây giờ sẽ ngay lập tức gia nhập một đảng tư sản, nghĩa là một tổ chức giai cấp mới. Bởi lẽ dù cho điều đó có gây khó chịu đến mấy cho các tổ chức khác nhau, thì vẫn chẳng thể phủ nhận rằng với các chính trị gia tư sản thì sự phân giai cấp đa phần là hiển nhiên chừng nào về mặt chính trị nó không bắt đầu tác động xấu cho họ.

P phủ nhận sự kiện này chỉ minh chứng không chỉ thói hỗn xược, mà cả sự ngu dốt của những kẻ dối trá.

Người ta nên tránh xem quảng đại quần chúng ngu hơn là nó vốn vậy. Trong các vấn đề chính trị, không hiếm khi tình cảm quyết định đúng hơn là lý trí. Tuy nhiên ý kiến cho rằng, với sự không đúng của tình cảm này của quần chúng thì quan điểm quốc tế ngu dốt của nó đủ tương ứng, lại có thể ngay lập tức phản bác tận gốc bởi dẫn chứng đơn giản là nền dân chủ theo chủ nghĩa hoà bình cũng chẳng hề ít điên khùng hơn, mà người mang nó lại hầu như hoàn toàn xuất phát từ phe tư sản. Chừng nào còn có hàng triệu công dân mỗi sáng lại kính

cần tôn thờ thờ báo dân chủ Do Thái của họ thì các quý ông rất khó đàm tiếu về sự ngu ngốc của người “đồng chí”, người này rồi cuối cùng cũng chỉ xoi món phân hệt như vậy, dù được trình bày khác đi. Trong cả hai trường hợp thì người sản xuất vẫn luôn chỉ duy nhất là một kẻ Do Thái.

Vậy là người ta rất nên tránh phủ nhận những điều mà chúng vốn là vậy. Sự kiện là ở vấn đề giai cấp, nó hoàn toàn không chỉ xoay quanh các vấn đề thuộc tư tưởng như người ta đặc biệt trước các cuộc bầu cử vẫn thường hay muốn khai tỏ, chẳng thể phủ nhận được. Tính kiêu ngạo về thứ bậc của một bộ phận lớn nhân dân chúng ta, cũng như trước hết sự coi thường người lao động chân tay, là một hiện tượng chẳng hề xuất phát từ óc tưởng tượng của một kẻ mắc tật nghiện mặt trăng.

Nhưng thấy rõ rằng, dù hoàn toàn bỏ qua cái khả năng tư duy lùn của cái gọi là trí thức của chúng ta, khi chính ở trong những giới này người ta không hiểu là một tình huống mà nó không đủ can sự lan truyền căn bệnh dịch hạch mà chủ nghĩa Mác vốn là vậy, thì ngày nay càng không có khả năng lấy lại cái gì đã đánh mất.

Các đảng “tư sản”, như họ tự gọi mình như vậy, sẽ chẳng bao giờ nữa đủ khả năng để kéo quần chúng “vô sản” về phe mình, bởi lẽ ở đây có hai thế giới đối diện nhau, một phần bị chia cắt tự nhiên, phần kia nhân tạo, mà trạng huống ứng xử lẫn nhau của chúng chỉ có thể là cuộc đấu tranh mà thôi. Nhưng ở đây phần thắng phải thuộc kẻ trẻ hơn – và đó là chủ nghĩa Mác.

Thực ra từ năm 1914 đã có thể nghĩ tới một cuộc đấu tranh chống lại nền xã hội dân chủ, duy chi, có thể duy trì cái trạng thái này với sự thiếu hụt bất cứ một sự thể chân thực tế nào, có thể là đáng ngờ.

Ở đây đang có một lỗ hổng lớn.

Tôi có ý kiến này từ rất lâu trước chiến tranh và bởi vậy cũng chẳng quyết định được trước việc nhích gần đến một trong những đảng đang tồn tại. Trong tiến trình các sự kiện ủa cuộc thế chiến, tôi còn được củng cố thêm ý kiến này thông qua điều rõ ràng bất khả thi là, chính vì thiếu một phong trào như thế mà nó phải hơn là một đảng “nghị viện”, nhấn tâm tiến hành cuộc đấu tranh chống lại nền xã hội dân chủ.

Tôi thẳng thắn nói hết về những điều đó với các người bạn gần gũi tôi.

Rút cục, bây giờ những ý nghĩ cũng đến với tôi lần đầu tiên, sau này sẽ có lúc nào đó đi làm chính trị.

Nhưng chính điều này lại là nguyên cơ để tôi luôn khẳng định ở nhóm nhỏ các bạn tôi rằng sau chiến tranh tôi muốn làm nhà diễn thuyết nghiệp dư.

Tôi tin là với tôi, điều đó rất nghiêm túc.

CHƯƠNG 6: TUYÊN TRUYỀN CHIẾN TRANH

Chăm chú theo dõi mọi diễn biến chính trị bao giờ tôi cũng để tâm đến hoạt động tuyên truyền vì thấy nó hết sức hấp dẫn. Thấy nó chính tà cái công cụ, với tài khôn khéo bậc thầy, đã nắm được rất chắc các tổ chức xã hội mác xít và lôi kéo được các tổ chức ấy hành động hoạt dụng. Tôi sớm nhận ra rằng sử dụng tuyên truyền cho chuẩn xác thực sự là một nghệ thuật, bấy lâu nay các đảng tư sản gần như không biết, vẫn chưa biết. Chỉ có mỗi phong trào xã hội Thiên chúa giáo, đặc biệt thời Lueger, là còn đưa được thứ công cụ này lên mức ít nhiều nhuần nhuyễn và sở dĩ đã thành công nhiều cũng chính là nhờ có nó.

Song vẫn phải mãi đến thời chiến mới thấy, làm tuyên truyền đúng đắn thì kết quả ghê gớm như thế nào. Tiếc rằng lại đã phải học đối phương tât tậ, vì bên ta hoạt động ấy vẫn quá ư khiêm nhường. Người lính nào cũng thấy bên phía Đức hoàn toàn không có chuyện giải thích, tuyên truyền; thế là đã đủ khiến tôi càng đi sâu hơn vào vấn đề tuyên truyền.



Tuyên truyền chiến tranh (Ảnh minh họa).

Thời gian để ngâm nghĩ lắm khi quá thừa, tiếc là lại phải học thực hành ở đối phương mà họ dạy tốt quá.

Những gì bên ta buông trôi thì họ lại biết kịp thời nắm bắt, khôn khéo đến vô cùng mà tính toán cũng thực sự điêu luyện. Ở cách họ làm tuyên truyền chiến tranh học mãi vẫn chẳng hết. Thế mà bên ta có những cái đầu, lẽ ra đã phải học từ lâu mà cứ để mặc thời gian phí hoài qua đi, phần vì cho là mình khỏi cần học ai và cũng có phần không thật tình muốn học.

Bên ta có tuyên truyền không?

Tiếc rằng tôi chỉ có thể trả lời là không. Tất cả những gì đã được làm theo chiều hướng này ngay từ buổi ban đầu đã không đủ, đã sai, cho nên chẳng lợi lộc gì mà đôi khi lại có hại.

Bất cập về hình thái, sai về bản chất, nếu để ý rà soát lại cách người Đức tuyên truyền chiến tranh thì kết quả là thế.

Ngay về vấn đề đầu tiên, tôi đã thấy không rõ: tuyên truyền là phương tiện hay là mục tiêu?

Nó là phương tiện, nên phải đánh giá nó dưới quan điểm của mục tiêu. Hình thái của nó là một thứ hỗ trợ cho mục đích mà nó phục vụ, vậy tất phải phù hợp với mục đích. Cũng rõ là ý nghĩa của mục đích có thể là một ý nghĩa khác nhìn từ góc độ của nhu cầu chung, mà như thế thì tuyên truyền trong cái giá trị nội tại của nó phải khác đi. Trong chiến tranh vốn mục đích chiến đấu là cái cao quý nhất và dữ dội nhất khiến con người phải ngẫm nghĩ: nó là tự do, độc lập của toàn dân, là an ninh lương thực cho tương lai, là danh dự của dân tộc. Mặc ai nói ngược nói xuôi, nó là cái gì đó hiện đang có hay là còn phải tốt hơn thế nữa. Vì dân tộc mất danh dự tất trước sau gì cũng mất tự do, độc lập; cũng là ứng với lẽ phải ở một cấp độ còn cao hơn nữa: đời đời chịu rách rưới, ô danh thì xứng đáng hưởng tự do sao được. Chịu làm nô lệ uơ hèn tất là không có, mà cũng không thể có danh dự; danh dự bị tiêu ma nhanh lắm, chớp mắt đã không còn có ai tôn trọng mình.

Dân tộc Đức chiến đấu để tồn tại, ủng hộ chiến đấu là mục tiêu của tuyên truyền, hỗ trợ mục đích là chiến thắng.

Song khi mà các dân tộc trên hành tinh này đã đứng lên chiến đấu vì cuộc sống của chính mình, tức thì nổi lên vấn đề số phận, tồn tại hay không tồn tại. Khi ấy không thể còn có những chuyện cân nhắc vì nhân đạo, vì mỹ học, bởi tất cả các quan niệm ấy đều phải lơ lửng sẵn trong không gian mà chỉ do con người huyền tưởng mới có và chỉ gắn với con người. Con người già từ thế giới thì các khái niệm nó cũng đi vào hư không bởi chúng không phải là của tự nhiên. Mà giữa người với người thì cũng chỉ là nội trong đôi ba dân tộc hoặc nói cho đúng hơn, chủng tộc vì xuất xứ từ cùng một cảm xúc. Nhân đạo, mỹ học thậm chí rồi cũng mất theo, khi những tộc người vốn từng sinh ra nó và mang nó trong mình không còn tồn tại nữa.

Thế thì trong cuộc chiến của một dân tộc để còn tồn tại trên thế giới này tất cả các khái niệm ấy làm gì còn có ý nghĩa quyết định; sẽ hoàn toàn không còn quyết định được các hình thái của cuộc chiến nữa nếu như vì chúng mà sức mạnh tự bảo tồn của dân tộc bị tê liệt đi. Mà cũng chỉ thấy duy nhất cái kết quả ấy.

Về vấn đề nhân đạo, Moltke (1800-1891, nguyên soái Phổ, 1866 thắng Áo quốc, 1857/88 thắng Pháp, người tạo cơ sở cho việc chỉ huy những đoàn

quân lớn hiện đại, lấy chiến lược tấn công làm chủ đạo, ND) đã nói rằng trong chiến tranh còn tuý ở độ lâu mau của chiến sự, nghĩa là tương ứng với phương thức chiến đấu nghiệt ngã nhất.

Nếu trong những chuyện ấy lại cứ tìm cách mà nhích lên với mớ bong bong mỹ học thì thực sự chỉ có mỗi một câu trả lời: không có bất kỳ nghĩa vụ mỹ học nào ở các vấn đề hệ trọng như đấu tranh để sống còn. Ách nô lệ xưa nay vốn là và vẫn là cái xấu xa nhất trong đời người. Hay lũ người Schvvaben (vùng đất nông nghiệp ở Tây Nam Bavaria giữa các con sông Iller và Lech – là các nhánh sông Danuýp; thủ đô là Augsburg với công nghiệp chế tạo máy và công nghiệp dệt, ND) ngây ngô đần độn kia lại cứ thấy số phận của dân tộc Đức hiện nay là “đẹp”. Với đám Do Thái, với tư cách kẻ phát minh ra thứ mùi vị văn hoá ấy thì thực sự chẳng cần bàn làm gì. Sự tồn tại của họ vốn phải chăng là sự phản kháng đến thành máu thịt chống lại mỹ học ở chính hình ảnh của Chúa.

Nếu các quan điểm nhân đạo và mỹ học không còn đất đứng chân trong chiến đấu, tất không thể dùng làm thước đo cho tuyên truyền được nữa.

Tuyên truyền là một phương tiện để nhắm đến mục tiêu trong chiến tranh, mà chiến tranh lại là cuộc đấu tranh vì sự sống còn của dân tộc Đức, thế thì chỉ có thể từ đó mà suy ra các nguyên tắc cơ bản phải có! Đến khi ấy, nếu đem được chiến thắng đến sớm hơn thì những thứ vũ khí man rợ nhất vẫn cứ là nhân đạo, và đẹp thì chỉ có những phương sách nào hỗ trợ giữ được phẩm giá của tự do cho dân tộc.

Đó là lập trường duy nhất có thể có lúc tuyên truyền chiến tranh trong cuộc chiến sống còn.

Một khi những điểm gọi là thước đo như thế đã rõ thì không còn có thể bấp bênh lúc dùng đến nó và hình thái của nó – vì nó cũng chỉ là một thứ vũ khí, thậm chí một thứ thực sự khủng khiếp trong tay người biết dùng.

Vấn đề thứ hai có ý nghĩa cũng quyết định là: Tuyên truyền cho ai? Cho giới trí thức có học hay là đám quần chúng ít học? Bao giờ tuyên truyền cũng hướng vào quần chúng!

Với trí thức hoặc giả với những người, hỡi ôi, lâu nay vẫn tự nhận là trí thức, chẳng có vấn đề tuyên truyền mà phải là thuyết giảng khoa học. Song tuyên truyền lại quá ít khoa học trong nội dung, về cách thể hiện nó đại khái chỉ

là thứ nghệ thuật áp phích. Nghệ thuật trên áp phích tùy khả năng của người thiết kế, lưu ý nội dung bằng hình thức và màu sắc. Áp phích triển lãm nghệ thuật chỉ lưu ý người xem đến nghệ thuật triển lãm, càng thành công thì áp phích càng có tính nghệ thuật cao. Áp phích còn phải gợi ra cho người xem tự hình dung lấy ý nghĩa của triển lãm, tuyệt nhiên không thể thay thế được nghệ thuật triển lãm. Ai quan tâm đến nghệ thuật thì phải xem áp phích cho kỹ hơn, những người này tuyệt nhiên không chỉ xem lướt qua triển lãm được. Xem thật kỹ, đắm mình vào từng tác phẩm thế rồi dần dần tự đánh giá lấy.

Tình trạng cũng tương tự ở những vấn đề mà ngày nay ta vẫn gọi là tuyên truyền.

Nhiệm vụ của tuyên truyền không phải là để đào tạo từng người về mặt khoa học, mà chỉ ra cho quần chúng thấy những thực tế, quá trình, tất yếu v.v... nào đó, mà chỉ qua đó rồi ý nghĩa sẽ phải lọt dần vào tầm ngắm của số đông.

Nghệ thuật chỉ nằm ở chỗ ưu tiên làm cách nào để rồi sẽ thành một tín hiệu chung là thực tế ấy có thật, quá trình ấy là tất yếu, tất yếu ấy là đương nhiên v.v... Vì tự thân nó lại không phải và cũng không có thể là tất yếu, vì nhiệm vụ của nó hết như của áp phích là phải lôi kéo được sự chú ý của đám đông, chứ không phải là thuyết giảng khoa học cho người còn ít hiểu biết hoặc đang ham học hỏi để hiểu biết, nên tác động của nó nhiều phần phải nhằm vào cảm xúc là chính và chỉ hướng vào cái gọi là hiểu biết rất hãn hữu.

Tuyên truyền gì thì cũng phải dân dã, phải điều chỉnh mức độ trí tuệ sao cho vừa khớp với khả năng tiếp thu của kẻ đầu óc hạn hẹp nhất trong số người mà tuyên truyền hướng tới. Như vậy quần chúng định nhằm vào càng đông thì phải đặt mức trí tuệ thuần túy càng thấp. Nhưng khi tuyên truyền muốn đứng vững được trong một cuộc chiến mà vấn đề là phải tác động vào cả một dân tộc thì cho dù có thận trọng, cố gắng tránh, không quá ư trí tuệ đến mấy đi nữa thì vẫn cứ là chưa đủ.

Phần khoa học tải thừa càng khiêm tốn, càng để tâm đến và chỉ để tâm đến cảm xúc của quần chúng thì thành công càng thêm thấu suốt. Mà đó lại chính là minh chứng cho tính đúng đắn hay là không đúng đắn, chứ không phải cho sự thể là đã thoả mãn được đôi ba học giả hoặc dăm bảy chàng trai vẫn ham hồ mỹ học.

Nghệ thuật của tuyên truyền chính là ở chỗ nắm được thế giới quan theo xúc cảm của đám đông, biết tìm ra con đường có hình thái tâm lý đúng để giành lấy sự quan tâm rồi giành lấy trái tim của quần chúng. Thế mà có những vị chính lần thông thái của chúng ta lại chẳng hiểu, chỉ chứng tỏ hoặc họ lười suy nghĩ, hoặc họ tự huyễn quá nông cạn.

Hiểu được tất yếu phải hướng nghệ thuật thu hút của tuyên truyền rồi, thì từ cái hiểu biết ấy mà có bài học sau:

Là sai nếu định gán cho tuyên truyền cái đa dạng, ví dụ của giảng dạy khoa học.

Khả năng tiếp thu của đám đông hạn chế lắm, hiểu đã ít mà lại quên nhiều. Suy từ thực tế đó ra, muốn hiệu quả thì phải giới hạn bớt đi, thu về chỉ rất ít điểm, diễn đạt xúc tích mà dễ hiểu, sao cho người cuối cùng cũng có thể qua đó hình dung ra điều định nói. Nếu lại hy sinh cái nguyên tắc cơ bản ấy vì muốn cho phong phú, thì tác động sẽ rã ra từng mảng rời rạc, bởi lẽ với lượng ấy nội dung sẽ hoặc là khó tiêu hoặc là khó nhớ. Như vậy kết quả đạt được giảm dần đi và cuối cùng sẽ triệt tiêu.

Nội dung phải thể hiện càng nhiều thì xét tâm lý càng phải chọn chiến thuật cho đúng.

Chẳng hạn, bêu riếu đối thủ như trong các chuyện cười trước hết của người Áo quốc, người Đức dứt khoát là sai. Bởi lẽ đến lúc người ta gặp được đối thủ tức thì có ngay một ấn tượng khác, rồi hệ lụy thật khôn lường. Trước áp lực chống trả trực tiếp của đối thủ, đến lượt nhà nước tự thấy, thì ra lâu nay chính mình bị lừa bởi những kẻ nói năng đại dốt kia và như vậy thay vì củng cố được ý chí hoặc chí sức bền bỉ chiến đấu thôi, thì tác dụng lại ngược lại. Người ta đã mất lòng tin.

Đổi lại, phía người Anh, người Mỹ lại đã có một phương sách tuyên truyền chiến tranh rất đúng đắn về mặt tâm lý. Họ để cho dân tộc họ hình dung ra người Đức như thể những kẻ man rợ, chuộng điên cuồng phá phách; họ chuẩn bị trước cho binh sĩ quen dần với những điều khủng khiếp của chiến tranh để sau này khỏi thất vọng. Đến khi người lính phải đối mặt với thứ vũ khí khủng khiếp nhất, anh ta sẽ chỉ thấy là điều chính phủ đã nói bây giờ được xác nhận, anh ta càng tin ở những gì chính phủ nói là đúng và càng căm thù kẻ địch.

Tác động tàn bạo của vũ khí đến từ phía địch, anh ta thấy chính là mình chứng cho thói man rợ “điên cuồng phá phách” của kẻ thù tàn độc như đã từng nghe nói và không khỏi thoáng có lúc tiếc, đáng ra thì vũ khí của mình có thể, thậm chí phải tác động còn khủng khiếp hơn thế.

Người lính Anh không cảm thấy bị phía nhà mình lừa dối. Người lính Đức, tiếc thay, ngược lại, cuối cùng anh ta thấy chối, thì ra tất cả những gì được nghe từ phía bên mình lại toàn là trò lên gân, bịp bợm. Và hệ lụy là cứ ngỡ tuyên truyền kiểu ấy thì rồi sẽ lừa được cả con lừa ít đàn độn nhất (hay là con người ít bất thường nhất), mà không hề biết rằng chỉ đến nhà tâm lý học tài ba nhất vào cái việc ấy cũng vẫn còn gặp khó khăn nữa là.

Tức thị, vì hoàn toàn thiếu hiểu biết đúng đắn tâm lý học mà kiểu tuyên truyền chiến tranh của người Đức đã thành một ví dụ có một không hai về “giải thích” vận động để dẫn đến các tác động thực sự nghịch chiều.

Ai chịu mở to mắt nhìn, và cảm xúc cũng chưa bị vôi hoá đến đổi chẳng còn nghiền ngẫm được, thì hẳn là suốt bốn năm rưỡi trời nghe đối phương ào ạt tuyên truyền đã thấy có rất nhiều điều để học.

Tôi tề nhất chính là cách hiểu tiên đề tiên quyết của hoạt động tuyên truyền, cụ thể là lập trường nguyên tắc chủ quan, một chiều trước từng vấn đề mà nó phải xử lý. Sai trên lĩnh vực này ngay từ đầu cuộc chiến tranh, sai suốt từ trên xuống dưới, nên người ta có quyền nghi ngờ, liệu có đúng chỉ vì dốt nát mà làm điều vô lý đến thế chẳng.

Nói gì đây về một tấm áp phích chẳng hạn, đáng lẽ phải đề cao một nhân xa phòng, thì lại cũng bảo các nhân khác “tốt”?

Chỉ còn có thể lắc đầu ngao ngán.

Quảng cáo chính trị cũng hết vậy thôi.

Nhiệm vụ của tuyên truyền chẳng hạn không phải là so đo cân nhắc những thứ quyền khác nhau, mà là nhấn mạnh chỉ một thứ quyền mà nó phải đại diện. Không có nhiệm vụ khách quan khảo sát ngay cả chân lý, khi thấy lại thuận cho những người khác, để rồi giáo điều thành thật đưa ra trước quần chúng, mà phải không ngừng nghỉ phục vụ cho chính cái của mình.

Tìm hiểu nguyên nhân sâu xa của chiến tranh, chính là sai tận gốc nếu lại đi từ quan điểm cho rằng không thể chỉ buộc tội một mình nước Đức đã gây

thảm họa, mà đúng hơn, phải đổ tất cả trách nhiệm cho đối thủ, cho dù không đúng thế, mà thực tình thì diễn biến chính là như thế.

Hệ luy của sự nửa vời này ra sao?

Quảng đại quân chúng nhân dân đâu phải chỉ rặt các nhà ngoại giao, các học giả về luật pháp nhà nước, những bậc trí giả biết đường phân xử cả mà lại chính là những đứa trẻ thiên về dao động hay hoài nghi, thiếu vững vàng. Nếu như do tuyên truyền của mình mà chỉ lấp lánh một chút thôi cái lý cũng được phía bên kia thừa nhận, thì đã có cơ sở để mà nghi ngờ cái lý của mình. Quân chúng không thể phân định được cái phi lý của phía bên kia đến đâu thì hết để cho cái lý của mình bắt đầu. Ở trường hợp này họ đâm ra bấp bênh chẳng tin, nhất là nếu như đối phương không làm cũng cái điều ngốc nghếch ấy, mà họ lại chắt hết mọi tội lỗi lên đầu đối thủ. Còn gì dễ hiểu hơn, thế rồi cuối cùng dân mình lại tin ở tuyên truyền của địch hơn là của ta, bởi lẽ nó chặt chẽ hơn, nhất quán hơn. Lại là ở một dân tộc vốn xưa nay vẫn chuộng đến mức gần như nghiệm khách quan như dân tộc Đức! Bởi ở nơi đó bây giờ ai ai cũng cố tìm cách chỉ để đừng có bất công với địch, cho dù dân tộc mình và nhà nước mình có bị cáo buộc cực nặng, có bị đe dọa bởi nguy cơ huỷ diệt.



Tìm hiểu nguyên nhân sâu xa của chiến tranh, chính là sai tận gốc nếu lại đi từ quan điểm cho rằng không thể chỉ buộc tội một mình nước Đức đã gây thảm hoạ...

Quần chúng chẳng hề biết là những người cầm cân nảy mực lẽ đương nhiên đâu có nghĩ thế.

Tuyệt đại đa số nhân dân vì đã được sắp đặt, điều chỉnh nên “đàn bà” đến nỗi từ tư duy đến hành động ít theo dẫn dắt suy ngẫm mà theo cảm nhận, cảm tính nhiều hơn.

Mà cảm nhận không phức tạp, rất đơn giản, rất nhất quán, không nhiều biệt hoá, chỉ có tích cực hay tiêu cực, yêu hay ghét, có lý hay phi lý, sự thật hay dối trá. Không bao giờ có nửa thế này nửa thế kia, hoặc phần nào, v.v...

Tuyên truyền của người Anh đặc biệt quan tâm đến và cũng đã nắm được tất cả những điều đó một cách thực sự điêu luyện. Thực sự không có chuyện nửa vời gây nghi ngờ.

Dấu hiệu của sự tinh thông về tính nguyên thủy trong cảm nhận của quần chúng nằm ngay ở cái cách tuyên truyền kích động hợp với tình trạng ấy – không dẫn dắt mà cũng thật tài tình, nhằm tạo tiền đề để giữ vững tinh thần trên trận tuyến, ngay cả những khi bị thua đau. Và còn ở cách đóng đánh kẻ thù Đức như là kẻ duy nhất có tội gây chiến: một điều dối trá mà cách đưa đã đơn phương, vô điều kiện, trắng tráo, ngạo mạn lại đã tính đến cả thiên hướng cảm tính và luôn luôn quá khích của đám đông nên cũng đã chiếm được lòng tin.

Cái cách tuyên truyền này hiệu quả đến đâu thì sự kiện cho thấy hiển hiện nhất là sau bốn năm, nó không chỉ có thể tác động được để kẻ thù nghiêm ngặt giữ đến cùng, mà thậm chí còn bắt đầu gặm nhấm cả vào chính nhân dân chúng ta.

Việc tuyên truyền của chúng ta không đạt được thành công này chẳng làm ai thực của ngạc nhiên. Nó đã chứa mầm mống cho tính không hiệu quả ngay từ tính mang hai nghĩa trong nội tâm của mình. Cuối cùng thì ngay từ nội dung của mình, ít xác suất là nó sẽ gây được ấn tượng cần thiết ở quần chúng. Chỉ có các “vị lãnh đạo nhà nước” đâu bả đậu của chúng ta mới dám hy vọng rằng, với loại nước rửa bát nặng mùi của những người theo chủ nghĩa hoà bình, nó thành công trong việc mê hoặc người ta đi đến cửa tử.

Bởi vậy, cái sản phẩm tồi tệ này là vô dụng, thậm chí có hại. Nhưng tất cả cái thiên tài của bộ cục tuyên truyền sẽ chẳng dẫn đến một thành công nào, nếu như không luôn đặc biệt lưu ý tới một nguyên tắc cơ bản. Đó là giới hạn về ít nhất và lặp lại điều đó mãi mãi. Ở đây tính kiên trì cũng như với biết bao thứ khác trên thế gian này là điều kiện đầu tiên và cũng quan trọng nhất dẫn đến thành công.

Chính trong lĩnh vực tuyên truyền này không bao giờ người ta được để cho lũ duy mỹ học hay kẻ khoe khoang dần dật: không ở lũ đầu, bởi vì nếu không thì nội dung về hình dáng và sức thể hiện trong thời gian ngắn nhất sẽ chỉ tập trung phát triển sức hút cho các hội trà đạo văn chương, chứ không thích hợp với quần chúng; còn ở lũ thứ hai người ta phải lo lắng giữ gìn, bởi lẽ do chúng thiếu cảm xúc cá nhân tươi mát nên luôn đi tìm những kích thích mới lạ. Với loại người này chỉ sau thời gian ngắn mọi thứ đều trở nên chán ngấy; họ mong thay đổi và không bao giờ hiểu cách đi vào những nhu cầu của thế giới xung quanh mà họ chưa thuộc kỹ hay thậm chí lĩnh hội chúng. Họ luôn là những nhà phê bình đầu tiên cho tuyên truyền hay đúng hơn là về nội dung của nó, mà với họ thì cái này tỏ ra quá cổ kính, quá nhàm chán, rồi thì lại quá lỗi thời. Họ luôn muốn cái mới, đi tìm sự phong phú đa dạng và qua đó trở thành những kẻ tử thù thực sự của bất cứ phép chinh phục chính trị quần chúng hiệu quả nào. Bởi lẽ một khi việc tổ chức và nội dung sự tuyên truyền bắt đầu hướng vào các nhu cầu của nó, thì chúng đánh mất ngay mọi sự đoàn kết nhất trí và thay vì thế, hoàn toàn tan rã.

Tuy nhiên tuyên truyền chẳng nhằm mục đích liên tục cung cấp cho các quý ông kiêu ngạo những thay đổi thú vị mà là thuyết phục, cụ thể là thuyết phục quần chúng. Nhưng với sự trì độn của mình thì quần chúng lại luôn cần một thời gian nhất định, ngay khi chỉ để sẵn sàng chú ý đến một việc gì, và chỉ sau hàng ngàn lần lặp lại các khái niệm đơn giản nhất, cuối cùng chúng mới dành bộ nhớ của mình cho nó.

Mỗi sự thay đổi không bao giờ được phép làm biến đổi nội dung của cái mà qua tuyên truyền muốn mang đến và phải luôn nói ra cùng điều đó khi đến kết. Vậy chắc phải rọi sáng từ thường dùng từ các phía khác nhau, duy chỉ mỗi khi lặp lại thì hồi kết của mỗi lần quan sát lại phải nằm ở chính từ thường dùng

đó. Chỉ có vậy thì tuyên truyền mới có thể và sẽ tác động được bằng một cách đồng bộ và nhất trí.

Chỉ với cái đường nét lớn này, mà ta không bao giờ được phép rời xa, cho phép cái thành công cuối cùng chín muồi, khi luôn nhấn mạnh đều đặn và bền bỉ. Rồi người ta sẽ có thể kinh ngạc mà xác định rằng, một tính kiên trì như thế sẽ dẫn đến những kết quả vĩ đại đến mức nào, hầu như chẳng hiểu được vì sao.

Mỗi sự quảng cáo, dù đó thuộc lĩnh vực thương mại hay chính trị, chỉ mang lại thành công khi vận dụng nó lâu dài và với tính thống nhất hài hoà.

Ngay ở đây thì ví dụ về tuyên truyền chiến tranh của kẻ thù cũng là tấm gương: giới hạn về một số ít những giác độ, tính toán hoàn toàn cho quân chúng, được theo đuổi bằng tính kiên định chẳng hề biết mệt mỏi. Trong toàn bộ cuộc chiến tranh chỉ dùng những ý tưởng cơ bản và dạng thực thi một khi đã được nhận ra là đúng, mà không bao giờ tiến hành một sự thay đổi dù chỉ là nhỏ nhất. Lúc đầu nó có vẻ điên rồ trong những lời khẳng định hỗn hào của mình, sau đó là khó chịu nhưng cuối cùng lại được tin. Sau bốn năm rưỡi ở Đức nổ ra một cuộc cách mạng mà những từ thường dùng của nó xuất phát từ tuyên truyền chiến tranh của kẻ thù. downloadsachmienphi.com

Nhưng ở Anh người ta còn lĩnh hội cái này: đó chính là với thứ vũ khí tinh thần này thì thành công có thể đạt được sẽ chỉ thấy vận dụng cho quân chúng, nhưng thành công lại sẽ hào phóng trả giá cho mọi phí tổn.

Ở đó tuyên truyền được coi là thứ vũ khí thượng hạng, trong khi ở ta nó chỉ là miếng cơm manh áo thừa cần dành cho các chính khách thất nghiệp và là vị trí đóng quân xa chỗ hiểm nguy dành cho các vị anh hùng khiêm nhường.

Thành công của họ dĩ nhiên, khi lấy tổng, chỉ là con số không.

CHƯƠNG 7: CUỘC CÁCH MẠNG

Năm 1915 tuyên truyền của kẻ thù bắt đầu vào trong nước, từ 1916 càng ngày nó càng mãnh liệt hơn, để rồi cuối cùng đến đầu năm 1918 nó cuộn cuộn lên thành một cơn lũ thật sự. Vậy là ở mọi nơi cũng đã nhận ra các tác động của cách tóm bắt tâm hồn này. Dần dà quân đội học cách nghĩ theo cách mà kẻ thù muốn thế.

Nhưng tác động ngược từ phía Đức lại hoàn toàn thất bại.

Ở người chỉ huy thời ấy về tinh thần và ý chí, quân đội chắc có ý định và quyết tâm, cũng tiến hành cuộc chiến cả trên mặt trận này, duy nhất ở đây họ lại thiếu cái công cụ cần thiết cho việc đó. Cả về mặt tâm lý cũng sai khi phó mặc cho quân đội tự tiến hành sự khai sáng này. Lẽ ra để thật sự có hiệu quả, nó phải từ trong nước đến. Chỉ khi đó người ta mới hòng tính đến thành công ở những người vì quê hương mà đã từ gần bốn năm nay, trong thiếu thốn vô cùng, hoàn thành những hành động bất tử của người anh hùng.



Adolf Hitler.

Tuy nhiên, cái gì đến đây từ quê hương?

Thất bại này là ngu dốt hay tội phạm?

Giữa hè 1918, sau khi phải rút lui khỏi bờ nam sông Marne (nhánh sông Seine, ND), trước hết là báo chí Đức đã ứng xử vụng về đến khôn nạn, thậm chí ngu si gần như tội phạm, tới mức càng ngày tôi càng giận dữ tự hỏi, liệu thật sự chẳng có ai đứng ra để kết thúc cái sự phung phí tinh thần về lòng dũng cảm của quân đội như thế này chăng?

Cái gì đã xảy ra ở Pháp khi vào năm 1914, trong cơn lốc chiến thắng chưa từng có, chúng ta ào ạt lao vào đất nước này? Vào những ngày mặt trận Isonzo

(tên Italia, tên Slovenia là Soca; là khu giáp ranh hai nước, lấy gốc là sông Soca bắt nguồn từ chân núi Travnik (2379 m) thuộc dãy Anpơ, có chiều dài 140 km kéo đến thành phố Trieste để đổ vào vịnh Adriatic. Mười hai trận đánh ở Isonzo trong thế chiến I bắt đầu ngày 23.5.1915 khi Italia tấn công quân Áo Hung, chiến trận kéo đến tận Isonzo. Rồi tiếp bốn trận Isonzo năm đó, năm sau 6 trận, 1917 hai trận nữa nhưng đều vô ích. Italia nung hàng chục vạn quân mà không đánh tới được Trieste. Chi trận cuối cùng tháng sáu 1918 ở Piave quân Áo Hung mới thua để kết thúc thế chiến I, ND) vớ, Italia đã làm cái gì? Còn Pháp sẽ có động thái gì, vào mùa xuân 1918 khi cuộc tấn công của các sư đoàn Đức có vẻ như muốn cắt vó các trận địa và cánh tay dài ngoằng của các đại đội đại pháo tầm xa bắt đầu gõ cửa Paris?

Ở đó, cơn say sôi sục lòng nồng nàn yêu nước của chiến sĩ các trung đoàn đang phải vội vã rút lui bị dội gáo nước lạnh vào mặt tê tái đến thế nào! Khi đó ngành tuyên truyền làm gì và cách ảnh hưởng tài tình lên quần chúng lúc này càng phải làm gì để bơm niềm tin vào chiến thắng cuối cùng vào lại trái tim khối óc ở các mặt trận đã bị vỡ!

Thay vào đó, cái gì đã xảy ra tại nước ta?

Chẳng một chút gì hay thậm chí còn tệ hơn thế.

Thời đó trong tôi thường bùng lên nỗi bức dọc và căm hận khi tôi cầm lên tay những số báo mới nhất và trước mắt tôi hiện lên tội diệt chủng tâm lý.

Nhiều lần tôi quân quai với ý nghĩ, nếu như mệnh trời đã đặt tôi ngồi vào vị trí này của ngành tuyên truyền nước ta thay cho những tên bất tài và vô dụng, thậm chí là tội phạm này, thì lẽ ra cuộc đấu tranh đã mang số phận khác. Ở những tháng này, lần đầu tiên tôi cảm nhận tất cả mọi nham hiểm của cái tai ách đang giam giữ tôi tại mặt trận và ở cái vị trí mà phát đạn tình cờ của bất cứ một tên mọi đen nào cũng có thể bắn nát tôi, trong khi tổ quốc lẽ ra cần tôi phục vụ ở nơi khác với cương vị khác!

Bởi lẽ ngay khi đó tôi đã đủ táo tợn để tin rằng tôi sẽ hoàn thành việc này.

Điều duy nhất cản trở là tôi đang là kẻ vô danh, một trong số tám triệu!

Thế nên tốt nhất là im miệng và làm tốt, tới mức có thể, trách nhiệm ở cái vị trí này.

Hè 1915, những lá truyền đơn đầu tiên của kẻ thù bay đến tay chúng tôi.

Nội dung của chúng hầu như luôn hết giống nhau, dẫn cho có ít nhiều thay đổi về hình thức trình bày, đó là: nước Đức càng ngày càng khốn khổ hơn, chiến tranh sẽ kéo dài bất tận trong khi khả năng chiến thắng càng ngày càng tan biến, bởi vậy nhân dân quê nhà ao ước hoà bình, duy chỉ “chủ nghĩa quân phiệt” cũng như “hoàng đế” không cho phép điều này xảy ra; bởi vậy toàn thế giới – ở đó ai cũng biết điều trên – cũng không tiến hành chiến tranh chống lại nhân dân Đức mà trái lại chỉ chống tên tội phạm duy nhất chính là hoàng đế; bởi vậy cuộc chiến chưa kết thúc chừng nào kẻ thù của nhân loại yêu hoà bình này chưa bị loại; sau khi chiến tranh kết thúc, các quốc gia dân chủ yêu tự do sẽ kết nạp dân tộc Đức vào liên minh vĩnh viễn của hoà bình thế giới mà nó sẽ được bảo đảm một khi “chủ nghĩa quân phiệt Phổ” bị tiêu diệt.

Sau đó để minh hoạ tốt hơn cho những điều vừa trình bày, không hiếm các bản in “thư từ quê hương” mà nội dung của chúng có vẻ như muốn chứng thực cho những khẳng định trên.

Khi đó nói chung người ta chỉ cười trước tất cả những nỗ lực này. Những tờ truyền đơn được đọc rồi gửi về các bộ tư lệnh cấp cao hơn và thường bị lãng quên ngay, cho tới khi cơn gió lại mang từ trên trời xuống chiến hào một đợt mới; đó thường là từ máy bay để chuyển tải những tờ truyền đơn này.

Ở thể loại tuyên truyền này nổi bật lên ngay một điều, đó là ở mỗi vùng hành quân mà có người Bavaria thì đều luôn xảy ra trận chiến rất quyết liệt với người Phổ, với điều khẳng định rằng không chỉ một mặt thì đứng ra người Phổ mới là kẻ phạm tội và kẻ chịu trách nhiệm chính cho toàn bộ cuộc chiến tranh, còn mặt khác thì riêng với người Bavaria vốn chẳng có một chút xiu hận thù gì; tất nhiên người ta cũng chẳng thể giúp ích gì anh ta được, chừng nào anh ta còn đang tham gia phục vụ chủ nghĩa quân phiệt Phổ để giờ đầu chịu báng cho nó.

Cái cách gây ảnh hưởng này thật ra đã bắt đầu đạt được những tác động nhất định ngay từ năm 1915. Không khí chống Phổ trong quân đội tăng lên trông thấy – mà không hề có bước động dậy nào từ trên, dù chỉ một lần. Điều đó cũng đã hơn chỉ là một tội sơ suất đơn giản mà sớm muộn rồi cũng phải được quả báo ở mức khủng khiếp nhất, dĩ nhiên không phải với “người Phổ”, mà với dân tộc Đức, và tất nhiên cũng chẳng phải cuối cùng mới kể đến chính người Bavaria.

Theo hướng này, ngay từ năm 1916 ngành tuyên truyền của kẻ thù đã đạt những kết quả vô song.

Cũng vậy, từ lâu những lá thư ca thán từ quê nhà đã gây tác động. Hoàn toàn chẳng cần kẻ thù phải đặc biệt truyền tới mặt trận qua những tờ truyền đơn, v.v... Để chống lại, ở đây cũng chẳng hề có chút gì ngoại trừ một số “khuyến cáo” từ “phía chính phủ” mà về mặt tâm lý là cực kỳ ngu xuẩn. Trước sau thì mặt trận vẫn choáng ngập bởi chất độc này, thứ mà các mẹ già vô thức (các vợ lính, ND) ở nhà đun nấu nên mà chẳng lường trước rằng, đó chính là phương tiện để ủng hộ đến mức tối đa niềm tin chiến thắng cho kẻ thù, nghĩa là qua đó kéo dài và gia tăng đau khổ cho người thân ngoài mặt trận. Những lá thư vô nghĩa của các bà vợ Đức vào thời gian sau đó đã gây nên cái chết cho hàng vạn ông chồng.

Vậy là vào năm 1916 đã xuất hiện nhiều hiện tượng đáng lo. Mặt trận chửi rủa vì “điềm may bất ngờ”, bởi lẽ đã bắt bình từ nhiều điều và đôi lúc có lý để căm giận. Trong khi họ đói khát và để gia quyến ở hậu phương phải chịu cùng cực, thì ở chỗ khác lại thừa mứa cùng lũ ăn chơi trác táng. Thậm chí ngay chính ở mặt trận thì theo hướng này, mọi sự cũng chẳng êm đẹp.

Như vậy ngay từ thời đó đã nổi lên khủng hoảng, dù nhẹ – đó chỉ mới là những vấn đề “nội bộ”. Vẫn còn người đó, trước thì còn găm gù nguyên rửa, nhưng ít phút sau vẫn im lặng làm nghĩa vụ của mình như là điều tất yếu. Cùng đại đội đó, lúc đầu còn bất bình, nhưng ngay sau vẫn cố giữ đoạn hào mà họ phải cố thủ, cứ như số phận nước Đức chỉ phụ thuộc số trăm mét những hố bùn này. Đó vẫn còn là mặt trận của đội quân anh hùng tuyệt diệu thời xưa!

Nhưng rồi tôi sẽ phải học để biết sự khác biệt giữa cái đó và quê hương.

Cuối tháng chín 1916 sư đoàn tôi chuyển sang chiến dịch hè. Với chúng tôi đó là trận chiến vật lộn ghê gớm lần đầu tiên mới xuất hiện và ấn tượng bởi vậy cũng rất khó tả – địa ngục chứ không còn là chiến tranh đơn thuần nữa.

Trong cơn lốc kéo dài nhiều tuần của bắn phá cấp tập trận tuyến Đức vẫn vững vàng, đôi lúc hơi bị đẩy lùi lại, nhưng rồi vẫn tiến lên, và không bao giờ lui bước.

Ngày mùng 7.10.1916 tôi bị thương.



Ngày mùng 7.10.1916 Hitler bị thương. (Ảnh minh họa).

Tôi may mắn được gửi về hậu phương và theo một đoàn vận tải về Đức.

Vậy là đã hai năm trôi qua kể từ khi tôi không còn thấy quê nhà, trong những hoàn cảnh như thế này, đó gần như là một thời gian dài vô tận. Tôi hầu như hoàn toàn chẳng thể hình dung ra nổi một người Đức mà không mặc quân phục sẽ trông như thế nào. Khi tôi nằm ở bệnh viện dã chiến quân đoàn ở Hermies (một làng ở tỉnh Pas-de-Calais thuộc biệt khu Nord-Pas-de-Calais, nước Pháp, ND), tôi rùng mình sợ hãi đến gần như bất tỉnh khi chợt nghe tiếng một người phụ nữ Đức, một cô ý tá, dặn dò người nằm cạnh.

Sau hai năm lần đầu tiên nghe một tiếng nói như vậy!

Nhưng khi tàu hoả đưa chúng tôi về quê nhà càng gần đến biên giới thì trong nội tâm mỗi người càng bồn chồn hơn.

Tất cả các địa điểm khi còn là anh lính trẻ hai năm trước chúng tôi đã qua, nay lại lướt trôi: Bruxelles, Lowen, Liège (các thành phố thuộc Bỉ, ND), rồi cuối cùng chúng tôi tin là đã nhận ra ngôi nhà Đức đầu tiên nhờ vào cái hồi nhà cao và những cánh bít cửa xinh đẹp của nó.

Ôi tổ quốc!

Tháng mười 1914 trong chúng tôi trào dâng nỗi hân hoan đến nghẹt thở khi chúng tôi vượt qua biên giới, còn giờ đây (1916, ND) chỉ là yên ắng và cảm động. Mỗi người đều sung sướng rằng số phận đã lại cho phép anh ta được nhìn thấy những gì mà anh ta vốn hằng bảo vệ mạng sống mình nhằm vươn tới; và ai ai cũng đều gần như ngưng ngừng khi phải nhìn vào mắt nhau.

Tôi đến quân y viện Beelitz gần Berlin gần trùng ngày tôi lên đường nhập ngũ.

Đổi thay biết bao! Từ bùn rây của chiến dịch hè đến ngay những chiếc giường đệm trắng phau của ngôi nhà kỳ diệu này! Lúc đầu người ta thậm chí còn chẳng dám đường hoàng đặt mình vào đó. Chỉ từ từ, người ta mới lại làm quen được với cái tân thế giới này.

Tuy nhiên đáng tiếc là thế giới này cũng còn mới theo một nghĩa khác.

Tinh thần quân đội ngoài chiến trường có vẻ như chẳng còn là vị khách quý ở đây nữa. Có cái gì đó mà ngoài chiến trường còn lạ lẫm thì nay ở đây lần đầu tiên tôi được nghe: bài ngợi ca sự hèn nhất của chính mình. Bởi lẽ ngay những gì ở đây người ta có thể nghe thấy chửi rủa vì “điềm may bất ngờ” thì đó cũng chẳng bao giờ là yêu cầu bất tuân lệnh hay thậm chí tán tưng gã thỏ đế. Không! Kẻ hèn nhất vẫn luôn là kẻ hèn nhất và chẳng thể là cái gì khác; và sự khinh bỉ dành cho hần nhìn chung vẫn luôn lớn ngang với sự kính trọng người ta dành cho vị anh hùng đích thực. Nhưng ở đây, trong quân y viện thì phần nào gần như ngược lại: những tên xúi bẩy vô lương nhất lại to tiếng nhất và cố gắng bằng mọi phương tiện của cái tài lộng ngôn thảm hại của mình để trưng bày các khái niệm của người lính chân chính như là đáng nực cười, còn sự thiếu tư cách của kẻ hèn nhất lại là gương sáng. Vài kẻ đáng tởm lại chủ trì trước tiên.

Một kẻ tự khoe đã dùng tay trần kéo dây thép gai để qua đó mà được về nằm quân y; dù bị thương đến tức cười như vậy mà có vẻ như hắn đã ở đây lâu đến vô tận, cũng như hoàn toàn chỉ bằng dối trá thì hắn mới lọt vào đoàn quân vận về Đức. Nhưng cái thẳng rắn độc này còn đi xa tới mức giờ cái trán giơ hớn hào để trưng diện cho sự hèn nhất của mình như là khởi nguồn cho sự dũng cảm còn hơn cả cái chết oanh liệt của người anh hùng chân chính. Nhiều người im lặng nghe, kẻ khác bỏ đi, nhưng lại cũng có kẻ đồng tình.

Trong tôi nổi ghê tởm trào lên tận cổ, thế nhưng cái tên xúi bẩy vẫn được dung thứ ở lại trại. Liệu người ta phải làm gì đây? Hẳn là ai thì ban lãnh đạo phải biết kỹ và cũng đã biết kỹ. Dầu sao vẫn chẳng có gì xảy ra.

Khi tôi có thể đi lại bình thường thì tôi được đi phép về Berlin.

Đâu đâu cũng thấy rõ nỗi khổ đến cùng cực. Thành phố triệu dân này đang đói. Nỗi bất bình rất lớn. Trong các trại có chứa lính, giọng điệu cũng giống như ở quân y viện. Có cảm tưởng như những tên này có chủ ý đến chính những nơi này để truyền bá quan điểm của chúng.

Thế nhưng tình trạng ở chính Munich còn đáng giận hơn rất nhiều!

Khi tôi đã lành, được ra viện và thuyền chuyển về tiểu đoàn dự bị, tôi chẳng tin là mình còn nhận ra cái thành phố xưa nữa. Tức tối, bất mãn và chửi bới, dù người ta có đến đâu chẳng nữa! Ở chính tiểu đoàn dự bị thì tâm trạng thậm chí còn dưới mức phê phán. Ở đây vẫn còn tác động của cái cách vụng về vô biên khi những sĩ quan huấn luyện thời xưa, chưa hề có một giờ nào tham gia trận mạc và ngay vì lý do này thì chỉ có một phần còn có thể lập mối quan hệ đúng mực với đám lính cũ, phải đối xử với lính ngoài mặt trận. Những người này, do đã phục vụ ngoài mặt trận, giờ có những tính cách hoàn toàn chẳng hiểu nổi đối với các vị lãnh đạo các đơn vị quân dự bị, trong khi vị sĩ quan vừa ở mặt trận về ít nhất cũng giải thích được. Dĩ nhiên anh này cũng được các đơn vị trọng nể hoàn toàn khác vị tư lệnh lớp huấn luyện. Nhưng bỏ qua mọi chuyện, tâm trạng chung là rất dở; sự hèn nhát lại hầu như được coi là dấu hiệu cho thông minh hơn, còn tính kiên trì trung thành lại bị coi là đặc trưng cho yếu đuối nội tâm và tính cứng cổ. Các văn phòng đều do người Do Thái nắm giữ. Hầu như mỗi thư ký đều là người Do Thái và mỗi tên Do Thái lại là một viên thư ký. Tôi kinh ngạc về cái đám đầy những chiến sĩ của cái dân tộc đã được tuyển lọc này và chẳng còn cách nào khác là phải so sánh chúng với con số đại diện ít ỏi ngoài mặt trận.

Với kinh tế vấn đề còn trầm trọng hơn. Ở đây dân Do Thái thực sự trở nên “không thể thiếu được”. Con nhện bắt đầu dần dần hút hết máu nhân dân. Bằng đường vòng qua những công ty chiến tranh người ta đã tìm ra công cụ để giết chết nên kinh tế quốc dân tự do.

Được nhấn mạnh tới sự cần thiết phải có tập trung hoá vô độ. Vậy nên thực sự là ngay từ năm 1916/17 hầu như toàn bộ nền sản xuất đã nằm dưới sự kiểm soát của giới tài phiệt Do Thái.

Nhưng nỗi căm hờn của nhân dân hướng vào ai?

Ở thời này tôi kinh ngạc thấy nỗi bất hạnh đang đến gần, mà nó, nếu không được lái ngoặt đi kịp thời, nhất định phải dẫn tới sự phá sản.

Trong lúc người Do Thái bóc lột và đè nén toàn thể dân tộc thì người ta lại kích động chống “Phổ”. Hệt như ngoài mặt trận, ở nhà cũng chẳng thấy bên trên chống lại thứ tuyên truyền đầu độc ấy. Có vẻ như ta chẳng hề cảm thấy nước Phổ sập chắc gì xứ Bavaria đã lên và, ngược lại, bên này đổ tất bên kia phải tụt hố, không thể chứ.

Thấy sự thể ấy tôi đau lòng vô cùng. Chỉ có thể thấy người Do Thái thật mưu mẹo tài tình, họ lại được sự quan tâm chung từ chính mình qua những kẻ khác. Giữa lúc Bavaria tranh chấp với Phổ thì họ dắt mũi cả hai, trong khi Bavaria chửi bới Phổ thì người Do Thái tổ chức cách mạng để cùng lúc đập tan cả Bavaria và Phổ.

Không chịu nổi mối ty hiềm quá đáng ấy giữa tộc người Đức với nhau, tôi mong lại sớm được ra mặt trận, cho nên đã tái đăng ký ngay sau hôm đến Munich.

Đầu tháng ba 1917, thế là tôi đã lại có mặt ở trung đoàn của tôi.

CHƯƠNG 7.1: HITLER BỊ TRÚNG ĐỘC

Cuối năm 1917 quân đội tưởng chừng đã qua được chân dốc của thất bại. Sau khi nước Nga sụp đổ, toàn thể quân đội đã có được hy vọng mới, khí thế mới. Binh sĩ đã bắt đầu tin tưởng là kết thúc cuộc chiến thể nào nước Đức cũng thắng. Lại nghe thấy tiếng hát hò và vận xui cũng đã thưa đi. Người ta lại tin ở tương lai của đất nước.

Đặc biệt vụ sụp đổ của nước Italia mùa thu năm 1917 đã có tác động tâm lý cực kỳ tuyệt vời; người ta thấy chiến thắng ấy minh chứng cho khả năng còn có thể chọc thủng được trận tuyến ở cả bên ngoài chiến trường Nga. Phấn khởi lại ngập tràn hàng triệu trái tim và lòng ngực căng đầy tin tưởng, người ta nóng lòng đón đợi mùa xuân 1918. Thấy rõ đối phương đã xuống tinh thần. Mùa đông ấy có im ắng hơn mọi khi. Con lạng trước bão tố.



Ảnh minh họa.

Tuy nhiên đúng lúc mặt trận hồi hả bước vào những đợt chuẩn bị cuối cùng để tiến đến kết thúc cuộc chiến, xe cộ từng đoàn dài vô tận nườm nượp chở người và đồ quân dụng sang mặt trận phía Tây, binh sĩ cũng đã được huấn luyện để tổng tiến công, thì ở Đức lại nổ ra vụ manh động lớn nhất trong cả cuộc chiến tranh.

Nước Đức không được thắng: đến giờ phút cuối cùng, khi mà chiến thắng đã lộ dạng trên ngọn cờ Đức thì người ta đã vờ đến phương cách, mà chỉ đập một cái là đủ diệt cuộc tiến công mùa xuân ngay từ trong trứng, làm cho không thể chiến thắng.

Người ta tổ chức cuộc bãi công của đám quân khí.

Vụ này mà thành, ắt là đám “Tiến lên” thực hiện được ước mơ, mặt trận của người Đức sụp đổ, chiến thắng không thể pháp phối trên lá cờ của nước Đức. Mặt trận thiếu súng đạn sẽ bị chọc thủng chỉ nội trong vài ba tuần, cuộc tấn công không còn xảy ra được, Đồng minh được cứu vãn, giới tư bản quốc tế lên làm chủ nước Đức. Đám người mác xít chuyên đi lừa các dân tộc sẽ đạt được mục đích bên trong.

Đập tan nền kinh tế quốc dân để dựng nền thống trị của tư bản quốc tế – cái đích rồi cũng đạt, vì sự dốt nát và nhẹ dạ cả tin của bên này và sự uơ hèn đến khủng khiếp của bên kia.

Tuy nhiên cuộc bãi công nhằm bỏ đói mặt trận về súng đạn lại đã không trọn vẹn như mong đợi, nó tan sớm quá, tan trước khi quân đội kịp rã như mong đợi – vì thiếu súng đạn. Chỉ có điều thiệt hại về đạo lý mà nó gây ra thì khủng khiếp gấp nhiều lần!

Một là, thế thì quân đội còn chiến đấu vì cái gì đây khi mà chính tổ quốc không hề muốn chiến thắng. Hy sinh và chịu gian khổ cho ai đây? Người lính chiến đấu để giành chiến thắng mà tổ quốc lại bãi công để chống chiến thắng đó.

Hai là, tác động vào địch ra sao?

Từ mùa đông 1917/18 bầu trời phía Đồng minh vốn đã ảm đạm. Đã ngót bốn năm lao vào cái thân hình lực lưỡng của gã người Đức mà không sao đáng quy được gã. Vung kiếm phía Đông thì chém phải tay khiên của gã, vung kiếm phía Nam cũng chỉ chém được vào khiên. Đến lúc gã bị hờ lưng. Máu tuôn xối xả, cho đến lúc gã hạ gục hẳn được một đôi thủ. Phải giáng kiếm xuống tâm khiên phía Tây, lâu nay địch không bẻ gãy nổi sự đề kháng (của gã, ND), thì bây giờ phải đến lượt địch bị (gã, ND) tấn công.

Người ta khiếp gã và người ta phấp phỏng lo cho chiến thắng.

Ở London, ở Paris hội đàm nối tiếp hội đàm. Địch cũng khó tuyên truyền, vì đâu còn dễ chứng minh là phía Đức không có hy vọng chiến thắng.

Ngoài mặt trận cũng thế, im ắng như thể ngái ngủ, ngay bên quân đội Đồng minh. Đột nhiên các vị hết cao ngạo. Trong các vị đã le lói dần một thứ ánh sáng thần bí. Quan điểm về người lính Đức giờ đây khác hẳn. Không còn là thằng điên tăt thua, là chính kẻ đã diệt ông bạn Đồng minh Nga. Vì khó khăn mà người Đức buộc đã phải giới hạn tiến công, chỉ nhằm phía Đông; giờ đây dường như một chiến thuật thiên tài. Đã ba năm lữ người Đức ấy lao vào nước Nga, mới đâu vẻ như không có được chút thành công nào. Người ta cứ cười về cái buổi ban đầu vô ích ấy, vì lẽ gã khổng lồ Nga người đông gấp bội tất phải là người chiến thắng. Đức phải thua vì mất máu. Và hình như thực tế đã xác nhận điều trông đợi ấy.

Từ những ngày tháng 9/1914, sau trận Tannenberg (làng phía nam Ostróda, Séc, những ngày 20-30 tháng tám năm 1914, quân Đức dưới sự chỉ huy của các tướng Hindenburg và Ludendorff thắng quân Nga dưới sự chỉ huy của tướng Samsonov, ND), trên các ngã đường lớn nhỏ đi sang Đức bắt đầu thấy xuất hiện từng đoàn dài tù binh Nga lếch thếch kéo nhau đi. Dòng người tưởng chừng như vô tận, bởi cứ quân đoàn này thua liểng xiểng, vừa bị tiêu diệt, đã lại có một quân đoàn khác ra trận. Cái đế quốc rộng mênh mông ấy sẽ chẳng bao giờ hết được người để đi lính cho Nga hoàng và chết trận. Liệu nước Đức chạy đua với họ được bao lâu? Liệu có hôm nào người Đức đã thắng đến trận cuối cùng rồi mà vẫn cứ chưa phải là những quân đoàn cuối cùng người Nga định ném vào trận đánh tối hậu. Rồi ra sao đây? Như cách tính của con người thì chỉ có thể đẩy lui được chiến thắng của nước Nga thôi, rồi tất nó phải đến.

Bây giờ mọi hy vọng đã tiêu tan hết, ông bạn đồng minh vốn từng góp nhiều máu nhất trên bàn thờ quyền lợi chung đã phải buông súng, sức cùng lực kiệt đã đành nằm phục trên mặt đất trước kẻ tiến công không hề biết khoan nhượng. Sợ sệt, hãi hùng đã len lỏi vào đến tận trong tim người lính bấy lâu chỉ biết tin tưởng mù quáng. Họ lo mùa xuân sắp đến. Bởi lâu nay người Đức mới chỉ sử dụng có một phần quân lực ở mặt trận phía Tây mà vẫn chẳng thắng được họ. Vậy làm sao thắng nổi một khi cái nhà nước anh hùng ấy sắp dồn toàn lực, ném trọn gói vào cuộc tiến công sang phía Tây?

Bóng núi vùng Nam Tirol (Tirol là một bang vốn thuộc Áo quốc, chia làm ba vùng: Bắc Tirol là vùng núi đá vôi Anpro, thủ đô là thành phố Innsbruck; Đông Tirol là vùng sườn dốc phía nam dãy núi Hohe Tauern, thủ đô là thành phố Lienz, đều vẫn của Áo quốc; riêng Nam Tirol là vùng núi Anpro tách với Bắc bởi đèo Brenner, rồi đi tới giáp Italia, cảnh núi đẹp với nhiều điểm du lịch, từ thế kỷ 6 người Bavaria đến định cư ở đó, nhưng 1919 bị sáp nhập vào Italia, ND) đè nặng lên huyền tưởng, rồi đến khi sương mù xứ Flandres (khu vực cổ xưa ven biển Baltic thuộc Bỉ, Hà Lan và Pháp, kinh tế chủ yếu nhờ các nghề hải sản và đi biển, ND) đã lãng đãng trên những gương mặt âm ỉ của đạo quân Cardonas (thành phố thuộc tỉnh Barcelona, Tây Ban Nha, ND) thất trận, thì nỗi lo sắp thua cũng thế chân luôn cho niềm tin sẽ thắng.

Đêm lạnh, bồn chồn phấp phỏng cứ tưởng như nghe rõ tiếng bánh xe lăn qua chỗ các quân đoàn xung kích của quân đội Đức, mắt tròn mắt dẹt cứ ngỡ nhìn thấy món ăn sắp được dọn ra. Thì bỗng nhiên từ bên đất Đức lại thấy bùng lên vùng sáng đỏ đến loá mắt, soi rọi vào đến tận các hố đạn ở bên kia phòng tuyến. Đúng lúc mà quân đội Đức đã được huấn luyện kỹ để tổng tấn công thì cuộc tổng bãi công đã nổ ra ngay trên đất Đức.

Mới đầu cả thế giới ngơ ngác. Nhưng rồi tức thì lấy hơi, tuyên truyền của địch nắm bắt ngay cái khoản cứu trợ ở giờ thứ mười hai ấy. Chỉ trong chớp nhoáng thế là đã có phương tiện trong tay để mà lên gân lên cốt cho đám binh sĩ Đồng minh vốn đã xuống tinh thần. Xác suất chiến thắng lại được nêu ra là chắc chắn. Lo các sự kiện sắp đến thì chuyển thành quyết tâm vững vàng. Giờ đây đã có thể truyền đến các trung đoàn, vẫn đang bồn chồn đợi phía Đức tiến công, niềm tin vào cái trận đánh lớn nhất mọi thời đại. Rằng chẳng phải sự liều lĩnh của quân xung kích Đức sẽ quyết định bước kết thúc chiến cuộc, mà chính là sự bền bỉ của sức mạnh đề kháng. Lính Đức cứ việc mặc sức giành giật lấy chiến thắng, quê hương họ đã đứng trước một cuộc hành tiến, chẳng phải của đoàn quân chiến thắng nào cả mà lại là của cách mạng.

Báo chí Anh, Pháp, Mỹ đã bắt đầu khéo léo cấy trồng niềm tin ấy vào tận trong tim bạn đọc; cùng lúc ấy ở ngoài mặt trận, rất tài tình, tuyên truyền cũng ráng sức nâng cánh cho bộ đội.

“Nước Đức đứng trước cuộc cách mạng! Chiến thắng của Đồng minh là chẳng thể ngăn cản!” Đó, thứ thuốc hữu hiệu nhất để giúp anh Poilu, anh Tommy vốn đang chao đảo còn đứng vững được trên đôi chân. Giờ đây lại đã có thể cho nổ súng trường, súng máy và chống cự trong hy vọng thay cho bỏ chạy trong hoảng loạn.

Kết quả của cuộc bãi công quân khí là thế. Nó đã củng cố niềm tin chiến thắng cho bên địch, xua tan mọi hoài nghi đã khiến mặt trận của Đồng minh bị tê liệt hân – hệ lụy là cái giá đã phải trả bằng máu của hàng ngàn binh sĩ Đức. Mà những kẻ đã tác động để gây ra cái trò đón hèn nhất hạng ấy lại chính là những kẻ vẫn chờ để rồi ngồi vào những chiếc ghế cao nhất trong bộ máy nhà nước của một nước Đức cách mạng.

Phía Đức thì dường như mới đầu có thấy là đã khắc phục được tác động phản hồi của sự kiện ấy. Phía địch tuy nhiên hệ lụy đang còn đó. Đề kháng đã mất tính chất không mục đích của một đạo quân buông bỏ tất, để thành một cuộc chiến thực sự ác liệt nhằm giành chiến thắng.

Cứ như tính toán giờ đây của con người thì tất chiến thắng phải đến, chỉ cần mặt trận phía Tây cầm cự được đôi ba tháng trước cuộc tấn công từ phía Đức. Các nghị viện bên phe Đồng minh nắm được cái khả năng tương lai ấy nên chẳng tiếc duyệt thêm phương tiện cho tuyên truyền để tiếp tục phá rối nước Đức.

Tôi đã may mắn được dự vào cả hai đợt tiến công đầu và cuối.

Đó là những ấn tượng kỳ vĩ nhất trong đời tôi, kỳ vĩ ở chỗ lần cuối cùng lại giống như năm 1914 cuộc chiến đã mất tính phòng ngự và chuyển sang tiến công. Một cảm giác khoan khoái, nhẹ nhàng lan ra khắp mọi hầm hào, cộng sự của quân đội Đức, vì sau ba năm rưỡi kiên trì cố thủ trong cái địa ngục của kẻ địch, giờ đây ngày trả đũa đã đến. Một lần nữa mừng vui vỡ oà trong các tiểu đoàn dây dạn chiến tích, các vòng nguyệt quế bắt từ lại được treo lên ngọn những lá cờ bay phấp phật, tiếng hát say sưa ngợi ca tổ quốc lại vang lên suốt dọc những hàng quân tưởng dài đến vô tận trong hành tiến. Và cũng lần cuối cùng, ân sủng của Đức Chúa Trời mỉm cười với dân con bất hiếu của Người.

Giữa mùa hè năm 1918 là bầu không khí bức bối âm ỉ trên khắp mặt trận. Đang có chuyện bất ổn trong nước. Vì cái gì? Trong từng khối bộ đội của lực lượng quân họ kể cho nhau nghe lẩm thừ lẩm. Cuộc chiến giờ đây hình như vô vọng, chỉ lũ điên mới còn có thể tin ở thắng lợi. Dân tình chẳng còn quan tâm gì tới cầm cự nữa, chỉ còn độc vấn đề tư bản với quân chủ – thứ này vốn từ nước ngoài đến và cũng được lính tráng bàn tán ngay ở mặt trận.

Mới đầu họ còn rất ít phản ứng. Phổ thông đầu phiếu thì liên quan gì đến mình? Chiến đấu ròng rã bốn năm lại vì thứ đó ư? Trò cướp bóc hèn hạ, trấn lột đến cả mục đích chiến tranh của người tử sĩ đã nằm yên dưới mồ. Hồi còn ở Flandres đám lính trẻ của trung đoàn dấn thân vào chỗ chết, họ hô “Nước Đức trên hết ở cõi đời này” chứ họ đâu có hô “Muôn năm quyền phổ thông đầu phiếu”. Khác biệt nhỏ song không hẳn vô nghĩa. Song gọi theo luật bầu cử thì số đông lại không có đó, ở nơi vốn họ từng muốn giành giật. Cả đồng đảng phái

chính trị; mặt trận đâu có biết đến. Chỉ thấy một phần các ngài nghị sĩ ở đó, nơi mà những người Đức trung thực nếu hầy còn là thành viên, đã từng ngồi đạo ấy.

Thế là với vốn liếng cũ kỹ của nó, mặt trận rất kém nhạy cảm trước cái mục tiêu chiến tranh mới của các vị Ebert (1871-1925, nhà xã hội dân chủ cơ hội chủ nghĩa cánh hữu, nghị sĩ, ND), Scheidemann (1865-1939, nhà xã hội dân chủ cải cách; 1919 thủ tướng đế quốc Đức, tham gia dẹp tan cuộc cách mạng tháng mười một ở Đức do cộng sản lãnh đạo, ND), Barth (1886- ?), nhà thần học Thụy Sĩ, chống chiến tranh và chủ nghĩa phát xít, ND), Liebknecht (Karl, 1871-1919, người cộng sản kiên cường, luật sư, từ 1912 đảng viên xã hội dân chủ, kiên quyết chống chiến tranh; 1914 cùng Rosa Luxemburg lập nhóm “Quốc tế”; 1916 “Liên đoàn Spartakus”, năm đó bị án tù 4 năm chống chiến tranh; 1918 cùng nhóm Bôn-sê-vich lập Đảng cộng sản Đức; 15.1.1919 bị giới sĩ quan sát hại cùng Rosa Luxemburg, ND) v.v... người ta tuyệt nhiên chẳng hiểu vì đâu những kẻ thoái thác nghĩa vụ kia bỗng nhiên lại được quyền thông qua quân đội, bất hợp pháp leo lên đến tận bộ máy cai trị của nhà nước.

Ngay từ đâu tôi đã có quan điểm cứng rắn: tôi cực kỳ căm ghét cái đám lưu manh khốn nạn, chỉ biết lừa bịp dân ở cái đồng đảng phái ấy. Từ lâu rồi, tôi đã nhìn thấy rõ chẳng thể có chuyện vì dân ở cái đám xã hội đen ấy, mà chỉ có chuyện vét cho đầy túi. Giờ đây chính bọn chúng lại đang mưu mô thí cả toàn dân và nếu cần thì xô nước Đức xuống vực luôn thể, tôi thấy đã đến lúc phải treo cổ chúng. Chiều cổ tham vọng của chúng có nghĩa là thí cả toàn dân lao động chỉ vì một lũ móc túi, thỏa mãn tham vọng của chúng có nghĩa là chỉ còn cách hy sinh nước Đức.

Vậy mà trong đạo quân đang chiến đấu vẫn có rất nhiều người còn suy nghĩ như thế. Quân tiếp viện từ hậu phương ra tòi tệ đi nhanh lắm, càng ngày càng tệ hơn, không thành tăng cường nữa mà lại làm yếu sức chiến đấu. Đặc biệt lứa tăng viện trẻ tuổi, đại bộ phận vô giá trị. Lắm khi thực khó tin đó là con em của chính những người dân ấy, những người cũng đã từng cử con em đi đánh trận Ypern (thành phố thuộc Westflandres, Bỉ, có bảo tàng thế chiến I, ND).

Tháng tám, tháng chín các hiện tượng tan rã càng ngày càng nhanh, tuy rằng về tính khốc liệt thì sức mạnh tiến công của kẻ thù vẫn chưa thể sánh được

với các trận phản công của ta ngày trước. Trận sông Somme (nằm ở vùng Picardie, Pháp. Ở thế chiến I có các trận chiến ác liệt năm 1916, ND) rồi trận vùng Flandern ngày đó mới thực rợn người.

Cuối tháng chín, lần thứ ba sư đoàn của tôi kéo đến những vị trí mà trước đó, từ hồi còn là những trung đoàn thanh niên tình nguyện chúng tôi đã có lần tiến đánh, ôi kỷ niệm!

Chúng tôi đã được thử lửa ở đó hồi tháng mười, tháng mười một 1914. Tình yêu tổ quốc trong con tim, tiếng hát trên môi, trung đoàn trẻ tuổi của chúng tôi lao vào trận đánh cứ như đi vũ hội. Sẵn sàng vui vẻ đổ máu trong niềm tin vì độc lập và tự do của tổ quốc.

Tháng bảy 1917 lần thứ hai tôi lại đến mảnh đất ấy, vốn là thiêng liêng với tất cả chúng tôi. Đã nằm yên nghỉ nơi đây, những người đồng đội thân thiết, gần như hãy còn là những đứa trẻ; ngày ấy mắt rực sáng họ đã lao vào cái chết vì tổ quốc yêu quý duy nhất.

“Trung thành và phục tùng đến chết”, chúng tôi lính cụ, lúc theo trung đoàn rút đi, đã đứng kính cẩn mặc niệm hồi lâu ở nơi đất thề ấy.

Cũng đất ấy mà trung đoàn đã đánh chiếm cách đây ba năm thì bây giờ lại phải giữ lấy nó trong một trận đánh cũng ác liệt.

Người Anh đã nã pháo suốt ba tuần lễ để dọn đường cho trận tiến công lớn vào vùng Flandern. Về như linh hồn của các tử sĩ đã sống lại. Cả trung đoàn người bê bê bùn đất, cắn răng mà bám chắc vào từng hố đạn pháo một, không di cũng không dời, mặc dù cũng như đã từng diễn ra ở chính nơi này – càng ngày càng thu nhỏ lại, càng mỏng đi và kiên cường đợi. Cuối cùng thì người Anh cũng tiến công, đó là ngày 31 tháng bảy 1917.

Sang đầu tháng tám thì có đợt thay quân.

Từ một trung đoàn giờ đây chỉ còn lại vài ba đại đội rút ra: vẫn bê bê bùn đất, người đi lão đảo, hồn ma thì đúng hơn hình người. Còn người Anh? Ngoài trừ mấy trăm mét hố đạn pháo, họ đã chỉ giành được có mỗi cái chết, vậy mà mùa thu năm 1918, lần thứ ba chúng tôi lại đã đứng chân trên mảnh đất chiến sự của năm 1914. Thị trấn Comines (thành phố biên giới Pháp – Bỉ có sông Lys làm đường biên chảy qua; công nghiệp dệt, ND) vốn là hậu cứ của chúng tôi năm ấy giờ đây cũng là chiến trường. Tất nhiên vẫn là chiến địa ấy, song con

người lại khác mất rồi, vì binh sĩ cũng đã được “chính trị hoá”. Giờ đây, lớp viện quân trẻ tuổi hoàn toàn là vô tích sự – họ từ nhà ra mà!

Suốt đêm 13 sang 14 tháng mười, phía Anh bắt đầu bắn đạn pháo rải khí độc trên toàn tuyến Nam phía trước mặt Ypern. Họ sử dụng “Chữ thập vàng”, loại khí này ai còn chưa biết tác dụng thì đêm ấy đã được biết. Chúng tôi đang trú quân trên một ngọn đồi ở phía Nam Werwick (thành phố thuộc Westflandres, Bỉ, ND) thì trận pháo kích rải khí độc bắt đầu, ngay từ lúc chập tối rồi lúc khoan lúc nhặt, cứ như thế kéo dài suốt đêm. Ngay từ lúc gần nửa đêm bên chúng tôi đã có những đồng đội, thân thiết cũng có, ra đi vĩnh viễn. Đến gần sáng thì tới lượt tôi trúng độc, càng lúc càng thấy đau dữ dội, đành chịu rét, mắt cay sè, người ngả nghiêng, bước chệnh choạng, vẫn kịp đem theo bản báo cáo cuối cùng của tôi trong thời chiến.

Vài tiếng đồng hồ sau đó, hai mắt cứ như hai cục than hồng, chỉ còn thấy tối sầm khắp xung quanh.

Tôi được đưa về trạm quân y Pasewalk (thành phố huyện lỵ phía Đông bang Brandebourg, bên bờ sông Uecker; giao điểm đường sắt, chăn nuôi, công nghiệp sắt thép và chế tạo máy, ND) và ở đó buộc phải sống trong – cách mạng!

Không khí có cái gì đó không rõ nhưng mà chói lăm. Thấy họ cứ thì thào với nhau là chỉ vài tuần nữa là “nổ”, tôi không hiểu mà cũng chưa hình dung được là cái gì. Mới đầu tôi chỉ nghĩ đến một cuộc bãi công như hồi đầu năm. Rồi từ hải quân, tin tức bất thuận cứ dồn dập; có cái gì đó đang âm ỉ nơi đây. Chỉ có vậy thì dường như đó là câu chuyện huyền tưởng để non của đám ba chàng trai nào đó nhiều hơn là một câu chuyện nghiêm chỉnh của các đám đông. Ngay trong trạm quân y thấy ai cũng nói may ra sắp hết chiến sự, song nói “hết ngay” thì lại chẳng có một ai. Báo chí chẳng có mà đọc.

Sang tháng mười một, không khí chung thêm căng thẳng.

Rồi một hôm, đột ngột và chẳng hẹn trước, bất hạnh chợt ập đến. Lính thuỷ kéo đến bằng xe tải, hô hào làm cách mạng; “thủ lĩnh” trong cuộc đấu tranh ấy vì “tự do, cái đẹp và phẩm giá” của nhân dân chúng ta chính là mấy gã Do Thái trẻ tuổi. Ba lá cờ hiệu của hậu cần đem trả lại cho tổ quốc, họ kéo lên ba mảnh vải đỏ.

Đến khoảng thời gian cuối, tôi có đỡ hơn. Mắt đỡ nhức buốt, rồi dần dần cũng mờ mờ nhận ra được bóng dáng xung quanh mình. Khấp khởi hy vọng, chỉ ít thì cũng phải nhìn được để rồi còn tìm lấy một nghề nghiệp. Giá như mà rồi lại về được, lẽ đương nhiên chẳng dám mong hơn thế nữa. Giữa lúc tôi còn đang hồi phục thì điều khủng khiếp đã xảy ra.

Tôi vốn hằng mong mỏi, rằng đất nước bị phản bội chỉ là chuyện ít nhiều của địa phương. Tôi tìm cách củng cố tinh thần cho mấy ông bạn theo hướng ấy. Đặc biệt mấy ông người Bavaria dễ nhất trí với tôi. Ở xứ đó khí thế vẫn khác lắm, chứ chẳng “cách mạng”. Tôi không thể tưởng tượng ra là tôi cả ở Munich chuyện điên rồ ấy cũng sẽ xảy ra. Cứ như tôi thấy thì ở đó ý chí của mấy gã Do Thái làm sao có thể mãnh liệt bằng lòng trung thành với nhà Wittelsbach (gia đình thống trị Bavaria từ 1180 đến 1918. Lúc đầu là một gia đình sống tại lâu đài Wittelsbach, ND) đáng kính. Nên tôi vẫn chỉ tin rằng, ít ngày nữa thôi chắc chắn đám thủy binh nổi loạn ấy tất bị dẹp.



Hitler (bìa trái) hồi Thế chiến 1

Những ngày sau đó, lại đem theo đến cái sự thật khủng khiếp nhất đời tôi. Tin đồn càng ngày càng căng thẳng hơn nữa. Cái mà tôi vẫn cho chỉ là vụ việc ở địa phương thì giờ đây là một cuộc cách mạng chung. Lại còn những tin tức ghê gớm từ mặt trận dội về. Họ có ý định đầu hàng. Thực vậy ư, có thể thế được chăng?

Hôm 10 tháng mười một có một vị mục sư đến trạm xá gặp chúng tôi trao đổi ngắn: giờ thì chúng tôi được biết tất cả.

Tôi có mặt lúc đó, cuộc nói chuyện ngắn đã kích động tôi đến cực độ. về như chính ông già đáng kính ấy cũng run rẩy, lúc báo cho chúng tôi biết là nhà Hohenzollern (dòng họ quyền quý lâu đời ở Đức, từ 1191 được giao đất lãnh chúa Niirnberg, 1227 tách làm hai nhánh, nhánh Franken còn có thêm Bayreuth và Ansbach vào Nürnberg, rồi 1415 còn nhận thêm Brandenburg, và 1701 tước vua, 1871 lên ngôi hoàng đế Đức cho đến 1918; còn nhánh Schwaben 1576 lại tách lần nữa thành các nhánh Hohenzollern-Hechingen và Hohenzoller-Sigmaringen, cả hai từ 1623 mang vị công tước đế chế, 1849 thoái vị trước Phổ; nhánh sau cùng 1866 lên ngôi vua Rumania cho đến 1947, ND) không còn định giữ ngôi hoàng đế nữa, là tổ quốc sáp thành một nước “cộng hoà”, là lúc này phải cầu xin Đấng Tối Cao, xin Người đừng vì cuộc đời ấy mà lại bớt ân sủng đi, xin Người đừng buông bỏ con dân trong những thời kỳ khó khăn sắp đến. Mà ông già làm khác sao được, trong đôi câu ngắn gọn thôi, ông phải bày tỏ lòng tri ân đối với hoàng gia, phải ngợi ca các thành tích của hoàng gia ở Pommern (mảnh đất lịch sử Đức (Phổ) ven biển Baltic tả ngạn sông Elbe; đồng bằng với nhiều hồ, rừng và đồi nhỏ; nông nghiệp, chăn nuôi và công nghiệp quanh Szczecin, ND), ở Phổ; không: vì cả nước Đức chứ. Và đến lúc ông bật khóc lặng lẽ thì gian phòng nhỏ như chìm trong sâu lắng, u buồn đè nặng mọi con tim, không một ai còn ngăn được nước mắt. Đến lúc ông già cố gượng nói thêm để cho biết tiếp, là rồi cũng phải kết thúc cuộc chiến đã kéo dài, là chúng ta đã thua trận và phải nhờ cậy ở lòng bao dung của kẻ thắng trận thôi, là sẽ còn phải chịu nhiều sức ép nặng nề, là chỉ còn mong kẻ thù rộng lượng sớm chấp nhận cho ngưng chiến – thì không còn có thể chịu đựng được nữa! Mất lại tối sầm, tôi đã phải lò dò, rờ rẫm mãi mới về lại được đến chỗ ngủ, nằm vật ra đó, kéo gối chăn đắp kín mít cái đầu nóng bỏng.

Kể từ sau hôm đứng trước mộ mẹ, tôi không còn khóc. Thời thanh niên những khi số phận quá nghiệt ngã vẫn chỉ thường tự an ủi. Vào những năm chiến tranh dài đằng dặc, cái chết có cướp đi mất những đồng đội, bạn bè thân thiết thì cũng không than vãn, vì cho rằng thế là đáng xấu hổ – họ chết cho nước Đức kia mà! Rồi đến những ngày cuối của cuộc giành giật ác liệt – đến lượt chính mình cuối cùng bị thứ khí độc kia len lỏi, bắt đầu gặm nhấm hai mắt, sợ rồi mù hẳn mãi mãi, cũng chợt có lúc thoái chí, tức thì lương tâm đã gay gắt lên tiếng ngay: đồ hèn, định khóc à, còn cả ngàn ngàn người đau khổ gấp trăm lần nữa thì sao – thế là lại lặng lẽ, âm thầm chịu đựng số phận. Tôi chẳng thể khác được. Tôi đã nhận thức ra rằng lúc này, đau khổ của một cá nhân đâu có đáng gì so với bất hạnh của cả tổ quốc.

Vậy là đã vô ích, tất tật. Vô ích tất cả mọi hy sinh và gian khổ, vô ích những ngày tháng đói khát triền miên tưởng chừng như vô tận, vô ích những giờ phút cái chết vây quanh mà vẫn làm tròn nghĩa vụ, vô ích cái chết của hai triệu con người đã ra đi vĩnh viễn. Liệu có khi nào nắm mồ của cả vạn vạn con người kia rồi tự mở ra không nhỉ, vạn vạn con người một thời vì tổ quốc đã ra đi để không bao giờ trở lại? Tự mở ra đi và trả về cho quê hương đi, hồn oan của những người anh hùng lặn chìm, bết bết bùn và máu ấy, những con người từng tự nguyện hy sinh đến cả cái cao quý nhất mà một con người có thể hy sinh cho toàn tộc mình trên trái đất này. Vậy mà lúc này đây lại đang bị dối lừa trâng tráo. Họ chết cho cái đó ư?, những người lính của tháng tám tháng chín năm 1914, rồi lại những trung đoàn tình nguyện đã theo gót các đồng đội lính cự mùa thu năm ấy. Họ ngã xuống cho cái đó ư?, những chàng trai mới mười bảy tuổi đời, trên đất Flandern ấy. Ý nghĩa hy sinh lại như vậy sao, khi bà mẹ Đức ngậm ngùi đưa chân những đứa con yêu quý nhất của mình để sẽ không bao giờ gặp lại. Tất tật đã là như thế, để cho một dúm kẻ phản bội dê hèn lên nắm vận mệnh của tổ quốc sao? Vì chúng mà người lính Đức đã trong nắng lửa và bão tuyết phải chịu nhịn đói, nhịn khát, chịu rét, chịu mỗi mệt qua những đêm dài mất ngủ, trong những cuộc hành tiến triền miên đến vô tận sao?

Lại vì chúng mà người lính Đức, không chút mềm lòng, chỉ một dạ lo nghĩa vụ, đã phải sống trong địa ngục của bão đạn, đã phải gánh lấy những cơn

đau điên loạn do trúng khí độc chiến tranh, chỉ cốt bảo vệ được tổ quốc khi tổ quốc bị kẻ thù xâm phạm, lại vì chúng nữa sao?

Thực vậy, những con người anh hùng ấy rất xứng đáng để có một tấm bia tưởng niệm:

“Hồn vong có về đến Đức thì hãy trình lên tổ quốc, là chúng tôi nằm ở đây vẫn trung thành với tổ quốc, vẫn chấp hành nghĩa vụ”.

Thế còn tổ quốc?

Chỉ có điều cứ nhất thiết phải hy sinh như vậy, chẳng còn cách nào khác nữa sao? Không đáng để chúng ta tự hào vì vinh quang của quá khứ sao? Mà sau rồi biện minh thế nào đây cho cái hành động ấy?

Lũ phản bội khốn nạn và tội tệ!

Lúc này càng cố hiểu cái sự kiện khủng khiếp ấy càng thấy đầu óc bưng bưng tức giận và nhục nhã. Nỗi đau của hai con mắt đau có là gì so với nỗi đau này?

Tiếp theo là những ngày dài thực đáng sợ và những đêm đầy ác mộng – tôi biết là đã mất hết. Trông mong ở lòng bao dung của kẻ thù ư? Chỉ đám ngu dân, lũ ăn gian nói dối, bọn tội phạm mới có thể nghĩ thế. Những đêm ấy tôi càng thêm căm thù những kẻ chủ mưu đã dẫn đến cái hành động ấy.

Những ngày sau đó nữa lại cũng đã rõ số phận của chính mình. Mới trước đó không lâu lắm cứ nghĩ đến tương lai của chính mình là không khỏi bồn chồn cay đắng, nay nghĩ lại thấy cả nực cười. Mà không cười sao được, khi cứ định xây nhà trên cái nền cát ấy? Cuố đã ăn sâu vào tôi rồi, cái tôi thường vẫn sợ, chỉ chưa bao giờ muốn tin vì cảm tính.

Wilhem II (1859-1941, con vua Wilhem I, hoàng đế và vua Phổ 1888-1918, đại diện cho chủ nghĩa đế quốc tư sản Đức, chịu trách nhiệm về thế chiến I bùng nổ 1914; 1918 bị đánh đổ do cuộc cách mạng tháng mười một, chạy trốn sang Hà Lan, ND) là vị hoàng đế người Đức đầu tiên đã chìa bàn tay hoà hoãn ra cho các vị thủ lĩnh mác xít, mà không biết rằng những kẻ lưu manh làm gì có danh dự. Bàn tay này còn nắm chặt lấy bàn tay của vị hoàng đế thì bàn tay kia đã quơ lấy độc kiếm.

Với bọn người Do Thái không thể có hoà giải. Chỉ có một cách, cứng rắn. Mà tôi đã quyết định sẽ là nhà chính trị.

CHƯƠNG 8: TÔI BẮT ĐẦU HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRỊ

Tôi trở lại Munich từ cuối tháng mười một 1918. Tiểu đoàn dự bị của tôi lúc ấy đã vào tay các “hội đồng quân nhân”. Mọi sự thể ngán đến đổi nếu được, tôi sẽ quyết định đi ngay. Cùng với Schmiedt Ernst là một đồng đội chung thủy, tôi đến Traunstein (thành phố huyện lỵ ở Thượng Bavaria phía Đông hồ Chiemsee nổi tiếng, ND) và nán lại đó chờ giải thể trại.

Tháng ba 1919 chúng tôi quay về Munich. Ở đây cũng không giữ được trại mà buộc phải làm cách mạng tiếp. Cái chết của Eisner (Kurt, 1867-1919, nhà văn, nhà xã hội dân chủ; thủ tướng Bavaria 1918-1919, sau đó bị ám sát, ND) đã thúc đẩy sự việc tiến triển mà cuối cùng là chế độ độc tài của các hội đồng, hay đúng hơn là ách thống trị quá độ của người Do Thái, mục đích trước mắt mà những kẻ phát động cả cuộc cách mạng này vẫn từng mơ màng.



Adolf Hitler.

Biết bao nhiêu kế hoạch đã lướt qua đầu tôi khi ấy. Có thể làm được gì đây, suy nghĩ mất bao nhiêu ngày thế mà rồi, cân đi nhắc lại, cuối cùng vẫn cứ đành phải tỉnh táo nhận thấy là: mình, kẻ vô danh, vốn chẳng có chút tiên đề nào để mà hành động cho bất kỳ một mục tiêu nào. Vì đâu mà hồi ấy tôi lại đã

không thể quyết vào một đảng nào đó trong các đảng đã có, tôi sẽ còn nói về chuyện này.

Trong diễn tiến của cuộc cách mạng cứ như thể vi hành xử của tôi mà hội đồng trung ương lần đầu mất đồng thuận. Họ định bắt tôi sáng sớm hôm 27 tháng tư 1919. Nhưng khi ba chú bé thấy khẩu cạcbin đã giương lên tức thì hết dũng cảm, linh cho nhanh.

ít ngày sau khi Munich được giải phóng, có lệnh buộc tôi trình diện trước tiểu ban điều tra về các quá trình cách mạng ở ngay trung đoàn bộ binh số 2.

Đó là hoạt động tích cực đầu tiên ít nhiều thuần túy chính trị của chính tôi.

Sau đó vài tuần lại được lệnh phải đi dự một “lớp huấn luyện” dành cho binh sĩ. Nơi đây người lính sẽ được bồi dưỡng một số các cơ sở cần phải có của tư duy công dân. Với tôi thì giá trị của cả cái đợt ấy là đã có dịp để làm quen với đám người bạn cùng chí hướng, để bàn bạc sâu về tình hình trước mắt. ít nhiều tất cả đều tin rằng, tự các phe đảng của cái tội ác tháng mười một, phe trung ương và phe xã hội dân chủ, mà thành ra vô phương cứu vãn nước Đức trước cuộc sụp đổ đang đến gần. Lại ngay đến những thứ gọi viễn ảnh “tư sản dân tộc” cũng vậy, gì thì gì chứ dù thiện chí nhất đi thì vẫn chẳng biết điều chỉnh cách nào. Thời gian sau đó đã chứng minh cách nhìn của chúng tôi là đúng.

Vậy là trong nhóm nhỏ chúng tôi bàn nhau việc thành lập một đảng mới. Những ý tưởng cơ bản chập chờn trong đầu chúng tôi khi đó chính là những cái mà sau này được thực hiện trong “Đảng công nhân Đức”. Tên của phong trào mới thành lập ngay từ đầu phải cho phép đi đến được quảng đại quần chúng; bởi lẽ nếu không có tính chất này thì toàn bộ công việc sẽ là thừa, vô ích. Cuối cùng chúng tôi đi đến tên “Đảng cách mạng xã hội” khi cho rằng những quan điểm xã hội của tổ chức mới này thực sự có nghĩa là một cuộc cách mạng.

Thế nhưng nguyên nhân sâu xa cho vấn đề này là như sau:

Dù cho trước đây tôi đã quan tâm rất nhiều tới các vấn đề kinh tế thì đầu sao vẫn luôn chỉ dừng ở những giới hạn xuất phát từ những vấn đề xã hội. Chỉ sau này cái khuôn khổ đó mới mở rộng ra được nhờ việc kiểm tra lại chính sách liên minh của Đức. Thực ra phần lớn nó là kết quả của cả việc đánh giá sai nền kinh tế lẫn sự không rõ ràng về những cơ sở có thể để nuôi sống nhân dân Đức

trong tương lai. Thế nhưng tất cả những ý nghĩ này lại dựa trên ý niệm rằng trong bất cứ trường hợp nào thì nguồn tư bản vẫn chỉ là kết quả của lao động và vì thế như chính nó, sẽ chịu sự hiệu chỉnh của những nhân tố mà hành động của con người có thể thúc đẩy hay ngăn cản. Vậy ý nghĩa quốc gia của tư bản cũng nằm ở đó, cho nên chính tư bản cũng hoàn toàn phụ thuộc vào độ lớn, tính tự do và quyền lực nhà nước, nghĩa là quốc gia, sao cho chỉ riêng cái tính gắn kết này đã phải dẫn đến sự thúc đẩy nhà nước và quốc gia từ phía nguồn tư bản này, xuất phát đơn giản từ bản năng sinh tồn hoặc tiếp tục sinh sản. Vậy sự phụ thuộc này của tư bản vào nhà nước độc lập tự do bắt nó phải bảo đảm cho quốc gia cái tự do, quyền lực, sức mạnh, v.v...

Qua đó nhiệm vụ của nhà nước đối với tư bản là tương đối đơn giản và rõ ràng: nó chỉ cần lo sao cho tư bản luôn chỉ là nô bộc của nhà nước chứ không làm tưởng mình là ông chủ của nhà nước. Lập trường đó có thể giữ được theo hai đường biên: ở mặt này là bảo tồn một nền kinh tế quốc gia độc lập và sung sức, ở mặt khác là bảo vệ các quyền xã hội của người lao động.

Khác biệt của cái tư bản thuần túy này ở tư cách là kết quả cuối cùng của lao động sáng tạo đối với một tư bản mà sự tồn tại và bản chất của nó hoàn toàn chỉ dựa trên sự đầu cơ, trước đây tôi chưa nhận thức được với độ rõ ràng đáng có. Muốn vậy tôi phải có cái hích đầu tiên, nhưng nhất thời nó chẳng đến.

Giờ đây, điều đó được lo liệu đến mức kỹ càng nhất qua một trong số những quý ông đang tham gia đọc cái bài giảng đã nêu: Gottfried Feder (1883-1941, chính trị gia, từ 1919 là đảng viên Đảng công nhân Đức mà sau này là đảng Nazi NSDAP, có rất nhiều ảnh hưởng lên Hitler, nhất là nhờ thuyết “Chế ngự nô lệ lãi suất tiền tệ”, nhưng tôi mất ảnh hưởng khi Hitler tìm sự trợ giúp của giới doanh nhân, ND).

Lần đầu tiên trong đời, tôi nhận được sự giải thích mang tính nguyên lý về tư bản chứng khoán và cho vay quốc tế.

Sau khi tôi nghe bài giảng đầu tiên của Feder, trong đầu tôi lập tức bùng lên ý tưởng, đến bây giờ mới tìm ra được con đường đi tới một trong những điều kiện cơ bản nhất để thành lập một đảng mới.

Công lao của Feder, trong mắt tôi, dựa vào điểm là, một khi đã xác định với tính bạo tàn đến nhần tâm cái tính chất cả đầu cơ lẫn kinh tế quốc dân của tư

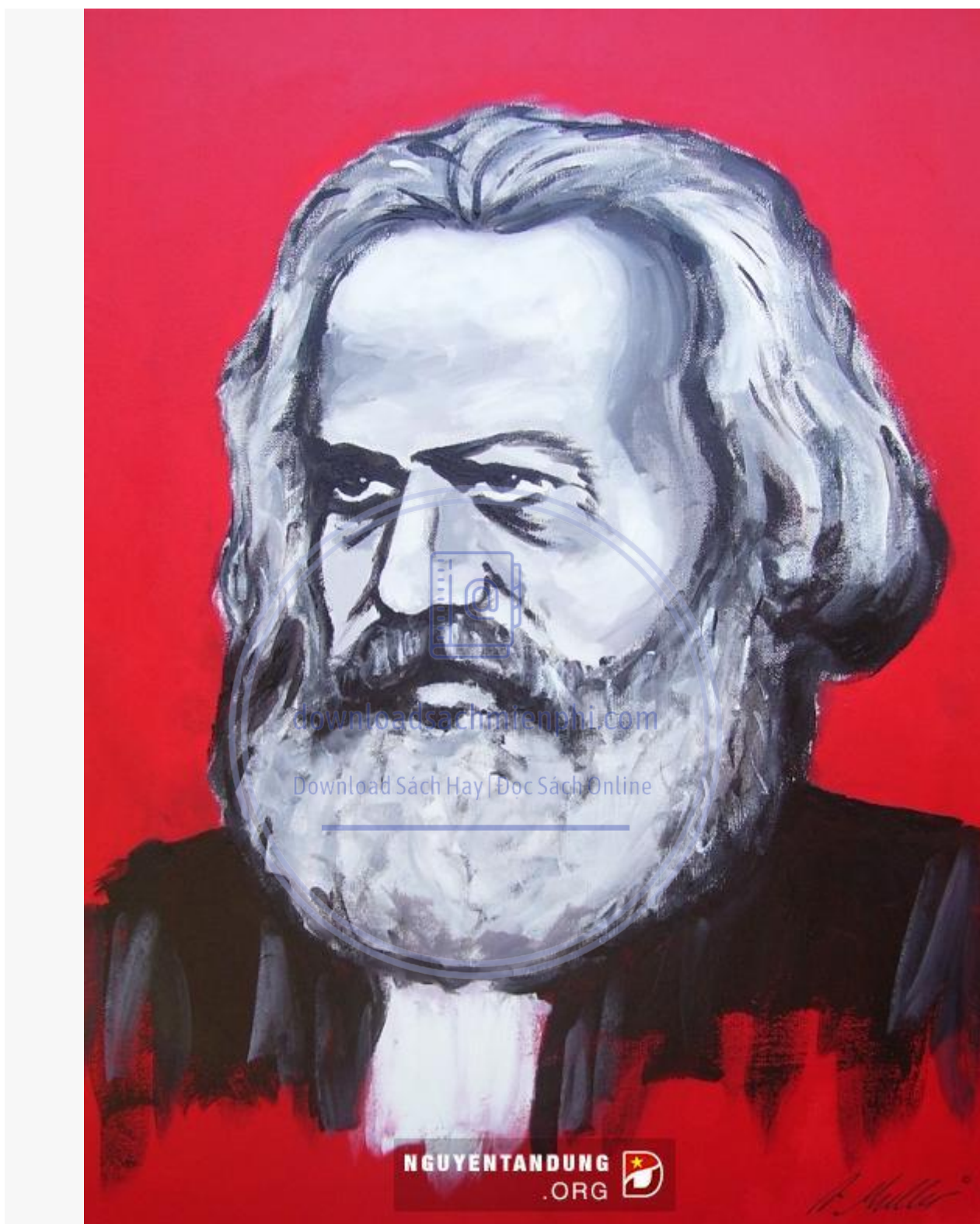
bản chứng khoán và cho vay, thì sẽ bóc trần ra được đến gốc rễ cái điều kiện cổ xưa của lãi suất. Cách trình bày của ông là đúng trong tất cả các vấn đề cơ bản đến mức những nhà phê bình về chúng ngay từ đầu đã ít tranh luận về tính đúng đắn của ý tưởng về mặt lý thuyết, mà trái lại chỉ nghi ngờ khả năng tiến hành chúng trên thực tiễn. Cái mà trong con mắt những người khác là điểm yếu của những điều mà Feder trình bày, thì trong mắt tôi lại là điểm mạnh.

Nhiệm vụ của người lập kế hoạch không phải là xác định các mức độ khác nhau về tính thực thi của một việc, mà là làm sáng tỏ việc đó ở chính cái tư cách ấy; nghĩa là: anh ta ít cần lo về con đường, mà lo về mục tiêu. Nhưng ở đây là tính đúng đắn mang tính nguyên lý của một ý tưởng chứ không phải độ khó của việc thực thi nó. Một khi người lập kế hoạch gắng tính đến cái gọi là “tính hợp lý” và “tính sát thực” thay cho chân lý tuyệt đối, công việc của anh ta sẽ ngừng là kim chỉ nam cho loài người đang đi tìm kiếm, mà thay vào đó lại trở thành cái thực đơn của thường nhật. Người lập kế hoạch cho một phong trào phải xác định mục tiêu của nó, chính trị gia hướng tới việc thực thi nó. Theo đó, trong tư duy của mình, người này bị quyết định bởi chân lý muôn thuở, người kia bằng các hành động bởi thực tại tương ứng. Cái vĩ đại của người này nằm ở tính đúng đắn tuyệt đối ý tưởng trừu tượng của anh ta; cái vĩ đại của người kia lại ở lập trường đúng đắn trước những sự kiện đã cho và sự ứng dụng hữu ích của chúng, với mục tiêu của người lập kế hoạch được anh ta dùng làm kim chỉ nam. Trong khi người ta được phép coi thành công của các kế hoạch và hành động của chính trị gia là thuốc thử cho ý nghĩa của anh ta, nghĩa là Sự Trở Thành Thực Tiễn của những cái này, thì sự thực thi ý định cuối cùng của người lập kế hoạch chẳng bao giờ xảy ra, bởi phải chăng có lẽ ý tưởng của loài người muốn nắm bắt chân lý sẽ có thể lập nên những mục tiêu trong như gương, nhưng sự hoàn thành chúng tới mức tuyệt đối lại sẽ thất bại bởi tính không hoàn chỉnh và sự khiếm khuyết chung của loài người. Nếu như ý tưởng trừu tượng càng đúng đắn và vì thế càng vĩ đại hơn, thì việc hoàn thành trọn vẹn nó cũng càng khó thực hiện hơn, chừng nào nó còn phụ thuộc vào con người như vậy. Bởi thế nên tầm quan trọng của người lập kế hoạch cũng không được đo theo việc hoàn thành các mục tiêu của anh ta, mà ở tính đúng đắn của chúng và ảnh hưởng mà chúng tác động lên sự phát triển của loài người. Nếu nó không vậy

thì những người sáng lập ra các tôn giáo không được kể vào những con người vĩ đại nhất Trái đất này, bởi lẽ việc thực hiện các ý định luân lý của họ không bao giờ là hoàn toàn dù chỉ gần như vậy. Ngay đạo về ái tình trong tác động của nó cũng chỉ là một phản xạ yếu ý muốn của cái con người thanh cao sáng lập ra nó; duy ý nghĩa của nó lại nằm ở tính đúng đắn mà con người cố gắng đạt được trong sự phát triển chung của loài người về văn hóa, phẩm cách và đạo đức.

Sự khác biệt quá lớn giữa nhiệm vụ của người lập kế hoạch và nhà chính trị cũng là nguyên nhân, tại sao hầu như không bao giờ thấy sự hợp nhất hai người này trong một cá nhân. Điều này đặc biệt đúng với cái gọi là chính trị gia “thành đạt” ở tầm cỡ nhỏ mà hoạt động của anh ta thực ra thường chỉ là một “nghệ thuật của cái có thể”, như Bismarck hơi khiêm tốn định nghĩa chính trị. Nếu một “chính trị gia” như vậy càng tự do hơn trong việc đánh giá các ý tưởng vĩ đại, anh ta sẽ đạt tới các thành công dễ hơn và thường cũng luôn nhanh hơn. Tất nhiên qua đó chúng cũng chịu cái tính thoáng qua của trần thế và đôi khi sẽ chẳng sống lâu hơn cha đẻ của chúng. Về đại thể, tác phẩm của những chính trị gia như vậy là chẳng có nghĩa gì cho hậu thế, bởi lẽ các thành tựu của họ ở thời hiện đại chỉ dựa trên việc xua lách tất cả những vấn đề và ý tưởng thực sự lớn và triệt để mà chúng sẽ có giá trị lớn cho các thế hệ mai sau.

Việc thực hiện các mục tiêu có giá trị và ý nghĩa cho tương lai xa như vậy, thường ít đáng giá cho người bảo vệ chúng và chỉ hiếm khi được thông cảm ở quảng đại quần chúng; với họ sự giảm giá bia hay sữa dễ hiểu hơn là những kế hoạch tương lai nhìn xa trông rộng mà việc thực hiện chúng chỉ đến sau này và lợi ích của nó hoàn toàn chỉ mãi hậu thế mới vận dụng được.



Karl Marx.

Vậy là chỉ từ một chút phô trương nhất định, luôn là lảng giềng của ngu dốt, mà phần lớn các chính trị gia xa lánh tất cả mọi dự kiến thực sự nặng ký cho tương lai để không làm mất thiện cảm chốc lát của đám đông. Thành công

và tầm quan trọng của một chính trị gia như vậy rồi chỉ duy nhất dành cho hiện tại mà hoàn toàn chẳng để cho hậu thế. Chẳng vì thế mà những cái đầu nhỏ này phải thấy xấu hổ; chúng hài lòng.

Với người lập kế hoạch tình hình lại khác. Với anh ta, tầm quan trọng hầu như luôn nằm ở tương lai bởi lẽ chẳng hiếm khi anh ta là cái mà người ta gọi là “người sống trong tháp ngà”. Bởi vì một khi nghệ thuật của chính trị gia thực sự là một nghệ thuật của cái có thể, thì người lập kế hoạch thuộc về những người mà với họ ta biết là họ chỉ làm Chúa hài lòng nếu họ đòi và muốn cái không thể. Anh ta hầu như luôn từ chối sự công nhận của hiện tại, nhưng vì thế lại gặt hái vinh danh của hậu thế, nếu như các ý tưởng của anh ta là bất tử.

Trong những giai đoạn dài dài của nhân loại đôi khi vẫn có lần xảy ra là nhà chính trị kết hôn với người lập kế hoạch. Thế nhưng nếu sự kết hợp này càng về nội tâm thì những phản kháng chống lại tác động từ nhà chính trị cũng càng lớn hơn. Anh ta không còn làm theo những đòi hỏi sáng tỏ ngay với mỗi tiểu thị dân tầm thường nhất, mà cho những mục tiêu mà chỉ ít người hiểu. Bởi thế cuộc sống của anh ta rồi bị giằng xé giữa yêu và ghét. Phản đối từ hiện tại mà anh ta không hiểu nổi, vật lộn với sự công nhận của hậu thế mà anh ta làm vì nó.

Bởi lẽ những công trình mà một người dành cho tương lai càng lớn thì hiện tại càng khó lĩnh hội chúng, nên cuộc đấu tranh cũng khốc liệt hơn và thành công thì lại càng hiếm hơn nữa. Nhưng nếu dẫu vậy mà trong hàng thế kỷ, nó vẫn mỉm cười với một người thì có lẽ ở thời gian sau, sẽ có một vầng hào quang nhỏ của vinh quang đến bừng lên quanh anh ta. Tất nhiên những con người vĩ đại này chỉ là các vận động viên môn chạy đường dài của lịch sử; vòng nguyệt quế của thời hiện tại chỉ chạm tới trán người anh hùng đang đi vào cõi chết.

Tuy nhiên phải liệt vào số họ những nhà đấu tranh vĩ đại ở thế giới này, những người chẳng được hiện tại hiểu đến, nhưng lại sẵn sàng đấu võ đến cùng trong cuộc tranh luận vì những ý tưởng và lý tưởng của mình. Họ thuộc số những người có thời sẽ đến gần nhất trái tim nhân dân, làm cho mọi người cảm động đầy hàm ơn, và đặc biệt trong những ngày ảm đạm lại có thể kích động các trái tim tan nát và những tâm hồn tuyệt vọng.

Thuộc số này không chỉ có các nhà lãnh đạo nhà nước thực sự lớn, mà tất cả mọi nhà cải cách vĩ đại khác. Ngoài Friedrich Đại đế ở đây còn có cả Martin Luther (1483-1546, nhà sáng lập ra Đạo Tin lành Đức; 1505 vào nhà tu kín Erfurt để nghiên cứu thần học; 1512 giáo sư triết học Đại học Wittenberg, qua tìm hiểu kỹ lưỡng những xu hướng cải cách mà đi đến những quan niệm mới về Thiên Chúa giáo để không chấp nhận những hành lễ cụ thể ở đó; 1519 công khai khước từ nhà thờ Thiên Chúa giáo; 1521 ngay trước vua Karl V tại nghị viện tuyên bố không quay lại, rồi được chúa của mình là Friedrich der Weisen bảo vệ; 1522 dịch lại toàn bộ kinh thánh để đến 1534 hoàn thành. ND) cũng như Richard Wagner (1813-1883, nhà soạn nhạc nổi tiếng Đức, ảnh hưởng nhiều nhất tới trường phái siêu lãng mạn, quyết định chủ yếu tới trường phái lãng mạn muộn, phần nào bị đánh giá là dân tộc chủ nghĩa, ND).

Khi tôi nghe bài giảng đầu của Gottfried Feder về “Chế ngự nô lệ lãi suất tiền tệ”, tôi hiểu ngay rằng ở đây vấn đề xoay quanh một chân lý mang tính lý thuyết lẽ ra phải có ý nghĩa vô cùng lớn lao cho tương lai dân tộc Đức. Sự tách biệt rõ ràng giữa tư bản chứng khoán với nền kinh tế quốc dân cho ta khả năng chống lại sự quốc tế hoá nền kinh tế Đức mà không đồng thời qua cuộc đấu tranh chống tư bản, đặc biệt đe dọa tới cơ sở cho một sự tự bảo tồn độc lập dân tộc. Với tôi, sự phát triển của nước Đức đã quá rõ ràng trước mắt để tôi không thể không biết rằng, phải mở ra cuộc đấu tranh cam go nhất, không còn là chống các dân tộc thù địch mà là chống tư bản quốc tế. Trong bài giảng của Feder tôi đã cảm nhận một lời nói vĩ đại cho cuộc vật lộn đang tới gần này.

Và ngay ở đây, sự phát triển sau này cũng chứng minh là cảm giác của chúng tôi hồi đó đúng biết bao. Ngày hôm nay thì chúng tôi không còn bị những cái đầu ma lạnh của các chính trị gia tư sản của chúng ta cười nhạo nữa; ngày nay chính họ, chừng nào họ không phải là những kẻ lừa dối một cách chủ tâm, cũng thấy là, tư bản chứng khoán quốc tế không chỉ là kẻ gây hấn chiến tranh lớn nhất, mà chính lúc này đây, sau khi cuộc giao tranh kết thúc lại không ngừng biến hoà bình thành địa ngục.

Cuộc đấu tranh chống tư bản tài chính và cho vay quốc tế trở thành điểm quan trọng nhất trong chương trình cuộc đấu tranh của dân tộc Đức vì tự do và độc lập kinh tế của mình.

Còn về lời phản bác của cái gọi là những người thực hành, thì có thể trả lời như sau: Tất cả những lo ngại về những hệ quả kinh tế kinh khủng của việc thực thi một sự “Chế ngự nô lệ lãi suất tiền tệ” là thừa; bởi lẽ đầu tiên là các đơn thuốc kinh tế cho đến nay là hết sức xấu cho dân tộc Đức, việc xác định lập trường về những vấn đề tự khẳng định quốc gia làm chúng ta nhớ nhiều đến các bài phản biện của những chuyên gia như vậy ở thời trước, chẳng hạn của đoàn bác sĩ Bavaria nhân câu hỏi về việc tiến hành xây dựng đường sắt. Tất cả những lo ngại khi ấy của cái nghiệp đoàn khả kính đó sau này ai cũng biết là chẳng đúng: những hành khách ở các chuyến tàu mới do “ngựa hơi nước” này kéo không chóng mặt, cả những người đứng xem cũng không ốm, và người ta còn đã bỏ qua được việc xây những hàng rào để chắn cho mọi người khỏi phải thấy cái thiết bị mới này – chỉ có những hàng rào trong đầu các vị được gọi là “chuyên gia” này là vẫn còn đọng mãi ở hậu thế.

Nhưng thứ nữa là người ta phải nhớ rằng: Mỗi ý tưởng và ngay cả ý tưởng hay nhất cũng sẽ trở nên nguy hiểm khi nó cứ tưởng rằng mình là mục đích tự thân, tuy thực ra lại chỉ là một phương tiện để đến đó – tuy nhiên với tôi và với tất cả những người dân tộc chủ nghĩa xã hội (Nationalsozialisten, gọi tắt là Nazi, ND) chân chính chỉ có một học thuyết duy nhất: dân tộc và tổ quốc.

Điều mà chúng ta phải đấu tranh, đó là việc bảo đảm cho sự tồn tại và phát triển của chủng tộc và dân tộc chúng ta, sự nuôi dưỡng con em chúng ta và giữ sạch dòng máu chúng ta, độc lập và tự do của tổ quốc mà dân tộc ta chúng ta đã chín mùi để thực hiện cái nhiệm vụ mà Chúa Sáng Tạo Vũ Trụ đã trao cho nó.

Mỗi suy nghĩ và mỗi ý tưởng, mỗi học thuyết và tất cả mọi tri thức chỉ nhằm phục vụ mục tiêu này. Từ quan điểm này thì phải kiểm tra lại tất cả mọi thứ và phải sử dụng theo tính tiện ích của nó hay chối từ. Như vậy chẳng có học thuyết nào có thể sơ cứng thành chủ nghĩa chết, bởi lẽ tất cả mọi thứ chỉ nhằm phục vụ cuộc sống mà thôi.

Vậy là những kiến thức của Gottfried Feder là nguyên cơ để tôi đào sâu suy nghĩ về lĩnh vực mà cho đến lúc đó tôi còn ít quen biết.

Tôi lại bắt đầu học và mãi bây giờ mới hiểu nội dung điều mà công trình cả cuộc đời gã Do Thái Karl Marx muốn nói. Mãi cho đến giờ tôi mới hiểu cuốn

“Tư bản” của hắn, cũng hết như cuộc đấu tranh của nền xã hội dân chủ chống lại nền kinh tế quốc dân, mà thực ra cuộc đấu tranh này lại chỉ chuẩn bị cái nền tảng cho sự thống trị của tư bản tài chính và chứng khoán mà thôi.

Nhưng ở một khía cạnh khác thì những bài giảng đó cũng đã có tác động lớn lao cho tôi sau này.

Một ngày kia tôi xin phát biểu. Một trong số những người tham gia tự thấy mình phải đứng về phía lũ Do Thái, rồi bắt đầu nói dài dòng để bảo vệ chúng. Điều này kích động tôi lên tiếng phản công. Phần lớn những người tham gia lớp học đồng tình với lập trường của tôi. Kết quả là ít ngày sau tôi được điều động về một trung đoàn Munich làm cái mà khi đó gọi là “sĩ quan huấn luyện”.

Vào thời gian này thì kỷ luật ở quân đội còn khá yếu. Đó là do những ảnh hưởng muộn của thời kỳ hội đồng quân nhân. Rất cẩn trọng và rất lâu người ta mới chuyển được, từ sự tuân lệnh “tự nguyện” – như người ta hay nói một cách mỹ miều về cái chuồng lợn thời Kurt Eisner (xem chú thích ở trên, ND), đưa về kỷ luật quân sự và quan hệ trên dưới. Tương tự chính bản thân quân đội phải học cách cảm nhận và suy nghĩ về dân tộc và tổ quốc. Theo hai hướng này là các lĩnh vực công tác mới của tôi.

Tôi bắt đầu với tất cả đam mê và tình yêu. Bỗng dưng lại mở ra cho tôi cơ hội được nói trước đám đông người nghe; và điều trước đây tôi luôn chỉ đơn giản giả thiết từ cảm xúc thuần túy chứ chẳng hề biết, thì nay là đúng: tôi có khả năng “diễn thuyết”. Ngay cả giọng nói cũng đã hay hơn nhiều, đến mức ít nhất thì đâu đâu ở những phòng nhỏ của tiểu đội, người ta đều đủ hiểu tôi.

Chẳng có nhiệm vụ nào có thể làm cho tôi hạnh phúc hơn những nhiệm vụ này, bởi lẽ trước khi giải ngũ, tôi còn có thể làm những việc có ích ở cái thể chế mà nó gắn vào trái tim tôi tới mức vô tận: trong quân đội.

Tôi cũng còn kể ra được thành công: trong quá trình đọc các bài giảng của mình, tôi đã đưa hàng trăm, thậm chí hàng ngàn các đồng đội trở về lại với dân tộc và tổ quốc mình. Tôi đã “dân tộc hóa” quân đội và bằng cách đó đã giúp củng cố kỷ luật chung.

Ở đây tôi làm quen được với một loạt các đồng đội cùng chí hướng mà sau này cùng nhau xây nền tảng cho phong trào mới.

CHƯƠNG 9: ĐẢNG CÔNG NHÂN ĐỨC

Một ngày kia từ cấp trên, tôi nhận được lệnh đi xem xét tình hình của một hiệp hội có vẻ như là chính trị mang tên gọi “Đảng công nhân Đức” đang dự định trong những ngày tới tổ chức một cuộc họp mà ở đó Gottfried Feder cũng sẽ nói; tôi phải đến và quan sát cái hội này để lập báo cáo tường trình.

Dĩ nhiên quá dễ hiểu về cái hiểu kỳ mà khi đó quân đội dành cho các đảng phái chính trị. Cách mạng đã mang lại cho người lính quyền hoạt động chính trị và nay chính những kẻ ít kinh nghiệm nhất lại là những kẻ thích dùng nó nhất. Chỉ đến khi cả Trung tâm lẫn nền xã hội dân chủ phải đau lòng nhận thức ra rằng, những người lính đang bắt đầu lấy lại cảm tình vốn có lúc đã đem cho các đảng cách mạng để giờ đây dành nó cho phong trào quốc gia và tái thiết, thì người ta mới tìm cái cớ để rút lại quyền bầu cử của quân đội và cấm nó hoạt động chính trị.



tôi chính thức gia nhập Đảng công nhân Đức và được trao cho tấm thẻ đảng tạm thời với con số: bảy.

Việc Trung tâm và chủ nghĩa Mác dùng đến biện pháp này là rõ ràng, bởi lẽ nếu như người ta đã sớm cắt bỏ các “quyền công dân nhà nước” – như người

ta vẫn gọi quyền bình đẳng của binh sĩ sau cách mạng – thì sau đó ít năm đã không sinh ra nhà nước tháng mười một, và qua đó cũng không có nốt cả sự phỉ báng và nổi ô nhục cho quốc gia. Khi đó quân đội đang trên con đường thuận lợi nhất để ngay từ bên trong bứt ra khỏi cổ của quốc gia lũ đĩa hút máu và bọn tiếp tay cho chính sách liên minh. Nhưng việc cả những đảng vốn gọi là “quốc gia” cũng hào hứng ủng hộ sự điều chỉnh những quan điểm cho đến nay của lũ tội phạm tháng mười một và qua đó trợ giúp vô hiệu hoá cái công cụ để thực hiện một cuộc nổi dậy toàn quốc, lại cho thấy những quan niệm luôn cứng nhắc của những kẻ hồn nhiên nhất trong những kẻ hồn nhiên lại có thể đưa đến đâu. Cái giới tiêu tư sản thực sự lâm bệnh thần kinh của tuổi già này bằng sự nghiêm túc tốt đỉnh lại cho rằng quân đội sẽ phải trở lại là cái nó vốn là vậy, nghĩa là cái đám quân sự Đức, trong khi Trung tâm và chủ nghĩa Mác chỉ nghĩ đến việc bẻ chiếc răng độc quốc gia nguy hiểm ra khỏi chúng, thế nhưng nếu không có chiếc răng này thì một quân đội sẽ mãi mãi chỉ là cảnh sát mà thôi, chứ chẳng là quân đội có thể chiến đấu chống quân thù; chính là cái điều mà thời gian sau này được chứng minh quá đủ.

Hay các “nhà chính trị quốc gia” của chúng ta tin rằng quân đội cũng có thể phát triển cách khác, không cứ phải là một quân đội quốc gia chẳng? Khốn nạn là điều đó giống hệt với các quý ông này và chỉ xảy ra do trong chiến tranh người ta chẳng phải là lính chiến mà lại là những thằng bẻm mép, nghĩa là nghị viên và lãnh tụ chẳng biết chút gì về những gì xảy ra trong trái tim những người luôn nhớ tới quá khứ hào hùng nhất, vì có thời họ đã là những người lính số một trên thế giới.

Vậy là tôi quyết định đi đến cuộc họp đã nói của cái đảng mà cho đến khi đó tôi hoàn toàn chẳng biết gì về nó.

Buổi tối khi tôi đến cái “Leiberzimmer” (“phòng bụng bự”, ND) – sau này với chúng tôi đã trở nên lịch sử của căn nhà vốn là Sterneckerbräue (quán bia ngắm sao ở góc đường, hai địa điểm nổi tiếng của Munich, ND), ở Munich, tôi gặp ở đó khoảng 20-25 người, chủ yếu là từ giới hạ lưu.

Bài giảng của Feder thì tôi đã biết từ những buổi học cho nên tôi có thể dành nhiều thời gian hơn cho việc quan sát hiệp hội.

Ấn tượng với tôi chẳng xấu mà cũng chẳng tốt; một tổ chức mới thành lập hết như nhiều tổ chức khác. Khi đó chính là thời điểm mà mỗi người đều cảm thấy mình có khả năng để lập ra một đảng mới nếu không hài lòng với sự phát triển hiện tại và chẳng còn tin gì vào những đảng đã có. Vậy là đâu đâu những hiệp hội cũng mọc lên như nấm để sau một thời gian lại biến đi không kèn không trống. Những sáng lập viên hầu hết chẳng hề có chút khái niệm gì về việc từ một hiệp hội phải làm sao để dựng nên một đảng hay một phong trào. Bởi vậy nên những tổ chức mới lập này hầu như luôn tự chết ngạt trong sự thiên cận mực cười của chính mình.

Tôi chẳng hề đánh giá gì khác hơn sau khoảng hai giờ lắng nghe cái “Đảng công nhân Đức”. Khi cuối cùng rồi Feder cũng kết thúc, tôi mừng quá. Tôi thấy quá đủ rồi và đang muốn bỏ đi thì cuộc thảo luận tự do vừa được thông báo lại làm tôi phải cân nhắc xem có nên ở lại không. Nhưng đáng tiếc ngay ở đây tất cả mọi việc cũng diễn ra hầu như vô nghĩa, cho đến khi một “giáo sư” lên tiếng, ông này nghi ngờ tính đúng đắn của các lý do mà Feder nêu, nhưng rồi – sau khi Feder đã trả lời rất khéo – bỗng dung ông ta đi vào “nền tảng của các sự kiện” mà không bỏ qua việc khuyên cái đảng non trẻ này phải nhận vào điểm sâu nhất, đó là nêu lên cuộc đấu tranh để “tách” Bavaria khỏi “Phổ” làm điểm nghị sự đặc biệt quan trọng. Bằng giọng hồn hào người đàn ông này khẳng định, rằng trong trường hợp này thì đặc biệt là phần Áo quốc của người Đức sẽ lập tức sáp nhập vào Bavaria, rằng nền hoà bình sẽ được củng cố tốt hơn nhiều và những điều vô nghĩa tương tự. Khi đó tôi chẳng thể làm khác hơn là cũng lên tiếng và nói cho quý ông Gelahrten (học giả, tác giả chơi chữ để nhạo báng, ND) này ý kiến của tôi về điểm này – với thành công tới mức là ngay cả khi tôi chưa kết thúc, vị thuyết trình nọ đã phải lui đi như một con chó bị dội gáo nước lạnh. Lúc tôi nói, mọi người lắng nghe bằng bộ mặt kinh ngạc; và khi tôi chuẩn bị chào tạm biệt cuộc họp và đi xuống thì bỗng có một vị lao về phía tôi, tự giới thiệu (tôi chẳng nghe rõ tên là gì) và nhét một cuốn sổ nhỏ, chắc là một cương lĩnh chính trị, vào tay tôi cùng lời đề nghị phải đọc nó.

Tôi rất hài lòng về điều đó, bởi lẽ tôi có thể hy vọng giờ đây bằng cách đơn giản hơn để hiểu biết về cái hiệp hội ngán ngẫm này mà chẳng phải tiếp tục

dự những cuộc họp hấp dẫn đến thế nữa. Chốt lại, cái người chắc là công nhân này lại gây một ấn tượng tốt cho tôi. Và thế là tôi bỏ đi.

Vào thời đó tôi đang ở doanh trại trung đoàn bộ binh số 2, trong một căn phòng nhỏ còn mang đậm hơi hướng cuộc cách mạng. Ban ngày tôi ở ngoài, thường tại trung đoàn bảo vệ 41 hay ở những cuộc họp, các buổi thuyết trình tại một đơn vị nào đó v.v... Chỉ có đêm tôi mới về phòng để ngủ. Bởi lẽ tôi có tập quán dậy từ trước 5 giờ, nên tôi dần quen được với trò chơi cho đám chuột nhắt vốn chạy tứ tung trong căn phòng nhỏ vài mẩu bánh vụn rồi đánh trần trên sàn mà ngấm lũ chuột ngộ nghĩnh tranh giành nhau cái món ngon ngọt này. Trong cuộc đời mình tôi đã trải đủ đắng cay để hình dung ra quá rõ cái đói và bởi thế cả niềm hân hoan của những sinh linh nhỏ bé này.

Cũng vậy, khoảng 5 giờ sáng hôm sau cuộc họp đó tôi đã nằm ì trong cái giường gấp quân đội mà ngấm nhìn cuộc cầu chi hỗn loạn. Bởi lẽ chẳng thể ngủ được nữa, nên tôi bỗng nghĩ lại tới qua, và chợt nhớ tới cuốn sổ mà người công nhân đã trao cho tôi. Đó là một cuốn sách nhỏ mà tác giả, chính là anh công nhân kia, mô tả anh ta đã vượt qua được mớ hỗn tạp của những sáo ngữ mác xít và công đoàn để quay về với tư duy dân tộc như thế nào; chính vì vậy mà cũng có tựa đề “Thức tỉnh chính trị của tôi”. Mới bắt đầu đã thấy thích thú nên tôi đọc một mạch cả cuốn sách; trong đó phản ánh một quá trình tương tự, mà mười hai năm trước chính tôi cũng đã từng trải qua. Bất giác tôi thấy lại toàn bộ bước đường phát triển của chính mình hiện ra sống động. Trong cả ngày, tôi nhiều lần ngấm lại chuyện này. Cuối cùng cũng đã muốn quên nó đi, thì chưa đầy một tuần trôi qua, bỗng ngạc nhiên nhận được một tấm bưu thiếp với nội dung là tôi đã được kết nạp vào Đảng công nhân Đức: tôi phải phát biểu ý kiến về vấn đề đó và bởi vậy thứ tư tới phải đến dự một cuộc họp ban của đảng này.

Tôi còn hơn cả ngạc nhiên về cái cách “thu nạp” đảng viên như thế này mà chẳng hiểu nên cười hay khóc về việc đó. Tôi đã chẳng hề nghĩ tới việc vào một cái đảng đã thành lập, mà tôi muốn tự lập nên đảng mới của chính mình. Với tôi, một đề xuất như thế là hoàn toàn không chấp nhận được.

Lẽ ra tôi đã muốn trả lời các vị này bằng văn bản, nhưng rồi tính hiếu kỳ thắng thế và tôi quyết định vào ngày đã định phải xuất hiện trước cuộc họp để giải thích miệng các lý do của mình.

Ngày thứ tư đã đến. Nhà hàng nơi diễn ra cuộc họp đã báo, là “Alte Rosenbad” ở phố Herrnstraße; một cái tiệm ăn tồi tàn mà có vẻ như chỉ vào những thời điểm thánh thần nhất mới có người lạc vào. Chẳng có gì đáng lạ, vì trong năm 1919, thực đơn của ngay cả các nhà hàng lớn cũng rất khiêm tốn và khó mời được khách tới. Dĩ nhiên cho đến giờ phút đó, tôi hoàn toàn chẳng biết có một tiệm ăn như vậy.



Phòng Leiberzimmer.

Tôi đi qua phòng khách đèn đóm tù mù chẳng có ma nào ngồi, tìm cửa sang phòng bên và đã thấy “hội nghị” ngay trước mặt. Trong ánh tranh tối tranh sáng của một cái đèn khí nén sắp hỏng, bên bàn có bốn thanh niên ngồi, trong số đó có cả tác giả cuốn sách nhỏ và anh ta chào đón tôi nồng nhiệt nhất rồi chúc mừng tôi đã là đảng viên mới của Đảng công nhân Đức.

Tôi hơi bị bất ngờ. Bởi lẽ tôi được thông báo, “chủ tịch toàn quốc” thực ra chưa đến nên tôi tạm chờ chưa công bố vội. Cuối cùng thì vị trên cũng đến. ông ta cũng là chủ tịch cuộc họp nhân buổi Feder thuyết trình bữa trước.

Khi đó tôi lại trở nên hiếu kỳ hơn và chờ xem sự thể rồi ra sao. ít nhất là giờ đây tôi biết được tên từng vị một. Chủ tịch “tổ chức toàn quốc” là một ngài Harrer, còn chủ tịch của thành phố Munich là Anton Drexler.

Bấy giờ người ta đọc biên bản cuộc họp hôm trước và bày tỏ tín nhiệm thư ký. Rồi đến bản báo cáo tài chính – trong quyền sở hữu của hiệp hội tổng

cộng có 7 mác 50 pfennig (tiền xu Đức bằng một phần trăm mác, ND) – mà về số tiền đó thủ quỹ nhận được sự tin cậy hoàn toàn. Điều này cũng lại được ghi vào biên bản. Rồi những thư trả lời của chủ tịch thứ nhất cho một bức thư đến từ Kiel, một từ Düsseldorf (các thành phố lớn của Đức, tương ứng là thủ đô các bang Schleswig-Holstein và Nordrhein-Westfalen, ND) và một từ Berlin, được đọc to lên, tất cả mọi người đều đồng ý. Rồi lại công bố bưu phẩm đến: một bức thư đến từ Berlin, một từ Düsseldorf và một từ Kiel, mà có vẻ như chúng gây nên niềm thoả mãn vô biên. Người ta giải thích sự gia tăng trao đổi thư tín này như là dấu hiệu tuyệt nhất và hiển hiện tầm quan trọng lan toả của “Đảng công nhân Đức”; rồi sau đó – là một cuộc thảo luận lê thê về những thư trả lời mới sẽ phải viết.

Đáng sợ, đáng sợ thật. Thực là một trò hiệp hội hàng xén theo cách đáng sợ nhất hạng. Tôi phải nhập vào cái câu lạc bộ này ư?

Sau đó đến phần kết nạp đảng viên mới, nghĩa là: thảo luận việc kết nạp tôi.

Tôi bắt đầu hỏi – tuy nhiên ngoài vài câu chào hỏi thì chẳng có gì cả, chẳng có chương trình, chẳng có truyền đơn, hoàn toàn chẳng có giấy tờ in ấn gì hết, chẳng có thể đảng, thậm chí đến một con dấu nghèo kiệt xác cũng không, độc nhất chỉ là niềm tin và ý chí tích cực.

Nụ cười trên môi tôi biến mất ngay, bởi lẽ đây là cái gì nếu không phải là dấu hiệu của sự lúng túng và bất lực hoàn toàn của tất cả các đảng phái cho đến nay, các chương trình của họ, các dự kiến và hoạt động của họ? Cái mà vài chàng trai trẻ này hội tụ để đi đến một hoạt động nhìn từ ngoài đáng nực cười đến thế, thì đó lại là lối ra cho tiếng nói nội tâm của họ, chắc là xuất phát từ cảm xúc nhiều hơn là chủ tâm, cho thấy cách hoạt động cho đến nay của các đảng phái là không còn thích hợp cho một cuộc nổi dậy của dân tộc Đức cũng như sự hàn gắn các vết thương nội tâm. Tôi đọc nhanh các câu khẩu hiệu được viết trên máy chữ, và từ đó tôi cũng nhận ra chỉ mới là một cuộc tìm kiếm chứ không phải là một kiến thức biết chắc. Nhiều thứ trong đó mờ ảo không rõ, lắm cái thiếu và hầu như tất cả lại là dấu hiệu của nhận thức trống rỗng.

Điều mà những con người này cảm nhận thì tôi cũng đã biết: đó là ước vọng có một phong trào mới, về ý nghĩa vượt tầm các đảng đã có cho đến nay.

Đêm đó khi về lại doanh trại, tôi đã tự phác ra bản phác xét của mình về cái hiệp hội này.

Có lẽ tôi đang đứng trước câu hỏi quan trọng nhất đời mình: tôi phải gia nhập đảng này hay tôi phải cự tuyệt?

Lý trí bảo cự tuyệt, nhưng tình cảm lại chẳng để tôi được yên; và càng cố nghĩ đến tất cả cái vô lý của cái câu lạc bộ này thì tôi lại càng có nhiều cảm tình hơn với nó.

Những ngày sau tôi chẳng được yên.

Tôi bắt đầu suy đi nghĩ lại. Từ lâu tôi đã đi đến quyết định phải hoạt động chính trị; tôi cũng hoàn toàn rõ rằng điều đó phải xảy ra trong một phong trào mới, duy nhất chỉ còn thiếu cú hích cho hành động. Tôi chẳng thuộc loại người hôm nay bắt đầu cái gì đó, đến mai lại bỏ để chuyển sang một việc khác. Nhưng chính nó lại là một trong những lý do chính yếu nhất, tại sao tôi lại khó đi đến một quyết định cho việc thành lập một tổ chức mới như thế, cái tổ chức mà hoặc phải là tất cả hoặc tốt nhất là thôi đừng làm. Tôi biết rằng, đối với tôi nó sẽ phải là một quyết định cho mãi mãi mà ở đó không bao giờ biết đến từ “rút lui”. Với tôi sau đó sẽ không phải là một trò chơi thoáng qua mà là một việc nghiêm trọng sống còn. Ngay thời đó, từ bản năng tôi đã luôn ghét những kẻ bắt đầu với mọi thứ nhưng chẳng biết tiên hành một việc gì. Tôi ghét cay ghét đắng cái loại người hay xía vào mọi nơi mọi chỗ như thế. Tôi coi hoạt động của loại người này thậm chí còn tồi tệ hơn là ngồi không.



Đảng Công nhân Đức: Đăng ký, sau này là quốc kỳ Đức Quốc xã.

Nhưng chính lúc này số phận lại có vẻ muốn vậy gọi tôi. Tôi chẳng bao giờ gia nhập một trong những đảng lớn đang tồn tại và sẽ giải thích cặn kẽ hơn vì sao. Với tôi, cái sinh linh nhỏ nhoi đáng cười này với vài ba thành viên có vẻ như có ưu thế ở chỗ chưa xơ cứng thành một “tổ chức” mà vẫn còn tạo ra khả năng cho từng cá nhân thực sự tự do hành động. Ở đây người ta còn có thể làm việc, và khi tổ chức càng nhỏ, càng có nhiều cơ hội đưa nó vào quỹ đạo đúng. Ở đây còn có thể quyết định về nội dung, mục đích và con đường đi, điều mà ở những đảng lớn đang tồn tại ngay từ đầu đã là không thể. Càng cố suy ngẫm lâu, tôi càng củng cố niềm tin rằng chính từ một cái phong trào nhỏ nhoi này mới có thể chuẩn bị cho một cuộc nổi dậy toàn quốc được – còn chẳng bao giờ từ những đảng chính trị đang tham gia nghị viện cố bám giữ vào những quan niệm cũ hay thậm chí hưởng lợi từ chế độ mới. Bởi lẽ cái cần tuyên bố nơi đây phải là một thế giới quan mới chứ chẳng phải là một câu khẩu hiệu bầu cử mới.

Tuy nhiên đó là một quyết định vô cùng khó khăn để chuyển dự định này thành hiện thực.

Tự mình tôi mang đến được bao nhiêu điều kiện ban đầu cho nhiệm vụ này?

Việc tôi nghèo và chẳng có chút tài sản gì, với tôi vẫn còn có vẻ là điều dễ chịu nhất, nhưng điều khó hơn là tôi vẫn thuộc loại những kẻ vô danh tiểu

tốt, một trong số hàng triệu mà dầu cơ may tình cờ cho sống hay chết thì thể hệ sau cũng chẳng hề mấy may quan tâm. Thêm vào đó còn là những khó khăn nảy sinh từ việc tôi theo đuổi quá ít trường lớp.

Cái gọi là giới trí thức dầu sao vẫn luôn thực sự vô cùng ngạo mạn nhìn xuống bất cứ kẻ nào chưa trải qua những trường lớp bắt buộc để qua đó tự bơm cho mình cái kiến thức cần có. Câu hỏi chưa bao giờ đặt ra là: người đó có thể làm được gì, chứ không phải là anh ta đã học cái gì? Cái đầu bã đậu của những “người có học” nháy nháy, được bao bọc bởi đủ loại chứng chỉ hơn sao được bất cứ chàng trai sáng láng nhất nào dù có thiếu mấy cái giấy lót quý giá kia. Vậy là tôi dễ tưởng tượng rằng, cái thể giới “được học hành” này sẽ chống tôi thế nào, và nếu có khi tôi cũng đã làm chút đỉnh, thì duy nhất chỉ vì tôi coi những người này tốt hơn là trên thực tế nghiệt ngã mà phần lớn họ vốn vậy. Tất nhiên, như ở bất kỳ đâu khác, vẫn có những cá biệt toả sáng và khi ấy lại càng sáng hơn. Nhờ thế mà tôi đã học được cách phân biệt giữa những học trò muôn thuở với các chuyên gia thực thụ.

Sau hai ngày suy ngẫm đến đau đớn, cuối cùng tôi đi đến niềm tin là phải đặt bước.

Đó là quyết định mang tính hệ trọng nhất trong đời tôi.

Không thể và không được phép rút lui nữa.

Vậy là tôi chính thức gia nhập Đảng công nhân Đức và được trao cho tám thẻ đảng tạm thời với con số: bảy.

TẬP II: PHONG TRÀO QUỐC GIA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

CHƯƠNG 1: THẾ GIỚI QUAN VÀ ĐẢNG

Ngày 24.2.1920 cuộc mít tinh lớn công khai đầu tiên của phong trào thanh niên của chúng tôi đã được tiến hành. Trong hội trường giành cho buổi lễ trang trọng của khu nhà Hofbrauhaus chúng tôi đã phân phát, tuyên truyền văn bản 25 luận điểm thuộc chương trình hành động của đảng mới, đảng có gần hai nghìn người. Mỗi mục riêng được thông qua với sự chấp thuận hò reo ủng hộ.



Cuộc đời tranh đấu của tôi. Tập 2: Phong trào xã hội chủ nghĩa Quốc gia

Như vậy là những phần luận đề và đường lối đầu tiên cho cuộc đấu tranh đã được phân phát, cuộc đấu tranh với những quan niệm và quan điểm thực sự lẫn lộn đã cũ kỹ và những mục tiêu không rõ ràng có hại cần phải quét bỏ. Một biểu hiện quyền lực mới cần được xuất hiện trong cả cái thế giới tư sản mục rỗng và hèn nhát lẫn trong con tàu thắng lợi của làn sóng giải phóng kiểu Marx, để dựng được cái xe đầy khổ ải vào giờ phút cuối cùng.

Tất nhiên là phong trào mới chỉ được phép hy vọng nhận được ý nghĩa cần thiết và sức mạnh yêu cầu cho cuộc chiến khổng lồ này, nếu ngay từ những

ngày đầu có thể đánh thức được trong trái tim những người đi theo họ sự tâm phục thiêng liêng, rằng với phong trào này cuộc sống chính trị không phải là lời hứa hẹn khi vận động bầu cử mới mà là một thế giới quan mới với ý nghĩa về mặt nguyên tắc cần được đưa lên phía trước.

Người ta cần cân nhắc xem, từ những quan điểm khốn khổ nào mà cái gọi là “những chương trình của đảng” được ghép lại bình thường với nhau và tới kỳ lại được đánh bóng và sửa đổi đi. Người ta phải soi những động cơ thúc đẩy này đặc biệt là “Những uỷ ban chương trình” kiểu tư sản dưới kính lúp, để đạt được sự thông cảm cần thiết cho việc đánh giá những quái vật chương trình này.

Người ta luôn có mối lo duy nhất mà chẳng có tác dụng thúc đẩy việc lập những chương trình hay thay đổi cái đã có: đó là nỗi lo cho cuộc bầu cử sau. Cũng như trong những cái đầu nghị sĩ của các “nghệ sĩ” nhà nước luôn chú ý sáng lên điều hiểu biết rằng dân chúng yêu quý lại muốn vùng dậy và thoát ra khỏi đồng bát đĩa rách của cái xe đang có, nên họ lại đánh bóng, sơn lại càng xe. Sau đó những nhà tiên tri đoán sao và nhà thiên văn của đảng đến, những người gọi là “có kinh nghiệm và đã được đưa lên cân đo”, thường là nghị sĩ cũ, những người có thể nhớ lại những trường hợp tương tự trong thời kỳ “dậy chính trị phong phú”, vì đám đông rồi cũng giật phăng những dây buộc sự nhẫn nại của họ đi và họ lại cảm thấy bị đe dọa bởi những thứ tương tự. Thế rồi họ lại lôi thực đơn cũ ra dùng, thành lập “một uỷ ban”, lắng nghe ý kiến quần chúng xung quanh, hít ngửi theo dõi các sản phẩm báo chí và đánh hơi từ từ xem dân chúng yêu quý khắp nơi thích gì, ghét gì và mong chờ gì. Mỗi nhóm ngành nghề, mỗi hạng nhân viên sẽ được nghiên cứu kỹ càng, chính xác cả về mong muốn thầm kín nhất của họ. Những lời lớn tiếng khó chịu của phe đối lập nguy hiểm cũng tự nhiên lại trở nên chín mùi cho một cuộc xem xét kiểm tra và xuất hiện chẳng hề hiếm hoi, gây sự ngạc nhiên lớn nhất đối với những nhà phát minh và nhà phổ biến ban đầu, vì họ chẳng có hại gì, như điều hiển nhiên trong kho tàng hiểu biết của các đảng phái cũ.

Cứ như thế các uỷ ban xuất hiện cùng nhau và “duyet lại” chương trình cũ rồi lại soạn thảo ra một chương trình mới (các thế lực cầm quyền thay đổi ý định của mình như người lính thay áo, chỉ khi nào áo cũ đã rách chấy rận rồi), trong đó mỗi người đều có phần của mình. Người nông dân thì được sự bảo vệ

phần nông nghiệp, nhà công nghiệp được bảo hộ hàng hóa, người tiêu dùng thì được bảo vệ khỏi mua hàng rởm, giáo viên thì được tăng lương, công chức thì được cải tiến lương hưu, vợ góa con côi thì được nhà nước chăm lo nhiều nhất, giao thông được khuyến khích, sưu thuế giảm đi, nếu không hoàn toàn thì cũng gần như bỏ hẳn. Thỉnh thoảng người ta vẫn còn quên một gian hàng nào đó hoặc yêu cầu nào đó đang lưu truyền trong quần chúng mà không nghe thấy được. Sau đó tới phút cuối cùng người ta còn cố nhét gì đó vào chỗ nào còn chỗ, cho tới khi người ta có thể hy vọng với lương tâm thanh thản rằng họ thấy tầng lớp tiểu tư sản cùng hội đàn bà của họ đã im ắng trở lại và hài lòng hết mức. Như vậy người ta có thể trang bị bên trong cho mình lòng tin vào Chúa yêu quý và sự ngu ngốc không gì thay đổi được của người dân được quyền bầu cử để bắt đầu cuộc đấu tranh vì “thiết kế tổ chức mới” của quốc gia như người ta mãi.

Khi ngày bầu cử đã qua đi, các nghị sĩ đã ngồi họp buổi cuối cùng của quốc hội trong năm năm, để ra khỏi sự luyện tập với quần chúng và đi tới việc đáp ứng những nhiệm vụ cao hơn, dễ chịu hơn, ủy ban chương trình lại giải thể, cuộc đấu tranh cho cái mới trở lại có hình thức cố gắng vật lộn mưu sinh vì bánh mì hàng ngày: cái này những nghị sĩ lại gọi là ăn kiêng.

Mỗi buổi sáng ngày nghị sĩ đại diện cho dân lại đi tới Nhà quốc hội lớn, nếu không đi hẳn vào trong thì cũng tới được tiền sảnh, ở đó có danh sách người có mặt. Để sẵn sàng phục vụ nhân dân ông ta điền tên mình vào danh sách rồi nhận phần đền bù ít ỏi là tiền lương để chịu cho những cố gắng tiếp tục nát nước của mình.

Sau bốn năm hoặc trong những tuần lễ quan trọng, khi việc giải thể các nhóm trong quốc hội bắt đầu tiến tới gần, các ông nghị bỗng nhiên lại cảm thấy có sự thúc đẩy không kìm nén được. Giống như con bọ rầy A không thể làm khác được việc biến đổi sang bọ rầy B, những con tằm nghị sĩ này lại rời bỏ cái nhà búp bê lớn của chung rồi bay với đôi cánh đẹp tới chỗ quần chúng yêu quý. Họ lại nói với những người đi bầu cử, lại kể về công tác lớn lao của mình và sự ương ngạnh đáng ghét của hội khác, nhưng thỉnh thoảng thay vì sự cổ vũ biết ơn của đám đông chẳng hiểu gì cả lại nhận được những lời căm ghét, có khi thô lỗ ném vào đầu. Khi mà sự vô ơn của quần chúng tăng lên tới mức nhất định nào đó, chỉ có một phương tiện cứu nôi duy nhất: đó là phải làm cho ánh hào

quang của đảng lại được đánh bóng sáng lên, cần thiết phải cải tiến chương trình hành động lại, ủy ban lại được xốc sống lại, rồi thì con hoa mắt chóng mặt lại bắt đầu từ đầu. Trong sự ngu ngốc tăm tối của loài người, người ta không ngạc nhiên về thành công. Cùng với báo chí và bị hoa mắt vì chương trình hấp dẫn mới, con lừa “tư sản” và con lừa “vô sản” cùng quay lại cái chuồng chung rồi lại bầu chọn kẻ lừa dối cũ.

Như vậy nhà chính khách của dân và ứng cử viên của các nhóm ngành nghề lao động lại biến thành con tằm nghị sĩ, nằm chén tiếp trong cành lá um tùm của quốc gia béo đầy lên, để rồi bốn năm sau lại biến thành con bướm bay đi.

Hầu như không còn gì làm chán nản hơn là quan sát toàn bộ quá trình này trong thực tế tỉnh táo, phải nhìn thấy sự lừa dối luôn lặp đi lặp lại.

Từ cái nền nuôi dưỡng tinh thần như vậy người ta không thể có sức mạnh trong cái nôi tư sản đó để mà chiến đấu với quyền lực được tổ chức của chủ nghĩa Mác.

Giới cầm quyền không bao giờ nghĩ tới điều đó một cách nghiêm chỉnh cả. Ở mọi giới hạn đã công nhận và tinh thần thấp kém hơn của những người đàn ông chữa chạy kiểu nghị sĩ da trắng này, họ không thể tự nghĩ ra việc chiến đấu chống lại một học thuyết trên con đường dân chủ phương tây mà vì nó nền dân chủ cùng mọi thứ liên quan xung quanh là công cụ tốt nhất mà người ta sử dụng cho mục đích làm tê liệt đối thủ và tạo con đường tự do hoạt động cho mình. Nếu một bộ phận của chủ nghĩa Mác ngày nay đang cố gắng vờ liên kết không rời với những nguyên tắc dân chủ một cách thông minh nhất thì người ta không nên quên rằng trong giờ phút quan trọng giới cầm quyền cố ép quyết định của đa số theo quan điểm dân chủ phương tây quan tâm tới cái vớ vẩn như một cây nấm mốc gà! Đó là điều trong những ngày này, khi mà các ngài nghị sĩ tư sản nhìn thấy an ninh quốc gia được bảo đảm trong đầu óc hẹp hòi lạ thường của số đông quần chúng, trong khi chủ nghĩa Mác với một hội toàn loại lang thang đường phố, đào tẩu, thủ cựu trong đảng và nhà văn Do Thái đã giật được quyền lực vào tay, kẹp cho nền dân chủ một cái còng kêu lạnh canh. Vì vậy tâm hồn có tín ngưỡng của một linh mục phù phép kiểu nghị sĩ như vậy thuộc về nền dân chủ tư sản, để nhắc nhở rằng giờ đây hoặc trong tương lai

quyết tâm tàn bạo của người quan tâm tới hay người mang căn bệnh thể giới như thể chỉ có thể bị xua đi đơn giản qua những công thức thần chú của chủ nghĩa nghị viện phương tây.

Chủ nghĩa Mác sẽ đi cùng dân chủ mãi cho tới khi nó đạt được trên con đường gián tiếp đi tới những mục tiêu tội ác cả sự hỗ trợ của giới theo tinh thần quốc gia mà nó xác định là đem tiêu diệt hoàn toàn. Nhưng nếu ngày nay mà nó bị thuyết phục, rằng từ cái ấm nước phù thủy của nền dân chủ nghị viện của ta tự nhiên lại có thể tập hợp được đa số dân chúng, những người mà thực sự tới gần chủ nghĩa Mác, dù chỉ là vì lý do để chiếm đa số có quyền lập pháp, thì cái trò ảo thuật của nghị viện sẽ bị chấm dứt ngay. Người mang cờ quốc tế đỏ sẽ cho phát ngay lời kêu gọi cháy bỏng thay vì kêu gọi lương tâm dân chủ gửi tới đám đông người vô sản, và rồi cuộc đấu tranh của họ sẽ phát triển bột phát ngay cái rụp từ những căn phòng ấm thấp ngột ngạt của nghị viện tới các xí nghiệp và đường phố. Nền dân chủ như vậy sẽ được hoàn thành ngay lập tức; và nếu tính mềm dẻo trong tinh thần của người lãnh đạo quần chúng trong các nghị viện bị thất bại thì xà beng và búa rìu của đa số vô sản bị kích động sẽ thành công nhanh như chớp như mùa thu 1918; Họ sẽ dạy cho thế giới tư sản biết mình điên tới đâu mà lại nghĩ tới chuyện có thể chống lại sự chinh phục thế giới của bọn Do Thái bằng công cụ của nền dân chủ phương tây.



Cơ quan Đảng Quốc xã - Tháng 11 năm 1921.

Như đã nói có một tâm hồn tin ngưỡng đã làm cái việc kết nối một nhà biểu diễn ảo thuật phía đối diện trên với những quy luật mà đối với người này chỉ dùng để lừa gạt hay làm lợi cho mình thôi, những thứ hấn vút đi khi chúng không còn có lợi nữa. Đối với mọi đảng phái thì cái gọi là tầm nhìn trong thực tế là tất cả cuộc tranh giành chính trị chỉ vì từng cái ghế nghị viện, tầm nhìn và nguyên tắc tùy theo mục đích thực sự mà bị ném đi như ném một nắm cát, các chương trình của họ cũng tùy theo đó mà được bỏ phiếu nhưng ngược lại lực lượng được đo đếm theo đó. Họ thiếu sự hấp dẫn lớn như nam châm chỉ thu hút được rộng rãi các tầng lớp quần chúng theo khi có ấn tượng thúc ép họ do thấy những điểm nổi bật xuất sắc và sức thuyết phục của niềm tin không điều kiện tạo nên, đồng hành với tinh thần chiến đấu cuồng tín khi gia nhập vào hàng ngũ cùng những người đó.

Trong một thời gian mà một đảng phái được trang bị mọi loại vũ khí với một thế giới quan tội ác gấp hàng ngàn lần tấn công một chế độ đang tồn tại thì phía bị tấn công chỉ có thể tìm cách chống đỡ mãi thôi, nếu phía bên này lại cũng khoác áo mới, trong trường hợp này của ta là niềm tin chính trị và đem đổi

cuộc vận động bảo vệ yếu ớt hèn nhất với lời kêu gọi ra trận tấn công dũng cảm và tàn bạo. Nếu vì vậy mà phong trào của ta hôm nay, đặc biệt là từ phía gọi là các bộ trưởng tư sản quốc gia, đại loại là của trung tâm Bayern đưa ra lời phê phán đầy trí tuệ rằng phong trào làm việc vì một cuộc cách mạng, người ta chỉ có thể trả lời một thằng bé đang bị chính trị hóa là: phải, chúng tôi đang tìm cách lấy lại những gì mà do sự ngu ngốc đầy tội ác của các ông bà đã bị bỏ qua. Các vị đã dùng những nguyên tắc nghị viện ngu ngốc của các vị để hỗ trợ đẩy dân tộc xuống vực sâu; Nhưng chúng tôi sẽ dùng các cách tấn công, qua việc lập nên một thế giới quan mới và sự bảo vệ không do dự và cuồng tín những nguyên tắc của dân tộc mà xây nên những bậc thang mới giúp người ta lại có thể đi lên tới ngôi đền tự do.

Như vậy ngay trong thời kỳ thành lập phong trào, nỗi lo lắng đầu tiên của chúng tôi luôn hướng vào việc ngăn ngừa sự biến đổi từ đội ngũ các chiến sĩ chiến đấu vì điều đáng tâm phục cao quý mới chỉ còn là một hiệp hội để khuyến khích quan tâm quyền lợi của nghị viện thôi.

Biện pháp phòng ngừa đầu tiên là lập nên một chương trình luôn thúc giục tới mục tiêu của sự phát triển mà độ lớn bên trong đã đủ phù hợp để có thể xua đuổi tinh thần hẹp hòi yếu kém của các chính trị gia của đảng hôm nay.

Nhưng quan điểm của chúng ta đúng về sự cần thiết có những điểm tiêu chí trong chương trình được thể hiện rõ ràng sâu sắc nhất, từ những cản trở bất lợi đầy bí ẩn thấy rõ nhất chúng dẫn tới sự tan vỡ của nước Đức.

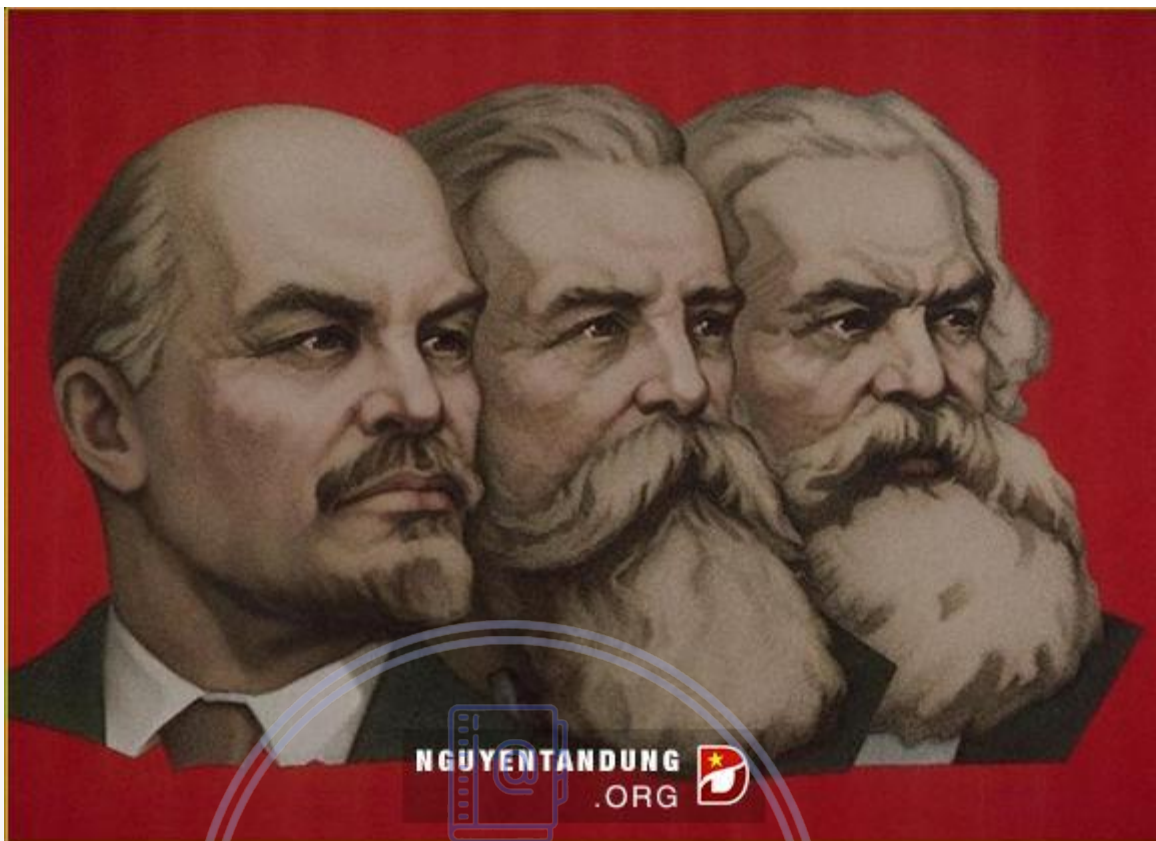
Từ hiểu biết đó phải hình thành một quan điểm quốc gia mới mà tự nó lại trở thành một phần chính của một thế giới quan mới.

CHƯƠNG 1.1: HỌC THUYẾT CHỦ NGHĨA MÁC

Tôi đã tranh luận trong tập 1 với từ “thuộc về nhân dân”, khi mà tôi phải xác định cái từ này về mặt định nghĩa có vẻ ít giới hạn, để có thể cho phép một cộng đồng tranh đấu gắn bó chặt chẽ với nhau. Mọi cái có thể là phần cơ bản trong quan điểm của họ tách khỏi bầu trời của nhau, ẩn mình dưới cái từ che đậy là “thuộc về nhân dân”. Trước khi tôi chuyển sang nói về những nhiệm vụ và mục tiêu của Đảng công nhân Đức XHCN quốc gia, tôi muốn đưa ra sự thể

hiện rõ ràng của khái niệm “thuộc về nhân dân” cũng như mối quan hệ của từ này tới phong trào của đảng.

Khái niệm “thuộc về nhân dân” xuất hiện ít rõ ràng, có thể phân tích trải ra nhiều mặt và không giới hạn trong sử dụng thực tế, gần như từ “thuộc về tôn giáo”. Người ta khó có thể hình dung chính xác hoàn toàn cái gì đó được mô tả dưới từ này, kể cả theo ý nghĩa thu tóm về tư tưởng cũng như trong tác động thực tế. Sự mô tả “tôn giáo” hầu như có thể hình dung nhất là trong thời điểm mà nó được gắn liền với hình thức đã được khoanh gọn trong tác động của nó. Đó là sự giải thích rất hay nhưng đơn giản quá, khi người ta mô tả bản chất của một con người là “có tính tôn giáo tận sâu thẳm”. Có thể có vài người mà qua sự mô tả chung cảm thấy đó chính là mình, chính là vì nó có thể chuyển cho họ hình ảnh sắc nét nhiều hay ít hơn hoặc hình ảnh nhất định về trạng thái tâm linh của họ. Nhưng vì đa số chẳng phải toàn gồm các nhà triết học lẫn thần thánh nên ý tưởng tôn giáo phổ thông đó có ý nghĩa đối với từng người thường chỉ là cho phép tự do tư duy và hành động cá nhân mà không cần dẫn tới tác động của chúng, nghĩa là sự khao khát tôn giáo bên trong bùng lên trong chốc lát, vì từ thế giới tư duy không giới hạn và trừu tượng có một niềm tin sắc nét có giới hạn đã hình thành. Chắc chắn là điều này tự bản thân nó không phải là mục đích mà chỉ là phương tiện để đạt mục đích mà thôi; nhưng nó là phương tiện cần thiết không thể bỏ qua để có thể đạt được mục đích. Mục đích này không chỉ là về ý tưởng mà rốt cục cũng là một mục đích thực tế quen thuộc. Như người ta nói chung luôn phải rõ ràng về việc cái lý tưởng nhất luôn phù hợp với cái cần thiết cho cuộc sống sâu sắc nhất, cũng như sự cao quý của cái đẹp để có nhất về lý do cuối cùng cũng chỉ nằm trong cái thuộc về mục đích logic nhất mà thôi.



Chủ nghĩa Mác là hệ thống học thuyết về triết học, lịch sử và kinh tế chính trị dựa trên các tác phẩm của Karl Marx (1818–1883) và Friedrich Engels (1820–1895).

[Download Sách Hay | Đọc Sách Online](#)

Trong khi niềm tin hỗ trợ thêm cho việc con người nâng mình lên trên mức sống chỉ là tồn tại của loài vật, anh ta góp phần vào sự thật để củng cố vững chắc và giữ gìn sự tồn tại của mình. Người ta lấy những nguyên tắc của loài người hôm nay qua sự giáo dục của họ là dựa vào tôn giáo và tín ngưỡng nhưng lại có ý nghĩa thực tế là nguyên tắc về phong tục và đạo đức, thông qua việc bỏ qua giáo dục tôn giáo này và không lấy cái khác tương tự để thay thế, và người ta sẽ nhận được kết quả là có sự lay chuyển mạnh nền tảng tồn tại của họ ngay trước mắt. Như vậy người ta được phép xác định rằng, không chỉ con người sống để phục vụ điều lý tưởng cao hơn, mà lý tưởng đó ngược lại cho con người tiền đề để tồn tại là con người. Vòng tròn như vậy khép kín.

Tất nhiên cũng có những điều tư duy và điều thuyết phục cơ bản trong sự mô tả chung về vấn đề “tôn giáo”, ví dụ trong sự không thể phá huỷ linh hồn, trong sự tồn tại vĩnh cửu, sự tồn tại của sinh vật sống cao hơn v.v... Chỉ riêng tất cả những ý tưởng này, dù mức độ thuyết phục đối với từng người cao tới đâu

thì chúng vẫn chịu sự kiểm tra cần thiết đối với từng ý tưởng và cho tới khi không còn chao đảo giữa đồng ý và từ chối nữa, cho tới khi không phải là hiểu biết và kiến thức về tình cảm chấp thuận sức mạnh qui luật của tín ngưỡng hiển nhiên nữa. Cái này trước hết là yếu tố đấu tranh mà đã đẩy sự công nhận quan điểm cơ bản về tôn giáo ra xa và mở lối ra con đường quang đăng.

Nếu không có niềm tin giới hạn rõ ràng thì tính tôn giáo trong sự đa dạng mờ mịt của nó đối với cuộc sống con người không chỉ không có giá trị mà dường như còn đóng góp vào sự tan vỡ lung lay chung nữa. Tương tự như khái niệm “thuộc về tôn giáo” thì ý nghĩa của từ “thuộc về nhân dân” cũng vậy. Trong nó đã có bao hàm những kiến thức cơ bản riêng lẻ. Dù chúng có ý nghĩa nổi bật nhất, theo hình thức thì ít xác định được rõ ràng, nên chúng chỉ được nâng lên trên giá trị của một ý kiến được công nhận ít hay nhiều khi chúng được coi là những thành phần cơ bản và được nắm chắc trong khuôn khổ một đảng phái chính trị. Vì việc biến thể giới quan lý tưởng và những yêu cầu từ đó nảy sinh ra thành hiện thực thì ít tiến hành theo tình cảm đơn thuần hay ý muốn bản thân con người mà là sự giành được quyền tự do nhờ niềm khao khát nó nói chung. Không, chỉ khi sự thúc đẩy lý tưởng về nền độc lập trong hình thức của phương tiện cầm quyền quân sự nhận được tổ chức theo phong cách chiến đấu, thì mong muốn cháy bỏng của một dân tộc mới được biến thành hiện thực một cách tốt đẹp.

Mỗi thế giới quan, dù có đúng hàng ngàn lần và có lợi cao nhất cho con người, đều không có ý nghĩa cho việc tổ chức cuộc sống thực tế của dân chúng khi những nguyên tắc của nó không trở thành bánh mì vụn cho phong trào chiến đấu, về phần nó vẫn tồn tại là một đảng khi tác động của nó không kết thúc trong sự thắng lợi của tư tưởng và tín điều của đảng lại tạo nên các luật cơ sở nhà nước mới của cộng đồng một dân tộc. Nếu một ý tưởng tinh thần loại bình dân muốn phục vụ sự phát triển đang tới như là nền tảng cơ sở, thì tiền đề đầu tiên là việc tạo nên sự rõ ràng bắt buộc của bản chất, loại và mức độ của ý tưởng đó, vì chỉ có dựa trên cơ sở như vậy mới có thể tạo ra phong trào mà sự thống nhất tâm phục bên trong có thể tạo nên lực lượng cần thiết cho cuộc đấu tranh. Từ những ý tưởng chung chung phải làm nổi lên được một chương trình chính trị, từ thế giới quan bình thường phải nổi lên một niềm tin chính trị nhất định.

Nó sẽ không chỉ hỗ trợ cho ý tưởng, vì mục tiêu của nó cần phải được thực sự đạt tới, mà còn phải chú ý tới phương tiện đấu tranh đã có sẵn để nhằm giành được chiến thắng của ý tưởng đó và phải tìm cách để sử dụng chúng. Đối với một ý tưởng trừu tượng của tinh thần đúng đắn mà người lập chương trình đã công bố thì kiến thức thực tế của chính trị gia phải gắn liền vào đó. Như vậy phải có một lý tưởng vĩnh cửu làm ngôi sao dẫn đường cho loài người đáng tiếc là đã hài lòng với việc chú ý tới sự yếu đuối của họ, để không bị thất bại ngay từ đầu vì sự không đạt yêu cầu trong cuộc sống. Để nghiên cứu sự thật thì người hiểu biết tâm hồn chúng đã hòa nhập vào đề từ vương quốc của sự thật và lý tưởng lấy ra khả năng có thể của con người phục vụ cho cái nhỏ không vĩnh cửu và làm nó hình thành lên.

Việc biến chuyển này của một ý tưởng với thế giới quan lý tưởng từ chỗ coi nó là sự thật cao nhất thành một cộng đồng chiến đấu và có cùng niềm tin chính trị thống nhất tự nguyện, có tổ chức nghiêm chỉnh, có giới hạn nhất định là một thành tựu có ý nghĩa nhất, vì thắng lợi của ý tưởng phụ thuộc vào cách giải quyết may mắn của riêng nó. Ở đây phải có ai đó bước ra từ một đội ngũ hàng triệu người mà biết gì đó nhiều hay ít trong từng sự việc, hiểu một phần nào đó, để nhào nặn những nguyên tắc tối om với sức lực hiển nhiên đã có từ thế giới tư tưởng dao động của đám đông và chấp nhận cuộc chiến với tính đúng đắn của riêng nó mãi, cho tới khi có một tảng đá của sự gắn bó ý muốn và niềm tin nổi lên giữa làn sóng nô giỡn của thế giới tư tưởng tự do.

Quyền phổ thông được hành động như thế nằm có lý do trong sự cần thiết của nó, quyền thành công của cá nhân...

Nếu chúng ta tìm cách bóc vỏ để lấy lõi có ý nghĩa tận trong cùng của cái từ “thuộc về nhân dân” ra, ta sẽ xác định được vấn đề như sau:

Thế giới quan theo từng nước ngày nay của chúng ta nói chung dựa trên sự hình dung rằng nhà nước có lực lượng sáng tạo và hình thành ra văn hóa, nhưng với những tiền đề về chủng tộc không có gì liên quan cả, mà liên quan tới một sản phẩm của tầm quan trọng kinh tế, tốt nhất là kết quả tự nhiên của sự thúc ép quyền lực chính trị. Quan điểm cơ bản này dẫn tới việc tiếp tục hình thành theo logic hợp lý không chỉ tới việc đánh giá sai những lực lượng của các tộc người từ nguồn gốc, mà còn dẫn tới việc hạ giá trị cá nhân nữa. Vì việc phủ

nhận sự khác nhau giữa các tộc người riêng lẻ dựa trên các lực lượng tạo nên nền văn hóa phổ thông cũng bắt buộc phải truyền nhằm lẫn lộn nhất đó sang sự đánh giá từng cá nhân. Việc chấp nhận sự giống nhau của các tộc người sẽ trở thành cơ sở của phương thức đánh giá giống nhau cho các dân tộc và tiếp theo đó là cho từng người. Vì vậy chủ nghĩa Mác quốc tế tự bản thân nó cũng chỉ là việc ông Do Thái Các Mác chuyển một ý tưởng, thế giới quan và quan điểm đã có từ lâu vào hình thức của một sự công bố niềm tin chính trị nhất định mà thôi. Không có cái nền móng của sự đầu độc đại loại phổ thông đã có như vậy thì thành công chính trị đáng ngạc nhiên của học thuyết này không bao giờ có thể đạt được. Các Mác thực sự chỉ là một trong hàng triệu người nhận ra trong vũng bùn của một cái thế giới đang chết từ từ với cái nhìn chắc chắn của nhà tiên tri những chất độc cơ bản nhất, lấy chúng ra như một nghệ sĩ áo đen để hòa vào một dung dịch nhằm nhanh chóng hơn trong việc phá hủy sự tồn tại độc lập của các dân tộc tự do trên quả đất này. Nhưng điều này lại là bổn phận của dân tộc ông ta.

Như vậy học thuyết của chủ nghĩa Mác là chất chiết xuất tinh thần được thu tóm lại của thế giới quan có giá trị chung ngày nay. Ngay từ lý do này thì từng cuộc chiến đấu của thế giới thì dân chúng ta không thể chống lại nó, thật nực cười vì vậy, vì cũng cái thế giới này về cơ bản đều đã bị những chất độc từ đó thẩm thấu qua, và bị thế giới quan đó thần phục, cái mà chủ nghĩa Mác nói chung chỉ phân biệt qua cấp độ và cá nhân thôi. Thế giới thị dân là theo CN Mác, nhưng lại tin vào khả năng lãnh đạo của một nhóm người, trong khi CN Mác đã tìm cách theo kế hoạch tự trao thế giới vào tay người Do Thái rồi.

Thế giới quan của quần chúng nhận ra từ phía đối diện ý nghĩa của loài người trong những yếu tố ban đầu về chủng tộc của họ.

Quan điểm đó nhìn nhận trong nhà nước chỉ có một phương tiện nhằm mục đích và quan niệm mục đích đó là việc giữ gìn sự tồn tại chủng tộc ở loài người. Nó không tin vào sự giống nhau của các tộc người, mà nhận ra với sự khác nhau thì loài người có giá trị cao hơn hoặc thấp hơn và cảm thấy qua nhận thức đó có trách nhiệm theo ý muốn vĩnh cửu là thống trị vũ trụ, khuyến khích chiến thắng của kẻ giỏi hơn, mạnh hơn, yêu cầu sự thuần phục xếp hạng thấp hơn của kẻ kém hơn, yếu hơn. Như vậy về nguyên tắc nó đi theo tư duy cơ bản

tự nhiên như giới quý tộc và tin vào hiệu lực của luật pháp cho tới giá trị của từng cá thể cuối cùng. Nó không chỉ nhìn thấy giá trị khác nhau của các tộc người mà còn thấy giá trị khác nhau của từng cá nhân con người riêng lẻ. Từ trong đám đông sẽ bóc tách ra giá trị của cá nhân cho nó, nhưng qua đó nó tác động ngược với CN Mác không có tổ chức một cách có tổ chức. Nó tin vào sự cần thiết của việc tối ưu hóa nhân loại, vì nó chỉ nhìn thấy trong đó tiền đề của sự tồn tại loài người. Riêng nó không thể đồng ý chấp thuận quyền tồn tại của ý tưởng đạo đức được, nếu như ý tưởng này thể hiện mối hiểm nguy cho cuộc sống của tộc người với nền đạo đức cao hơn; Vì trong một thế giới lẫn lộn các tộc người và cả da đen hóa thì mọi khái niệm về cái đẹp và cao quý của con người cũng như mọi sự hình dung về một tương lai lý tưởng của nhân loại cũng đều bị mất vĩnh viễn cả.

Nền văn hóa và văn minh nhân loại trên một phần quả đất gần liền không rời với sự tồn tại của người Arian. Sự tuyệt chủng hay suy thoái của họ làm cho quả đất này lại bị chìm sâu vào màn tối tăm của thời kỳ vô văn hóa.



Hitler và Mác.

Sự chôn vùi giá trị của nền văn hóa nhân loại qua việc tiêu diệt người mang nó xuất hiện trong mắt người có một thế giới quan nhân dân là một tội ác

đáng nguyên rửa nhất. Ai dám đặt tay lên hình ảnh của Chúa là xúc phạm lên người sáng tạo tốt bụng ra điều kỳ diệu này và hỗ trợ cho việc đẩy văn hóa ra khỏi thiên đường.

Như vậy thể giới quan của nhân dân phù hợp với mong muốn sâu thẳm nhất của tự nhiên, vì nó tái tạo lại trò chơi tự do của các lực lượng mà phải dẫn tới sự nuôi dưỡng cao hơn, lâu dài đối với nhau, cho tới khi nhân loại tốt nhất vì đã chiếm chỗ được trên trái đất này mà được tự do hoạt động trên các vùng miền, phần thì nằm bên trên trái đất, phần thì ngoài nó.

Tất cả chúng ta đều biết rằng trong tương lai xa những vấn đề dính dáng tới con người đều có thể xuất hiện mà để giải quyết chúng chỉ có một tộc người cao cấp nhất là dân tộc làm chủ, dựa trên phương tiện và khả năng của toàn cầu được chiếm vị trí đó thôi.

Tất nhiên là có một sự xác định chung về nội dung có ý nghĩa của một thể giới quan nhân dân mà có thể phát triển ra gấp hàng ngàn lần. Thực tế chúng ta hầu như cũng không tìm thấy một trong những đảng phái chính trị mới thành lập trẻ hơn mà bằng cách nào đó không dựa vào thể giới quan này. Nó đang chứng minh qua sự tồn tại của mình đối diện với nhiều đảng phái khác sự khác nhau trong quan điểm của họ. Như vậy đi ngược lại thể giới quan được lãnh đạo bởi một tổ chức hàng đầu thống nhất của CN Mác là hàng loạt quan điểm khác mà về mặt tư tưởng đối diện với mặt trận đoàn kết của kẻ thù ít nổi bật lên. Họ không chiến thắng được vì vũ khí của họ yếu kém. Cho tới khi có một đảng được lãnh đạo và tổ chức thống nhất của nhân dân chống lại thể giới quan quốc tế của đảng Mác xít thì thắng lợi trong trận chiến với năng lượng chiến đấu bằng nhau sẽ chuyển sang đúng là sự thật.

Nhưng việc nắm bắt có tổ chức một thể giới quan có thể mãi mãi chỉ tiến hành dựa trên một cách thể hiện bằng lời nhất định, và cái gì thể hiện học thuyết của niềm tin, đó chính là những nguyên tắc của đảng chính trị đang hình thành. Như vậy phải tạo ra một công cụ cho thể giới quan của nhân dân mà có thể bảo đảm cho khả năng đại diện cho cuộc chiến đấu của nó, tương tự như tổ chức đảng Mác xít tạo ra con đường tự do cho chủ nghĩa quốc tế.

Đảng công nhân Đức XHCN quốc gia (viết tắt: Đảng quốc xã) theo đuổi mục tiêu này.

Việc sự xác định khái niệm nhân dân của đảng là tiền đề để cho thế giới quan nhân dân thắng lợi được minh chứng sắc nét nhất qua một việc thực mà đối phương cũng có quan hệ đảng phái như vậy tự thú nhận ít nhất là gián tiếp. Ngay cả những người chẳng bao giờ mệt mỏi trong việc nhấn mạnh rằng thế giới quan nhân dân không phải là phần thừa kế cho thuê của từng người, mà nằm trong tim của nhiều triệu người chỉ Chúa mới biết thôi đang mơ màng hay đang sống, và chúng minh rằng sự thực sự tồn tại của những ý tưởng đó là không muốn cản trở chiến thắng của thế giới quan thù địch tí nào, cái mà được đại diện bằng đảng phái chính trị kiểu cổ điển. Nếu khác đi thì giờ dân tộc Đức đã phải giành được chiến thắng kiểu Digan và không phải đứng bên bờ vực thẳm. Cái gì đã đem đến thành công cho Thế giới quan quốc tế, đó là sự đại diện cho nó qua một đảng phái chính trị có tổ chức thuộc đội tấn công; điều mà thế giới quan chống đối để cho xếp hạng dưới đó là khiếm khuyết cho tới nay của sự đại diện được nhào nặn thống nhất. Không phải trong việc tự do không giới hạn thể hiện một quan điểm chung mà chỉ trong giới hạn và hình thức tổng quát của một tổ chức chính trị thì một thế giới quan mới có thể chiến đấu và chiến thắng được.

Vì vậy tôi thấy nhiệm vụ của bản thân mình đặc biệt trong việc bóc tách lõi ý tưởng trong nội dung phong phú và chưa được sắp xếp của một thế giới quan phổ thông và biến đổi ít nhiều sang hình thức học thuyết mà trong giới hạn rõ ràng của nó phù hợp với những người có trách nhiệm phải tập hợp thống nhất lại. Với những lời khác: Đảng công nhân Đức XHCN quốc gia từ lõi tư duy cơ bản của một ý tưởng chung về thế giới thuộc nhân dân những nguyên tắc cơ bản, tạo nên từ những thứ tương tự, có chú ý tới thực tế, thời gian và chất liệu con người cũng như những yếu kém của anh ta, tiếp nhận sự công nhận về niềm tin chính trị mà tự nó trong đa số những người được tập hợp tích cực có tổ chức lại tạo nên tiền đề cho cuộc đấu tranh đầy vinh quang của thế giới quan đó.

CHƯƠNG 2: PHÂN BIỆT 3 QUAN ĐIỂM CỦA NHÀ NƯỚC

CHƯƠNG 2.1: SỨ MỆNH CỦA NHÀ NƯỚC

Không phải nhà nước tạo ra một cấp trình độ văn hoá nhất định mà nó chỉ bảo tồn được tộc người tạo ra nền văn hóa đó. Trong trường hợp khác thì nhà

nước có thể tồn tại được đều đặn hàng thế kỷ, trong khi theo kết quả của sự pha trộn dòng máu của tộc người không bị cản trở thì khả năng văn hóa và bức tranh cuộc sống của một dân tộc từ điều kiện đó nói chung đã phải chịu đựng những sự thay đổi sâu sắc từ lâu rồi. Nhà nước ngày nay với cơ chế hình thức có thể vờ tồn tại lâu dài nhưng sự đầu độc tộc người trong cơ thể nhân dân lại tạo ra sự suy thoái văn hóa mà giờ đã thấy xuất hiện rất đáng sợ rồi.

Như vậy tiền đề để tồn tại một giống người cao cấp hơn không phải là nhà nước mà là dân tộc có khả năng duy trì đó.



Adolf Hitler.

Khả năng này về cơ bản sẽ luôn tồn tại và phải được đánh thức qua những điều kiện bên ngoài nhất định để tác động vào thực tế. Những dân tộc sáng tạo, có văn hóa và tài năng hay có những tộc người khá hơn mang trong mình tiềm tàng tính hữu dụng đó, kể cả tới thời điểm mà những tình thế bên ngoài bất lợi không cho phép áp dụng những tài năng này. Vì thế sẽ coi là chuyện xúc phạm khó tin, nếu người Đức trước CN bị coi là lũ người “vô văn hóa”, là dân tộc man rợ. Họ chưa bao giờ là những người như thế. Họ chỉ bị ép buộc do sự ác liệt của quê hương phương Bắc dưới những điều kiện làm cản trở sự phát triển

nguồn lực sáng tạo của họ. Nếu họ không có thể giới cổ đại mà đi về những vùng miền thuận lợi hơn của phương Nam và nếu họ nhận được trong tài sản của các dân tộc thấp kém hơn những phương tiện kỹ thuật đầu tiên, thì khả năng sáng tạo văn hóa đang thiếp ngủ trong họ cũng trở thành tỉnh hóa rực rỡ nhất như trong thần thoại Hêlen vậy. Chỉ riêng sức sáng tạo văn hóa gốc rễ này tự nó không chỉ nảy sinh từ khí hậu phương Bắc. Người Láp thuộc các nước vùng Bắc bán đảo Xcăngdinavi mà được đưa xuống phương Nam thì sẽ tác động sáng tạo văn hóa ít như người Eskimo. Không, khả năng sáng tạo tuyệt vời này chính là được ban cho người Arian, dù anh ta có mang nó mà ngủ thiếp đi hay đem nó ra tặng cho cuộc sống tỉnh táo, tùy theo những tình thế thuận lợi mà nó cho phép hay cản trở một thể giới tự nhiên không có thực.

Từ đó cho thấy nhận thức như sau:

Nhà nước là một phương tiện để thực hiện mục đích. Mục đích của nó nằm trong sự bảo tồn và khuyến khích một cộng đồng cả về cơ thể lẫn tinh thần của những con người cùng loại. Việc bảo tồn này tự nó bao trùm cả số người trong chủng tộc đó một cách nghiêm chỉnh và cho phép tất cả những lực lượng còn đang ngủ yên của nó phát triển tự do. Từ chúng luôn có sự tách ra một phần trước hết để duy trì cuộc sống thể xác, phần còn lại thì chăm lo khuyến khích phát triển tiếp về tinh thần. Sự thực một bên luôn tạo ra tiền đề cho bên kia.

Các nhà nước mà không phục vụ mục đích này đều thuộc loại sai, thuộc loại quái thai được sinh ra. Sự thực về sự tồn tại của chúng ít thay đổi hơn là thành tích bất hảo của cộng đồng những tên bất lương tìm cách bào chữa cho hành động ăn cướp của chúng.

Chúng tôi là các nhà theo chủ nghĩa xã hội quốc gia được phép là chiến sĩ của một thể giới quan mới, chẳng bao giờ lại đứng trên “cái nền đất nổi tiếng với những việc sai lầm” đó. Chúng tôi trong trường hợp này có thể không còn là chiến sĩ của một luồng tư tưởng lớn mới mà chỉ là phụ phen cho sự đối trá ngày nay thôi. Chúng tôi phải phân biệt rõ ràng và sâu sắc nhất giữa nhà nước là một cái thùng và tộc người là vật chứa trong đó. Cái thùng này chỉ có ý nghĩa, nếu nó chứa vật để trong đó và có thể bảo vệ nó. Trong trường hợp khác đi thì nó chẳng có giá trị gì cả.

Như vậy mục đích cao nhất của một nhà nước nhân dân là việc chăm lo đến sự bảo tồn các yếu tố gốc rễ của tộc người, những yếu tố mà tạo ra văn hóa, vẻ đẹp và phẩm giá của một lớp người cao cấp hơn. Chúng tôi là người Arian có khả năng hình dung dưới khái niệm một nhà nước là một cơ chế sống động của một dân tộc, nó không chỉ giữ vững sự bảo tồn mà còn dẫn dân tộc đó nhờ việc đào tạo tiếp những khả năng tinh thần và tư tưởng tới sự tự do ở mức cao nhất.

Người ta tìm cách ép cho chúng tôi cái gọi là nhà nước đó, thường chỉ là sự sinh ra như một sự nhầm lẫn của nhân loại với hiện tượng tiếp theo là sự đau thương chẳng thể nói ra.

Chúng tôi những người theo chủ nghĩa quốc xã biết rằng mình là những nhà cách mạng ngày nay với quan điểm đó, và cũng bị ô danh vì thế. Chỉ riêng tư tưởng và hành động của chúng tôi đều không được xác định bằng sự hoan hô hay từ chối của thời đại này, mà do trách nhiệm gán với một sự thật mà chúng tôi nhận ra. Sau đó chúng tôi được phép tâm phục rằng tầm nhìn cao hơn của thế hệ sau họ không chỉ hiểu việc làm hôm nay của mình mà còn công nhận là đúng và nâng tầm nó lên.

Từ đó cho thấy thước đo đối với chúng tôi những người theo chủ nghĩa quốc xã là việc đánh giá một nhà nước. Giá trị này sẽ là tương đối thôi, từ quan điểm của từng người dân mà ra, nhưng là một giá trị tuyệt đối của nhân loại. Nghĩa là nếu nói bằng cách khác thì như sau:

Chất lượng của một nhà nước không thể được đánh giá theo trình độ văn hóa hay ý nghĩa của quyền lực một nhà nước trong khuôn khổ của phần thế giới còn lại, mà chỉ theo mức độ cao thấp trong chất lượng phục vụ cho đối tượng nhân dân liên quan đến nó.

Một nhà nước có thể được mô tả là có giá trị mẫu mực nếu nó không chỉ đáp ứng những điều kiện sống cho nhân dân mà nó đại diện, mà còn duy trì thực tế cuộc sống cho nhân dân qua sự tồn tại của chính nó – dù ý nghĩa văn hóa nói chung của cơ cấu nhà nước đó trong khuôn khổ phần thế giới còn lại ra sao. Vì nhiệm vụ của nhà nước không phải là tạo ra khả năng, mà chỉ là tạo con đường tự do cho các lực lượng đã có. Như vậy một nhà nước có thể bị coi là tồi tệ, nếu nó làm cho những người trụ cột làm văn hóa ở mọi mức độ cao thấp trong tập thể các chủng tộc phải đi xuống. Vì như vậy nó phá hủy thực sự tiền đề cho sự

tồn tại tiếp tục của nền văn hóa đó, cái mà không phải nó tạo ra mà là kết quả sinh ra từ tập thể sống động do nhà nước tập hợp từ các tầng lớp nhân dân sáng tạo ra văn hóa đã được bảo đảm chắc chắn. Một nhà nước như vậy không thể hiện nội dung mà thể hiện hình thức. Trình độ văn hóa của từng dân tộc như vậy không phải là thước đo phẩm chất của một nhà nước mà họ sống với nó.

Điều rất dễ hiểu là một dân tộc được trời ban cho nền văn hóa sẽ thể hiện một hình ảnh có giá trị cao hơn là một tộc người da đen; mặc dù vậy cơ chế nhà nước của tộc người đầu tiên nếu đánh giá về sự đáp ứng mục đích thì lại tồi hơn là nhà nước của người da đen. Nếu nhà nước loại có chất lượng tốt nhất và loại có hình thức tốt nhất không thể moi được ra những khả năng của người dân mà đơn giản là đang thiếu hay chưa bao giờ có, thì một nhà nước tồi chắc chắn là sẽ đưa tới sự hủy diệt những khả năng tồn tại ngay từ gốc rễ vào thời gian sau qua việc cho phép hay khuyến khích sự tiêu diệt những người làm văn hóa của tộc người đó.

Như vậy bản đánh giá về phẩm chất của nhà nước trước hết chỉ có thể được xác định từ cái lợi tương đối mà nó tạo ra cho một tộc người nhất định và không phải từ ý nghĩa mà người ta mang đến cho nó trên thế giới.

Bản đánh giá tương đối này có thể được làm nhanh và tốt, chỉ có bản đánh giá tuyệt đối là rất khó thôi, vì loại đánh giá tuyệt đối này thực ra không chỉ do nhà nước, mà nhiều hơn là do phẩm chất và trình độ của tộc người ở đó xác định.

Nếu người ta vì vậy mà nói tới sứ mạng cao hơn của nhà nước thì người ta không bao giờ được phép quên rằng sứ mạng cao hơn chỉ có trong nhân dân mà nhà nước phải tạo điều kiện cho phát triển tự do qua sức tổ chức đã có của nó.

Nếu vì vậy mà ta đặt ra câu hỏi là nhà nước nên được lập ra thế nào, cái loại mà người Đức cần tới ấy, thì chúng ta trước hết phải hiểu rõ về việc loại người nào mà nó muốn tập hợp dưới trướng và nó phục vụ vì mục đích gì.

Dân tộc Đức của chúng tôi đáng tiếc không còn dựa trên cái trục lõi của một tộc người thống nhất nữa. Quá trình hòa nhập của nhiều thành phần gốc khác nhau cũng không phát triển xa tới nỗi mà người ta có thể nói về một tộc người mới lập nên từ đó. Ngược lại: sự đầu độc dòng máu của cơ thể dân tộc

tôi, đặc biệt trong cuộc chiến những năm 30 không chỉ dẫn tới sự phân hủy dòng máu của chúng tôi, mà còn phá hủy linh hồn chúng tôi nữa.



Quân hỗ trợ Hitler đến Munich ngày 09/11/1923.

Những biên giới mở của đất nước chúng tôi, việc dựa vào những cơ thể xa lạ không phải người Đức dọc theo khu vực biên giới này, trước hết là dòng chảy mạnh của loại máu xa lạ vào trong vùng đất quê hương làm cho luôn có sự thay đổi mới và không có thời gian để hòa nhập tuyệt đối. Không có tộc người mới được chế biến ra, mà chỉ có những thành phần các tộc người ở lại bên cạnh nhau, kết quả đặc biệt là trong những khoảnh khắc quan trọng mà người ta thường tụ tập lại thành đám đông thì dân tộc Đức lại chạy rời khỏi nhau theo mọi hướng. Không chỉ phân rải tại các khu vực khác nhau mà các yếu tố cơ bản của các tộc người còn bố trí ở từng nơi riêng lẻ, trong cùng một khu vực. Bên cạnh những người phương Bắc là người phương Đông, bên cạnh phương Đông là người Irắc hay Nam Tư, bên cạnh hai người đó là người phương Tây, và giữa họ là những người lai. Điều này một mặt là điều thiết thời lớn: dân tộc Đức thiếu bản năng sống bầy đàn an toàn, bản năng này do sự thống nhất dòng máu

tạo nên và đặc biệt là cảnh báo cho các dân tộc biết tránh sự suy thoái những lúc có nguy hiểm, khi mà trong những tộc người này mọi sự khác biệt nhỏ đều bị trừ bỏ ngay và cùng chống lại kẻ thù chung với một mặt trận khép kín của đội ngũ thống nhất. Trong sự việc các yếu tố cơ bản của các tộc người hoàn toàn khác nhau đủ các loại nằm bên cạnh không pha trộn có lý do của việc xuất hiện cái mà người ta mô tả là chủ nghĩa cá nhân quá khích. Trong những thời gian hòa bình thịnh vượng nó có thể có tác dụng tốt, còn nói chung thì nó làm chúng tôi mất quyền thống trị thế giới. Nếu dân tộc Đức trong sự phát triển lịch sử của nó có sự thống nhất của cả tập thể tộc người, điều có lợi như đối với các dân tộc khác cũng vậy, thì nước Đức hôm nay chắc là nữ hoàng của cả trái đất này rồi. Lịch sử thế giới có thể diễn biến theo chiều hướng khác đi và không người nào có thể quyết định được, liệu trên đường đi này có gặp được cái mà những người ở Thái Bình Dương bị lóa mắt và khóc lóc kêu gào để hy vọng xin xỏ: một nền hòa bình, không do điều bộ của những người phụ nữ đầy nước mắt than vãn làm nên mà được lập ra bởi thanh kiếm hiển hách chiến công của một thế giới ông chủ đã đưa thế giới vào một nền văn hóa cao hơn.

Sự thật về sự không tồn tại một tộc người thống nhất dòng máu đã đem đến cho chúng tôi nỗi đau không nói nên lời. Nó đã tặng nhà cửa cho nhiều kẻ thống trị người Đức nhỏ bé, nhưng đã lấy mất của dân tộc Đức cái quyền làm chủ ấy.

Ngày nay cũng vậy, dân tộc chúng tôi vẫn còn chịu đựng sự phá hủy bên trong đó; cái gì đem lại bất hạnh cho chúng tôi trong quá khứ và hiện tại thì có thể đem lại lợi ích cho chúng tôi trong tương lai. Vì dù nó có hại cho một bên là không có sự pha trộn hết những thành tố tộc người gốc và qua đó cản trở sự tạo nên cơ thể người thống nhất trong tộc, thì bên kia lại gặp may mắn vì ít nhất một phần dòng máu tốt nhất của chúng tôi lại được duy trì tinh khiết và làm tránh được sự suy thoái của tộc người.

Chắc chắn là nếu có sự pha trộn tận cùng các thành tố gốc của dân tộc chúng tôi thì sẽ tạo nên một tộc người khép kín, mà riêng nó đã chứng tỏ như một loại người lại đáp ứng khả năng văn hóa ít hơn là nếu nó còn giữ lại được những thành tố gốc cao quý nhất. Điều này là sự thuận lợi cho việc ngừng pha trộn tận cùng: chúng tôi ngày nay mang trong mình những thành phần lớn còn

lại không pha trộn của tộc người Đức phương Bắc, nhờ nó mà chúng tôi có thể được phép nhìn về kho tàng giá trị nhất của tương lai. Trong thời gian đục mờ không kiến thức, nhạt nhòa tất cả các luật lệ về chủng tộc, vì con người xuất hiện hoàn toàn cùng giá trị là con người nên thiếu sự rõ ràng về giá trị khác nhau của từng yếu tố gốc.

Ngày nay chúng ta biết rằng một sự pha trộn tận cùng các thành phần cơ thể chúng ta do sự thống nhất đem tới có thể đã đem tặng quyền lực bên ngoài cho ta nhưng lại làm cho mục tiêu cao nhất của nhân loại không đạt tới được, vì người duy nhất có khả năng đó mà số phận đã cho thấy có thể làm hoàn chỉnh được đã bị chìm ngấm xuống trong cái nồi cháo các tộc người của dân tộc thống nhất này rồi.

Cái bị cản trở nếu không có sự can thiệp của chúng tôi qua số phận may mắn là cái mà nay chúng tôi có, từ quan điểm đã trở thành nhận thức đạt được của chúng tôi và phải đem kiểm tra xem xét và đánh giá.

Ai nói về sứ mệnh của dân tộc Đức trên trái đất phải biết rằng nó chỉ có thể đứng vững trong sự thành lập một nhà nước mà thấy được nhiệm vụ cao nhất của nó là sự duy trì và khuyến khích những thành phần cao quý nhất còn lại không bị xâm phạm của tộc người chúng tôi, phải, của cả nhân loại.

Như vậy lần đầu tiên nhà nước nhận được một mục tiêu cao bên trong. Đối diện với sự cam kết nực cười về việc bảo đảm trật tự an ninh, để tạo điều kiện hòa bình cho sự lừa đảo nhau, xuất hiện nhiệm vụ duy trì và khuyến khích một tộc người cao nhất được ban cho nhờ lòng tốt của chúa là người có thể lực mạnh nhất trái đất này, nhiệm vụ này là một sứ mệnh thực sự cao cả.

Từ một bộ máy chết chỉ yêu cầu thực hiện ý muốn tồn tại của nó cần phải được biến đổi thành một cơ chế sống với mục đích là phục vụ một tư tưởng cao hơn.

Vương quốc Đức cần tập hợp tất cả người Đức với nhiệm vụ không chỉ thu nhận những con người cao quý nhất của dân tộc này có các yếu tố gốc của tộc người và duy trì chúng, mà còn đưa họ từ từ và chắc chắn lên tới vị trí thống trị.

CHƯƠNG 2.2: QUÁ TRÌNH ĐẦU ĐỘC DÒNG MÁU TỘC NGƯỜI

Như vậy thay vào vị trí một trạng thái chết, nếu nói thực ra, là một thời kỳ đấu tranh. Nhưng vẫn như mọi khi và trong mọi việc trên thế giới này, từng từ trong câu sau sẽ giữ lại giá trị của nó, rằng “Ai nghỉ ngơi sẽ rỉ mòn đi”, và tiếp tục thế, chiến thắng vĩnh cửu chỉ có trong sự tấn công. Mục tiêu đấu tranh mà đang hiện trước mắt ta càng lớn, sự thông cảm của đám đông quần chúng càng ít trong khoảnh khắc quan trọng càng ít, thì những thành tựu và ý nghĩa của những thành tựu đó càng vĩ đại, theo kinh nghiệm trong lịch sử thế giới, nếu mục tiêu được ngấm đung và cuộc đấu tranh được tiến hành với sự kiên trì không bị lung lay.

Tất nhiên đối với nhiều nhà cầm lái ngòi trong công sở của ta hôm nay có thể là yên tâm hơn với việc tác động vào sự duy trì một tình trạng đã có hơn là phải chiến đấu cho một tình trạng sắp sinh ra. Họ sẽ thấy nhẹ nhàng hơn nhiều nếu nhìn thấy trong nhà nước có một bộ máy chỉ đơn giản là hiện diện tự duy trì trong cuộc sống, như cuộc sống “thuộc về nhà nước” vậy như họ cố gắng để nói lên điều này. Cứ như là có ý gì đó nảy sinh từ nhân dân có thể phục vụ việc khác logic hơn là tự phục vụ, hoặc con người có thể tác động vào các vấn đề khác hơn là tác động vào con người. Như đã nói tới, tất nhiên là dễ dàng khi nhìn vào uy tín của nhà nước chỉ có bộ máy hình thức của một tổ chức hơn là sự thể hiện độc lập một cơ chế tự duy trì của một dân tộc trên quả đất. Vì trong một trường hợp thì nhà nước đối với những người tinh thần yếu kém lấy uy tín làm mục đích, mặt khác lại chỉ là một vũ khí bạo lực để phục vụ cho cuộc đấu tranh sinh tồn lớn, một vũ khí mà ai cũng phải thần phục, vì nó không phải là bộ máy hình thức mà còn là biểu hiện một ham muốn chung về sự duy trì cuộc sống.



Ảnh minh họa.

Vì vậy chúng tôi cũng chỉ tìm trong cuộc chiến đấu cho quan điểm mới của chúng tôi, quan điểm mà đáp ứng được ý nghĩa gốc của sự vật, một số đồng đội từ một tầng lớp xã hội không chỉ già cỗi về cơ thể mà thường còn cũ kỹ về tư tưởng nữa. Chỉ có trường hợp ngoại lệ ở những người già nhưng có trái tim trẻ trung và đầu óc vẫn tươi mới thì sẽ ra khỏi tầng lớp đó đến tới chúng tôi, không bao giờ là loại đồng đội mà lại nhìn thấy ý nghĩa cuối cùng của nhiệm vụ sống còn của họ trong sự duy trì tình trạng cũ đã có.

Đối diện với chúng tôi là đội ngũ đông vô tận, ít hơn người xấu xa độc ác, của loại người bàng quan thờ ơ lười suy nghĩ, và còn có cả những người quan tâm tới việc duy trì tình trạng hiện nay. Chỉ riêng sự vô vọng có thể sinh ra trong cuộc chiến tàn bạo của chúng tôi đã có lý do cho tầm cỡ nhiệm vụ và khả năng thành công của nó. Tiếng kêu gọi vào trận mà lúc đầu hoặc đuổi bọn ma nhỏ đi hoặc làm chúng thất vọng ngay, sẽ trở thành tín hiệu tìm tới nhau của những người có bản chất chiến đấu thực sự. Và người ta phải rõ một điều là: nếu từ một tộc người có một số người có năng lượng cao nhất và năng lực hành động tiến tới một mục tiêu và xuất hiện thống nhất, đồng thời rút bỏ sự lười

biếng trì trệ của đám đông quần chúng, thì nhóm người chiếm số phần trăm ít ỏi đó sẽ tiến lên thành chủ nhân của số đông. Lịch sử thế giới sẽ được tạo ra từ số ít, nếu trong thiểu số đó thể hiện đa số nguyện vọng và tiềm năng quyết định.

Vì vậy ngày nay cái gì đối với nhiều người là việc khó khăn thì trong thực tế là tiền đề để chiến thắng. Chỉ có những chiến sĩ giỏi nhất sẽ tìm thấy cuộc đấu tranh của họ chính trong quy mô và sự khó khăn của nhiệm vụ giao cho họ. Đây là xác suất lựa chọn để bảo đảm sự thành công.

Nói chung tự nhiên đã lo cho việc đưa ra những quyết định sửa đổi về vấn đề trong sạch chủng tộc của những sinh vật sống trên trái đất. Nó rất ít khi thích sự lai giống. Đặc biệt những kết quả đầu tiên của những cuộc gặp gỡ như vậy đều phải chịu nhiều cay đắng, ở những thành phần thứ ba, tư và năm. Không chỉ ý nghĩa của thành phần gốc cao cấp nhất khi gặp gỡ bị lấy mất, mà trong máu của họ vì thiếu tính tinh khiết nên thiếu sự thống nhất của sức quyết định cũng như ham muốn cuộc sống.

Ở tất cả khoảnh khắc quan trọng mà con người cùng tộc thống nhất đưa ra những quyết định đúng đắn thống nhất thì người của tộc đã tan vỡ sẽ trở nên bất an hoặc chỉ đưa ra được những biện pháp nửa vời thôi. Đi cùng nhau không chỉ là sự thần phục ở mức nào đó của người bị tan vỡ đối với người của tộc thống nhất, mà trong thực tế có cả khả năng của sự chìm ngấm nhanh hơn. Trong vô vàn trường hợp cho thấy tộc người thống nhất có thể đứng vững thì hội người y lại bị bẻ gãy thành từng mảnh ra. Trong đó người ta nhìn thấy sự sửa chữa của tự nhiên. Điều này luôn xảy ra liên tục. Nó giới hạn khả năng tăng trưởng tộc người, qua đó nó làm cản trở khả năng sinh sản của những cuộc lai giống nói chung và dẫn chúng tới sự hủy diệt.

Ví dụ nếu trong một tộc người nhất định có sự đi vào môi liên hệ giữa từng chủ thể với người của tộc người thấp hơn, thì kết quả trước hết sẽ là sự giảm trình độ của nó, tiếp theo là sự yếu kém của thể hệ nối tiếp so với những người của tộc không bị lai giống xung quanh. Khi có sự cản trở hoàn toàn việc cho vào dòng máu của tộc người cao cấp thêm dòng máu khác thì sẽ làm cho người lai khi luôn có sự phối giống như vậy hoặc là chết hết vì giảm sức đề kháng hoặc trong vài ngàn năm lại tạo nên một giống mới, ở loại này những yếu tố gốc riêng lẻ qua hàng ngàn lần gặp gỡ đã bị pha trộn hoàn toàn, cuối cùng

không thể nhận ra được nữa. Có thể một tộc người mới được tạo nên mà có một khả năng kiên cường tự bảo vệ nhờ số đông người, nhưng đối với tộc người cao cấp nhất khi lần đầu gặp gỡ thì bị giảm nhiều ý nghĩa tinh thần và văn hóa của nó. Nhưng cũng ở trường hợp vừa đề cập trong cuộc đấu tranh với nhau để tồn tại thì người lai không thắng được, khi nào một đơn vị tộc người cao cấp hơn không bị pha tạp dòng máu vẫn là đối thủ của nó. Mọi quyết tâm của tộc người mới trong vòng một ngàn năm sẽ do sự giảm trình độ chung của tộc người và do đó giảm cả độ dẻo dai về tinh thần và khả năng sáng tạo không đủ giúp họ đứng vững và chiến thắng trong cuộc chiến với một tộc người thống nhất, tinh thần và văn hóa còn cao hơn họ.

Như vậy người ta có thể viết nên câu có giá trị như sau:

Việc gặp gỡ với tộc người lai dẫn tới sự bắt buộc sớm hay muộn sinh ra sự suy thoái của người lai, tới khi nào phân cao cấp hơn trong cuộc phối giống này tự nó vẫn còn tồn tại trong con người thuần chủng. Mỗi hiểm nguy cho người lai chỉ được xóa bỏ trong thời điểm xảy ra việc lai tạo của tộc người cao cấp hơn.

Trong đó có quá trình tái tạo tự nhiên dù có chậm hơn làm cho mất đi mọi sự đầu độc dòng máu người cho tới khi vẫn còn tồn tại một lõi bên trong thuần chủng tộc người đó và không còn sự lai giống xảy ra nữa.

Một quá trình như vậy có thể tự xuất hiện ở những người sống với bản năng chủng tộc mạnh, họ chỉ bị ném ra khỏi quỹ đạo của sự gia tăng bình thường số lượng của tộc người khi có những hoàn cảnh đặc biệt xuất hiện hay bị ép buộc thế nào đó thôi. Khi tình thế ép buộc này kết thúc, số người thuần chủng còn lại muốn bắt đầu ngay với việc cặp đôi với người cùng loại, làm cho việc pha trộn dòng máu lại bị dừng lại ngay. Những kết quả lai giống lại bị lùi lại phía sau, dù số lượng của họ đã tăng lên điểm vô tận rồi, trừ phi sức kháng cự nghiêm chỉnh của những người thuần chủng còn lại không còn là vấn đề gì nữa.

Con người có lần trở nên mất bản năng và không nhận ra trách nhiệm của anh ta do tự nhiên trao cho, nhưng anh vẫn không được phép hy vọng vào sự sửa đổi từ phía tự nhiên khi anh không thay thế bản năng đã mất bằng sự nhận biết mắt nhìn được. Ở đây anh phải tiến hành công việc cải thiện theo yêu cầu.

Những mối hiểm nguy rất lớn, con người đã bị như mù này luôn phá vỡ thêm rào ngăn giới hạn chủng tộc cho tới khi phần còn lại tốt nhất của anh ta bị mất đi. Như vậy thực sự chỉ còn lại nỗi chao thống nhất cứ lơ lửng như cái gì lý tưởng trước mắt những nhà cải tạo thế giới ngày nay; rồi con người sẽ đuổi cái lý tưởng đó ra khỏi thế giới này trong một thời gian ngắn. Tất nhiên rồi: một đám đông người có thể được tụ tập lại, một con thú người ta có thể dồn vào chuồng, một con người là người làm văn hóa, tốt hơn là người tạo lập ra văn hóa và sáng tạo tiếp văn hóa thì không thấy sự lai giống đó. Sự mạng của nhân loại có thể được xem là đã kết thúc.

Thế hệ ngày nay của những người nổi tiếng xấu xa yếu kém tất nhiên sẽ gào lên ngay và kêu ca than vãn về sự can thiệp vi phạm những quyền thiêng liêng nhất của con người. Không, chỉ có một quyền thiêng liêng nhất của con người và quyền này đồng thời là trách nhiệm cao nhất, đó chính là lo sao cho dòng máu tộc người được giữ thuần chủng, chỉ để duy trì nòi giống người tốt nhất, tạo điều kiện cho sự phát triển cao cấp hơn của họ.

Một nhà nước nhân dân trước hết sẽ phải nhấc hôn nhân ra khỏi nơi của nỗi nhục nhã kéo dài vì lai tạp tộc người, để đem tới cho nó một cơ quan được lập ra nhằm đem lại thế hệ nối tiếp của người chủ chứ không phải loại quái thai nửa người nửa khỉ.

Sự phản kháng chống lại cái gọi là lý do nhân đạo đang ở trong tình trạng xấu, một phía thì tạo điều kiện cho giống người thoái hoá sinh sôi nảy nở lên, sản phẩm của họ chất lên chính họ và những người cùng thời nổi đau không thể nói lên lời, trong khi mặt khác lại chào bán cho những bố mẹ tội lỗi nhất ở từng hiệu tạp hóa và người bán rong loại phương tiện để cản trở sinh đẻ. Trong nhà nước loại này của hòa bình trật tự hôm nay, trong mắt của những người đại diện cho nó là giới tư sản dân tộc dũng cảm thì việc cản trở khả năng sinh sản của những người mắc bệnh giang mai, lao, stress di truyền, tàn tật, ngu ngốc là một tội ác, ngược lại sự ngăn cản khả năng sinh sản của hàng triệu người loại tốt nhất về giống không bị coi là xấu và chẳng vi phạm tập quán tốt của cái xã hội đạo đức giả mà có lợi nhiều hơn cho sự lười tư duy thiên cận. Vì nếu khác đi thì người ta luôn phải suy nghĩ đến vỡ đầu ra là làm sao để tạo ra những tiền đề cho sự nuôi dưỡng và duy trì loại người được coi là người trụ cột cho dân tộc chúng

tôi mà cần phải phục vụ nhiệm vụ tương tự liên quan tới giới tính thể hệ tiếp theo.

Toàn bộ hệ thống này mới vô lý tưởng và thấp hèn làm sao! Người ta chẳng cố gắng để tạo nên những gì tốt nhất cho thế hệ sau, mà để cho mọi việc diễn ra như tự nó thế. Kể cả các nhà thờ cũng gây tội lỗi trước ảnh Chúa mà ý nghĩa của ngài được họ nhắc tới nhiều nhất, điều này nằm trên con đường tác động của họ ngày nay, khi mà họ chuyên nói về tinh thần và người có nó, về những con người để cho mình thoái hóa trở thành giai cấp không có tài sản gì.

Sau đó người ta lại ngạc nhiên với bộ mặt ngu ngốc về tác động ít ỏi của niềm tin vào Chúa ngay tại đất nước họ, về sự “vô đạo” kinh khủng của loại người khôn khổ cơ thể thì suy nhược và cùng với nó là tinh thần thì bạc nhược. Họ tự tìm và thành công ở các dân tộc Hottentotten và Zulukaffern với sự cho phép của nhà thờ để đền bù lại. Trong khi các dân tộc châu Âu chúng ta thì nhờ ơn Chúa và ca ngợi Chúa bị rơi vào tình trạng một cơ thể về thể xác lẫn đạo đức như bị bệnh hủi vậy, thì nhà truyền giáo sùng đạo lại đi tới vùng Trung Phi và tạo ra các sứ mạng cho người da đen, cho tới khi “nền văn hóa cao cấp hơn” được tạo ra từ những đứa con khỏe mạnh, dù là loại người đơn giản và thuộc tầng lớp thấp, dù từ đó tạo nên cả lớp trẻ con lai lười biếng.

Điều này sẽ đáp ứng ý nghĩa của những người cao quý nhất trên thế giới này, nếu hai nhà thờ Thiên chúa giáo của chúng ta thay vì quấy rối làm phiền hội da đen bằng các sứ mệnh mà chẳng ai mong muốn lần hiểu chúng, thì nên dạy cho loài người ở châu Âu với lòng tốt và sự nghiêm chỉnh hoàn toàn, nhưng sẽ dạy cho tất cả là ở chỗ những cha mẹ Ồm yếu thì Chúa coi là một kiệt tác dễ chịu nhất, nếu thương xót một đứa trẻ mồ côi nhỏ bé nghèo nhưng khỏe mạnh, để tặng cho nó người cha và người mẹ, hơn là tự đẻ ra cho đời một đứa trẻ Ồm yếu chỉ mang bất hạnh đau khổ cho mình và thế giới khác.

Cái gì ngày nay bị các bên bỏ qua trong lĩnh vực này thì nhà nước nhân dân phải làm lại. Nó có nhiệm vụ đặt tộc người vào trung tâm cuộc sống chung. Nó phải lo sao cho tộc người được duy trì sự thuần chủng. Nó phải giải thích rằng đứa trẻ là của cải quý giá nhất của một dân tộc. Nó phải lo sao cho ai khỏe mạnh mới được sinh con; chỉ là điều nhục nhã nếu có bệnh tật và khiếm khuyết cơ thể thì đừng nên đẻ con ra cho cái thế giới này, mà niềm vinh dự lớn nhất

chính là từ bỏ việc đó. Ngược lại thì bị chỉ trích, khiển trách: những đứa trẻ khoẻ mạnh phải giữ lại cho dân tộc.

Nhà nước phải xuất hiện đích thực là chủ nhân của tương lai hàng ngàn năm, ngược lại với ham muốn và tính vị kỷ của từng người lại không xuất hiện và phải tránh đi. Nó phải đưa thuốc men hỗ trợ hiện đại nhất của bác sĩ vào phục vụ họ. Nó bị kiệt quệ thể nào đó hay bị khối tải nặng đè lên từ trước và tiếp tục bị chất tải, do đó không còn sinh sôi được và thực tế cũng phải nói ra được điều đó. Ngược lại nó phải lo sao cho khả năng sinh sản của đàn bà không bị giới hạn do tình trạng tài chính tồi tệ của một chế độ nhà nước mà tạo cho cha mẹ phải dùng hạnh phúc của các con để làm lý do trốn tránh. Nó cùng sự bàng quan lười biếng đáng lên án mà ngày nay người ta dùng để xử lý với những điều kiện xã hội của một gia đình đông con, phải thu dọn và phải đứng vào vị trí làm ô che cao nhất có lợi cho quần chúng. Sự lo lắng của nhà nước dồn cho đứa con nhiều hơn là cho người lớn.

Ai không đáng coi trọng vì yếu thể xác và cả tinh thần thì không được phép đưa sự đau yếu đó vào cơ thể con anh ta mãi. Nhà nước nhân dân phải tiến hành một công việc giáo dục lớn lao nhất ở đây. Việc này xuất hiện như là một hành động vĩ đại hơn là những cuộc chiến vinh quang nhất trong thời đại tư sản chúng ta ngày nay. Nó phải giáo dục cho từng người rằng không phải là nỗi nhục nhã mà chỉ là điều bất hạnh đáng tiếc nhất nếu ốm đau yếu ớt, nhưng là một tội ác và đồng thời là nỗi nhục nhã nếu đem nỗi bất hạnh đó do sự ích kỷ của mình mà chất lên một con người trong trắng và làm mất phẩm giá mình đi; Đối diện với nó là tầng lớp quý tộc có trí lực cao nhất và tính nhân bản đáng thán phục nhất, khi người ốm vô tội bỏ đi đứa con ruột thịt của mình, đem tình yêu và sự dịu dàng tặng cho một đứa bé nghèo xa lạ khác của dân tộc anh ta mà với sức khoẻ của nó hứa hẹn trở thành một thành viên tráng kiện trong một cộng đồng sung sức. Và nhà nước phải bổ sung chỉ về mặt giáo dục tinh thần vào hoạt động thực tế của mình trong công việc giáo dục đó. Nó phải hành động mà không cần quan tâm tới việc có hay không có sự thông cảm, đồng tình hay không đồng tình theo ý nghĩa này.



Đồng Reichsmark gia tăng giá trị một cách đáng kể trong thời Đức quốc xã.

Một sự cản trở chỉ trong sáu trăm năm khả năng sinh sản và điều kiện sinh sản của những người bị thoái hoá cơ thể và bệnh hoạn về tinh thần sẽ không chỉ giải phóng nhân loại khỏi sự bất hạnh vô biên mà còn đóng góp vào làm lành mạnh con người mà ngày nay ta thấy hầu như khó tưởng tượng nổi. Nếu như vậy mà sự khuyến khích theo kế hoạch và có ý thức tính phồn thực của những người khoẻ mạnh nhất của dân tộc biến thành hiện thực được, thì kết quả sẽ có một dân tộc mà trước hết và ít nhất là những mầm mống suy thoái cơ thể và suy thoái cả tinh thần bị loại bỏ.

Vì nếu một dân tộc và một nhà nước đã đi vào con đường này một lần, thì sau đó sẽ luôn chú ý tới việc tăng cường cái lõi giá trị nhất của tộc người và tăng cả khả năng phồn thực của nó nữa, để có thể làm cho cả dân tộc đó được hưởng phần nuôi dưỡng cao cấp có lợi cho nó phần nào.

Đường lối ở đây trước hết là một nhà nước không để những vùng đất mới chiếm cho dân giữ được chờ đợi phép màu bất kỳ mà sắp xếp chúng dưới những tiêu chuẩn đặc biệt. Các ủy ban dân tộc tự thành lập phải cấp giấy chứng nhận tại từng khu vực; việc này lại gắn với sự thuần chủng nhất định cần được xác định. Như vậy dần dần các vùng thuộc địa biên giới được thành lập mà người dân ở đó là người có tính thuần chủng cao nhất và tính chăm chỉ cao nhất của dòng tộc. Đó là những kho tàng quý giá của cả dân tộc; sự phát triển của chúng phải được từng thành viên đáp ứng với niềm tự hào và sự phấn khởi tin tưởng, và trong tính cách đó có mầm mống để phát triển lớn lên trong tương lai của dân tộc đó, phải, của cả nhân loại.

Thế giới quan nhân dân trong nhà nước nhân dân phải đạt được việc dẫn tới kỷ nguyên đáng quý hơn mà trong đó con người không còn chú ý tới việc nuôi chó, ngựa và mèo cao cấp hơn mà tự nâng cấp mình lên, thời điểm mà người này thì từ bỏ một cách im lặng công nhận, còn người kia thì mừng rỡ hy sinh và cho.

Điều có thể diễn ra là người ta không được từ chối trong một thế giới mà hàng trăm ngàn và hàng trăm ngàn người tự nguyện sống độc thân chẳng vì trách nhiệm gì hay gấn bó gì mà do các điều răn của nhà thờ.

Nếu không thể từ bỏ như thế, khi thay vào đó là sự cảnh báo nên dừng lại tội lỗi di truyền dài lâu do sự đầu độc dòng máu tác động và đưa lại bản chất con người cho Chúa toàn năng, như Người đã tạo nên họ.

Tất nhiên là cái đám đông đau khổ của các ông chủ hôm nay chẳng bao giờ hiểu nổi. Họ sẽ cười vì vậy và nhún vai để rên lên lời nguy biện: “Cái đó cũng hay đấy nhưng không làm được!”. Với các vị thì không thể làm gì được nữa, thế giới của các vị không phù hợp với nó! Các vị chỉ biết mỗi một nỗi lo: đó là cuộc sống cá nhân của các vị, và một đức Chúa: tiền của các vị mà thôi!

Nói riêng, chúng tôi cũng không nhờ tới các vị mà nhờ tới đội quân lớn của những người quá nghèo, cuộc sống riêng của họ có thể là niềm hạnh phúc

cao nhất của thế giới, nhờ tới những người mà nhìn thấy các quan nhiếp chính của họ không ở trong vàng mà lại tin vào các Chúa trời khác. Trước hết chúng tôi nhờ vào đội ngũ hùng mạnh của lớp thanh niên Đức. Họ lớn lên trong một thời điểm ranh giới và có sự thay đổi lớn. Cái do sự lười biếng và bàng quan của cha ông họ còn nợ lại thì một là nên làm ông chủ xây dựng một nhà nước nhân dân mới hoặc là người làm chứng cuối cùng của một sự đổ vỡ hoàn toàn, trải nghiệm sự kết thúc của thế giới tư sản.

Vì nếu một thế hệ chịu đựng những lỗi lầm mà họ nhận biết hoặc có khi thú nhận, để sau đó, dù như ngày hôm nay xảy ra đối với giới tư sản của chúng tôi, tự thấy đủ với lời giải thích rẻ tiền, rằng chẳng thể thay đổi gì cả, sau đó cái xã hội ấy rơi vào suy thoái. Nét đặc trưng của giới tư sản chúng tôi là họ chẳng thích phủ nhận sự đổ vỡ nữa. Họ phải thú nhận là có nhiều cái thối nát tồi tệ nhưng họ chẳng tìm ra quyết định chống lại sự khó chịu, tập trung sức lực của một dân tộc sáu mươi – bảy mươi triệu người với năng lượng cố hết sức lấy ra và để chống lại mỗi nguy hiểm.

Ngược lại: nếu ở đâu đó xảy ra việc gì thì sau đó chỉ có những lời xuyên tạc ngu ngốc về việc đó bị lôi ra và người ta ít nhất cũng tìm cách chứng minh từ xa bằng lý thuyết về sự bất khả thi của phương pháp và giải thích rằng thành công là việc khó có thể nghĩ tới. Chẳng có lý do nào đủ đơn giản để không dùng chống đỡ phục vụ cho cái nhỏ bé riêng tư và quan điểm tinh thần của họ. Ví dụ nếu cả một cái lục địa đều đấu tranh chống lại sự đầu độc bằng rượu còn để giải phóng một dân tộc ra khỏi tệ nạn kinh khủng đó thì giới tư sản châu Âu của chúng tôi chẳng có gì ngoài cái gương mặt vô cảm và những cái lác đầu, cảm thấy nực cười ở thế trên cao – ở cái xã hội nực cười nhất này đặc biệt hay gặp ngoại lệ. Nếu mọi việc đều không có tác dụng gì và anh chàng lêu lổng bất khả xâm phạm còn bị đánh lại ở đâu đó trên thế giới, và với thắng lợi nữa, thì ít nhất người này bị nghi ngờ và hạ thấp xuống, người ta sẽ chẳng sợ gì mà không đem những quan điểm đạo đức tư sản chống lại cuộc đấu tranh tìm cách thu dọn những gì vô đạo đức lớn nhất.

Không, về việc này chúng ta không nên dễ bị lừa: Tầng lớp trung lưu của chúng tôi đã trở nên vô giá trị đối với từng nhiệm vụ của nhân loại, đơn giản vì nó không có chất lượng, quá tồi; và quá xấu, vì sự xấu xa – tôi cho là do ý muốn

ít hơn là do sự lười biếng khó tin toát ra tất cả từ họ. Vì vậy những câu lạc bộ chính trị dưới khái niệm tổng hợp là “các đảng phái tư sản” hoạt động khắp nơi, đã từ lâu chẳng là gì ngoài việc là cộng đồng các nhóm ngành nghề và hộ tịch cùng có chung mối quan tâm. Nhiệm vụ tốt nhất của họ chỉ là đại diện cho những quan tâm ích kỷ có thể có nhất mà thôi. Một phường hội tư sản được chính trị hóa như thế được sử dụng để chiến đấu thì có sẵn rồi; đặc biệt là phía đối địch không có các túi hàng hóa cần trọng mà chỉ gồm những người vô sản bị thúc giục hết mức và là người cuối cùng quyết định được.

CHƯƠNG 2.3: MÔN THỂ THAO BỊ NGƯỜI DÂN CHO LÀ MẤT PHẨM GIÁ

Nếu chúng tôi nhận thức được việc duy trì, chăm sóc và phát triển những yếu tố chủng tộc tốt nhất là nhiệm vụ đầu tiên của nhà nước để phục vụ và vì đời sống nhân dân, thì tất nhiên sự chăm sóc cẩn thận không chỉ giành cho việc sinh ra một cậu bé của dân tộc và cùng chủng tộc, mà còn là việc giáo dục thằng bé đó thành một thành viên có giá trị cho sự sinh sản tiếp về sau.

Và như tiền đề cho khả năng hoạt động tinh thần nói chung nằm trong chất lượng của vật chất tạo con người, thì việc giáo dục cho từng người trước hết là đưa sức khỏe thể xác vào tầm ngắm và khuyến khích nó; vì trong đám đông thì một tinh thần khỏe mạnh và đầy sức sống cũng chỉ được tìm thấy trong một cơ thể khỏe mạnh đầy sức sống mà thôi. Việc các thiên tài thỉnh thoảng lại có cấu tạo cơ thể không tốt lắm, có khi là người đau ốm nữa, chẳng có ý chống đối gì ở đây cả.



Ảnh minh họa.

Ở đây nói về ngoại lệ như ở mọi nơi chỉ công nhận quy luật thôi. Nếu một dân tộc có trong số người của họ toàn là người được tái tạo lại thì trong cái ao tù đó may mắn có được một người có tinh thần lớn lao. Tác động của anh ta chẳng thể thành công lớn được. Cái hội bị thoái hóa hoặc là chẳng hiểu mô tê gì hết ở anh, hoặc là mong muốn của họ quá yếu kém, nên họ chẳng hề muốn cất cánh cùng con đại bàng như vậy.

Nhà nước nhân dân phải tổ chức với nhận thức đó toàn bộ công tác giáo dục trước hết không chỉ vào việc bơm kiến thức, mà còn vào công việc nuôi dưỡng những cơ thể khỏe mạnh thực sự bên trong phục vụ cho các khả năng về tinh thần. Ở đây ngay hàng đầu là sự phát triển tính cách, đặc biệt là khuyến khích sức mạnh ham muốn và quyết định gắn với sự giáo dục về tính thân thiện trong trách nhiệm, cuối cùng mới đến đào tạo khoa học.

Nhà nước nhân dân phải xuất phát từ tiền đề là một con người ít được đào tạo về khoa học, nhưng cơ thể lại khỏe mạnh với tính cách tốt, chắc chắn, đáp ứng sự sẵn sàng quyết định và sức mạnh ham muốn nên có giá trị đối với cộng đồng dân chúng hơn là một người yếu ớt mà đầu óc minh mẫn. Một dân tộc toàn

nhà bác học nhưng cơ thể thoái hóa, ham muốn yếu ớt và là những người theo chủ nghĩa hòa bình hèn nhát, không muốn chiếm lĩnh bầu trời, ngay cả sự tồn tại trên trái đất cũng không thể giữ cho an toàn. Trong cuộc chiến đấu định mệnh khó khăn người ít thua không phải là người biết ít nhất, mà luôn là người rút ra những kết luận yếu nhất từ kiến thức của anh ta và biến nó thành hiện thực một cách đáng phàn nàn nhất. Cuối cùng cũng phải có sự hòa hợp nhất định tồn tại ở đây.

Một cơ thể ẻo lả không biến được thành đẹp đẽ hơn nhờ một tinh thần rạng rỡ, phải, sự đào tạo tinh thần cao nhất chẳng thể biện hộ cho nó, nếu người mang nó bị suy thoái cơ thể và tàn tật, tính cách yếu ớt không ham muốn, là chủ thể hèn nhát dao động nữa. Cái đẹp lý tưởng theo kiểu Hy Lạp để cho tồn tại vĩnh cửu, là sự liên hệ tuyệt vời giữa cái đẹp cơ thể với tinh thần luôn rạng rỡ và tâm hồn cao quý.

Nếu câu ngạn ngữ của Moltke: “Về lâu dài chỉ có người chăm chỉ là có hạnh phúc” có giá trị thì chắc chắn mối quan hệ giữa cơ thể và tinh thần là: kẻ cả tinh thần cũng sẽ chỉ ở lại trong một cơ thể khỏe mạnh theo quy luật và về lâu dài, nếu đó là một tinh thần khỏe mạnh.

Vì vậy sự rèn luyện cơ thể trong nhà nước nhân dân không phải là việc riêng của từng người, cũng chẳng phải việc đầu tiên mà cha mẹ phải làm, những người coi việc đó quan trọng thứ hai hoặc ba thôi, mà là một yêu cầu tự duy trì của một dân tộc do nhà nước đại diện và bảo vệ.

Nhà nước, nếu nói về việc đào tạo thuần khoa học, thì hôm nay đã can thiệp vào quyền tự quyết của từng người và nhận biết quyền lợi của tập thể đối diện với người đó, bằng cách chẳng hỏi cha mẹ muốn hay không muốn mà ép đứa trẻ phải vào trường học, như vậy nhà nước nhân dân phải làm cho uy tín của mình có ảnh hưởng ở mức độ cao hơn nhiều so với sự không hiểu biết và không thông cảm của từng người trong vấn đề duy trì dân tộc. Nhà nước phải chia công việc giáo dục sao cho những cơ thể trẻ ngay từ lúc còn nhỏ được chăm sóc cho phù hợp với mục đích và nhận được cái lõi cần thiết rằng chắc như thép cho cuộc sống sau này. Nhà nước phải lo sao cho không phải là một lớp người thể hệ ngồi ì trong phòng được đào tạo nên.

Việc chăm sóc và giáo dục này đã được các bà mẹ trẻ tiến hành. Trong thời gian hàng thập kỷ dài với công việc cẩn thận, sạch sẽ, đạt được sức khỏe không bị bệnh truyền nhiễm lúc sinh, và giới hạn số lần lên cơn sốt ở trẻ con tới mức ít nhất, như thế nó phải tạo điều kiện nhờ đào tạo kỹ lưỡng cho các y tá và bản thân các bà mẹ, ngay từ năm đầu tiên của đứa trẻ được chăm sóc tốt để phục vụ sự phát triển sau này với cơ sở có lợi cho nó.

Trường học của một nhà nước nhân dân phải để nhiều thời gian rồi như vô tận cho việc rèn luyện cơ thể. Không phải là việc chất tải nặng lên trí não một đứa trẻ mà nó chỉ còn lưu lại được phần nào theo kinh nghiệm, mà lại còn lưu giữ nhiều kiến thức phụ không cần thiết thay vì những điều cơ bản quan trọng. Vì đứa bé không thích tự sàng lọc hợp lý những kiến thức được nhồi vào đầu nó.

Nếu ngày nay, ngay cả trong chương trình học của các trường trung học có tập thể dục trong một tuần chỉ với hai tiếng đồng hồ và việc tham gia có khi không bắt buộc mà cho tự do, thì so với việc chỉ đào tạo về mặt tinh thần đó chỉ là sự phân chia nhầm lẫn. Không được để ngày nào mà một người trẻ tuổi không vào tập luyện cơ thể sáng và tối ít nhất một giờ đồng hồ, dù đó là loại hình thể thao hay thể dục dụng cụ nào. Ở đây không được quên một môn thể thao mà trong mắt nhiều người dân bị coi là thô thiển và mất phẩm giá: đó là môn đấu bốc. Thật là khó tin, khi nghe những ý kiến sai của giới “được đào tạo” về việc đó đã lan truyền khắp nơi.

Việc một thanh niên học đấu kiếm và sau đó gõ trống rùm beng lên, được coi là điều dĩ nhiên và đáng tôn trọng, nhưng nếu anh ta đấu bốc thì là việc thô thiển! Tại sao vậy? Không có loại thể thao nào khuyến khích tinh thần tấn công có một tâm cỡ như môn này, nó yêu cầu khả năng quyết định nhanh như chớp, thúc đẩy sự biến đổi một cơ thể phát triển dẻo dai như thép. Cũng chẳng thô thiển hơn nếu hai con người trẻ tuổi với quan điểm khác nhau lại đấu với nhau bằng những quả đấm chứ không đấu nhau bằng những thanh sắt đã mài. Cũng chẳng thấp hèn hơn, nếu một người bị tấn công chống đỡ người tấn công anh ta bằng quả đấm thay vì bỏ chạy và hét lên tìm người bảo vệ. Nhưng trước hết, chàng trai trẻ khỏe mạnh cũng phải học chịu đựng bị người ta đánh nữa. Điều này trong mắt những người chiến đấu bằng tinh thần tất nhiên bị coi là hoang

dã. Nhưng nhà nước nhân dân lại không có nhiệm vụ phát triển một khu vực với những con người duy mỹ hiền lành và cơ thể bị thoái hoá. Không phải trong con người ông tư sản đáng kính hay bà cô già chưa chồng đạo đức nó nhìn thấy điều lý tưởng của nhân loại, mà trong sự thể hiện sức lực đàn ông hay trong những người đàn bà có thể lại sinh ra đàn ông cho thế giới.

Như vậy thể thao không chỉ có tác dụng làm từng người mạnh mẽ, năng động và bình thản, mà nó còn làm cho người ta được tôi luyện cứng rắn lên, và dạy người ta chịu đựng những điều thiếu sót, sai lầm.

Nếu tất cả tầng lớp trên tràn đầy tinh thần mà không được dạy những bài học cư xử tao nhã, thì thay vào đó họ sẽ học đâm bóc, như vậy cuộc cách mạng Đức của bọn ma cô dẫn gái, kẻ đào ngũ hoặc tương tự không bao giờ thực hiện được; vì cái gì đem lại thành công cho họ, không phải là năng lực hành động của các nhà làm cách mạng, mà của sự không cương quyết hèn nhát, đáng chê của những người lãnh đạo nhà nước và chịu trách nhiệm cho nó. Riêng toàn bộ ban lãnh đạo tinh thần của chúng tôi được đào tạo nhiều hơn về mặt “tinh thần” và phải bắt lực trong thời điểm mà phía kẻ thù thay vì vũ khí tinh thần lại dùng xà beng để tiến lên. Như vậy mọi việc chỉ có thể thực hiện được vì đặc biệt việc đào tạo trong trường học cao hơn của chúng tôi về cơ bản không phải lôi kéo đàn ông, mà nhiều hơn là các cán bộ, kỹ sư, kỹ thuật viên, nhà hóa học, nhà tư pháp, nhà văn và để tinh thần không bị chết, cả các giáo sư nữa.

Ban lãnh đạo tinh thần của chúng tôi đã luôn làm việc thành công chói lọi, trong khi ham muốn của mình thường chịu mọi sự phê bình.

Chắc chắn người ta sẽ không thể biến những người cơ bản là hèn nhát nhờ giáo dục mà thành người dũng cảm được, một người không phải là hèn nhát sẽ bị tê liệt khi phát triển tính cách đó của mình, nếu thiếu sự giáo dục về rèn luyện cơ thể và ngay từ đầu sự năng động của anh ta đã thua người khác rồi. Sự tâm phục về khả năng chăm chỉ hoạt động của cơ thể khuyến khích tinh thần dũng cảm của riêng từng người rất nhiều, phải, nó đánh thức tinh thần tấn công, người ta có thể đo điều đó tại đại đoàn quân lớn là tốt nhất. Ở đây về cơ bản cũng không phải chỉ có toàn anh hùng, mà phổ biến toàn người loại trung bình.

Riêng sự đào tạo vượt trội của các binh lính Đức trong thời gian hòa bình đã đến tới cho tất cả bộ máy không lơ niềm tin được gọi lên về ưu điểm hơn hẳn

của riêng họ trong tầm cỡ mà ngay kẻ thù của chúng tôi cũng không cho là có thể có. Vì cái xảy ra trong những tháng ngày mùa hè nóng bỏng và mùa thu 1914 đối với đội lính Đức đang lướt tới trong cuộc chiến ở tinh thần tấn công và lòng dũng cảm bắt từ khi tấn công chính là kết quả của quá trình giáo dục không mệt mỏi mà đã cho thấy từ những cơ thể yếu ớt trong những năm hoà bình lâu dài những thành tích khó tin nhất được tạo nên và như vậy giáo dục được lòng tự tin cho họ mà trong lúc sợ hãi ở những chiến dịch lớn cũng không bị mất đi.

Ngay cả dân tộc Đức mà ngày nay đã bị đổ gục vì bị gót giày của nước khác dẫm đạp cần có nguồn lực của lòng tự tin được gọi ra đó. Nhưng lòng tự tin phải được giáo dục ngay từ lúc còn nhỏ ở người đồng bào trẻ tuổi. Toàn bộ việc giáo dục và đào tạo phải được tiến hành sao cho người đó được tâm phục rằng anh ta bắt buộc là người hơn hẳn những người khác. Anh ta phải lấy lại bằng sức lực cơ thể và sự nhanh nhẹn của mình niềm tin vào sự bất khả chiến bại của cả dân tộc mình. Vì điều đã dẫn tới chiến thắng của quân đội Đức chính là sự tổng hợp tất cả niềm tin của từng người vào bản thân và niềm tin của tất cả mọi người đối với lãnh đạo của họ. Điều làm cho dân tộc Đức lại đứng thẳng được chính là lòng tâm phục về khả năng giành lại được tự do. Lòng tâm phục này chỉ có thể là sản phẩm cuối cùng của sự cảm nhận giống nhau của hàng triệu người riêng lẻ.

Ở đây người ta cũng không đầu hàng sự thất vọng:

Sự đổ gục của dân tộc chúng tôi thật là khủng khiếp, cũng khủng khiếp như vậy là sự bắt buộc cố gắng để kết thúc sự cùng quẫn. Ai tin rằng dân tộc chúng tôi từ công việc giáo dục dân chúng hiện nay tới giữ trật tự an ninh đều có lực cả, một ngày nào đó phải phá vỡ trật tự thế giới hôm nay mà gây ra sự thất bại của chúng tôi và phá vỡ những mắt xích trong cuộc sống nô lệ, phải đập vào mặt kẻ thù đang nhăm lẩn. Chỉ có ý chí dân tộc khát tự do tăng cao hết mức và nhiệt tình cao nhất sẽ bù đắp lại được những cái mà chúng tôi đã từng thiếu.

Kể cả quần áo của thanh niên cũng phải phù hợp với mục đích này. Thật là nỗi đau khổ, khi phải nhìn thấy lớp thanh niên của chúng tôi khuất phục sự điên cuồng chạy theo một làm cho họ đáng ra phải đúng như câu tục ngữ: “Người đẹp vì lụa” thì lại quay về con đường tàn lụi.

Ngay cả đối với thanh niên việc ăn mặc cũng phải đầu vào giáo dục. Một chàng trai trong mùa hè lại chạy quanh với cái quần bó ống dài, áo kín cổ thì đã làm mất phương tiện thúc đẩy sự rèn luyện cơ thể trong bộ quần áo đó. Vì kẻ cả tham vọng cứ cho là bình thường, thì tính kiêu ngạo cũng phải được nhắc tới. Không phải tính kiêu ngạo phù phiếm thể hiện ở quần áo đẹp mà không phải ai cũng mua được, mà là tính tự kiêu được hình thành trên một cơ thể đẹp dễ, có hình thức dễ chịu, ai cũng có thể giúp được để tạo ra nó.

Về sau này cũng vậy, điều này vẫn đúng mục đích. Cô gái trẻ cần phải làm quen với hiệp sĩ của cô. Nếu vẻ đẹp cơ thể ngày nay không bị đẩy hoàn toàn ra phía sau do bản chất thích đom đóm của người ăn mặc diện thì sự quyến rũ của hàng trăm ngàn cô gái chẳng thể thực hiện được vì bọn Do Thái chân cong, tính tình khó chịu. Điều cũng có lợi cho dân tộc là những cơ thể đẹp nhất tìm và hỗ trợ cho việc tặng cho dân tộc những vẻ đẹp mới.

Ngày nay tất nhiên việc này là quan trọng nhất, vì thiếu sự giáo dục quân sự và cơ sở duy nhất do đó cũng bị loại bỏ, nơi trong hòa bình ít nhất cũng làm được phần nào công việc mà do sự giáo dục khác của chúng tôi bị bỏ qua. Và ở đó phải tìm được sự thành công không chỉ trong việc đào tạo từng người mà trong ảnh hưởng của nó tác động vào mối quan hệ giữa hai giới tính. Cô gái sẽ chọn người lính trước chứ không chọn người bình thường trước.



Ở đây không được quên một môn thể thao mà trong mắt nhiều người dân bị coi là thô thiển và mất phẩm giá: đó là môn đấm bốc.

Nhà nước nhân dân phải thực hiện việc rèn luyện và giám sát cơ thể không chỉ trong những năm học chính thức tại trường mà sau khi học xong cũng phải lo sao cho một chàng thanh niên hiểu sự phát triển cơ thể của mình chỉ có lợi cho anh ta mà thôi. Điều vô lý nếu tin rằng với sự kết thúc thời gian đi học thì quyền giám sát của nhà nước đối với công dân trẻ của nó là không còn nữa, để tiến tới quan sát thời kỳ đi nghĩa vụ quân sự. Quyền này là một trách nhiệm, và luôn tồn tại đều đặn. Nhà nước ngày nay không còn quan tâm tới những người khoẻ mạnh, chỉ để trách nhiệm đó ra khỏi tầm mắt một cách xấu xa. Nó để cho lớp thanh niên ngày nay ra đường và tàn lụi trong nhà chứa thay vì phải cầm cương quản lý họ và đào tạo họ rèn luyện cơ thể, cho tới khi một người đàn ông và một người đàn bà khoẻ mạnh từ đó trưởng thành lên.

Nhà nước tiếp tục việc giáo dục của mình bằng hình thức nào, ngày nay việc đó hoàn toàn không đáng chú ý tới. Điều cơ bản là nó làm việc đó và tìm

những con đường có lợi cho mình thôi. Nhà nước nhân dân sẽ phải coi việc giáo dục về mặt tinh thần và rèn luyện cơ thể sau khi hết thời gian đi học ở trường là nhiệm vụ của mình, và nhờ các cơ sở của nhà nước để tiến hành những việc đó. Ở đây việc giáo dục có thể làm với quy mô lớn như đào tạo trước cho thời gian đi nghĩa vụ quân sự. Quân đội cần phải hướng dẫn cho chàng trai trẻ không phải là những khái niệm cơ bản như từ trước tới nay về quy định tập luyện đơn giản nhất, cũng không phải hướng dẫn tân binh theo ý nghĩa thời đại ngày nay, mà nhiều hơn là biến đổi một cơ thể thanh niên dù đã được đào tạo để phát triển tốt trước đó không chệch vào đâu được thành cơ thể một người lính.

Trong một nhà nước nhân dân, quân đội không cần phải dạy cho từng người đi đứng ra sao, mà nó phải có giá trị là trường giáo dục cuối cùng và ở mức cao nhất của đất nước. Chàng tân binh trẻ cần phải nhận được sự đào tạo về vũ khí, anh ta cần phải được uốn nắn tiếp cho cuộc sống sau này. Đứng đầu việc giáo dục về quân sự cần phải hiểu là cái gì được coi là có công lao lớn nhất đối với quân đội trước đây: Trong trường học quân đội này cậu bé cần được biến đổi thành người đàn ông và cũng trong trường đó cậu ta không chỉ học vâng lời, mà còn từ đó phần đầu có được điều kiện ra mệnh lệnh sau này. Cậu ta phải học im lặng, không chỉ vì lúc bị khiển trách có lý do mà cần học để nếu cần thì chịu đựng sự bất công bằng cách im lặng.

Người lính cần phải tiếp tục củng cố niềm tin vững chắc vào sức lực bản thân, chịu ảnh hưởng từ sức mạnh tinh thần chung cả quân đoàn, lòng tâm phục về sự không khuất phục của dân tộc mình.

Sau khi kết thúc công tác trong quân đội thì người ta cấp cho anh ta hai loại giấy tờ: Chứng nhận lý lịch công dân, giấy này hỗ trợ trong hoạt động công cộng, và giấy chứng nhận sức khỏe của bác sĩ để kết hôn.

Tương tự việc giáo dục cho cậu trai trẻ, nhà nước nhân dân có thể lãnh đạo việc giáo dục cả các cô thiếu nữ về quan điểm giống thế. Ở đó trọng lượng chính trước hết đặt vào việc đào tạo rèn luyện cơ thể, sau đó mới tới khuyến khích về tâm hồn và cuối cùng là các giá trị tinh thần Mục tiêu của giáo dục phụ nữ chính là việc sắp tới trở thành người mẹ là điều không thay đổi được.

CHƯƠNG 2.4: HITLER: “NHỮNG TÀN TẬT VỀ ĐẠO ĐỨC”

Tiếp đó ở hướng đi thứ hai nhà nước nhân dân phải khuyến khích việc giáo dục tính cách bằng mọi phương thức.

Tất nhiên những tính chất cơ bản trong từng con người đã có từ trước: Người có tính ích kỷ luôn luôn có tính như vậy. Còn người lý tưởng sẽ luôn thể hiện là người lý tưởng. Chỉ riêng giữa những tính cách rõ rệt hoàn toàn đã có hàng triệu người đứng đó với tính cách mờ nhạt không rõ ràng. Kẻ sinh ra để làm tội phạm thì sẽ trở thành tội phạm và luôn là tội phạm; nhưng hàng loạt người khác mà chỉ hơi nghiêng về phía tội ác có thể nhờ sự giáo dục đúng đắn vẫn trở thành những thành viên quý giá của cộng đồng dân tộc; trong khi đó ngược lại do sự giáo dục tồi mà những tính cách dao động có thể phát triển thành những thành tố xấu.



Adolf Hitler.

Trong chiến tranh thường xuyên có sự kêu ca về việc dân tộc chúng tôi ít có thể im lặng được! Do đó rất khó khăn lấy ra những bí mật quan trọng trong hiểu biết của kẻ thù! Người ta đặt ra câu hỏi: trước chiến tranh nền giáo dục của Đức đã làm gì để đào tạo cho từng người có thể im lặng được. Có cậu chủ nhỏ

nào đó trong trường học đã ưu tiên cho bạn học biết im lặng hơn của cậu ta hay không? Người ta có nhìn nhận việc nói ra là tính “cởi mở” quen thuộc và sự im lặng là sự cầm nín yếu ớt hay không? Người ta có cố gắng coi sự im lặng là đạo đức đàn ông đầy giá trị hay không? Không, vì trong mắt các nhà giáo dục ngày nay của ta đó chỉ là chuyện vớ vẩn. Vì những chuyện vớ vẩn đó là nhà nước tốn kém hàng triệu Mác chi phí tòa án đầy, vì 90% vụ án và kiện cáo tội xúc phạm nảy sinh chỉ vì thiếu sự im lặng đó thôi. Những đàm tiếu vô trách nhiệm vẫn tiếp diễn nhẹ dạ như thế, nền kinh tế của chúng tôi luôn bị thiệt hại do việc những phương pháp sản xuất quan trọng bị bán đi dễ dàng, phải kể cả việc chuẩn bị âm thầm để bảo vệ đất nước cũng bị bêu lên hình vẽ hài hước, chính vì nhân dân không học được cách im lặng mà cứ tiếp tục đàm tiếu mãi.

Nhưng trong chiến tranh bệnh buôn chuyện này có thể dẫn đến thiệt hại của các trận tấn công và góp phần cơ bản vào kết thúc bất hạnh của cuộc chiến. Ở đây người ta cũng phải tâm phục rằng việc gì không được rèn luyện từ tuổi trẻ thì đến tuổi già không làm được. Thầy giáo không thể chỉ dựa vào những trò nghịch ngợm của bọn trẻ để biết được công việc nhờ cái trò ba hoa khoác lác xấu xa được. Hội thanh thiếu niên có kiểu nhà nước của họ, họ đối diện với người lớn trong mối quan hệ hữu nghị khép kín, và điều đó là tất nhiên thôi. Sự gắn kết giữa một trẻ mười tuổi với bạn cùng trang lứa lớn hơn là với người lớn tuổi. Một thằng bé mà nói dối các bạn thì sẽ làm cái việc phản bội và khi đưa ra chính kiến thì nói năng thô lỗ và làm cái việc tày đình phù hợp với kẻ phản bội đất nước. Một thằng bé như vậy cũng không thể được coi là một đứa trẻ “ngoan và tử tế” được, mà là một cậu bé có ít đặc tính cao quý. Đối với thầy giáo có thể sẽ dễ chịu hơn, để nâng cao uy tín của thầy, phục vụ loại trẻ không có đức hạnh đó, đặt vào trái tim bọn trẻ một quan điểm mà sau này sẽ có tác động kinh khủng. Nếu không, một ông chủ nhỏ sẽ có thể biến thành một thằng côn đồ.

Vấn đề trên coi như là một ví dụ cho nhiều người. Ngày nay việc phát triển có ý thức những đặc tính cao quý và tốt trong trường học gần như bằng không. Vì vậy phải đặt trọng lượng hoàn toàn khác lên. Những người trung thành, sẵn sàng hy sinh, giữ im lặng là những người đức hạnh mà một dân tộc cần thiết phải có, và việc giáo dục đào tạo họ trong trường là quan trọng hơn là một vài chương trình đầy kín ngày nay của chúng ta. Trong lĩnh vực này còn có

cả việc loại trừ kêu ca than vãn, khóc lóc v.v... Nếu trong việc giáo dục mà quên mất việc tác động vào đứa trẻ sao cho khi đau khổ, bất đồng ý kiến vẫn phải im lặng chịu đựng, thì sau này đừng có ngạc nhiên khi trong giờ phút quan trọng, ví dụ: khi người thanh niên đó đứng ở mặt trận chẳng hạn, mà việc vận chuyển bưu điện chỉ phục vụ cả đồng thư từ than vãn và khóc lóc. Nếu lớp thanh niên của chúng tôi trong các trường học nhân dân bị nhồi ít kiến thức hơn, và còn tự chủ nhiều hơn, thì trong những năm 1915/18 việc giáo dục sẽ có lợi nhiều hơn.

Như vậy nhà nước nhân dân trong công tác giáo dục của bên cạnh giáo dục về cơ thể còn phải đánh giá cao việc đào tạo tính cách nữa. Những tàn tật về đạo đức mà đang ở trong cơ thể của nhân dân chúng tôi ngày nay có thể nhờ sự giáo dục như thế nếu không loại trừ được những tính xấu hoàn toàn thì cũng làm giảm nhẹ chúng đi.

Điều quan trọng nhất là việc đào tạo khả năng ham muốn và quyết định cũng như quan tâm tới tính thân thiện khi chịu trách nhiệm.

Nếu trong quân đội đã từng có nguyên tắc là có một mệnh lệnh còn hơn không có gì, thì điều này đối với lớp trẻ trước hết phải là: một câu trả lời còn tốt hơn không có câu nào. Nỗi sợ hãi trả lời bị sai, nên không trả lời thì đáng ngượng hơn là câu trả lời không thật. Từ cơ sở đơn giản nhất phải giáo dục cho tuổi trẻ lòng dũng cảm tiến vào việc.

Người ta thường kêu ca rằng trong thời gian tháng 11 đến tháng 12 năm 1918 ở mọi chỗ từ các vị lãnh đạo cao cấp nhất xuống tới sư đoàn, chẳng ai còn có sức để đưa ra một quyết định tự chủ. Sự thật kinh khủng đó là nỗi khó chịu trong công việc giáo dục của chúng tôi, vì trong tai họa khủng khiếp đó chỉ có sự thể hiện thước đo bị phá hủy ở mức độ lớn, điều mà đã từng tồn tại trong những phần nhỏ. Đó là sự thiếu ham muốn chứ không phải là thiếu vũ khí, cái làm cho ta trở thành không còn sức kháng cự.

Nó ở trong toàn bộ dân tộc chúng tôi, cản trở từng quyết định gắn với một sự phiêu lưu cứ như là qui mô của việc làm không nằm trong sự dám làm. Không biết về việc đó, có một tướng người Đức đã tìm ra công thức cổ điển cho sự không còn ham muốn đáng than vãn đó là: “Tôi chỉ hành động nếu tôi có thể tính được 51 phần trăm xác suất thành công”. Trong cái “51 phần trăm” đó có lý

do về bi kịch của sự đổ vỡ nước Đức; ai yêu cầu số mệnh bảo đảm cho thành công, thì tự bỏ đi ý nghĩa của một hành động dũng cảm. Vì nó nằm trong lý lẽ là người ta đã tâm phục về tình trạng nguy hiểm chết người mà đi bước đi có thể dẫn tới thành công đó. Một người bị bệnh ung thư cảm chắc cái chết chẳng hạn, không cần phải chờ tính toán 51 phần trăm để dám cho tiến hành phẫu thuật. Và nếu việc này cũng chỉ hứa hẹn 0,5 phần trăm xác suất khỏi bệnh thì một người đàn ông dũng cảm sẽ dám cho phẫu thuật, nếu không anh ta không thể khóc vì cuộc sống được.

Bệnh dịch ngày nay của tính lười biếng do dự không ham muốn và hèn nhát không thể quyết định lại là, nếu tính tổng thể, kết quả chính của việc giáo dục lớp trẻ thiếu sót về cơ bản, mà tác động lớn của nó tiếp tục nhân lên trong cuộc sống sau này, và lại được tìm thấy trong cái tính thiếu can đảm dân sự của những người lãnh đạo nhà nước cuộc chia tay cuối cùng và niềm vinh quang cuối cùng.

Cùng con đường đó, tính hèn nhát ngày nay mang tính tàn phá bị thua trước trách nhiệm. Ở đây đã có sai lầm trong việc giáo dục lớp trẻ, nó xuyên sâu vào cuộc sống công cộng và tìm thấy trong cơ quan chính phủ nghị viện sự kết thúc bất tử của mình.

Đáng tiếc là ngay trong trường học người ta đặt nhiều hy vọng vào lời “ăn năn” thú tội và “lời thề hứa hối lỗi” của người mắc tội nhỏ hơn là sự tự giác thừa nhận. Đối với vài nhà tạo hình của dân tộc thì tính cách thứ hai này xuất hiện như một đặc tính nhìn thấy rõ nhất của sự xấu xa không sửa đổi được, và đối với vài cậu thanh niên thì giá treo cổ đo tính cách xấu rất khó tin nhưng đã được báo trước, tính cách tốt đáng ra phải trở thành tài sản chung vô giá của tất cả dân tộc.

Như nhà nước nhân dân đã quan tâm tới mức cao nhất trong việc giáo dục lòng ham muốn và sức mạnh quyết định, thì nó phải hạ thấp tính thân thiện trong trách nhiệm và lòng dũng cảm thừa nhận việc gì trong trái tim lớp trẻ ngay từ lúc còn nhỏ xuống. Chỉ khi nó nhận ra sự cần thiết của ý nghĩa đầy đủ đó thì nó sẽ nhận được sau hàng thế kỷ giáo dục kết quả là một cơ thể khỏe mạnh không chịu khuất phục sự yếu kém đây bí hiểm đã dẫn tới sự suy thoái thất bại của chúng tôi.

Việc đào tạo khoa học trong trường học ngày nay là công tác giáo dục thay đổi và tiến lên của cả nhà nước, chỉ có ít thay đổi có thể được nhà nước nhân dân chấp nhận. Những thay đổi này trong ba lĩnh vực.

Trước hết là trí não lớp trẻ nói chung không được chất đầy những thứ mà họ không dùng tới 95% và vì vậy cũng lại quên ngay. Đặc biệt là chương trình dạy của các trường nhân dân và trường trung học thể hiện ngày nay là chương trình lưỡng tính; trong nhiều trường hợp của từng đối tượng đem dạy thì nội dung đã phình ra cho học sinh, đến nỗi chỉ có một phần nhỏ trong đó là còn lưu lại trong đầu họ, và sau đó cũng chỉ một phần nhỏ của cả chỗ đó là còn ứng dụng được, mà kiến thức để cho một người lao động dùng cho một ngành nghề kiếm ăn thì lại không đủ. Ví dụ người ta lấy một cán bộ nhà nước đã tốt nghiệp trung học phổ thông Gymnasium 12 năm hay phổ thông Oberrealschule 10 năm vào tuổi 35 hay 40 để xem xét kiểm tra kiến thức học văt vả ngày nào. Họ thấy là rất ít kiến thức hồi đó còn lại, tất nhiên người ta nhận được câu trả lời: “Phải, khối lượng kiến thức học vào lúc đó không chỉ có mục đích để sở hữu những kiến thức đa dạng sau này, mà là mục đích đào tạo về khả năng tiếp nhận, tư duy và đặc biệt khả năng ghi nhớ của trí não”. Điều này đúng phần nào. Nhưng có mỗi nguy hiểm là trong trí não thanh niên tràn ngập những ấn tượng mà trong những trường hợp hầu hết nhất mới phải vượt qua và những yếu tố riêng tùy theo mức độ quan trọng nhiều hay ít hơn mà họ chẳng hiểu khi xem xét lần đánh giá; Thường thì không phải là cái phụ mà là cái chính bị quên và bị tổn hại. Như vậy mục đích chính nhất của việc “học nhiều” này đã bị mất; vì nó không thể tồn tại do việc chất vô giới hạn nội dung dạy vào trí não để làm tăng khả năng học lên mà là trong việc đưa thêm vào cuộc sống sau này kiến thức quý giá đối với từng người nếu thấy cần thiết, qua người này lại được phổ biến chung có lợi cho số đông. Điều này lại trở nên không tưởng, nếu con người do quá nhiều nội dung học nhồi nhét lúc tuổi trẻ, sau đó hoặc không nhớ lại nữa, hoặc quên cả những điều cơ bản. Ví dụ ta thấy rằng, tại sao hàng triệu người trong thời gian những năm dài phải học thêm hai hay ba ngoại ngữ, những thứ mà họ sau đó chỉ có thể đánh giá được một phần và vì vậy phần lớn lại hoàn toàn quên hết, vì trong một trăm ngàn học sinh ví dụ học tiếng Pháp hầu như chỉ có khoảng hai ngàn em có thể sử dụng kiến thức đó về sau, trong khi 98 ngàn

kia không thể ứng dụng thứ tiếng đã học vào thực tế. Họ đã mất hàng ngàn giờ học một thứ đó trong tuổi trẻ mà về sau chẳng có ý nghĩa hay giá trị gì. Kể cả lý do là chất liệu đó thuộc về chương trình đào tạo chung, thì cũng không đúng, người ta chỉ có thể đại diện cho cái mà cả cuộc sống của con người đã có học thôi. Như vậy vì hai ngàn người cần học thứ tiếng đó để dùng sau này thì 98 ngàn người phải khổ sở và phí thời gian vô ích.

Trong trường hợp này ta nói về một ngôn ngữ mà người ta không thể nói được, có nghĩa là phải được học với tư duy sắc sảo logic, như với tiếng Latinh cũng vậy. Vì vậy cơ bản hợp với mục đích hơn nếu người ta cung cấp kiến thức về ngoại ngữ ấy cho cậu sinh viên chỉ phần đại cương, hay tốt hơn là nội dung bên trong của ngoại ngữ ấy mà có thể được lấy ra để dùng, tốt thì dẫn dắt vào phần cơ bản của ngữ pháp và nói, đặt câu v.v... hay ví dụ làm mẫu. Như thế là đủ phần nhu cầu về đại cương rồi, và vì nó dễ bao quát hay ghi nhớ được nên có giá trị hơn là việc gõ vào đầu toàn bộ kiến thức về ngôn ngữ ấy như ngày nay mà người ta thực sự không nắm chắc được và sau này lại bị quên đi. Ở đây mỗi nguy hiểm có thể tránh được là từ khối lượng kiến thức đã được học chỉ còn vài phần mảnh không gán kết là còn lại trong trí nhớ, vì chàng trai trẻ chỉ học những phần đáng nhớ nhất thôi, việc lọc ra phần giá trị và phần không giá trị đáng ra phải làm trước.

Cơ sở đại cương được cung cấp ở đây nói chung thường là đủ cho nhiều người, cho cả cuộc sống mai sau nữa, vì nó sẽ giúp cho ai đó mà cần đến ngôn ngữ này điều kiện tiếp tục xây dựng và tự chọn có nên học tiếp kỹ càng hay không.

Qua đó thời gian cần thiết trong chương trình dạy sẽ được giành cho việc rèn luyện cơ thể cũng như cho yêu cầu tăng lên ở những lĩnh vực đã được nhắc tới trên đây.

Đặc biệt phải có sự thay đổi trong phương pháp dạy cho tới nay trong giới lịch sử. Hầu như không có dân tộc nào học lịch sử nhiều hơn người Đức; hầu như không có dân tộc nào lại áp dụng kém hơn chúng tôi. Khi chính trị là lịch sử vận động bầu cử thì việc giáo dục lịch sử của chúng tôi được hướng theo kiểu hoạt động chính trị của chúng tôi. Ở đây không phải là việc kêu ca về những kết quả đáng buồn của thành tích chính trị của chúng tôi, nếu người ta

không quyết định lo cho việc giáo dục về chính trị khá hơn. Kết quả giờ học lịch sử ngày nay là 99 trong một trăm trường hợp đáng kêu ca. Nào là có một ít dữ liệu, ngày sinh, tên tuổi là còn lại, trong khi cả hướng đi rộng rãi rõ ràng thì thiếu hoàn toàn. Mọi điều cơ bản đáng phải học thì nói chung lại không dạy, mà tùy theo đặc tính thiên tài ít hay nhiều ở từng người mà từ những dữ liệu tràn ngập, từ thứ tự các quá trình họ tìm ra lý do vận động bên trong. Người ta có thể chống lại sự xác định cay đắng này nhiều như ý muốn; người ta chỉ đọc trong thời kỳ họp hành duy nhất của các quý ông nghị sĩ về những vấn đề chính trị, đại khái những vấn đề chính sách đối ngoại, những bài phát biểu một cách chăm chú; người ta suy nghĩ rằng, ít nhất ở đây nếu cứ nêu ý kiến – là về việc chọn lọc của dân tộc Đức, và dù sao phần lớn những người này đều ngồi mòn ghế nhà trường trung học của chúng tôi, có người còn ngồi ghế trường đại học ra, và người ta có thể từ đó mà nhìn thấy việc giáo dục lịch sử cho những người này hoàn toàn không đủ. Nếu họ không nghiên cứu lịch sử mà chỉ có bản năng lãnh mạnh, thì về cơ bản sẽ tốt hơn và có lợi cho dân tộc hơn.



Ảnh minh họa.

Ngay trong giờ dạy lịch sử người ta phải rút ngắn nội dung đi. Giá trị chính nằm trong nhận thức về con đường phát triển lớn.

Giờ học càng được giới hạn lại thì càng có hy vọng rằng từ sự hiểu biết của từng người mà sau này điều có lợi cho họ càng phát triển lên, điều đó cũng có lợi cho phần phổ biến chung. Vì người ta không học lịch sử chỉ để biết quá khứ có gì xảy ra mà người ta học lịch sử để tìm trong đó người thầy dạy cho tương lai và cho sự tồn tại tiếp của dân tộc mình. Đó chính là mục đích và giờ học lịch sử chỉ là phương tiện cho nó mà thôi. Ngày nay phương tiện đã trở thành mục đích, mục đích đã biến mất hoàn toàn.

Người ta không nói việc nghiên cứu lịch sử kỹ càng là công việc yêu cầu làm với tất cả từng loại dữ liệu mà từ chúng người ta xác định được con đường lớn. Việc xác định này là nhiệm vụ của ngành khoa học chuyên môn. Một người bình thường trung bình không phải là giáo sư lịch sử. Đối với anh ta thì trước hết lịch sử cung cấp cho anh tầm nhìn vào thời kỳ cần thiết cho quan điểm riêng trong các vấn đề chính trị của dân tộc anh. Ai muốn trở thành giáo sư lịch sử thì phải để thời gian nghiên cứu thật kỹ càng môn này. Người đó dĩ nhiên cũng phải nghiên cứu tất cả và đi vào từng chi tiết nhỏ nhất. Về việc này có thể giờ học lịch sử ngày nay của ta không đủ vì đối với người trung bình thì nội dung quá nhiều, đối với nhà chuyên môn thì lại quá giới hạn. Ngoài ra nhiệm vụ của một nhà nước nhân dân là phải lo sao cho lịch sử thế giới được viết nên, trong vấn đề về chủng tộc phải nâng cao quan điểm quyết định lên.

Tổng kết lại: Nhà nước nhân dân phải mang lại cho giờ học khoa học đại cương một hình thức thu gọn vào phần cơ bản. Ngoài ra cần phải tạo điều kiện cho việc đào tạo khoa học chuyên môn kỹ càng nhất. Nếu từng người nhận được kiến thức ở mức đại cương sơ qua làm cơ sở coi như là đủ, và chỉ trên lĩnh vực thuộc cuộc sống sau này của anh ta là đào tạo kỹ càng riêng lẻ về chuyên môn thôi. Việc đào tạo đại cương về mọi môn phải là bắt buộc còn đào tạo riêng đặc biệt thì do từng người chọn.

Ở đây có sự rút ngắn chương trình dạy và thời gian học để có lợi cho việc đào tạo về rèn luyện cơ thể, tính cách, năng lực ham muốn và quyết định.

Giờ dạy trong trường học ngày nay của chúng tôi buồn tẻ, nhất là trong trường trung học, đối với nghề nghiệp cho cuộc sống sau này, tốt nhất là điều mà thực tế chứng minh rằng ngày nay những người cùng một quan điểm có thể được ba trường hoàn toàn khác nhau đào tạo nên. Phần quyết định thực sự chỉ có việc đào tạo đại cương và không phải kiến thức đặc biệt chuyên ngành được chọn ra. Nhưng ở đó – như đã nói ở trên – nơi mà kiến thức chuyên ngành rất quan trọng, dĩ nhiên không thể thu nhận được từ các chương trình dạy trung học ngày nay của chúng tôi.

Với những sự nửa vời như vậy nên nhà nước nhân dân phải bắt tay vào thu dọn.

CHƯƠNG 2.5: CON NGỰA QUÝ KHÔNG PHẢI CƯỜNG NÀO CŨNG CHỊU MANG

Sự thay đổi thứ hai trong chương trình dạy khoa học đối với nhà nước nhân dân phải là:

Trong con tàu thời gian vật chất hóa ngày nay của chúng tôi có sự đào tạo khoa học luôn hướng tới những môn học thực sự, như là toán, vật lý và hoá học v.v... Cần thiết cũng còn có phần mà kỹ thuật và hoá học làm chủ đạo và những đặc tính bề ngoài rõ ràng nhất thể hiện chúng trong cuộc sống, điều nguy hiểm cũng là nếu việc đào tạo đại cương một dân tộc chỉ luôn chú ý vào đó. Ngược lại nó phải là đào tạo tối ưu, cần đáp ứng hơn với các bộ môn nhân văn và chỉ cung cấp cơ sở cho việc đào tạo khoa học chuyên môn tiếp về sau. Trong trường hợp khác người ta từ bỏ những lực lượng mà để duy trì sự tồn tại của dân tộc thì luôn quan trọng hơn là mọi khả năng về kỹ thuật và khả năng khác. Đặc biệt người ta không để việc nghiên cứu thời cổ đại làm xao lãng đi trong giờ học lịch sử. Lịch sử về Rô-ma-La Mã nếu tóm gọn vào tuyến lớn thì luôn là người thầy dạy không chỉ cho hôm nay, mà cho tất cả mọi thời đại. Cả thời kỳ lý tưởng về văn hóa của Hellen cũng cần được duy trì cho chúng ta về đẹp làm tấm gương của nó. Người ta không được phép để phá vỡ cộng đồng các chủng tộc lớn hơn do sự khác biệt của từng dân tộc với các dân tộc khác. Cuộc chiến ngày nay đang diễn ra vì những mục đích lớn: một nền văn hóa đấu tranh vì sự tồn tại của nó trải qua hàng thế kỷ gắn kết với điều đó và bao trùm cả dân tộc Hy Lạp cùng dân tộc Đức.



Adolf Hitler.

Cần phải có sự khác nhau rõ rệt giữa việc đào tạo đại cương và đào tạo đặc biệt kiến thức chuyên ngành. Vì việc thứ hai này ngày nay luôn bị đe dọa chìm vào khu vực phục vụ giới phú quý, thì việc đào tạo đại cương, ít nhất trong quan điểm lý tưởng của nó phải duy trì là đối trọng với việc kia. Ở đây người ta cũng phải ghi nhớ nguyên lý không thay đổi rằng công nghiệp, kỹ thuật, thương mại và nghề dịch vụ khác luôn có thể phát triển thăng hoa, khi nào cộng đồng dân tộc lý tưởng có được những tiền đề cần thiết. Điều này không nằm trong sự ích kỷ vật chất mà trong sự sẵn sàng hy sinh từ bỏ một cách thân thiện.

Việc giáo dục ngày nay cho lớp thanh niên về tổng thể và mức độ lớn thì mục tiêu đầu tiên là bơm kiến thức cho một con người trẻ tuổi mà về sau anh ta có thể sử dụng để tiến lên tiếp được. Người ta nói ra điều này như sau: “Chàng thanh niên phải trở thành một thành viên có lợi cho xã hội con người”. Trong đó người ta hiểu khả năng của anh ta tới lúc nào đó phải tự kiếm bánh mì bằng cách thức nghiêm chỉnh. Việc đào tạo cho công dân chỉ phần đại cương bề mặt kiến thức mà vẫn đang được tiếp diễn chỉ đứng trên đôi chân yếu ớt mà thôi. Vì nhà nước chỉ thể hiện một hình thức nên cũng khó đối với nó trong việc giáo

dục một con người và nhận trách nhiệm về anh ta. Một hình thức có thể dễ bề gãy, một nội dung rõ ràng ngày nay lại không chứa khái niệm “nhà nước”. Như vậy chỉ còn lại việc giáo dục theo nghĩa chung “vì lòng yêu nước” thôi. Ở nước Đức cũ trọng lượng chính của nó nằm trong sự thổi phồng ít thông minh mà thường quá đơn giản về những người cầm quyền bé nhỏ và nhỏ nhất mà số lượng của họ ngay từ đầu bắt buộc phải từ bỏ sự đánh giá tổng quát của những người vĩ đại thật sự thuộc về dân tộc. Kết quả vì vậy ở tầng lớp đại chúng chỉ có kiến thức không đủ về lịch sử nước Đức. Ở đây thiếu cả con đường lớn.

Với phương thức đó người ta không thể đạt được sự phấn khởi thực sự của dân tộc được, điều này thấy rõ như lòng bàn tay. Việc giáo dục của chúng tôi thiếu nghệ thuật đưa ra nhấn mạnh vài cái tên từ quá trình lịch sử phát triển của dân tộc và làm cho chúng thành tài sản chung của cả dân tộc, để nhờ kiến thức đó và sự phấn khởi đó mà có thể buộc sợi dây liên kết đều đặn tất cả dân tộc lại. Người ta đã không hiểu cách làm sao cho những người đàn ông thực sự có ý nghĩa của dân tộc chúng tôi đưa ra trước mắt thời hiện tại như là những người anh hùng nổi bật có thể tập trung sự quan tâm của mọi người vào họ và tạo ra được khí thế quyết tâm thống nhất. Người ta không thích từ nội dung dạy học khác nhau nâng lên thành trình độ thể hiện cụ thể và dùng những ví dụ chói sáng để đốt ngọn lửa tự hào dân tộc lên. Chủ nghĩa Sô vanh xấu xa lúc đó sẽ xuất hiện trong một hình mẫu, người ta ít thích hình thức của nó. Chủ nghĩa yêu nước của triều đại lương thiện đơn giản hình như có vẻ ngon lành và dễ chịu đựng hơn là loại nhiệt tình sôi sục của niềm tự hào dân tộc ở đỉnh cao nhất. Cái thứ nhất sẵn sàng phục vụ trong khi cái thứ hai một ngày nào đó có thể trở thành nữ hoàng. Chủ nghĩa yêu nước quân chủ kết thúc ở những hiệp hội cự chiến binh, nhiệt tình dân tộc sẽ khó xác định được trên con đường của nó. Nó là một con ngựa quý không phải cương nào cũng chịu mang. Đó là điều ngạc nhiên, nếu người ta thích lùi lại trước nguy hiểm kiểu đó. Việc một ngày nào đó có thể có chiến tranh trong lửa với trống trận và luồng khói bụi, rồi nó sẽ sinh ra một cuộc sát hạch kỹ càng về khả năng chịu đựng bên trong của lý tưởng yêu nước, hình như chẳng ai cho là điều đó có thể xảy ra cả. Sau đó khi nó lại tới thì sự thiếu nhiệt tình dân tộc sẽ báo thù bằng cách thức kinh khủng nhất. Để mà chết

cho các hoàng đế và lãnh chúa thì mọi người ít thích hơn là chết cho “dân tộc” nhưng điều này phần lớn không biết.

Từ khi cuộc cách mạng ở Đức dừng lại và chủ nghĩa yêu nước quân chủ tự chấm dứt, thì mục đích của giờ học lịch sử thực tế chỉ là thu nhận kiến thức thôi. Nhà nước này không cần tinh thần phấn khởi dân tộc, cái mà nó thích có thì nó chẳng bao giờ nhận được. Vì khá mà có được tinh thần yêu nước như ở triều đại phong kiến với sức kháng cự cuối cùng trong một thời đại có nguyên tắc vì dân tộc lãnh đạo, và tinh thần phấn khởi cộng hòa còn ít hơn nhiều. Vì không còn nghi ngờ gì nữa việc dưới khẩu hiệu: “Vì nước cộng hòa” thì dân tộc Đức sẽ không cần ở lại trên trận địa tới bốn năm rưỡi; những người ở lại ít nhất lại chính là những người tạo ra hình ảnh diêu kỳ đó.

Thực tế nước cộng hòa cảm ơn phần tiềm tàng không bị mất đi của tinh thần sẵn sàng đã được bảo đảm để tự nguyện tiếp nhận phần cống nạp và ký kết mỗi lần từ bỏ đất đai. Đối với thế giới khác thì nó gây được thiện cảm, như mỗi người yếu kém cảm thấy dễ chịu từ phía những người mà cần đến anh ta, hơn là từ phía người hay khó khăn với anh. Tất nhiên trong sự thiện cảm của kẻ thù cho hình thức nhất định này của nhà nước cũng có lời phê bình tiêu diệt nhất. Người ta yêu nước Cộng hòa Liên bang Đức và để nó sống, vì người ta không thể tìm thấy đồng minh khá hơn cho công việc nô dịch hóa dân tộc chúng tôi. Hình ảnh đẹp đẽ ngày nay của sự tồn tại chỉ nhờ ơn sự thực đó thôi. Vì vậy người ta có thể bỏ qua việc giáo dục dân tộc thực sự và hài lòng với tiếng hô “muôn năm” của những anh hùng dưới quốc kỳ, những người khác sẽ chạy mất như thỏ đế, nếu họ phải đổ máu vì lá cờ đó.

Nhà nước nhân dân sẽ phải đấu tranh vì sự tồn tại của nó. Nó sẽ không có sự tồn tại đó nhờ những chữ ký hiệp ước Dawe (Ấn Độ) lẫn nhờ nó để có thể bảo vệ của cải của mình. Nó sẽ phải cần cho sự tồn tại và bảo vệ mình cái mà người ta đang cho là có thể bỏ đi. Càng khó so sánh và hình thức với nội dung càng trở nên có giá trị hơn thì sự ghen tị và phản kháng của kẻ thù càng lớn hơn. Sự bảo vệ tốt nhất không nằm trong vũ khí, mà nằm trong nhân dân; Không phải những bức tường thành lũy che chắn cho nó mà là bức tường sống từ những người đàn ông và đàn bà tràn ngập tình yêu đất nước và tính phấn khởi dân tộc cuồng tín.

Thứ ba là người ta phải chú ý trong việc giáo dục khoa học.

Kể cả trong khoa học, nhà nước nhân dân cũng phải nhìn thấy một phương tiện hỗ trợ để khuyến khích niềm tự hào dân tộc. Không chỉ lịch sử thế giới mà tất cả lịch sử nền văn hóa phải được dạy về khía cạnh này. Một nhà phát minh phải xuất hiện không chỉ với tầm cỡ lớn là nhà phát minh mà còn phải lớn hơn người đồng bào của người đó. Sự thán phục về từng việc làm lớn lao phải được biến thành niềm tự hào về người làm nên điều đó chính là người đồng hương dân tộc mình. Từ số lượng vô vàn tên tuổi lớn trong lịch sử dân tộc Đức nhặt ra những người vĩ đại nhất và dạy cho lớp thanh niên kỹ càng về họ để lớp thanh niên này trở thành những cột trụ cho tình cảm dân tộc không gì lay chuyển nổi.

Theo kế hoạch thì nội dung dạy phải xây dựng theo những quan điểm trên đây, theo kế hoạch phải tổ chức giáo dục sao cho một người thanh niên rời ghế nhà trường không phải là một người nửa thì theo chủ nghĩa hòa bình, nửa là nhà dân chủ hay gì đó mà hoàn toàn phải là một người Đức.

Đề tình cảm dân tộc này ngay từ đầu là thật và không chỉ thuộc loại trống rỗng thì ngay từ lúc tuổi trẻ phải gõ vào những cái đầu để đào tạo của họ một nguyên tắc cứng như sắt như sau:

Ai yêu dân tộc mình, chỉ chứng minh điều đó qua sự hy sinh mà anh ta sẵn sàng cống hiến cho nó. Tình cảm dân tộc chỉ đi tới sự có lợi cho mình là không có. Chủ nghĩa quốc gia chỉ bao trùm lên các giai cấp cũng ít như thế. Hào to tiếng chẳng thuyết phục được gì và không có quyền gọi là cho dân tộc, nếu đằng sau nó không có tình cảm lo lắng yêu mến lớn lao giành cho sự duy trì một dân tộc mọi người đều khỏe mạnh. Một lý do để tự hào về dân tộc mình sẽ có nếu người ta không cần ngưng ngừng gì cả. Nhưng một dân tộc mà một nửa là loại người khốn khổ và quá mệt mỏi hay đòi bại cho thấy một bức tranh xấu chẳng ai có thể cảm thấy tự hào vì điều đó cả. Chỉ khi một dân tộc với mọi thành viên mà khỏe mạnh cả thể xác lẫn tâm hồn thì niềm vui mới thuộc về họ, họ có quyền cảm nhận tình cảm cao hơn mà chúng tôi gọi là niềm tự hào dân tộc. Niềm tự hào cao nhất này cũng chỉ có người nào nhận biết được tầm vĩ đại của dân tộc mình mới cảm nhận thấy mà thôi.

Sự kết hợp bên trong giữa chủ nghĩa quốc gia và ý thức bình đẳng xã hội phải được cấy trồng trước trong trái tim người trẻ tuổi.



Cuộc cách mạng Đức 1918.

Sau đó một dân tộc do những công dân nhà nước tạo ra mà họ gắn bó với nhau, cùng một lò tôi luyện ra do cùng có chung tình yêu và cùng niềm tự hào, sẽ không thay đổi và bất khả chiến bại mãi mãi.

Nỗi sợ hãi của thời đại chúng ta trước chủ nghĩa Sô vanh là dấu hiệu bất lực của nó, vì chẳng những nó thiếu sức lực mạnh mẽ sôi sục mà còn có khi xuất hiện khó chịu nữa, thì thời đại này không còn được nhìn thấy việc làm lớn theo định mệnh nữa. Vì những cuộc cách mạng lớn nhất trên trái đất này sẽ không thể xảy ra, nếu động lực của nó đáng ra là loại nhiệt tình cuồng tín, phải, là nhiệt tình điên loạn lên thì chỉ là loại đạo đức của công dân hiền lành và trật tự thôi.

Tất nhiên thế giới này chống lại một cuộc cách mạng lớn. Và chỉ có một vấn đề là liệu nó có tác dụng để cứu chữa cho chủng tộc Arian hay có lợi cho người Do Thái đây.

Nhà nước nhân dân phải lo sao cho sự giáo dục phù hợp với tuổi trẻ để nhân duy trì được nòi giống trên trái đất, loại có thể đưa ra những quyết định lớn và cuối cùng.

Dân tộc nào mà đi vào con đường này trước thì sẽ chiến thắng.

Tất cả công việc giáo dục và đào tạo của nhà nước nhân dân phải tìm thấy vương miện của mình trong việc đốt cháy lên trong trái tim khối óc có bản năng hiểu biết của lớp thanh niên mà nó tin tưởng ý thức về chủng tộc và tình cảm chủng tộc. Không cậu bé và cô bé nào rời trường lớp mà không có nhận thức cuối cùng về sự cần thiết và bản chất của dòng máu trong sạch tinh nguyên. Như vậy đó là tiền đề được tạo ra cho việc duy trì cơ sở tồn tại của dân tộc chúng tôi và qua đó lại bảo vệ an toàn điều kiện cho sự phát triển văn hóa về sau.

Vì mọi công tác đào tạo cả cơ thể lẫn tinh thần sẽ không có giá trị gì cả nếu không có lợi cho ai đó, nói về cơ bản đã không quyết được về việc duy trì sự tồn tại bản thân và bản sắc của mình.

Trong trường hợp khác sẽ xảy ra việc chúng tôi người Đức giờ đã phải kêu ca nhiều, nếu không có việc đó có thể tất cả mức độ của sự bất hạnh bị kịch đã được hiểu ra rồi: là chúng tôi trong tương lai cũng chỉ là loại cận bã của văn hóa không chỉ vì quan điểm giới hạn của thế giới quan tư sản ngày nay của chúng tôi đã nhìn trong từng người đồng bào đã mất chỉ là công dân nhà nước đã mất thôi, mà còn vì nhận thức đau đớn nhất, dù có mọi sự hiểu biết và khả năng của chúng tôi, vẫn phải giảm mức độ trong sạch của dòng máu xuống. Trong khi chúng tôi luôn kết hợp cùng với các giai cấp khác thì hình như chúng tôi nâng trình độ văn hóa cho tới nay của họ lên một mức cao hơn còn trình độ của chúng tôi lại bị hạ từ mức cao xuống mãi.

Ngoài ra công việc giáo dục ở những khía cạnh về chủng tộc cũng được kết thúc ở trong quân đội. Nói chung thời gian đi nghĩa vụ quân sự là được coi là kết thúc việc giáo dục bình thường của người Đức trung bình.

Trong nhà nước nhân dân việc giáo dục về cơ thể và tinh thần sẽ có ý nghĩa lớn thì việc chọn người cũng quan trọng cho nó như vậy. Ngày nay thì việc đó cũng dễ thôi. Nói chung bọn trẻ giới giang là con cái những cha mẹ coi trọng việc đào tạo cao hơn, tài năng ở đây bị coi là thứ yếu. Bản thân tài năng

luôn được đánh giá tương đối thối. Một cậu thanh niên nông dân có thể có nhiều tài năng hơn là một đứa trẻ có cha mẹ với quan điểm đời sống cao từ nhiều thế hệ, dù cậu ta về mặt kiến thức đại cương thì đứng sau cậu con trai nhà giàu. Kiến thức nhiều hơn chẳng liên quan mấy đến tài năng nhiều hay ít hơn, mà bắt nguồn từ kho ấn tượng về cơ bản lớn hơn mà đứa trẻ nhận được không ngừng do sự giáo dục đa dạng và ảnh hưởng của môi trường sống phong phú xung quanh. Nếu cậu nông dân có tài năng từ nhỏ cũng được lớn lên trong môi trường như vậy thì khả năng hoạt động tinh thần của cậu ta sẽ khác hoàn toàn. Ngày nay có một lĩnh vực duy nhất mà điều quyết định thực sự do nguồn gốc xuất thân ít hơn là do tài năng bẩm sinh. Đó là lĩnh vực nghệ thuật. Ở đây người ta không chỉ có thể “học tập”, mà phải từ lúc sinh ra đã có tài năng, và về sau nếu có sự phát triển thuận lợi thì tài sản của cha mẹ không được chú ý tới, và như vậy điều chứng minh rõ hơn là tính thiên tài không phải gắn với tầng lớp trên hay gắn với sự giàu có. Các nghệ sĩ lớn nhất nhiều khi không xuất thân từ đó mà từ những căn nhà nghèo nhất. Và có cậu bé nông dân trong làng sau này đã trở thành ông thợ cả được hoan nghênh nhiều hơn người khác.

Không phải vì chiều sâu tư duy thời gian mà vì người ta không sử dụng những kiến thức đó cho toàn bộ cuộc sống tinh thần. Người ta cho rằng, cái gì mà về nghệ thuật không phù nhận được, thì không phù hợp với cái gọi là khoa học thực tế. Không nghi ngờ gì nữa về việc người ta có thể đào tạo cho con người những khả năng nhất định về cơ khí máy móc, như một khóa học khéo léo có thể làm được là dạy cho con chó xù thông minh những màn biểu diễn nghệ thuật khó tin nhất. Giống như việc luyện thú những bài tập không cần con thú đó phải hiểu, thì ở con người cũng vậy. Người ta có thể không chú ý tới tài năng ở lĩnh vực khác mà vẫn dạy cho người đó những bài học tuyệt vời về khoa học nhất định, nhưng quá trình này như quá trình chết, không có tâm hồn bên trong vậy. Giống như ở con thú người ta có thể dựa trên cơ sở rèn luyện tinh thần nhất định mà nhồi cho một con người trung bình kiến thức trên trung bình; Chỉ riêng việc đó đã có những kiến thức chết hay không phát triển lên được. Như vậy có những người như một bách khoa toàn thư sống, nhưng lại thất bại một cách đáng phàn nàn trong những tình thế đặc biệt và thời điểm quyết định của cuộc sống. Anh ta sẽ phải được tập luyện từ những yêu cầu đơn giản nhất,

ngược lại từ bản thân anh không có khả năng đóng góp phần ít nhất cho việc tiếp tục đào tạo nhân loại. Kiến thức được tập luyện máy móc như vậy cao nhất chỉ đủ để tiếp nhận những cơ quan nhà nước trong thời đại chúng ta.

Tất nhiên trong tổng số toàn bộ người của dân tộc, người ta có thể tìm ra được một người có tài năng cho mọi lĩnh vực của cuộc sống hàng ngày, tất nhiên là giá trị của kiến thức càng lớn khi kiến thức chết được tài năng phù hợp của từng người thổi hồn vào nó. Thành tích sáng tạo nói chung chỉ có thể tự hình thành khi khả năng và kiến thức kết hợp sống chung với nhau.

CHƯƠNG 2.6: ĐÁNH GIÁ MỘT NHÂN TÀI THỂ NÀO?

Nhân loại ngày nay gây ra tội lỗi vô giới hạn, người ta còn có thể nêu ví dụ: Ngày lại ngày trong những tờ báo hay tạp chí có minh họa cho nhà quý tộc thống trị Đức thấy trước mắt là ở đâu đó lần đầu tiên một người da đen trở thành luật sư, thầy giáo, nhà truyền giáo, một ca sĩ giọng nam cao hay đại loại. Trong khi giới tư sản ngu ngốc ngạc nhiên công nhận một sự rèn luyện một cách huyền thoại như thế, và hoàn toàn kính trọng kết quả đáng kinh ngạc của nghệ thuật giáo dục ngày nay thì anh Do Thái lại hiểu rất khôn ngoan như cáo là từ đó xây dựng nên một bằng chứng cho sự đúng đắn của lý thuyết mà anh ta báo cho các dân tộc biết về sự giống nhau của con người. Thế giới tư sản suy thoái này không sáng lên được rằng đây thực sự là tội lỗi đối với lý trí; rằng đó là chuyện cười điên rồ tội ác khi cứ muốn tập cho người bẩm sinh nửa khỉ cho tới khi tin rằng từ hấn tạo nên được một luật sư, trong khi hàng triệu người thuộc một tộc người có nền văn hóa cao nhất sẽ phải ở những vị trí hoàn toàn mất phẩm giá; rằng đó là sự gây tội lỗi đối với ý nguyện của Chúa, nếu người ta để cho hàng trăm ngàn và hàng trăm ngàn con người tài năng nhất của ngài bị chìm xuống vũng bùn của giai cấp vô sản ngày nay, trong khi người ta rèn cho các thổ dân Hottentotten và Zulukaffern trong những nghề làm việc trí óc. Vì việc rèn luyện này giống như đối với con chó xù, và không phải là “đào tạo” về khoa học. Sự cố gắng và cẩn thận được áp dụng đối với giới trí thức sẽ làm tăng khả năng của từng người lên hàng ngàn lần để đạt tới thành tích tương tự sớm hơn.



Adolf Hitler.

Tình trạng này có vẻ khó chịu đựng, nếu ở đây không chỉ có những trường hợp ngoại lệ. Tình trạng ấy ngày nay đã khó chịu như vậy ở nơi mà tài năng và tư chất thiên bẩm không quyết định cho việc đào tạo mức cao hơn. Phải, khó chịu đựng chính là ý nghĩ là hàng năm có hàng trăm ngàn người hoàn toàn không có tài năng được thưởng cho việc đào tạo cao hơn, trong khi hàng trăm ngàn người khác có tài năng lớn lại phải chịu không được đào tạo cao hơn. Sự mất mát mà dân tộc do đó phải chịu đựng không thể đánh giá hết được. Khi trong những thế kỷ vừa qua kho tàng phát minh ngày càng tăng lên rõ ràng, đặc biệt nổi bật ở Bắc Mỹ, thì vì vậy cũng không phải lý do cuối cùng là ở đó có nhiều tài năng từ những tầng lớp thấp nhất có điều kiện nhận được sự đào tạo cao hơn như ở châu Âu đã từng như thế.

Để phát minh thì kiến thức được học trong trường không đủ mà chỉ cần có tài năng thôi. Nhưng việc này ngày nay người ta không đánh giá cao, cho là chỉ có điểm tốt là làm được.

Ở đây nhà nước nhân dân có lúc đã phải can thiệp một cách có giáo dục. Nó không có nhiệm vụ giao ảnh hưởng quyết định cho một giai cấp trong xã hội

mà có nhiệm vụ từ tổng số các đồng hương cùng dân tộc chọn ra những cái đầu có khả năng nhất để trao công sở và phẩm giá cho. Nó không chỉ có trách nhiệm cho đứa trẻ trung bình trong trường học nhân dân một loại giáo dục nhất định mà còn có trách nhiệm lái tài năng của nó vào một hướng phù hợp. Trước hết nó phải coi nhiệm vụ cao nhất là phải tổ chức mở cánh cửa lớp học nhà nước cao hơn cho những người tài năng, dù họ có xuất thân từ tầng lớp nào cũng vậy thôi, nó phải đáp ứng được nhiệm vụ đó, vì chỉ có thể tầng lớp người đại diện mới có kiến thức cực kỳ hỗ trợ sự lãnh đạo thiên tài của dân tộc, mới phát triển lên được.

Cũng từ một lý do tiếp theo mà nhà nước phải có sự lo trước về hướng này. Các tầng lớp làm việc trí óc ở Đức đặc biệt khép kín và đông cứng nên mối liên hệ sống động với tầng lớp dưới bị thiếu. Điều này ác báo theo hai phía. Một bên là họ thiếu sự thông cảm và cảm nhận đối với tầng lớp dân chúng rộng rãi bên dưới. Họ đã bị giật ra khỏi sự liên quan này quá lâu rồi, đến nỗi họ chẳng thể còn có tâm lý thông cảm cho nhân dân. Họ đã trở nên xa lạ với quần chúng. Tầng lớp trên lại còn thiếu mặt thứ hai là sức ham muốn cần thiết. Vì giới trí thức bị đóng khung ngày càng yếu hơn là giới trí thức từ tầng lớp bình dân. Người Đức nhờ Chúa không hề thiếu sự đào tạo khoa học, nhưng lại thiếu sức ham muốn và quyết định. Ví dụ những ông đứng đầu nhà nước càng “đầy tinh thần” vì thành tích thực sự của họ càng yếu. Việc chuẩn bị trước không những chỉ là trang bị kỹ thuật cho chiến tranh thế giới không phải thiếu vì thế, mà vì có quá ít những cái đầu thông minh lãnh đạo nhân dân chúng tôi, mà nhiều hơn vì những nhà lãnh đạo đều là những con người được đào tạo quá nhiều, bị nhồi nhét đầy kiến thức và tình thần, nhưng không có bản năng lãnh mạnh, chỉ có năng lượng và sự tinh táo. Đó đã là sự đầy ắp mà dân tộc tôi chiến đấu chống lại vì sự tồn tại của mình, dưới sự lãnh đạo văn phòng thủ tướng của một con người triết học yếu ớt. Nếu chúng tôi thay vào chỗ ông Bethmann Hollweg một nhà lãnh đạo nhân dân khỏe khoắn hơn, thì dòng máu anh hùng của Grenadier không chảy vô ích.

Cũng như vậy việc đề cao những tài liệu khoa trương rèn luyện chỉ về tinh thần là đồng minh tốt nhất cho bọn cách mạng tháng mười một rách rưới. Khi mà người có trí tuệ giữ lại tài sản quốc gia được giao cho họ trong phương

thức khổ ải nhất, thay vì áp dụng hay sử dụng hoàn toàn đầy đủ thế là họ lại tự tạo tiền đề cho người khác thắng lợi.

Ở đây nhà thờ công giáo có thể là hình mẫu để đem giảng cho học sinh. Trong sự sống độc thân của các giáo sĩ nhà thờ có lý do của sự ép buộc, phải lấy thành viên kế tục cho giáo hội của mình từ tầng lớp quần chúng rộng rãi thay vì từ hàng ngũ của chính mình. Nhưng ý nghĩa của việc sống độc thân này chẳng được phần lớn mọi người nhận ra. Nó là nguyên nhân của sinh lực khó tin trú ngụ trong cái thánh đường già cỗi đó. Vì vậy mà đội quân khổng lồ của những chức sắc giáo hội liên tục được bổ sung những người xuất thân từ tầng lớp dưới cùng, nhà thờ nhận được không chỉ sự gắn kết bản năng với thế giới tình cảm của nhân dân, mà còn bảo đảm cho mình năng lượng và sức lực hành động trong hình thức tương tự sẽ chỉ còn tồn tại trong tầng lớp đại chúng thôi. Từ đó có sự bắt nguồn của tính trẻ trung đáng kinh ngạc của bộ máy khổng lồ này, sự dẻo dai về tinh thần và sức ham muốn như sắt thép.

Nhiệm vụ của một nhà nước nhân dân sẽ là chăm lo cho ngành giáo dục giảng dạy nữa, tạo một sự đổi mới liên tục của các lớp người làm việc tinh thần đang có qua sự hòa thêm dòng máu mới của tầng lớp dưới vào. Nhà nước có trách nhiệm là cùng sự cẩn thận đặc biệt và sự chính xác mà lọc ra từ tổng số đồng hương những người có khả năng để đưa vào sử dụng phục vụ chung. Vì nhà nước và các cơ quan nhà nước không phải sinh ra để tạo điều kiện cho sự suy thoái của từng giai cấp mà để đáp ứng được những nhiệm vụ đến với họ. Điều này chỉ có thể thực hiện được khi về nguyên tắc chỉ có người có tài và có sức ham muốn mạnh được đào tạo lên làm lãnh đạo thôi. Điều này có giá trị không chỉ đối với các công sở mà còn cho sự lãnh đạo tinh thần trên mọi lĩnh vực của dân tộc nói chung. Trong đó có yếu tố cho tầm cỡ của một dân tộc rằng nó sẽ làm được việc đào tạo những cái đầu có khả năng nhất trong lĩnh vực của họ và để đưa vào phục vụ cộng đồng dân tộc. Khi hai dân tộc cạnh tranh với nhau mà đều có tiền đề tốt cả, thì dân tộc chiến thắng sẽ là dân tộc đại diện cho tài năng tốt nhất trong sự lãnh đạo tổng thể về tinh thần của họ, còn bên thua là bên chỉ thể hiện một vườn trẻ lớn cộng đồng gồm những giai cấp nhất định, không quan tâm tới khả năng bẩm sinh của từng người.

Tất nhiên điều này trước hết không thể xuất hiện trong thế giới của chúng tôi ngày nay. Người ta sẽ can thiệp ngay lập tức, nghĩa là người ta không được phép dự đoán là chàng trai trẻ, ví dụ con một quan chức cao cấp của nhà nước, sau này trở thành thợ thủ công, vì có người khác nào đó, mà cha mẹ anh ta đã là thợ thủ công, xuất hiện có khả năng hơn. Điều này có thể đúng theo sự đánh giá ngày nay về việc làm thủ công. Vì vậy nhà nước nhân dân phải có được quan điểm về nguyên tắc ngược lại với khái niệm lao động. Nếu cần thiết nó sẽ phải bẻ gãy sự coi thường hoạt động cơ thể sinh ra do sự giáo dục hàng trăm năm với sự vô lý đó. Về cơ bản nó không đánh giá từng người về loại công việc mà về hình thức và thành tích đạt được có tốt không.

Điều này có vẻ phi thường trong một thời gian chỉ vì những nhà văn mất tinh thần nhất thôi, vì anh ta làm việc bằng bút lông, có giá trị hơn là thợ cơ khí tinh xảo thông minh nhất. Sự đánh giá sai này không nằm trong sự vật theo bản chất tự nhiên mà do con người được giáo dục nên và trước đây chưa có. Tình trạng không tự nhiên ngày nay sinh ra do những hiện tượng bệnh tật chung của thời đại vật chất hóa ngày nay.

Về cơ bản giá trị mỗi công việc đều nhân gấp đôi: giá trị thuần vật chất và giá trị tư tưởng của nó. Giá trị vật chất dựa trên ý nghĩa và chính là ý nghĩa vật chất của một công việc phục vụ cuộc sống trong tổng thể. Các đồng hương càng rút ra được nhiều điều có lợi từ thành tích đạt được hoàn chỉnh nhất định, từ trực tiếp và cả gián tiếp có lợi nữa, thì càng phải đánh giá về vật chất nhiều hơn. Mặt khác việc đánh giá tìm thấy sự thể hiện mềm dẻo của nó trong tiền lương vật chất, cái mà từng người lao động nhận được từ việc làm của họ. Giá trị thuần vật chất này đứng đối diện với giá trị tư tưởng, cái không dựa trên ý nghĩa đó được về mặt vật chất của việc làm mà từ sự cần thiết của việc làm đó. Sự có lợi về mặt vật chất của từng phát minh chắc chắn lớn hơn là việc làm thủ công hàng ngày. Tất nhiên tổng thể cũng phải phụ thuộc vào từng công tác nhỏ nhất cũng như công việc lớn nhất. Nó có thể có sự khác biệt về vật chất trong sự đánh giá điều có lợi của từng công việc đối với tổng thể và có thể đưa ra sự thể hiện về thù lao chẳng hạn. Nhưng nó cũng phải xác định về tư tưởng là chúng như nhau trong thời điểm mà từng người đều cố gắng trong lĩnh vực của họ dù đó là lĩnh

vực gì để có thể hoàn thành công việc tốt nhất. Từ đó người ta có thể dựa vào để đánh giá từng người và không phải từ thù lao.



Hitler đi nhà thờ. Hitler: Nhà thờ công giáo có thể là hình mẫu để đem giảng cho học sinh.

Vì trong một nhà nước có lý trí thì việc lo toan cần dành cho việc đưa từng người vào công việc mà phù hợp với khả năng của anh ta, hoặc nói theo cách khác là đào tạo những cái đầu có khả năng cho công việc của chính họ, khả năng đó về nguyên tắc không phải là được giáo dục mà do bẩm sinh đã có, là quà tặng của tự nhiên chứ không phải công lao của con người, như vậy việc đánh giá công dân nói chung cũng chẳng phải theo từng việc làm mà họ được phân công. Vì việc làm này tính vào tài khoản lúc sinh của anh ta cũng như sự đào tạo mà anh ta nhận được qua việc phổ cập của nhà nước. Việc đánh giá con người phải được lý giải bằng loại và phương thức phù hợp với nhiệm vụ do cộng đồng giao cho anh ta. Vì hoạt động của từng người không phải là mục đích cho sự tồn tại của anh ta, mà vì phương tiện để đạt được nó. Anh ta còn cần tự đào tạo tiếp nhiều hơn nữa và nâng phẩm giá mình lên, nhưng chỉ có thể làm trong khuôn khổ cộng đồng văn hóa của anh, cái luôn phải dựa trên nền tảng của nhà nước đó. Để duy trì nền tảng đó anh ta cần đóng góp phần mình vào. Hình thức của sự đóng góp này do tự nhiên xác định; Ở đây chỉ có việc cùng sự siêng năng và khả năng phát ngôn của cộng đồng để tái tạo lại điều mà tự nhiên trao cho anh ta, người mà có được sự đánh giá cao nhất và sự tôn trọng cao nhất. Tiền lương vật chất có thể được chấp thuận đối với người mà thành tích của họ mang lại lợi ích phù hợp cho cộng đồng; nhưng phần thưởng tinh thần phải nằm trong sự đánh giá mà mỗi người có được nhờ sức lực do tự nhiên ban cho và cộng đồng thì đem tới sự đào tạo để phục vụ dân tộc anh ta. Sau đó thì không còn là nỗi nhọc nhằn nếu trở thành người thợ thủ công ngon lành, hơn là một quan chức bất lực, người ăn cắp thời gian của Chúa và bánh mì hàng ngày của dân. Sau đó người ta cũng sẽ cho là điều dĩ nhiên, khi một người không được nhận công việc mà ngay từ đầu anh ta không làm nổi.

Ngoài ra hoạt động tương tự còn làm thước đo duy nhất cho quyền hoạt động của công dân trong công việc giống nhau.

Thời hiện tại tự mang lại suy thoái cho mình: nó đưa vào quyền bầu cử phổ thông, tán chuyện về quyền bình đẳng, nhưng không tìm thấy lời lý giải cho điều đó. Nó nhìn thấy trong tiền lương vật chất là sự thể hiện giá trị của một con

người, do đó làm tan vỡ cơ sở cho phẩm giá cao quý nhất như nhau mà người ta có thể có vì sự giống nhau không và không bao giờ có thể dựa trên thành tích của từng người được, nhưng có thể với hình thức mà mỗi người đáp ứng nghĩa vụ đặc biệt của họ. Chỉ qua đó thì trường hợp bỗng nhiên do tự nhiên đem tới mới bị bỏ qua khi đánh giá con người, và từng người tự trở thành thợ rèn giá trị của anh ta.

Trong thời hiện tại, vì tất cả các nhóm người đối với nhau chỉ biết đánh giá theo bậc lương, thì người ta không thể có sự thông cảm – như đã nói ở trên – Riêng điều này đối với chúng tôi không được phép là lý do để bỏ qua sự đại diện cho tư tưởng của chúng tôi. Ngược lại: Ai muốn chữa lành cho cái thời đại đau ốm và mục ruỗng bên trong này thì phải dũng cảm lên trước hết mà đem trình bày rõ ràng nguyên nhân của nỗi đau đó. Điều này chính là việc phải lo của phong trào quốc xã: bỏ qua mọi tính cách của tầng lớp tư sản, ra khỏi nguồn gốc của dân tộc mình, tập trung các lực lượng lại và sắp xếp sao cho các chiến sĩ tiên phong của thế giới quan mới là những người đã có khả năng.

Dĩ nhiên người ta sẽ có điều phản biện rằng nói chung việc đánh giá tinh thần rất khó để tách ra khỏi vật chất, phải, rằng sự đánh giá giảm xuống đối với việc làm chân tay là do sự trả lương thấp gây ra. Việc trả thù lao thấp lại chính là nguyên nhân giới hạn sự tham gia của từng người vào sản phẩm văn hóa của dân tộc anh ta. Qua đó mà văn hóa tư tưởng của con người bị ảnh hưởng, cái mà chẳng liên quan gì tới hoạt động của con người đó. Nỗi sợ công việc chân tay có lý do chính là do sự trả lương thấp, trình độ văn hóa của thợ thủ công bắt buộc bị đè thấp xuống và do đó nó chứng minh cho sự đánh giá thấp nói chung.

Ở đây có nhiều việc đúng với sự thật. Chính vì vậy người ta phải phòng bị trong tương lai trước khoảng cách lớn về tiền lương. Người ta chẳng nói ra rằng như thế thành tích sẽ bị mất đi. Điều này là dấu hiệu đáng buồn nhất của sự suy thoái một thời đại, nếu động cơ để đạt thành tích tinh thần cao hơn chỉ nằm trong tiền lương cao hơn. Nếu quan điểm này cho tới nay là cái có tính quyết định duy nhất trên thế giới này, thì nhân loại đã chẳng bao giờ có được những tài sản khoa học và văn hóa lớn nhất. Vì những phát minh lớn nhất, những phát hiện lớn nhất, các quá trình lao động khoa học mang tính cách mạng nhất, các tượng đài đẹp nhất của nền văn hóa nhân loại đều không phải vì túng bản tiền

bạc của thế giới mà hình thành nên. Ngược lại, sự ra đời của chúng không có nghĩa là từ bỏ hạnh phúc trên trái đất của sự giàu có.

Có thể là ngày nay tiền của trở thành lãnh đạo cuộc sống nhưng con người có khi lại cúi mình trước các thánh thần cao hơn. Nhiều khi ngày nay người ta chỉ cảm ơn lòng ao ước có tiền và tài sản cho họ sự tồn tại, nhưng hình như chỉ có ít người trong số đó làm cho nhân loại nghèo đi nếu không có họ.

Một nhiệm vụ nữa của phong trào chúng tôi là ngay từ bây giờ đã phải ghi nhớ vào thời đại mà từng người được cho cái gì mà anh ta cần cho cuộc sống, nhưng nguyên tắc vẫn được nêu cao rằng con người không chỉ sống vì muốn hưởng thụ vật chất. Điều này cần phải tìm sự thể hiện trong phương thức phân cấp có giới hạn của việc cống hiến, sự phân cấp đó dù thế nào vẫn tạo điều kiện tồn tại trung thực, nghiêm chỉnh cho một người lao động là đồng hương và là một con người.

Người ta không nói rằng đó là một trạng thái lý tưởng mà thế giới thực tế không thể chịu nổi và sẽ không bao giờ đạt tới được.

Chúng tôi cũng không đơn điệu tới mức tin là có thể đem lại thời kỳ lý tưởng không hề có khiếm khuyết. Chỉ riêng điều đó thôi đã không miễn trừ được trách nhiệm đấu tranh với sai lầm đã nhận ra, vượt qua yếu kém để phấn đấu tới điều lý tưởng. Thực tế cay đắng này sẽ chỉ dẫn tới việc có quá nhiều giới hạn thu hẹp thôi. Vì vậy con người phải tìm cách phục vụ mục đích cuối cùng, và những vụ sai sót không được phép làm anh ta nhụt chí, giống như anh có thể bỏ qua phần tư pháp, chỉ vì phần này cũng sai sót, và người ta ít vứt bỏ thuốc men vì vẫn còn sinh ra bệnh tật.

Người ta tránh đánh giá thấp năng lực của một thiên tài. Ngày nay về mặt này ai còn hẹp hòi thì tôi muốn nhắc anh ta nhớ lại thời gian mà chủ nghĩa anh hùng là nhận thức mạnh mẽ nhất cho động cơ lý tưởng, nếu anh ta đã từng là người lính. Vì cái đáng để cho con người chết lúc xưa không phải là bánh mì hàng ngày mà là tình yêu đất nước, niềm tin vào sự vĩ đại của tình cảm giành cho sự tôn vinh dân tộc. Và chỉ khi dân tộc Đức cách xa lý tưởng này, để đi theo những hứa hẹn thực sự của cách mạng, và vũ khí thay cho ba lô, thì sẽ tới lúc thay vào việc lên thiên đường của trái đất là chịu ngọn lửa quét của sự khinh thường đại chúng và sự túng quẫn chẳng ít hơn.

Vì vậy điều đáng thấy cần thiết chính là những người tính toán giỏi của nước cộng hòa thực sự cùng thời phải đối diện với niềm tin vào một vương quốc lý tưởng.

CHƯƠNG 3: NGƯỜI CÓ QUỐC TỊCH VÀ CÔNG DÂN

Nói chung cơ cấu chính quyền mà ngày nay thường được mô tả sai là nhà nước chỉ biết hai loại người: công dân và người nước ngoài. Công dân là tất cả những người hoặc do được sinh ra tại đất nước hoặc nhập quốc tịch sau đó mà nhận được quyền công dân; người nước ngoài là những người có cái quyền đó ở nước khác. Giữa hai loại này còn có loại xuất hiện như sao chổi, đó là người không quốc gia. Đó là những người có được cái vinh dự chẳng thuộc nước nào, nghĩa là không có quyền công dân ở đâu cả.

Quyền công dân ngày nay như đã nói ở trên được nhận trước hết là do người đó được sinh ra trong biên giới một quốc gia. Cùng chủng tộc hay có hộ tịch thuộc dân tộc đó chẳng có vai trò gì ở đây cả. Một người da đen trước đây sống tại vùng bảo vệ của người Đức bây giờ lại có nơi ở trên đất Đức thì đứa con do anh ta sinh ra sẽ là “công dân Đức”. Tương tự như vậy mỗi đứa trẻ Do Thái, Ba Lan hay gốc châu Á đều có thể có quốc tịch Đức chẳng khó khăn gì.



Hộ chiếu của Hitler.

Ngoài việc nhập quốc tịch khi được sinh ra còn có thể nhập quốc tịch sau đó. Việc này gắn với các điều kiện cho trước khác nhau, ví dụ người đang xin nhập quốc tịch này được chọn nếu không phải đã từng là kẻ trộm hay ma cô dặt gái, anh ta về mặt chính trị không có vấn đề gì, nghĩa là một người ngu dốt chính trị vô hại, không phải là gánh nặng cho quê hương nơi anh là công dân. Ý rằng trong thời đại thực tế này tất nhiên chỉ có gánh nặng tài chính thôi. Phải, có khi còn nên khuyến khích rằng nên giới thiệu một người đóng thuế tốt trong tương lai, để tăng tốc trong việc xin gia nhập quốc tịch ngày nay.

Cần nhắc về mặt chủng tộc nói chung không có vai trò gì ở đây.

Tất cả quá trình của việc xin gia nhập quốc tịch diễn ra không khác mấy so với việc xin vào một câu lạc bộ ví dụ như câu lạc bộ ô tô. Người đàn ông nhập dữ liệu vào, thông tin được kiểm tra và đánh giá, và một ngày nào đó người ta sẽ đưa cho anh một tờ giấy và thông báo anh là công dân có quốc tịch, mà ở đây việc này còn được làm với hình thức rất hài hước. Người ta thông báo ví dụ cho một người cho tới nay thuộc dân tộc Zulukaffer là: “Với giấy này anh đã trở thành người Đức!”

Cái trò ảo thuật này làm cho một tổng thống phát mệt. Cái gì mà thiên đường không tạo ra được thì sẽ biến ngay lập tức thành một học trò của Aristotle thế kỷ 15 thời Hy Lạp cổ đại (Aristotle là thầy học của Alexander Đại đế thuộc Macedonia). Một người bình thường và có cái của đàn ông Mông Cổ tự nhiên biến thành “người Đức” chính hiệu.

Nhưng không chỉ là việc người ta không quan tâm tới chủng tộc của một công dân mới như thế mà người ta cũng chẳng chú ý tới sức khoẻ thể xác anh ta. Anh ta có thể là một gã bị giang mai ăn nát người cũng mặc, chỉ đối với nhà nước ngày nay anh ta được hoan nghênh, như đã nói, nếu anh ta không phải là gánh nặng tài chính và mối nguy hiểm chính trị đối với nó.

Cứ thế cái thực thể mà gọi là nhà nước đó hàng năm chắt vào người đầy các chất độc đến nỗi nó chẳng có khả năng sống sót được nữa.

Người công dân của một nước được phân biệt với người nước ngoài qua sự việc mọi con đường dẫn anh tới các công sở đều mở, anh có thể phải đáp ứng việc thi hành nghĩa vụ quân sự, có thể tiếp tục tích cực hay thụ động tham gia bầu cử. Về tổng thể và qui mô lớn là như vậy thôi. Vì người nước ngoài thì cũng được hưởng sự bảo vệ quyền lợi cá nhân và tự do cá nhân như vậy, chẳng hiếm gì nữa; dù sao điều này cũng đúng với nước cộng hòa Đức ngày nay.

Tôi biết rằng người ta chẳng thích nghe việc này lắm; riêng những điều không suy tư, động não hơn là cái quyền công dân ngày nay thì có vẻ khó tồn tại. Hiện nay có một nhà nước ít nhất cũng có chút ít tiền đề yếu ớt cho một quan điểm khá hơn có thể nhận thấy được. Tất nhiên đây không phải là nước cộng hòa Đức kiểu mẫu của chúng tôi, mà là Hợp chủng quốc Mỹ, ở đó người ta cố gắng ít nhất phần nào rút ra được bài học về lý trí. Khi về nguyên tắc hợp chủng quốc Mỹ không sẵn sàng tiếp nhận dân di cư có yếu tố xấu về sức khoẻ, từ chối tiếp nhận một số tộc người nhất định, thì họ đã tự công nhận quan điểm mà ban đầu còn khê khàng tuyên bố về khái niệm một nhà nước nhân dân của mình.

Nhà nước nhân dân chia dân cư ra thành ba loại: công dân gốc, công dân có quốc tịch và người nước ngoài.

Do được sinh ra mà về nguyên tắc người ta chỉ nhận được quốc tịch. Có quốc tịch chưa phải là có quyền lãnh đạo các công sở, cũng không phải được

quyền hoạt động chính trị ví dụ tham gia vào bầu cử, kể cả tích cực lẫn thụ động. Về cơ bản người ta xác định được ở từng người có quốc tịch chủng tộc và dân tộc của người đó. Người này lúc nào cũng tự do trong việc từ bỏ quốc tịch của anh ta và trở thành công dân của nước mà có dân tộc của anh.





Một hộ chiếu Đức bắt đầu từ tháng 4 năm 1941. Màu đỏ 'J' đại diện 'Người Do Thái và thường được chứng minh là một giấy chứng tử khi đóng dấu trên hộ chiếu chính thức.

Người nước ngoài được phân biệt với người có quốc tịch ở chỗ anh ta có quốc tịch ở một nước xa lạ khác thôi.

Một thanh niên có quốc tịch của dân tộc Đức thì có trách nhiệm thực hiện việc đào tạo đã qui định đối với mỗi người Đức. Như vậy anh ta phải chịu sự giáo dục để trở thành một người đồng bào có ý thức về chủng tộc và dân tộc Đức. Sau đó anh ta phải đáp ứng những bài luyện tập cơ thể được nhà nước qui định tiếp theo và cuối cùng là tham gia vào quân đội. Sự đào tạo trong quân đội là đào tạo đại cương; nó phải đào tạo từng người và giáo dục khả năng cả về thể xác lẫn tinh thần cho họ, để phù hợp với những lĩnh vực mà quân đội sử dụng họ. Chàng thanh niên trẻ khỏe không bị chê trách gì cả sẽ được trao tặng **quyền công dân** một cách vẻ vang trang trọng nhất sau khi kết thúc nghĩa vụ quân sự. Đó là giấy chứng nhận có giá trị nhất đối với cuộc sống trên trái đất của anh ta. Với giấy này anh ta có mọi quyền lợi của công dân và tham gia vào mọi việc ưu tiên đó. Vì nhà nước phải phân biệt sâu sắc giữa những người đồng hương là nguyên nhân và trụ cột cho sự tồn tại cùng qui mô của nó với những người chỉ lưu trú để kiếm được trong một nhà nước thôi.

Việc trao giấy chứng nhận quốc tịch phải gắn với việc tuyên thệ thiêng liêng vì cộng đồng nhân dân và vì nhà nước. Trong giấy này phải thể hiện mối quan hệ giữa mọi hướng đi cần vượt qua. Phải coi việc là công dân làm nghề quét đường trên đất nước này là niềm vinh dự lớn hơn là vua ở một quốc gia xa lạ khác.

Công dân chính gốc được ưu tiên hơn người nước ngoài. Họ là ông chủ đất nước. Phẩm giá cao quý này cũng gắn với trách nhiệm. Người không có tính cách hay không có phẩm giá là kẻ tội phạm hèn hạ, kẻ phản bội đất nước v.v..., hẳn có thể bị mất sự tôn trọng bất cứ lúc nào. Người này lại trở thành chỉ là người có quốc tịch thôi.

Một cô gái Đức là người có quốc tịch và trở thành nữ công dân khi cô lập gia đình. Như vậy các chị em có quốc tịch Đức đang làm việc kiếm sống đều có thể được trao tặng quyền công dân.

CHƯƠNG 4: TÍNH CÁ NHÂN TƯ TƯỞNG NHÀ NƯỚC NHÂN DÂN

Nếu nhà nước quốc xã của nhân dân thay nhiệm vụ chính của mình trong việc đào tạo và giữ gìn những trụ cột của nhà nước, thì việc khuyến khích những yếu tố chủng tộc không đủ, sau đó lại giáo dục và đào tạo cho cuộc sống thực tế, mà điều quan trọng là tổ chức bộ máy của riêng nó sao cho phù hợp với nhiệm vụ này.

Sẽ là một chuyện khôi hài, nếu muốn đánh giá con người theo hộ tịch chủng tộc mà anh ta thuộc về đó, cùng với quan điểm của Mác là: Con người bình đẳng như nhau, để giải thích về chiến tranh, nếu người ta không quyết định rút ra những logic cuối cùng của sự việc. Sự hợp lý cuối cùng trong việc công, nhận ý nghĩa của dòng máu, nghĩa là cơ sở về chủng tộc nói chung lại là việc chuyển đánh giá sang từng cá nhân. Cũng như khi tôi phải đánh giá chung về các dân tộc dựa trên sự khác nhau về chủng tộc của họ, thì về từng người trong cùng một cộng đồng dân tộc đại loại theo ý nghĩa như là cái đầu này không thể bằng cái đầu kia, vì chỉ những thành phần máu là giống nhau trên tuyến lớn, còn những thành phần đa dạng hàng ngàn lần nhỏ nhất lại có sự khác biệt hoàn toàn.



Adolf Hitler.

Sự hợp lý đầu tiên của nhận thức này đồng thời là, tôi muốn nói sơ lược hơn, sự thử nghiệm việc khuyến khích có tính quyết định những yếu tố đặc biệt có giá trị được nhận ra của tộc người trong nội bộ cộng đồng dân tộc, và lo cho sự nhân bản đặc biệt của chúng.

Nhiệm vụ này nói sơ lược vì nó hầu như có thể được nhận biết và giải quyết một cách máy móc. Điều khó khăn hơn là nhận ra từ tất cả tập thể những cái đầu có giá trị nhất về tinh thần và tư tưởng, và gây ảnh hưởng cho họ không chỉ nhận những tinh thần cao cấp về mình mà còn làm lợi cho dân tộc nữa. Việc sàng lọc khả năng và sự chăm chỉ không thể làm một cách máy móc được mà là một công việc do cuộc đấu tranh trong cuộc sống hàng ngày liên tục mang lại.

Một thế giới quan từ chối tư tưởng dân chủ đại chúng và phân đấu để đưa tảng trái đất cho dân tộc tốt nhất, nghĩa là những người cao cấp nhất, cũng phải tuân theo một cách logic nguyên tắc của dòng dõi quý tộc trong nội bộ dân tộc đó, và bảo đảm chắc chắn rằng những cái đầu tốt nhất làm lãnh đạo và có ảnh hưởng cao nhất trong dân tộc đề cập tới đó. Như vậy nó không xây dựng dựa trên tư tưởng đại chúng mà dựa vào tư tưởng có tính cá nhân.

Ngày nay ai tin rằng một nhà nước quốc xã của nhân dân chỉ phân biệt một cách máy móc nó với các nhà nước khác nhờ cơ cấu trong cuộc sống kinh tế của nó tốt hơn, thì qua sự cân bằng phân phối giữa giàu có và nghèo hèn hay nhiều hơn là quyền cùng tham gia quyết định của các tầng lớp đại chúng vào quá trình kinh tế, hoặc qua thù lao hợp lý hơn, qua việc xóa bỏ khoảng cách lớn trong tiền lương, thì bị mắc kẹt nhiều nhất và không biết gì về cái mà chúng tôi gọi là thế giới quan đó. Tất cả những điều đã trình bày trên không đem tới sự bảo đảm ít nhất cho sự bền vững dài lâu và còn ít hơn đối với qui mô lớn nữa. Một dân tộc nếu chỉ dừng lại ở những cái cách thực tế bên ngoài đó thì sẽ không nhận được chút nào sự bảo đảm cho chiến thắng của dân tộc đó trong cuộc đấu tranh chung.

Một phong trào chỉ nhìn thấy nội dung sứ mạng của mình trong sự phát triển chung để cân bằng và tất nhiên là được quyền thực hiện thì thực sự sẽ không đưa tới cuộc cải cách lớn thực sự vì không cải thiện sâu sắc những tình trạng hiện có, vì tất cả hoạt động của nó cuối cùng chỉ còn lại trong cái vỏ bên ngoài mà chẳng trang bị cho quần chúng cái gì bên trong, để họ hầu như có thể

nói được là cũng đem dùng để vượt qua yếu kém của mình, cái mà chúng tôi hôm nay vẫn phải chịu đựng.

Để điều này dễ hiểu hơn, có lẽ là hợp với mục đích, ta nên xem xét những nguồn gốc và nguyên nhân thực sự của sự phát triển văn hóa nhân loại lần nữa.

Bước đi đầu tiên mà đưa con người nhìn bên ngoài rõ ràng là tách khỏi động vật chính là việc phát minh. Việc phát minh tự nó ngay từ đầu đã dựa trên việc tìm thấy các mưu mẹo mảnh khảnh còn đơn giản, việc sử dụng chúng hỗ trợ cho cuộc đấu tranh sống còn với các sinh vật khác nhẹ nhàng hơn, có lúc thuận lợi nói chung. Những phát minh đơn giản nhất không đủ cho cá nhân xuất hiện rõ ràng, vì sau này hay nói khá hơn là ngày nay đối với người quan sát tất nhiên chúng là hiện tượng xuất hiện vô hạn. Những mưu mẹo nhất định hay ranh mãnh qui luật mà con người có thể quan sát ở động vật thì trong mắt con người được tổng kết là sự thực và anh ta không thể xác định được nguồn gốc hay nghiên cứu ra nó, mà dùng nó để hỗ trợ khi anh mô tả những quá trình xảy ra ở động vật là “thuộc bản năng”.

Cái từ cuối cùng này chẳng nói lên gì trong trường hợp của chúng tôi cả. Vì ai tin vào sự phát triển cao hơn của sinh vật sống thì phải công nhận rằng mỗi biểu hiện bên ngoài khi bị thúc ép hay đấu tranh cho cuộc sống phải có sự bắt đầu của nó; nghĩa là một chủ thể sẽ bắt đầu với những việc này và rồi sau đó quá trình như vậy luôn lặp đi lặp lại nhiều lần và lan rộng ra, cho tới lúc cuối cùng chuyển qua sự vô ý thức của tất cả mọi người cùng dạng để sau đó xuất hiện như là một bản năng.

Người ta dễ hiểu điều này và tin ở trường hợp con người hơn. Những biện pháp thông minh đầu tiên của con người trong cuộc chiến đấu với các động vật khác – chắc chắn là theo nguồn gốc của chúng là những hành động của các chủ thể có khả năng. Tính cá nhân đã từng bắt buộc là cái tạo điều kiện cho những quyết định và thực hiện mà về sau đã được cả loài người tiếp nhận một cách đương nhiên. Về mặt quân sự cũng có điều dĩ nhiên như thế mà ngày nay theo tôi đã trở thành cơ sở cho loại chiến lược nào đó, nhờ có nguồn gốc hình thành từ một cái đầu sáng kiến nhất định và trong quá trình nhiều năm, có khi hàng ngàn năm đã được coi là có giá trị hoàn chỉnh một cách dĩ nhiên và đơn giản cho tất cả.

Con người bổ sung vào phát minh đầu tiên cái thứ hai: anh ta học cách sử dụng những vật dụng và đưa các sinh vật khác vào cuộc đấu tranh duy trì sự tồn tại của riêng mình; và từ đó bắt đầu hoạt động phát minh đích thực của con người, mà ngày nay chúng ta nhìn thấy rõ ràng trước mắt. Những phát minh vật chất từ lúc sử dụng hòn đá làm vũ khí cho tới việc thuần hóa động vật, đưa cho con người dùng lửa nhân tạo và cứ như vậy cho tới những phát minh đa dạng và đáng thán phục của thời đại chúng ta, làm cho cá nhân được nhận biết là trụ cột của những thành tựu đó rõ hơn, khi những phát minh riêng lẻ ra đời càng gần tới thời đại của chúng ta hay càng có ý nghĩa và sắc sảo hơn. Dù sao chúng ta biết rằng: tất cả những gì mà ta nhìn thấy là phát minh vật chất quanh mình chính là kết quả của sức sáng tạo và khả năng của từng cá nhân. Và tất cả phát minh cuối cùng đó đều hỗ trợ cho con người nâng mình lên cao hơn thế giới động vật, phải, tách con người dứt khoát khỏi đó. Chúng có tác dụng theo lý do sâu xa nhất là giúp con người trải qua quá trình lâu dài để trở thành con người văn minh hơn. Nhưng ngay cả điều mà lúc xưa là mưu mẹo đơn giản nhất trong rừng nguyên sinh đã hỗ trợ con người trong cuộc đấu tranh sinh tồn cho dễ dàng hơn, lại giúp cho ngày nay trong dạng những kiến thức khoa học đầy trí tuệ làm cho cuộc đấu tranh để tồn tại của nhân loại được dễ dàng hơn và trở thành vũ khí cho những cuộc đấu tranh của tương lai. Mọi tư tưởng và phát minh của con người trong những tác động cuối cùng phục vụ trước hết là cuộc đấu tranh sống còn của con người trên địa cầu này, kể cả khi cái lợi thực sự của một phát minh hay phát hiện hoặc tầm nhìn sâu sắc về khoa học vào bản chất sự vật ở vào thời điểm không nhìn rõ được. Bằng sự hỗ trợ của tất cả cái đó để có thể đưa con người ngày càng ra khỏi vòng vây của những sinh vật bao quanh anh ta, tăng cường và củng cố vững chắc vị trí của anh tới mức anh lớn lên trên quả đất thành một sinh vật thống trị ở mọi phương diện.

Tất cả các phát minh đều là thành quả do công việc cá nhân tạo nên. Tất cả những cá nhân này dù muốn hay không đều là những người làm từ thiện nhiều hay ít cho tất cả mọi người. Tác động của họ là đem cho hàng triệu, phải, hàng tỉ người sau này phương tiện hỗ trợ trong tay để làm giảm nhẹ việc thực hiện cuộc đấu tranh sống còn của họ.

Khi chúng tôi luôn nhìn trong nguồn gốc của nền văn hóa vật chất ngày nay thấy từng cá nhân đều là nhà phát minh cả, họ bổ sung cho nhau, người này xây dựng tiếp theo người kia, nhưng sau đó cũng vậy khi họ làm việc và thực hiện những ý tưởng với các vật do các nhà phát minh nghĩ ra và phát hiện. Vì trong nguồn gốc của các quá trình sản xuất cũng lại là các phát minh và cũng phụ thuộc vào cá nhân. Kể cả công việc chỉ thuần về lý thuyết và tư duy mà không thể đo đếm được trong từng việc, nhưng lại là tiền đề cho các phát minh vật chất tiếp theo, cũng xuất hiện là sản phẩm chỉ của từng cá nhân. Không phải là số đông phát minh và đa số tổ chức hay tư duy, mà trong mọi công việc luôn là từng con người, từng cá nhân riêng lẻ đã làm.

Một cộng đồng nhân loại chỉ xuất hiện là tập thể được tổ chức tốt, khi họ làm giảm nhẹ công việc của những con người sáng tạo bằng phương thức tiến về phía họ nếu có thể và sử dụng sản phẩm có lợi cho tất cả. Cái giá trị nhất ở một phát minh, dù nó nằm trong vật chất hay trong thế giới tư tưởng thì trước hết nhà phát minh là một cá nhân. Anh ta phải được sử dụng có lợi cho tập thể, đó là nhiệm vụ đầu tiên và cao nhất của tổ chức trong một cộng đồng dân tộc.

Phải tổ chức tự nó chỉ có một việc là thực hiện nguyên tắc này. Như vậy nó cũng được giải quyết trong bộ máy, thoát khỏi lời nguyền và tự trở thành cái gì đó sống động. Nó phải là sự thể hiện cố gắng đặt những cái đầu giỏi lên cao khỏi đám đông và đám đông phải tuân theo những cái đầu đó.



Chủ nghĩa Mác. (Ảnh minh họa).

Việc tổ chức như vậy không những không được phép cản trở sự nổi lên của những cái đầu thông minh từ đám đông, mà ngược lại nó phải làm cho dễ dàng và tạo điều kiện tới mức cao nhất theo như bản chất của nó. Ở đây nó phải xuất phát từ nguyên tắc là phúc lành cho nhân loại chẳng bao giờ nằm trong đám đông cả, mà trong những cái đầu sáng tạo, trong thực tế đó là những người được gọi là nhà từ thiện đối với mọi người. Mỗi quan tâm của tất cả mọi người là bảo đảm ảnh hưởng quyết định nhất của họ và làm cho tác động của họ được dễ dàng. Chắc chắn là mỗi quan tâm đó không được làm thỏa mãn và sẽ không có gì làm lợi cho nó do sự thống trị của những người không có khả năng tư duy hoặc không chăm chỉ, không phải là số đông được ưu đãi, mà chỉ do có sự lãnh đạo của những người bẩm sinh đã có tài năng đặc biệt lại còn được hỗ trợ tăng khả năng lên.

Việc tìm ra những cái đầu vượt trội, như đã nói, trước hết là do cuộc đấu tranh sống còn căng thẳng tự đem tới. Nhiều người bị phá vỡ và bị suy thoái,

điều này đã cho thấy đó chưa phải là kết quả cuối cùng, và có vài trường hợp xuất hiện cuối cùng là những người được chọn. Trên những lĩnh vực tư tưởng, lĩnh vực sáng tạo nghệ thuật, cả trong kinh tế nữa, quá trình chọn lọc này vẫn diễn ra cho tới ngày nay, mặc dù trên lĩnh vực cuối này nó bị chịu tải nặng nề. Việc quản lý của nhà nước và quyền lực của nó thể hiện qua lực lượng quân sự có tổ chức của dân tộc được thống trị bởi tư tưởng này. Khắp nơi sẽ là sự chi phối bởi tư tưởng, uy tín cá nhân đối với bên dưới và tính chịu trách nhiệm đối với cá nhân cao cấp hơn bên trên. Chỉ có đời sống chính trị ngày nay là đã tách hẳn không dính dáng gì tới nguyên tắc tự nhiên nhất này. Trong khi toàn bộ nền văn hóa nhân loại đều là kết quả hoạt động sáng tạo của cá nhân thì nguyên tắc đa số lại xuất hiện có tính quyết định trong tổng thể, trước hết ở tầng lớp lãnh đạo cao nhất của cộng đồng dân tộc và bắt đầu từ đó đầu độc dần dần tất cả cuộc sống, nghĩa là tan vào thực tại. Tác động phá hoại của hoạt động Do Thái trong các dân tộc khác về cơ bản là việc họ luôn thử nghiệm chôn vùi ý nghĩa cá nhân ở dân tộc từ nơi khác tới này và thay vào đó là ý nghĩa của đại chúng. Như vậy thay vào nguyên tắc tổ chức của người Arian là nguyên tắc phá hoại của Do Thái. Nó trở thành thứ men phân hủy các dân tộc và chủng tộc, theo ý nghĩa xa hơn là làm tan rã cả nền văn hóa nhân loại.

Nhưng chủ nghĩa Mác lại thể hiện thử nghiệm của Do Thái vào nền văn hóa trong sạch, tất ý nghĩa nổi bật của cá nhân trên mọi lĩnh vực của cuộc sống con người và thay vào đó là số lượng của đám đông, về mặt chính trị thì hình thức chính phủ nghị viện đáp ứng với nó, thứ mà chúng tôi nhìn thấy tác động tai hại từ trong những tế bào nhỏ nhất ở xã tới tầng lớp lãnh đạo cao nhất của toàn quốc, về mặt kinh tế thì hệ thống phong trào công đoàn chẳng hề quan tâm tới lợi ích thực sự của người lao động, mà chỉ phục vụ chủ ý phá hoại của giới Do Thái quốc tế thôi. Ở mức độ mà nền kinh tế bị rút khỏi tác động của nguyên tắc cá nhân và thay vào đó phải chịu những ảnh hưởng và tác động của đa số thì nó bị mất khả năng tạo thành tích phục vụ mọi người đang có và có giá trị, dần dần rơi vào tình trạng phát triển lùi.

Tất cả các tổ chức đại diện cho công nhân viên thì đáng ra phải nhận biết lợi ích của nhân viên thì lại tìm cách gây ảnh hưởng vào sản xuất và phục vụ mục đích phá hoại nó. Họ gây thiệt hại cho việc lập thành tích của tất cả, từ đó

trong thực tế cho từng người. Vì sự thoả mãn của các thành viên trong dân tộc về lâu dài không đạt được từ lời nói suông mà nhiều hơn là dựa trên từng thứ của cải bị làm mất của cuộc sống hàng ngày và từ đó kết quả là tạo ra sự tâm phục rằng một cộng đồng phải giữ gìn trong toàn bộ hoạt động của nó lợi ích của từng người.

Dù chủ nghĩa Mác dựa trên cơ sở lý thuyết đại chúng của nó có vẻ có khả năng thì cũng không có vai trò gì ở đây cả trong việc tiếp nhận nền kinh tế đương đại và tiếp tục lãnh đạo nó. Lời phê bình về tính đúng đắn hay sai lầm của nguyên tắc này không phải do bằng chứng về khả năng của nó trong việc tiếp tục quản lý những thứ đã có trong tương lai quyết định mà chỉ do bằng chứng về việc có thể tự tạo ra một nền văn hóa như vậy thôi. Chủ nghĩa Mác có thể tiếp nhận hàng ngàn lần nền kinh tế hiện nay và cho nó hoạt động dưới sự lãnh đạo của mình thì thành tích của hoạt động đó cũng chẳng chứng minh gì đối với sự thật là nó không có khả năng áp dụng nguyên tắc của mình để tạo ra nền kinh tế mà nó đã tiếp nhận khi hoàn chỉnh đó.

Và như vậy chủ nghĩa Mác đã đem tới bằng chứng thực tế. Nó không chỉ không thể tạo ra một nền văn hóa nào hay chỉ sáng tạo ra một nền kinh tế, nó thực sự cũng không thể lãnh đạo tiếp cái đã có theo nguyên tắc của mình, mà chỉ sau một thời gian ngắn nhất đã phải quay lại nhượng bộ đi vào con đường tư tưởng của nguyên tắc cá nhân tính, tương tự như thế nó không thể bỏ qua những tư tưởng cơ bản này trong chính tổ chức của mình.

Nhưng thế giới quan nhân dân phải phân biệt với thế giới quan mác xít về cơ bản là nó không chỉ nhận biết được giá trị của tộc người mà cả ý nghĩa của cá nhân và cùng với chúng là xác định những cọc nền móng cho ngôi nhà của nó. Đó là những yếu tố chính của thế giới quan này.

Nếu phong trào quốc xã đặc biệt không hiểu được ý nghĩa nền tảng của nhận thức cơ bản này mà thay vào đó chỉ vá vúi loanh quanh bên ngoài ở cái nhà nước đương thời này, hay xem quan điểm đại chúng là của mình, thì nó sẽ chỉ thể hiện trong thực tế một đảng phái cạnh tranh với chủ nghĩa Mác mà thôi; Nó sẽ không còn cái quyền được nêu lên một thế giới quan cho mình nữa. Nếu chương trình xã hội của phong trào chỉ bao gồm việc chèn ép cá nhân và thay

vào đó là đa số, thì chủ nghĩa quốc xã sẽ tự bị chủ nghĩa Mác đầu độc giống như các đảng phái tư sản của chúng tôi.

Nhà nước nhân dân phải lo làm từ thiện cho công dân bằng cách công nhận ý nghĩa giá trị của cá nhân ở mọi nơi và từng chỗ, đưa nó vào trên mọi lĩnh vực có khả năng lập thành tích sản xuất cao nhất mà có thể bảo đảm cho từng người đều có phần cao nhất trong đó.

Và nhà nước nhân dân phải giải phóng tất cả, đặc biệt là ban lãnh đạo chính trị cao nhất khỏi nguyên tắc nghị viện của đa số, nghĩa là hoàn toàn khỏi việc qui định của số đông, để bảo đảm thay vào đó là quyền của cá nhân một cách hoàn hảo.

Từ đó ta có nhận thức sau:

Hiến pháp và hình thức nhà nước tốt nhất là loại mang những cái đầu tốt nhất của dân tộc với sự an toàn tự nhiên nhất tới chỗ làm cho họ có ý nghĩa lãnh đạo và ảnh hưởng lãnh đạo đối với người khác.

Nhưng trong đời sống kinh tế thì những người có khả năng đều không do cấp trên quyết định mà phải tự phấn đấu lấy, và ở đây tự hình thành nên việc liên tục học từ cửa hàng kinh doanh nhỏ nhất cho tới doanh nghiệp lớn nhất, và chỉ có cuộc sống tự đưa ra những kỳ thi tuyển, dĩ nhiên là những cái đầu chính trị không thể bỗng nhiên “được phát hiện ra”. Các thiên tài thuộc loại đặc biệt không chú ý tới những người bình thường đâu.

Nhà nước phải neo chắc trong tổ chức của mình nguyên tắc có tính cá nhân, từ những tế bào nhỏ nhất ở xã cho tới ban lãnh đạo cao nhất của cả nước.

Không có những quyết định mang tính đa số, mà chỉ có những cá nhân chịu trách nhiệm, và cái từ “tư vấn” lại quay về ý nghĩa ban đầu của nó. Mỗi người đều có nhà tư vấn đứng bên, chỉ có quyết định là người đó phải đưa ra.

Nguyên lý mà có thời lực lượng quân sự Preussen đã biến thành công cụ tuyệt vời của dân tộc Đức phải là nguyên lý được chuyển giao ý nghĩa dùng để xây dựng toàn bộ hiến pháp nhà nước của chúng tôi: Uy tín của mỗi người lãnh đạo đối với cấp dưới và sự chịu trách nhiệm đối với cấp trên.

Như vậy người ta cũng không thể bỏ qua việc phối hợp làm việc trong hội đồng mà ngày nay chúng tôi gọi là các nghị viện. Riêng các hội đồng thì được

tư vấn thực sự, nhưng luôn luôn chỉ có thể và được phép một người có trách nhiệm thôi, và như vậy cũng chỉ người này có uy tín và quyền ra mệnh lệnh.

Các nghị viện thực ra là quan trọng, vì trong đó những cái đầu lãnh đạo mới có điều kiện để vươn lên cao, để sau đó người ta có thể trao cho họ những nhiệm vụ phải chịu trách nhiệm đặc biệt.

Từ đó ta thấy được bức tranh sau đây:

Nhà nước nhân dân bắt đầu từ xã cho tới ban lãnh đạo của cả nước không có người đại diện mà quyết định việc gì qua số đông, mà chỉ có những người tư vấn đứng bên mỗi nhà lãnh đạo được chọn ra và được người này phân công việc cho, để tùy theo nhu cầu trên những lĩnh vực mà tự bắt buộc phải chịu trách nhiệm, cũng như người lãnh đạo hay chủ tịch hội đồng lớn hơn cũng chịu trách nhiệm như vậy.

Nhà nước nhân dân về cơ bản không chịu đựng việc mà theo yêu cầu, ví dụ về loại hình kinh tế chẳng hạn, người ta cứ đi hỏi lời khuyên và đánh giá của những người mà không được đào tạo và hoạt động trong lĩnh vực đó, họ không thể hiểu về việc đó được. Nhà nước vì thế đã phân chia các đại diện của nó ngay từ đầu ra các ban chuyên trách chính trị và chuyên trách ngành nghề.

Để bảo đảm cho cả hai cùng hoạt động có hiệu quả thì đứng trên hai bên luôn có một thượng nghị viện đặc biệt được chọn ra.

Không có trong ủy ban hay nghị viện nào có sự bỏ phiếu cả. Họ là những cơ sở làm việc chứ không phải máy bỏ phiếu. Từng thành viên đều có cái giọng tư vấn nhưng không quyết định gì cả. Việc quyết định chỉ có người lãnh đạo chịu trách nhiệm phải làm.

Nguyên lý về bắt buộc phải có mối liên hệ giữa việc chịu trách nhiệm tuyệt đối với uy tín tuyệt đối dần dần phát triển ra việc lựa chọn lãnh đạo, điều này trong thời đại của chủ nghĩa nghị viện vô trách nhiệm ngày nay chẳng thể nghĩ tới được.

Như vậy Hiến pháp nhà nước của dân tộc được thống nhất với từng đạo luật mà nó phải cảm ơn vì qui mô của các lĩnh vực văn hóa hay kinh tế nó đã có luật đó.

Tôi xin các vị cũng đừng quên về tính khả thi của những nhận thức này, rằng nguyên tắc nghị viện của việc qui định theo đa số một cách dân chủ không

phải do nhân loại đã có từ lâu mà ngược lại chỉ tìm thấy trong các thời kỳ rất ngắn của lịch sử, lại luôn là những khoảng thời gian mà các dân tộc và nhà nước bị suy thoái đi.

Tất nhiên người ta không nên tin rằng người ta có thể dùng các biện pháp chỉ thuần lý thuyết từ trên xuống dưới để có thể tạo ra một sự biến đổi như vậy được, vì về logic việc này không được phép dừng lại ở phần hiển pháp, mà phải tìm cách lọt qua cả việc lập pháp còn lại, phải, vào tất cả cuộc sống công dân. Cuộc cách mạng biến đổi như vậy chỉ có thể và sẽ xảy ra nhờ một phong trào mà đã tự xây dựng trong tinh thần của tư tưởng này và đã mang trong nó cái nhà nước sắp hình thành.

Vì vậy phong trào quốc xã ngày nay đã sống hoàn toàn trong tư tưởng đó và mang nó thực sự tác động bên trong tổ chức của riêng mình rồi, cái tổ chức mà không những có thể chỉ hướng đi cho nhà nước mà đã có thể sẵn sàng phục vụ cái nhà nước của riêng nó rồi.

CHƯƠNG 5: THẾ GIỚI QUAN VÀ TỔ CHỨC

Nhà nước nhân dân mà tôi cố tìm cách phác lại hình ảnh của nó bằng những nét lớn chưa thể thành hiện thực nếu chỉ qua nhận thức coi nó là quan trọng. Sẽ là điều không đủ nếu chỉ cần biết bên ngoài nó phải có hình thức ra sao. Quan trọng hơn là vấn đề về sự hình thành ra nó. Người ta không được phép mong đợi rằng các đảng phái ngày nay, là những đối tượng hưởng lợi đầu tiên từ nhà nước cùng thời, sẽ đạt được sự thay đổi và tự do thực hiện sự thay đổi quan điểm của họ. Điều này càng khó thực hiện hơn, khi những nhân vật thực tế lãnh đạo của họ luôn chỉ là của người Do Thái và lại là người Do Thái thôi. Sự phát triển mà chúng tôi đang thực hiện sẽ được làm tiếp không bị cản trở, vào ngày nào đó sẽ hạ cánh theo lời tiên tri Do Thái – Tên Do Thái thực sự sẽ gặm nhấm hết các dân tộc trên trái đất, trở thành ông chủ của họ.

Cứ như thế hần theo dõi hàng triệu người thuộc giới “tư sản” và “vô sản” Đức, phần lớn những người này đều rơi vào suy thoái vì hèn nhát đi cùng sự lười biếng và ngu ngốc, trong ý thức cao nhất hướng về mục tiêu của tương lai của hần và không chân chừ trên con đường đó. Một đảng phái do hần lãnh đạo,

không chiến đấu vì quyền lợi của người khác ngoài quyền lợi của hần, với tầm quan trọng của dân tộc Arian thì chẳng có gì chung cả.

Nếu người ta tìm cách chuyển bức tranh lý tưởng của một nhà nước nhân dân vào thực tế, không phụ thuộc vào các thể lực cho tới nay của cuộc sống công cộng, thì người ta phải tìm một lực lượng mới có ham muốn và khả năng tiến vào cuộc đấu tranh vì lý tưởng đó. Vì ở đây nói về cuộc đấu tranh, nếu nói về nhiệm vụ thứ nhất không phải là: tạo nên một quan điểm về nhà nước nhân dân, mà trước hết là: xoá bỏ cái đã có của hội Do Thái. Trong lịch sử thường có khó khăn chính không nằm trong hình thức của tình trạng mới, mà trong sự dọn chỗ cho nó. Những định kiến có trước và quyền lợi gắn liền trong một đội ngũ sát cánh bên nhau như quân đội thời cổ Hy Lạp và tìm cách cản trở chiến thắng của một tư tưởng không dễ chịu hoặc đe dọa nó với mọi phương tiện.



Ảnh minh họa.

Qua đó người chiến sĩ đấu tranh vì lý tưởng mới đó, để nhấn mạnh là tốt, trước hết bắt buộc phải đấu tranh với phần không tốt trong cuộc chiến để tiến tới xóa bỏ tình trạng hiện tại.

Một học thuyết trẻ về nguyên tác có ý nghĩa lớn và mới dù có làm cá nhân nào đó khó chịu, phải được đưa vào làm vũ khí đầu tiên và đầu dò phê bình ở mọi mức độ sắc sảo.

Sẽ là ít nghiên cứu sâu vào những quá trình phát triển lịch sử, nếu ngày nay những người dân luôn đặt giá trị vào việc bảo đảm rằng họ không nghĩ tới việc phê bình bất lợi mà chỉ là có ý phê bình với mục đích xây dựng thôi; còn cứ áp ứng kiểu trẻ con ngu ngốc đích thực là “nhân dân”, và một bằng chứng là lịch sử hiện tại cũng đi qua những cái đầu này không hề để lại dấu vết. Chủ nghĩa Mác cũng có một mục tiêu và nó biết hoạt động xây dựng (dù đó chỉ là việc thiết lập một chế độ chuyên quyền của giới tài chính Do Thái quốc tế); Riêng nó đã thực hiện việc phê bình không ít hơn bảy mươi năm dài trước đó và là loại phê bình tiêu diệt, phá hủy, và luôn luôn phê bình, cứ thế mãi, cho tới khi cái nhà nước cũ bị loại a xít đó ăn mòn mãi làm nát bươm ra và bị đưa tới sụp đổ. Sau đó mới bắt đầu cái gọi là “công cuộc xây dựng”. Và đó là điều dĩ nhiên, đúng đắn và logic. Một tình trạng đang tồn tại chưa bị xoá bỏ chỉ qua việc nhấn mạnh sai sót và đưa ra đại diện cho tình trạng tương lai. Vì không thể chấp nhận rằng những người cổ vũ hay quan tâm tới tình trạng đang có trong hiện tại chỉ nhờ việc xác định sự quan trọng là có thể được phổ biến tới tận cùng và chuyển sang làm cho nơi mới. Ngược lại chỉ có trường hợp xuất hiện quá dễ là hai tình trạng tồn tại bên cạnh nhau và cái gọi là thế giới quan trở thành một đảng mà không muốn nâng mình lên khỏi khuôn khổ của nó. Vì thế giới quan thì không nhẫn nại và không thích thú gì với vai trò “đảng này bên cạnh đảng khác”, mà yêu cầu với vẽ bề trên việc công nhận riêng hoàn toàn cũng như thay đổi hoàn toàn đời sống công cộng theo quan điểm của nó. Như vậy nó không thể cam chịu việc đồng thời tồn tại cả sự đại diện cho tình trạng trước đây.

Điều này có giá trị tương tự đối với các tôn giáo.

Hội Công giáo cũng không lấy là đủ nếu chỉ xây giáo đường riêng cho mình, mà bắt buộc phải tiến tới việc phá hủy các giáo đường của tôn giáo ngoại lai. Chỉ có thể tạo được niềm tin không phản bác được bằng sự sốt ruột cuồng tín đó. Sự sốt ruột đó lại còn là tiền đề bắt buộc đặt ra cho nó.

Người ta có thể đưa ra sự phản kháng rằng những hiện tượng đó trong lịch sử thế giới thường là nói về lối tư duy đặc trưng của người Do Thái; phải,

chính kiểu không chịu nhẫn nại và theo chủ nghĩa cuồng tín này là sự thể hiện bản chất Do Thái. Điều này có thể đúng hàng ngàn lần, và người ta có thể lấy làm tiếc vô cùng và có quyền khó chịu khi xác định sự xuất hiện của nó trong lịch sử nhân loại mà cho tới nay đối với họ vẫn là xa lạ, nhưng điều này cũng chẳng thay đổi được gì vì tình trạng như ngày nay vốn vẫn vậy. Những người đàn ông muốn giải thoát dân tộc Đức ra khỏi tình trạng hiện tại, đều không phải suy nghĩ tới vỡ đầu cho là giá mà không có cái nợ cái kia, mà họ phải tìm cách xác định làm thế nào để xóa bỏ cái cũ đi. Một thế giới quan đáp ứng từ kiểu sốt ruột như ngồi trong địa ngục đó sẽ chỉ bị phá vỡ bởi một tinh thần tấn công, ham muốn mạnh nhất giống thế nhưng là tư tưởng thật sự tự nó trong sạch.

Từng người ngày nay có thể xác định rằng cùng sự xuất hiện của Công giáo vào thế giới cổ đại tự do là có tên khủng bố tinh thần đầu tiên xuất hiện, nó sẽ không thể bác bỏ được sự thật rằng từ đó thế giới bị thúc ép và thống trị, và rằng người ta chỉ có thể bẻ gãy sự ép buộc bằng một sự ép buộc và kẻ khủng bố chỉ đi với khủng bố. Sau đó một tình trạng mới lại có thể được xây dựng lên.

Các đảng phái chính trị nghiêng về thỏa hiệp. Các thế giới quan thì không bao giờ thỏa hiệp. Các đảng phái chính trị tự tính toán với các đối thủ cuộc chơi, các thế giới quan thì công bố 'sự có mặt bắt buộc của chúng'.

Các đảng phái chính trị ngay từ đầu hầu như luôn có chủ ý tiến tới chiếm quyền thống trị chuyên chế; một sự vận động nhỏ tiến tới một thế giới quan luôn có trong nội bộ họ. Nhưng sự hẹp hòi trong chương trình của họ lấy mất chủ nghĩa anh hùng mà một thế giới quan bắt buộc phải có. Sự hoà giải ham muốn của họ làm cho họ trở thành những người có tinh thần nhỏ bé và yếu ớt mà người ta không thể dẫn họ vác thập tự chinh được. Như vậy họ thường sớm mắc kẹt trong cái tính nhỏ mọn đáng thương của mình. Họ đầu hàng trong cuộc đấu tranh vì một thế giới quan và tìm cách thay cuộc đấu tranh bằng "sự cộng tác tích cực", nhanh chóng tìm cách chiếm chỗ nhỏ bên cạnh máng thức ăn của những cơ sở đã có và cố ở lại lâu tới mức có thể. Đó là tất cả sự phấn đấu của họ và nếu họ bị một đối thủ cạnh tranh bầm sinh tàn bạo chèn bật ra khỏi chỗ máng thức ăn chung đó, thì tư tưởng và mong muốn của họ chỉ chú tâm vào việc chen chúc chỗ đám đông cũng đói kém đó lên phía trước, dù có phải dùng bạo lực hay mưu mô, cả lòng tâm phục thiêng liêng nhất cũng phải hy sinh, để

cuối cùng có thể dự tiệc bên cạnh cái nguồn nuôi dưỡng yêu thích đó. Chó sói chính trị!

Vì một thế giới quan chẳng bao giờ sẵn sàng chia sẻ với loại thứ hai, như vậy nó cũng không thể sẵn sàng cùng làm việc trong tình trạng đã có mà nó lên án, mà cảm thấy có trách nhiệm đấu tranh với tình trạng đó và với tất cả thế giới tư tưởng đối lập bằng mọi phương tiện, nghĩa là chuẩn bị cho sự sụp đổ của thế giới đó.

Kể cả cuộc đấu tranh toàn phá vỡ xã hội mà tất cả đều nhận ra ngay mỗi nguy hiểm của nó và đụng chạm ngay với việc phải cùng nhau chống trả nó, và cả cuộc đấu tranh có lợi để tấn công vì việc thực hiện thế giới tư tưởng của riêng nó, cũng yêu cầu phải có những chiến sĩ quyết tâm. Như vậy một thế giới quan sẽ chỉ đưa tư tưởng của nó tới thắng lợi được, nếu nó mang tới những hình thức tổ chức đấu tranh mạnh mẽ. Nhưng điều này yêu cầu nó phải chú ý tới những yếu tố đó, từ bức tranh thế giới chung đưa ra được tư tưởng nhất định rồi khoác cho nó một hình thức bên ngoài xuất hiện phù hợp một cách chính xác và ngắn gọn như tiêu đề trên báo vậy, để phục vụ một cộng đồng con người mới như là một sự công nhận tín ngưỡng vậy.

Trong khi chương trình của một đảng phái thuần chính trị là thực đơn cho kết quả một cuộc bầu cử lãnh mạnh tiếp theo, thì chương trình của một thế giới quan có ý nghĩa như là tuyên ngôn cho một cuộc đấu tranh chống lại một chế độ đang tồn tại, chống lại một trạng thái đang tồn tại, tóm lại là chống lại một thế giới quan đang tồn tại nói chung.

Ở đây không cần thiết rằng từng người chiến sĩ đấu tranh cho thế giới quan này phải có được đầy đủ sự nhìn nhận và kiến thức trong những tư tưởng và lối tư duy của người lãnh đạo phong trào. Quan trọng nhiều hơn là người ta phải làm cho anh chiến sĩ đó hiểu rõ vài khía cạnh lớn và đốt lên ngọn lửa soi rõ những con đường cơ bản cho anh thấy, để anh đi sâu tìm hiểu hết tầm quan trọng của chiến thắng của phong trào này và học thuyết của nó.

Từng người lính cũng sẽ không được phổ biến đường lối tư tưởng chiến lược cao hơn. Anh sẽ được giáo dục nhiều hơn về kỷ luật nghiêm khắc và lòng tâm phục cuồn tín về quyền và lực trong sự nghiệp của anh và được giáo dục để điều chỉnh hoàn toàn cho hợp với chúng, thì điều này cũng phải xảy ra như

thể ở từng người cổ vũ cho một phong trào cỡ lớn, có tương lai lớn cùng ham muốn lớn nhất.

Nếu từng người lính đều trở thành đại tướng cả thì một quân đội như thế sẽ chẳng có tác dụng mấy, dù chỉ theo sự đào tạo và nhìn nhận của họ. Một phong trào chính trị không có tác dụng mấy khi làm đại diện cho một thế giới quan, nếu họ chỉ muốn là cái nơi tập trung những người đầy tinh thần thôi. Không, họ cần cả những người lính đơn giản nhất vì nếu không thì một kỷ luật bên trong không đạt được.

Trong bản chất của một tổ chức có lý do là nó chỉ có thể tồn tại được nếu ban lãnh đạo tinh thần cao nhất phục vụ tầng lớp đại chúng có tình cảm bình thường. Một đội quân hai trăm người toàn những người có khả năng giống nhau thì về lâu dài khó rèn kỷ luật hơn là một trăm chín mươi người ít khả năng hơn và mười người được đào tạo cao hơn.

Từ sự việc thực này nền dân chủ xã hội đã rút ra được điều có lợi nhất. Nó đã tập hợp tất cả những người ra khỏi quân ngũ và đã được đào tạo trong quân đội về kỷ luật mà thuộc tầng lớp đại chúng của dân tộc và tiếp nhận họ vào đào tạo kỷ luật đảng cũng chặt chẽ như vậy. Tổ chức của họ cũng thể hiện có một quân đội với các sĩ quan và binh lính. Người thợ thủ công Đức ra khỏi quân ngũ là một người lính, còn anh chàng trí thức Do Thái là một sĩ quan; các cán bộ công đoàn Đức có thể được xem như là đội hạ sĩ quan vậy. Dân tộc chúng tôi luôn quan sát và lắng đầu vì sự thực là chủ nghĩa Mác chỉ bao gồm đa số những người gọi là chưa qua đào tạo, đó lại là tiền đề cho thành công của họ. Vì trong khi các đảng phái tư sản trong tinh thần đơn điệu của họ chỉ thể hiện một hiệp hội vô tích sự và không có kỷ luật thì chủ nghĩa Mác với chất con người có một chút tinh thần lại tạo nên được một quân đội gồm những người lính của đảng mà có thể tuân theo nhạc trưởng người Do Thái của họ một cách mù quáng như đã từng tuân theo sĩ quan chỉ huy người Đức. Dân tộc Đức về cơ bản đã chẳng bao giờ quan tâm tới những vấn đề tâm lý, vì họ đứng cao hơn nó, thấy là ở đây cũng chẳng quan trọng gì mà phải suy nghĩ đắn đo, để nhận biết ý nghĩa sâu sắc cũng như nguy cơ tiềm ẩn của sự việc thực đó. Ngược lại người ta tin là một phong trào chính trị mà do giới chỉ toàn “trí thức” tạo nên thì đã có giá trị và có yêu cầu nhiều hơn, phải, có phần xác suất dễ đúng hơn về việc vươn tới gần

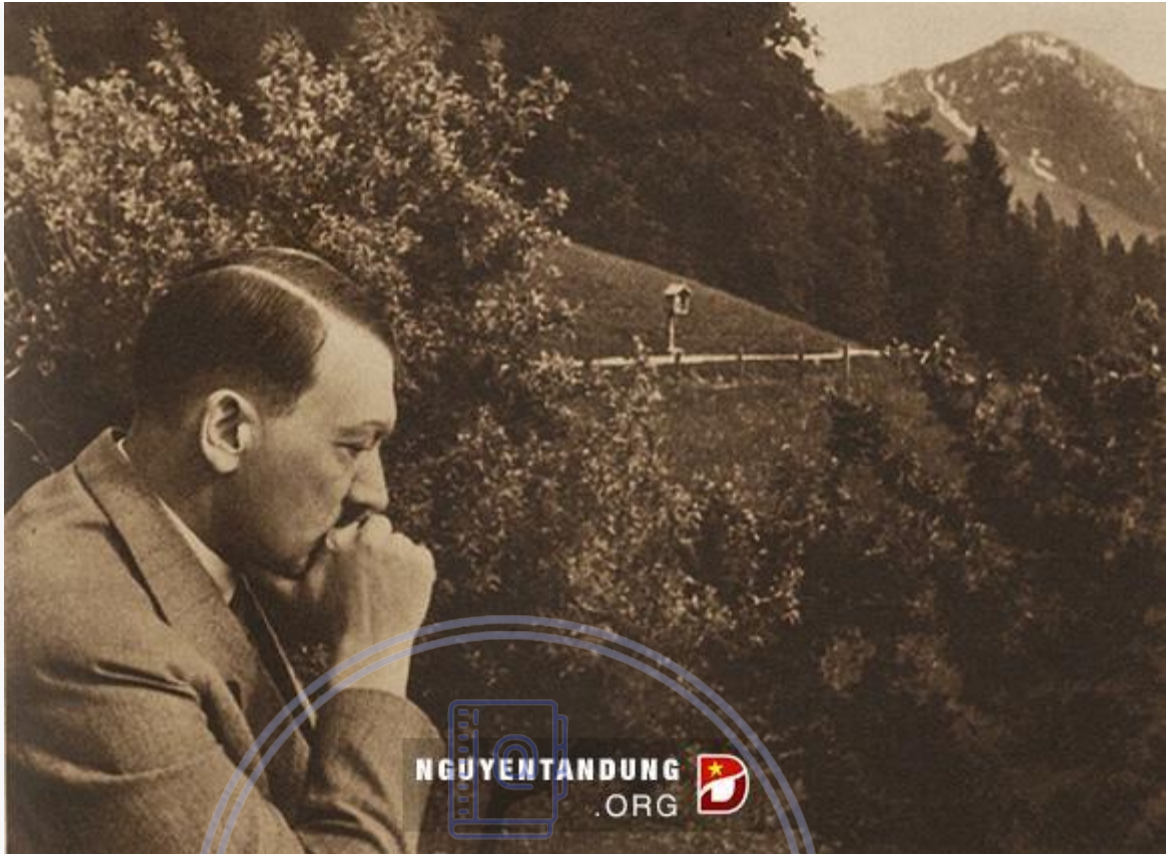
chính phủ hơn là một số đông người chưa được đào tạo. Người ta không bao giờ hiểu được rằng sức mạnh của một đảng phái chính trị không nằm trong tinh thần lớn và tự chủ của từng thành viên mà nằm trong sự tuân theo có kỷ luật nhiều hơn, các thành viên của nó phải tuân theo một cách có kỷ luật sự lãnh đạo tinh thần. Điều quyết định nằm ở ban lãnh đạo. Nếu hai đội quân chiến đấu với nhau, đội không chiến thắng sẽ là đội có từng thành viên được đào tạo về chiến lược cao nhất, và đội chiến thắng là đội có sự lãnh đạo cao cấp nhất và là đội có kỷ luật nhất, tuân lệnh ngoan ngoãn và được rèn luyện tốt nhất.

Đó là sự nhìn nhận cơ bản mà chúng tôi phải luôn giữ ở tầm mắt khi xem xét khả năng biến đổi một thể giới quan vào thời đại này.

Như vậy nếu chúng tôi đã biến đổi nó thành một phong trào đấu tranh, để đưa một thể giới quan tới chiến thắng, thì về logic chương trình của phong trào phải chú ý tới chất liệu con người nữa, về loại mà nó có. Như vậy những mục tiêu và tư tưởng lãnh đạo phải không thay đổi và đảo ngược được, thì chương trình vận động hướng tới tâm hồn của những người mà không có sự hỗ trợ của họ thì tư tưởng sẽ chỉ là tư tưởng mãi, phải thực thiên tài và có tâm lý đúng đắn.

Khi tư tưởng nhân dân muốn đi từ những ham muốn mờ nhạt của hôm nay tới thành công rõ ràng thì nó phải lấy ra những luận đề hướng dẫn chính nhất định từ thể giới tư tưởng xa xôi mà phù hợp cả bản chất lẫn nội dung, để nhận trách nhiệm về tầng lớp đại chúng rộng rãi, và chỉ những người đó bảo đảm cho cuộc đấu tranh vì thể giới quan của tư tưởng này. Đó là tập thể công nhân Đức.

Vì vậy chương trình của phong trào mới được tóm gọn trong hai mươi năm luận đề hướng dẫn. Chúng cung cấp trước hết cho người cán bộ nhân dân một bức tranh sơ lược về mục đích của phong trào. Đó là nhận thức về niềm tin chính trị ở mức nào đó, một mặt vận động cho phong trào và mặt khác tự điều chỉnh phù hợp để liên kết những người thu nhận được và hàn dính họ vào một trách nhiệm chung đã được công nhận.



Adolf Hitler.

Ở đây việc nhìn nhận như sau không được rời bỏ chúng tôi: Vì cái gọi là chương trình của phong trào trong những mục tiêu cuối cùng có vẻ như bắt buộc phải diễn giải, trong lời lẽ phải đưa sự chú ý về tâm lý vào, có thể trong quá trình tiếp diễn theo thời gian nảy sinh sự tâm phục rằng có thể có những luận đề hướng dẫn từng khía cạnh nhất định được thay đổi và phải được viết ra bằng lời lẽ khác hơn. Mỗi thử nghiệm đều thường tác động đầy vẻ bí hiểm. Vì như vậy điều mà cần phải giữ cho vững chắc không lay chuyển nổi lại được đưa vào cuộc thảo luận, giống như có lần có một mục nào đó được rút ra khỏi việc xác định của tín ngưỡng giáo điều thì không được thay vào bằng một xác định mới khác hơn và thống nhất ngay, mà bị đưa vào những cuộc bàn luận dai dẳng chẳng kết thúc rồi dẫn tới một sự lộn xộn chung. Trong trường hợp như thế luôn cần cân nhắc xem cái gì tốt hơn: một văn bản mới may mắn hơn tạo điều kiện cho cuộc tranh luận trong phong trào hay một hình thức không phải là tốt nhất trong thời điểm đó, nhưng lại thể hiện một bộ máy đoàn kết, không gì lay chuyển nổi, thống nhất. Và mỗi lần kiểm tra lại cho thấy nên đưa cái được lựa chọn cuối cùng lên trước. Vì mỗi lần thay đổi chỉ luôn là cái hình thức bên ngoài thay đổi,

thì những sửa chữa luôn được coi là có thể làm hay được mong muốn. Cuối cùng những người sống hời hợt luôn phải đối mặt với mỗi nguy hiểm lớn rằng họ nhìn thấy trong văn bản chỉ có vỏ bên ngoài của một chương trình nhiệm vụ cơ bản nhất của một phong trào. Như thế ham muốn và sức lực nảy sinh vì cuộc đấu tranh của tư tưởng đều lùi lại, và tính tích cực muốn tỏa ra bên ngoài lại thúc đẩy những cuộc tranh đấu vì chương trình bên trong.

Ở một học thuyết thực sự đúng đắn trong những nét lớn mà giữ lại phần nội dung thì ít có hại dù trong thực tế nó không còn đáp ứng được hoàn toàn, hơn là lấy việc cải thiện cái cũ để đưa một nguyên lý cơ bản được coi là có hiệu lực chắc như đá granit của phong trào ra thảo luận chung làm gây ra những hậu quả khó chịu nhất. Trước hết điều này không thể làm được tới khi phong trào đó tự chiến đấu giành phần thắng cho mình. Vì người ta nên làm thế nào để đáp ứng những người mê tín mù quáng và đưa họ tới sự đúng đắn của một học thuyết, khi người ta làm sự bất ổn và nghi ngờ lan rộng ra do sự liên tục thay đổi cái cấu trúc bề ngoài của nó.

Phần cơ bản không bao giờ được phép tìm ở cái vỏ bề ngoài mà phải tìm ở ý nghĩa thực sự bên trong, và cái này thì không thay đổi; và trong mỗi quan tâm người ta chỉ có thể mong ước rằng phong trào giữ được lực lượng cần thiết qua việc tránh xa mọi quá trình phá nát và sinh ra sự bất ổn.

Ở đây người ta cũng phải học ở nhà thờ Công giáo. Mặc dù ngôi nhà giảng dạy của họ ở một số điểm, có phần nào vô ích, bị rơi vào mâu thuẫn với khoa học chính xác và nghiên cứu. Nhưng họ không sẵn sàng hy sinh dù chỉ một vụn nhỏ trong bài giảng của họ. Họ đã nhận ra rất đúng rằng sức kháng cự của họ không nằm trong sự phù hợp ít nhiều với những kết quả khoa học mà trong thực tế còn dao động mãi, mà trong việc họ phải giữ chặt lấy những tín điều đã từng đặt ra, đó là những thứ trao cho tất cả đặc tính của tín ngưỡng. Như thế ngày nay họ càng đứng vững hơn bao giờ hết. Người ta có thể dự báo trước rằng có những hiện tượng xuất hiện ở mức độ mà người ta thấy nhà thờ như một cực yên tĩnh để làm nơi thu hút người ủng hộ họ mù quáng trốn tránh tới đó.

Như vậy ai thực sự và nghiêm chỉnh mong muốn sự chiến thắng của một thế giới quan nhân dân, người đó không chỉ phải công nhận trước hết rằng để đạt được thành tựu như vậy chỉ có một phong trào có khả năng đấu tranh là làm

được, mà còn phải công nhận thứ hai là một phong trào như thế chỉ tự đứng vững được nhờ đặt nền tảng vào sự an toàn không gì lay chuyển nổi và có một chương trình bền vững. Nó không được phép đưa ra trong lời lẽ chương trình sự nhượng bộ trước tinh thần thời đại, mà phải giữ lại mãi một hình thức thuận lợi đã được tìm ra, trong mọi trường hợp đều phải duy trì lâu tới khi nó đạt được thắng lợi. Trước đó mọi sự thử nghiệm đều bị tan vỡ, dẫn tới những tranh cãi về mục đích của một điểm này hay điểm khác trong chương trình, tạo ra sự đoàn kết và sức đấu tranh của phong trào với mức độ mà những người ủng hộ nó sẽ tham gia vào cuộc thảo luận nội bộ tương tự. Như vậy không phải là phát biểu ý kiến rằng có một sự cải thiện ngày hôm nay, ngày mai đã lại có thể nhận được sự kiểm tra có tính phê phán, để ngày kia lại tìm thấy một sự cải thiện khá hơn thay thế nó. Ở đây ai đã phá rào thì giải phóng được một con đường mà người ta đã biết được đầu đường, nhưng cuối đường lại bị mất vì không có bờ bên gì cả.

Nhận thức quan trọng này tìm thấy tác dụng của nó trong phong trào thanh niên quốc xã trẻ. Đảng công nhân quốc xã Đức có một nền tảng không gì lay chuyển nổi với chương trình của nó gồm hai mươi năm luận điểm. Nhiệm vụ của các thành viên hiện nay và sắp tới của phong trào chúng tôi không được phép nằm trong việc sửa đổi phê bình những luận điểm đó mà nhiều hơn là trong trách nhiệm đối với chúng. Vì nếu không, thế hệ tiếp theo với cái quyền tương tự của họ lại tiêu phí sức lực cho một công việc hình thức như vậy trong đảng, thay vì tăng thêm cho phong trào những người ủng hộ mới và nhờ đó có những lực lượng mới. Bản chất của phong trào chúng tôi đối với phần lớn người ủng hộ có ít ý nghĩa hơn trong những chữ nghĩa của các luận điểm mà nhiều hơn trong cái mà chúng tôi có thể đưa cho họ.

Phong trào trẻ cảm ơn những nhận thức này cái tên của nó, chương trình được soạn thảo theo những nhận thức đó và trong đó tiếp tục có cái cách phổ biến của họ. Để hỗ trợ những tư tưởng nhân dân tiến tới thắng lợi, một đảng nhân dân phải được tạo nên, một đảng mà không chỉ gồm các nhà lãnh đạo trí thức mà còn có cả các thợ thủ công nữa!

Mỗi thử nghiệm không có một tổ chức mạnh mẽ như vậy mà tiến vào thực hiện những tư tưởng nhân dân sẽ bị thất bại hôm nay y như trong quá khứ và cả trong mọi tương lai. Như vậy phong trào không chỉ có quyền lợi mà còn

cảm thấy có trách nhiệm là người đi trước và đại diện của tư tưởng này. Những tư tưởng cơ bản của phong trào quốc xã càng thuộc về nhân dân, thì những tư tưởng nhân dân lại đồng thời càng là loại quốc xã. Nhưng nếu chủ nghĩa quốc xã muốn thắng lợi, thì nó bắt buộc phải công nhận và chỉ công nhận sự xác định này. Ở đây nó cũng không chỉ có quyền lợi mà còn có cả trách nhiệm nhân mạnh sự thực này sâu sắc nhất, rằng mỗi thử nghiệm đại diện cho tư tưởng nhân dân ngoài khuôn khổ của Đảng công nhân quốc xã Đức đều không thể làm được, nhưng phần lớn trường hợp lại dựa vào sự phù phiếm.

Nếu ai đó ngày nay sĩ mắng phong trào cứ như là họ “cho thuê” tư tưởng nhân dân vậy, thì chỉ có một câu trả lời là:

Không chỉ cho thuê mà đã tạo ra cho thực tế.

Vì cái gì tồn tại dưới khái niệm này không phù hợp với việc gây ảnh hưởng tới vận mệnh dân tộc chúng tôi dù chỉ ít nhất, vì mọi phần tư tưởng này đều thiếu lời lẽ rõ ràng thống nhất. Thường chỉ là những kiến thức riêng lẻ, không liên quan đến nhau dù đúng ít hay nhiều, mà không hiếm khi mâu thuẫn với nhau, chẳng hề liên kết bên trong thứ tự với nhau. Và ngay cả dù chúng có tồn tại, thì chúng cũng không bao giờ thấy cái yếu kém của mình là đủ để dựa vào đó mà xây dựng phong trào.

Chỉ có phong trào quốc xã là có thể hoàn thành công việc này.

Nếu ngày nay ở tất cả các hiệp hội và tổ chức nhỏ, đội, nhóm nhỏ và theo tôi cả “những đảng phái lớn” cụm từ “thuộc về nhân dân” được chú ý tới thì nó đã là hậu quả tác động của phong trào quốc xã rồi. Không có lao động của nó thì các tổ chức trên chẳng bao giờ có thể nghĩ tới việc thoát lên cụm từ đó. Họ sẽ không hình dung ra cái gì ẩn dưới cụm từ đó và đặc biệt những cái đầu lãnh đạo sẽ không đứng trong mối quan hệ nào, thuộc loại gì đối với khái niệm này. Cho tới khi công việc của Đảng công nhân quốc xã Đức đã làm cho cụm từ này trở nên có nội dung nặng ký và luôn ở cửa miệng những người nào có thể phát biểu nó lên. Trước hết là công việc của họ đã cho thấy trong hoạt động vận động thành công của mình sức mạnh của tư tưởng nhân dân và chứng minh rằng sự khao khát thắng lợi của họ đã ép những người khác ít nhất là muốn khẳng định mình tương tự như vậy.

Như họ đã dốc toàn lực cho tới nay trong công việc phục vụ tính toán trong bầu cử một cách hẹp hòi, thì đối với những đảng phái này khái niệm nhân dân ngày nay cũng chỉ là cụm từ nổi bật trong đầu đề bên ngoài, trống rỗng mà họ tìm cách dùng nó để cân bằng với sức vận động của phong trào quốc xã ở những thành viên của chính mình. Vì chỉ có sự lo lắng cho bản thân mình cũng như sợ hãi trước sự vươn lên của phong trào do chúng tôi chủ trì vì một thể giới quan mới, mà ý nghĩa tổng hợp của nó họ cũng biết như tính loại trừ khá nguy hiểm của nó, có những từ nằm trên miệng họ mà trước đó tám năm họ chưa biết tới, trước bảy năm còn cười nhạo, trước sáu năm gọi đó là sự ngu ngốc, trước năm năm thì chống lại nó, trước bốn năm thì căm ghét nó, trước ba năm lại theo dõi nó, để cuối cùng trước hai năm thì tự chế nhạo mình và thống nhất với nó thành một vốn từ dùng làm tiếng hô hét trong chiến đấu.

Và ngay cả ngày nay người ta luôn phải chỉ dẫn ra rằng tất cả các đảng phái này đều thiếu hiểu biết về cái gì làm cho dân tộc Đức lâm vào nguy hiểm. Bằng chứng nổi bật nhất là sự hời hợt bằng quan khi họ đưa cụm từ “nhân dân” lên miệng.

Không kém nguy hiểm là tất cả những người có vẻ là giống “nhân dân” đang quay quanh ta, lập những kế hoạch tương tượng, thường chẳng dựa vào cái gì cả ngoài dựa vào ý tưởng nào đó có thể là đúng, nhưng trong sự cô lập của nó chẳng có ý nghĩa nào cho sự thành lập một cộng đồng thống nhất trong đấu tranh và không hề phù hợp để xây dựng lên nó. Những người này, phần từ tư duy của riêng họ, phần từ những sách vở đọc được mà thu thập tạo nên một chương trình, họ thường nguy hiểm hơn là những kẻ thù công khai của tư tưởng nhân dân. Trong trường hợp thuận lợi nhất họ là những nhà lý thuyết không tốt, nhưng thường lại là những kẻ ba hoa kinh khủng, và không hiếm khi tin rằng nhờ bộ râu xum xuê đầy cằm và cử chỉ gốc Đức có thể che đậy cho sự trống rỗng về tinh thần và tư tưởng của hành động cũng như khả năng của họ.

Ngược lại với tất cả những thử nghiệm vô ích này thì vì vậy sẽ là tốt nếu người ta gọi thời gian trong trí nhớ quay lại, đó là thời kỳ mà phong trào quốc xã trẻ bắt đầu cuộc chiến đấu của họ.

CHƯƠNG 6: CUỘC ĐẤU TRANH TRONG THỜI GIAN ĐẦU – Ý NGHĨA CỦA DIỄN THUYẾT

Đại hội đầu tiên diễn ra ngày 24 tháng 02 năm 1920 tại đại sảnh của Nhà bia Cung đình Hofbräuhaus vẫn chưa phai mờ trong chúng tôi thì đại hội tiếp theo đã được chuẩn bị. Trước đó, có muốn tổ chức những hội nghị nhỏ, dù là nửa tháng hay thậm chí một tháng một lần tại một thành phố như München cũng còn là khó, thì nay cứ tám ngày, thực ra là một tuần, lại diễn ra một đại hội quần chúng lớn. Chúng tôi chẳng cần phải nơm nớp lo lắng và hi vọng mọi người sẽ đến dự và lắng nghe chúng tôi nói, vì lúc đó, bản thân tôi cũng đã tin tưởng chắc chắn rằng họ chỉ cần đến một lần, là sẽ ở lại và lắng nghe bài diễn thuyết.



Ý nghĩa của diễn thuyết. (Ảnh minh họa).

Thời gian này, gian đại lễ của Nhà bia Cung đình tại München có ý nghĩa gần như trang trọng đối với chúng tôi – những đảng viên Đảng Quốc Xã. Cứ mỗi tuần lại có một đại hội, đa phần đều được tổ chức tại đại lễ đường này và mỗi lúc càng đông hơn, mọi người cũng bị cuốn hút hơn. Từ việc “có lỗi về chiến tranh”, điều mà thời bấy giờ không một ai quan tâm, cho tới những bản hiệp ước hòa bình đều được đem ra xử lý, hầu như tất cả những gì mang tính

chất tuyên truyền, cổ động, hữu ích hoặc cần thiết về tư tưởng đều được nhắc đến. Đặc biệt, những bản hiệp ước hòa bình đã thu hút được nhiều sự quan tâm nhất. Hãy xem phong trào non trẻ thời bấy giờ đã luôn tiên đoán những gì cho đông đảo quần chúng và hầu như tất cả việc đó cho đến giờ đã trở thành hiện thực như thế nào! Ngày nay, người ta có thể dễ dàng viết lách hay diễn thuyết về những vấn đề như vậy. Nhưng thời đó, một đại hội quần chúng – nơi mà không chỉ có giai cấp tư sản mà còn có cả tầng lớp vô sản bị xúi giục tham dự – cùng với chủ đề “Bản hiệp ước Véc Xây (Versailles)” thì nó được coi như một sự công kích nền Cộng hòa và là dấu hiệu của tư tưởng phản động, cách nói khác là tư tưởng ủng hộ chế độ Quân chủ. Chỉ ngay câu đầu tiên với một sự chỉ trích Versailles, người ta đã có thể bị nhận lại những sự chen ngang rập khuôn: “Thế còn Brest-Litowsk?”, “Brest-Litowsk thì sao!”. Và cứ thế đám đông gào thét liên hồi cho đến khi cổ họng dần khản đặc hoặc nhà diễn thuyết cuối cùng đành từ bỏ việc cố thuyết phục đám đông. Người ta chỉ muốn đập đầu vào tường trước nỗi thất vọng ê chề về một dân tộc như vậy! Không ai chịu nghe, không ai chịu hiểu lấy một lần, rằng Versailles là cả một nỗi ô nhục hở thẹn rằng sự sai khiến đó đồng nghĩa với việc dân tộc ta bị cưỡng đoạt, cướp bóc một cách tàn bạo. Sự phá hoại của bọn Mac-xít và tuyên truyền đầu độc của thế lực thù địch đã làm cho họ trở thành những kẻ mất trí này. Nhưng người ta không được phép kêu ca một lời. Bởi lỗi của phía bên kia mới to tát nhường nào! Giai cấp tư sản đã làm được gì để ngăn chặn và đối mặt với sự phá hoại khủng khiếp này cũng như để dọn đường cho chân lý của sự thật bằng cách giải thích tốt hơn và cặn kẽ hơn? Luôn luôn là không có gì! Những người mà giờ đây là những lãnh đạo vĩ đại của dân tộc sao hồi đó tôi chẳng nhìn thấy! Có lẽ, họ chỉ trò chuyện trong những nhóm nhỏ, bên bàn trà hoặc trong những CLB có cùng tư tưởng với nhau, còn cái nơi mà đáng lẽ họ phải có mặt – giữa bầy sói kia – thì họ lại không dám tới đó, có chăng thì “hú” cùng chúng khi có cơ hội mà thôi.

Nhưng ngay từ hồi đó, tôi đã nhận ra rằng, đối với cái nền tảng nhỏ nhoi, cái mà sau này đã tạo dựng nên cả phong trào, thì vấn đề “Có lỗi về chiến tranh” phải được giải quyết, và còn phải giải quyết bằng chân lý của sự thật lịch sử. Việc phong trào của chúng tôi tuyên truyền kiến thức về Bản hiệp ước hòa bình

cho đông đảo quần chúng chính là một điều kiện tiên quyết để đi tới thắng lợi của phong trào trong tương lai.

Trong nền hòa bình lúc bấy giờ, dân chúng cứ nghĩ rằng tất cả vẫn là sự thành công của nền Dân chủ thì người ta phải chống lại suy nghĩ đó, phải tìm cách găm vào đầu họ tư tưởng rằng chính nó là kẻ thù của Bản hiệp ước. Và chỉ một lần thôi, nếu sự thật cay đắng lộ trần được cái sản phẩm giả dối kia thì tiếp đó, dân chúng khi nhớ lại quan điểm của chúng tôi thời bấy giờ sẽ lấy lại được niềm tin trong họ.

Ngay thời đó, tôi đã luôn ủng hộ suy nghĩ là phải chống lại tư tưởng sai lầm của đại quần chúng trong những vấn đề cốt yếu, không cần quan tâm đến sự mến mộ, thù ghét hay phản đối phổ biến, chiến đấu làm thành mặt trận chống lại nó. Đảng Lao Động Đức Quốc Xã không được phép là kẻ đưa tin cho ý kiến quần chúng mà phải là người chỉ huy, điều khiển nó; không nên là nô lệ của quần chúng mà phải làm chủ quần chúng!

Đương nhiên là sẽ tồn tại sự cố gắng tìm tòi lớn, nhất là đối với những phong trào non trẻ còn yếu, chỉ trong những khoảnh khắc mà thế lực thù địch hùng mạnh bằng nghệ thuật dụ dỗ khéo léo của mình, sẽ thuyết phục và dẫn dắt được quần chúng đưa ra những quyết định điên rồ hay những tư tưởng sai lầm, thậm chí lôi kéo họ tiếp tay cũng như là ó cùng chúng, khi một vài cái cơ tưởng chừng như xuất phát từ quan điểm của phong trào non trẻ kia được lên tiếng ủng hộ. Rồi sự hèn nhát của loài người sẽ hơn hờ tìm kiếm tiếp những cái cơ kiểu như vậy để tìm ra điều gì đó có vẻ như hợp lý, kể cả xuất phát từ quan điểm cá nhân để cùng hòa vào một tội ác như vậy.

Tôi đã vài lần trải qua những trường hợp như thế. Đó là những trường hợp đòi hỏi nỗ lực cao nhất để giữ cho con thuyền phong trào không trôi vào làn sóng dòng chảy chung, được đẩy lên bởi sự phấn khích giả tạo trong quần chúng hay tốt hơn là cùng bị đẩy đi với con thuyền đó. Thành công lần cuối cùng mà tờ báo ghê gớm của chúng tôi, tờ báo hiện thân cho nữ thần Hekuba của dân tộc Đức đạt được là đã nâng vấn đề của người Tirol phía Nam lên một ý nghĩa quan trọng – vấn đề mà sẽ gây tai họa cho dân tộc Đức.

Không cần nghĩ tới việc họ lo được công việc cho ai. Rất nhiều người được gọi là những người đàn ông của quốc gia cùng các đảng phái, hiệp hội,

đơn thuần là từ sự bạc nhược trước ý kiến của quần chúng, thứ ý kiến do bọn Do Thái kích động, đã liên kết với lời hô hào chung và ngu xuẩn trợ giúp cuộc chiến chống lại chế độ. Nhiệm vụ của chúng tôi là phải thấy được rằng những người Đức chúng tôi, ngay trong tình hình hiện nay, chính là tia hy vọng duy nhất giữa một thế giới đang suy tàn này. Trong khi bọn Do Thái trên toàn thế giới đang chậm rãi những chắc chắn, thật chặt vòng vây đối với chúng ta, thì những người được gọi là ái quốc của chúng ta lại hô hào chống lại nhà lãnh đạo và chống lại một chế độ ít nhất đã dám lánh khỏi sự kìm hãm của bọn Do Thái Hội Tam Điểm ở một nơi trên thế giới và chống lại cuộc đấu tranh mang tính dân tộc chủ nghĩa của sự đầu độc thế giới có tính chất toàn cầu. Nhưng nó lại quá hấp dẫn đối với những tính cách yếu hèn, đơn giản như chim cánh buồm xuôi theo chiều gió hoặc đầu hàng trước sự kêu gọi của ý kiến số đông. Và nó liên quan đến một sự đầu hàng ! Dù cho con người không muốn thú nhận cái sự đạo đức giả cùng thói xấu xa bên trong của mình và có lẽ cũng không một lần muốn đối mặt với bản thân thì một sự thật sẽ vẫn luôn tồn tại, đó là: Chính sự hèn nhát và nỗi sợ hãi trước cuộc trưng cầu dân ý do bọn Do Thái phát động đã ép họ phải cùng tham gia. Tất cả những lý do khác đều chỉ là sự nguy hiểm tội nghiệp của kẻ tội đồ vốn đã biết mình có tội.

Cần phải lãnh đạo phong trào với một bàn tay sắt mới có thể duy trì, bảo vệ nó khỏi sự phá hoại. Vì ý kiến quần chúng khi bị tác động và xúi giục bởi tất cả các thế lực thì nó giống như một ngọn lửa lớn chỉ bốc cháy theo một hướng. Hiện tại, thử thay đổi, điều chỉnh theo cách như vậy tuy không được lòng quần chúng, sự táo bạo có khi là nguy hiểm chết người, nhưng trong lịch sử, không ít người đã sẵn sàng bị ném đá cho đến chết tại những thời khắc như vậy vì một hành động mà thế hệ sau này sẵn sàng quỳ gối cảm ơn họ.

Tuy nhiên, một phong trào cũng phải tính toán và không được phụ thuộc vào những tràng pháo tay cổ vũ ở hiện tại. Trong những giờ phút như vậy, một cá thể sẽ cảm thấy sợ hãi, hoang mang nhưng anh ta không nên quên là sau mỗi giờ phút đó sẽ có một sự cứu rỗi và phong trào muốn đổi mới thế giới là phục vụ cho tương lai, chứ không phải cho hiện tại.

Về việc này, người ta có thể khẳng định rằng, thành công vĩ đại nhất và bền vững nhất trong lịch sử, khởi đầu thường lại ít được người ta hiểu nhất, vì

nó tương phản với ý kiến chung của quần chúng cũng như với nhận thức và ý muốn của họ một cách sâu sắc nhất. Hồi đó, chúng tôi đã được trải nghiệm điều này trong ngày đầu tiên khi xuất hiện trước công chúng. Thực sự, ở khắp mọi nơi, chúng tôi đã không hề tranh thủ lòng mến mộ của đám đông mà chống lại sự điên đảo, mất trí của dân tộc này. Và suốt những năm đó, hầu như mỗi khi tôi bước ra trước một đại hội thì người ta lại tin vào những gì đối nghịch với điều tôi nói và chống đối lại những gì tôi tin. Rồi nhiệm vụ trong hai tiếng đồng hồ là phải bóc tách hai đến ba nghìn con người thoát ra khỏi chính lòng tin vốn có của họ, phá tan dần nền tảng nhận thức của họ để cuối cùng kéo họ sang với niềm tin và thể giới quan của chúng tôi.

Hồi đó, trong thời gian ngắn thôi, tôi đã học được một điều quan trọng, đó là “dùng chính vũ khí của kẻ thù để đánh trả chúng”. Người ta đã sớm nhận thấy rằng những đối thủ của chúng tôi, đặc biệt là trong bộ dạng những người phát ngôn của chúng, đều trình diễn một “tiết mục đã được định sẵn”. Trong “tiết mục” đó luôn luôn dấy lên những sự phản đối chống lại những tuyên bố của chúng tôi – sự đồng nhất trong cả quá trình thể hiện cho một sự giáo dục khá thống nhất và có chủ đích. Ở đây, chúng tôi có thể làm quen với sự kỷ luật hóa khó tin trong việc tuyên truyền của bọn thù địch. Cho đến bây giờ, tôi vẫn tự hào khi mình là người tìm ra cái cách thức đó, cái cách thức làm cho việc tuyên truyền đó không chỉ không hiệu quả mà cuối cùng còn đánh vào chính những kẻ thi hành của chúng. Hai năm sau, tôi trở thành chuyên gia của nghệ thuật này!

Trong mỗi bài diễn thuyết riêng, việc làm rõ ràng những nội dung mang tính giả định và hình thức phản đối mà phe thù địch đang mong chờ tại buổi thảo luận, sau đó đập tan chúng bằng chính bài diễn thuyết riêng, là rất quan trọng.

Mục đích là để trích dẫn được những lời phản biện có thể có ngay lập tức và chứng minh sự vô căn cứ của chúng. Như thế sẽ dễ dàng thuyết phục người nghe hơn, dù họ là những người đã bị nhồi nhét trong đầu những tư tưởng chống đối, nhưng tới dự rất chân thành, bằng việc giải quyết trước những định kiến vốn đã bị in hằn trong tâm trí họ. Họ sẽ tự bác bỏ những điều mà họ đã thuộc lòng và bị thu hút sự quan tâm bởi bài nói chuyện mỗi lúc một nhiều hơn.



Nữ thần Hekuba. (Ảnh minh họa).

Đó là lý do vì sao tôi lại thay đổi đến vậy ngay sau bài diễn thuyết đầu tiên về “Bản hiệp ước hòa bình Versailles”, cái mà trước đám đông tôi vẫn còn gọi là “nhà giáo dục”, khi giờ đây tôi nói về “Những bản hiệp ước hòa bình của Brest-Litowsk và của Versailles”. Bởi vì sau thời gian ngắn nhất – ngay trong quá trình diễn thuyết rân đầu tiên của mình – tôi đã có thể khẳng định rằng người ta không hề hiểu biết một tí gì về Bản hiệp ước hòa bình của Brest-Litowsk nhưng đảng phái của họ lại thành công trong việc tuyên truyền khéo léo và rất điêu luyện để Bản hiệp ước bị coi như một trong những tài liệu vi phạm và đáng hổ thẹn nhất của thế giới. Sự kiên trì khi những lời nói dối luôn được thổi vào tai đại chúng là do việc hàng triệu người dân Đức chỉ nhìn thấy sự trả đũa công bằng cho tội lỗi mà chúng tôi gây ra với Brest-Litowsk trong Bản hiệp ước Versailles, việc coi mỗi cuộc chiến thực sự chống lại Versailles là bất công và thỉnh thoảng lại trở thành sự từ bỏ vũ khí trung thực đạo đức nhất. Và nó đã song hành cùng lý do giải thích tại sao cái từ trơ trẽn và gớm guốc

được gọi là “sửa chữa lỗi lầm” kia lại có thể du nhập vào nước Đức. Sự đạo đức giả đầy dối trá đã hiện hữu trong hàng triệu đồng bào bị xúi giục như một hành động thực thi công lý cao hơn. Thật kinh khủng khi điều đó lại là sự thật! Thành công trong công tác tuyên truyền mà tôi dẫn dắt chống lại “Bản hiệp ước hòa bình Versailles” và được tôi giải thích trước về “Bản hiệp ước Brest-Litowsk” đã cung cấp bằng chứng xác thực nhất. Tôi đã đặt hai bản hiệp ước hòa bình đối lập nhau, so sánh từng điểm trong hai bản hiệp ước đó, chỉ ra tính nhân văn vô bờ bến trong thực tế của bản hiệp ước này đối nghịch với tính tàn bạo vô nhân đạo của bản hiệp ước kia và kết quả có tác động vô cùng sâu rộng. Thời đó, tôi đã nói về chủ đề này trong các đại hội có hai nghìn người tham dự và thường bắt gặp những ánh nhìn đầy thù địch. Rồi ba giờ đồng hồ sau, tôi có được một đám đông đầy phấn nộ, mặt mũi nhăn nhó ghê gớm. Lại thêm một sự lừa dối tình cảm và lý trí của hàng nghìn người bị phanh phui, lại có thêm một sự thật được làm sáng tỏ.

Hồi đó, tôi coi hai bài diễn thuyết “Nguyên nhân thực sự gây ra thế chiến” và “Những bản hiệp ước hòa bình của Brest-Litowsk và của Versailles” là quan trọng hơn cả để luôn luôn nhắc đi nhắc lại trong những bài diễn thuyết mới, cho đến khi ít nhất có một quan điểm rõ ràng và thống nhất về điều này được phổ biến trong quần chúng để từ đó phong trào sẽ thu nạp được những thành viên đầu tiên.

Những đại hội này rất có ích đối với bản thân tôi, khi tôi dần thích nghi với việc phát ngôn trong đại hội quần chúng, khi tôi đã dần quen với cảm hứng chủ đạo và với điệu bộ cần thiết khi đứng trong một căn phòng lớn với sự hiện diện của hàng nghìn người.

Nhưng trong thời gian đó, như đã nhấn mạnh, tôi không nhìn thấy trong những hội nhóm nhỏ một sự khai sáng nào theo phương hướng này của các đảng phái, những đảng mà giờ đây lại luôn mồm nói và hành động như thể họ chính là những người đã thay đổi được ý kiến quần chúng. Còn nếu có người được gọi là chính trị gia của dân tộc trình bày một bài diễn thuyết ở một nơi nào đó theo phương hướng này thì họa chăng chỉ là trước những nhóm người đã bị thuyết phục và tin tưởng sẵn vào đường lối và tại đó, điều đã được trình bày lại miêu tả vô cùng rõ nét sự ủng hộ của tư tưởng cá nhân. Nhưng điều đó không

quan trọng. Mà vấn đề cốt lõi là phải giành được những người cho đến nay đã đứng về phía đối nghịch do sự giáo dục và nhận thức của họ thông qua việc khai sáng và tuyên truyền.

Cả những tờ truyền đơn cũng được chúng tôi coi là một trong những công tác phục vụ cho công cuộc khai sáng. Ngay trong đám đông, tôi đã soạn ra một tờ truyền đơn với nội dung so sánh hai Bản hiệp ước hòa bình của Brest-Litowsk và của Versailles, nó đòi hỏi cần phải được xuất bản và phổ biến trên diện rộng. Sau này tôi đã tiếp nhận những khoản thu được từ việc xuất bản đó cho Đảng và đó cũng là một sự tác động tốt. Những đại hội đầu tiên nói chung đã nổi bật bởi những chiếc bàn đầy ắp các truyền đơn, các tờ báo và những tập sách thông tin nhỏ v.v... Nhưng lời phát ngôn mới là trọng tâm. Và thực sự chỉ có nó mới có thể đưa tới những sự chuyển biến lớn lao và cụ thể là xuất phát từ những lý do thuộc về tâm lý chung.



Cung điện Versailles được coi là biểu tượng của quyền lực tối thượng.

Tôi đã triển khai ngay trong tập đầu sự truyền tải toàn bộ các sự kiện về quyền lực cũng như về sự chuyển biến của thế giới không phải qua những gì được viết ra mà là qua những lời phát ngôn. Một buổi tranh luận dài hơn thì được in trên một phần của tờ báo với nội dung chống đối lại một sự quả quyết

như thế do những con người tư sản lấu cá của chúng tôi nghĩ ra. Chỉ với lý do giải thích vì sao điều này lại xảy ra đã bác bỏ được mọi sự hồ nghi. Bởi tầng lớp trí thức tư sản mà chống đối một quan điểm như thế, thì rõ ràng chỉ có thể là vì tự họ thiếu đi sức mạnh và khả năng ảnh hưởng quần chúng qua những lời được phát ngôn, vì người ta đã ngày càng lao mình vào những công việc viết lách văn chương và khước từ công việc mang tính chất tuyên truyền, cổ động của việc diễn thuyết. Nhưng một thói quen như thế, theo thời gian sẽ dẫn đến một điều không tránh khỏi, đó là điều mà giai cấp tư sản ngày nay đang muốn nêu bật, cụ thể là sự tổn hại về bản năng tâm lý đối với ảnh hưởng và tác động của quần chúng.

Trong khi người diễn thuyết cứ phải nhận lấy từ phía dưới một sự sửa lỗi không ngớt về những gì anh ta nói trong bài phát biểu của mình, khi anh ta có thể liên tục đoán được qua nét mặt của người nghe xem họ hiểu được đến đâu mà làm theo những ý kiến của anh ta và ấn tượng để lại cũng như sức ảnh hưởng của những lời anh ta nói có đạt được như mong muốn hay không thì người viết ra những bài diễn thuyết đó hoàn toàn không hay biết gì! Vì thế, ngay từ đầu, anh ta sẽ không nhằm vào những con người đang đứng trước mặt anh ta mà chỉ phát biểu chung chung. Nhưng làm như thế là anh ta đã đánh mất đi sự tinh tế về tâm lý cho tới một mức độ nhất định và kéo theo sẽ đánh mất đi cả sự khéo léo, linh hoạt. Vì vậy, những gì một nhà hùng biện tài ba viết ra sẽ ngày càng hay hơn những gì một nhà văn tài ba nói, nếu như anh ta không được tôi luyện thường xuyên trong nghệ thuật này. Rồi đám đông quần chúng lại tự hoài nghi, lại vẫn uể oải trong lẽ thói cũ và ngao ngán đón lấy những thứ được viết ra, khi nó không đúng như những gì người ta nghĩ và không mang lại những gì mà người ta đã hi vọng. Vì thế, thường chỉ có những người đã được liệu tính từ trước là sẽ ủng hộ cho đường lối này mới đọc một văn bản có những gì được viết ra với một xu hướng đã định trước. Cao nhất là một tờ truyền đơn hay một bức tranh cổ động sẽ được tính đến để tìm được một ánh nhìn chăm chú, kể cả là từ những người có tư tưởng, quan điểm khác vì nó có tính xúc tích, ngắn gọn. Hình ảnh được thể hiện dưới mọi hình thức, kể cả phim ảnh, bao giờ cũng có triển vọng hơn. Ở đây, con người cần phải làm việc ít tư duy trừu tượng đi, chỉ cần đủ để nhìn thôi, tốt nhất là đủ để đọc được toàn bộ nội dung của một đoạn

văn bản ngắn, và sau đó sẽ có nhiều người sẵn sàng tiếp thu những diễn giải giàu tính hình ảnh, như thế có tác dụng hơn là phải đọc một bài viết dài lê thê. Hình ảnh mang lại cho con người sự khai sáng trong một thời gian rất ngắn, tôi muốn nói là gần như ngay lập tức, chứ không như văn bản viết dài dòng, phải mất một thời gian rất lâu để đọc rồi người ta mới có thể hiểu ra.

Nhưng yếu tố căn bản nhất mà một văn bản viết không bao giờ biết được, đó là nó sẽ được đưa vào tay ai và nội dung của nó phải được duy trì cho đến cuối cùng. Nếu nội dung trình bày càng phù hợp với trình độ hiểu biết cũng như với tư chất của chính những người đọc nó thì sức ảnh hưởng của nó sẽ càng mạnh. Vì thế mà một cuốn sách được viết cho đông đảo quần chúng đọc, ngay từ ban đầu phải có văn phong khác so với viết cho tầng lớp trí thức.

Chỉ có cách thích ứng này, những gì viết ra mới sát với những gì được phát ngôn. Tôi không phản đối việc người diễn thuyết có thể nói về cùng một chủ đề, nhưng nếu là một người diễn thuyết đại tài trước quần chúng thì sẽ hầu như không bao giờ anh ta nhắc lại hai lần về cùng một bản thảo hay một cách thức. Anh ta sẽ tự coi mình như đông đảo quần chúng, để cảm nhận và phát ngôn một cách trôi chảy, tạo sức ảnh hưởng sâu sắc đến quần chúng, những người đang lắng nghe anh. Nếu anh ta nói nhầm còn khẽ, anh sẽ có lời cải chính ở những người trước mặt anh ngay. Như đã nói ở trên, nếu anh ta có thể đọc được sắc mặt của người nghe, trước hết xem liệu họ có hiểu những gì anh ta nói, hai là liệu họ có hiểu được tất cả và ba là anh ta đã thuyết phục được họ từ những điều đúng đắn đã được trình bày đến mức nào. Nếu nhận thấy họ không hiểu mình, người diễn thuyết sẽ có ngay sự giải thích sao cho thật đơn giản, dễ hiểu để đến người cuối cùng cũng nắm bắt được, nếu cảm thấy họ chưa theo kịp lời mình nói, người diễn thuyết sẽ cẩn thận, chậm rãi xây dựng các ý tưởng cho đến khi người kém nhất cũng không bị tụt lại phía sau, và nếu như đoán được rằng, sự đúng đắn đã được trình bày trước đây dường như vẫn chưa đủ sức thuyết phục đám đông, người diễn thuyết sẽ nhắc lại điều đó cũng như đưa ra thêm nhiều ví dụ khác, những sự phản đối của đám đông, điều mà người diễn thuyết âm thầm cảm nhận được, rồi tự nêu ra, sẽ thể hiện sự phản đối và rồi sẽ tự phá vỡ cho tới khi mà nhóm cuối cùng của phe đối lập qua cử chỉ và nét mặt đã lộ ra sự đầu hàng trước các bằng chứng mà người diễn thuyết đưa ra.

Tiếp theo là việc chiến thắng những thành kiến vốn được hình thành không phải qua sự hiểu biết, mà thường là do tiềm thức, dựa vào cảm tính ở không ít người. Để vượt qua giới hạn của những ác cảm theo bản năng, những thù ghét theo cảm tính, những sự khước từ do định kiến thì còn khó hơn gấp nghìn lần so với việc sửa lại một suy nghĩ sai lệch nhưng có tính khoa học. Những quan niệm sai lầm cùng những kiến thức lệch lạc sẽ bị xóa bỏ khi người ta được giáo dục cẩn thận, phản kháng của tình cảm thì rất khó. Chỉ có lời kêu gọi những thế lực thần bí này mới có tác dụng, gần như chỉ riêng nhà hùng biện, không phải nhà văn, mới có thể làm được việc này.

CHƯƠNG 6.1: SỰ PHÁT TRIỂN THẦN KỲ CỦA PHONG TRÀO

Thực tế đã mang lại một minh chứng rõ ràng, rằng dù báo chí của giai cấp tư sản đã được thiết kế rất khéo léo và tài tình, được xuất bản ồ ạt với số lượng hàng triệu tờ thì nó cũng không cản trở được đông đảo quần chúng trở thành kẻ thù sâu sắc nhất của chính thể giới tư sản. Toàn bộ con lũ báo chí cùng tất cả những cuốn sách được giới trí thức xuất bản từ năm này sang năm khác sẽ trôi tuột đi như nước trôi khỏi lớp da trơn bóng, trôi qua hàng triệu người thuộc những tầng lớp thấp hơn. Điều này có thể chứng minh bằng hai cách: hoặc là vì sự thiếu chính xác về nội dung của thành quả văn chương trong giới tư sản của chúng tôi hoặc là sự bất khả thi khi muốn đi tới trái tim của đông đảo quần chúng mà chỉ thông qua con đường viết lách. Nhưng đặc biệt như trong trường hợp này thì tự văn chương lại thiếu quá nhiều yếu tố về tâm lý.



Adolf Hitler.

Người ta không chỉ đưa việc chủ nghĩa Marx nhờ chính văn chương của mình, đặc biệt là tác phẩm nền tảng của Karl Marx tạo ra sức ảnh hưởng lớn lao (điều mà một tờ báo lớn của Quốc xã Đức tại Berlin cũng đã từng thử nghiệm) để chống lại khẳng định phía trên. Vẫn hiếm khi người ta lại thử bảo vệ cho một thế giới quan sai lệch một cách nông cạn đến thế. Cái mà quyền lực đáng kinh ngạc thông qua đông đảo quần chúng đã mang lại cho chủ nghĩa Marx không đời nào là một tác phẩm hình thức, được diễn đạt bằng ngôn ngữ viết của hoạt động tư duy theo lối Do Thái, mà nó giống như một làn sóng tuyên truyền khổng lồ bằng ngôn ngữ nói bao trùm lên đông đảo quần chúng từ năm này sang năm khác. Trong số hàng chục ngàn công nhân Đức, tính trung bình chưa nổi một trăm người biết tới tác phẩm này, trong khi giới trí thức và đặc biệt là bọn Do Thái đã nghiên cứu nó hàng nghìn lần, còn nhiều hơn cả những môn đồ thực sự của phong trào từ đông đảo những tầng lớp dưới. Tác phẩm này cũng không phải được viết cho đông đảo quần chúng mà rõ ràng được viết cho bộ phận lãnh đạo trí thức của bộ máy thống trị thế giới Do Thái khổng lồ kia, nó được hâm nóng lên bằng một phương tiện hoàn toàn khác: Đó là báo chí. Bởi vì

đó chính là thứ mà báo chí của chủ nghĩa Marx khác biệt với báo chí của giai cấp tư sản chúng tôi. Báo chí của chủ nghĩa Marx là do những kẻ kích động, tuyên truyền viết nên. Còn báo chí của giai cấp tư sản lại muốn tuyên truyền thông qua những người cầm bút. Người biên tập của chủ nghĩa dân chủ xã hội, người mà đa phần đều đến từ phòng họp rồi tham gia vào ban biên tập, biết phải quan hệ với ai. Nhưng người viết thuộc giai cấp tư sản, người từ văn phòng bước ra trước đông đảo quần chúng, sẽ phát ốm ngay khi quần chúng tung hỏa mù và vì thế mà với những ngôn từ đã được viết sẵn, họ chỉ biết đứng bất lực trước quần chúng mà thôi.

Điều đã chiến thắng hàng triệu công nhân của chủ nghĩa Marx là có rất ít văn phong của những vị cha xứ nhà thờ Mác-xít, mà chỉ tập trung vào công tác tuyên truyền không ngừng nghỉ và thực sự hùng hậu của hàng vạn người tuyên truyền không biết mệt mỏi, khởi đầu từ những tín đồ khiêu khích ở tầm vĩ mô xuống tới những cán bộ của tổ chức công đoàn nhỏ lẻ rồi tới những người có đức tin và những người phát biểu trong các cuộc thảo luận; đó là trăm nghìn đại hội mà ở đó, những người diễn thuyết trước đám đông, trong căn phòng đầy khói, đứng lên bàn mà hùng biện với quần chúng, họ có sự hiểu biết về những kiến thức quan trọng thuộc con người để chiến thắng, điều đó đặt họ vào thế phải lựa chọn được vũ khí chuẩn xác nhất để phản công lại tòa lâu đài ý kiến quần chúng; tiếp đó là những cuộc biểu tình quần chúng khổng lồ với những đoàn hàng trăm nghìn người, những đoàn người đó đã đốt lên sự thuyết phục rất đáng tự hào đối với những người khốn khổ bé nhỏ, giống như một chú sâu nhỏ nhoi bồng hóa thân thành con rồng khổng lồ, dưới hơi thở nóng hổi của nó, thế giới của giai cấp tư sản đáng ghét sẽ phải nhảy vào lửa và thế là nền độc tài của giai cấp vô sản sẽ mở tiệc ăn mừng cho chiến thắng cuối cùng.

Từ cách thức tuyên truyền như vậy, mọi người đã đến, đã sẵn sàng và chuẩn bị tinh thần để đón đọc một tờ báo của chế độ dân chủ xã hội, nhưng là một tờ báo không phải được viết nên mà là được nói nên. Bởi vì trong kho tàng của giai cấp tư sản, những giáo sư, những học giả về văn học, những nhà lý thuyết học và những nhà văn dưới mọi hình thức thỉnh thoảng cũng thử diễn thuyết, thì những người diễn thuyết của chủ nghĩa Marx đôi khi cũng lại thử viết xem thế nào. Và chính người Do Thái, nhìn chung, rất có khả năng nhờ sự mềm

mỏng và khéo léo biện chứng giả tạo của họ sẽ như những nhà văn làm diễn thuyết tuyên truyền hơn là những người sáng tạo bằng ngòi bút.

Đó là lý do vì sao thế giới báo chí của giai cấp tư sản (ở đây hoàn toàn không đề cập tới việc đa số đã bị Do Thái hóa và chính vì thế mà không còn hứng thú dấn dặt đông đảo quần chúng) không tạo nổi một sự ảnh hưởng dù là nhỏ nhất lên quan điểm của đông đảo các tầng lớp trong dân tộc tôi.

Đề lật ngược những định kiến xuất phát từ cảm tính, những ý kiến, những cảm nhận v.v... và thay thế chúng bằng những cái khác thật khó khăn biết nhường nào! Thành công phải phụ thuộc vào bao nhiêu sự ảnh hưởng và điều kiện, những thứ gần như không thể đo lường, trong khi người diễn thuyết nhạy cảm lại ước lượng được rằng thời gian trong ngày khi diễn ra một bài phát biểu có thể có ảnh hưởng mang tính chất quyết định lên sức tác động của nó. Cùng một bài phát biểu, cùng một người diễn thuyết, cùng một chủ đề nhưng lại có sức tác động hoàn toàn khác nhau ở thời điểm mười giờ sáng, ba giờ chiều hoặc vào buổi tối. Tôi đã từng ở vị trí của người bắt đầu cho các đại hội tiến hành buổi sáng và đặc biệt nhớ tới cuộc mít-tinh mà chúng tôi đã tổ chức với tư cách là người phản đối “chống lại sự đàn áp các khu vực thuộc nước Đức” trong tầng hầm Kindl của Munchen. Lúc bấy giờ, nó là nơi hội họp to nhất ở Munchen và sự mạo hiểm là rất lớn. Để làm nhẹ lòng những người ủng hộ phong trào và tất cả những người khác đến dự, tôi đã tổ chức đại hội vào một buổi sáng chủ nhật, lúc mười giờ. Kết quả thật buồn thảm so với mong đợi, nhưng đồng thời đem lại bài học vô cùng quý báu: Đó là tầng hầm tụ tập được đông người, tạo được ấn tượng vô cùng sâu sắc nhưng bầu không khí thì lạnh giá, không ai hồ hởi, nồng nhiệt, còn tôi, với tư cách là người diễn thuyết thì cảm thấy bất hạnh, không hề hứng khởi gì, không thể tạo ra một sự kết nối hay trao đổi đầu là thì thầm với những người đang lắng nghe tôi. Tôi không tin rằng mình đã diễn thuyết không hay, sự tác động dường như là bằng không. Hoàn toàn cảm thấy khó chịu, tôi rời khỏi cuộc họp, dù có thêm được một kinh nghiệm. Những thử nghiệm sau này tôi tiến hành cùng kiểu đó, đều dẫn tới kết quả tương tự.

Không có gì phải kinh ngạc. Nếu đi tới một buổi biểu diễn tại nhà hát và xem một vở kịch lúc ba giờ chiều và cũng xem cùng vở kịch ấy lúc tám giờ tối, người ta sẽ phải ngạc nhiên về sự khác biệt của sức ảnh hưởng và ấn tượng. Một

người với cảm giác và khả năng tự tạo ra sự rõ ràng về những tâm trạng này sẽ có thể nói ngay vì sao ấn tượng về buổi biểu diễn ban chiều lại không được như buổi biểu diễn ban tối. Với một bộ phim ở rạp cũng có cùng kết luận như vậy. Người ta có thể cho rằng, tại nhà hát, vào buổi chiều có lẽ các diễn viên đã không nỗ lực như buổi tối. Thế nhưng bộ phim chiếu ngoài rạp từ chiều cho đến chín giờ tối thì chẳng khác gì nhau. Không phải vậy. Tất cả chỉ là vì thời gian đã tác động lên tâm lý người xem, cũng giống như không gian đã tác động lên tôi. Có những căn phòng bị để lạnh vì nhiều lý do mà người ta rất khó nhận ra, nó tạo nên những tâm lý đối nghịch bằng một cách nào đó. Cả những sự tưởng tượng và những ký ức mang tính truyền thống tồn tại sẵn trong con người có thể gây ra một ấn tượng quyết định. Vì thế mà một vở Parsifal được diễn tại Bayreuth thường bao giờ cũng để lại ấn tượng khác hẳn khi được diễn ở một nơi khác trên thế giới. Phép thuật huyền bí của ngôi nhà trên đồi Liên hoan kịch của thành phố cổ Markgrafen không thể bị thay thế hay lấy về bằng vẽ bề ngoài.

Tất cả các trường hợp trên đều liên quan đến sự hạn chế tự do về ý muốn của con người. Điều này dĩ nhiên được áp dụng nhiều nhất đối với các đại hội, nơi mà mọi người đến dự với những quan điểm bất đồng và phải đạt được ham muốn mới. Vào buổi sáng và suốt ngày, có vẻ như sức mạnh ý chí của con người vẫn tràn trề năng lượng để chống lại sự thúc ép thử nghiệm của một ý muốn hay một ý kiến khác. Ngược lại, vào buổi tối, những sức mạnh đó lại dễ bị khuất phục bởi sức thống trị của một mong muốn mạnh mẽ hơn. Bởi vì thực sự mỗi một đại hội như thế chẳng khác gì một cuộc đấu giữa hai phe đối lập nhau. Nghệ thuật hùng biện xuất chúng của bản chất một người khởi xướng ra phong trào sẽ dễ dàng giành được mong muốn mới từ những người đã bị giảm sút sức phản kháng một cách tự nhiên nhất hơn là những người vẫn hoàn toàn sở hữu sức mạnh về ý chí và tinh thần.

Ánh hoàng hôn nhân tạo nhưng lại đầy vẻ huyền bí của nhà thờ công giáo, những ngọn đèn đang được thắp sáng, trầm hương, những chảo rang bốc khói v.v... tất cả đều cùng phục vụ cho mục đích đó.

Trong cuộc đối đầu với những địch thủ của mình, người diễn thuyết sẽ dần nhận được sự nhạy cảm đối với những điều kiện về mặt tâm lý của việc tuyên truyền, một sự nhạy cảm mà ở người viết gần như không có được. Vì thế,

trong sức ảnh hưởng bị giới hạn, nhìn chung, những gì được viết ra sẽ chỉ phục vụ cho sự duy trì, ủng hộ, củng cố và tăng cường một tư tưởng hay một quan điểm đã tồn tại sẵn mà thôi. Những gì được viết ra đã không tạo nên tất cả những biến động lịch sử lớn lao mà nó chỉ đi cùng những biến động đó mà thôi.

Người ta không tin rằng cuộc cách mạng Pháp sẽ thành công nhờ vào những lý thuyết triết học nếu nó không tìm ra một đội quân bị dẫn dắt qua hình thức mị dân với một phong cách vô cùng vĩ đại của những kẻ tuyên truyền, những kẻ luôn thôi thúc những xúc cảm mạnh mẽ của một dân tộc đang bị đau khổ cho đến khi sự bùng nổ đó thành công trong việc làm tê liệt toàn Châu Âu với nỗi khiếp đảm mới thôi. Tương tự đối với sự nổi dậy của cuộc cách mạng vĩ đại nhất thời đại mới, cuộc cách mạng của những người bolshevik tại Nga. Nó đã không thành công nhờ ngòi bút của Lênin mà thông qua tài hùng biện làm bùng lên nỗi căm hờn của vô vàn những người kích động quần chúng vĩ đại nhất cũng như nhỏ bé nhất.



Cuộc cách mạng Pháp. Ảnh minh họa.

Một dân tộc của những kẻ mù chữ chắc chắn không thể bị thôi thúc bởi những bài giảng lý thuyết của một mình Karl Marx để phấn khởi tham gia cuộc cách mạng cộng sản, mà phải nhờ cả một bầu trời ngời sáng, nơi mà hàng ngàn người tuyên truyền, kích động quần chúng phục vụ một ý tưởng duy nhất là diễn thuyết trước cho dân tộc đó nghe.

Nó sẽ luôn như vậy và sẽ mãi là như vậy.

Hoàn toàn phù hợp với sự viễn vong cố chấp của những trí thức Đức chúng ta khi tin rằng, người cầm bút nhất định phải giỏi hơn những người diễn thuyết về tinh thần. Quan niệm này đã được minh họa một cách tinh tế nhất qua sự chỉ trích của tờ báo quốc gia đã từng một lần được nhắc đến ở phần trước. Trong đó khẳng định rằng, người ta thường hay thất vọng khi đột nhiên nhìn thấy bài diễn thuyết của một nhà hùng biện có tên tuổi được in trên mặt giấy. Nó gợi nhớ cho tôi về một sự chỉ trích khác, sự chỉ trích mà tôi luôn phải nhận lấy trong suốt cuộc chiến tranh. Những bài diễn thuyết của Lloyd George, Bộ trưởng Quân dụng thời bấy giờ, không may đã bị soi để đi đến một khẳng định rằng những bài diễn thuyết đó là những sản phẩm tinh thần và khoa học kém cỏi, sáo rỗng và hoang dã. Sau đó tôi đã được cầm trong tay một vài trong số những bài diễn thuyết đó được in thành một tập sách nhỏ và đã phải bật cười vì một người cầm bút tầm thường Đức đã không hiểu biết gì đối với những kiệt tác mang tính chất tâm lý gây được ảnh hưởng dư luận xã hội về mặt tinh thần. Người đàn ông này đã đưa ra định kiến về những bài diễn thuyết gần như là theo ấn tượng để lại cho con người kiêu ngạo như ông ta, trong khi nhà hùng biện người Anh vĩ đại kia lại chỉ muốn thích nghi cho phù hợp nhằm tác động mạnh nhất ở mức có thể lên đám đông đang lắng nghe ông và hiểu theo nghĩa rộng hơn là lên toàn bộ dân tộc Anh. Nếu quan sát từ góc độ này thì những bài diễn thuyết của người Anh kia lại là những thành tựu to lớn và tuyệt vời vì chúng đã đưa ra một kiến thức đáng kinh ngạc về tinh thần của đông đảo các tầng lớp xã hội. Sức ảnh hưởng của chúng cũng thực sự rất có hiệu quả.

Người ta đã so sánh với sự luyên thuyên vô dụng của một Bethmann – Hollweg. Có vẻ như những bài diễn thuyết này nhiều ý tưởng hơn, nhưng trong thực tế nó chỉ bộc lộ sự bất tài, kém cỏi của con người này khi nói chuyện với quần chúng của ông ta, cái điều ông ta gần như không thể làm được. Mặc dù

vậy, một cái óc bã đậu thông thường của một anh chàng người Đức tiểu tiết, mô phạm, ra về được giáo dục đầy đủ cả về mặt khoa học lẫn tự nhiên lại có thể đánh giá tinh thần của cả một bộ trưởng Anh qua ấn tượng mà một bài diễn thuyết nhảm tới sự tác động quần chúng để lại trong nội tâm đã bị suy yếu trước kiến thức đao to búa lớn và qua ấn tượng khi đem ra so sánh với sự nhảm nhí, tầm phào của một chính trị gia người Đức ở một nơi người ta dễ bị ảnh hưởng hơn. Việc Lloyd George không chỉ sánh ngang với một Bethmann- Hollweg về thiên tài bẩm sinh mà còn giỏi hơn hàng ngàn lần đã chứng minh rằng ông đã tìm ra trong những bài diễn thuyết của mình hình thức và cách thể hiện mở được cánh cửa trái tim của đông đảo quần chúng của ông cũng như cuối cùng đã khiến họ hoàn toàn phải phục tùng mong muốn của chính bản thân ông. Ngay trong ngôn ngữ mộc mạc, chất phác này, tính nguyên sơ với hình thức diễn đạt và sự áp dụng những ví dụ rất đơn giản, dễ hiểu đã minh chứng cho khả năng chính trị xuất chúng của người Anh này. Bởi tôi không phải đánh giá bài diễn thuyết của một chính khách dành cho nhân dân của ông ta qua ấn tượng để lại đối với một giáo sư đại học mà là mức độ ảnh hưởng của nó lên người dân. Và chỉ riêng điều này thôi cũng đã mang lại một thước đo đối với tài năng của người diễn thuyết.

Sự phát triển thần kỳ của phong trào chúng tôi mà cách đây vài năm được thành lập nên từ hai bàn tay trắng nay đã đáng giá để bị theo sát bởi những thế lực thù địch với nhân dân cả bên trong và bên ngoài, nó được sự quan tâm, lưu ý thường xuyên cũng như được vận dụng kiến thức này.

Những tác phẩm viết của phong trào càng quan trọng, thì nó sẽ càng có ý nghĩa đối với nền giáo dục tương tự và thống nhất của các lãnh đạo cấp cao cũng như cấp thấp trong hoàn cảnh hiện tại của chúng tôi hơn là đối với việc giành lại được số quần chúng có xu hướng chống đối. Chỉ trong những trường hợp hãn hữu, một đảng viên đảng Dân chủ xã hội đã được thuyết phục hay một đảng viên đảng Cộng sản cuồng tín mới hạ cố mua một quyển thông tin nhỏ của Quốc xã hay thậm chí là một cuốn sách để đọc nó và thu nhận một quan điểm khi nhìn vào thế giới quan của chúng tôi hay để nghiên cứu sự chỉ trích trong đó. Ngay cả một tờ báo cũng ít khi được người ta đọc đến khi nó không mang con dấu đảng tịch. Thêm vào đó, nó cũng sẽ ít được sử dụng, vì bức tranh toàn

cảnh của riêng một số báo là một hình thành rách nát và trong sức ảnh hưởng của nó là hình ảnh vỡ vụn đến nỗi người ta còn không được phép trông chờ rằng người đọc sẽ thu nhận được một kiến thức nào đó thông qua sự tác động của nó. Người ta cũng không được phép và không nên khuyến khích ai, những người mà một vài đồng bạc cũng có vai trò với họ, để họ đặt mua dài hạn một tờ báo đối lập dù xuất phát từ mong muốn có yếu tố khách quan bên ngoài. Với hàng vạn người thì cũng gần như không một ai làm điều đó. Chỉ cho đến khi có người đưa phong trào đi đến thắng lợi mới được đọc lâu dài báo chí của đảng với tư cách là người đưa tin hiện hành cho phong trào của mình mà thôi.

Hoàn toàn khác biệt với những truyền đơn “đã diễn thuyết”! Tờ truyền đơn đó sẽ được đón nhận bởi người này người khác, đặc biệt là khi nó được phát miễn phí và khi chủ đề mà được tất cả mọi người nhắc đến lúc bấy giờ được đề cập khéo léo và biểu cảm ngay trên tiêu đề. Sau khi kiểm tra tỉ mỉ, và với một tờ truyền đơn như vậy, có thể người đó sẽ quan tâm đến những quan điểm và nhận thức, thực ra là chú ý đến một phong trào mới hơn. Và cũng chỉ thông qua tờ truyền đơn, nếu trong điều kiện thuận lợi có thêm một sự kích thích nhẹ còn sự việc cũng sẽ không đạt được tất cả. Vì ngay cả tờ truyền đơn cũng chỉ có thể gọi lên hay ám chỉ một điều gì đó mà thôi. Và sự ảnh hưởng của nó sẽ diễn ra trong sự kết nối với việc truyền bá và làm sáng tỏ vấn đề kế tiếp có tính chất tỉ mỉ hơn dành cho người đọc nó. Nhưng đó luôn và sẽ luôn là đại hội quần chúng.

Vì thế mà đại hội quần chúng rất cần thiết vì một cá nhân trong đó, ban đầu với tư cách là một người mới ủng hộ cho một phong trào non trẻ sẽ cảm thấy đơn lẻ và cô độc. Họ dễ bị lo sợ rằng chỉ có một mình mình đón nhận hình ảnh khái quát về một cộng đồng lớn hơn. Đây là điều đã tác động mạnh mẽ và làm họ dừng cảm lên đối với đa số những người ở đó. Nhưng cũng vẫn là con người đầy được đặt trong khuôn khổ một đại đội hay một tiểu đoàn, vây quanh là những chiến hữu của mình, những trái tim sẵn sàng đương đầu với bão tố hơn anh ta thì anh ta buộc phải thực hiện giống họ. Giữa cộng đồng của mình, anh ta sẽ luôn cảm thấy yên tâm, ngay cả khi thực tế có cả ngàn lý do đang chống lại điều mà anh ta đang ủng hộ.

Sự đồng nhất trong một cuộc biểu tình lớn sẽ củng cố không chỉ riêng một cá nhân mà nó còn gắn kết tất cả bọn họ lại và giúp họ tạo nên tinh thần đồng đội. Một người, với tư cách là đại diện đầu tiên của một học thuyết mới trong doanh nghiệp hoặc phân xưởng của anh ta sẽ đối đầu với nhiều gian nan, cần phải có sự tăng cường sức mạnh trong sự tin tưởng mình trở thành một thành viên và là người chiến sĩ của một đoàn thể lớn đó. Lần đầu tiên anh ta sẽ nhận được ấn tượng về đoàn thể trong cuộc họp quần chúng. Nếu anh ta lần đầu tiên từ một nơi làm việc nhỏ hay từ một xí nghiệp qui mô lớn tham dự một đại hội quần chúng, nơi mà anh ta cảm thấy mình thật nhỏ bé, nhưng ở đó lại có hàng ngàn người có cùng quan điểm với mình, nếu như anh ta, với tư cách là một người đang tìm kiếm bị lôi cuốn vào sự tác động mạnh mẽ bởi niềm say sưa và hứng khởi từ ba đến bốn nghìn người khác, nếu như thắng lợi có thể nhìn thấy và sự ủng hộ của hàng ngàn người xác nhận cho anh ta sự đúng đắn của học thuyết mới và lần đầu tiên thức tỉnh sự ngờ vực cái hiện tại mà bấy lâu nay anh ta vẫn tin tưởng thì anh ta sẽ chịu sự tác động thần kỳ của cái mà chúng tôi thể hiện bằng ngôn từ để vận động quần chúng. Sự mong muốn, niềm khát vọng nhưng cũng là sức mạnh của hàng nghìn con người được tích tụ trong mỗi cá nhân. Người mà bị dao động và đầy hoài nghi nếu tới tham dự một đại hội như thế, sẽ rời khỏi đó với tâm niệm trong lòng rằng: Anh ta đã trở thành thành viên của cộng đồng đó.

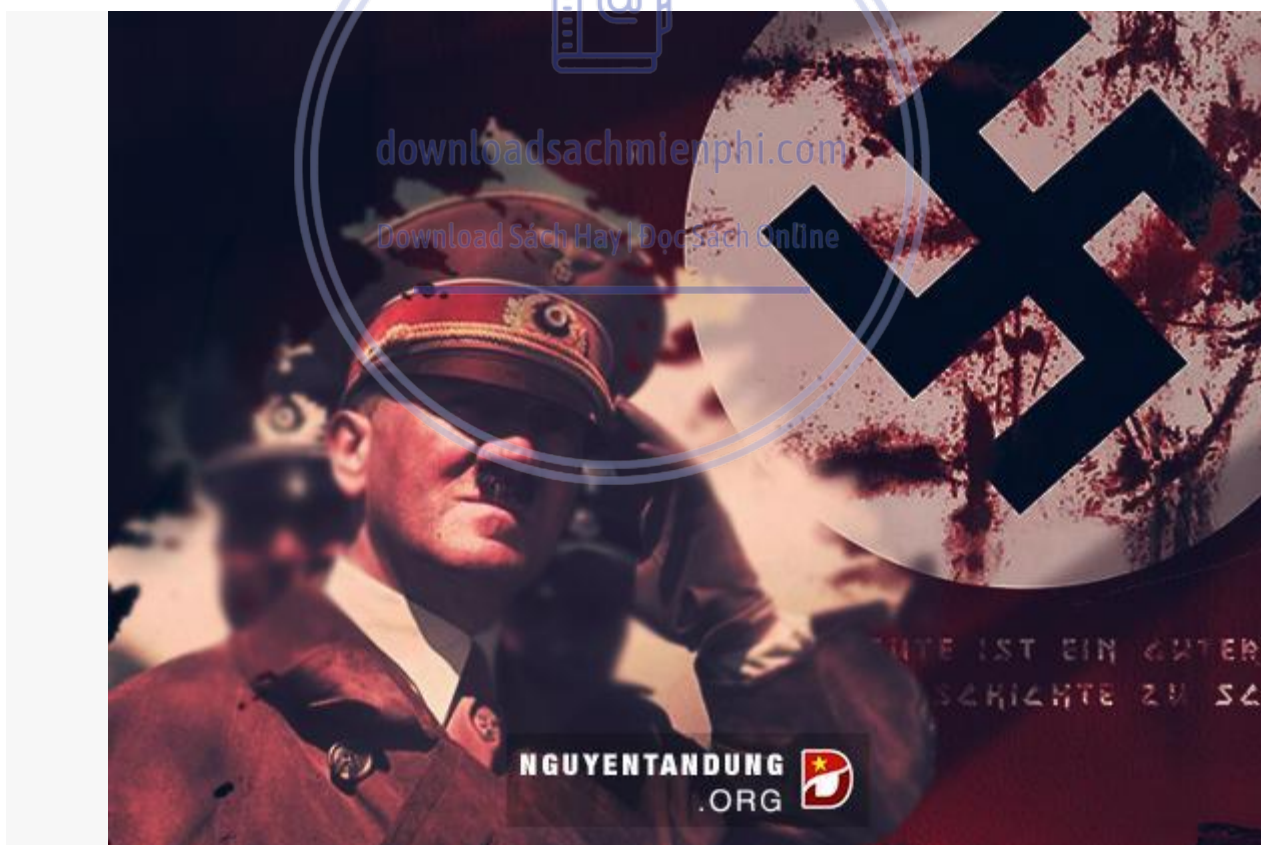
Phong trào Quốc xã không bao giờ được phép quên và càng không bao giờ được phép để cho những kẻ tư sản ngu dốt kia ảnh hưởng đến mình. Đây là những kẻ biết mọi thứ càng giỏi thì càng đánh mất nhiều thứ. Họ đã để mất đi một nhà nước lớn bao gồm cả sự tồn tại của chính bản thân họ cũng như sự thống trị thuộc tầng lớp của họ. Đúng là họ thông minh vô cùng, có thể hiểu được mọi điều, chỉ trừ một điều duy nhất là tránh cho dân tộc Đức không rơi vào tay quân đội Mác-xít thì họ lại không hiểu. Vì họ đã thất bại thảm hại, để cho sự ngạo mạn của họ vẫn chỉ là một sự kiêu căng đi cùng sự dốt nát ngu xuẩn mà thôi.

Nếu những bọn người đó ngày nay không đánh giá cao những lời được phát ngôn, thì ơn Chúa, chỉ vì họ đã hoàn toàn bị thuyết phục bởi những cuộc nói chuyện phiếm của chúng hoàn toàn không có tính hiệu quả.

CHƯƠNG 7: CUỘC ĐẤU TRANH VỚI MẶT TRẬN CỘNG SẢN

Tôi đã đích thân tham dự những đại hội được gọi là đại hội tư sản vào năm 1919/20 và 1921. Ấn tượng mà các đại hội đó để lại trong tôi luôn giống như cảm giác khi còn bé bị bắt uống một thìa dầu gan cá vậy. Người ta nên uống nó vì nó rất tốt cho sức khỏe, nhưng cái vị của nó thì vô cùng kinh khủng! Nếu như trói nhân dân Đức lại bằng những sợi dây thừng và dùng vũ lực kéo họ đến những đại hội, rồi khóa tất cả cửa lại để không một ai thoát được ra ngoài cho đến khi buổi giới thiệu kết thúc thì có thể khoảng vài trăm năm nữa điều đó cũng dần đến thành công.

Tuy nhiên, tôi phải thành thật thú nhận rằng, cuộc sống như thế thì chắc sẽ chẳng còn gì là thú vị đối với tôi và nếu như vậy thì tôi thà không phải là người Đức nữa còn hơn. Nhưng ơn Chúa, sau khi không thể thực hiện được điều đó thì người ta cũng đừng nên lấy làm ngạc nhiên nếu một dân tộc lành mạnh lại trốn tránh “những đại hội tư sản lớn” như quý tránh nước thánh vậy.



Ảnh minh họa.

Tôi đã làm quen với họ, những nhà tiên tri về thế giới quan của giai cấp tư sản và không hề thấy ngạc nhiên mà còn hiểu được lý do vì sao họ không hề

chú trọng đến những lời được phát ngôn. Hồi đó, tôi đã từng tham dự các đại hội của Đảng Dân Chủ, của Đảng Quốc gia Đức, của Đảng Nhân dân Đức và cả của Đảng Nhân dân Bayern (Trung tâm Bayern). Ở đó, điều đập ngay vào mắt là sự nhất trí một lòng của những người lắng nghe. Hầu như lúc nào một đại hội như thế cũng chỉ có các thành viên của đảng đó tham dự. Cái tổng thể không hề có kỷ luật trông giống một câu lạc bộ chơi bài uể oải, buồn ngủ hơn là một đại hội của nhân dân, những người vừa trải qua cuộc cách mạng vĩ đại nhất của họ.

Để có được bầu không khí bình yên này, những người chủ trì đại hội đã phải làm tất cả những gì có thể. Họ diễn thuyết, hay tốt hơn thì họ thường đọc to những bài diễn thuyết, với văn phong của một bài báo sắc sảo, dí dỏm hoặc của một chuyên luận khoa học, tránh tất cả những từ ngữ tục tĩu, mạnh bạo, chỉ thỉnh thoảng đan xen một mẩu chuyện hài hước nhưng tế nhị, mà vì nó, phía bàn của ban lãnh đạo đáng kính theo nghĩa vụ bắt đầu phải phá lên cười. Nếu cười không to, không tạo được sự kích động thì sẽ phải ra vẻ đạo mạo, lịch sự và kín đáo.

Và như thế thì chắc chắn là ban lãnh đạo này rồi!

Tôi đã từng chứng kiến một đại hội trong đại sảnh Wagner ở München. Đó là một đại hội được tổ chức nhân dịp kỷ niệm ngày tổng tấn công của các nước châu Âu chống Pháp tháng 10.1813 để giành tự do ở Leipzig. Một quý ông cao tuổi, là giáo sư của một trường đại học nào đó, đã phát biểu hay đọc to một bài diễn văn vô cùng đặc sắc. Bàn của ban lãnh đạo được đặt trên bục diễn thuyết. Bên trái là một ông đeo kính độc nhãn, bên phải cũng một ông như vậy, còn ở giữa là một ông không đeo kính. Cả ba ông đều mặc áo đuôi tôm để người ta có ấn tượng như đang ở trong một phiên tòa chuẩn bị tuyên án tử hình hay một lễ rửa tội cho trẻ con. Ở trường hợp nào thì cũng giống như một lễ nghi thiên về tôn giáo. Cái được gọi là bài diễn văn, mà đáng ra có thể trích in một cách khéo léo, đã có tác động thật là đáng sợ. Ngay sau bốn mươi lăm phút, cả đại hội đều mơ màng trong trạng thái bị thôi miên. Trạng thái đó chỉ bị gián đoạn khi từng người một bò ra ngoài, hay bởi tiếng lách cách của những cô hầu bàn và tiếng ngáp không ngừng của vô số thánh giả. Ba anh công nhân có mặt ở đại hội hoặc do tò mò hoặc với tư cách là đại biểu mà tôi ngồi phía sau, thỉnh thoảng lại liếc nhìn nhau với một nụ cười cố che giấu và cuối cùng cũng lấy

khủy tay huých nhau vì muốn rời khỏi đại sảnh thật nhẹ nhàng. Người ta nhận thấy rằng, dù thế nào thì họ cũng không hề muốn gây cản trở cho đại hội. Thực ra, trong đám khách khứa này thì việc đó là không cần thiết. Cuối cùng, dường như đại hội cũng đi đến phần kết thúc. Sau khi vị giáo sư, người mà giọng nói mỗi lúc một nhỏ dần, kết thúc bài diễn giảng của mình thì người trong ban lãnh đạo ngồi giữa hai người đeo kính độc nhãn kia đứng dậy, giả vờ bày tỏ với các “anh chị em người Đức” đang hiện diện tại đây lòng biết ơn của anh ta cũng như tình cảm của họ phải dành cho bài thuyết trình đặc sắc, có một không hai kia, vì vị giáo sư X đó đã mang đến cho họ một điều rất hài lòng cũng như thấu đáo, trọn vẹn và sâu sắc và đó đúng là một “trải nghiệm bên trong”, một kỳ công, một kiệt tác. Thật đúng là làm cho những giờ phút trang trọng này trở nên phàm tục, khi người ta còn muốn tranh luận về những lời nhận xét sáng suốt kia, vì thế mà trên tinh thần của tất cả những người đang có mặt tại đây, anh ta phớt lờ một cuộc cãi vã như vậy, thay vào đó, anh ta đề nghị mọi người đứng dậy để cùng hô vang “Chúng ta là anh em trong một nước Đức thống nhất” v.v... Cuối cùng, anh ta mời mọi người hát vang bài Quốc ca Đức để kết thúc đại hội.

Thế là họ cất tiếng hát, nhưng ngay đến đoạn hai, dường như tôi cảm thấy đã có ít giọng hát hơn, chỉ đến phần điệp khúc mới lại bùng lên và đến đoạn ba thì cảm giác này trở nên mạnh đến nỗi tôi đã nghĩ rằng, không phải tất cả đều chắc chắn thuộc lời bài hát.

Nhưng nếu một bài hát như thế được cất lên từ trái tim đầy nhiệt huyết của tâm hồn một người theo chủ nghĩa quốc gia Đức vang tới tận trời xanh thì sẽ lại là một điều thật lớn lao.

Và ngay sau đó, đại hội không còn lại lấy một người. Ai cũng hồi hả đi ra ngoài, người thì để uống vài cốc bia, người thì ngồi trong quán cà phê và những người khác thì để hít thở không khí trong lành.

Đúng thế, ra ngoài để hít thở không khí trong lành, đơn giản là được đi ra ngoài! Đó cũng là cảm giác của riêng tôi. Và điều đó có xứng đáng để tán dương một cuộc đấu tranh anh dũng của hàng trăm ngàn người Phổ và người Đức hay không? ôi đúng là một lũ ma quỷ và vẫn chỉ là một lũ ma quỷ!

Tuy nhiên, chính phủ lại yêu thích những điều như vậy. Vì dĩ nhiên, đó là một đại hội “hòa bình”. Ngài Bộ trưởng thực sự sẽ không cần phải e ngại cho an ninh trật tự, không phải lo sợ những làn sóng quá hăng hái, nồng nhiệt có thể bất ngờ phá hỏng sự chuẩn mực về nghi thức chính quyền trong phép lịch sự của giai cấp tư sản hay đột nhiên lũ người trong tâm trạng quá phấn khích kia lại ủa ra khỏi đại sảnh không phải để hăm hờ đi vào các quán cà phê hay quán ăn, quán rượu, mà lại biểu tình hàng bốn trên khắp các con phố với khẩu hiệu “nước Đức muôn năm” và gây khó chịu cho những viên cảnh sát đang thích sự yên tĩnh.

Không, với những công dân như vậy người ta hoàn toàn có thể hài lòng.

Nhưng ngược lại, các đại hội của đảng Quốc xã lại không phải là những đại hội “hòa bình”. Ở đó luôn dấy lên những làn sóng của hai phe đối lập về thể giới quan và những đại hội đó không hề kết thúc bằng những lời lẽ vô vị của một bài hát ái quốc nào đó, mà bằng những cảm xúc mạnh mẽ bùng lên một cách cuồng tín về chủ nghĩa quốc gia và dân tộc.



Dàn nhạc Vienna. Nửa dàn nhạc Vienna xưa là thành viên Đức Quốc xã.

Ngay từ đầu, chúng tôi đã coi việc đưa kỷ luật thép vào trong đại hội và bắt buộc bảo đảm uy tín của người có thẩm quyền dẫn dắt đại hội là vô cùng

quan trọng. Bởi những gì chúng tôi diễn thuyết không phải là những lời ba hoa yếu đuối, nhu nhược của một “chủ tịch đại hội” tư sản, mà thông qua nội dung và hình thức, phải làm sao luôn khiêu khích phe đối lập đối đáp lại. Và trong các đại hội của chúng tôi bao giờ cũng có mặt các phe đối lập! Họ thường xuyên tiến vào giữa đám đông, một vài kẻ la ó, muốn phá hoại trong số đây và trên tất cả những khuôn mặt đều ánh lên một niềm tin: Ngày hôm nay chúng tôi sẽ kết thúc các người!

Vâng, họ thường xuyên được đưa vào các hàng ngũ thời bấy giờ, những bằng hữu của chúng tôi từ phía hội đỏ, với một nhiệm vụ đã được thẩm nhuần trước đây, là tối nay phải phá hỏng mọi chuyện và kết thúc câu chuyện tại đây. Mọi thứ luôn căng thẳng và cam go và chỉ có những lời mạnh mẽ dẫn dắt đại hội cùng sự liều lĩnh bảo vệ phòng họp của ban lãnh đạo chúng tôi mới có thể tránh được ý đồ phá hoại của các phe đối lập hết lần này đến lần khác. Và họ có tất cả các lý do để bị khiêu khích!

Ngay màu đỏ trên những bức áp phích cổ động của chúng tôi đã lôi kéo họ vào các phòng họp. Giai cấp tư sản tầm thường thực sự choáng váng khi cả chúng tôi cũng đã sử dụng màu đỏ của những người Bôn-sê-vích và người ta đã nhìn thấy trong đó một sự việc hai mặt. Tinh thần của chủ nghĩa Quốc gia Đức luôn tự thi thâm về mỗi nghi ngờ, vâng chúng tôi về cơ bản có lẽ cũng chỉ sử dụng một thủ thuật của chủ nghĩa Marx, mà có khi lại chỉ là những tên Mácxít trá hình hay đúng hơn là những kẻ theo chủ nghĩa xã hội.

Bởi vì những cái đầu này cho đến bây giờ cũng vẫn chưa phân biệt được chủ nghĩa xã hội với chủ nghĩa Marx. Nhất là khi người ta còn để ý thấy rằng, trong các đại hội của chúng tôi, chúng tôi không hề chào hỏi nhau bằng “quý ông và quý bà” mà bằng “đồng chí” và giữa chúng tôi chỉ trao đổi về các đồng chí trong đoàn, nổi ám ảnh về chủ nghĩa Mác dường như hiện rõ trong rất nhiều kẻ đối địch của chúng tôi. Rồi chúng tôi thường xuyên phải cười rung cả người vì sự suy đoán của những con thỏ để hèn nhát tư sản ngây thơ kia về xuất thân cũng như những ý đồ đầy tinh thần cùng tương lai và mục đích của chúng tôi.

Chúng tôi đã chọn màu đỏ trên những bức áp phích cổ động của mình sau khi suy xét kỹ lưỡng và thấu đáo, qua đó nhằm khiêu khích cánh tả để khiến họ phần nộ và vì thế mà phải đến dự các đại hội của chúng tôi, ngay cả khi họ đến

với mục đích phá hoại đại hội. Bằng cách đó, chúng tôi mới có cơ hội nói chuyện và diễn thuyết với mọi người.

Lúc đó thật sự là rất hay khi theo dõi sự hoang mang, vô dụng và bất lực của những kẻ đối địch chúng tôi với thủ đoạn, chiến thuật thay đổi liên tục trong những năm tháng này. Ban đầu họ yêu cầu những người ủng hộ họ không được quan tâm, để ý đến chúng tôi và phải tránh xa những đại hội của chúng tôi. Nhìn chung thì điều này cũng đã được tuân thủ nhưng theo thời gian thì vài người lại đến những đại hội của chúng tôi và con số cứ từ từ tăng dần lên và ấn tượng mà học thuyết của chúng tôi để lại cho họ là quá rõ ràng, khiến các nhà lãnh đạo ngày càng trở nên căng thẳng, lo lắng không yên và bị ám ảnh bởi niềm tin rằng người ta sẽ không được phép đứng nhìn mãi sự tiến triển này mà phải chuẩn bị kết thúc nó bằng khủng bố gây khiếp sợ mới thôi.

Thế là “những người vô sản có ý thức giai cấp” được phe đối địch yêu cầu trà trộn vào đám đông quần chúng trong các đại hội của chúng tôi để la ó phản động và phá “những kích động quần chúng phản động” trong các đại diện của họ với những nắm đám của người vô sản.

Có lần, ngay bốn mươi lăm phút trước giờ khai mạc những đại hội của chúng tôi đã chặn kín những người công nhân. Trông họ như những thùng thuốc nổ có mùi cháy, trong mỗi khoảnh khắc đều có thể làm nổ tung mọi thứ. Thế nhưng mọi thứ sau đó đều diễn ra khác hẳn. Những người bước vào với tư cách là phe thù địch thì khi đi ra, nếu không trở thành những người ủng hộ chúng tôi thì cũng là những người phải suy nghĩ lại mọi thứ cũng như kiểm tra lại tính đúng đắn chính học thuyết của họ. Nhưng dần dần, sau bài diễn thuyết ba tiếng đồng hồ của tôi thì những kẻ đối địch và những người ủng hộ lại hòa thành một đám đông thống nhất đầy phấn khích. Thế là mọi dấu hiệu phá hoại chẳng còn nghĩa lý gì nữa. Vì thế mà những nhà lãnh đạo thấy sợ hãi khi thực hiện điều đó và người ta quay sang những người ngay từ trước đã chống đối lại chiến thuật của chúng tôi cũng như những người giờ đây biểu lộ quan điểm của mình với một vẻ bề ngoài rất chắc chắn của cái quyền chỉ ra cái đúng khi cấm người công nhân về cơ bản không được tham dự vào các đại hội của chúng tôi.

Thế là họ không đến nữa hoặc vẫn đến nhưng ít hơn. Ngay sau một thời gian ngắn, tất cả cuộc chơi đã bắt đầu lại mới hoàn toàn.

Tuy nhiên việc cầm đoán cũng chẳng kéo dài được lâu. Những người có cùng chí hướng lại đến ngày càng nhiều và cuối cùng thì những người ủng hộ chiến thuật cấp tiến lại giành chiến thắng. Đáng lẽ chúng tôi phải bị phá tan ra mới đúng!

Nếu sau hai, ba, hay tám, mười đại hội, việc phá hoại hóa ra lại nói dễ hơn làm và kết quả của đại hội nào cũng có ý nghĩa như một sự thất bại thảm hại của đội quân chiến đấu đỏ thì sẽ lại có ngay một khẩu hiệu khác: “Hỡi những người vô sản, những đồng chí! Hãy tránh xa các đại hội của những kẻ kích động quần chúng theo chủ nghĩa Quốc xã!”

Thêm vào đó, người ta lại bắt gặp cái chiến thuật thay đổi như chong chóng cũ rích đầy cả trên những tờ báo của đảng Cộng sản. Bọn chúng cố nhanh chóng bung bít chúng tôi, để rồi tự thuyết phục bản thân về sự nỗ lực vô ích kia và lại tỏ ra chống đối chúng tôi. Thế là vô hình chung, ngày nào chúng tôi cũng được nhắc đến, mà đa phần là để giải thích rõ cho giai cấp công nhân về sự tồn tại lỗi bịch, đáng nực cười của chúng tôi.

Nhưng sau một thời gian, các “quý ông” lại cảm thấy rằng, việc làm này không chỉ không gây phương hại đến chúng tôi mà ngược lại còn làm lợi, nhiều người đã tự đặt câu hỏi vì sao phải tốn nhiều giấy mực đến thế để viết về một thứ nếu nó không ra gì như vậy! Mọi người trở nên tò mò, hay thắc mắc. Thế là đột nhiên các lãnh đạo quay ra, bắt đầu đối xử với chúng tôi một thời gian như là kẻ tội đồ chung của loài người.

Hết bài báo này đến bài báo khác nêu lên tội lỗi của chúng tôi và tội lỗi đó luôn có cả những minh chứng đi kèm, không lần nào giống lần nào, những câu chuyện tai tiếng, ngay cả khi đã được bịa đặt từ A đến Z thì cũng nên có thêm một phần nữa. Vì người ta chỉ tỏ ra bị thuyết phục bởi những sự tấn công không có hiệu quả này sau một thời gian ngắn, còn về cơ bản thì chúng chỉ có một tác dụng duy nhất là tập trung sự quan tâm chú ý của tất cả mọi người vào chúng tôi ngày càng nhiều mà thôi.

CHƯƠNG 7.1: KẺ CUỐP CÓ CHỦ TÂM KHIẾN NGƯỜI TỬ TẾ TRỞ NÊN KHÓ KHĂN

Hồi đó, tôi đã đứng ở vị trí quan điểm là: Chẳng có gì khác biệt, dù họ có cười cợt hay quả mắng chúng tôi, dù họ có dựng chuyện, biến chúng tôi thành

tên hề hay kẻ tội đồ, thì vấn đề chính vẫn chỉ là họ đã nhắc đến chúng tôi, luôn phải bận rộn với chúng tôi và dần dần, trong mắt những người công nhân, chúng tôi giống như thứ quyền lực đang khiến cho mọi người phải tranh luận. Còn chúng tôi thực sự là gì, và chúng tôi muốn gì, chúng tôi sẽ chỉ cho báo giới Do Thái biết vào một ngày đẹp trời khác.

Tuy nhiên, một lý do giải thích tại sao hồi đấy họ không thể phá hoại trực tiếp những đại hội của chúng tôi lại chính là sự hèn nhát không tưởng của những người lãnh đạo các phe đối lập. Trong tất cả những tình huống then chốt thì bọn họ lại phái những anh chàng kém cỏi, yếu ớt đi để rồi đa phần là đợi chờ kết quả phá phách bên ngoài các phòng họp.



Ảnh minh họa.

Chúng tôi thì hầu như lúc nào cũng được thông báo rất kỹ càng về những ý đồ của các nhà cầm quyền và không chỉ vì xuất phát từ những lý do thiết thực, chúng tôi đã cải cảm rất nhiều đồng chí của Đảng trong đội ngũ đỏ, mà còn vì những tên giết dây bên đó lại nằm trong số những kẻ chỉ giỏi khua môi múa mép, như người ta đáng tiếc là rất thường gặp trong dân tộc Đức của chúng tôi, dù trong trường hợp này thì điều đó lại rất hữu dụng cho chúng tôi. Họ không

thể nào giữ được im lặng khi đã áp được một thứ như thế và đúng là đa phần, họ chỉ quan tâm đến việc quang quác trước khi quả trứng đầy được nở ra. Thế nên chúng tôi luôn luôn chuẩn bị chu đáo, kỹ lưỡng, để các đội quân phá hoại của Cộng sản đồ không biết được rằng, sự phản công đã đợi chúng ở rất gần.

Thời gian này buộc chúng tôi phải có trách nhiệm tự bảo vệ những đại hội mà chúng tôi tổ chức. Người ta không bao giờ có thể trông mong gì ở sự bảo vệ của chính quyền, mà ngược lại, theo kinh nghiệm thì sự bảo vệ đó lại chỉ có lợi cho bọn phá rối. Vì sự can thiệp của chính quyền, dù có nhờ cả tới cảnh sát, cùng lắm cũng chỉ là giải tán đại hội, mà như thế nghĩa là đại hội bị kết thúc. Và đó hẳn nhiên là mục đích và ý đồ của những kẻ phá rối bên phe thù địch.

Chắc chắn là đã hình thành một thông lệ biểu hiện cho sự phạm pháp trắng trợn nhất ở chỗ cảnh sát và đây là điều mà người ta có thể hình dung ra được. Đó là, nếu thông qua những sự cảnh báo của chính quyền mà lộ ra rằng tồn tại nguy cơ phá hoại đại hội thì họ cũng sẽ không bắt những kẻ đe dọa đấy mà lại cấm đoán người khác, những người vô tội, cấm tổ chức đại hội. Thông minh, sáng suốt thế nào mà một viên cảnh sát tầm thường vẫn còn kiêu ngạo và tự phụ đến thế. Họ lại gọi đó là “một biện pháp phòng chống nhằm ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật”.

Một kẻ cướp có chủ tâm thì lúc nào cũng phải khiến cho người tử tế không thể thực hiện được các hoạt động chính trị và làm ăn của mình. Nhân danh nền an ninh trật tự, chính quyền nhà nước đã cúi mình trước tên kẻ cướp đó và lại còn yêu cầu người này, người kia vui lòng đừng kích động hấn. Thế là khi những đảng viên đảng Quốc xã ở những vị trí nhất định muốn tổ chức đại hội và giải thích cho các tổ chức công đoàn rằng điều này có thể dẫn đến sự phản đối từ phía các thành viên của họ, thì cảnh sát cũng không đời nào nhốt những kẻ đe dọa kia vào tù, mà lại cấm chúng tôi không được tổ chức đại hội. Phải, những cơ quan đại diện pháp luật lại còn tro trên thông báo cho chúng tôi không biết bao nhiêu lần bằng văn bản về việc này.

Nếu người ta muốn bảo vệ mình trước những tình huống có thể xảy ra như thế thì người ta phải chú ý để mọi ý định phá hoại dù là manh nha cũng không thể thực hiện được. Nhưng có một điều cũng có thể xảy ra: Mỗi một đại hội, được bảo vệ với cả sự hỗ trợ của cảnh sát, lại làm mất uy tín của những

người tổ chức trong mắt đông đảo quần chúng. Những đại hội thường không có tác dụng quảng bá khi việc tổ chức được bảo đảm nhờ việc đứng dàn hàng ngang của cả một đội quân cảnh sát, khi một lực lượng có sẵn mà ai cũng có thể nhìn thấy luôn là những điều kiện tiên quyết để chiến thắng của các tầng lớp thấp trong nhân dân.

Giống như một người đàn ông quả cảm sẽ dễ chế ngự trái tim người phụ nữ hơn một kẻ hèn nhát, thì một phong trào anh dũng cũng sẽ nhanh chóng giành được trái tim của một dân tộc hơn một phong trào yếu đuối, dõn hèn, chỉ tồn tại được nhờ sự bảo vệ của cảnh sát.

Đặc biệt, xuất phát từ lý do cuối cùng này, một đảng non trẻ sẽ phải lo liệu việc tự đại diện cho sự tồn tại của mình, tự bảo vệ mình cũng như đập tan sự phá hoại, khủng bố của các thế lực thù địch.

Việc bảo vệ đại hội đã được xây dựng dựa trên:

1. Sự chỉ đạo đại hội đúng đắn, mạnh mẽ mà vẫn tâm lý.
2. Đội ngũ chỉ đạo có tính tổ chức.

Nếu những đảng viên đảng Quốc xã chúng tôi thời bấy giờ tổ chức một đại hội thì chính chúng tôi sẽ chủ trì đại hội chứ không phải ai khác. Và chúng tôi đã không ngừng nhấn mạnh cái quyền đó mọi lúc, mọi nơi. Các đối thủ của chúng tôi biết rõ rằng ai là người đã khiêu khích lúc bấy giờ, ai là người nổi cơn hung hăng và chúng tôi, dù chỉ là một tá, cũng nằm trong số nửa nghìn người ấy! Trong những đại hội thời bấy giờ, đặc biệt là những đại hội tổ chức bên ngoài München, cứ mười lăm, mười sáu đảng viên đảng Quốc xã lại phải đương đầu với năm, sáu, bảy thậm chí tám trăm người đối địch. Giả như chúng tôi vẫn không chịu đựng bất kỳ sự khiêu khích nào, còn những vị khách tới dự đại hội của chúng tôi thì biết rõ rằng, chúng tôi thà bị đánh chết còn hơn là chịu đầu hàng. Đã hơn một lần, chỉ một nhóm ít ỏi các đồng chí trong đảng đã dũng cảm đánh bại thế lực áp đảo đang gào rú và đập phá của đảng Cộng sản.



Ảnh phác họa Munchen 1925.

Chắc chắn trong những tình huống như thế, mười lăm hay hai mươi người chúng tôi cuối cùng cũng sẽ bị đàn áp. Nhưng những kẻ khác biết rằng, trước đây, trong số chúng, ít nhất cũng phải gấp đôi, gấp ba con số kia sẽ bị đánh vỡ đầu và chúng lại không thích mạo hiểm như vậy.

Chúng tôi đã thử học hỏi kỹ thuật tổ chức đại hội của giai cấp tư sản cũng như của những tên Mác-xít và đã thực sự học được điều đó.

Những tên Mác-xít luôn luôn dùng kỳ luật thép để tư tưởng phá hoại đại hội của chúng ít nhất xuất phát từ phía giai cấp tư sản không thể hình thành. Và những tên đảng viên đảng Cộng sản ngày càng chú trọng vào những mưu đồ như vậy. Dần dần, chúng không những nổi tiếng với một trình độ điêu luyện về lĩnh vực này, mà cuối cùng còn đi xa hơn, trong những lĩnh vực to tát của đất nước, để mô tả một đại hội phi Mác-xít chính là sự khiêu khích của giai cấp vô sản, đặc biệt sau đó, những kẻ giết dây sẽ đánh hơi thấy rằng, trong đại hội, tội lỗi của bọn chúng có thể bị nêu ra để sự xảo trá, dè hèn từ những hành động lừa đảo, dối trá nhân dân của chúng bị phơi bày.

Thế nên, ngay khi một đại hội như thế được bố cáo, toàn giới báo chí của đảng Cộng sản sẽ gào lên một cách giận dữ, trong đó, những kẻ về nguyên tắc bị coi là xem thường pháp luật này lại chẳng hiếm khi đòi gấp chính quyền với

sự thỉnh cầu khẩn khoản đến độ như đe dọa rằng họ phải cản trở lập tức sự “khiêu khích của giai cấp vô sản” hay “con thịnh nộ”.

Tùy theo tầm vóc của những công chức nhà nước non nớt mà bọn Cộng sản sẽ chọn lựa ngôn ngữ phù hợp để đạt được những gì chúng muốn. Nhưng trong trường hợp ngoại lệ, nếu không phải một tay công chức bù nhìn mà có một công chức Đức chân chính từ chối cái đòi hỏi quá đáng, vô sỉ của chúng, thì sẽ lại có một yêu cầu khác rất phổ biến, đó là không chấp nhận một sự “khiêu khích của giai cấp vô sản” như thế, và sẽ đòi được tập hợp lại thành đám đông trong đại hội vào một ngày cố định, để kết thúc cuộc chơi của những kẻ tư sản, với sự trợ giúp của những bàn tay vô sản chai sạn.

Giờ thì người ta sẽ phải chứng kiến một đại hội tư sản như thế, sẽ phải nhìn chúng điều hành đại hội trong sự đau khổ, than vãn và giận dữ. Và thường thì sau những sự đe dọa như thế, một đại hội sẽ bị hủy bỏ ngay. Nhưng người ta luôn sợ hãi đến nỗi, thỉnh thoảng thay vì đến lúc tám giờ thì tám giờ bốn lăm hoặc chín giờ người ta mới đến để khai mạc. Ông Chủ tịch sau đó phải nỗ lực, thông qua hai mươi chín lời thăm hỏi, chúc mừng, bày tỏ tới tất cả các “quý ông của phe đối lập” đang hiện diện rằng mình cùng những người còn lại có mặt tại đây rất vui mừng và phấn khởi sâu sắc (đúng là một sự nói dối trơn tru!) về sự viếng thăm của những người còn chưa đứng vững trên đất của mình, bởi chỉ vì qua những cuộc thảo luận chung (những cuộc thảo luận mà ngay từ đầu ông ta đã trịnh trọng hứa hẹn), có thể những quan điểm được đặt gần nhau hơn, sự thấu hiểu chung có thể được thức tỉnh và một chiếc cầu nối có thể được xây nên. Ở đó, ông Chủ tịch vẫn bảo đảm rằng không lý nào ý định của đại hội lại là quyền rũ mọi người xa rời chính những quan điểm của họ từ trước tới nay. Chắc chắn là không rồi! Mỗi người đều nên sung sướng với phong cách của riêng mình và ông ta khẩn nài mọi người để cho những người diễn thuyết được bày tỏ những bình luận, dẫn giải của mình cho đến hết, chắc chắn là sẽ không mất quá nhiều thời gian đâu và đưa ra một màn kịch đáng xấu hổ về sự xung đột nội bộ giữa các anh em Đức cho cả thế giới, chứ không riêng gì những người có mặt trong đại hội thấy, ôi thật là...

Tuy nhiên, dân tộc anh em từ cánh tả gần như không hiểu gì về điều này, mà ngay khi người diễn thuyết bắt đầu, dưới sự lăng mạ thô thiển nhất, anh ta

đã phải cuốn gói và người ta chẳng hiếm khi có cái ấn tượng như thể anh ta còn cảm ơn số phận về sự rút ngân cái thẻ thức khố sở kia một cách nhanh chóng. Trong sự la ó huyên náo, những kẻ “đầu bò” ở những đại hội của giai cấp tư sản như thế đã phải rời “đấu trường”, nếu họ không lao xuống những bậc cầu thang với những cái đầu méo mó, điều mà cũng khá thường xuyên xảy ra.

Nhưng đối với những người Mác-xít thì đó lại là điều khá mới mẻ, khi chúng tôi, những người theo chủ nghĩa Quốc xã mở những đại hội đầu tiên của mình và đặc biệt là với cách mà chúng tôi đã làm. Họ bước vào với niềm tin có thể lặp lại một trò chơi nhỏ mà họ đã thường chơi ở chỗ chúng tôi. “Ngày hôm nay chúng ta sẽ kết thúc mọi chuyện ở đây!” Có tên đã không hét lại câu nói đó cho kẻ khác nghe khi bước vào đại hội của chúng tôi, để nhanh chóng ngồi xuống ngay trước cửa ra vào phòng họp trước khi gào tiếp cất ngang lần thứ hai.

Trước tiên, sự chỉ đạo đại hội của chúng tôi không giống như ở các tổ chức khác. Chúng tôi không cầu xin sự nhân từ đối với bài phát biểu của mình, ngay từ đầu cũng không cam đoan với ai về một cuộc thảo luận bất tận mà khẳng định dứt khoát rằng chúng tôi chính là những người chủ trì đại hội, rằng vì thế mà chúng tôi có quyền của chủ nhà và nếu ai dám ngắt lời thì sẽ bị tổng ngay ra ngoài từ chính nơi anh ta đã bước vào một cách không thương tiếc, rằng chúng tôi từ chối chịu trách nhiệm đối với một anh chàng như vậy; nếu thời gian còn thời gian thích hợp, thì chúng tôi sẽ tổ chức một cuộc thảo luận, nếu không thì thôi và vị chủ trì đại hội tên là gì đó sẽ là người được quyền nói. Ngay điều đó đã khiến họ kinh ngạc.

Thứ hai, chúng tôi luôn đảm bảo một sự bảo vệ phòng họp có tính tổ chức chặt chẽ. Ở những đảng phái của giai cấp tư sản thì việc bảo vệ phòng họp như thế này hay đúng hơn là công tác tổ chức phục vụ giữ trật tự đại hội thường do những người xét về tuổi tác được phép đòi hỏi uy quyền và sự tôn trọng làm. Bởi đám đông quần chúng Mác-xít bị xúi giục tuyệt đối không quan tâm đến tuổi tác, uy quyền và sự tôn trọng nên sự tồn tại của việc bảo vệ phòng họp của giai cấp tư sản này gần như là bị vô hiệu.

Tôi đã tạo ra một tổ chức bảo vệ phòng họp ngay từ khi hoạt động đại hội lớn của chúng tôi bắt đầu, như một ban công tác phục vụ bảo vệ trật tự, về cơ bản là bao gồm những thanh niên trẻ. Một phần là những người bạn, người đồng

chí mà tôi quen khi làm nghĩa vụ quân sự, những người khác là những đảng viên trẻ tuổi mà ngay từ đầu đã được hướng dẫn và đào tạo rằng bọn khủng bố chỉ có thể bị phá tan bởi chính bọn khủng bố, rằng trên trái đất này những người dũng cảm và quả quyết vẫn luôn có được thành công cho riêng mình, rằng chúng tôi đấu tranh cho một tư tưởng vĩ đại và cao thượng, một tư tưởng rất xứng đáng được che chở và bảo vệ cho đến giọt máu cuối cùng. Họ đã thấm nhuần học thuyết rằng nếu một lần lý trí giữ im lặng và vũ lực là quyết định cuối cùng, vũ khí phòng thủ tốt nhất nằm trong cuộc tấn công, và rằng tiếng gọi của đội quân lãnh đạo phải chỉ đường, dẫn lối, không phải là một câu lạc bộ thảo luận chuyên đề, mà là một đội quân đấu tranh quyết liệt đến cùng.

Và làm sao lớp thanh niên này lại không mong mỏi, khao khát một khẩu lệnh như thế?!
Thế hệ dành cho chiến dịch này đã thất vọng và chán chường đồng thời thấy ghê tởm sự đón hèn của giai cấp tư sản như thế nào!

CHƯƠNG 7.2: CUỘC CÁCH MẠNG CHỈ CÓ THỂ XẢY RA DO SỰ LÃNH ĐẠO TAI HẠI

Đã có một điều trở nên khá rõ ràng: Cuộc cách mạng chỉ có thể xảy ra do sự lãnh đạo tai hại của giai cấp tư sản đối với dân tộc tôi. Sức mạnh bảo vệ dân tộc Đức lúc bấy giờ vẫn còn ở đó, chỉ thiếu những đầu óc tinh tường tham gia vào mà thôi. Những ánh mắt từ lớp thanh niên của tôi thời bấy giờ đã thường nhìn tôi ngời sáng lên thế nào, khi tôi giải thích cho các em về sự cần thiết của nhiệm vụ, sứ mệnh mà các em đang thực hiện, khi tôi luôn bảo đảm với các em rằng mọi sự tinh thông trên thế gian này cũng sẽ thất bại, nếu các em không có sức mạnh, không có sự tinh thông, không được che chở và bảo vệ, rằng nữ thần hòa bình hiền dịu chỉ có thể biến đổi bên cạnh thần Chiến tranh và rằng mỗi một chiến công vĩ đại trong hòa bình luôn cần đến sự bảo vệ và cần một lực lượng hỗ trợ. Các em giờ đây đã định hình suy nghĩ về nghĩa vụ tòng quân trong một hình thức sinh động hơn nhiều. Không phải trong suy nghĩ đang ngày càng lão hóa của những viên công chức già nua, bảo thủ, không phải trong sự phục dịch một chính quyền hết hiệu lực của một nhà nước không còn uy tín nữa, mà là trong những nhận thức sống động về nghĩa vụ quân sự, qua sự dâng hiến mạng sống của riêng mình cho sự tồn tại của cả dân tộc nói chung, ở mọi thời gian,

mọi cương vị và mọi địa điểm. Và những thanh niên trai trẻ này sau đó đã gia nhập tuyệt vời làm sao!



Adolf Hitler.

[Download Sách Hay | Đọc Sách Online](#)

Các em đã lao tới những kẻ phá rối đại hội của chúng tôi như một bầy ong, không màng tới sự áp đảo của chúng và ngay cả khi chúng là một thể lực quá lớn, các em cũng không hề để ý đến những vết thương và những hy sinh đổ máu, bởi các em đã tràn đầy tư tưởng cao cả cùng nhiệm vụ thiêng liêng đối với phong trào của chúng tôi mà các em đang mang trên mình, chính là giải phóng con đường tự do để thực hiện nó.

Ngay giữa mùa hè năm 1920, đội quân phục vụ bảo vệ trật tự từng bước đã được định hình, để tới đầu năm 1921 dần được chia ra thành các đội, nhóm.

Và điều này là thực sự cần thiết, vì trong đó, công tác đại hội sẽ được đưa vào lâu dài. Có thể cả bây giờ, chúng tôi vẫn thường gặp nhau trong phòng họp lớn của Nhà Bia Cung đình Hofbräuhaus ở München và còn thường xuyên hơn trong các phòng họp khác lớn hơn của thành phố. Tại phòng họp Burgerbräufestsaal và Kindlkeller ở München trong suốt mùa thu và mùa đông năm 1920, 1921 đã thường xuyên diễn ra những đại hội quần chúng ngày càng

mạnh mẽ và bức tranh toàn cảnh luôn là: Những đại hội của Đảng công nhân Quốc xã Đức ngay từ thời bấy giờ đã phải bị cảnh sát chặn lại trước khi khai mạc vì có quá đông người tham gia.

Việc tổ chức đội quân phục vụ của chúng tôi đã mang lại một vấn đề vô cùng quan trọng cần được làm rõ. Phong trào cho tới lúc đó vẫn chưa hề có biểu tượng Đảng cũng như lá cờ riêng của Đảng. Việc thiếu sót những biểu tượng này không chỉ bất lợi trong hiện tại mà trong tương lai cũng không thể chấp nhận được. Những bất lợi xuất hiện trước hết là ở chỗ, các đảng viên thiếu mất dấu hiệu nhận biết những thành viên khác trong Đảng, trong khi đối với tương lai, việc thiếu một biểu tượng thể hiện tính chất của phong trào cũng như có thể bị coi là đi ngược lại tính chất của một biểu tượng quốc tế là điều không thể chấp nhận được.

Nhưng một biểu tượng cần mang một ý nghĩa về mặt tâm lý như thế nào, khi còn trẻ tôi đã nhiều lần có cơ hội để nhận ra và hiểu nó cả bằng cảm tính. Sau chiến tranh, tôi đã từng chứng kiến một đại hội quần chúng của chủ nghĩa Marx tại Berlin trước Cung điện nhà vua và vườn thượng uyển. Một biển cờ đỏ, băng đỏ và hoa đỏ đã mang đến cho đại hội, nơi có đến một trăm hai mươi ngàn người tới tham dự, một vẻ ngoài đầy sức mạnh. Tự tôi có thể cảm nhận và hiểu rằng, người dân đã dễ dàng bị chinh phục đến thế nào bởi sự khơi gợi thần kỳ của một vở diễn phô trương, quy mô lớn và vô cùng hiệu quả như thế.

Còn giai cấp tư sản, cái giai cấp hoàn toàn không nói lên được hay đại diện được cho quan điểm chính sách của đảng mình nên cũng chẳng có lấy lá cờ riêng cho mình. Nó bắt nguồn từ những “nhà ái quốc” và vì thế chỉ lẫn lộn lẫn trong những màu sắc của Vương quốc mà thôi. Nếu những màu sắc này thể hiện một quan điểm nhất định thì người ta đã có thể hiểu được rằng, những chủ nhân của nhà nước này, đã nhìn thấy trong sắc cờ của nó đại diện cho quan điểm của mình vì biểu tượng về quan điểm của họ, thông qua những công việc, nhiệm vụ mà họ thực thi, chính là lá quốc kỳ và lá cờ của vương quốc. Thế nhưng mọi việc lại không phải được như vậy!

Vương quốc đã được tạo dựng mà không hề có sự trợ giúp của giai cấp tư sản Đức và lá cờ tự được sinh ra từ trong lòng chiến tranh Nhưng nó chỉ đơn

thuần là một lá cờ được gọi là quốc kỳ, chứ không hề mang một ý nghĩa gì đặc biệt để nói lên thế giới quan mà nó theo đuổi.

Chỉ ở một vùng nói tiếng Đức mới tồn tại một thứ giống như lá cờ đảng của giai cấp tư sản, đó là vùng nước Áo nói tiếng Đức. Trong đó, một phần giai cấp tư sản dân tộc tại đây đã lựa chọn những màu sắc của những năm bốn tám, đó là Đen – Đỏ – Vàng để làm nên đảng kỳ của mình, tạo ra một biểu tượng mà dù chẳng có ý nghĩa gì, về mặt chính trị lại có tính chất cách mạng. Những kẻ thù sâu sắc nhất của lá cờ Đen – Đỏ – Vàng thời bấy giờ điều mà ngày nay không ai nên quên- đó là các đảng viên đảng Xã hội dân chủ và Xã hội Thiên chúa giáo cũng như Tăng lữ.

Chính họ lúc đó đã chửi bới, đã bôi nhọ, đã vấy bẩn những màu sắc đó, cũng giống như sau này, năm 1918, họ đã kéo những màu sắc đen- trắng-đỏ xuống bùn lầy nhơ nhuốc. Tuy nhiên, ba màu Đen – Đỏ – Vàng của các đảng Đức thuộc nước Áo cổ lại là những màu sắc của năm bốn tám, một thời kỳ rất muốn được huy hoàng, nói riêng, thì đó là một thời kỳ sở hữu những tâm hồn người Đức chân thành nhất, ngay cả khi đứng sau là những kẻ giật dây Do Thái vô hình. Thế nên đầu tiên, những kẻ đã phản bội Tổ Quốc và bán đứng dân tộc Đức cùng tài sản Đức một cách trơ tráo, vô si làm cho Chủ nghĩa Marx và Trung tâm Áo thích lá cờ đó, còn ngày nay, họ lại tôn thờ lá cờ này như thánh vật tối cao và lấy làm lá cờ riêng để bảo vệ lá cờ mà chúng đã từng nhổ toẹt vào đấy.

Vì thế cho tới năm 1920, thực sự không có lá cờ nào chống lại chủ nghĩa Marx, lá cờ mà đáng lẽ ra là hiện thân của đối cực với chủ nghĩa Marx. Bởi khi ngay cả giai cấp tư sản Đức trong những đảng tốt hơn của mình, sau năm 1918, không còn muốn nhận lá cờ của vương quốc Đen – Đỏ – Vàng, mà được phát hiện ra, là biểu tượng riêng của đảng mình, thì người ta cũng vẫn chẳng đặt ra một chương trình nào để phát triển mới dùng đối chọi trong tương lai, hay tốt nhất là có suy nghĩ về một sự tái cấu trúc vương quốc trước đây.

Và suy nghĩ này nọ lá cờ Đen – Trắng – Đỏ của vương quốc cũ sự tái sinh của nó với tư cách là lá cờ của những đảng được gọi là tư sản dân tộc của chúng tôi. Giờ thì việc một thực trạng mà chủ nghĩa Marx có thể vượt qua trong những hoàn cảnh và những sự kiện xảy ra đồng thời không lấy gì làm đáng khen ngợi

chẳng còn phù hợp với nơi mà ở đó, chính chủ nghĩa Marx lại đáng bị tiêu diệt, đã quá rõ ràng. Những màu sắc cổ đẹp tuyệt vời này càng phải thiêng liêng và quý báu bao nhiêu trong sự kết hợp tươi trẻ của nó đối với mỗi người Đức đứng đắn, người đã chiến đấu và chứng kiến sự hy sinh của nhiều người dưới những màu cờ đỏ bao nhiêu, thì lá cờ này lại càng ít giá trị là một biểu tượng cho một cuộc chiến đấu trong tương lai bấy nhiêu.



München Hofbräuhaus.

Tôi đã luôn giữ quan điểm đối lập với các chính trị gia thuộc giai cấp tư sản trong phong trào của chúng tôi, đó là coi việc mất đi lá cờ cũ thực sự là một diễm phúc cho toàn quốc gia Đức. Những gì nền Cộng hòa thực hiện dưới ngọn cờ của họ có thể khiến chúng tôi không thể thay đổi. Nhưng từ sâu thẳm trong thâm tâm, chúng tôi lại thầm cảm ơn số phận đã nhân từ gìn giữ lá cờ chiến đấu vinh quang nhất mọi thời đại trước đây để không bị sử dụng như một tấm màn che đậy việc bán rẻ danh dự nhục nhã nhất từng thấy. Vương quốc mà ngày nay đã bán mình cũng như những công dân của nó, không bao giờ được phép lãnh đạo lá cờ danh dự và anh hùng Đen – Trắng – Đỏ.

Chùng nào nổi nhục thàng Mười một còn tồn tại, nó còn muốn khoác trên mình cái vỏ bọc che đậy bề ngoài và cũng không muốn đánh cắp của quá khứ đáng nói là liêm khiết điều đó. Những chính trị gia thuộc giai cấp tư sản của chúng ta nên kêu gọi lương tâm về việc ai mong muốn cho nhà nước này một lá cờ ba màu Đen – Trắng – Đỏ, ai muốn đánh cắp quá khứ của chúng ta. Lá cờ trước đây thực sự cũng chỉ phù hợp đối với vương quốc trước đây, giống như nền Cộng hòa, ơn Chúa, đã chọn được cho mình một lá cờ phù hợp.

Đó cũng là lý do vì sao chúng tôi, những đảng viên Quốc xã không thể nhìn ra biểu tượng mang ý nghĩa nào đối với những nhiệm vụ riêng của mình khi ngọn cờ cũ được giương lên. Vì chúng tôi không muốn đánh thức vương quốc của triều đại cũ đã chết bởi chính những lỗi lầm do nó tự gây ra mà muốn xây dựng nên một nhà nước hoàn toàn mới.

Vì thế, phong trào ngày nay đang đấu tranh với chủ nghĩa Marx cần phải mang một biểu tượng của một tân nhà nước trên lá cờ riêng của nó.

Vấn đề về lá cờ mới, chính xác là về diện mạo của nó đã khiến chúng tôi mất rất nhiều công sức lúc bấy giờ. Chúng tôi nhận được gợi ý từ mọi nơi nhưng đa phần về mặt ý tưởng thì hay hơn là tính khả thi. Bởi lá cờ mới vừa phải là biểu tượng cho cuộc chiến đấu riêng của chúng tôi, vừa phải có sức ảnh hưởng tuyên truyền sâu rộng. Ai luôn phải bận rộn với quần chúng sẽ vẫn nhận ra trong mọi sự nhỏ nhặt này những cơ hội vô cùng quan trọng. Một biểu hiện có sức ảnh hưởng lớn, trong hàng trăm ngàn trường hợp, sẽ có thể tạo ra sự quan tâm, chú ý đầu tiên đến một phong trào.

Từ lý do này mà chúng tôi phải từ chối mọi sự gợi ý về một lá cờ trắng mà nhiều phía đã đưa ra để phù hợp với nhà nước cũ hay đúng hơn là với những đảng yếu đuối mà mục tiêu chính trị của họ là gây dựng lại thực trạng cũ. Ngoài ra, màu trắng cũng không phải là một màu mạnh mẽ. Nó hợp với Hiệp hội các phụ nữ còn trinh tiết, chứ không phù hợp với những phong trào đảo chính của một thời đại cách mạng.

Cả màu đen cũng được gợi ý đến: Nó khá phù hợp với thời đại ngày nay, nhưng trong nó không thể hiện được ý chí và khát vọng của phong trào của chúng tôi. Cuối cùng thì màu đen cũng không phải là màu sắc có đủ sức hút.

Màu trắng kết hợp với xanh da trời bị loại bỏ, dù về mặt thẩm mỹ, nó tạo ra sức ảnh hưởng tuyệt vời nhưng không thể là màu của một nhà nước Đức thống nhất cũng như của một quan điểm chính trị có thể gây tiếng vang đối với những kẻ hẹp hòi theo chủ nghĩa địa phương cục bộ. Ngoài ra, dù là ở đây, người ta cũng rất khó có thể tìm được thông điệp mà phong trào của chúng tôi muốn gửi gắm qua hai màu sắc này. Đối với màu trắng- đen cũng vậy. Màu Đen – Đỏ – Vàng không thể được chấp nhận.

Cả màu Đen – Trắng – Đỏ cũng không, do những nguyên nhân đã nêu, thì trong mọi trường hợp, nó đều không thuộc lối diễn đạt từ trước tới giờ. Tuy nhiên, sự kết hợp màu sắc này lại có sức ảnh hưởng hơn cả. Đó là sự phối màu rực rỡ nhất.

CHƯƠNG 7.3: HITLER VẼ HÌNH DÁNG LÁ CỜ THỂ NÀO?

Bản thân tôi luôn luôn ủng hộ những màu sắc cổ, không chỉ vì chúng là điều thiêng liêng nhất mà tôi biết đối với một người lính như tôi, mà còn vì chúng có sự tác động về mặt thẩm mỹ hợp với cảm xúc của tôi hơn cả. Tôi đã phải từ chối không có ngoại lệ vô vàn các bản phác thảo mà các giới trong phong trào non trẻ lúi tới, và phần lớn đều đã vẽ hình chữ thập ngoặc lên lá cờ trước kia. Bản thân tôi, với tư cách là người lãnh đạo, không muốn tự công khai ngay bản phác họa riêng của mình, vì biết đâu sẽ có một người khác mang đến một bản phác thảo tốt như thế hoặc có thể còn tốt hơn thế thì sao. Sự thật thì cũng có một nhà sĩ từ Starnberg đã chuyển đến một bản phác thảo không tôi chút nào, mà bản phác thảo đó lại tương đối gần với ý tưởng của tôi, chỉ có một vấn đề, đó là hình chữ thập ngoặc với hai lưỡi liềm cong lại được vẽ trong một ô vuông màu trắng.



Adolf Hitler.

Trong lúc chờ đợi, tôi đã tự vẽ ra hình dáng cuối cùng của lá cờ, sau không biết bao nhiêu lần thử; một lá cờ từ một chiếc khăn nền đỏ với một mảng tròn trắng và ở giữa là hình chữ thập ngoặc màu đen. Sau nhiều lần thử, tôi đã tìm ra một mối quan hệ rõ ràng giữa kích cỡ của lá cờ và kích cỡ của hình tròn trắng cũng như hình dáng và điểm mạnh của hình chữ thập ngoặc. Và nó được giữ nguyên như thế.

Với cùng ý tưởng đó, những đôi băng tay được yêu cầu ngay đối với các đội quân giữ gìn trật tự, một chiếc sẽ là màu đỏ, trên đó cũng có hình tròn màu trắng với chữ thập ngoặc màu đen.

Cả huy hiệu của Đảng cũng được thiết kế theo hướng giống nhau: một hình tròn màu trắng trên nền đỏ và ở giữa là dấu thập ngoặc màu đen. Một người thợ kim hoàn ở München, anh Gahr đã mang tới bàn thiết kế đầu tiên có thể ứng dụng được và nó cũng là bản được giữ lại sau này.

Vào giữa mùa hè năm 1920, lá cờ mới lần đầu tiên được ra mắt công chúng. Nó vô cùng phù hợp với phong trào trẻ của chúng tôi. Lá cờ cũng trẻ và mới như phong trào của nó vậy. Không một ai nhìn thấy lá cờ này trước đây; nó

đã tạo nên sức tác động giống như một ngọn lửa đang bùng cháy thời bấy giờ. Bản thân chúng tôi đã cảm nhận thấy sự vui sướng như trẻ thơ khi một cô đảng viên trung thành đã triển khai bản phác thảo và chuyển lá cờ đến trong lần đầu tiên. Chỉ ngay vài tháng sau, chúng tôi đã có ở München sáu người xin làm thành viên đội quân phục vụ và đội quân mỗi lúc một đông thêm này đang ngày càng góp phần vào việc quảng bá biểu tượng của phong trào.

Đây đúng là một biểu tượng thực sự! Không chỉ qua những màu sắc được tất cả chúng tôi yêu thích, những màu sắc đã từng giành lấy danh dự cho dân tộc Đức, đã chứng thực nỗi sợ của chúng tôi trước quá khứ, chúng còn là hiện thân hoàn hảo nhất cho mong muốn và khát vọng mà phong trào của chúng tôi vươn tới.

Với tư cách là những đảng viên Quốc xã, chúng tôi đã nhìn thấy chương trình hành động của mình trong lá cờ này. Chúng tôi thấy được trong màu đỏ tư tưởng xã hội chủ nghĩa của phong trào, ở màu trắng là tư tưởng quốc xã và trong hình chữ thập ngược là nhiệm vụ của cuộc đấu tranh giành thắng lợi của những người Arier gốc Đức, đồng thời là chiến thắng của tư tưởng lao động sáng tạo và xây dựng, những người đã và sẽ muốn đòi chống đối dân Do Thái.

Hai năm sau, khi từ đội quân phục vụ ban đầu, hàng ngàn người đã tạo nên một đội quân chiến đấu và tuyên truyền đông đảo, thì có vẻ như đã tới lúc cần có thêm một biểu tượng thật đặc biệt cho thắng lợi của tổ chức vũ trang thuộc thế giới quan non trẻ, đó là một lá cờ hiệu. Cả lá cờ này cũng do tôi phác thảo và sau đó giao cho một đảng viên già trung thành là thợ cả kim hoàn, ông Gahr, để triển khai và hoàn thiện. Từ đó, lá cờ hiệu là một phần biểu tượng và huy hiệu cho cuộc đấu tranh của chủ nghĩa Quốc xã.

Công tác đại hội mà trong năm 1920 đã không ngừng tăng lên cuối cùng cũng dẫn tới việc, cứ ít tuần là chúng tôi có khi phải tổ chức đến hai đại hội. Mọi người đã rất ngạc nhiên trước những tranh áp phích, biểu ngữ của chúng tôi, những phòng họp lớn nhất của thành phố lúc nào cũng đông kín người và hàng vạn người theo chủ nghĩa Mác-xít bị cuốn hút đã tìm thấy con đường quay lại với cộng đồng của mình, để trở thành những chiến sĩ chiến đấu cho một vương quốc Đức tự do đang tới gần.



Rạp xiếc Krone.

Công chúng ở München đã biết tới chúng tôi. Người ta nói về chúng tôi, từ “đảng viên đảng Quốc xã” trở nên phổ biến, quen thuộc hơn nhiều, kèm theo ý nghĩa là một chương trình hành động. Cả những người ủng hộ, giờ cũng là những thành viên của đảng Quốc xã, bắt đầu trưởng thành không ngừng, cho đến mùa đông năm 1920-1921, chúng tôi đã có thể xuất hiện trước công chúng với tư cách là một đảng mạnh.

Lúc bây giờ, ngoài những đảng Mác-xít ra, không có đảng nào, trước hết là không có đảng quốc gia nào có thể đưa ra những đại hội quần chúng như chúng tôi. Phòng họp tại tầng hầm Kindl- Keller ở München chứa năm ngàn người đã hơn một lần đông đến nghẹt thở và chỉ có một nơi hội họp duy nhất mà chúng tôi vẫn chưa dám tới gần, đó là Rạp xiếc Krone.

Cuối tháng một năm 1921 lại xuất hiện một nỗi lo lớn đối với nước Đức. Hiệp định Paris dưới hình thức của nền độc tài London cần phải thực hiện, trong đó, nước Đức đã cam kết trả một khoản tiền điên rồ hàng trăm tỷ đồng vàng.

Một Hiệp hội lao động xuất hiện từ lâu tại München được gọi là Hiệp hội dân tộc muôn nhân dịp này mời chúng tôi tham dự một cuộc biểu tình phản đối chung có qui mô lớn hơn. Thời gian rất gấp rút còn tôi thì vẫn lưỡng lự, cố gắng trì hoãn để chỉ thực hiện những quyết định đã được thông qua. Thật là căng

thắng. Đầu tiên, người ta nhắc đến một đại hội tại quảng trường Quốc vương Königsplatz, nhưng lại thôi không tiến hành, vì họ sợ sẽ bị Cộng sản đánh, thế là họ lại dự kiến một cuộc biểu tình trước đại sảnh Thống soái Feldherrnhalle, nhưng họ lại vẫn không làm và cuối cùng, họ đề nghị một đại hội chung ở phòng họp Kindlkeller tại München. Thế rồi từng ngày từng ngày trôi qua, những đảng lớn đã không hề chú ý tới sự kiện đáng sợ đó và Hiệp hội lao động cuối cùng cũng không thể tự quyết định một thời điểm cố định cho đại hội mà họ định tổ chức.

Thứ ba, ngày 1 tháng 2 năm 1921, tôi yêu cầu khẩn trương có một quyết định cuối cùng. Thế là họ đã hoãn và thuyết phục tôi chờ tới thứ tư. Đến thứ tư, tôi khẳng định đòi có thông tin rõ ràng rằng liệu đại hội có được tổ chức hay không và nếu có, thì vào thời gian nào? Câu trả lời vẫn lại không chắc chắn và lảng tránh, đó là, người ta “dự định” huy động Hiệp hội lao động, trong tám ngày nữa tổ chức một đại hội vào ngày thứ tư.

Điều đó đã khiến tôi mất kiên nhẫn và tôi quyết định thực hiện đại hội biểu tình một mình. Trưa thứ tư, tôi đọc cho thư ký đánh máy nội dung tám áp phích trong vòng mười phút và đồng thời cho thuê Rạp xiếc Krone trong ngày tiếp theo, ngày thứ năm, mùng 3 tháng 2.

Lúc bấy giờ, đó là một quyết định hết sức liều lĩnh. Không chỉ vì việc có thể thu hút người tới dự đầy căn phòng khổng lồ đó hay không, mà đại hội còn có nguy cơ bị phá hoại. Đội quân bảo vệ, giữ trật tự của chúng tôi đã không đủ người để phục vụ đủ cho phòng họp quá to đó. Tôi cũng đã không lường tượng ra cụ thể về khả năng nếu bị quấy phá sẽ thế nào. Hồi đó, tôi cho là có nhiều công việc khó khăn hơn trong Rạp xiếc, chứ không phải trong một phòng họp bình thường. Nhưng hóa ra mọi chuyện đã diễn ra ngược lại. Trong cái nhà biểu diễn xiếc khổng lồ đó, thực sự người ta lại dễ dàng dè bẹp đội quân phá hoại hơn là trong một phòng họp chật chội, chen chúc nhau.

Có một điều chắc chắn là: Mỗi một sự thất bại có thể tác động tới chúng tôi trong một khoảng thời gian rất lâu. Bởi chỉ cần một sự phá hoại thành công là vinh quang bấy lâu nay chúng tôi gây dựng sẽ đổ vỡ hết và điều đó sẽ khích lệ các phe đối địch của chúng tôi tiếp tục cố gắng giành lấy thắng lợi về mình. Rồi nó có thể dẫn đến sự phá hoại những đại hội tiếp theo của chúng tôi, đó là

điều mà mãi sau nhiều tháng trời và sau những cuộc đấu tranh gian khổ nhất, chúng tôi mới có thể vượt qua.

CHƯƠNG 7.4: HITLER VÀ SỰ THÀNH CÔNG DIỄN THUYẾT

Chúng tôi chỉ có thời gian trong vòng một ngày để dán các tấm áp phích cổ động, đó cũng chính là ngày thứ năm. Đáng tiếc là hôm đó trời lại mưa ngay vào buổi sáng và sự e sợ, lo ngại dường như là chính đáng, vì liệu trong tình cảnh như thế, liệu lại có ít người muốn ở nhà thay vì vội vã tới dự đại hội giữa trời mưa tuyết, mà ở đó còn có khả năng giết người hoặc ngộ sát chẳng?!



Adolf Hitler.

Thực sự vào sáng thứ năm tôi tự nhiên thấy lo sợ chẳng mấy người sẽ tới tham dự (mà như thế thì tôi sẽ trở thành người tự biến mình thành kẻ gốc trước Hiệp hội lao động) nên tôi vội vã đọc cho thư ký đánh máy một vài tờ truyền đơn và cho in ra để họ rải đi rộng rãi vào buổi chiều. Đương nhiên nội dung của những tờ truyền đơn đó là yêu cầu mọi người đến tham dự đại hội này.

Hai chiếc xe tải mà tôi đã cho thuê đều được sơn màu đỏ một cách triệt để, trên đó cắm vài lá cờ của chúng tôi và mỗi xe có khoảng mười lăm đến hai chục đảng viên ngồi trên đó; họ đã nhận được mệnh lệnh, cần lái xe qua các con

phổ rải các tờ truyền đơn, tuyên truyền ngắn gọn, súc tích về đại hội quần chúng vào buổi tối. Đó là lần đầu tiên những chiếc xe tải đi trong thành phố với những lá cờ mà trên đó không có dấu tích gì của chủ nghĩa Marx. Dân chúng nhìn chằm chằm vào những chiếc xe được trang trí màu đỏ với những lá cờ hình chữ thập ngoặc đang tung bay phấp phới mà miệng há ngoác, trong khi ở những quận ngoại thành, vô vàn nắm đám tròn đã giơ lên, chủ nhân của những nắm đám đó rõ ràng đang rất giận dữ về một cách thức “khiêu khích của giai cấp vô sản” hoàn toàn mới lạ nhất. Bởi để tổ chức các đại hội thì chỉ chủ nghĩa Marx mới có quyền lái những chiếc xe tải giống như chúng tôi đang làm, đi vòng quanh thành phố mà thôi.

Bảy giờ tối, rạp xiếc vẫn chưa đông lắm. Trong mười phút, tôi liên tục nhận thông báo qua điện thoại và cảm thấy tương đối bất an; bởi vào lúc bảy giờ tối hay bảy giờ mười lăm, những phòng họp khác đa phần đều đã được một nửa và thường xuyên là gần đầy những người đến tham dự rồi. Tuy nhiên, điều này đã sớm được giải thích. Tôi đã không tính tới kích cỡ khổng lồ của căn phòng mới: Sẽ nhìn rất vừa mắt với một nghìn người đã ổn định chỗ ngồi trong phòng họp tại Nhà bia Cung đình Hofbräuhaus, nhưng tại Rạp xiếc Krone này, con số đó chẳng có ý nghĩa gì, bởi căn phòng quá to, dường như nuốt gọn tất cả số người đó. Vì thế mà người ta gần như không nhìn thấy họ. Nhưng chỉ một lúc sau, vài tin tức khả quan đã đến. Tám giờ kém mười lăm, căn phòng đã được gần ba phần tư và còn có một đám người rất đông đang đứng trước quầy thu ngân. Vì thế mà tôi lái xe đi đến đó.

Tám giờ hai phút tôi có mặt tại Rạp xiếc. Có thể nhìn thấy ngày càng đông những dòng người kéo đến, một phần là những người tò mò, trong đó cũng có cả những kẻ thù địch muốn đứng bên ngoài chờ xem kết quả ra sao.

Khi tôi bước vào phòng họp khổng lồ đó, niềm vui đã tràn ngập trong tôi y như một năm trước đây, khi mà đại hội đầu tiên được tổ chức tại phòng họp của Nhà bia Cung đình Hofbräuhaus. Nhưng cho tới khi tôi len lỏi qua bức tường người và tới được bục diễn thuyết được đặt cao hơn, tôi mới thấy hết sự thành công dưới quy mô thực của nó. Cả phòng họp giống như một con trai khổng lồ trước mắt tôi, chứa đầy cơ man nào là người. Chỉ riêng trong vòng tròn nơi thường biểu diễn xiếc đã chật kín. Phải hơn năm nghìn sáu trăm tám vé

đã được phát ra, và nếu người ta tính thêm số người thất nghiệp cùng các sinh viên nghèo và các đội duy trì trật tự của chúng tôi cộng lại thì con số có mặt có thể lên đến khoảng sáu nghìn năm trăm người.

“Tương lai hay sự suy tàn” là chủ đề của đại hội và trái tim tôi hân hoan biết bao với niềm tin chắc chắn rằng tương lai đang nằm ngay trước mắt tôi đây.



Hitler diễn thuyết.

Tôi bắt đầu nói và diễn thuyết gần hai tiếng rưỡi. Linh cảm mách bảo tôi rằng sau nửa tiếng đầu tiên, đại hội đã trở thành một thành công rực rỡ. Sự kết nối với tất cả hàng ngàn cá nhân tại đây đã được tạo ra. Sau nửa tiếng đầu tiên, tôi đã bị ngắt quãng bởi những tràng pháo tay vang lên trong sự òa vỡ tự phát mỗi lúc một mạnh mẽ hơn, để rồi sau hai giờ tiếp theo, nó tắt dần và trở thành một sự tĩnh lặng đầy trang trọng mà sau này tôi thường xuyên được trải nghiệm cũng như điều đó đã điều động lại trong mỗi cá nhân không bao giờ quên. Người ta gần như chẳng nghe thấy gì ngoài hơi thở của lượng người khổng lồ tham dự đại hội và chỉ đến khi tôi kết thúc lời nói cuối cùng, mọi thứ mới đột nhiên trào dâng và mọi người cất vang bài hát “Nước Đức” trong sự nồng nhiệt nhất để tìm thấy một sự kết thúc nhẹ nhõm.

Tôi vẫn dõi theo việc cái rạp khổng lồ bắt đầu trống dần như thế nào và biến người mê mông kia chen lấn nhau phải gần hai mươi phút mới ra khỏi cửa, dù đó là một cái cổng rất to. Sau đó tôi mới rời khỏi hội trường, hạnh phúc khôn xiết trở về nhà. Người ta đã chụp ảnh đại hội đầu tiên trong Rạp xiếc Krone tại München. Những bức ảnh chỉ ra tầm quan trọng và quy mô của đại hội rõ hơn những lời nói. Những tờ báo của giai cấp tư sản đã đưa lên những hình ảnh minh họa cùng những thông báo mà trong đó, họ vẫn chỉ nhắc đến rằng, đó là một đại hội “quốc gia”, còn về những người tổ chức thì họ vẫn im lặng cái kiểu phổ biến giản dị như mọi khi.

Với việc đó, chúng tôi, từ khuôn khổ của một đảng phái thông thường, lần đầu tiên đã tiến xa ra ngoài. Giờ thì người ta không thể qua mặt chúng tôi được nữa. Để ngăn chặn người ta gây ấn tượng rằng thành công của đại hội này chỉ như phù du, chớp nhoáng, tôi đã sắp xếp ngay một đại hội thứ hai cho tuần tiếp theo tại Rạp xiếc và kết quả vẫn như vậy. Không gian khổng lồ ấy gần như vỡ tung bởi có quá nhiều người tham dự, đến độ tôi đã quyết định sẽ lại tổ chức một đại hội thứ ba trong tuần tiếp theo vẫn với cách thức đó. Và đến lần thứ ba thì Rạp xiếc khổng lồ từ trên xuống dưới, chỗ nào cũng chật ních người và người.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

CHƯƠNG 7.5: MỌI CUỘC CÁCH MẠNG ĐƯỢC THÔNG BÁO TRƯỚC THÌ ĐA PHẦN ĐỀU KHÔNG XẢY RA

Sau bước giới thiệu năm 1921, tôi tiếp tục đẩy mạnh hơn hoạt động đại hội tại München. Tôi đã chuyển từ việc không chỉ tổ chức mỗi tuần một đại hội thành một vài tuần lại có hai đại hội quần chúng, và vào giữa mùa hè và cuối thu, đôi lúc lên tới ba đại hội. Chúng tôi luôn tập trung tại Rạp xiếc và có thể thỏa mãn mà nhận ra rằng, mọi buổi tối của chúng tôi đều mang lại cùng một thành công như thế.

Kết quả là con số người ủng hộ phong trào và số thành viên tham gia không ngừng tăng lên.



Ảnh minh họa.

Những thành công như thế dĩ nhiên là khiến cho các phe đối địch với chúng tôi vô cùng bất an. Sau khi cho thấy chiến thuật dao động lúc thì âm mưu khủng bố và lúc thì bùng nổ, bọn chúng có thể ngăn chặn sự phát triển của phong trào, như chúng phải tự công nhận, và không dùng chiến thuật này hay chiến thuật khác. Thế là chúng quyết định thực hiện một vụ khủng bố trong nỗ lực cuối cùng nhằm kết thúc hoạt động đại hội của chúng tôi.

Người ta sẽ sử dụng hành động ám sát bí mật một viên nghị sĩ của bang tên là Erhard Auer như một lý do bên ngoài của vụ này. Ông Erhard Auer sẽ bị một người nào đó bắn vào buổi tối.

Nghĩa là, vụ này không thực sự diễn ra nhưng tên khủng bố phải cố tìm cách ngấm bắn vào người ông Auer. Tuy nhiên, với sự nhanh trí kỳ diệu cũng như sự quả cảm mà ai cũng biết nhà lãnh đạo đảng Xã hội dân chủ lại không chỉ ngăn chặn hành động tấn công phạm thượng đó mà còn buộc những kẻ mưu sát mình phải tháo chạy một cách hèn hạ nhất. Chúng đã tắt thở cao chạy xa bay đến nỗi mà cả sau này, cảnh sát cũng không còn tìm thấy dấu vết dù nhỏ nhất nào của chúng nữa. Sự kiện này đã được tổ chức của đảng Xã hội dân chủ tại

München lợi dụng để vận động chống lại phong trào của chúng tôi một cách thái quá và qua đó ám chỉ bằng thói lăm lờn vốn có về cái gì sẽ đến. Vấn đề họ quan tâm không phải là việc chúng tôi treo quá cao mà là làm thế nào cho những nắm đấm của bọn vô sản xen vào đúng thời điểm. Và vài ngày sau chính là ngày chúng có thể can thiệp.

Một đại hội được tổ chức tại Nhà bia Cung đình Hofbräuhaus mà tôi là người diễn thuyết đã được chọn để giải quyết mọi việc triệt để lần cuối cùng.

Ngày 4 tháng 11 năm 1921, khoảng từ sáu đến bảy giờ chiều tôi nhận được những tin tức đáng chú ý đầu tiên, đó là đại hội nhất định sẽ bị phá đám và người ta đã chuẩn bị cho mục tiêu này một đám đông lớn những tên công nhân từ một vài xí nghiệp của bọn Cộng sản để gửi đến đại hội của chúng tôi.

Việc chúng tôi không nhận được thông tin sớm hơn được gán với một sự tình cờ không may mắn. Cùng ngày hôm đó, chúng tôi đã từ bỏ trụ sở đáng tôn trọng cũ của mình trong con ngõ sternecker tại München và chuyển đến một nơi mới, có nghĩa là chúng tôi đã đi ngay khỏi chỗ cũ nhưng lại không thể chuyển vào nơi mới vì vẫn có người đang làm việc trong đấy. Do cả điện thoại ở chỗ cũ cũng đã bị cắt còn chỗ mới thì chưa lập nên rất nhiều cuộc gọi muốn thông báo về sự phá hoại đại hội đã bị lỡ.

Và kéo theo hậu quả là việc đại hội chỉ được bảo vệ bởi một đội quân rất yếu. Chỉ có một trung đội khoảng bốn mươi sáu người có mặt tại đó, hệ thống máy báo động còn chưa được trang bị để tăng cường quân cứu trợ trong vòng một tiếng đồng hồ buổi tối. Thêm vào đó, không biết bao nhiêu lần chúng tôi đã phải nghe những tin đồn cảnh báo mà sau đó thì lại chẳng có gì đặc biệt xảy ra. Câu châm ngôn cổ “mọi cuộc cách mạng mà được thông báo trước thì đa phần đều không xảy ra” vẫn còn đúng ở chỗ chúng tôi.

Vì lý do này mà có lẽ không phải tất cả những gì đáng lẽ có thể xảy đến ngày hôm đó lại diễn ra để đáp lại việc phá hoại đại hội với một quyết tâm tàn bạo nhất. Cuối cùng, việc chúng tôi cho là đại hội bị phá hoại ở quán bia Cung đình là điều không phù hợp. Chúng tôi đã quá lo sợ về sự phá hoại những phòng họp lớn nhất, đặc biệt là sự phá hoại tại Rạp xiếc. Tối ngày đại hội được tổ chức thì chúng tôi đã học được một bài học quý báu. Sau này, chúng tôi đã nghiên cứu toàn bộ những vấn đề mà tôi đã được phép đề cập tới, với phương pháp

luận khoa học và đi tới kết quả phần nào đã gây ngạc nhiên và thú vị, và sau đó, nó có ý nghĩa nền tảng cho việc lãnh đạo tổ chức và chiến thuật của các đội quân chiến đấu của chúng tôi.

Khi tôi đi vào tiền sảnh của Nhà bia Cung đình Hofbräuhaus lúc tám giờ kém mười lăm, sự nghi ngờ về ý định phá hoại không thể tồn tại nữa. Hội trường đã quá đông và vì thế mà được chặn lại bởi cảnh sát. Những kẻ đối địch có mặt ở đó từ rất sớm, còn những người ủng hộ chúng tôi phần lớn đang ở bên ngoài. Một đội quân SA nhỏ – (sau này là sư đoàn bảo tấp bán quân sự của Hitler) đã chờ tôi ở tiền sảnh. Tôi ra lệnh đóng hết những cánh cửa vào hội trường lớn lại và gọi bốn lăm, bốn sáu người xếp thành hàng. Tôi đã đề nghị những thanh niên đó rằng, khả năng ngày hôm nay sẽ là lần đầu tiên họ phải giữ vững lòng trung thành đối với phong trào bằng mọi giá và không ai trong chúng tôi được phép rời bỏ hội trường, trừ khi họ lừa dối chúng tôi và phải nhận lấy cái chết; tôi cũng sẽ ở lại hội trường và không tin một ai trong số họ sẽ từ bỏ mình; nhưng tôi nhận thấy một người có vẻ giống như một kẻ nhát gan nên tôi đã trực tiếp tách anh ta ra khỏi đội và thu lại băng tay và huy hiệu. Sau đó, tôi yêu cầu họ xông lên ngay khi có một sự phá hoại đại hội nhỏ nhất và phải nhớ rằng, cách phòng thủ tốt nhất chính là tấn công trước. Lời hô vang ba tiếng “Rõ!” một cách dứt khoát hơn bao giờ hết chính là câu trả lời của đội quân chiến đấu.

Sau đó, tôi bước vào hội trường và có thể ước định tình hình bằng chính mắt mình. Mọi người đã ngồi chật kín ở trong và tìm kiếm tôi bằng những ánh nhìn trừng trừng. Vô vàn khuôn mặt quay ra phía tôi với một sự căm ghét khôn cùng, trong khi những kẻ khác vẻ mặt giấu cợt lại tuôn ra những lời tung hô rất đồng dục với khuôn mặt nhăn nhó đầy giấu cợt. Người ta muốn “kết thúc chúng tôi” ngày hôm nay đây mà, chúng tôi nên quan tâm đến nội bộ của mình, người ta muốn bịt miệng chúng tôi lại và còn ẩn chứa điều gì nữa trong những lời hay ý đẹp như thế này. Chúng đang ý thức và sau đó là cảm nhận thấy sự áp đảo của mình.

Nhưng đại hội đã vẫn có thể khai mạc và tôi bắt đầu nói. Tôi luôn đứng ở bên cánh dọc dài của hội trường Nhà bia Cung đình Hofbräuhaus và bực diễm thuyết của tôi là một chiếc bàn để uống bia. Chính xác là tôi đứng giữa mọi

người. Có lẽ điều đó đã góp phần đưa khí thể lan tỏa ra mọi hướng trong hội trường, mà tôi chưa từng thấy ở đâu cả.

Trước mặt tôi, đặc biệt ở bên trái, là những kẻ đối địch to mồm. Chúng là những tên khá cường tráng, một phần đến từ nhà máy Maffei, của Kustermann, một phần đến từ các xưởng sản xuất công-tơ, máy đếm ở Isaria, v.v... Dọc theo bức tường bên trái của hội trường, bọn chúng đã lợi dụng quân số mà xô đẩy nhau để tiến gần tới chiếc bàn của tôi và thu thập các vại bia, có nghĩa là chúng liên tục gọi bia và đặt những chiếc cốc vại đã uống cạn dưới gầm bàn. Toàn bộ các nhóm người đã xuất hiện như thế và tôi sẽ lấy làm ngạc nhiên lắm nếu công việc lại kết thúc tốt đẹp.

Sau gần một tiếng rưỡi, khoảng thời gian lâu nhất mà tôi có thể nói giữa mọi lời cắt ngang, thì mọi chuyện gần như thể tôi đã làm chủ được tình hình. Những kẻ lãnh đạo đội ngũ phá hoại dường như cũng tự cảm nhận được điều đó, bởi chúng đứng ngồi không yên, cứ đi ra lại đi vào và nói chuyện với người của chúng trông rất căng thẳng.

Có một sai lầm nhỏ thuộc về tâm lý mà tôi đã phạm phải khi chống đỡ một lời cắt ngang mà tôi hầu như vừa nói đã nhận ra, đó là tôi đã lỡ nói ra một từ mang dấu hiệu của sự đánh nhau.

Một vài lời cắt ngang giận dữ và một người đàn ông đột nhiên nhảy lên ghế rồi gào lên trong hội trường: “Tự do muôn năm!”. Với dấu hiệu đó, những kẻ đấu tranh cho tự do bắt đầu công việc của mình.



Bên ngoài bu rư điện “Münchener Post”.

Trong vài phút, cả hội trường chật kín một đám đông vừa la ó vừa gào rú, bởi vô vàn chiếc cốc vại như những quả lư pháo đang bay trên đầu họ. Giữa lúc đó là tiếng bẻ gãy các chân ghé, tiếng vỡ choang của những chiếc cốc vại, tiếng rống lên đau đớn và tiếng gào thét. Đúng là một cảnh tượng hết sức điên rồ.

Tôi vẫn đứng tại chỗ của mình và có thể quan sát thấy những chiến sĩ trẻ của chúng tôi đang hoàn thành nhiệm vụ của mình ra sao. Giờ thì tôi muốn xem một đại hội tư sản nó như thế nào! Vũ điệu vẫn chưa bắt đầu ngay cả khi các chiến sĩ đội bão táp của tôi- họ được gọi như thế kể từ ngày hôm đó- xông lên tấn công. Từ tám đến mười người theo từng nhóm, họ lao tới kẻ thù như những con sói và dân đánh đuổi chúng ra khỏi hội trường. Chỉ sau năm phút, tôi gần như chẳng còn thấy một ai trong số họ lại không đẫm máu trên người. Biết bao nhiêu người tôi quen thân lúc bấy giờ, đứng đầu là Maurice hiền lành của tôi, rồi thư ký riêng hiện tại của tôi – Heß và nhiều người khác đều đã bị thương nặng, vẫn lao vào tấn công miễn là họ còn đứng vững trên đôi chân của mình. Tiếng huyên náo khủng khiếp kéo dài hai mươi phút đồng hồ, nhưng sau đó, có lẽ bày đến tám trăm kẻ thù đã bị chưa đến năm chục người của tôi đánh đập khỏi hội trường và đuổi xuống tận cầu thang. Chỉ có góc trái hậu trường còn một đám lớn vẫn đang bám trụ và đòi phản đối

rất căng. Bỗng từ phía cửa ra vào cho tới bức diễn thuyết hai phát súng nổ lên và tiếp đó là một tiếng súng nổ điên đại phát ra. Trái tim con người ta lại gần như nhảy ra khỏi lồng ngực khi nhớ lại những sự kiện chiến đấu đã qua.

Từ đây, không thể xác định ai là người vừa bắn nữa; chỉ có một điều mà người ta có thể xác nhận, đó là trong nháy mắt, cơn thịnh nộ của những thanh niên trẻ đang bị chảy máu kia lại dâng trào và rồi cuộc, những kẻ phá rối cuối cùng cũng bị chế ngự đuổi ra ngoài hội trường.

Khoảng hai mươi lăm phút trôi qua; cả hội trường trông như vừa bị ném lựu đạn. Nhiều người ủng hộ chúng tôi đã được băng bó, những người khác phải đưa đi khỏi đó, còn chúng tôi vẫn là người làm chủ tình hình. Hermann Esser, người phụ trách điều khiển đại hội tối hôm đó, đã tuyên bố: “Đại hội tiếp tục. Xin mời người chủ trì đại hội phát biểu”, và tôi lại tiếp tục diễn thuyết.

Sau khi chúng tôi kết thúc đại hội, một trung úy cảnh sát đang rất phân khích bất ngờ xông đến, vừa khua hai tay vừa ríu rít: “Đại hội đã được giải tán”.

Theo bản năng, tôi đã bật cười trước sự thông báo muộn màng đó; đúng là cái kiểu khoa trương quan trọng hóa của bọn cảnh sát. Càng tầm thường, nhỏ bé, chúng lại càng phải tỏ ra là mình vĩ đại.

Chúng tôi thực sự đã học được rất nhiều điều trong buổi tối hôm đó và cả những phe đối địch cũng không còn quên được bài học mà chúng đón nhận về phía mình nữa.

Và bưu điện “Münchener Post” cho tới mùa thu năm 1923, cũng không còn thấy loan báo gì cho chúng tôi về những nắm đấm phản đối của bọn vô sản nữa.

CHƯƠNG 8: KẺ MẠNH LÀ KẺ CÓ QUYỀN LỰC NHẤT

Tôi đã nhắc đến ở phần trước sự xuất hiện của một **Cộng đồng lao động gồm các liên đoàn thuộc dân tộc Đức** và muốn bàn qua về vấn đề của Cộng đồng đó trong phần này.

Nói chung, người ta hiểu khái niệm Cộng đồng lao động là một số liên đoàn, những liên đoàn này tham gia vào một mối quan hệ tương tác nhất định nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công việc của mình, họ bầu ra một ban lãnh đạo chung với tiềm năng lớn hay ít hơn của mình và cùng nhau thực hiện các

hoạt động chung. Từ đó suy ra, nó phải liên quan đến các đoàn thể, liên đoàn hoặc đảng phái mà mục tiêu và đường lối của họ không được nằm quá tách rời nhau. Điều này được khẳng định sẽ luôn là như thế. Nó có tác dụng gây phân chấn cũng như làm vững dạ những công dân bình thường khi họ nghe nói những liên đoàn kiểu này mà gặp nhau trong một “Cộng đồng lao động” như thế thì cuối cùng cũng khám phá ra một sự “kết nối chung” và “gạt bỏ sự tách rời”. Song, niềm tin của hầu hết tất cả mọi người ấy sẽ bao trùm trách nhiệm của một tổ chức hợp nhất như thế tạo ra sự gia tăng một lực lượng khổng lồ và mặt khác, những nhóm yếu và nhỏ nhờ đó bỗng nhiên có thể trở thành một lực lượng hùng hậu.

Tuy nhiên, điều đó phần lớn là sai lầm!



Ảnh minh họa.

Thật thú vị và quan trọng với tôi để tự hiểu rõ hơn vấn đề này cũng như tìm hiểu và khám phá vì sao lại có thể đi đến sự thành lập các hiệp hội, các tổ chức hay những thành phần tương tự. Đó là tất cả những thành phần khẳng định muốn theo đuổi một mục đích như nhau. Rõ ràng sẽ vẫn hoàn toàn logic khi một mục đích chỉ được một hiệp hội theo đuổi và thật hợp lý khi không phải là một

vài hiệp hội phần đầu cùng một mục đích. Không nghi ngờ gì, mục đích đó trước tiên sẽ chỉ được một hiệp hội xem xét, cân nhắc. Một người ở một chức vụ nào đó sẽ trình bày một thực trạng, kêu gọi hướng giải quyết một vấn đề nhất định, đặt ra mục tiêu rồi xây dựng một phong trào phục vụ cho việc biến ý định của anh ta trở thành hiện thực.

Thế là một đoàn thể hay một đảng phái được lập nên, mà theo chương trình hoạt động của nó, sẽ phải dẫn dắt tổ chức hay đảng phái đó, hoặc loại trừ những thực trạng tệ hại đang tồn tại hoặc đi đến một trạng thái đặc biệt trong tương lai.

Ngay khi một phong trào như thế được thành lập, thực tế nó đã sở hữu ngay một **đặc quyền** nhất định. Thật ra cũng dễ hiểu rằng, tất cả những người có ý định đấu tranh vì cùng một mục tiêu giống như phong trào, sẽ tự điều chỉnh mình cho phù hợp với một phong trào như thế và qua đó củng cố lực lượng của nó để có thể phục vụ ý định chung tốt hơn. Đặc biệt, mỗi một cái đầu có trí óc linh hoạt sẽ phải cảm nhận ngay trong sự gia nhập ấy điều kiện tiên quyết để dẫn tới thành công thực sự cho một cuộc đấu tranh chung. Vì thế, cũng chỉ có một phong trào hợp lý và với sự trung thực nhất định (điều phụ thuộc rất nhiều vào những gì tôi muốn chứng minh về sau) cho một mục tiêu mà thôi.

Nhưng vấn đề lại không như vậy, có thể là vì hai nguyên nhân. Nguyên nhân thứ nhất tôi muốn gọi là một nguyên nhân mang tính bi kịch, trong khi nguyên nhân thứ hai rất hèn hạ, thấp kém và nó được kiếm tìm trong sự yếu đuối của loài người. Nhưng căn bản nhất tôi chỉ nhìn thấy trong cả hai nguyên nhân những thực tế rất thích hợp để gia tăng nguyện vọng, nội lực và sức mạnh của chính nó và cuối cùng là để tạo điều kiện thực thi giải pháp cho vấn đề đang tồn tại qua sự rèn luyện tính nỗ lực ngày càng mạnh mẽ này của loài người.

Nguyên nhân mang tính bi kịch giải thích tại sao cách giải quyết một nhiệm vụ nhất định lại thường không chỉ ở một liên đoàn duy nhất, đó là: Mỗi một sự việc theo quy mô rộng lớn là trên trái đất này, nói chung, sẽ là việc biến một mong muốn nào đó vốn tồn tại từ rất lâu trong hàng triệu con người, một trong nhiều niềm khao khát được ấp ủ thầm kín trở thành hiện thực. Việc hàng thế kỷ người ta mong mỏi tìm ra giải pháp cho một vấn đề nhất định là có thể xảy ra, bởi trong những thế kỷ ấy họ thờ dài ngao ngán vì không chịu đựng nổi

một thực trạng đang tồn tại khi mà niềm khao khát của hầu hết tất cả mọi người không được đáp ứng. Những dân tộc, xuất phát từ sự cấp bách như thế mà hoàn toàn không tìm thấy một giải pháp đáng kể nào nữa thì có thể bị gọi là bất lực, trong khi chúng tôi lại nhìn thấy sức sống của một dân tộc – và nhờ nó, mục đích sống vẫn được bảo đảm – đã được chứng minh một cách rõ ràng nhất, khi một ngày nào đó, dân tộc ấy sẽ được số phận ban tặng một con người có tài để được giải phóng thoát khỏi vòng kìm kẹp hay để tổng khứ sự cùng cực khôn khổ hoặc để thỏa mãn tâm hồn đang trở nên bất an của mình, người này cuối cùng cũng mang đến sự hoàn thành ước nguyện vốn được mong mỏi bấy lâu.

Việc hàng nghìn người làm việc về giải pháp của họ, việc nhiều người tin là mình được chỉ định, việc số phận đã đề xuất rất nhiều người khác nhau để lựa chọn nhằm mục đích cuối cùng là trao chiến thắng cho kẻ khỏe hơn, mạnh hơn, giỏi hơn trong một cuộc đấu sức tự do và rồi để giao phó cho người đó hướng giải quyết các rắc rối, là nằm ở bản chất của những vấn đề lớn của thời đại.

Có thể trong hàng thế kỷ bất mãn với sự tổ chức cuộc sống tín ngưỡng của mình, người ta mong mỏi một sự đổi mới và từ những khao khát về tâm hồn, hàng tá người và nhiều hơn thế, những người tin rằng mình được chỉ định nhờ vào quan điểm và kiến thức của họ trong việc giải quyết sự cấp bách mang tính tôn giáo, sẽ đứng lên đề xuất hiện giống như những nhà tiên tri cho một học thuyết mới hay ít nhất là như những người chiến đấu chống lại một học thuyết đang tồn tại.

Chắc chắn theo trật tự tự nhiên, kẻ mạnh nhất sẽ được xác định để hoàn thành nhiệm vụ cao cả; song sự nhận thức rằng kẻ mạnh nhất đó là một trong hiếm người được chỉ định lại thường đến với những người khác quá muộn màng. Trái lại, họ tự xem mình bình đẳng và có đủ khả năng để giải quyết nhiệm vụ và những người sống cùng thời thường phân biệt kém hơn cả ai trong số họ xứng đáng với sự ủng hộ này, vì người nào cũng nghĩ rằng mình là người giỏi nhất.

Và cứ thế hàng thế kỷ trôi qua. Thường xuyên trong cùng một giai đoạn lại có biết bao người khác nhau đứng lên, thành lập các phong trào để ủng hộ những mục tiêu chí ít có thể xác nhận là giống nhau hoặc được đông đảo quần chúng cảm nhận là giống nhau. Dân tộc mà tự áp ủ những ước muốn không rõ

ràng và lại có những niềm tin chung thì không thể thấy rõ trong đó bản chất thực sự của mục tiêu hay của ước muốn riêng, hay thậm chí của khả năng về việc trở thành hiện thực của những ước muốn đó như thế nào.



Kẻ mạnh là kẻ có quyền lực nhất. Ảnh minh họa.

Tám trăm kịch nằm ở chỗ, để mong đạt được cùng một mục đích, những con người kia lại đi trên những con đường hoàn toàn khác nhau mà không hay, và vì thế, với niềm tin thuần khiết nhất về nhiệm vụ riêng của mình, họ hiển nhiên nghĩ rằng, không việc gì phải chú ý tới những người khác mà đi con đường riêng của họ.

Việc những phong trào, những đảng phái, những nhóm, hội tín ngưỡng như thế nổi lên hoàn toàn độc lập nhau từ những thời điểm được đa số người mong muốn, để cùng thực hiện một đường lối thì ít nhất ngay từ cái nhìn ban đầu đã giống như một tám bi kịch rồi. Bởi người ta quá thiên về suy nghĩ rằng, lực lượng đã bị phân tán trên những con đường khác nhau mà tập hợp lại trên một con đường duy nhất thì có thể dẫn tới thành công nhanh chóng và chắc

chấn hơn. Nhưng không phải như thế. Mà thiên nhiên sẽ tự quyết định bằng tính logic không thể lay chuyển của nó, trong đó, nó sẽ để những nhóm, hội tranh tài với nhau, chiến đấu để giành chiến thắng và nó sẽ dẫn dắt phong trào nào đã chọn con đường rõ ràng nhất, gần nhất và chắc chắn nhất đi tới mục tiêu. Nhưng sự đúng đắn hay không đúng đắn của một con đường từ bề ngoài nên được xác định như thế nào đây, nếu để cuộc chơi giữa các lực lượng được tự do tiến triển, nó được rút ra sự chỉ định cuối cùng từ quyết định giáo điều, bảo thủ của cái tính cho rằng ta đây biết tuốt của loài người và được chuyển giao cho luận chứng chân thực của thành công rõ rệt, thành công mà rốt cuộc sẽ luôn trao sự xác thực cuối cùng cho tính đúng đắn của một hành động.

Thế nên nếu các nhóm, hội khác nhau mà đi trên những con đường riêng lẻ cùng vì một mục đích giống nhau thì chừng nào họ còn tiếp nhận kiến thức từ sự tồn tại những nỗ lực tương tự, họ sẽ kiểm chứng cụ thể hơn cách thức của đường lối mà họ theo đuổi, rút ngắn nó lại nếu có thể và cố gắng với mọi sức lực phi thường của mình để đạt được mục đích nhanh hơn.

Từ cuộc cạnh tranh này dẫn đến kết quả là sự lớn mạnh của cá thể chiến sĩ và nhân loại phải thường cảm ơn bài học từ những thành công của chính mình được rút ra từ những lần thử sức thất bại trước đây do kém may mắn.

Như thế, chúng tôi có thể nhận ra trong cái thực tế sẽ biến thành một tâm bi kịch ngay từ cái nhìn đầu tiên cái phương tiện, mà qua đó, cuối cùng sẽ đạt được một phương pháp tốt nhất, trong khi không cần đến sai lầm có chủ ý của sự bắt đầu phát sinh chia rẽ lực lượng.

CHƯƠNG 8.1: QUÁ TRÌNH “CHIA RẼ TOÀN DÂN TỘC”

Chúng tôi nhìn thấy trong lịch sử, theo quan điểm của hai đường lối chính có khả năng giải quyết được vấn đề của nước Đức lúc đó và những đại diện cũng như những người ủng hộ và đấu tranh quan trọng nhất của hai đường lối đó là Áo và Phổ, Habsburger và Hohenzoller, ngay từ đầu đáng lẽ phải được kết hợp lại với nhau; đáng lẽ người ta nên giải bày quan điểm của mình về đường lối này hay đường lối khác trong một lực lượng hợp nhất. Rồi sau đó, đường lối của người đại diện có ý nghĩa hơn cả sau cùng sẽ được chọn để đi theo; tuy nhiên, mục đích của Áo chưa bao giờ để dẫn đường tới một Vương quốc Đức.

Và giờ thì vương quốc của một nước Đức thống nhất mạnh nhất đã được xây dựng nên từ thực tế là vương miện quốc vương Đức đã được giành lấy trên chiến trường Königgrätz chứ không phải trong những trận chiến trước Paris như người ta thường nghĩ sau này. Điều đó đã khiến hàng triệu người dân Đức cảm thấy trái tim mình như đang rỉ máu và đó giống như dấu hiệu cuối cùng đáng sợ nhất về một cuộc xung đột anh em.



Adolf Hitler.

Thế nên sự thành lập Vương quốc Đức tự nó không phải là kết quả của một mong muốn nào đó từ hầu hết mọi người trên những con đường chung mà phần nhiều là kết quả của những cuộc chiến có ý thức và đôi lúc là vô thức để giành quyền bá chủ mà trong đó, quân Phổ cuối cùng đã là người chiến thắng. Và người nào không mù quáng tin vào các chính sách của đảng phái che giấu sự thật thì người đó sẽ phải xác nhận rằng, cái được gọi là sự khôn ngoan của loài người sẽ không bao giờ đưa ra được cùng một quyết định sáng suốt tương tự như sự sáng suốt của cuộc sống, chính là của một cuộc đấu sức tự do cuối cùng cũng sẽ bắt cái quyết định đấy trở thành hiện thực. Bởi ai trên lãnh thổ Đức cách đây hai thế kỷ đã thực sự tin rằng, người Phổ có nguồn gốc Hohenzoller

trước đây là mầm mống, là người sáng lập và là bậc thầy của một vương quốc mới, chứ không phải người từ tộc Habsburg?! Ai ngày nay còn muốn phủ nhận rằng, số phận đã đối xử tử tế hơn rất nhiều; ai ngày nay còn có thể hình dung ra một Vương quốc Đức với những nguyên tắc của một triều đại lười nhác và suy đồi?

Không, sự phát triển tất yếu sau cuộc đấu tranh kéo dài hàng thế kỷ cuối cùng cũng mang người giỏi nhất tới nơi mà người đó xứng đáng thuộc về.

Điều đó sẽ luôn là như vậy, sẽ mãi tồn tại như vậy, như nó vốn là như vậy.

Chính vì thế mà chẳng có gì đáng kêu ca, phàn nàn khi những con người khác nhau lại lên đường tìm đến mục tiêu: Kẻ mạnh nhất và nhanh nhất theo cách đó sẽ được nhận ra và trở thành người chiến thắng.

Vẫn còn một lý do thứ hai giải thích vì sao trong cuộc sống của các dân tộc, thường xuyên có những phong trào với cách thức khá giống nhau lại tìm cách trên những con đường khác nhau để đạt được mục đích khá giống nhau. Nguyên do này không những không hề bi thảm mà thậm chí còn rất đáng thương hại. Nó nằm trong một mớ hỗn độn những sự đố kỵ, ghen tuông, tham vọng và trong tính hay ăn cắp của người khác mà người ta đáng tiếc là đôi lúc đã nhận thấy chúng hòa quyện với nhau trong những chủ thể riêng của loài người.

Ngay khi một người mà nhận ra sự thiếu thốn, cấp bách của dân tộc mình một cách sâu sắc xuất hiện và giờ đây, sau khi đã khám phá ra sự thật cuối cùng về bản chất của căn bệnh, anh ta đã nỗ lực để chữa trị nó và khi anh ta cố định một mục tiêu và chọn con đường có thể dẫn mình tới mục tiêu đó, thì ngay lập tức lũ tiểu nhân bản tiện nhất sẽ chú ý đến và sẽ dõi theo từng hành động của anh ta, người đã tự đẩy mình vào tầm mắt của công luận. Giống như con chim sẽ có vẻ như hoàn toàn không quan tâm gì, nhưng thực tế thì đang rất bứt rứt không ngừng quan sát một anh bạn may mắn hơn đang có một mẩu bánh mì để trong nháy mắt bất cẩn, bất ngờ chop giật lấy nó, thì những con người này cũng y hệt vậy! Chỉ một người cần phải bước đi trên một con đường mới thì đã có rất nhiều kẻ lười biếng lảng vảng xung quanh đáng ngờ và đánh hơi thấy một miếng, mẩu béo bở nào đó, dù nó có thể nằm tận cuối con đường. Ngay khi

chúng kháo nhau nơi anh ta sẽ tìm được chút gì, ngay lập tức chúng sẽ ba chân bốn cẳng giẫm đạp lên nhau mà tìm con đường nhanh hơn để giành lấy mục tiêu.

Nếu phong trào mới đã được thành lập và nó đón nhận chương trình hoạt động cụ thể của mình thì lũ người kia sẽ tới và tuyên bố đấu tranh cùng vì một mục tiêu; không đời nào chúng chịu đứng trong hàng ngũ của một phong trào như thế và công nhận đặc quyền của nó, mà chúng sẽ ăn cắp chương trình hoạt động ấy và dựa vào đó lập nên một đảng phái mới. Chúng đủ trơ trẽn và vô sỉ đến mức bảo đảm với những người sống cùng thời nhẹ dạ, thiếu tư duy rằng, từ lâu lắm rồi, chúng đã mong muốn điều này giống như người khác và chẳng hiếm khi chúng đã thành công trong việc đặt mình ra chỗ sáng có lợi thay vì bị đa phần mọi người có quyền khinh bỉ, coi thường. Vậy liệu không có gì là quá trơ trẽn khi cho phép một nhiệm vụ đã được một người khác viết lên trên lá cờ của họ nay được viết lên trên lá cờ của mình, hay chỉ là dựa vào những trọng tâm chương trình hoạt động của người khác cứ như là người ta đã chuẩn bị xong xuôi mọi thứ để đi theo con đường riêng của người ta chẳng? Sự trơ trẽn và vô sỉ đặc biệt được thể hiện ở chỗ những người như vậy ban đầu qua sự mới thành lập tổ chức mới của chúng đã gây ra sự sụp đổ, những người theo kinh nghiệm đã nói về sự cần thiết của việc hợp nhất và thống nhất nhiều hơn cả, thì cũng là lúc họ tin rằng phải chú ý đến một điều, đó là sự xuất phát trước của đối thủ có thể sẽ không thể bắt kịp được nữa.

Một sự “chia rẽ toàn dân tộc” chính là do cái quá trình như thế gây nên.

Tuy nhiên, sự ra đời thành công một loạt những nhóm, hội, đảng phái v.v... được mô tả là mang tính dân tộc trong năm 1918/19 hoàn toàn không phải lỗi của những nhà sáng lập mà do từ sự phát triển tự nhiên tạo nên. Từ tất cả những nhóm, hội, đảng phái ấy mà ngay năm 1920, đảng công nhân Quốc xã Đức đã dần kết tinh để trở thành người chiến thắng. Tính trung thực cơ bản của mỗi một nhà sáng lập đó có thể chẳng được chứng minh qua điều gì sáng lạn hơn cái quyết định được đánh giá rất cao của nhiều người là hy sinh cái phong trào rõ ràng ít thành công hơn cho một phong trào mạnh hơn, nghĩa là hoặc giải tán phong trào kém cỏi hơn hoặc gia nhập một cách vô điều kiện.



Hitler: Hohenzoller và Habsburger ngay từ đầu đáng lẽ phải được kết hợp lại với nhau. (Ảnh minh họa).

Nó có ý nghĩa đặc biệt đối với người chiến sĩ nòng cốt của đảng Xã hội chủ nghĩa Đức thời bấy giờ tại Nürnberg là Julius Streicher. Đảng công nhân Quốc xã Đức và đảng Xã hội chủ nghĩa Đức đã nổi lên với cùng những mục tiêu then chốt giống nhau, tuy nhiên lại hoàn toàn độc lập với nhau. Người tạo tiền đề chính của đảng Xã hội chủ nghĩa Đức, như đã nói, là nhà giáo lúc bấy giờ, Julius Streicher tại Nürnberg. Đầu tiên, anh ta cũng bị thuyết phục đến độ sùng đạo bởi sứ mệnh và tương lai của phong trào mà anh ta ủng hộ. Nhưng ngay khi anh ta có thể nhận ra một cách rõ ràng và không nghi ngờ gì về lực lượng mạnh hơn và sự phát triển không ngừng của đảng công nhân Quốc xã Đức thì anh ta thôi ngay mọi hoạt động của mình ở đảng Xã hội chủ nghĩa Đức cũng như mọi công việc cho công đoàn xí nghiệp và yêu cầu những người ủng hộ anh ta gia nhập vào đảng công nhân Quốc xã Đức đang giành chiến thắng từ cuộc chiến đối đầu và tiếp tục đứng trong hàng ngũ của anh ta để ủng hộ cho mục tiêu chung. Quả là một quyết định cá nhân khó khăn nhưng cũng rất tử tế.

Từ thời gian đầu này của phong trào không còn lại một sự phân tán lực lượng nào, mà nhìn chung, mong muốn chân thành của con người lúc bấy giờ

đã đi tới một kết thúc ngay thật thẳng thắn và đúng đắn. Điều mà chúng tôi ám chỉ với từ “sự phá vỡ khối dân tộc” mà sự tồn tại của nó, như đã nhấn mạnh, không gì khác là nhờ vào nguyên nhân thứ hai mà tôi đã trình bày: Những kẻ tham vọng, những kẻ mà trước đây chưa bao giờ có những suy nghĩ riêng hay có quá ít những mục tiêu riêng, sẽ cảm thấy chính xác trong thời điểm này là mình “đã được chỉ định”, khi mà họ nhìn thấy rành rành thành công của đảng công nhân Quốc xã Đức đang ngày càng sung mãn.

Đột nhiên những chương trình hoạt động mà hoàn toàn sao chép của chúng tôi xuất hiện, các ý tưởng mà người ta mượn của chúng tôi được đem thi đấu, các mục tiêu mà chúng tôi đã đấu tranh vì chúng hàng năm trời được đề ra, các đường lối mà đảng công nhân Quốc xã Đức đã đi và theo đuổi từ rất lâu bỗng nhiên được chọn. Người ta cố dùng mọi phương tiện để bao biện vì sao người ta buộc phải thành lập những đảng phái mới này dù đã có sự tồn tại của đảng công nhân Quốc xã Đức từ rất lâu rồi; song, người ta càng lòng ghép vào những động cơ cao quý, những động cơ đưa ra đó càng trở nên sai sự thật.

Thực tế, nguyên nhân duy nhất có thể tin được ở đây, đó là: Tham vọng cá nhân của những kẻ luôn giảng giải để đóng một vai trò nhất định mà về bề ngoài còi cọc, nhỏ bé thực sự đã không mang theo điều gì ngoài một sự trơ trẽn lạnh lùng để tiếp nhận những suy nghĩ xa lạ, một sự trơ trẽn mà trong cuộc sống dân cư khác người ta coi là ăn cắp.

Hồi đó, trong những bài giới thiệu hay ý tưởng của những kẻ khác, sẽ chẳng bao giờ có được thứ mà một kẻ ăn cắp chính trị kiểu như vậy không thể nhất nhạnh được trong thời gian quá ngắn cho công việc mới của hán. Những kẻ làm như thế thì cũng chính là những kẻ sau này than khóc với hai hàng nước mắt về sự “chia rẽ dân tộc” và liên tục nói về “sự cần thiết của việc thống nhất”, trong niềm hi vọng âm thầm, để cuối cùng còn có thể lừa phỉnh những người khác rằng, với sự than thở oán thán muôn thuở, đến những ý tưởng từ trước đến giờ bị ăn cắp cho tới việc thực hiện, chúng sẽ ném cho bọn trộm cắp những phong trào được tạo nên từ sự lãnh đạo của chúng.

Tuy nhiên, nếu chúng không thành công với việc đó và nếu sự sinh lời của những công việc mới được nắm giữ, do những kích thích trí não nhỏ bé của những người chủ sở hữu, chứ không phải là nhờ những gì người ta đã hứa hẹn

về nó, người ta sẽ thường cho đi một cách rẻ rúng hơn và đã cảm thấy hạnh phúc ngay khi người ta có thể đáp xuống một trong những thứ gọi là Cộng đồng lao động.

Tất cả những ai thời đấy không thể đứng trên đôi chân của mình thì hợp lại thành những Cộng đồng lao động như thế; có thể xuất phát từ niềm tin rằng, tám kẻ khập khiễng dựa vào nhau chắc chắn cũng sẽ tạo nên một đấu sĩ.

Nếu trong tám kẻ khập khiễng lại có một kẻ khỏe mạnh thì anh ta phải cần ngay toàn bộ sức lực của mình để giữ vững cho những đôi chân khác và thế là rốt cuộc cũng trở thành què quặt.

Chúng tôi luôn phải coi việc đi cùng các tổ chức được gọi là Cộng đồng lao động như một vấn đề chiến thuật; nhưng đồng thời, chúng tôi cũng không bao giờ được phép tách mình ra khỏi nhận thức căn bản nhất sau đây: Thông qua sự thành lập của một Cộng đồng lao động, những đoàn thể yếu kém sẽ không bao giờ biến đổi thành những đoàn thể mạnh, nhưng một đoàn thể mạnh có thể và sẽ chẳng hiếm khi phải chịu đựng sự suy yếu bởi những đoàn thể yếu kém kia. Suy nghĩ từ việc kết hợp các nhóm hội yếu lại với nhau để cấu tạo thành một đội ngũ mạnh là không chính xác, vì trong mỗi hình thức và dưới tất cả những điều kiện tiên quyết, thì theo kinh nghiệm, đại diện của sự ngu dốt và đốn hèn sẽ chiếm đa số và vì thế, mỗi một sự đồng đức của các đoàn thể, như nó được chỉ dẫn bởi sự lãnh đạo của đám cái đầu tự bầu chọn, sẽ bị phó mặc cho sự hèn nhát và kém cỏi. Và cả qua sự hợp nhất kiểu này, cuộc đấu sức tự do cũng sẽ bị bó buộc và ngăn chặn, cuộc chiến để bầu chọn ra người giỏi nhất sẽ bị đình trệ và vì thế mà chiến thắng cuối cùng và cần thiết của những người lành lặn và khỏe mạnh sẽ mãi mãi bị cản trở. Có thể nói, những tổ chức phối hợp hòa nhập như vậy chính là kẻ thù của sự phát triển tự nhiên, bởi đa phần chúng cản trở hướng giải quyết vấn đề mà đang đấu tranh vì nó hơn là ủng hộ nó.

Sẽ có thể xảy ra việc lãnh đạo tối cao của một phong trào biết nhìn vào tương lai, từ sự tính toán đầy sách lược, dàn xếp với những đoàn thể giống nhau về việc giải quyết một vấn đề nhất định trong thời gian ngắn và có thể đạt được những giải pháp chung. Nhưng không được phép dẫn đến một trạng thái vĩnh cửu, nếu phong trào không muốn vì chuyện này mà phải tự từ bỏ nhiệm vụ giải cứu của mình. Bởi nếu nó đã tự buộc mình vào một tổ chức như thế, nó sẽ đánh

mất đi khả năng và cả quyền lợi, mà theo sự phát triển tự nhiên, là được phát huy hoàn toàn khả năng và sức mạnh riêng của mình, được vượt qua các đối thủ và đạt tới mục tiêu đã đề ra như một người thắng cuộc.

Người ta không bao giờ quên rằng, tất cả những gì thật sự vĩ đại trên thế giới này sẽ không giành được chiến thắng bởi các liên minh, mà thường thì nó là thành công của riêng một người chiến thắng. Thắng lợi của các liên minh, ngay từ nguồn gốc xuất thân, đã mang trong mình mầm mống của sự suy tàn trong tương lai và sự mất mát cả những gì đã đạt được. Những cuộc cách mạng vĩ đại, thực sự thay đổi bộ mặt thế giới về mặt tinh thần chỉ là những điều có thể nghĩ tới và để thực hiện như những cuộc chiến anh dũng của những cá nhân, chứ không bao giờ là hoạt động của các liên minh cả.

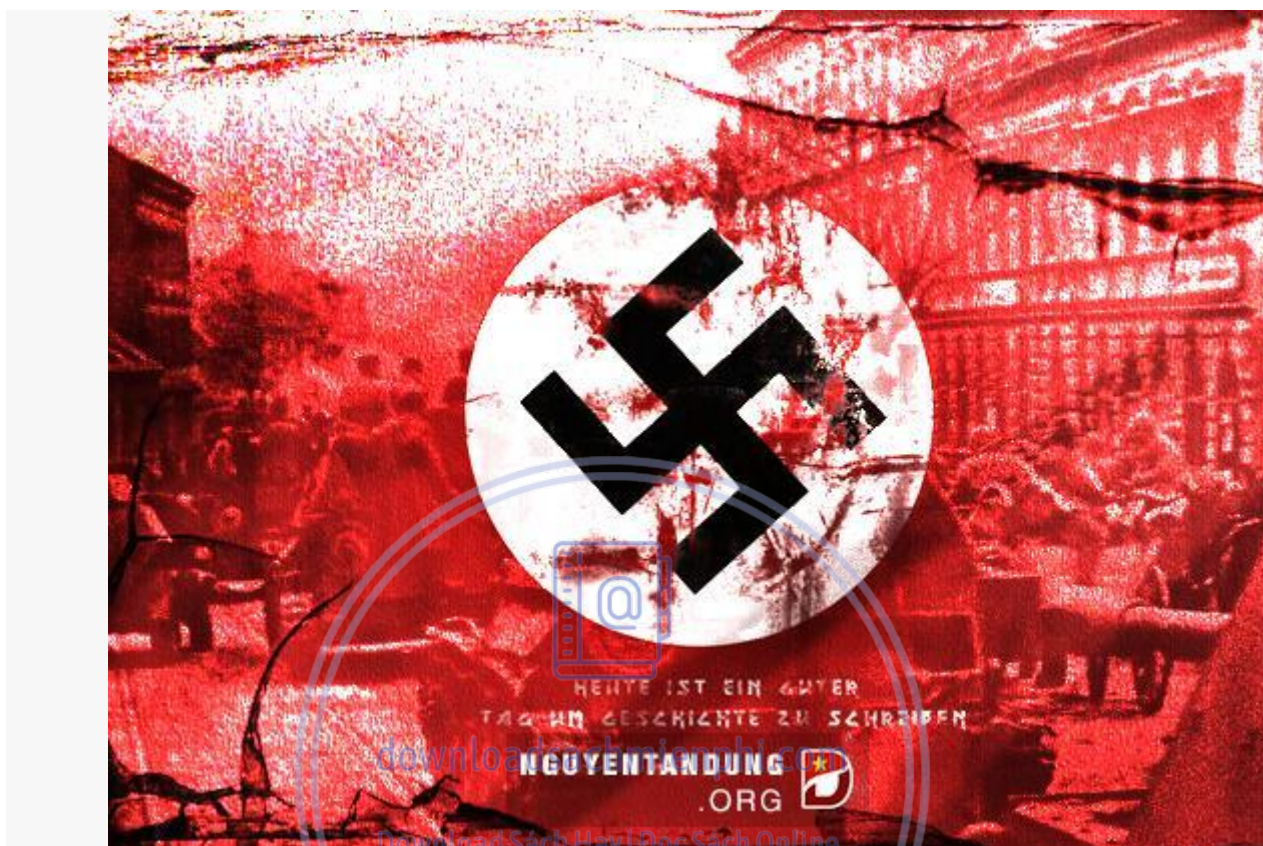
Như thế, trước hết, nhà nước nhân dân sẽ không bao giờ được tạo nên thông qua nguyện vọng có thể thỏa hiệp của một Cộng đồng lao động của nhân dân, mà chỉ có thể bằng mong muốn mãnh liệt của một phong trào duy nhất, một phong trào chiến đấu chống lại tất cả để giành thắng lợi về mình.

CHƯƠNG 9: NHỮNG TƯ TƯỞNG CƠ BẢN VỀ Ý NGHĨA VÀ TỔ CHỨC CỦA SU ĐOÀN BẢO TẬP S.A

Sức mạnh của nhà nước cũ dựa trên ba trụ cột: hình thức nhà nước quân chủ, bộ máy hành chính và quân đội. Cuộc cách mạng năm 1918 đã xóa bỏ hình thức nhà nước, phá tan cả quân đội và bộ máy hành chính thì bị hy sinh cho nạn tham nhũng trong đảng. Như vậy những trụ cột chính nhất của cái gọi là uy tín nhà nước đã bị đập gãy tan. Hầu như uy tín đó luôn dựa trên ba thành phần nền tảng của mỗi uy tín.

Nền tảng đầu tiên để tạo nên uy tín thường là tính đại chúng. Nhưng một uy tín chỉ dựa trên nền tảng đó thì cực kỳ yếu, không chắc chắn và dao động. Mỗi người trụ cột có uy tín chỉ dựa trên tính đại chúng vì vậy phải chú ý cải thiện cơ sở của uy tín đó và bảo đảm tạo nên thế lực. Trong quyền lực như vậy là trong sức mạnh cứng rắn chúng tôi nhìn thấy cơ sở của uy tín. Về cơ bản nó bền vững, chắc chắn nhưng không phải lúc nào cũng tràn đầy sinh lực như cơ sở thứ nhất. Nếu như tính đại chúng và sức mạnh cứng rắn hợp nhất với nhau và có thể cùng tồn tại trong thời gian dài, thì một uy tín có thể còn được dựa trên nền

tảng vững chắc hơn và là uy tín của truyền thống. Nếu cuối cùng mà uy tín, sức mạnh quyền lực và truyền thống có thể liên kết với nhau thì uy tín đó có thể được coi là không gì lay chuyển nổi.



Ảnh minh họa.

Do có cuộc cách mạng trường hợp cuối hoàn toàn bị bỏ qua. Phải, chẳng hề có uy tín của truyền thống gì cả. Với sự vỡ tan của vương quốc cổ, sự xóa bỏ hình thức nhà nước cũ, loại trừ dấu vết của vua chúa trước đây và biểu tượng của vương quốc thì truyền thống đã bị phá tan rồi. Hậu quả của nó là sự lung lay nặng nề nhất của uy tín.

Ngay cả cột trụ thứ hai của uy tín nhà nước là sức mạnh quyền lực cũng không còn nữa. Nói chung để có thể tiến hành cuộc cách mạng, người ta đã phải bắt buộc phân chia quân đội ra, đó chính là biểu tượng thể hiện sức mạnh và quyền lực có tổ chức của nhà nước; phải, người ta bắt buộc sử dụng những phần bị phá mảnh của quân đội làm những yếu tố đấu tranh cách mạng. Kể cả khi quân đội tại mặt trận bị phân mảnh mà không có qui mô đồng đều thống nhất như nhau, họ càng để lại nhiều những địa danh nổi tiếng trong cuộc chiến đấu anh hùng kéo dài bốn năm rưỡi thì càng bị a xít của cái quê nhà vô tổ chức ăn

mòn và kết thúc họ, đi tới tổ chức bỏ tổng động viên, hay rơi vào tình trạng lộn xộn của cái gọi là sự ngoan ngoãn tự nguyện của hội đồng quân nhân.

Nhưng người ta không thể dựa vào đám lính chỉ quan niệm làm việc tám tiếng một ngày trong quân đội để có uy tín được. Như vậy yếu tố thứ hai, điều bảo đảm cho sự vững bền của uy tín cũng bị xóa bỏ, và cuộc cách mạng chỉ còn giữ lại được cái đầu tiên, đó là tính quần chúng, để xây dựng uy tín của mình. Ngay cả cơ sở này cũng không hề bền vững gì cả. Đường như cuộc cách mạng với một cú đánh mạnh mẽ duy nhất đã phá tan trụ sở nhà nước cũ, chỉ có nguyên nhân sâu xa nhất là vì sự cân bằng lực lượng bình thường trong nội bộ cấu trúc dân tộc đã bị chiến tranh xóa bỏ rồi.

Mỗi dân tộc có thể được phân chia thành ba tầng lớp lớn: Cao cấp nhất là tộc người đứng bên phía những người đạo đức, đặc biệt ưu tú do có lòng dũng cảm và sẵn sàng hy sinh, phía bên kia là cấp thấp nhất gồm toàn người xấu xa tồi tệ chỉ tồn tại vì động cơ ích kỷ và tệ nạn xã hội. Giữa hai giới này là tầng lớp thứ ba, một tầng lớp lớn có mặt khắp nơi trong xã hội, trong đó không thể hiện gì là một tầng lớp anh hùng sáng chói hay lớp người có tư tưởng phạm tội hèn hạ.

Những khoảng thời gian phấn đấu vươn lên của một dân tộc được hình thành nên, phải, chỉ tồn tại khi có sự lãnh đạo tuyệt đối của tầng lớp người cao quý nhất.

Những khoảng thời gian phát triển bình thường hay tình trạng ổn định hình thành và tồn tại nhờ sự có uy thế thống trị nhận ra rõ của các yếu tố thuộc tầng lớp thứ ba ở giữa, bên cạnh đó hai tầng lớp cực cao và cực thấp thì giữ hai đầu cán cân đối trọng với nhau hoặc là triệt tiêu nhau. Những thời gian khủng hoảng tan vỡ của một dân tộc được xác định qua tác động thống trị của những yếu tố thuộc tầng lớp xấu.

Điều đáng chú ý ở đây là tầng lớp đại chúng, chính là giới thứ ba, như tôi muốn mô tả họ, họ chỉ thực sự xuất hiện khi hai tầng lớp cực cao và cực thấp đang bị dính vào trận đấu đối chọi với nhau, nhưng trong trường hợp cực nào thắng thì giới này sẽ phục tùng người chiến thắng. Trong trường hợp người cao cấp thống trị thì tầng lớp đại chúng sẽ tuân theo họ, trong trường hợp lớp người

xấu lên ngôi thì họ ít nhất sẽ không chống lại chúng, vì họ chẳng bao giờ muốn tự đấu tranh cả.

Chiến tranh đã làm hỏng sự cân bằng trọng lượng giữa ba tầng lớp trong thời gian bốn năm rưỡi đầy máu đỏ, khi người ta – lúc công nhận mọi sự hy sinh của tầng lớp thứ ba – phải xác định rằng nó đã dẫn tới sự đổ máu cạn kiệt của tầng lớp người ưu tú nhất. Vì trong bốn năm rưỡi đó dòng máu anh hùng của người Đức đã đổ xuống không gì thay thế được, thực là kinh khủng. Người ta đã tổng kết hàng trăm ngàn trường hợp riêng lẻ lại, luôn luôn là những trường hợp như: tự nguyện ra mặt trận, tự nguyện làm đội viên tuần tra, tự nguyện làm công tác tiếp nhận đăng ký, tự nguyện trực điện thoại, tự nguyện bảo vệ cầu, tự nguyện làm việc dưới tàu ngầm, tự nguyện làm việc trên máy bay, tự nguyện tham gia sư đoàn bão táp v.v... luôn luôn có những con người tự nguyện hy sinh như vậy – và người ta luôn nhìn thấy cùng một kết quả: đó là chàng trai chưa có râu cằm, người đàn ông đã chín chắn, cả hai cùng một tình yêu đất nước nồng cháy, tràn ngập lòng dũng cảm hay ý thức trách nhiệm cao nhất, họ tự tới xin ra trận hoặc tham gia việc khác. Hàng mười ngàn người, phải hàng trăm ngàn những trường hợp như vậy, và tầng lớp người này ngày càng ít đi, mỏng dần đi. Còn lại chỉ là những người tàn tật tan nát hay còng lưng dần xuống vì số người ít ỏi sông sót, người ta cân nhắc trước hết là cái năm 1914 ấy tất cả trong quân đội đều toàn những người tình nguyện như vậy, thế mà do bọn nghị viên vô tích sự vô lương tâm mà không thiết lập nổi hòa bình có giá trị và trở thành mối ngon không chống đỡ nổi cho đạn pháo của kẻ thù. Bốn trăm ngàn người lúc đó đã ngã xuống ở cuộc chiến tại Flanders? hay thành người tàn tật hết, không còn người để thay thế họ. Sự mất mát của họ nhiều hơn là một số người bị loại ra khỏi cuộc chiến. Do cái chết của họ mà cán cân bên phía người tốt nhẹ đi, bỗng lên cao, còn bên số người xấu thì nặng hơn, nơi có sự dễ tiện, bản thiêu, hèn nhát, tóm lại là số đông của bên cực xấu.



Chiến tranh Flander. Ảnh minh họa.

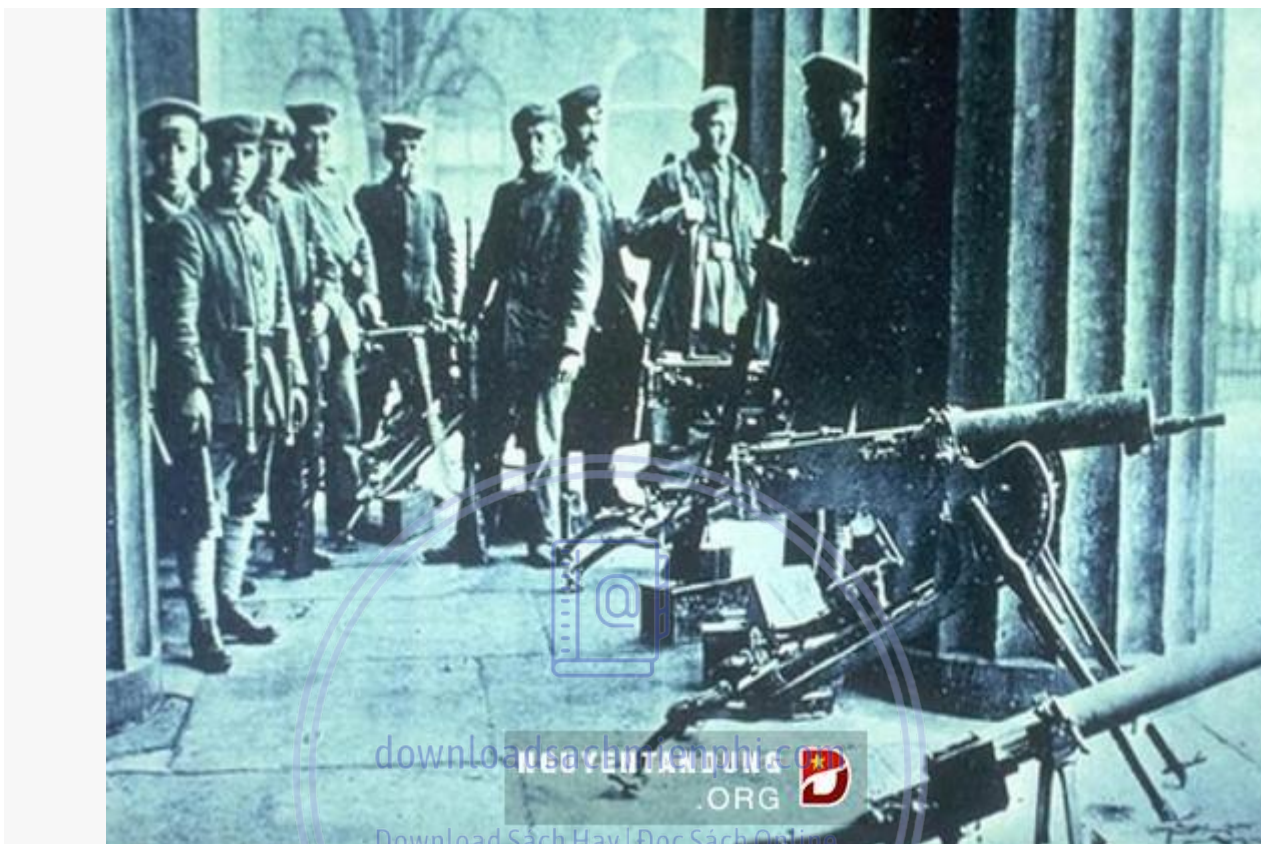
Còn một điều nữa thêm vào vấn đề này:

Không chỉ trên trận địa, những người ưu tú nhất của cực cao cấp qua bốn năm rưỡi chiến tranh được tỏa sáng bằng cách thức lớn lao nhất, bên phía cực người cấp thấp thì lại co cụm lại bảo toàn mình một cách cực kỳ nhất. Chắc chắn là người anh hùng đã tình nguyện ra trận sau khi hy sinh anh dũng gặp được những bậc thang lên thiên đường, còn người co người lại quay lưng tránh cái chết để có thể có ích khi quay về quê hương.

CHƯƠNG 9.1: HỘI “CHUYÊN CHÍNH NHÂN DÂN” RA ĐỜI THẾ NÀO?

Cứ thế sự kết thúc chiến tranh đem lại bức tranh toàn cảnh sau: Tầng lớp đại chúng của dân tộc đã mang tiền đến đóng thuế cho người vì nghĩa vụ hy sinh đổ máu; Tầng lớp cao cấp nhất thì gương mẫu hy sinh gần hết người; còn lại là lũ người xấu xa, một mặt dựa trên những luật lệ vô lý nhất, mặt khác dựa vào việc không sử dụng những loại hàng phục vụ chiến tranh đáng tiếc là còn sống sót gần hết.

Loại người căn bã thủ cựu này của dân tộc sau đó lại tiến hành cách mạng và nó chỉ làm được cách mạng vì giới cao cấp ưu tú đã không thể đối địch được với chúng, vì họ không còn sức sống nữa.



Cách mạng Đức 1918–1919. Ảnh minh họa.

Như vậy cuộc cách mạng Đức ngay từ đầu chỉ là sự nghiệp đại chúng. Không phải dân tộc Đức đã gây ra cái tội này mà là tầng lớp hạ lưu với toàn bọn đào ngũ, cho vay nặng lãi v.v...

Người đàn ông ở mặt trận chào đón cái kết thúc chiến đấu đổ máu, cảm thấy hạnh phúc khi được đặt chân lại trên mảnh đất quê hương, lại được nhìn thấy vợ con. Chỉ với cuộc cách mạng là anh chẳng liên quan gì bên trong, anh không thích nó và càng không thích người vận động tổ chức nó. Trong bốn năm rưỡi chiến đấu gian khổ anh đã quên cả loại người tàn bạo của đảng và những chê bai xích mích của họ cũng xa lạ đối với anh.

Chỉ đối với một bộ phận nhỏ của dân tộc Đức là cuộc cách mạng trở thành thực sự phổ biến: chính là tầng lớp người hỗ trợ cho giai cấp đó, họ đã chọn mang cái ba lô của mình là dấu hiệu công nhận công dân danh dự của cái

nhà nước mới đó. Họ không yêu cách mạng vì bản thân họ như một số người ngày nay vẫn còn tin nhầm như vậy, mà vì hậu quả của nó.

Chỉ có tính phổ biến ở bọn kẻ cướp theo chủ nghĩa Mác là để làm chỗ dựa cho uy tín của chúng. Và nước cộng hòa trẻ cần cái uy tín đó bằng bất cứ giá nào, nếu nó không muốn sau thời gian lộn xộn ngân bồng nhiên bị chế độ có quyền lực tập hợp lại từ những người ưu tú còn sống sót nuốt mất.

Lúc đó họ không còn sợ gì nữa, những người trụ cột của cuộc đảo chính, khi trong vòng lộn xộn của riêng họ tự bị mất đất dưới chân rồi tự nhiên bị nhấc sang chỗ khác, như thường xảy ra trong quá trình thời gian phát triển lên từ cuộc sống của các dân tộc.

Nước cộng hòa bắt buộc phải đứng vững bằng bất cứ giá nào.

Như vậy trong thời gian ngắn nó bắt buộc phải tạo ra một tổ chức có sức mạnh quyền lực bên cạnh những cái cột lung lay do tính đại chúng để có tạo lập nên uy tín vững chắc hơn.

Khi những người chiến thắng của cuộc cách mạng cảm thấy trong những ngày tháng 12, tháng một, tháng hai năm 1918/1919 đất dưới chân mình chao đảo, họ đã tìm những người sẽ sẵn sàng tăng cường sức mạnh cho những vị trí yếu ớt mà dân tộc yêu quý đã cho họ bằng sức mạnh của vũ khí. Nước cộng hòa chống quân sự hóa cần có những người lính. Nhưng vì chỗ dựa duy nhất và đầu tiên của uy tín nhà nước họ – là tính đại chúng – chỉ bắt rễ từ trong một cái xã hội toàn loại người mà cô dặt gái, kẻ cắp, bẻ khóa, đào ngũ hay lừa biếng trôn việc v.v... tức là trong cái bộ phận cực xấu mà tôi đã mô tả ở trên, nên mọi sự cố gắng tìm những người sẵn sàng hy sinh cuộc sống riêng của mình để phục vụ tư tưởng mới trong giới này đều vô ích cả. Tầng lớp trụ cột của tư tưởng cách mạng và thực hiện cuộc cách mạng chẳng có khả năng lẫn sẵn sàng sắp xếp quân lính để bảo vệ nó. Vì lớp người này không muốn có tổ chức một nhà nước cộng hòa mà phá tổ chức đang có đi để thoả mãn tốt hơn bản năng của họ. Khẩu hiệu của họ không phải là: trật tự và xây dựng nước cộng hòa Đức mà là nhiều hơn: cướp sạch nó.

Như vậy tiếng hét kêu cứu mà những người được nhân dân uỷ quyền lúc đó thốt ra đầy sợ hãi đều vang lên mà không ai nghe thấy phải, ngược lại còn gây ra sự chống cự và nổi đảng cay. Vì người ta cảm thấy trong sự bắt đầu phá

vỡ lòng thủy chung và niềm tin, người thấy mùi cuộc chiến bắt đầu trong sự tạo lập của uy tín không chỉ dựa vào tính đại chúng mà còn dựa vào quyền lực, nó chống lại cuộc cách mạng của lớp người này: chống lại quyền ăn cắp và thống trị không kỳ cương của đám đông những kẻ cắp, bọn cướp, nói tóm lại của bọn bất lương.

Những người đại diện của nhân dân muốn kêu gọi tùy thích, chẳng có ai ra khỏi hàng của họ cả, và chỉ có tiếng đáp lại “kẻ phản bội” nói cho họ biết quan điểm của những trụ cột theo tính đại chúng.

Lúc đó lần đầu tiên có vô số thanh niên Đức sẵn sàng phục vụ làm công tác “giữ yên tĩnh và trật tự”, như họ nghĩ thế, lại mặc quần áo lính, khoác súng lên vai, mũ sắt đội đầu để chống lại bọn phá hoại quê hương. Là những người lính tự nguyện họ tập hợp lại thành quân đoàn tự do và bắt đầu bảo vệ và củng cố vững chắc lực lượng cách mạng, trong khi họ vẫn căm ghét nó.



Tổ súng máy Pháp của Tướng Henri Joseph Eugène Gouraud đánh lui cuộc tấn công của quân Đức ở đồng đồ nát của một Nhà thờ trong trận chiến sông Marne lần thứ hai vào năm 1918.

Họ rất tin tưởng khi làm công việc này.

Nhà tổ chức thực sự của cách mạng và người giật dây thực sự là ông Do Thái quốc tế lúc đó đã đánh giá đúng tình hình. Dân tộc Đức chưa đủ độ chín vững vàng để có thể cùng bị kéo xuống đầm lầy máu bôn sê vích, như ở nước Nga đã làm. Điều này phần lớn do về mặt tộc người có khoảng cách lớn giữa giới trí thức và công nhân Đức. Tiếp theo là hoạt động lớn của các giáo viên trong tầng lớp dân chúng đông nhất, như trường hợp tương tự chỉ có ở các nước Tây Âu khác, thiếu hoàn toàn ở nước Nga. Ở đó bản thân phần lớn giới trí thức không có nguồn gốc Nga hoặc ít nhất không có tính cách tộc người Xlavơ. Tầng lớp trên thuộc giới trí thức còn ít người lúc đó của nước Nga có thể bị triệt tiêu bất cứ lúc nào do sự thiếu hoàn toàn những người tầng lớp giữa gắn kết họ với đại chúng. Trình độ tinh thần và đạo đức của lớp người thứ hai này ở đó thực sự là thấp kinh khủng.

Cũng như ở nước Nga người ta đã đạt được việc kích động lớp người vô học, không thể học đọc học viết thuộc tầng lớp đại chúng rộng rãi chống lại số ít người trí thức tầng lớp trên, thế là số phận của đất nước này đã được định đoạt, cách mạng đã thắng lợi; người Nga mù chữ đã bị làm thành những nô lệ không sức kháng cự của bọn thống trị Do Thái, hội này đủ thông minh để sự thống trị đó mang cái tên kêu là “Chuyên chính nhân dân”.

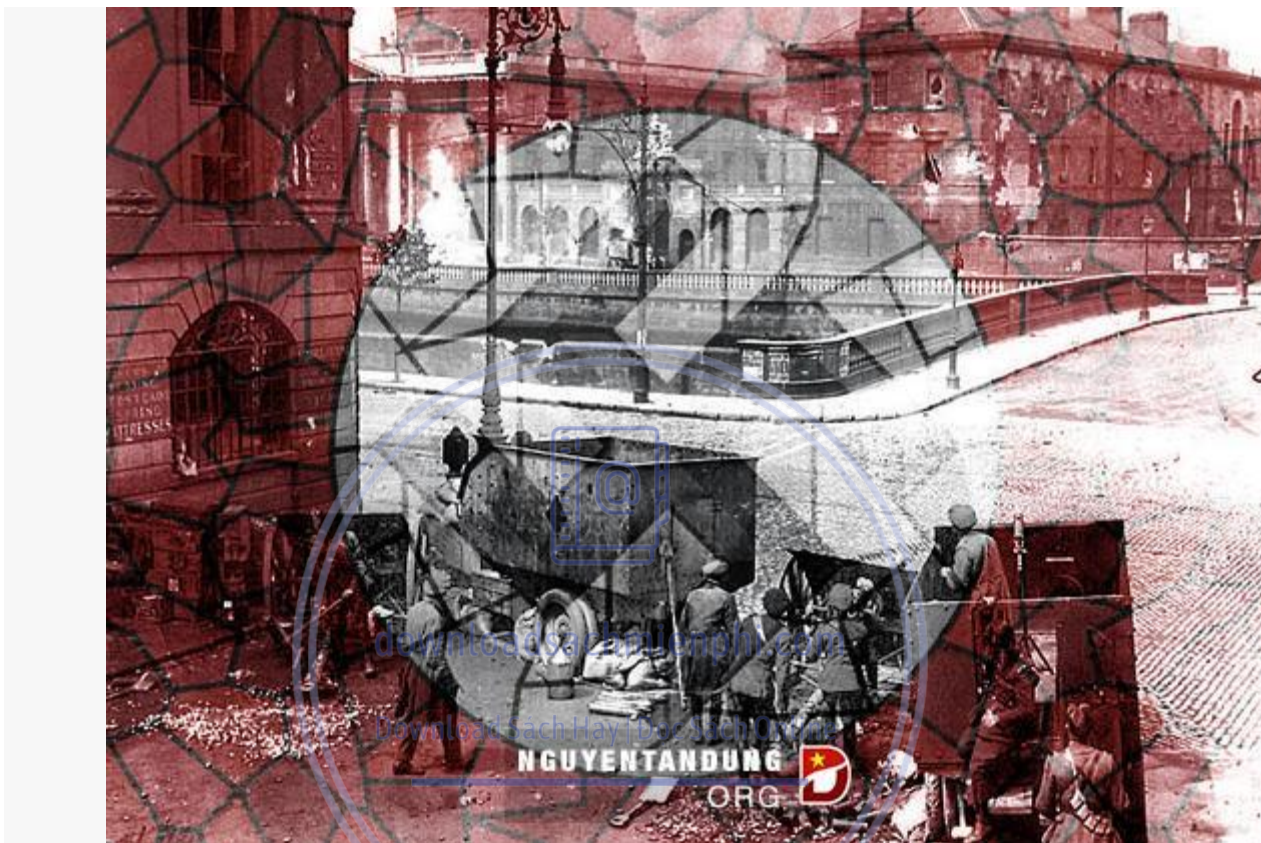
CHƯƠNG 9.2: CUỘC CÁCH MẠNG THÀNH CÔNG NẾU TIẾN HÀNH PHÂN RÃ QUÂN ĐỘI?

Ở nước Đức còn có thêm sự kiện này: Cuộc cách mạng chỉ có thể thành công chắc chắn nếu tiến hành phân rã quân đội, thì trụ cột thực sự của cách mạng và người phá huỷ quân đội không phải là người lính ở mặt trận, mà là cái hội hạ lưu ít nhiều sợ ánh sáng hoặc lượn quanh các đơn vị đóng quân tại địa phương hay là do “không đủ tiêu chuẩn” nên phục vụ đâu đó trong nền kinh tế. Đội quân này còn được tăng cường thêm hàng ngàn người đào ngũ, hội này có thể quay lưng với mặt trận không hề gặp phải nguy hiểm gì. Kẻ thực sự hèn nhát chẳng sợ gì nữa trong mọi lúc ngoài sợ cái chết. Cái chết anh ta gặp tại mặt trận ngay trước mắt hàng ngày trong hàng ngàn kiểu.

Nếu người ta không giữ lại những cậu trai yếu đuối, hay dao động hoặc có khi hèn nhát ở trách nhiệm của họ không vì thế mà ít hơn, thì chỉ có một khả năng là: Một kẻ đào ngũ phải biết rằng, việc đào ngũ của anh ta sẽ mang tới cái

mà anh muốn trốn tránh. Ở mặt trận người ta có thể chết, nếu là kẻ đào ngũ thì anh ta sẽ phải chết. Chỉ có sự đe dọa hà khắc như vậy mỗi lần xảy ra việc tìm cách đào ngũ mới đạt được tác động đe dọa không chỉ đối với từng người, mà đối với tất cả.

Và ở đây có ý nghĩa và mục đích của sản phẩm phục vụ chiến tranh.



Ảnh minh họa.

Đó là niềm tin tốt đẹp về việc có thể chiến đấu tới cùng cho sự tồn tại của một dân tộc, chỉ dựa vào nhận thức về tầm quan trọng của sự trung thành tự nguyện hình thành và duy trì được. Sự đáp ứng trách nhiệm tự nguyện đó đã luôn chọn tầng lớp người cao cấp trong hoạt động của họ. Nhưng không chọn những người trung bình. Vì vậy những luật lệ loại đó là cần thiết, ví dụ luật chống kẻ trộm, không chỉ cơ bản giúp cho những người thật thà, mà cho cả những người dao động yếu đuối nữa. Những luật lệ này cần phải ngăn chặn bằng cách đe dọa những người xấu, vì một tình trạng đang phát triển mà trong đó người thật thà lại bị coi là người ngu ngốc hơn, và lại càng dẫn tới quan điểm rằng nên tham gia trộm cắp thì hợp lý hơn là đứng nhìn bọn đó với tay không hoặc để chúng lấy trộm của mình.

Như vậy lại là sai nếu tin rằng người ta trong một cuộc chiến đấu mà có thể làm cho mọi sự nhìn xa trông rộng của con người đều nổi điên lên, có thể bỏ đi phương tiện hỗ trợ đã cho thấy kinh nghiệm hàng thế kỷ, hàng ngàn năm ấy mà có thể ép buộc những người yếu đuối và dao động thực hiện trách nhiệm của mình trong những thời điểm quan trọng và những khoảnh khắc căng thẳng thần kinh nhất.

Đối với những anh hùng tự nguyện tham gia chiến đấu tất nhiên người ta không cần tới hàng hóa phục vụ chiến tranh, chỉ có những kẻ ích kỷ hèn nhất thôi, kẻ trong giờ phút gay go của dân tộc đánh giá mạng sống của anh ta cao hơn là của tất cả. Những người yếu đuối không tính cách như vậy chỉ có thể ngăn việc đầu hàng do hèn nhất lại bằng việc áp dụng hình phạt nặng nhất. Nếu đàn ông cứ giành giật dai dẳng với cái chết và lay lắt không ngơi nghỉ hàng tuần lễ trong những đầm lầy đầy bùn, phải chịu đựng ăn uống, ngủ nghỉ tồi tệ lâu dài, một anh chàng trở nên không đáng tin cậy không thể nhờ đe dọa cho vào tù hay trại huấn luyện mà giữ lại được, mà phải là án tử hình không quan tâm tới gì hết. Vì anh ta nhìn thấy nhờ kinh nghiệm trong thời gian như thế nhà tù là nơi vẫn dễ chịu hơn trận địa hàng ngàn lần, vì trong nhà tù mạng sống vô giá của anh ta vẫn không bị đe dọa. Thực tế trong chiến tranh người ta bỏ án tử hình đi, hàng phục vụ chiến tranh bị đặt ra ngoài việc quay vòng thương mại nên nó bảo thù cũng ghê gớm. Một đội quân toàn bọn đào ngũ lũ lượt trở về quê hương và đặc biệt vào thời gian 1918, thời kỳ họ hỗ trợ trong việc thành lập một tổ chức tội phạm lớn mà sau đó chúng tôi bỗng nhiên nhìn thấy trước mắt là hội chủ trì cuộc cách mạng sau ngày 7.11.1918.

Mặt trận tự bản thân nó không can dự gì vào việc này. Tất cả đồng bào của nó chỉ cảm nhận được sự khao khát hòa bình. Riêng trong thực tế này đã có mối hiểm nguy của một cuộc cách mạng lớn. Vì khi quân đội Đức sau khi ngừng bắn bắt đầu quay về quê hương, thì có một vấn đề gây lo lắng cho các nhà cách mạng lúc đó luôn là vấn đề giống nhau: Quân đội tại mặt trận sẽ làm gì? Những người lính áo xám đã chiến có chịu đựng được nữa không?

Trong những tuần lễ đó cuộc cách mạng ở Đức ít nhất phải thể hiện vẻ bề ngoài bình thường của nó, vì nó không muốn đi tới chỗ nguy hiểm là một vài sư đoàn Đức tự nhiên lại bị đập tan ra từng mảnh rất nhanh. Vì nếu lúc đó chỉ một

sư trưởng duy nhất đưa ra được quyết định cùng sư đoàn trung thành của anh ta lên gỡ cái cờ đổ rách nát xuống, để các “nghị viên” đứng sát tường, bẻ gãy sự kháng cự bằng ném mìn và lựu đạn, như vậy sư đoàn trên chỉ chưa đầy bốn tuần đã phình lên thành một quân đội với sáu mươi sư đoàn. Bọn giết dây Do Thái run lên trước nó nhiều hơn là trước cái gì khác. Và ngay cả khi người ta muốn ngăn cản, người ta phải làm cho cuộc cách mạng có một mức độ điều hòa, không được phép trở thành chủ nghĩa Bôn sê vích, mà phải như sự vật vốn có, vờ như tạo ra “trật tự và yên tĩnh”. Vì vậy mà sinh ra vô số những nhân nhượng lớn, lời kêu gọi các trụ cột quan chức cũ, các tướng lĩnh già. Người ta cần họ ít nhất cho một thời gian nhất định, và chỉ khi hội da đen đã gây ra tội lỗi thì người ta có thể dám dẫm đạp lên chúng và lấy lại nước cộng hòa từ bàn tay những kẻ tội tở của nhà nước cũ hiến cho móng vuốt của những chim kền kền cách mạng.

Người ta được phép hy vọng chỉ có vậy, rằng họ sẽ lừa phỉnh các tướng tá già và quan chức cũ để có thể ngay từ đầu tước vũ khí của lực lượng kháng cự nhờ tính vô hại và nhẹ nhàng của tình trạng mới.

Thực tế đã cho thấy điều đó đã đạt được ra sao. Riêng cuộc cách mạng đã không do những người bảo vệ yên tĩnh và trật tự tiến hành, mà phần nhiều do những người nổi loạn, kẻ cướp và cướp bóc gây nên. Và điều này chẳng đáp ứng được sự phát triển của cách mạng theo ý muốn lần giải thích về cơ sở chiến thuật quá trình tiến hành và đưa ra phát ngôn được.

Với sự phát triển dần dần của nền dân chủ xã hội nó ngày càng bị mất đi tính chất của một đảng phái cách mạng dữ rắn. Không phải là nó theo tư tưởng của các mục tiêu khác chứ không phải của cách mạng, hoặc người lãnh đạo nó dường như có các chủ ý khác; nói chung là không.

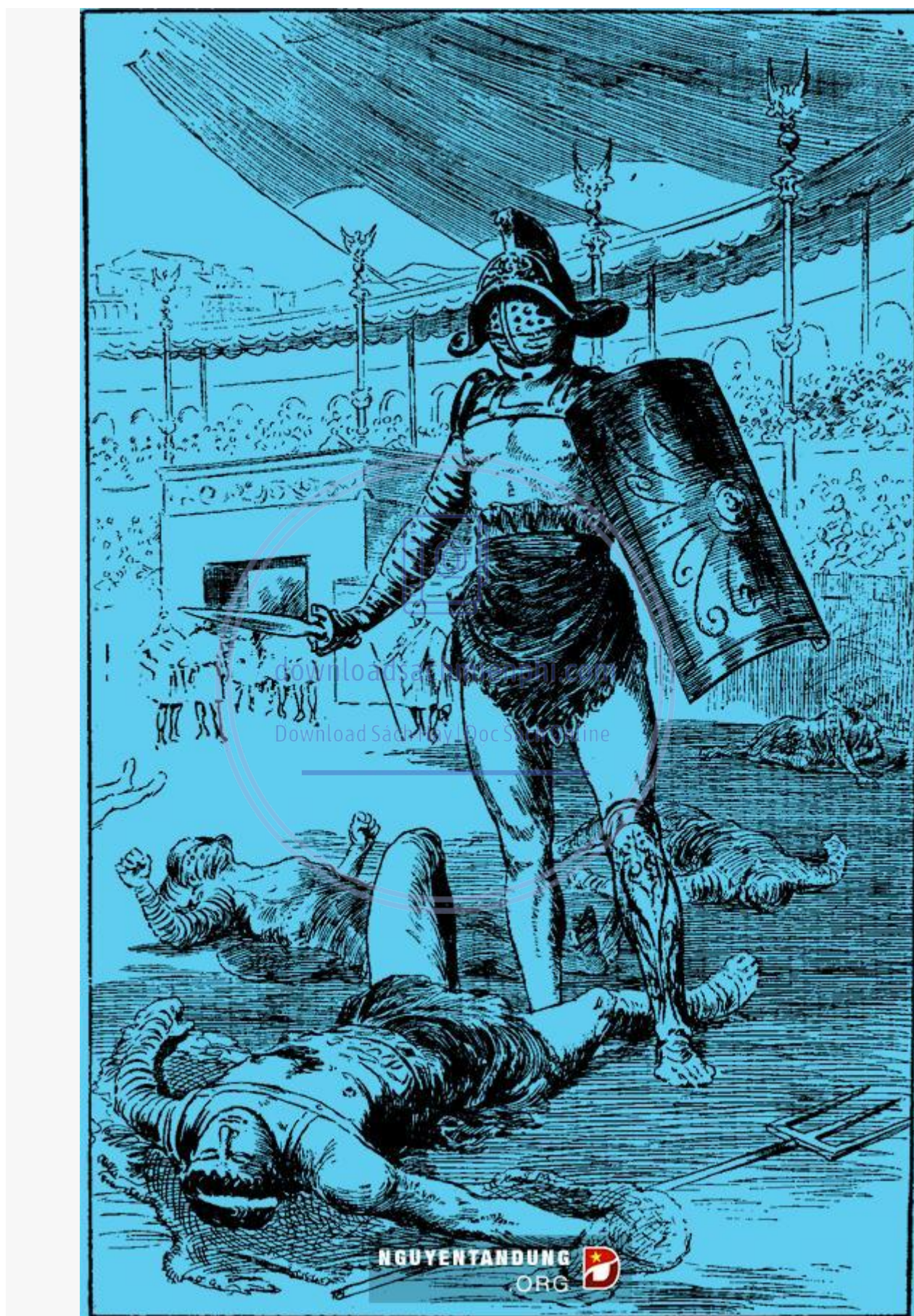
Cuối cùng còn lại cái gì? chỉ còn là chủ ý và một cơ cấu không còn phù hợp để tiến hành cách mạng nữa. Với một đảng có mười triệu thành viên người ta không thể làm cách mạng được. Trong một phong trào như vậy người ta không còn lực lượng bên phía tích cực nữa mà chỉ còn tầng lớp bình dân ở giữa, nghĩa là sự trì trệ, chậm chạp.

Trong nhận thức này còn xảy ra việc phân chia nổi tiếng trong thời kỳ chiến tranh của nền dân chủ xã hội do người Do Thái tạo nên, nghĩa là: trong

khi Đảng dân chủ xã hội để phù hợp với sự trì trệ ở tầng lớp đại chúng bình dân, như một cục chì treo vào sự bảo vệ dân tộc, người ta đã lôi từ nó ra những người tích cực cấp tiến và biến đổi họ thành một đội quân tấn công đặc biệt mạnh mẽ mới. Đảng độc lập và hội Spartacus đã từng là sự đoàn tấn công của chủ nghĩa Mác cách mạng.

Họ đã tạo ra sự thật hoàn chỉnh đó, trên nền đất đó rồi hàng thập kỷ sau nhân dân có thể tham gia vào Đảng dân chủ xã hội. Giới tư sản hèn nhát đã được chủ nghĩa Mác đánh giá rất đúng và đối xử với họ đơn giản như “Kẻ du thủ du thực”. Người ta không chú ý tới họ nữa, biết rằng sự hạ thấp mình trong bức tranh chính trị chung của thế hệ già cỗi hết tác dụng cũng chẳng bao giờ đem lại khả năng kháng cự nghiêm chỉnh.





Spartacus: theo các sử học gia, là một đấu sĩ nô lệ.

Như cuộc cách mạng đã thành công và những trụ cột của nhà nước cũ có thể coi như là bị làm đổ, nhưng quân đội từ mặt trận trở về bắt đầu xuất hiện như con nhện, phải bị hãm lại trong sự phát triển tự nhiên của cách mạng; Cơ cấu của quân đội dân chủ xã hội đã ngồi vào vị trí từng giành được và đội quân tấn công độc lập và spartacut bị đẩy sang một bên.

Quá trình này xảy ra không phải là không có đấu tranh.

Không chỉ những đội hình tấn công tích cực nhất của cách mạng cảm thấy bị lừa dối, vì họ không thỏa mãn, và muốn tự chiến đấu tiếp, thì họ muốn có những vụ bạo loạn từ bọn giết dây cách mạng. Vì hầu như sau khi đảo chính xảy ra, có hai vị trí trong đó như sau: Đó là đảng phái duy trì trật tự và yên tĩnh, hai là bọn khủng bố đẫm máu. Còn gì tự nhiên hơn là việc giới trung lưu chúng tôi ngay, lập tức cùng lá cờ tung bay tiến vào vị trí đấu tranh vì yên tĩnh và trật tự? Giờ thì tự nhiên lại có điều kiện cho những tổ chức chính trị đáng thương hại nhất này mà họ không cần phải nói gì cả nhưng lại tìm thấy ngay nền đất dưới chân mình trong im lặng và tiến tới mức quan hệ hữu nghị với quyền lực mà họ từng căm ghét, và vẫn còn bức xúc vì sợ. Giới trung lưu Đức làm chính trị đã đạt được vinh dự cao quý là ba lần được phép ngồi cùng bàn với các nhà lãnh đạo mácxít mà từng bị họ chửi bới để tìm cách chống lại bọn Bôn sê vich. Cứ thế một tình trạng như sau đã hình thành trong thời kỳ tháng 12 năm 1918 và tháng giêng 1919:

Thiểu số những người kém cỏi nhất đã làm cuộc cách mạng, tất cả các đảng phái mácxít đều xuất hiện ngay đằng sau họ. Cuộc cách mạng tự nó đã có tính chất dường như ôn hòa, làm cho sự thù địch của bọn cuồng tín tăng lên đối với nó. Bọn này bắt đầu dùng lựu đạn và súng máy bắn lung tung mọi nơi, chiếm đóng các công sở nhà nước, để đe dọa cuộc cách mạng ôn hòa. Để xoa đi nỗi sợ hãi về một sự phát triển tiếp tục như vậy, các nhà trụ cột của tình thế mới đã ký kết thỏa thuận ngừng bắn với những người ủng hộ chế độ cũ, để cùng tiến hành cuộc chiến đấu chống lại bọn cực đoan. Kết quả là kẻ thù của nước cộng hòa đã dùng cuộc chiến chống nước cộng hòa và cùng hỗ trợ trong việc ép bọn kẻ thù khác của nước cộng hòa này phải chịu thua, dù bọn đó xuất phát từ quan điểm nào khác chúng. Nhưng kết quả tiếp theo lại là mối nguy hiểm của một

cuộc đấu tranh do những người ủng hộ nhà nước cũ cầm đầu chống lại nhà nước mới vì thế đã bị phá tan hết.

Người ta không thể thường xuyên lưu giữ sự thật này trước mắt rõ ràng. Chỉ ai hiểu được nó đã hình thành ra sao mà một dân tộc có chín phần mười không làm cách mạng, bảy phần mười từ chối nó, sáu phần mười thì căm ghét nó, cuối cùng chỉ còn một phần mười có thể bắt buộc cách mạng tiến hành thôi.

Dần dần các chiến sĩ spactacut phòng thủ bị đổ máu ở một bên, còn bọn cực đoan dân tộc chủ nghĩa và lý tưởng hóa phía bên kia, và cùng ở mức mà hai phía đầu cực đó chống lại nhau đến triệt tiêu hết, rồi lực lượng thứ ba luôn là người chiến thắng. Giới tư sản và chủ nghĩa Mác cùng tìm thấy nhau trên nền đất của thực tế đã có, còn nước cộng hòa thì bắt đầu “củng cố” mình. Nhưng điều không cản trở các đảng phái tư sản đặc biệt trước khi bầu cử là còn trích dẫn những tư tưởng quân chủ trong một thời gian dài, để cùng thể thoát với những thần thánh của thế giới cũ để ép những thần thánh mới của người ủng hộ họ và có thể bắt đầu vụ việc mới.

Thực sự không có điều này. Họ từ lâu đã làm đổ chế độ quân chủ từ bên trong và sự bản thủ của tình trạng mới bắt đầu gây ra tác động sai lầm ngay cả trong cơ sở đảng tư sản. Nhà chính trị tư sản bình thường cảm thấy ngày nay dễ chịu đựng hơn trong vũng bùn tham nhũng của nước cộng hòa hơn là trong sự cứng rắn trong sạch mà còn đọng lại trong ký ức anh ta từ thời nhà nước cũ.

CHƯƠNG 9.3: HAM MUỐN CHÍNH TRỊ THIÊN TÀI

Như đã nói ở trên, cuộc cách mạng sau khi phá tan quân đội cũ đã bắt buộc phải tạo ra thế lực mới để tăng cường uy tín cho nhà nước của nó. Như tình thế xảy ra, nó có thể đạt được thành tố này chỉ từ sự phụ thuộc của quan điểm mà thực ra chống lại nó. Từ đó nó có thể làm cho một cơ cấu quân đội mới dần dần hình thành, quân đội này bề ngoài bị giới hạn bởi những hiệp định hòa bình, nhưng phải bị biến đổi trong tinh thần theo thời đại thành một công cụ của nhà nước mới.



Adolf Hitler nhận ra mình là người có tài diễn thuyết.

Nếu người ta đặt ra vấn đề tại sao cuộc cách mạng có thể diễn ra được – không kể đến các sai lầm của nhà nước cũ là nguyên nhân thì người ta đi tới kết quả như sau:

1. Do sự đông cứng các khái niệm về thực hiện trách nhiệm và tuân thủ yêu cầu và
2. Do tính thụ động hèn nhát của cái gọi là các đảng phái nhà nước chúng tôi.

Ở đây còn cần phải nói thêm là:

Trách nhiệm không được đáp ứng và yêu cầu không được tuân thủ đã trở thành nguyên nhân cuối cùng trong sự giáo dục hoàn toàn phản dân tộc và chỉ của nhà nước. Từ đó đem lại kết quả là ở đây có sự nhầm lẫn giữa phương tiện và mục đích. Ý thức trách nhiệm và đáp ứng trách nhiệm cùng sự tuân thủ không phải là mục đích, giống như nhà nước không phải là mục đích mà tất cả đều phải là phương tiện, để tạo điều kiện và đảm bảo cho một cộng đồng về mặt tâm hồn lẫn thể xác của cùng loại sinh vật được tồn tại trên trái đất. Trong giờ phút, vì một dân tộc bị đổ vỡ và bị hy sinh sau khi bị thống trị nặng nề mọi mặt đều trông thấy, do hành động của một vài kẻ rách rưới, thì sự tuân thủ và đáp

ứng trách nhiệm đối với chủ nghĩa hình thức giáo điều chỉ là trò khôi hài, nếu mặt khác do sự từ chối tuân thủ và “đáp ứng trách nhiệm” lại là điều kiện để cứu vớt một dân tộc trước khi con tàu họ chìm xuống. Theo quan điểm nhà nước tư sản ngày nay của chúng tôi thì viên sư đoàn trưởng vào thời anh ta đã nhận mệnh lệnh từ trên là không được bắn, anh ta đáp ứng theo trách nhiệm và có quyền hành động như thế, anh không bắn, vì thế giới tư sản của sự tuân thủ hình thức không cần suy nghĩ có giá trị hơn là cuộc sống của dân tộc anh ta. Theo quan điểm quốc xã thì trong những thời điểm đó không phải sự tuân thủ đối với cấp trên yếu ớt có hiệu lực, mà là sự tuân thủ đối với cộng đồng dân tộc. Trong giờ phút như vậy thì trách nhiệm của cá nhân đối với cả dân tộc mới xuất hiện.

Nguyên nhân thành công của cách mạng là một quan điểm sống động của những khái niệm trên trong dân tộc chúng tôi, hay khá hơn là chúng đã bị mất đi trong chính phủ, để nhường cho quan điểm giáo điều và hình thức.

Về điểm thứ hai cần chú ý vấn đề sau:

Lý do sâu xa hơn của sự hèn nhất của các đảng phái “duy trì nhà nước” trước hết là sự ra khỏi hàng ngũ dân tộc của lớp người tích cực có ý thức tốt mà đã đổ máu trên trận địa. Nếu không đề cập tới điều này thì những đảng phái tư sản mà có thể được mô tả là câu hình chính trị duy nhất đứng trên nền đất của nhà nước cũ, tin tưởng rằng những quan điểm của họ chỉ được phép đại diện trên những đường lối tinh thần và bằng phương tiện tinh thần thôi. Vì việc sử dụng thể xác con người chỉ có nhà nước được làm. Không chỉ việc người ta phải nhìn thấy trong quan điểm đó dấu hiệu của sự yếu kém dần dần hình thành nên mà còn thấy vô lý trong một thời đại mà một đối thủ chính trị đã bỏ qua quan điểm này từ lâu rồi và thay vào đó nhấn mạnh công khai mọi chỗ là muốn dùng bạo lực để đấu tranh đạt tới mục đích chính trị. Vào thời điểm mà trong thế giới của nền dân chủ tư sản xuất hiện chủ nghĩa Mác là hiện tượng hậu quả thì lời kêu gọi “đấu tranh bằng vũ khí tinh thần” là điều vô lý, mà một ngày nào đó nó sẽ phải trả thù kinh khủng. Vì chủ nghĩa Mác tự đại diện cho quan điểm rằng việc sử dụng một loại vũ khí chỉ theo khía cạnh mục đích thôi và nó có quyền thắng lợi.

Quan điểm này đúng đắn ra sao thì đã được minh chứng trong những ngày từ mùng 7 đến 11.11.1918. Lúc đó chủ nghĩa Mác chẳng hề quan tâm tí nào tới chủ nghĩa nghị viện và nền dân chủ, mà ban cho hai loại này qua bọn gào thét bắn giết một cú đẩy tới cái chết. Các tổ chức đen của giới tư sản lúc đó đều mất sức kháng cự, dĩ nhiên là vậy.

Sau cuộc cách mạng, vì các đảng phái tư sản, nếu dưới sự thay đổi các biểu hiệu hăng tự nhiên xuất hiện và những nhà lãnh đạo dũng cảm tiến ra từ nơi ẩn nấp trong các hầm ngầm tối tăm và kho chứa thông thoáng, như tất cả những người đại diện kiểu cũ đó, họ không quên sai lầm của mình và cũng chẳng học thêm được gì. Chương trình chính trị của họ nằm trong quá khứ, nếu họ không hòa thuận bên trong được với xu thế mới, nhưng mục tiêu của họ là tìm cách tham gia vào vị trí trong xu thế mới nếu có thể và vũ khí duy nhất trước sau vẫn chỉ là lời nói của họ.

Sau cách mạng các đảng phái tư sản trong phương thức đáng phàn nàn nhất lúc nào cũng đầu hàng ngoài phố.

Khi Luật bảo vệ nước cộng hòa cần phải được thông qua, thì tính đại chúng về việc này lúc đó chưa có. Chỉ trước hai trăm ngàn người theo chủ nghĩa Mác biểu tình đã làm cho các “quan chức nhà nước” giới tư sản sợ tới nỗi họ phải thông qua luật dù không tin tưởng gì, trong nỗi sợ hãi sinh ra lúc đó là sợ nếu rời bỏ quốc hội sẽ bị đám đông nổi điên đánh cho mềm người ra. Đáng tiếc là việc thông qua Luật đã làm cho vụ đó không xảy ra. Cứ thế sự phát triển nhà nước mới cũng có con đường của họ, như là một tổ chức đối lập chống lại họ không hề có vậy.

Các tổ chức duy nhất mà có lòng dũng cảm và sức mạnh trong lúc đó để chống lại đám đông bị kích động và chủ nghĩa Mác trước hết là lực lượng tự do, sau đó là các tổ chức phòng vệ dân sự, dân quân tự vệ v.v... và cuối cùng là các hiệp hội truyền thống.

Nhưng tại sao sự tồn tại của họ trong sự phát triển của lịch sử nước Đức không chỉ dẫn tới sự biến đổi nhận biết được, điều này do điều kiện sau:

Các đảng phái gọi là theo quốc gia không muốn gây ảnh hưởng vì thiếu uy lực đe dọa trên đường phố, như thế các tổ chức quân sự không thể gây áp lực

được vì thiếu tư tưởng chính trị gì đó và trước hết là thiếu mục tiêu chính trị thực sự.



Chủ nghĩa Mác.

Điều đã làm cho chủ nghĩa Mác thắng lợi là cuộc chơi cùng nhau đã kết thúc bởi ham muốn chính trị và tính tàn bạo tích cực. Điều mà nước Đức theo chủ nghĩa dân tộc đã bị thực tế tổ chức của sự phát triển làm vô hiệu hóa chính là sự thiếu hợp tác làm việc của thể lực tàn bạo với ham muốn chính trị thiên tài.

Loại ham muốn nào của các đảng phái “dân tộc” cũng chẳng có quyền lực để đấu tranh cho ham muốn đó, nhất là trên đường phố.

Các tổ chức quân sự có tất cả quyền lực, đó là các ông chủ đường phố và của nhà nước và họ không có tư tưởng chính trị và mục đích chính trị mà thể lực của nó được sử dụng để có lợi cho nước Đức theo dân tộc, hoặc có thể được sử dụng. Trong cả hai trường hợp đều gặp người Do Thái tinh ranh mà đã thành công trong việc thuyết phục thông minh và tăng cường tính vĩnh cửu nghi thức, trong mọi trường hợp đều dẫn tới sự tăng cường đi sâu vào mối quan hệ khổ ải đó.

Tên Do Thái chính là người thông qua báo chí của hắn mà hiểu cách lăng xê lâu dài khéo léo tư tưởng về tính vô chính trị của các tổ chức quân sự, cũng

như hấn khôn ngoan luôn đề cao và yêu cầu “tinh thần trong sáng” của cuộc đấu tranh. Hàng triệu cái đầu ngu ngốc của người Đức lặp lại theo điều vô lý này mà không hề biết gì cả về việc họ đã tự tước vũ khí của mình và hy sinh cho người Do Thái không sức kháng cự nào.

Nhưng ở đây tất nhiên cũng có lời giải thích rất tự nhiên. Sự thiếu một tư tưởng lớn và mới hình thành có ý nghĩa trong mọi thời đại là một sự hạn chế sức đấu tranh.

CHƯƠNG 9.4: LÀM SAO CHIẾM ĐƯỢC TRÁI TIM CỦA MỘT DÂN TỘC?

Sự chỉ ra một tư tưởng lớn mới là bí mật thành công của hội người Pháp; nhờ tư tưởng này mà người chiến thắng là người Nga, và chủ nghĩa phát xít chỉ nhờ tư tưởng mà có được sức mạnh để một dân tộc trong phương thức ưu ái nhất phải thần phục một tổ chức mới tổng hợp nhất.

Các đảng phái tư sản ở đây đều không có khả năng.

Không chỉ các đảng phái tư sản nhìn thấy mục đích chính trị trong sự chấn chỉnh sửa chữa quá khứ, mà cả các tổ chức quân sự nữa, nói chung nếu họ quan tâm tới các mục đích chính trị. Các xu hướng của hiệp hội chiến binh và hội thợ săn vùng Kyffhäuser (phía bắc vùng Thüringen) trở nên sống động và hỗ trợ họ làm cùn vũ khí chính trị sắc bén nhất của nước Đức theo chủ nghĩa dân tộc lúc đó và để nó suy tàn đi trong công việc làm đầy tớ của nước cộng hòa. Việc họ lúc đó ở trong ý thức tốt nhất và hành động trước hết với niềm tin vững chắc nhất chẳng thay đổi tí gì ở câu chuyện khôi hài này trong các quá trình xảy ra lúc đó.



Ảnh minh họa.

Dần dần chủ nghĩa Mác đạt được trong lực lượng quân sự vững chắc trụ cột quyền lực theo yêu cầu ụy tín của nó và bắt đầu giải trừ một cách hợp lý và logic các tổ chức quân sự nguy hiểm mang tính dân tộc mà giờ đây trở nên thừa ra. Các nhà lãnh đạo riêng lẻ đã suy thoái mà người ta không còn tin tưởng nữa, bị đọc lệnh ra trước vành móng ngựa và giấu kín đằng sau rèm che Thụy Điển. Trong mọi trường hợp họ đã đáp ứng số phận mà họ tự nợ nần.

Với sự thành lập của Đảng công nhân quốc xã Đức lần đầu tiên một phong trào xuất hiện mà mục tiêu của nó không nằm trong sự sửa chữa quá khứ như mục tiêu của các đảng phái tư sản, mà trong sự nỗ lực thiết lập nên một nhà nước có tổ chức của nhân dân thay vào bộ máy nhà nước ngạo ngược cũ ngày nay.

Phong trào trẻ ngay từ những ngày đầu đã đứng trên quan điểm rằng tư tưởng của họ đại diện về mặt tinh thần nhưng việc bảo vệ sự đại diện này nếu cần thiết cũng phải được bảo đảm bằng phương tiện bạo lực thể xác. Trung thành với niềm tin vào ý nghĩa to lớn của học thuyết mới dĩ nhiên họ thấy rằng để đạt được mục tiêu của mình thì không được gây ra hy sinh tổn thất quá lớn.

Tôi đã từng chỉ ra các thời điểm mà một phong trào nếu muốn chiếm được trái tim của một dân tộc, thì phải có trách nhiệm nhận việc bảo vệ trong hàng ngũ mình chống lại mọi phương cách của kẻ thù khủng bố. Đó cũng là một kinh nghiệm vĩnh cửu của lịch sử thế giới, rằng bọn khủng bố đại diện cho một thế giới quan chẳng bao giờ có thể bị bẻ gãy nhờ vào một thế lực nhà nước hình thức mà luôn nhờ sự thần phục lãnh đạo của một quan điểm mới, bình thản và quyết tâm. Điều này làm cho các nhà ô che quan chức nhà nước cảm thấy khó chịu trong mọi thời điểm nhưng không vì thế mà sự thực bị quét khỏi thế giới. Bạo lực nhà nước chỉ có thể bảo đảm cho trật tự và yên tĩnh, nếu nhà nước về nội dung được bao trùm bởi quan điểm thống trị làm cho những người thích bạo lực chỉ có bản chất riêng lẻ với tính cách tội ác và không được coi là đại diện của một tư tưởng cực điểm chống đối những quan điểm nhà nước. Trong trường hợp như vậy nhà nước có thể sử dụng trong hàng thế kỷ dài những biện pháp bạo lực lớn nhất chống lại bọn khủng bố đe dọa nó, cuối cùng chúng không thể chống lại nó mà thần phục nó.

Nhà nước Đức bị chủ nghĩa Mác tấn công nặng nề nhất. Nó đã không thể ngăn cản chiến thắng của quan điểm này trong cuộc đấu kéo dài bảy mươi năm, mà dù hàng ngàn năm với những biện pháp đẫm máu nhất và nhà tù hay những hình phạt trong tù nó đã áp dụng đối với vô số các chiến sĩ mác xít đe dọa nó, nó vẫn bị ép phải đầu hàng hầu như hoàn toàn. (Điều này cả nhà lãnh đạo nhà nước tư sản bình thường cũng từ chối, tất nhiên là anh ta không thấy tin vào nó).

Nhưng nhà nước mà đã đầu hàng chủ nghĩa Mác không điều kiện vào ngày 9.11.1918 sẽ không tự dung mà sáng sau đứng dậy làm kẻ ép buộc nó được mà ngược lại: những cái đầu yếu đuối tư sản ngồi trên các ghế bộ trưởng ngày nay đã theo dệt những lời ngu ngốc về sự cần thiết của việc lãnh đạo không chống lại công nhân, ở đây khái niệm “công nhân” của chủ nghĩa Mác đang được đề cập tới. Nhưng họ đã coi lớp công nhân Đức giống như chủ nghĩa Mác, như vậy không những họ đã giả mạo dối trá cũng hèn nhất đối với sự thật mà còn tìm cách qua động cơ của mình giấu việc bị sụp đổ trước tư tưởng và tổ chức mác xít.

Thực tế lại chính là sự thần phục hoàn toàn của nhà nước ngày nay dưới chủ nghĩa Mác, phong trào quốc xã phát triển lên trước hết là nhận trách nhiệm,

không chỉ chuẩn bị tư tưởng cho chiến thắng mà còn bảo vệ nó chống lại sự khủng bố của quốc tế đó đang say sưa chiến thắng.

Tôi đã mô tả sự hình thành dần dần việc bảo vệ hội nghị của phong trào chúng tôi từ trong cuộc sống thực tế ra sao, việc nó dần dần mang tính chất của một đội ngũ sắp xếp nhất định và nỗ lực theo một hình thức tổ chức.

Dần dần hình thái bên ngoài của nó càng muốn trở thành giống như một tổ chức quân sự, thì nó càng khó sánh bằng tổ chức đó.

Như đã nói ở trên, các tổ chức quân sự Đức không có những tư tưởng chính trị riêng. Họ thực sự chỉ là những đội dân quân tự vệ được đào tạo và tổ chức ít hay nhiều cho phù hợp với mục đích thôi, thực ra họ là sự bổ sung bất hợp pháp của phương tiện quyền lực hợp pháp của nhà nước. Tính chất của đội quân nghĩa binh không phải chuyên nghiệp chỉ được tạo nên do loại hình đào tạo và do tình trạng của nhà nước lúc đó, một danh hiệu không dành cho họ là những hình thức chiến đấu tự do cho niềm tin tự do riêng. Họ không có danh hiệu đó dù mọi thái độ đối nghịch của từng nhà lãnh đạo và tất cả các hiệp hội chống lại nước cộng hòa. Vì chỉ có sự thuyết phục của thiểu số của một tình trạng đang có thì không đủ, để có thể nói về niềm tin trong ý nghĩa cao hơn, mà điều này chỉ bắt rễ trong sự hiểu biết một tình trạng mới và trong việc nhìn thấu bên trong của tình trạng mà người ta cảm nhận phải đạt được vì cần thiết, và người ta phải tiến hành thực hiện nó người ta nhìn nhận là nhiệm vụ cao nhất trong cuộc sống của họ.

Điều này phân biệt đội bảo vệ hội nghị của phong trào quốc xã lúc đó với các tổ chức quân sự khác về cơ bản là nó không phải là đội phục vụ trong các tình thế do cách mạng tạo ra hay muốn trở thành như vậy, mà phần lớn nó chỉ rung chuông báo hiệu cho một nhà nước Đức mới.



Hầm rượu bia ở Munich, nơi Hitler đã thành lập.

Nhưng đội bảo vệ này lúc đầu mang tính chất của đội bảo vệ phòng hội nghị. Nhiệm vụ đầu tiên là giới hạn trong việc nó tạo điều kiện thực hiện các cuộc hội họp mà nếu không có họ thì kẻ thù sẽ cản trở hoàn toàn.

Lúc đó họ được đào tạo để tấn công mù quáng nhưng không phải vì người ta đang nói chuyện trước tầng lớp dân chúng thường dân ngu ngốc chỉ đề cao roi cao su, mà vì họ hiểu rằng tinh thần cao nhất có thể có thể bị tắt ngóm, nếu người mang nó bị đánh bằng roi cao su, như thực tế trong lịch sử những cái đầu quan trọng nhất đã bị những cú đánh của bọn nô lệ bé nhất kết liễu. Họ không muốn coi bạo lực là mục tiêu mà bảo vệ người đưa ra thông báo về mục tiêu tinh thần trước sự chèn ép của bạo lực. Họ hiểu rằng không có trách nhiệm nhận việc bảo vệ nhà nước, cái nhà nước mà không bảo đảm sự bảo vệ cho dân tộc, mà ngược lại họ phải nhận trách nhiệm bảo vệ dân tộc chống lại những kẻ đe dọa hủy diệt dân tộc và nhà nước.

Sau trận đánh nhau trong buổi mít-tinh ở Nhà bia cung đình München đội bảo vệ trật tự nhận được danh hiệu Sư đoàn bảo tấp vĩnh cửu để luôn nhớ tới

những trận tấn công bão táp anh dũng của số ít người lúc đó. Như cái tên đã nói lên ý nghĩa của nó, cái tên thể hiện đây là bộ phận vận động. Đó là một bộ phận trong nó, giống như việc tuyên truyền, báo chí, các viện khoa học và các bộ phận khác chỉ tạo nên các thành phần của Đảng.

Việc hoàn thiện nó quan trọng ra sao chúng tôi có thể nhìn thấy không chỉ trong cái đại hội đáng chú ý đó mà còn ở cách chúng tôi thử cố gắng đẩy phong trào từ München dần lan ra cả nước Đức. Đối với chủ nghĩa Mác hình ảnh của chúng tôi nguy hiểm ra sao thì nó không thể không lợi dụng cơ hội này để tìm cách bóp nghẹt phong trào quốc xã ngay từ mầm mống hoặc cản trở chúng tôi bằng nổ bom hội nghị. Ở đây dĩ nhiên là có các tổ chức Đảng mác xít dưới mọi bóng tối che kín các ý định và những người trụ cột đại diện cho chúng. Người ta cần phải nói với các đảng phái chính trị mà bị chủ nghĩa Mác đè bẹp, đến nỗi không dám để cho người phát ngôn của mình phát biểu công khai ở nhiều nơi, và mặc dù họ theo sát những cuộc đấu tranh không thuận lợi đối với chúng tôi chống chủ nghĩa Mác với sự thỏa mãn hoàn toàn khó hiểu ngu ngốc. Họ cảm thấy may mắn rằng người của họ không thể bị ép buộc và phần lớn tự ép họ cứng rắn lên để không bị chúng tôi bẻ gãy. Người ta nên nói gì với các quan chức nhà nước, quan chức các sở cảnh sát, phải, cả các bộ trưởng nữa, những người vô ý thức một cách chẳng lịch sự gì khi thích tự coi mình là những người trụ cột quốc gia, khi có những mâu thuẫn tranh cãi giữa chúng tôi những người theo chủ nghĩa quốc xã và chủ nghĩa Mác, đã thực hiện nhiệm vụ là tay chân cho nó một cách đáng phi nhũ nhất. Vậy người ta nên nói gì với những người mà trong sự tự hạ thấp mình tới mức họ theo sát những người trụ cột kia chỉ vì lời khen nghèo nàn của báo chí Do Thái, họ phải biết ơn phần nào sự cống hiến cả cuộc sống riêng vào nhiệm vụ một cách anh hùng của những trụ cột kia, nếu như trước đó vài năm họ không bị bọn chuột đỏ treo cổ lên cột đèn thành những cái xác phơi tã.

Đó là những hình ảnh đáng buồn dẫn tới câu trích dẫn tồi tệ, khi ông chủ tịch Pöhner đã căm ghét với trái tim trung thực của một con người mọi kẻ hèn hạ đó trong sự thẳng băng cứng rắn của ông, rằng: “Tôi chẳng muốn gì trong cả cuộc đời tôi ngoài việc là một người Đức và một quan chức, và tôi không bao

giờ muốn bị nhầm lẫn với những sinh vật bám theo bọn nhà thổ để chơi trò quan chức cả”.

Đặc biệt đáng buồn rằng loại người này dần nhận được hàng mười ngàn tôlơ của nhà nước Đức loại trung thực ngoan ngoãn nhất không chỉ dưới bạo lực của họ, mà còn bị lây sự vô ý thức của họ nữa, bọn này theo sát họ với sự căm ghét, lôi họ ra khỏi công sở và vị trí, trong khi luôn thể hiện là những trụ cột của “dân tộc” một cách mỉa mai lừa dối.

Chúng tôi không bao giờ được phép hy vọng có sự giúp đỡ từ những người đó, và chúng tôi cũng chỉ có họ trong những trường hợp hãn hữu lắm. Chỉ có lúc hoàn thiện sự bảo vệ riêng thì mới bảo đảm được hoạt động của phong trào và đồng thời giành được sự quan tâm chú ý của công chúng và sự đề cao chung mà người ta giành cho người có thể tự vệ khi bị tấn công.

CHƯƠNG 9.5: CỘT CHỐNG QUAN TRỌNG NHẤT CỦA QUYỀN LỰC?

Ý định luôn là tư tưởng chỉ đạo cho sự đào tạo bên trong của sự đoàn bão táp này là về việc bên cạnh mọi hoạt động thể xác còn phải đào tạo nó thành người đại diện đáng tin cậy không gì lay chuyển nổi của tư tưởng quốc xã và cuối cùng là việc củng cố kỷ luật ở mức độ cao nhất. Họ chẳng có việc gì làm với cái tổ chức quân sự theo quan điểm tự sản cả, với một tổ chức bí mật cũng thế.

Tại sao lúc đó tôi đã chống lại căng thẳng với việc thúc đẩy đội quân bão táp của Đảng công nhân quốc xã Đức thành tổ chức quân sự vì suy nghĩ cân nhắc như sau:

Việc đào tạo quân sự cho một dân tộc nếu chỉ nói về chuyên môn không thực hiện nhờ các hiệp hội tư nhân được, chỉ nhờ sự hỗ trợ bằng phương tiện lớn nhất của nhà nước thôi. Niềm tin vào các nơi khác đều dựa vào sự đánh giá cao khả năng từng cá nhân. Giờ thì loại trừ việc người ta có thể áp dụng cái gọi là “Kỷ luật tự giác” để có thể xây dựng các tổ chức vượt trên một qui mô nhất định mà có giá trị quân sự. Ở đây thiếu một cột chống quan trọng nhất của quyền lực ra lệnh, chính là quyền phạt.



Adolf Hitler. Ảnh minh họa.

Hình như trong mùa thu hay nói đúng hơn là đầu năm 1919 có thể thành lập “đội quân tự do”, nó không chỉ lúc đó phần lớn nhờ trường học quân đội cũ đều có các chiến sĩ đã chiến đấu ngoài mặt trận, loại trách nhiệm mà họ đặt lên từng người bắt buộc phải tuân theo kỷ luật quân sự ít nhất trong một thời hạn nhất định.

Điều này hoàn toàn thiếu trong một “tổ chức quân sự” tự nguyện ngày nay. Hội của họ càng lớn thì kỷ luật càng yếu kém, các yêu cầu càng được phép nêu ít hơn, đó là những yêu cầu người ta đặt ra cho mọi người, và toàn thể càng mang cái tính chất của một hiệp hội không chính trị của chiến binh và hạ sĩ quan.

Việc giáo dục tự nguyện tham gia phục vụ quân đội không có bảo đảm quyền ra lệnh không bao giờ thực hiện được trong tầng lớp đại chúng. Ngày càng ít có người sẵn sàng tự nguyện từ chỗ tự do chui vào chỗ phải bị ép phục tùng kỷ luật, như trong quân đội coi đây là điều dĩ nhiên và tự nhiên.

Tiếp theo việc đào tạo thực sự không thể thực hiện do phương tiện nghèo nàn một cách nực cười mà được cung cấp cho mục đích tương tự đối với một tổ

chức quân sự. Sự đào tạo tốt nhất, đáng tin cậy nhất phải là nhiệm vụ chính của một cơ quan như thế. Từ khi có chiến tranh đã tám năm trôi qua, từ lúc đó không có khóa nào của lớp thanh niên Đức chúng tôi được đào tạo theo kế hoạch nữa. Nhiệm vụ của một tổ chức quân sự không thể là việc tổng hợp hết những khóa đã được đào tạo, vì người ta có thể dùng toán học tính ngay được khi nào thì thành viên cuối cùng sẽ rời tổ hợp đó. Ngay cả anh lính trẻ nhất vào năm 1918 sẽ không thể chiến đấu sau hai mươi năm nữa, và chúng tôi tiếp cận những thời điểm đó bằng tốc độ nhanh có thể được. Như vậy mỗi tổ chức quân sự bắt buộc ngày càng chấp nhận cái tính chất của một hội chiến binh cũ. Điều này không thể là ý nghĩa của một cơ sở mà không tự mô tả mình là hội chiến binh mà là hội quân sự, và họ đã cố gắng thể hiện qua cái tên của mình là họ không chỉ nhìn thấy trong sự bảo tồn truyền thống và sự gắn kết cùng nhau của những người lính trước đây sự mạng của họ, mà trong việc đào tạo tư duy quân sự và trong việc tạo ra đại diện thực tế của tư duy đó, có nghĩa là tạo ra một bộ máy quân sự.

Nhưng nhiệm vụ này lại yêu cầu bắt buộc có sự đào tạo những người cho tới nay chưa được luyện tập quân sự, và điều này trong thực tế không thể làm được. Với việc đào tạo mỗi tuần một hai giờ người ta không thể tạo ra người lính thực thụ. Đối với những yêu cầu ngày càng tăng lên ngày nay đặt ra cho từng người công việc phục vụ chiến tranh thì thời gian đi nghĩa vụ quân sự trong hai năm vẫn còn đủ để biến một chàng trai chưa được đào tạo thành một người lính có học.

Tất cả chúng tôi đều trải qua hậu quả đáng sợ trước mắt mà những người lính trẻ chưa qua đào tạo kỹ càng về kỹ năng trong chiến tranh gây ra. Những tổ chức tự nguyện đã được luyện tập hàng mười lăm, hai mươi tuần dài với lòng quyết tâm sắt đá và cống hiến vô biên thể hiện ở mặt trận cũng vẫn chỉ là mồi cho đạn pháo. Chỉ có khi họ được phân chia vào hàng ngũ những người lính già có kinh nghiệm, thì những người trẻ hơn mới được đào tạo từ bốn đến sáu tháng trở thành những thành viên có lợi của tiểu đoàn lính cũ; ở đây họ được người “già” hướng dẫn và trưởng thành dần dần trong những nhiệm vụ của họ.

Việc tìm cách dù không có quyền ra lệnh rõ ràng và có phương tiện tổng hợp mà muốn dùng phương án đào tạo một đến hai giờ mỗi tuần để kéo cả một

đội quân tới thì quả là vượt mặt không nề mũi! Như vậy người ta chỉ có thể động viên được những người lính già chứ không thể làm thanh niên trở thành những người lính được.

Sự tiến hành công việc tương tự sẽ mang lại những kết quả giống nhau và hoàn toàn vô giá trị, nó còn có thể được đặc biệt chú ý nhờ thực tế là trong cùng một thời gian mà một tổ chức quân sự tự nguyện cùng hò hét cố gắng vượt khó để lôi kéo được vài ngàn người tốt bụng đào tạo tư duy hoặc tìm cách đào tạo tư duy quân sự cho họ, nhà nước thì tự dùng loại giáo dục dân chủ Thái bình dương cướp đi bản năng tự nhiên của hàng triệu và hàng triệu thanh niên trẻ tuổi, đầu độc tư duy hợp lý của họ là phục vụ quê hương và dần làm cho họ biến thành lớp người tự phát đối diện với bầy cừu nhẩn nại.

Còn nực cười hơn là khi so sánh với mọi nỗ lực của các tổ chức quân sự mà muốn cung cấp tư duy của họ cho lớp thanh niên Đức.

Nhưng hầu như quan trọng hơn chính là quan điểm thường làm tôi thay đổi ý định tìm cách thay đổi trách nhiệm tham gia tổ chức quân sự bằng cơ sở dựa trên sự tự nguyện:

Nói ví dụ, mặc dù trước đó có nhiều khó khăn như đã nêu trên nhưng một hiệp hội vẫn đạt được việc đào tạo một số người Đức nhất định năm này qua năm khác, và mặc dù trong cả tâm nhìn ý tưởng của họ lẫn hoạt động cơ thể và đào tạo sử dụng vũ khí mà kết quả vẫn là số không trong một nhà nước mà xu hướng tạo trách nhiệm nghĩa vụ quân sự không được đón chào lắm, có khi trực tiếp căm ghét là khác, vì nó hoàn toàn đi ngược lại mục tiêu sâu thẳm bên trong của nhà lãnh đạo nó – người phá hủy nhà nước này.

Trong mọi trường hợp một kết quả như vậy sẽ không có giá trị dưới loại chính phủ, mà không chỉ chứng minh bằng hành động là sức mạnh quân sự của dân tộc không quan trọng đối với họ mà cũng chẳng bao giờ mong muốn có nó, một bảng hiệu triệu gửi cho lực lượng này cũng chỉ cùng lắm là hỗ trợ cho sự tồn tại tồi tệ của nó. Và ngày nay tình trạng này vẫn như vậy. Hay là nó không nực cười, khi đối với một tiểu đoàn vài vạn người muốn đào tạo quân sự trong lúc tranh tối tranh sáng, nếu nhà nước vài năm trước đó đã bỏ rơi tám triệu rưỡi lính được đào tạo tốt nhất, không chỉ vì họ không còn được dùng nữa mà để cảm ơn vì sự hy sinh

của họ có khi còn bị dân chúng chửi rủa nữa. Như vậy người ta muốn đào tạo những người lính cho một đơn vị quân đội nhà nước mà lại làm vậy bản và phỉ nhổ vào những người lính nổi tiếng nhất, giết mất những huân, huy chương trên ngực áo họ, lấy kokarden, đâm nát lá cờ và hạ phẩm giá ban lãnh đạo của họ? Hay cái trung đoàn nhà nước ấy ngày nay có lúc nào chỉ đi một bước là gây dựng lại sự tôn trọng của quân đội cũ, lỗi những kẻ đã phá hoại và chửi bới họ ra chịu trách nhiệm hay không? Không hề, dù chỉ làm một chút. Ngược lại: chúng tôi có thể nhìn thấy chúng chiếm những công sở nhà nước cao nhất. Người ta nói về Leipzig ra sao: “Quyền đi với thế lực”. Nhưng ngày nay trong nước cộng hòa quyền lực lại nằm trong tay những người giống như vậy, họ đã từng xúi giục tiến hành cuộc cách mạng mà thể hiện sự phản bội đất nước hèn hạ nhất, đó là một hành động của bọn tội tệt đáng ghét nhất trong lịch sử nước Đức, như thế chẳng có lý do gì trong thực tế để quyền lực của họ cần phải được nâng cao nhờ sự thành lập một quân đội trẻ mới. Mọi lý do của lý trí đều phản bác lại điều này. Nhưng nhà nước này sau khi xảy ra cuộc cách mạng 1918, đã đánh giá như thế nào về sự tăng cường quân sự cho vị trí của nó, cho thấy rõ ràng là từ quan điểm của nó đối với những tổ chức tự vệ lớn đã tồn tại lúc đó. Tới khi nào họ vẫn còn bảo vệ cho những cá nhân phục vụ cuộc cách mạng đó thì họ đều không được hoan nghênh. Nhưng do sự nghèo đói hoá dân lành chúng tôi mà mối nguy hiểm này hình như được xóa bỏ, và sự tồn tại các hiệp hội chỉ có ý nghĩa tăng cường chính sách dân tộc mà thôi, họ như đồ thừa và người ta làm tất cả để giải giáp vũ khí của họ, nếu có thể thì giải tán luôn tổ chức của họ đi. Lịch sử cho thấy sự biết ơn của tầng lớp lãnh chúa chỉ rất hiếm khi nhìn thấy. Nhưng ngay cả tính đến sự biết ơn của bọn ham giết người phái cách mạng, bọn bóc lột dân và phản bội dân tộc thì cũng chỉ có một người yêu nước kiểu mới mới có thôi. Tôi chẳng bao giờ có thể nhận được câu trả lời khi kiểm tra một vấn đề là liệu những tổ chức quân sự có thể thành lập được không: Tôi đào tạo mọi người cho ai? Họ được sử dụng và mục đích gì và bao giờ thì được kêu gọi? Câu trả lời về việc này cho biết đường lối tốt nhất cho cách xử thế riêng.

Nếu nhà nước ngày nay nắm lấy số người được đào tạo loại này thì chẳng bao giờ có thể có người đại diện cho quyền lợi dân tộc ở bên ngoài, mà luôn chỉ

bảo vệ kẻ đàn áp dân tộc bên trong trước sự nổi giận bốc lửa vào ngày nào đó của dân tộc bị lừa dối, bị phản bội và bán đứng.

Đội quân bảo tấp của Đảng công nhân quốc xã Đức được phép từ lý do trên không liên quan tới một tổ chức quân sự.

Nó đã từng là phương tiện bảo vệ và giáo dục của phong trào quốc xã, và nhiệm vụ của nó nằm trên một lĩnh vực hoàn toàn khác so với lĩnh vực tổ chức quân sự.



Juda (phải) đã phản chúa Jesus để đổi lấy 30 đồng bạc.

Nó cũng không cần phải thể hiện là một tổ chức mật. Mục đích của các tổ chức mật chỉ là mục đích phạm luật thôi. Như vậy qui mô của một tổ chức như vậy sẽ bị tự giới hạn lại. Điều không thể chính là việc dân tộc Đức có cái tính ba hoa buôn chuyện mà lại xây dựng một tổ chức khá lớn và lại đồng thời giữ bí mật với bên ngoài, hay che giấu được mục tiêu của nó. Mỗi ý định như vậy sẽ trở thành hàng ngàn lần vô dụng phù phiếm mà thôi. Không chỉ các nhà lãnh đạo cảnh sát ngày nay cung cấp một đội quân dốt gái và người cùng hội cùng thuyền tương tự, bọn có thể phản bội vì đồng lương ba mươi đồng bạc của bọn Juda mà họ có thể tìm thấy và cố tìm thêm có thể phản bội gì nữa, thì không bao

giờ tự làm cho những người ủng hộ chúng phải im lặng trong trường hợp tương tự. Chỉ có những đội nhóm nhỏ có thể qua những năm dài sàng lọc mà có được tính chất của những tổ chức mật thực sự. Nhưng tính chất tiêu tổ như thế làm mất giá trị của phong trào quốc xã. Điều chúng tôi cần và luôn cần là đã không phải là một hay hai trăm kẻ thề bồi mà là hàng trăm ngàn và hàng trăm ngàn chiến sĩ chỉ chiến đấu hết mức vì thế giới quan của chúng tôi. Không phải là được làm trong những khu konventikeln bí mật mà là trong những thang máy lớn giành cho đại chúng và không phải dùng dao găm, thuốc độc hay súng ngắn có thể giải phóng đường đi mà là cuộc chiếm lĩnh đường phố. Chúng tôi đã dạy cho chủ nghĩa Mác rằng người chủ tương lai của đường phố là chủ nghĩa quốc xã, cũng như nó sẽ trở thành chủ nhân của nhà nước vậy.

Mỗi nguy hiểm của các tổ chức mật ngay nay còn nằm ở chỗ là qui mô của nhiệm vụ đối với các thành viên hoàn toàn bị hiểu nhầm cả, thay vào đó tạo nên ý kiến rằng số phận của một dân tộc thực sự nhờ một vụ giết người riêng lẻ mà tự nhiên được quyết định theo hướng thuận lợi. Ý kiến tương tự như vậy có thể có quyền bình đẳng về lịch sử, chính là khi một dân tộc dưới sự hành hạ của một nhà thống trị thiên tài suy yếu đi và người ta biết về họ là chỉ tính cách cá nhân nổi trội của anh ta mới bảo đảm được sự bền vững bên trong và sự sợ hãi của sức ép kẻ thù. Trong trường hợp tương tự thế có thể có một người từ một dân tộc tự nguyện hy sinh bước ra và chọc thanh kiếm giết người vào ngực kẻ thù duy nhất ấy. Và chỉ có lòng dũng cảm của những kẻ nghèo đói nhỏ bé biết lỗi của mình sẽ xem hành động đó và đáng tránh xa, trong khi những người hát tự do lớn nhất của dân tộc chúng tôi lại dám ca ngợi những hành động như vậy.

CHƯƠNG 9.6: “NGÀY CỦA NGƯỜI ĐỨC” TẠI KOBURG

Trong những năm 1919 và 1920 có mỗi nguy hiểm rằng người thuộc tổ chức mật chịu ảnh hưởng của những tấm gương lớn trong lịch sử và nổi bất hạnh vô biên của đất nước làm sợ hãi, đã tìm cách báo thù kẻ thù quê hương với niềm tin có thể kết thúc sự quần bách của dân tộc anh ta. Mỗi lần cố gắng như vậy đều trở thành vô nghĩa vì chủ nghĩa Mác chẳng hề biết ơn tính thiên tài vượt trội và ý nghĩa của từng cá nhân đã chiến thắng, mà nhiều hơn do sự khốn khổ vô biên và sự thua kém hèn nhất của thế giới tư sản. Sự phê phán tàn bạo nhất mà người ta có thể thực hiện trong giới tư sản chúng tôi là việc xác định rằng

cuộc cách mạng chẳng đưa ra một cái đầu tằm cỡ lớn duy nhất nào và có thể phục tùng nó. Luôn là điều dĩ nhiên khi phải đầu hàng trước Robespierre, Danton hay Marat, nhưng thật là đáng phá hủy, khi quì gối trước ông gầy Scheidemann, ông béo Erzberger, và ông Friedrich Ebert và cả những cậu trai nhỏ làm chính trị. Thực tế chẳng có lấy một cái đầu mà người ta có thể cho đó là thiên tài của cuộc cách mạng và nỗi bất hạnh của đất nước, mà toàn bọn rệp cách mạng và spactacut mang ba lô đội lớn và nhóm nhỏ. Có ai đó bị dẹp khỏi đường đi thì hoàn toàn chẳng có ý nghĩa gì, nhiều lắm là ai đó có thành tích làm cho vãi đờa khát máu khác thay vào chỗ anh ta sớm hơn mà thôi.

Người ta không thể đấu tranh chống lại một quan điểm đủ mức căng thẳng, quan điểm đó trong thực tế có nguyên nhân và lý giải trong những hiện tượng sự kiện lớn trong lịch sử, nhưng không phù hợp tí nào với thời đại những chú lùn lúc đó.



Adolf Hitler.

Đối với vấn đề diệt trừ bọn gọi là phản bội đất nước cũng có sự quan sát như vậy. Thật là không logic tới mức nực cười nếu giết một chàng trai mà đã phản bội khẩu đại bác, trong khi bên cạnh đó là bọn tiện dân ngồi ở những vị trí

cao quý, bán cả đất nước đi, lương tâm mang nặng sự hy sinh vô ích của hàng hai triệu người, chịu trách nhiệm về hàng triệu thương binh tàn tật nữa, nhưng giờ đây bình thản mở mang công việc kinh doanh trong nước cộng hòa của họ. Nhưng nếu tiêu diệt bọn phản bội đất nước nhỏ bé thì chẳng có nghĩa lý gì trong một nhà nước mà chính phủ của nó tự giải phóng chúng khỏi mọi hình phạt. Vì có thể xảy ra vào ngày nào đó một nhà tư tưởng hay hùng biện mà có thể tiêu diệt cho nhân dân một tên phản bội có vũ khí xấu xa lại bị những tên phản bội đất nước phái tư bản khác kéo vào chịu trách nhiệm. Và đây còn một vấn đề quan trọng nữa: Người ta nên để cho một tên súc sinh tiêu diệt một tên phản bội nhỏ bé hay để cho một nhà lý tưởng hóa làm việc đó? Trong một trường hợp thì thành công đáng khả nghi và sự phản bội về sau hầu như chắc chắn xảy ra; còn trường hợp kia thì một tên xấu xa bị tiêu diệt và cuộc sống đáng quý của nhà tư tưởng lại bị đặt vào cuộc chơi nguy hiểm.

Nói khác đi trong vấn đề này quan điểm của tôi là người ta không nên treo cổ bọn ăn cắp vặt, để cho bọn lớn chạy thoát; mà phải có một tòa án quốc gia Đức kết tội hàng mười ngàn tên tội phạm có tổ chức và chịu trách nhiệm vụ phản bội tháng mười một và tất cả gì thuộc vụ đó, đồng thời xử án chúng. Một tám gương như thế sẽ là một bài học cần thiết cả với bọn phản bội có vũ khí nhỏ.

Trên đây là những suy nghĩ làm cho tôi luôn lại cảm tham gia vào các tổ chức mật và sự đoàn bảo tập tự phòng vệ trước tính chất của những tổ chức đó. Trong những năm đó tôi đã tránh cho phong trào quốc xã khỏi những vụ thí nghiệm mà người lãnh đạo thường là các chàng trai có lý tưởng người Đức, hành động của họ chỉ đem lại sự hy sinh cho chính họ, trong việc họ không muốn cải thiện tí nào số phận cho đất nước. Nếu sự đoàn bảo tập không thể là một tổ chức quân sự lẫn một tổ chức mật thì từ đó có những lý lẽ như sau được rút ra.

1. Sự đào tạo sự đoàn không theo những khía cạnh quân sự mà theo ý tưởng của đảng.

Các thành viên được rèn luyện cơ thể thì giá trị chính không ở việc rèn luyện quân sự, mà nhiều hơn là hoạt động thể thao. Đấm bốc và võ Judo đối với tôi luôn quan trọng hơn là bất cứ môn thể thao nào, vì ngoài chúng chỉ là sự đào

tạo nửa chừng. Người ta cung cấp cho dân tộc Đức sáu triệu thanh niên có cơ thể khoẻ mạnh được rèn luyện thể thao miễn chê, tấm lòng đỏ rực tình yêu đất nước cuồng tín và được giáo dục có tinh thần tấn công cao nhất, và một nhà nước dân tộc sẽ tạo nên từ họ chỉ trong vòng không tới hai năm, nếu cần thiết, một quân đội hoặc ít nhất là bộ khung cơ bản nhất định. Đội này có thể, như tình trạng cụ thể ngày nay cho thấy, là quân đội Đức mà không phải một tổ chức quân sự nửa vùi mắc kẹt nữa. Sự rèn luyện cơ thể cần truyền cho từng người niềm tin vào khả năng vượt trội của họ và tạo cho họ sự tin tưởng vĩnh cửu chỉ có trong ý thức của sức lực riêng; nó cần dạy cho họ kỹ năng thể thao có thể làm vũ khí phục vụ khi họ bảo vệ phong trào.

2. Để ngay từ đầu bảo vệ tính chất bí mật của sự đoàn bão táp, ngoại trừ việc người ta có thể nhận ra họ từ trang phục, thì phải có tầm cỡ có lợi cho phong trào và quen thuộc với dư luận công cộng. Nó không được phép hội họp kín, mà luôn phải tuần hành công khai ngoài trời và có hoạt động cho mình, để những huyền thoại về “một tổ chức mật” bị phá hủy hoàn toàn. Để về mặt tinh thần họ có thể thoả mãn mọi nỗ lực tìm cách đáp ứng tính tích cực trong hoạt động của mình nhờ các buổi tuyên thệ nhỏ, thoát khỏi chúng, thì trước hết ngay từ đầu họ phải được phổ biến về tư tưởng lớn của phong trào và trong nhiệm vụ phải đại diện cho tư tưởng đó, được đào tạo hoàn toàn, ngay từ đầu đã mở rộng chân trời cho mình và từng người không nhìn thấy sứ mạng của mình trong sự tiêu diệt bọn lừa đảo bịp bợm nhỏ bé hay lớn hơn mà trong việc đầu quân vào công tác thiết lập một nhà nước quốc xã mới. Qua đó cuộc chiến đấu chống lại nhà nước ngày nay mới nâng mình lên khỏi không khí của những vụ báo thù và thù nguyên nhỏ bé để tới một cuộc chiến tiêu diệt quan điểm chống lại chủ nghĩa Mác và hình tượng của nó.

3. Hình thức tổ chức của sự đoàn bão táp cũng như trang phục và trang bị của nó không theo ý nghĩa tuân thủ theo hình mẫu của quân đội cũ mà theo mục đích nhất định của nhiệm vụ.

Các quan điểm này đã hướng dẫn tôi trong những năm 1920 và 1921 và tôi đã tìm cách từ từ truyền cho tổ chức trẻ tuổi. Chúng tôi đã thành công, cho tới mùa hè 1922 đã có con số tương đối hàng trăm người đi theo, vào cuối thu

1922 họ đã nhận được trang phục kiểu đặc biệt nổi bật. Có ba sự kiện vô cùng quan trọng đối với việc tiếp tục tổ chức sự đoàn bão tập là:

3.1 Cuộc biểu tình tuần hành lớn của các hiệp hội yêu nước chống lại Luật bảo vệ cộng hòa vào cuối mùa hè 1922 trên quảng trường Königsplatz thuộc München.



Quảng trường Königsplatz thuộc München

Các hiệp hội yêu nước München lúc đó đã ban hành lời kêu gọi yêu cầu kháng nghị chống lại việc giới thiệu Luật bảo vệ cộng hòa trong một cuộc mít-tinh khổng lồ tại München. Cả phong trào quốc xã cũng cần phải tham gia vào đó. Cuộc tuần hành quyết tâm của đảng đã được dẫn dắt bởi sáu tổ chức phân chia theo các phân ban của đảng phái chính trị. Có hai đội nhạc cũng cùng tuần hành với họ, và khoảng mười lăm lá cờ được mang theo. Các đảng viên quốc xã tập trung khoảng một nửa trên quảng trường lớn, mọi khi vắng tanh chẳng có quạ gì, họ gây nên một không khí phấn khởi vô giá. Tôi cũng có vinh dự được phép là một trong những người nói trước đám đông khoảng sáu chục ngàn người.

Thành công của mít-tinh vô cùng lớn, đặc biệt vì mặc dù có mọi sự đe dọa của bọn đó, lần đầu tiên chúng minh được là nhân dân München cũng có thể tuần hành trên đường phố được. Bọn bảo vệ nước cộng hòa đỏ tìm cách dùng bọn khủng bố để ngăn cản những đoàn người tuần hành đã bị phá tan bởi sự đoàn bảo tấp với những cái đầu chảy máu. Phong trào quốc xã lúc đó lần đầu tiên cho thấy quyết tâm của họ, tương lai cũng có quyền đưa ra yêu cầu trên đường phố và gạt sự độc quyền ra khỏi tay bọn phản bội và kẻ thù của đất nước.

Kết quả những ngày này không còn là bằng chứng bị phản bác đối với tính đúng đắn của tổ chức và tâm lý trong quan điểm của chúng tôi về việc xây dựng hoàn chỉnh sự đoàn bảo tấp.

Giờ thì nó dứt khoát được mở rộng trên cơ sở bảo đảm thành công, chỉ vài tuần sau sự đoàn tăng lên con số gấp đôi tại München.

3.2. Con tàu đi Koburg trong tháng 10 năm 1922.

Các hiệp hội nhân dân có ý định tiến hành ngày gọi là “Ngày của người Đức” tại Koburg. Tôi cũng nhận được giấy mời tới đây với lời ghi chú là họ mong muốn tôi mang thêm người khác tới. Việc này tôi đã nắm được vào buổi sáng lúc mười một giờ, nó rất có lợi cho tôi. Sau đó một tiếng đồng hồ tôi đã đưa ra lệnh sắp xếp buổi tới tham dự ngày người Đức này. Đi cùng với tôi là tám trăm người của sự đoàn bảo tấp, họ được chia thành mười bốn đội từ München đi bằng tàu riêng tới thành phố nhỏ vùng Bayern đó. Những mệnh lệnh phù hợp được chuyển tới các nhóm quân bảo tấp thuộc đảng quốc xã mà đã được thành lập tại các vùng khác.

Đó là lần đầu tiên, tại Đức có chuyến tàu đặc biệt đó chạy. Tại các địa phương có binh lính bảo tấp mới lên tàu đã gây ra xao động lớn cho dân chúng. Nhiều người chưa bao giờ nhìn thấy những lá cờ đỏ. Ấn tượng gây ra đối với họ rất lớn.

CHƯƠNG 9.7: VÙNG KOBURG VÀ NHỮNG TÊN KHỦNG BỐ ĐỎ

Khi chúng tôi tập trung tại nhà ga Koburg thì một ban đại diện cho tổ chức lãnh đạo ngày hội, họ mang tới cho chúng tôi bản “thỏa thuận” chính là mệnh lệnh của công đoàn hay đảng độc lập cộng sản với nội dung là chúng tôi không được tiến vào thành phố với trống dong cờ mở, với đội binh nhạc (chúng

tôi đã mang theo đội nhạc bốn mươi hai người) và không đi cùng thành một đội khép kín được.

Tôi từ chối những điều kiện hẹp hòi đó ngay lập tức, nhưng không bỏ qua việc nói cho các quý ngài lãnh đạo lễ hội có mặt đó sự xa lạ của tôi, rằng phải đàm phán và ký hiệp ước với những người này ngay, rồi tôi giải thích rằng sự đoàn bảo tấp trước mắt sẽ tiến vào thành phố trong đội ngũ với binh nhạc rộn rã và lá cờ tung bay.



Ảnh minh họa.

Tiếp theo sự việc diễn ra đúng như vậy.

Ngay từ trên sân ga đám đông đón chúng tôi đã hò reo vừa đếm đội ngũ và phần khích âm vang lên. “Kẻ giết người”, “tên kẻ cướp”, “bọn băng đảng”, “bọn tội phạm” là những cái tên âu yếm mà những người sáng lập gương mẫu của nước cộng hòa Đức đã yêu mến trút lên chúng tôi. Đội lính bảo tấp trẻ tuổi giữ trật tự như làm mẫu mực, các nhóm tập hợp trên quảng trường trước nhà ga và lúc đầu không quan tâm tới hội dân chúng hò reo. Do cảnh sát lo sợ nên binh lính trên con tàu của chúng tôi được dẫn vào thành phố hoàn toàn xa lạ này không tới nơi dừng chân trong khu nhà thợ săn ngoại vi Koburg mà vào tầng

ngầm Quán bia cung đình, gần trung tâm thành phố. Bên trái và bên phải con tàu đám đông dân chúng đi theo vẫn mỗi lúc lại tăng lên. Hầu như khi đội cuối cùng rẽ vào Quán bia cung đình thì đám đông lớn đã hò hét rồi quay ra. Để bảo vệ, cảnh sát đã đóng cửa tầng ngầm lại. Vì tình trạng này khó chịu đựng nổi, tôi đã để cho người của sư đoàn bao vây lại xuất hiện lần nữa, cảnh cáo họ ngăn gọn và yêu cầu cảnh sát phải mở các cổng ra. Sau khi trì hoãn hồi lâu họ mới chịu nghe theo.

Chúng tôi tiến ra quay lại con đường mà đã đi tới đây, để đi tới nơi trú chân của chúng tôi, và tất nhiên phải dàn mặt trận ra. Sau khi người ta hò hét chửi rủa mà không làm cho binh lính đội bao vây phải dao động, những người đại diện của chủ nghĩa xã hội thực sự, của sự công bằng và tình anh em đã dùng tới cả sỏi đá. Như vậy họ làm cho sự nhẫn nại của chúng tôi kết thúc và mưa rào đá đã rơi mười phút bên trái và phải tiêu diệt họ, trong vòng mười lăm phút sau đó không nhìn thấy ai trong phái đó còn lại trên phố nữa.

Vào buổi đêm còn xảy ra vụ xô xát nặng nề hơn. Các nhóm tuần tra của sư đoàn bao vây đã tìm thấy các thành viên quốc xã mà bị tấn công riêng lẻ trong tình trạng khinh khỉnh. Từ đó đối phương bị đối xử ngay. Ngày hôm sau tên khùng bố đở mà vùng Koburg lâu nay phải chịu đựng đã bị bẻ gãy. Với sự dối trá của hội Do Thái phái Mác xít người ta đã dùng những mảnh giấy truyền đơn đuổi “các đồng chí và nữ đồng chí của giai cấp vô sản quốc tế” lần nữa lên mặt đường, trong lúc người ta lật ngược sự thực, khẳng định rằng các “hội giết người” của chúng tôi đã tiến hành “cuộc chiến huỷ diệt đối với công nhân lương thiện hiền lành” tại Koburg. Vào lúc một giờ ba mươi một cuộc “biểu tình của dân chúng” lớn mà người ta cho là có sự tham gia của mười ngàn công nhân trong vùng phải diễn ra. Tôi quyết định vì vậy phải tiêu diệt tất cả bọn đở nên đã cho sư đoàn bao vây tiến lên lúc mười hai giờ trưa, đội này lúc đó đã lên tới một ngàn năm trăm người, và cùng tôi tuần hành tới thành phố lễ hội Koburg, đi qua quảng trường lớn, nơi sắp diễn ra cuộc biểu tình của họ. Tôi muốn xem họ có dám quấy rầy chúng tôi nữa không. Khi tới nơi chúng tôi thấy thay vì mười ngàn người thì chỉ có khoảng vài trăm người có mặt ở đó thôi. Họ đứng cạnh đội chúng tôi và giữ im lặng, vài người bỏ đi. Chỉ có vài chỗ là có vài nhóm hội đở từ nơi khác tới và chưa biết về chúng tôi, tìm cách tiếp cận chúng tôi, nhưng

chỉ vài phút sau là họ chẳng còn hứng thú gì nữa. Và giờ người ta có thể thấy là dân chúng cho tới giờ vẫn sợ hãi dần tỉnh giấc ra sao, lấy lại can đảm, dám gọi to chào chúng tôi và vào buổi tối khi chúng tôi rút đi thì có nhiều chỗ tiếng hoan hô tự phát đã vang lên.

Bỗng nhiên tại nhà ga người nhân viên đường sắt giải thích cho chúng tôi là con tàu sẽ không chạy. Tôi thông báo cho vài nhóm trưởng biết rằng trong trường hợp này tôi sẽ cho bắt tất cả bọn cầm đầu đó nếu rơi vào tay tôi, và rằng chúng tôi sẽ tự lái tàu đi, nhưng trên tàu và ca nô, trong từng toa xe phải đem theo các thành viên của tình đoàn kết quốc tế. Tôi cũng không bỏ qua việc nhấn mạnh cho các quan viên biết rằng chuyến đi cùng lực lượng của chúng tôi sẽ rất nguy hiểm và có thể tất cả sẽ gặp tai nạn mà bị gãy cổ hay gãy xương đấy. Chúng tôi sẽ rất vui mừng nếu ít nhất không đi một mình, mà trong sự bình đẳng và đoàn kết anh em với hội đỏ tới thiên đàng.

Từ lúc đó con tàu lại khởi hành đúng giờ và sáng hôm sau chúng tôi lành lặn tới München.

Tại Koburg lần đầu tiên kể từ năm 1914 sự bình đẳng của công dân trước pháp luật lại được thiết lập, vì nếu ngày nay những quan chức cao cấp tột tệ cứ quả quyết rằng nhà nước bảo vệ cuộc sống của công dân thì điều này không còn đúng nữa, vì người dân luôn phải tự bảo vệ mình trước những nhà đại diện cho nhà nước ngày nay.

Ý nghĩa của ngày này có thể lúc đầu không được đánh giá tất cả về hậu quả của nó. Không chỉ vì sự đoàn bão táp trong sự tự tin của nó và trong niềm tin vào sự đúng đắn của ban lãnh đạo được nâng tầm quan trọng lên, ngay cả môi trường xung quanh cũng bận rộn hơn với chúng tôi, và nhiều người lần đầu nhận ra trong phong trào quốc xã có cơ quan sẽ có ý định, dù xác suất có tới đâu, chuẩn bị kết thúc sự điên rồ của chủ nghĩa Mác.

Chỉ có nền dân chủ là kêu than thôi, rằng người ta có thể dừng cảm để cho bị đánh vào đầu không hề nhẹ nhàng gì cả, mà là trong một nước cộng hòa dân chủ chúng tôi đã dám chống lại một cuộc tấn công tàn bạo với những quả đấm và những cái gậy thay vì dùng những bài ca thái bình dương.

Báo chí tư sản nói chung phần thì kêu ca, phần lại bỉ ổi như mọi khi và chỉ vài tờ báo trung thực là chào đón việc ít nhất người ta ra tay dẹp bọn cướp đường móc xít ở chỗ nào đó.

Nhưng tại Koburg có một phần người lao động theo chủ nghĩa Mác mà người ta coi là bị dẫn dụ thôi, do những nắm đấm của những công nhân phong trào quốc xã đã học được, học cách nhìn nhận thấy rằng cũng những công nhân này chiến đấu cho lý tưởng vì theo kinh nghiệm người ta cũng đánh nhau vì cái gì đó mà người ta tin tưởng và yêu mến.

Nhưng cái lợi lớn nhất sư đoàn bảo tấp có. Nó phát triển rất nhanh tới mức vào ngày thành lập đảng 27.1.1923 đã có sáu ngàn người có thể tham gia dưới cờ rồi và những đội đầu tiên đã mang trang phục mới hoàn toàn.

Những kinh nghiệm ở Koburg đã cho thấy điều cần thiết và không chỉ để tăng cường tinh thần, mà cũng để tránh nhầm lẫn, tránh không nhận ra nhau, một loại trang phục thống nhất cho đội bảo tấp đã phải đưa vào sử dụng. Cho tới lúc đó họ chỉ đeo băng tay, giờ có thêm áo gió và mũ len quen thuộc nữa.

Những kinh nghiệm ở Koburg còn có ý nghĩa là chúng tôi vẫn tiếp tục tiến hành công việc theo kế hoạch tại các địa điểm mà bọn khủng bố đồ từ nhiều năm nay đã cản trở mọi cuộc hội họp của những người có quan điểm khác, ở đó chúng tôi sẽ bẻ gãy họ và thiết lập quyền tự do hội họp cho mọi người. Từ giờ trở đi các tiểu đoàn quân quốc xã luôn tập trung tại các địa điểm đó và dần dần tại vùng Bayern hết lâu đài đồ này tới cái khác bị quân quốc xã diệt trừ cả. Sư đoàn bảo tấp đã luôn trưởng thành trong nhiệm vụ của nó, nó luôn lùi khỏi tính chất của một phong trào quân sự vô nghĩa và không quan trọng đối với cuộc sống và phát triển lên cao trở thành một tổ chức chiến đấu sống động cho sự nghiệp thiết lập một nhà nước Đức mới.

Cho tới tháng ba năm 1923 sự phát triển theo lô gích vẫn duy trì được. Sau đó có sự kiện xảy ra làm tôi bắt buộc phải đưa sư đoàn ra khỏi con đường đang đi và đưa nó vào quá trình thay đổi.



Vùng Koburg và đoàn người tập trung.

4. Sự chiếm đóng vùng Ruhr trong những tháng đầu năm 1923 của người Pháp đã có ý nghĩa lớn đối với sự phát triển của sư đoàn bão táp trong thời gian sau đó.

Ngày nay việc tuyên bố công khai hay đưa ra văn bản về chuyện này trước công luận đều không thể làm được và đặc biệt vì quyền lợi dân tộc không phù hợp. Tôi chỉ có thể phát biểu rằng trong các cuộc đàm phán công khai đều đã đụng chạm tới vấn đề này và thông báo cho công luận biết về nó.

Sự chiếm đóng vùng Ruhr không làm chúng tôi ngạc nhiên đã gây niềm hy vọng rằng giờ đây chính sách hèn nhát của những người lùi bước đã bị bẻ gãy và các tổ chức quân sự nhận được nhiệm vụ nhất định. Sư đoàn bão táp lúc đó gồm hàng ngàn chàng trai trẻ khoẻ đầy sức lực cũng không được rút khỏi nhiệm vụ phục vụ dân tộc. Trong mùa xuân và giữa mùa hè năm 1923 họ được cải tổ trở thành một tổ chức quân sự. Phần lớn sự phát triển về sau trong năm 1923 nếu nói về phong trào của chúng tôi là nói về họ cả.

Vì tôi đang nói về những điểm lớn của sự phát triển trong năm 1923 tôi muốn xác định ở đây rằng việc thay đổi sư đoàn bão táp lúc đó nếu như những

điều kiện cho trước đã dẫn tới sự thay đổi này nghĩa là việc tiến hành cuộc kháng chiến tích cực chống Pháp không đúng thì về quan điểm của phong trào đó là sự thay đổi có hại.

Kết thúc năm 1923 dù thời gian này rất kinh khủng lúc đó thì xem xét từ quan điểm cao hơn thì đó là thời điểm gần như cần thiết khi nó đã kết thúc rứt một cái sự thay đổi của sự đoàn bão táp có hại cho phong trào do việc duy trì chính phủ Đức và tạo ra khả năng ngày nào đó lại xây dựng lại nơi mà người ta đã phải rời bỏ con đường đúng đang đi.

Đảng công nhân quốc xã Đức mới thành lập trong năm 1925 đã phải dựng lại sự đoàn bão táp của họ theo những nguyên tắc đã nói tới lúc đầu, đào tạo nó và tổ chức lại nó. Đảng phải quay lại với những quan điểm lành mạnh ban đầu và thấy nhiệm vụ cao nhất của mình là tạo nên trong sự đoàn bão táp một công cụ đại diện và tăng cường cuộc đấu tranh vì thế giới quan của phong trào này.

Họ không được phép nhận nhìn chịu là sự đoàn bão táp lại hạ xuống thành một kiểu tổ chức quân sự lẫn một tổ chức mật nữa, họ phải cố gắng nhiều hơn để đào tạo nó thành một đội ngũ hàng trăm ngàn chiến sĩ quốc xã với tư tưởng dân tộc sâu sắc nhất.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

CHƯƠNG 10: CHỦ NGHĨA LIÊN BANG CHỈ LÀ GIẢ TẠO

Mùa đông năm 1919, cả mùa xuân cùng mùa hè năm 1920, đảng non trẻ của chúng tôi đã buộc phải đưa ra quan điểm về một vấn đề đã trở nên có tầm quan trọng vô cùng to lớn từ ngay trong cuộc chiến.

Ở Tập một, tôi đã chỉ ra trong những mô tả ngắn gọn những dấu hiệu nhận biết đã trở nên quá rõ ràng đối với bản thân tôi bằng cách thức tuyên truyền đặc biệt về nguy cơ sụp đổ của Đức mà cả người Anh cũng như người Pháp đã tiến hành nhằm xé toạc vết rạn nứt giữa miền Bắc và miền Nam. Mùa xuân năm 1915, những tờ rơi đầu tiên tuyên truyền có tính hệ thống chống lại người Phổ như những người chịu trách nhiệm duy nhất về cuộc chiến tranh đã xuất hiện.



Adolf Hitler.

Cho tới năm 1916, hệ thống này đã đạt tới một sự phát triển hoàn thiện, tinh vi đến xảo trá. Và ngay sau một thời gian ngắn, sự xúi giục dân Nam Đức chống lại dân Bắc Đức, được tính toán dựa trên những bản năng hẹp hòi, ti tiện nhất, bắt đầu đơm hoa kết trái. Đó là sự chỉ trích mà người ta phải đưa ra để chống lại những vị trí có thẩm quyền lúc bấy giờ, trong Chính phủ cũng như trong Bộ tư lệnh quân đội – hay đúng hơn là trong các sở chỉ huy của vùng Bayern – sự chỉ trích mà những cơ quan này sẽ không thể giữ sạch được, vì trong sự mù quáng và xao lãng nhiệm vụ của mình, họ đã không can thiệp với sự quyết tâm cần thiết để chống lại điều đó. Đúng như vậy, người ta đã không hành động gì! Ngược lại, ở những vị trí khác nhau, nhìn có vẻ như người ta còn không hề cảm thấy khó chịu hay miễn cưỡng gì và có lẽ lại còn đủ hẹp hòi, thiên cận mà tin rằng, thông qua một hình thức tuyên truyền như thế, sẽ không chỉ chặn đứng con đường phát triển hướng tới sự thống nhất của dân tộc Đức mà còn tự động cản trở việc tăng cường lực lượng liên bang. Gần như chưa bao giờ trong lịch sử, một sự cố tình chệch mảng lại mang đến những hậu quả khủng khiếp như thế. Sự yếu đuối mà người ta gán cho dân Phổ đã đụng đến

toàn nước Đức. Và hậu quả của nó là việc thúc đẩy sự sụp đổ mà có lẽ không chỉ phá hủy chính nước Đức mà trước hết còn phá hủy những quốc gia riêng lẻ.

Trong thành phố, nơi sự thù ghét bị kích động một cách giả tạo đối với người Phổ đang bùng lên mạnh mẽ nhất thì cuộc cách mạng được coi là đầu tiên chống đối triều đình được kế thừa từ triều đại trước lại nổ ra.

Tuy nhiên, sẽ là sai lầm nếu tin rằng, sự sản sinh ra bầu không khí chống Phổ này chỉ được coi là việc tuyên truyền chiến tranh thù địch và những lý do bào chữa cho cái dân tộc đang bị bao trùm bởi bầu không khí đó lại không hề tồn tại. Cái cách tổ chức nền kinh tế chiến tranh không thể tin nổi của chúng tôi đã giám hộ và – cướp bóc toàn bộ lãnh thổ của Đế chế Đức trong sự tập trung hóa gần như điên rồ, là một trong những nguyên nhân chính của sự xuất hiện tư tưởng chống Phổ kia. Bởi đối với một người dân tầm thường bé nhỏ thì các tập đoàn quân sự đã có trụ sở chính tại Berlin được đồng nhất với Berlin và Berlin thì lại đồng nghĩa với người Phổ. Hầu như không một cá nhân nào thời bấy giờ nhận thức được rằng, những kẻ tổ chức ra cái viện ăn cướp này, được biết đến là các tập đoàn quân sự, không phải là người Berlin hay người Phổ, lại càng không phải là người Đức. Anh ta chỉ nhìn thấy được cái lỗi lầm rành rành trước mắt cũng như những sự xâm phạm kéo dài của cái cơ sở đáng ghét này tại thủ đô và dĩ nhiên, sau đó là trút toàn bộ sự căm ghét của mình sang thủ đô đồng thời lên đầu người Phổ, hơn thế, không có một phía nhất định nào có hành động phản đối lại điều đó, mà thậm chí lỗi hiệu đây còn âm thầm được chào đón một cách tươi cười.

Tên Do Thái quá khôn ngoan để ngay lúc đó có thể hiểu được rằng, chiến dịch cướp bóc bi ổi mà hấn tổ chức ra để chống lại người Đức dưới lớp vỏ bọc là những tập đoàn quân sự sẽ có thể đánh thức sự chống đối và rõ ràng là phải như vậy. Chừng nào sự chống đối chưa chặn hòng tên Do Thái thì chừng đó hấn chưa cần phải khiếp sợ nó. Nhưng để cản trở một sự bùng nổ của đông đảo quần chúng đã bị khiến cho tuyệt vọng và căm phẫn theo hướng đó thì có lẽ là chẳng có phương thuốc cứu chữa nào tốt hơn ngoài việc để cho cơn giận của họ bùng phát theo cách khác rồi theo hướng đó mà tận dụng nó.

Nếu như dân Bayern chống lại người Phổ và người Phổ chống lại dân Bayern càng nhiều thì càng tốt! Cuộc chiến nóng bỏng nhất của cả hai phía lại

có ý nghĩa là một nền hòa bình được bảo đảm nhất đối với bọn Do Thái. Bằng cách đó, sự chú ý chung đã hoàn toàn bị đánh lạc hướng bởi lũ sâu mọt quốc tế phá hoại dân tộc mà có vẻ như người ta đã quên mất chúng. Và nếu nguy cơ dường như đang hiện ra, đó là, những người chín chắn và thấu đáo cũng có mặt vô số tại Bayern lại nhắc nhở mọi người phải sáng suốt, có suy nghĩ, thận trọng và kín đáo, cũng như qua đó, một cuộc chiến ác liệt có khả năng sẽ được hạ nhiệt, thì bọn Do Thái ở Berlin chỉ cần trình diễn một màn khiêu khích mới rồi sau đó cứ việc chờ đợi kết quả. Ngay tức khắc, tất cả những kẻ hưởng lợi từ sự tranh cãi, hằn thù giữa miền Bắc và miền Nam nước Đức sẽ lao vào mọi tình huống như thế và cứ phồng mồm mà thôi cho đến khi sức nóng của cơn thịnh nộ lại bùng lên thành ngọn lửa mãnh liệt.

Việc tên Do Thái đã khiến cho những con người xuất thân gốc Đức phải thường xuyên bận rộn và đánh lạc hướng họ thời bấy giờ, để trong lúc đó, có thể cướp bóc họ một cách triệt để hơn, quả là một trò tình vi và tài tình của bọn Do Thái.

Sau đó cuộc cách mạng nổ ra.

Cho tới năm 1918, hay chính xác hơn là cho tới tháng mười một năm đó, khi mà một người dân tầm thường, đặc biệt là một anh tiểu tư sản và công nhân ít học vẫn chưa thể nhìn nhận đúng đắn được diễn biến cũng như những hậu quả không thể tránh khỏi của cuộc chiến giữa những bộ tộc Đức với nhau, mà trước tiên là ở Bayern, thì đáng lẽ chỉ ít, cái bộ phận tự xưng là “quốc gia” cũng phải nhận ra được nó trong cái ngày nổ ra cuộc cách mạng mới phải. Bởi ngay khi cuộc chiến vừa thành công thì tại Bayern, cả nhà lãnh đạo và người tổ chức cuộc cách mạng cũng đã trở thành đại diện bảo vệ cho những lợi ích của người dân Bayern. Tên Do Thái quốc tế Kurt Eisner bắt đầu khơi mào cho người Bayern chống người Phổ. Nhưng không còn nghi ngờ gì nữa, chính tên phương Đông này, kẻ đã không ngừng lang thang nay đây mai đó trên toàn nước Đức với tư cách một tên phóng viên báo chí thấp hèn, rất có thể là người cuối cùng thích hợp để bảo đảm cho lợi ích của người Bayern và có thể Bayern lại là điều thờ ơ nhất đối với chính hắn, sự thờ ơ luôn tồn tại trên thế gian của Chúa.



Kurt Eisner.

Bằng cách chữa mũi nhọn của cuộc cách mạng nổi dậy tại Bayern một cách hoàn toàn có chủ tâm chống lại phần còn lại của Đế chế, Kurt Eisner hoàn toàn không hành động gì từ phía góc độ của Bayern, mà chỉ với tư cách là người được ủy quyền của bọn Do Thái. Hắn đã lợi dụng những bản năng và sự thù ghét có sẵn của người dân Bayern để giúp hắn có thể phá hoại nước Đức của

chính họ một cách dễ dàng hơn. Để chế đồ nát sẽ nhanh chóng trở thành con mồi cho bọn Bôn-sê-vích vờn giỡn.

Ngay cả sau cái chết của Kurt Eisner, cái mưu đồ mà hắn áp dụng vẫn tiếp tục được thực hiện. Chủ nghĩa Mác-xít đã trút xuống những quốc gia riêng lẻ cùng những kẻ thống trị tại Đức những lời nhạo báng, khinh miệt nhất, giờ đây xuất hiện với tư cách một “đảng độc lập” và đột nhiên khẩn khoản kêu gọi những cảm xúc và bản năng đã cắm sâu gốc rễ vào các triều đại và những quốc gia riêng lẻ.

Cuộc chiến của nền Cộng hòa nghị viện chống lại quân giải phóng đang kề cận là mục tiêu hàng đầu được tuyên truyền đẩy lên với tư cách là “cuộc chiến của những công nhân Bayern chống lại quân đội Phổ”. Chỉ qua đó, người ta cũng có thể hiểu được rằng vì sao tại München, khác hẳn với những lãnh thổ khác của Đức, sự đàn áp nền Cộng hòa nghị viện đã không khai sáng được đông đảo quần chúng mà hơn thế, còn dẫn tới một sự chua chát, gay gắt và hằn thù lớn hơn đối với người Phổ.

CHƯƠNG 10.1: NGHỆ THUẬT MÀ BỌN ĐỘC TÀI HAY SỬ DỤNG?

Cái nghệ thuật mà bọn độc tài Bôn-sê-vích đã biết cách sử dụng để khẳng định rằng việc xóa bỏ nền Cộng hòa nghị viện sẽ như là chiến thắng của quân đội Phổ chống lại người dân Bayern có khuynh hướng chống quân phiệt và chống Phổ, đã đem hoa kết trái. Trong Mil Kurt Eisner chưa thu hút được số lượng ủng hộ mình lên đến vạn người trong cuộc bầu cử vào Nghị viện Lập pháp bang Bayern tại München, còn đảng Cộng sản thậm chí mới ở ngưỡng ba nghìn người, thì chỉ sau sự sụp đổ của nền Cộng hòa, số lượng bầu chọn cho hai đảng này đã tăng lên gần một trăm nghìn người.

Và ngay trong thời gian này, cuộc chiến của cá nhân tôi đấu tranh với sự xúi giục, kích động những người gốc Đức chống lại nhau cũng bắt đầu được triển khai thực hiện.



Ảnh minh họa.

Tôi tin là trong cuộc đời mình, chưa bao giờ tôi lại bắt đầu một việc không được lòng dân hơn Đời tranh đấu của tôi nhằm chống lại sự kích động chống Phở lúc bấy giờ. Tại München, những đại hội quần chúng đầu tiên đã diễn ra ngay trong thời kỳ Xô Viết cai trị. Ở những đại hội đó, sự căm ghét toàn bộ phần còn lại của nước Đức, đặc biệt là chống lại người Phở, đã hội tụ thành một cơn giận dữ sôi sục đến nỗi mà nó không chỉ liên quan tới sự nguy hiểm đến tính mạng của một người Bắc Đức khi tham dự một đại hội như thế, mà việc bẻ mạt những đại hội như vậy đa phần đều bị kết thúc khá là công khai với những tiếng la hét điên loạn: “Tẩy chay bọn Phở!” – “Đả đảo bọn Phở!” – “Đánh nhau với bọn Phở đi!”, một không khí mà một người đại diện đặc biệt nổi bật cho những lợi ích chủ quyền của Bayern tại Quốc hội Đức đã tổng kết lại thành một khẩu hiệu, đó là: “Thà chết như một người Bayern còn hơn bị tha hóa thành bọn Phở.”

Người ta phải chứng kiến những đại hội lúc bấy giờ thì mới hiểu được việc lần đầu tiên tôi chống cự với sự điên rồ này trong một đại hội tại tầng hầm Löwenbräu ở München khi bao quanh tôi chỉ có một vài người bạn là như thế

nào đối với bản thân tôi. Đó là bạn chiến đấu, những người đã sát cánh, ủng hộ, giúp đỡ tôi lúc bấy giờ và có lẽ người ta có thể tưởng tượng được cảm xúc của chúng tôi, khi một đám đông trở nên mất trí gào lên phản đối chúng tôi và dọa sẽ đánh hạ chúng tôi. Trong thời gian mà chúng tôi đang chiến đấu để bảo vệ Tổ quốc, thì phần lớn trong số cái đám đông này chỉ lảng vảng, vật vờ như bọn đào ngũ hay như lũ trốn tránh trách nhiệm với vị trí dự bị hay ở lại quê nhà. Dĩ nhiên, những tình tiết này đã mang lại may mắn cho tôi, khi nhóm người mà tôi tin tưởng đã thực sự gắn bó với tôi và nhanh chóng thề nguyện sống chết có nhau bên tôi.

Những cuộc chiến đã lặp lại hết lần này đến lần khác, kéo dài suốt sang cả năm 1919 và chỉ ngay đầu năm 1920 dường như còn tăng cường mạnh mẽ hơn. Đã có những đại hội quân chúng – mà trong đó, tôi đặc biệt nhớ tới một lần được tổ chức tại hội trường Wagner ở phố Sonnen của München – nơi mà đội quân của tôi trong thời gian đó mỗi lúc một lớn mạnh hơn đã phải trải qua những cuộc chiến khốc liệt nhất, những cuộc chiến mà không hiếm khi kết thúc với việc người ta hành hạ, đánh gục, giẫm đạp lên những người ủng hộ tôi, để cuối cùng, có nhiều xác chết hơn là người sống bị ném ra khỏi hội trường.

Cuộc chiến mà tôi đã đón nhận với tư cách là người duy nhất được các chiến hữu của mình ủng hộ và trợ giúp, giờ đây, tôi gần như muốn nói rằng, nó không những vẫn tiếp tục được duy trì mà còn trở thành nhiệm vụ thiêng liêng của phong trào trẻ. Cho đến ngày hôm nay, vẫn còn là niềm tự hào của tôi khi có thể nói rằng, chúng tôi thời bấy giờ – hầu như phụ thuộc hoàn toàn vào những người ủng hộ chúng tôi tại Bayern – đã từng bước chậm rãi nhưng chắc chắn kết thúc cái thứ hỗn hợp được pha trộn bởi sự ngu dốt và phản quốc. Tôi nói là ngu dốt và phản quốc vì tôi hoàn toàn tin rằng cái đám đông gồm toàn những kẻ theo đám ăn tàn thực sự chẳng là gì ngoài một lũ người tốt bụng nhưng ngu xuẩn và sự ngây ngô, khờ khạo như thế thì chẳng thể có lợi cho những kẻ tổ chức hay xúi bẩy được. Tôi vẫn coi họ và tới tận bây giờ vẫn sẽ coi họ là bọn phản bội bị Pháp mua chuộc. Trong một trường hợp, đó là trường hợp của Dorten, thì lịch sử đã đưa ra phán xét của mình rồi.

Điều đã khiến cho tình hình trở nên đặc biệt nguy hiểm lúc bấy giờ chính là sự khéo léo tài tình mà cùng với nó, những xu hướng thực đã được che đậy, bằng cách nêu bật những ý đồ có tính áp dụng liên bang lên thành động cơ duy nhất cho hành vi này. Nhưng việc nhen nhóm lòng căm ghét người Phổ rõ ràng là không liên quan gì đến chế độ liên bang. Ngay cả một “hoạt động của liên bang” là cố gắng giải tán một nhà nước liên bang khác hoặc tách nhỏ thành phố đó ra cũng tạo ảnh hưởng thật kỳ lạ. Bởi một người theo chủ nghĩa liên bang trung thực, mà với người đó, những trích dẫn trong tư tưởng về đế chế của Bismarck không phải là những ngôn từ lừa dối, không được phép có ý muốn tách rời nhà nước Phổ được tạo dựng nên, hay đúng hơn là được hoàn thiện bởi Bismarck ra thành từng phần hay thậm chí là ủng hộ công khai một nỗ lực chia rẽ nào như thế. Ở München, người ta sẽ gào rú lên thế nào, nếu một đảng bảo thủ của Phổ lại hậu thuẫn việc tách rời thị trấn Franken ra khỏi Bayern hay thậm chí là đòi hỏi hoặc khuyến khích điều đó bằng hành động công khai. Có thể trong tất cả, một người sẽ chỉ thực sự lấy làm tiếc vì những tâm hồn có khuynh hướng liên bang chân chính đã không nhìn thấu được trò bịp bợm đáng hổ thẹn này mà thôi; bởi trước nhất, những tâm hồn đó chính là nạn nhân của sự lừa đảo. Trong khi tư tưởng liên bang bị đè nặng như thế, rốt cuộc những người ủng hộ nó lại đào mồ chôn cho chính tư tưởng đó. Người ta sẽ không thể truyền về việc tổ chức cơ cấu liên bang cho một đế chế, nếu người ta phản đối, chửi bới và vấy bẩn bộ phận thiết yếu nhất của một cấu trúc nhà nước như thế, cụ thể là nước Phổ, nói ngắn gọn là nếu có thể thì không muốn biến nó thành một nhà nước liên bang. Thậm chí, thứ đã khiến cho chuyện này còn khó tin hơn chính là cuộc chiến của những người được gọi là những nhà theo chủ nghĩa liên bang chính xác đang quay ra chống lại nước Phổ, một đất nước mà khó có thể được kết nối với nền dân chủ tháng mười một. Bởi không phải là chống lại những vị cha đẻ của hiến pháp Weimar, những người mà đa số là dân vùng Nam Đức hoặc Do Thái, mà sự phỉ báng và tấn công của những người được gọi là những nhà theo chủ nghĩa liên bang kia lại hướng đến việc chống lại những đại diện của nước Phổ cũ bảo thủ, đó là những người có quan điểm hoàn toàn đối lập với hiến pháp Weimar. Việc người ta đặc biệt cẩn trọng không đụng chạm

tới bọn Do Thái không có gì là lạ, và có lẽ nó lại mang đến chiếc chìa khóa giải quyết cho toàn bộ câu đố này.



Cuộc biểu tình của các SPD tại Munich 11/1918

Cũng như trước cuộc cách mạng, bọn Do Thái đã hiểu được cách làm thế nào để đánh lạc hướng sự chú ý khỏi những tập đoàn quân sự của chúng hoặc chính xác hơn là đánh lạc hướng sự chú ý khỏi chính bản thân chúng và chúng cũng đã biết cách khiến đông đảo quần chúng, đặc biệt là nhân dân Bayern quay ra chống người Phổ, nên sau cuộc cách mạng, bằng cách nào đó, chúng cũng phải che đậy cuộc đột kích mới và có quy mô lớn gấp mười lần. Và chúng đã thành công trong trường hợp này là việc kích động những người được gọi là “những nhân tố quốc gia” của Đức chống lại nhau: một Bayern bảo thủ sắp đặt chống lại một nước Phổ cũng có tư tưởng bảo thủ. Và một lần nữa, chúng lại thành công bằng thủ đoạn xảo quyệt nhất, đó là, giữ lấy những gì tính xảo của Đế chế bên cạnh những lời đe dọa của mình, khiêu khích những sự xâm lấn vô cùng nham hiểm và vô lễ đến nỗi khiến máu của những người có liên quan vì thế mà luôn phải sôi lên sùng sục. Nhưng không bao giờ là chống bọn Do Thái, mà lúc nào cũng là chống lại những người anh em Đức với nhau. Thứ mà người Bayern thấy không phải là một Berlin với bốn triệu con người làm việc chăm chỉ, vất vả mà là một Berlin lười nhác, bị chia tách của một phương Tây tệ nạn,

suy đồi nhất! Nhưng sự căm ghét không chĩa vào phương Tây này mà là chống lại thành phố của người “Phổ”.

Thực sự tôi thường thấy tuyệt vọng.

CHƯƠNG 10.2: THỦ ĐOẠN TINH VI CỦA NGƯỜI DO THÁI LÀ GÌ?

Cái nghệ thuật mà bọn độc tài Bôn-sê-vích đã biết cách sử dụng để khẳng định rằng việc xóa bỏ nền Cộng hòa nghị viện sẽ như là chiến thắng của quân đội Phổ chống lại người dân Bayern có khuynh hướng chống quân phiệt và chống Phổ, đã đem hoa kết trái. Trong Mil Kurt Eisner chưa thu hút được số lượng ủng hộ mình lên đến vạn người trong cuộc bầu cử vào Nghị viện Lập pháp bang Bayern tại München, còn đảng Cộng sản thậm chí mới ở ngưỡng ba nghìn người, thì chỉ sau sự sụp đổ của nền Cộng hòa, số lượng bầu chọn cho hai đảng này đã tăng lên gần một trăm nghìn người.

Và ngay trong thời gian này, cuộc chiến của cá nhân tôi đấu tranh với sự xúi giục, kích động những người gốc Đức chống lại nhau cũng bắt đầu được triển khai thực hiện.



Người Do Thái bị đe dọa bởi một chàng cao bồi trong thế kỷ 19.

Tôi tin là trong cuộc đời mình, chưa bao giờ tôi lại bắt đầu một việc không được lòng dân hơn Đời tranh đấu của tôi nhằm chống lại sự kích động chống Phổ lúc bấy giờ. Tại München, những đại hội quần chúng đầu tiên đã diễn ra ngay trong thời kỳ Xô Viết cai trị. Ở những đại hội đó, sự căm ghét toàn bộ phần còn lại của nước Đức, đặc biệt là chống lại người Phổ, đã hội tụ thành một cơn giận dữ sôi sục đến nỗi mà nó không chỉ liên quan tới sự nguy hiểm đến tính mạng của một người Bắc Đức khi tham dự một đại hội như thế, mà việc bé mọn những đại hội như vậy đa phần đều bị kết thúc khá là công khai với những tiếng la hét điên loạn: “Tây chạy bọn Phổ!” – “Đả đảo bọn Phổ!” – “Đánh nhau với bọn Phổ đi!”, một không khí mà một người đại diện đặc biệt nổi bật cho những lợi ích chủ quyền của Bayern tại Quốc hội Đức đã tổng kết lại thành một khẩu hiệu, đó là: “Thà chết như một người Bayern còn hơn bị tha hóa thành bọn Phổ.”

Người ta phải chứng kiến những đại hội lúc bấy giờ thì mới hiểu được việc lần đầu tiên tôi chống cự với sự điên rồ này trong một đại hội tại tầng hầm Löwenbräu ở München khi bao quanh tôi chỉ có một vài người bạn là như thế nào đối với bản thân tôi. Đó là bạn chiến đấu, những người đã sát cánh, ủng hộ, giúp đỡ tôi lúc bấy giờ và có lẽ người ta có thể tưởng tượng được cảm xúc của chúng tôi, khi một đám đông trở nên mất trí gào lên phản đối chúng tôi và dọa sẽ đánh hạ chúng tôi. Trong thời gian mà chúng tôi đang chiến đấu để bảo vệ Tổ quốc, thì phần lớn trong số cái đám đông này chỉ lảng vảng, vật vờ như bọn đào ngũ hay như lũ trốn tránh trách nhiệm với vị trí dự bị hay ở lại quê nhà. Dĩ nhiên, những tình tiết này đã mang lại may mắn cho tôi, khi nhóm người mà tôi tin tưởng đã thực sự gắn bó với tôi và nhanh chóng thề nguyện sống chết có nhau bên tôi.

Những cuộc chiến đã lặp lại hết lần này đến lần khác, kéo dài suốt sang cả năm 1919 và chỉ ngay đầu năm 1920 dường như còn tăng cường mạnh mẽ hơn. Đã có những đại hội quần chúng – mà trong đó, tôi đặc biệt nhớ tới một lần được tổ chức tại hội trường Wagner ở phố Sonnen của München – nơi mà đội quân của tôi trong thời gian đó mỗi lúc một lớn mạnh hơn đã phải trải qua những cuộc chiến khốc liệt nhất, những cuộc chiến mà không hiếm khi kết thúc

với việc người ta hành hạ, đánh gục, giẫm đạp lên những người ủng hộ tôi, để cuối cùng, có nhiều xác chết hơn là người sống bị ném ra khỏi hội trường.

Cuộc chiến mà tôi đã đón nhận với tư cách là người duy nhất được các chiến hữu của mình ủng hộ và trợ giúp, giờ đây, tôi gần như muốn nói rằng, nó không những vẫn tiếp tục được duy trì mà còn trở thành nhiệm vụ thiêng liêng của phong trào trẻ. Thủ đoạn tinh vi của tên Do Thái là phải đánh lạc hướng sự quan tâm của dư luận ra khỏi chúng và chuyển sự chú ý của công luận sang người khác. Thủ đoạn này ngày nay người ta vẫn có thể lại học hỏi và nghiên cứu.

Năm 1918 không thể nói về việc thực hiện một chủ nghĩa chống Do Thái có phương pháp hay theo kế hoạch cụ thể. Tôi vẫn nhớ những khó khăn mà người ta đã gặp phải khi mới chỉ nhắc đến từ “Do Thái” trên môi. Hoặc người ta sẽ bị nhìn chằm chằm như người ngớ ngẩn hoặc sẽ phải chịu đựng những sự phản đối kịch liệt nhất. Những cố gắng đầu tiên của chúng tôi nhằm chỉ ra cho công chúng biết đâu là kẻ thù đích thực thời bấy giờ dường như là vô vọng và mọi thứ chỉ trở nên sáng sủa hơn một cách rất chậm chạp. “Liên minh tấn công và phòng thủ” đã sai lầm trong hệ thống cơ cấu có tổ chức của nó, nhưng đồng thời nó cũng có công lớn trong việc lật lại vấn đề về người Do Thái. Trong trường hợp nào thì vào mùa đông năm 1918/1919, một thứ đại loại như chủ nghĩa chống dân Do Thái cũng bắt đầu bén rễ. Tuy nhiên, sau đó, phong trào quốc xã lại đẩy vấn đề bọn Do Thái sang một hướng hoàn toàn khác. Trước hết, phong trào đã hoàn tất việc nâng vấn đề này ra khỏi phạm vi hạn hẹp của những tầng lớp đại và tiểu tư sản cũng như biến nó thành động cơ thúc đẩy của một phong trào dân tộc vĩ đại. Nhưng việc dành tư tưởng chiến đấu lớn lao và thống nhất cho dân tộc Đức trong vấn đề này lại chưa bao giờ thành công được, khi mà bọn Do Thái cũng đã bắt đầu vào cuộc và chống cự lại. Chúng đã viện đến thủ đoạn cũ của mình, đó là ném vào phong trào dân tộc ngọn đuốc xung đột và reo rắc sự bất hòa với một tốc độ thần kỳ. Theo những điều kiện lúc đó thì khả năng duy nhất khiến công chúng quan tâm, chú ý vào những vấn đề khác, nhằm kìm hãm cuộc tấn công tập trung của bọn Do Thái, là tung ra vấn đề về những người ủng hộ Giáo hoàng là người nắm quyền tuyệt đối và cuộc chiến chống lại nhau – một hậu quả kéo theo tất yếu – đang ngày càng leo thang giữa người

theo đạo Công giáo và người theo đạo Tin lành. Những người đã đưa vấn đề này vào trong dân chúng của tôi đã mắc phải sai lầm mà không bao giờ họ có thể sửa chữa lại được. Vì trong trường hợp nào thì bọn Do Thái cũng đã đạt được mục đích mà chúng mong muốn, đó là: Người theo đạo Công giáo và người theo đạo Tin lành sẽ tiến hành một cuộc chiến tranh khá là vui nhộn chống lại nhau còn kẻ tử thù của chúng người Arian và của toàn bộ những người theo đạo Thiên Chúa sẽ bị miệng lại mà cười.

Trước đây, người ta đã từng biết cách thu hút ý kiến công luận qua nhiều năm trời với cuộc chiến giữa chế độ liên bang và chế độ thống nhất cũng như biết cách tra tấn công luận về điều đó, trong lúc ấy, bọn Do Thái lại bán tự do của quốc gia và phản bội Tổ quốc tôi cho giới tài phiệt quốc tế, và giờ đây, chúng lại thành công trong việc khiến cho hai giáo phái Đức tấn công lẫn nhau, trong khi nền tảng của cả hai giáo phái đều đang bị ăn mòn và phá hoại ngầm bởi bọn Do Thái quốc tế trên thế giới.

Mọi người sẽ phải chịu chứng kiến sự tàn phá mà bọn lai căng Do Thái ngày ngày vẫn gây ra cho dân tộc tôi và suy tưởng rằng, sự nhiễm độc dòng máu này phải đến hàng thế kỷ sau hay thậm chí là không bao giờ còn có thể loại bỏ ra khỏi cơ thể của dân tộc tôi nữa, họ còn nghĩ tiếp về cảnh chủ nghĩa phân biệt chủng tộc tan rã sẽ kéo theo những giá trị Arian cuối cùng của dân tộc Đức chúng tôi xuống mồ như thế nào và thường thì họ hủy hoại nó đến nỗi mà lực lượng của chúng tôi, với tư cách là quốc gia có văn hóa, hiển nhiên sẽ ngày càng rơi vào cảnh thoái lui, còn chúng ta, ít nhất cũng là trong những thành phố lớn, sẽ có nguy cơ bị dẫn tới tình trạng như miền Nam nước Ý đã có. Sự làm ô uế dòng máu của chúng ta mà hàng trăm nghìn người dân Đức đã phớt lờ như không nhìn thấy, sẽ được bọn Do Thái ngày nay thực hiện một cách có kế hoạch. Những kẻ đê tiện ăn bám vào quốc gia này sẽ làm như bắt những cô gái tóc vàng, tươi trẻ và ngây thơ của chúng tôi và qua đó cũng sẽ phá hoại những điều mà trên thế gian này không còn có thể thay thế được nữa. Cả hai, phải, cả hai giáo phái bắt nguồn từ Thiên chúa giáo đang thờ ơ dỗi theo sự báng bổ và hủy hoại một sinh vật cao quý và độc nhất được tạo nên bởi tấm lòng khoan dung và nhân từ của Chúa Trời một cách hoàn toàn lãnh đạm. Nhưng ý nghĩa của điều này đối với tương lai của trái đất lại không nằm trong việc, liệu những

người theo đạo Tin lành có đánh bại được người theo đạo Công giáo hoặc ngược lại hay không, mà nằm ở chỗ, liệu chúng người Arian có còn được bảo tồn trên thế gian này hay không, hay sẽ bị tuyệt chủng. Thế mà ngày nay, hai giáo phái này không hề chiến đấu chống lại bọn phá hoại chủng tộc người quý giá ấy mà lại tấn công lẫn nhau hòng triệt hạ đối phương. Đáng lẽ, chính người mang tư tưởng dân tộc phải có nghĩa vụ thiêng liêng là quan tâm tới từng người trong giáo phái của mình, để người ta không chỉ lúc nào cũng nói suông về ý muốn của Chúa mà còn phải thực hiện ý muốn đó trong thực tế và không cho phép ai được báng bỏ hay xâm hại đến kiệt tác của Chúa Trời mới phải. Bởi ý muốn của Chúa đã ban tặng cho loài người chính cái hình hài, bản chất và những khả năng mà họ đang có. Ai phá hoại kiệt tác của Người thì cũng chính là đã tuyên chiến với những sinh linh mà Người đã tạo ra, chính là tuyên chiến với ý muốn thiêng liêng của Chúa Trời vậy. Vì thế, nếu cảm thấy không phiền hà gì, thì mỗi người, kể cả là từng người trong giáo phái của mình, hãy chủ động, tích cực và đón nhận lấy nó như nghĩa vụ thiêng liêng nhất đầu tiên của mình để chống lại kẻ nào dùng đến sức ảnh hưởng của bản thân, bất kể bằng lời nói hay hành động vượt ra khỏi khuôn khổ của cộng đồng tín ngưỡng riêng của mình và can thiệp, gây rắc rối trong những cộng đồng khác. Bởi việc công kích những nét đặc trưng, tiêu biểu của một giáo phái trên nước Đức trong phạm vi phân chia giáo phái đã từng tồn tại của chúng tôi tất yếu sẽ dẫn đến cuộc chiến tranh tiêu diệt nhau giữa hai giáo phái. Hoàn cảnh của chúng tôi hoàn toàn không cho phép so sánh với Pháp, Tây Ban Nha hay Ý.

Ví dụ như, người ta có thể truyền bá cuộc đấu tranh chống người ủng hộ giáo hội hay chống người ủng hộ Giáo hoàng là người nắm quyền tuyệt đối ở cả ba nước kia mà không hề sợ nguy cơ dân tộc Pháp, Tây Ban Nha hay Ý lại trở thành một dân tộc hỗn mang, bị chia rẽ. Thế nhưng người ta không được phép làm như thế ở Đức, bởi nếu không, ngay từ một sự khởi đầu như vậy, chắc chắn những người theo đạo Tin lành cũng sẽ tham gia vào. Vì lẽ đó, việc kháng cự mà giả sử chỉ được tiến hành bởi người Công giáo ở một nơi nào khác chống lại sự xâm phạm bằng con đường chính trị bởi chính những cha xứ của họ, lập tức sẽ chuyển ngay thành một cuộc tấn công của đạo Tin lành chống lại Công giáo.

Điều mà những thành viên của cùng một giáo phái vẫn luôn chịu đựng, ngay cả khi đó là điều bất công, sẽ lập tức bị phản đối gay gắt từ lúc bắt đầu, ngay khi kẻ tấn công thuộc một giáo phái tín ngưỡng khác. Tình hình còn đi xa đến nỗi mà chính những người có thể đã hoàn toàn sẵn sàng khắc phục những lộn xộn trong cộng đồng tín ngưỡng của họ cũng lập tức đổi ý và quay sự kháng cự của họ ra phía ngoài ngay khi có một người không thuộc cộng đồng của họ đề nghị hay thậm chí là yêu cầu phải thực hiện một sự khắc phục như thế. Họ cảm thấy điều đó như một sự cố gắng vừa phi lý vừa bị cấm, nghĩa là không hợp khuôn phép, khi can thiệp vào những chuyện không liên quan đến người đó. Và những cố gắng như thế sau này cũng sẽ không được tha thứ, ngay cả khi chúng được quyền cao cấp hơn vì lợi ích thuộc cộng đồng quốc gia thanh minh, vì ngày nay, những tình cảm tôn giáo vẫn luôn sâu sắc hơn mọi mục đích của quốc gia cũng như của chính trị. Và ngay việc đưa cả hai giáo phái vào một cuộc chiến chống lại nhau cũng sẽ chẳng thể làm điều này khác đi được, mà chỉ có thể bằng sự hòa hợp, tương thích giữa hai bên, quốc gia mới có được một tương lai mà trong quy mô của nó, dần dần tạo được một ảnh hưởng mang tính chất hòa giải trong phạm vi này.



Tuyên truyền của "Thiên Chúa Giáo" tại Berlin 1920.

Tôi không cố gì phải do dự khi phải nói rằng, tôi coi những kẻ ngày nay đang kéo phong trào dân tộc vào cơn khủng hoảng của những cuộc tranh cãi mang tính chất tôn giáo là kẻ thù của dân tộc tôi, chúng còn xấu xa hơn cả bọn cộng sản mang tư tưởng quốc tế. Bởi phong trào quốc xã đã được chỉ định để cải đạo bọn cộng sản đó rồi. Nhưng những kẻ trong chính hàng ngũ của mình mà tách rời khỏi nhiệm vụ chân chính của chính bản thân chúng thì lại đang hành xử một cách tồi tệ nhất. Anh ta dù có chủ ý hay không cũng không sao vì anh là người đấu tranh vì quyền lợi của người Do Thái. Bởi lợi ích của bọn Do Thái là để cho phong trào dân tộc ngày nay phải bị đổ máu tới chết trong cuộc chiến tôn giáo hiện tại, vì trong cuộc chiến đó, phong trào đang trở thành mối nguy hại cho bọn Do Thái. Và tôi muốn nhấn mạnh từ “để cho đổ máu tới chết”; bởi chỉ có một kẻ hoàn toàn không được giáo dục về lịch sử mới eó thể hình dung ra việc có thể giải quyết vấn đề của ngày hôm nay bằng phong trào này, vấn đề mà đã thách thức biết bao thế kỷ trôi qua cũng như thách thức những chính trị gia có tầm cỡ.

Ngoài ra, thực tế cũng đã tự lên tiếng. Những quý ông, những người vào năm 1914 bỗng nhiên phát hiện ra rằng, nhiệm vụ tối cao của phong trào dân tộc chính là cuộc chiến chống “chủ nghĩa ủng hộ Giáo hoàng”, đã không phá vỡ được chủ nghĩa đó mà lại hủy hoại phong trào dân tộc. Tôi cũng phản đối việc trong hàng ngũ phong trào dân tộc lại có một cái đầu non nớt, thiếu chín chắn nào đó tin rằng có thể làm được điều mà ngay cả một Bismarck vĩ đại cũng đã không làm được. Nghĩa vụ tối cao của lãnh đạo phong trào quốc xã là phải chống lại việc tạo ra một mặt trận sắc bén nhất, chống lại mọi nỗ lực muốn đưa phong trào dân tộc vào phục vụ cho những cuộc chiến như vậy cũng như phải loại bỏ ngay lập tức những kẻ tuyên truyền một ý định như thế ra khỏi hàng ngũ của phong trào. Trên thực tế, đến mùa thu năm 1923, chúng tôi cũng đã thành công một cách trọn vẹn. Giờ đây, trong hàng ngũ phong trào của chúng tôi, một người sùng đạo Công giáo đã có thể ngồi cạnh một người sùng đạo Tin lành mà không hề gặp phải bất kỳ một xung đột tư tưởng nào dù là nhỏ nhất về niềm tin tôn giáo của mỗi người. Ngược lại, cuộc chiến đấu chung hùng mạnh được dẫn đến bởi cả hai giáo phái chống lại những kẻ phá hoại dòng giống Arian đã dạy

cho họ cách biết tôn trọng và đề cao lẫn nhau. Và trong những năm tháng này, phong trào đã tiến hành cuộc chiến đấu gian khổ nhất để chống lại Trung tâm, tuy nhiên, không bao giờ là vì lý do tôn giáo, mà chỉ vì những nguyên do về quốc gia, chủng tộc và kinh tế – chính trị. Thành công lúc bấy giờ đã đại diện cho chúng tôi, nói lên chính xác cách thức nó đã chứng thực chống lại những kẻ “biết tuốt” như thế nào.

CHƯƠNG 10.3: THẾ NÀO LÀ MỘT NHÀ NƯỚC LIÊN BANG?

Trong những năm gần đây, đôi lúc có những vụ việc đã đi quá xa đến nỗi những phạm vi dân tộc cùng với những cuộc cãi vã một cách mù quáng thuộc các giáo phái đã không nhận ra dù chỉ một Dân sự điên rồ trong những hành động của họ, từ thực tế là các tờ báo của bọn Mác-xít vô thần, theo nhu cầu, đều bất ngờ trở thành những kẻ biện hộ cho các cộng đồng tín ngưỡng, để đăng đầy tin trang này hay trang khác bằng việc truyền tải qua lại những ý kiến phát biểu đôi lúc thực sự là rất ngu xuẩn và qua đó, làm khơi gợi ngọn lửa giận dữ bùng lên đến cực độ.



Ảnh minh họa.

Nhưng ngay với một dân tộc, như dân tộc Đức, cũng đã thường xuyên chứng tỏ trong lịch sử của mình rằng, họ có thể tiến hành những cuộc chiến tranh tới giọt máu cuối cùng cho những bóng ma ảo tưởng, thì bất kỳ một sự kêu gọi chiến đấu nào như thế cũng đều nguy hiểm chết người. Bằng cách đó, dân tộc của chúng tôi đã luôn bị đánh lạc hướng khỏi những vấn đề trong thực tế về sự tồn tại của nó. Trong khi chúng tôi tự cắn xé nhau trong những cuộc cãi vã tôn giáo thì phần kia của thế giới đã được phân bổ. Và trong khi phong trào dân tộc còn phân vân xem liệu mỗi nguy hiểm về những kẻ theo chủ nghĩa ủng hộ Giáo hoàng là người nắm quyền tuyệt đối có lớn hơn mỗi nguy hiểm về bọn Do Thái hay là ngược lại, thì bọn Do Thái đã phá hoại cơ sở, nền tảng chủng tộc về sự tồn tại của chúng tôi và bằng cách đó, sẽ hủy diệt dân tộc tôi mãi mãi. Chừng nào cái loại chiến sĩ “dân tộc” còn dính dáng, thì chừng đấy tôi chỉ có thể nguyện ước chân thành từ đáy lòng mình cho phong trào quốc xã và cho cả dân tộc Đức, rằng: Hỡi Chúa Trời, xin hãy bảo vệ họ trước những người bạn như thế và họ cũng sẽ tự giải quyết được xong xuôi những kẻ thù của họ.

Cuộc chiến được tuyên truyền, kích động một cách rất lấu cá bởi bọn Do Thái trong những năm 1919/20/21 và tiếp sau đó, giữa chủ nghĩa liên bang và chủ nghĩa thống nhất đã buộc phong trào quốc xã, trong khi chối từ nó hoàn toàn, còn phải lên tiếng đưa ra quan điểm về những vấn đề cơ bản của nó trong đó. Nước Đức nên là một Nhà nước liên bang hay một nhà nước thống nhất và người ta thực sự hiểu được gì về hai khái niệm đó? Với tôi, dường như câu hỏi thứ hai có tầm quan trọng hơn, bởi nó không chỉ là cơ sở chủ yếu để hiểu được toàn bộ vấn đề, mà còn vì nó chứa đựng bản chất rõ ràng, trong sạch và mang tính hòa giải.

Thế nào là một nhà nước Liên bang?

Nhà nước Liên bang được hiểu là một liên hiệp các quốc gia có chủ quyền, những quốc gia này tự nguyện hợp nhất lại với nhau vì chủ quyền của họ và tại đó, trao lại cho khối liên hiệp ấy phần chủ quyền riêng kia của mình, phần mà để tạo điều kiện và bảo đảm cho sự tồn tại của một liên hiệp chung.

Nhưng trong thực tế, cách trình bày trên lý thuyết này hoàn toàn chẳng đúng với bất kỳ một nhà nước liên bang nào đang tồn tại trên trái đất ngày nay. Ít nhất là đối với Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, nơi mà chủ quyền lãnh thổ của phần

lớn nhất những nhà nước riêng biệt hoàn toàn không được nhắc đến, trong khi rất nhiều nước trong số ấy, theo thời gian, lại được vẽ vào trong lãnh thổ chung của khối hợp chủng quốc này, có thể nói như vậy. Vì thế, trong những nhà nước riêng biệt thuộc khối hợp chủng quốc Hoa Kỳ thì đa phần các ban đều liên quan ngày càng nhiều đến những vùng lãnh thổ lớn hơn hay nhỏ hơn, được tạo nên bởi những nguyên nhân thuộc công tác quản lý, bị phân chia ranh giới nhiều lần bằng một thước đo, những lãnh thổ mà trước đây không có và cũng hoàn toàn không thể có chủ quyền nhà nước riêng. Bởi những nhà nước này không thành lập ra Hợp chủng quốc, mà chính Hợp chủng quốc đã tạo nên một phần lớn những nhà nước được gọi là như thế. Những quyền tự trị to lớn được cho phép, hay nói đúng hơn là được ban tặng cho các lãnh thổ riêng không chỉ phù hợp với toàn bộ bản chất của nhà nước liên bang này, mà trên hết, còn phù hợp với quy mô lãnh thổ, những kích thước về mặt không gian của nó gần như không thua kém gì với diện tích của một lục địa. Vì thế, trong chừng mực khi Hợp chủng quốc Hoa Kỳ còn liên quan đến vấn đề này, chúng tôi không thể nói về chủ quyền quốc gia của các ban được, mà chỉ có thể nói về những quyền đã được thiết lập và bảo đảm căn cứ theo hiến pháp, và có lẽ nói đúng hơn là những đặc quyền.

Sự trình bày phía trên cũng không đầy đủ và có thể áp dụng được cả đối với nước Đức. Mặc dù ở Đức, không nghi ngờ gì, những nhà nước riêng biệt đã tồn tại trước tiên và thực tế là tồn tại với tư cách những quốc gia và từ đó, Đế chế Đức đã được tạo dựng nên. Nhưng việc lập nên Đế chế này cũng không phải là thành công dựa vào lòng tự nguyện hay sự tham gia bình đẳng của các nhà nước riêng biệt, mà thông qua tác động của quyền lãnh đạo của một nhà nước trong số đó, nhà nước của người Phổ. Ngay sự khác biệt lớn giữa các nhà nước Đức, từ quan điểm chỉ là về lãnh thổ, đã không cho phép bất kỳ sự so sánh nào với sự hình thành của các nhà nước liên bang, ví dụ như Hợp chủng quốc Hoa Kỳ. Sự khác biệt về quy mô, kích cỡ giữa những quốc gia nhỏ bé nhất trong liên bang Đức trước đây với những quốc gia lớn hơn hay thậm chí lớn nhất, đã chỉ ra sự không đồng nhất về các thành tựu và cả sự không cân sức về tỷ lệ đóng góp vào quá trình xây dựng Đế chế, vào sự hình thành nên nhà nước liên bang.

Thực sự thì người ta cũng không thể nói về một chủ quyền thực sự ở phần lớn những nhà nước này, bốn từ “chủ quyền nhà nước” chẳng thể có nghĩa gì khác ngoài ý nghĩa của một cụm từ theo nghĩa hành chính. Trên thực tế, không chỉ có quá khứ, mà cả hiện tại cũng đã dọn sạch vô vàn những “nhà nước chủ quyền” được gọi như vậy và qua đó cũng chứng minh một cách rõ ràng nhất sự yếu kém của những vùng lãnh thổ “có chủ quyền” độc lập này. Ở đây không thể khẳng định về phương diện lịch sử là những nhà nước này đã được hình thành như thế nào, nhưng có thể nói rằng, gần như không bao giờ chúng trùng khớp với ranh giới bộ tộc. Chúng thuần khiết là những hiện tượng chính trị, vượn rộng gốc rễ của mình phần lớn vào thời gian đau buồn nhất của Đế chế Đức và đã tự tạo điều kiện và vì thế, ngược lại, cũng đã được tạo điều kiện làm tan vỡ Tổ quốc của chúng tôi, ít nhất trong tất cả những điều này thì hiến pháp của Đế chế cũ cũng đã chiếu cố một phần nào đó, trong chừng mực là hiến pháp này tại Hội đồng liên bang đã không cho phép những nhà nước riêng biệt có những sự đại diện giống nhau, mà phân cấp tương ứng phù hợp với quy mô, phạm vi, tầm quan trọng thực sự cũng như thành tựu của những nhà nước riêng biệt đã đóng góp trong việc tạo dựng nên Đế chế.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online



Bismarck là một thiết giáp hạm của Hải quân Đức. Ảnh minh họa.

Chỉ có một phần nhỏ nhất chịu từ bỏ chủ quyền mà những nhà nước riêng biệt cần phải nhượng lại để tạo điều kiện thành lập Đế chế xuất phát từ sự tự nguyện, còn đa phần trên thực tế, hoặc là bằng một cách nào đó, những nhà nước này không hề có chủ quyền hoặc chúng bị sức mạnh áp đảo của Phổ gây sức ép. Nhưng đồng thời, Bismarck đã không hành động dựa trên nguyên tắc cơ bản là trao cho Đế chế thứ có thể lấy đi từ các nhà nước riêng biệt, mà chỉ đòi hỏi những nhà nước này để có được những thứ mà Đế chế nhất định cần đến. Một nguyên tắc cơ bản vừa đúng mực vừa khôn ngoan là một nguyên tắc mà một mặt, sẽ quan tâm, lưu ý đến thói quen và truyền thống nhiều nhất, mặt khác, nhờ đó, sẽ đảm bảo mức độ cảm tình lớn và sự sẵn sàng cộng tác cho Đế chế mới ngay từ ban đầu. Thế nhưng, sẽ hoàn toàn sai lầm về cơ bản nếu gán cho quyết định của Bismarck với niềm tin chắc chắn của ông rằng, Đế chế vì thế mà sở hữu đủ những chủ quyền trong mọi thời điểm. Bismarck không hề có niềm tin chắc chắn ấy; mà ngược lại, ông chỉ muốn trì hoãn điều mà ở hiện tại rất khó thực hiện và khó chịu đựng và duy trì cho đến tương lai. ông đặt hy vọng ở một

sự tác động cân bằng chậm rãi theo thời gian và ở sức ép của sự phát triển mà ông tin là trong một quá trình lâu dài sẽ có thể xảy ra hơn là một nỗ lực phá tan ngay những sự kháng cự hiện tại của những nhà nước riêng biệt. Theo cách đó, ông đã thể hiện và chứng minh một cách xuất sắc nhất sự tài ba vĩ đại trong nghệ thuật làm chính trị gia của mình. Bởi trong thực tế, chủ quyền của Đế chế luôn luôn tăng lên nhờ có chủ quyền những nhà nước riêng biệt. Thời gian đã biến những điều mà Bismarck trông đợi ở nó thành hiện thực.

Với sự tan vỡ của nước Đức và sự phá hoại hình thức nhà nước quân chủ thì sự phát triển này đã bắt buộc thúc đẩy nhanh. Bởi những nhà nước Đức riêng biệt đã coi sự tồn tại của mình do tính chất cơ sở theo nguồn gốc ít hơn là những nguyên nhân chính trị thuần túy, nên tầm quan trọng của những nhà nước riêng biệt này hiện tại chắc hẳn phải bị co cụm lại thành những điều không có ý nghĩa gì, trong đó, hiện thân cơ bản nhất của sự phát triển về mặt chính trị của những nhà nước này, hình thức nhà nước quân chủ và triều đại của chúng, đã bị ngăn chặn. Qua đó, một số lượng đáng kể những “hình thái nhà nước” này đã mất đi mọi tính ổn định, bền vững bên trong với phạm vi lớn đến nỗi mà chúng phải từ bỏ sự tiếp tục tồn tại của chính nhà nước mình và phải liên kết với những nhà nước khác bắt nguồn chỉ từ những mục đích hoặc tự nguyện nhập vào những nhà nước lớn hơn; đó chính là minh chứng rõ ràng nhất cho sự vô cùng yếu kém về chủ quyền của những nước nhỏ này trên thực tế và cũng là sự đánh giá thấp do chính những công dân của nó đã nhận định.

CHƯƠNG 10.4: NĂNG LỰC CỦA ĐẾ CHẾ BISMARCK LÀ GÌ?

Nếu việc loại bỏ hình thức nhà nước quân chủ cùng những đại diện của nó làm rung chuyển mạnh tính chất của nhà nước liên bang thì càng có nhiều sự gánh vác nghĩa vụ được sinh ra từ bản Hiệp ước “hòa bình”.

Việc chủ quyền về mặt tài chính từ trước đến nay vốn thuộc về các bang giờ đã bị mất cho Đế chế là điều hoàn toàn hiển nhiên theo lẽ thường tình, khi đó là thời điểm mà Đế chế bị bắt phải chịu nghĩa vụ tài chính do thất bại trong cuộc chiến tranh, đó là nghĩa vụ mà thông qua những bản hiệp ước riêng, các bang không bao giờ còn đáp ứng được nữa. Cả những bước tiếp theo sẽ dẫn đến việc tiếp quản dịch vụ bưu chính và đường sắt thông qua Đế chế, cũng là những tác động cần thiết bắt buộc của sự nô dịch mà dân tộc chúng tôi phải chịu đựng

do những bản hiệp ước hòa bình từng bước tạo nên. Đế chế Đức đã buộc phải đặt mình trong một sự sở hữu khép kín những giá trị luôn luôn mới mẻ để có thể đáp ứng những bồn phận và nghĩa vụ tài chính phát sinh do sự chèn ép gây ra.



Ảnh minh họa.

Càng thường xuyên có những hình thức nực cười mà trong đó nơi sự tập trung hóa diễn ra bao nhiêu thì quá trình trong đó càng logic và rõ ràng bấy nhiêu. Chịu trách nhiệm về điều này là những đảng phái và những con người đã không một lần cố làm tất cả để kết thúc chiến tranh thắng lợi. Chịu trách nhiệm về điều này, đặc biệt là ở Bayern, chính là những đảng phái mà trong quá trình theo đuổi những mục đích riêng đầy ích kỷ cho bản thân, họ đã rút khỏi tư tưởng nhượng bộ của Đế chế những điều mà sau tổn thất của cuộc chiến tranh, cũng chính họ đã phải thay thế, hoàn trả gấp mười lần. Đúng là lịch sử đang trả thù lại! Nhưng hiếm khi có những hình phạt của Chúa Trời sau tội lỗi như trong trường hợp này xảy đến ngay lập tức. Cũng những đảng phái này, vài năm trước đây còn đặt lợi ích của những nhà nước riêng biệt của họ – đặc biệt là ở Bayern – lên trên lợi ích của Đế chế Đức, thì nay đã phải trải qua cái cảm giác khi mà

lợi ích của Đế chế bóp nghẹt sự tồn tại của những nhà nước riêng biệt dưới áp lực của những sự kiện xảy ra. Tất cả đều do tội lỗi đồng lõa mà họ gây nên.

Đúng là một hành động đạo đức giả chưa từng thấy khi than vãn với đám đông những người bầu cử về sự mất mát những chủ quyền của những bang riêng lẻ (bởi sự tuyên truyền, công khai ủng hộ mà những đảng phái của chúng ta ngày nay tiến hành chỉ hướng về họ), trong khi tất cả những đảng phái này, không hề có một ngoại lệ nào, lại phóng đại nhau trong chính sách đáp ứng, mà do những hậu quả cuối cùng của nó, dĩ nhiên là cũng đã phải thực hiện những thay đổi sâu sắc bên trong nước Đức. Đế chế của Bismarck bên ngoài là tự do và không bị ràng buộc. Đế chế này cũng không sở hữu những nghĩa vụ tài chính theo cái cách chông chất, nặng nề và hoàn toàn không hiệu quả như cái cách mà nước Đức ngày nay theo kế hoạch của Dawes phải gánh chịu. Nhưng nội tại thì năng lực của nó cũng bị giới hạn bởi một vài vấn đề hết sức cần thiết. Vì thế mà có lẽ nó không cần đến một chủ quyền tài chính riêng và có thể sống dựa vào những khoản thu từ các bang; và khi một mặt, các bang vẫn duy trì chủ sở hữu những quyền độc lập tối cao của mình, còn mặt khác, họ chỉ phải đóng góp một phần tương đối nhỏ cho Đế chế, thì hiển nhiên đó là điều rất có lợi cho sự hài lòng với Đế chế của các bang. Nhưng sẽ là không đúng đắn, có thể nói là không chân chính, nếu muốn tuyên truyền vào thời điểm hiện nay và nhận định rằng, việc thiếu đi sự hài lòng về Đế chế như hiện tại chẳng khác gì sự lệ thuộc tài chính của các bang đối với Đế chế cả. Không, mọi chuyện trên thực tế không phải là như vậy. Sự hân hoan dành cho quan điểm của Đế chế bị giảm bớt không phải gắn với sự mất đi những chủ quyền của phía các bang, mà đúng hơn là kết quả của việc dân tộc Đức ở thời điểm này đang được nhà nước của nó đại diện một cách rất đáng chỉ trích. Cho dù có tất cả mọi đại hội và lễ kỷ niệm về ngày đưa ra lá quốc kỳ và hiến pháp thì Đế chế ngày nay cũng vẫn tồn tại trong trái tim của dân tộc Đức ở mọi tầng lớp một cách xa lạ. Các luật bảo vệ nền Cộng hòa có thể sẽ cản trở được sự thiệt hại những cơ sở của nó nhưng sẽ không bao giờ có thể giành được tình cảm của bất kỳ một người dân Đức nào. Nằm trong mối lo quá lớn nhằm bảo vệ nền Cộng hòa trước chính những công dân của mình bằng những điều khoản luật hình sự và nhà tù chính là những sự

chỉ trích mang tính chất phá hoại và những lời gièm pha làm ô danh toàn bộ thể chế của nó.

Và từ cả một lý do khác thì khẳng định mà được các đảng phái chắc chắn đó là sự phai mờ niềm hân hoan dành cho Đế chế được gán cho sự xâm phạm của Đế chế đến các chủ quyền nhất định của các bang- là không đúng sự thật. Giả sử, Đế chế không tiến hành việc mở rộng quyền hạn của mình, thì người ta cũng không tin rằng, tình yêu của những bang riêng dành cho Đế chế lại có thể lớn hơn, nếu như toàn bộ các khoản đóng góp phải bằng như bây giờ. Ngược lại: Nếu các bang riêng biệt hiện nay phải chịu mức đóng góp bằng với mức mà Đế chế cần để đáp ứng các mệnh lệnh nô dịch của mình, thì thái độ thù địch hướng về Đế chế vẫn cứ không ngừng phát triển mà thôi. Những khoản đóng góp của các bang dành cho Đế chế sẽ không chỉ rất khó để đưa được vào mà gần như sẽ còn phải bị thu một cách bắt buộc. Bởi nền Cộng hòa đang đứng trên cơ sở của những bản hiệp ước hòa bình và hoặc là không có đủ dũng khí hoặc không có ý định phá bỏ những bản hiệp ước ấy, nên nền Cộng hòa ấy phải tính tới cả những nghĩa vụ bắt buộc mà nó phải thực hiện. Và lỗi lầm về điều này, một lần nữa lại thuộc về các đảng phái cứ luôn mồm hô hào những đám đông bầu cử đầy kiên nhẫn về sự độc lập thiết yếu của các bang, nhưng đồng thời cũng ủng hộ và khuyến khích một chính sách của Đế chế, đó là chính sách không thể tránh khỏi phải dẫn đến việc xóa bỏ những cái cuối cùng vẫn được gọi là “chủ quyền”.

Tôi nói “không thể tránh khỏi” là vì, không còn khả năng nào khác cho Đế chế ngày nay để đáp ứng những gánh nặng bị áp đặt bởi chính sách trong và ngoài nước kém cỏi của mình. Và ở đây là dĩ độc trị độc, cứ mỗi một món nợ mới mà Đế chế gánh trên vai thông qua sự đại diện đầy tội lỗi xuất phát từ những lợi ích của nước Đức ở bên ngoài, thì bên trong sẽ phải chịu một áp lực mạnh hơn đè xuống để cân bằng, áp lực đó, về phía nó, lại đòi hỏi sự xóa bỏ dần những chủ quyền mà các bang riêng biệt đang sở hữu để tránh những mầm mống chống đối không cho phát triển lên hay chỉ là tránh cho chúng không thể tồn tại.

Chắc chắn cần phải được khẳng định như sự khác biệt về tính chất của chính sách mà Đế chế đề ra ngày nay đối với chính sách trước đây rằng: Đế chế

cũ đã trao cho dân chúng sự tự do ở trong nước và chứng minh sức mạnh của mình ở bên ngoài, trong khi nền Cộng hòa lại bộc lộ sự yếu kém của mình ở bên ngoài còn trong nước lại áp bức dân chúng. Trong cả hai trường hợp thì cái này lại là điều kiện của cái kia. Nhà nước quốc gia nào hùng mạnh thì cần tới ít luật lệ ở trong nước vì có được tình cảm và sự gắn bó nhiều hơn của dân chúng, nhà nước nô bộc quốc tế thì chỉ có thể thông qua bạo lực mới bắt được những đầy tớ của nó ra trận mà thôi. Bởi đó là một trong những sự xác lảo trơ trên nhất của hệ thống cai trị hiện nay khi nói về “những công dân tự do”. chỉ nước Đức thời xưa mới có những công dân như vậy mà thôi. Nền Cộng hòa như một thuộc địa nô lệ của nước ngoài không hề có công dân, mà chính xác là chỉ có những đầy tớ. Vì thế mà nó cũng không có quốc kỳ, mà chỉ có một cái dấu hiệu mẫu phân biệt được giới thiệu và bảo vệ bởi những sắc lệnh chính thức và những quy định theo pháp luật. Cái biểu tượng được người dân Đức coi như chiếc mũ của GeBler chụp lên nền dân chủ Đức này vì thế mà cũng sẽ trở nên hoàn toàn xa lạ trong lòng mỗi người dân Đức chúng ta mãi mãi. Nền Cộng hòa mà về phía nó, không có lấy một tình cảm nào cho truyền thống, không có lấy một sự tôn kính nào trước sự vĩ đại của quá khứ, đã giẫm đạp biểu tượng của nó xuống bùn lầy, rồi sẽ phải kinh ngạc khi những đầy tớ của nó chỉ gắn bó với những biểu tượng của chính họ một cách nhông cặn như thế nào. Chính nền Cộng hòa ấy đã tự cho mình cái tính chất của một khúc nhạc ngắn trong lịch sử nước Đức. Thế nên ngày nay, cái nhà nước này, vì lợi ích tồn tại của mình, buộc phải tước đoạt ngày càng nhiều các chủ quyền của những bang riêng biệt, không chỉ từ khía cạnh vật chất, mà cả về phương diện tinh thần. Bởi bằng việc hút cạn giọt máu cuối cùng từ những người dân thông qua chính sách tài chính ép buộc của mình, nó nhất thiết phải lấy đi của họ những quyền lợi cuối cùng, nếu nó không Muốn một ngày nào đó sự bất mãn của toàn thể nhân dân sẽ bùng nổ thành một cuộc nổi loạn vùng lên.

Ngược lại với ý kiến phía trên, một luật lệ căn bản sau đây đã nảy sinh đối với chúng tôi, những người đi theo chủ nghĩa quốc xã: Một Đế chế quốc gia hùng mạnh mà biết bảo vệ và che chở cho những lợi ích bên ngoài của công dân nó trong phạm vi cao nhất, thì có thể mang lại tự do cho dân chúng trong nước mà không phải lo sợ cho sự ổn định của nhà nước mình. Mặt khác, một chính

phủ quốc gia hùng mạnh lại có thể can thiệp mạnh mẽ vào sự tự do của cá nhân cũng như của các bang mà không gây hại và chịu trách nhiệm về tư tưởng, từng chủ trương của đế chế ấy, trong những biện pháp như thế, người công dân độc lập nhận ra một phương tiện hướng tới sự cao quý, vĩ đại của dân tộc mình.



Thành phố Bayern năm 1922. bookykhoea.com | Đọc Sách Online

Chắc chắn mọi nhà nước trên thế giới sẽ hướng đến một sự đồng nhất, tiêu chuẩn hóa trong cơ cấu tổ chức nội tại của chúng. Và nước Đức cũng không phải là trường hợp ngoại lệ. Ngày nay, sẽ là vô nghĩa khi nói về một “chủ quyền nhà nước” của các bang riêng biệt, thứ chủ quyền trong thực tế đã không được trao cho hình thái này vì quy mô nhỏ đến hài hước của nó. Tâm quan trọng của những nhà nước riêng biệt trong lĩnh vực giao thông và trong cả lĩnh vực quản lý điều hành luôn ngày càng bị thu nhỏ lại. Giao thông và kỹ thuật hiện đại sẽ ngày càng rút ngắn khoảng cách và không gian. Một vùng từng là một nước thì ngày nay quy mô sẽ chỉ còn bằng một bang, và nhiều quốc gia ngày nay đã từng tương đương với cả một lục địa trước đây. Theo góc độ thuần túy bằng kỹ thuật, việc quản lý một nhà nước như nước Đức, sẽ chẳng khó khăn hơn việc điều hành một bang như bang Brandenburg cách đây một trăm hai mươi năm. Sự vượt qua được khoảng cách từ München tới Berlin ngày nay sẽ dễ dàng hơn cả việc đi từ München đến Starnberg cách đây một thế kỷ. Và toàn bộ lãnh, thổ của

Đế chế Đức ngày nay, trong mối quan hệ với kỹ thuật thông tin liên lạc hiện nay, sẽ nhỏ hơn một quốc gia trong liên bang Đức cỡ trung nào đó trong thời chiến tranh Napoleon. Người nào gắn các chuỗi kết quả với những sự thật không thể chối bỏ, người đó sẽ ở lại với thời gian. Đúng là trong mọi thời đại, lúc nào chẳng có những kẻ làm điều này và trong tương lai sẽ vẫn tiếp tục là như vậy. Nhưng họ sẽ hầu như không thể ngăn chặn được vòng quay của lịch sử, không bao giờ có thể bắt nó đứng yên.

Chúng tôi, những người đi theo chủ nghĩa quốc xã không được phép mù quáng phớt lờ, bỏ qua những hệ quả của những sự thật này. Và chúng ta cũng không được phép để mình bị thuần phục bởi những lời nói suông của những đảng phái được gọi là tư sản dân tộc. Tôi dùng từ “những lời nói suông” là vì, những đảng phái này chưa bao giờ nghiêm túc có niềm tin vào khả năng thực hiện một ý định nào của họ và thứ hai là bởi họ chính là kẻ đồng lõa tiếp tay và là nguyên nhân chính tạo nên sự phát triển như ngày nay. Nhất là tại Bayern, sau khi xóa bỏ nền tập trung hóa thì sự to mồm thực sự chẳng còn là gì ngoài một mưu đồ đảng phái không có lấy một suy nghĩ nghiêm túc nào đằng sau. Trong mọi thời điểm, đáng lẽ những đảng phái này phải thực sự làm việc nghiêm túc khi đã thốt ra những lời nói của mình, thì rốt cuộc tất cả, không có một trường hợp nào ngoại lệ, đều thất bại thảm hại. Mọi thứ được gọi là “ăn cướp chủ quyền” của nhà nước Bayern do Đế chế gây nên, trên thực tế đều được chấp thuận không hề có sự chống đối gì ngoài một tiếng cầu nhàu khó chịu. Vâng, nếu thực sự có một ai dám tạo nên một mặt trận nghiêm túc chống lại cái hệ thống điên đảo này, nghĩa là “đã không còn đứng trên đất của nhà nước hiện nay”, thì anh ta sẽ bị chính những đảng phái ấy đẩy ra ngoài vòng pháp luật, nguyên rửa và theo dõi tới chừng nào anh ta hoặc bị tổng vào nhà tù hoặc bị trừ khử để bịt miệng vì đã nói ra điều mà luật pháp cấm kỵ. Chính điều này đã khiến những người ủng hộ chúng tôi nhận ra thói đạo đức giả bên trong của giới ủng hộ tư tưởng liên bang. Những tư tưởng của nhà nước liên bang, phần nào đấy giống như tôn giáo, đối với họ cũng chỉ là một phương tiện dùng để phục vụ cho những lợi ích thường rất bản thủ của đảng phái.

CHƯƠNG 10.5: “QUYỀN LỰC BÊN TRONG CỦA HỆ THỐNG CHÍNH PHỦ?”

Sự thống nhất hóa càng thể hiện sự tự nhiên, đặc biệt là trong lĩnh vực giao thông, thì nghĩa vụ đối với chúng tôi, những người theo chủ nghĩa quốc xã càng có thể được duy trì để chỉ trích gay gắt nhất một sự phát triển đang tồn tại trong nhà nước như hiện nay, cụ thể là khi những biện pháp chỉ có mục tiêu nhất định là đáp ứng một chính sách ngoại giao tai hại và tạo điều kiện cho chính sách đó.

Do Đế chế ngày nay thực hiện cái thứ được gọi là quốc gia hóa ngành đường sắt, bưu chính, tài chính v.v... không xuất phát từ quan điểm chính trị quốc gia cao cấp, mà chỉ để nhận được trong tay phương tiện và những sự bảo đảm cho một chính sách đáp ứng bất tận, nên chúng tôi – những người đi theo chủ nghĩa quốc xã phải làm tất cả những gì được tính toán là phù hợp nhằm gây khó dễ cho việc thực hiện một chính sách như vậy cũng như tất cả những gì có thể để ngăn chặn nó. Và cuộc chiến chống lại nền tập trung hóa ngày nay của các cơ quan, tổ chức có tầm quan trọng sống còn của dân tộc chúng tôi, nền tập trung hóa mà chỉ được thực hiện để qua đó có thể tiến hành trôi chảy các khoản đóng góp hàng tỷ Mác cũng như những khoản ký quỹ nằm trong chính sách sau chiến tranh của chúng tôi đối với nước ngoài, cũng thuộc về vấn đề này.

Từ lý do đó mà phong trào quốc xã cũng đã phải chỉ trích những hành động nỗ lực như thế.



Hitler và đoàn tùy tùng của ông tại Munich.

Lý do thứ hai có thể khiến chúng tôi phải đưa ra một cuộc kháng cự chống lại nền tập trung hóa ngày nay, đó là quyền lực bên trong của hệ thống chính phủ, nhờ đó mà đáng lẽ có thể được ổn định, hệ thống này với sức ảnh hưởng, tác động tổng thể của nó đã mang lại bất hạnh tột cùng cho quốc gia Đức. Cái đế chế Do Thái – dân chủ ngày nay, đối với quốc gia Đức là lời nguyên rủa đã trở thành sự thật, đang tìm kiếm sự chỉ trích những nhà nước riêng biệt mà chưa hoàn toàn thấm nhuần hệ tư tưởng của thời đại này, với mục đích vô hiệu hóa những nhà nước đó bằng việc chèn ép họ trở thành nơi mất hết ý nghĩa. Đối với việc này, chúng tôi – những người theo chủ nghĩa quốc xã có mọi lý do để không chỉ nỗ lực cung cấp cho việc chống đối các nhà nước riêng biệt cơ sở nền tảng về sức mạnh của một nhà nước đầy hứa hẹn thành công mà còn có đủ lý do để biến cuộc đấu tranh chống lại sự tập trung thành những sự thể hiện lợi ích cao hơn của toàn bộ quốc gia Đức. Trong khi Đảng nhân dân Bayern từ những quan điểm hẹp hòi, phân lập, cố gắng duy trì và bảo đảm “những đặc quyền” cho nhà nước Bayern, thì chúng tôi phải sử dụng vị trí đặc

biệt này trong việc phục vụ một lợi ích quốc gia cao hơn đang chống lại nền Dân chủ tháng mười một ngày nay.

Lý do thứ ba có thể tiếp tục xác định cho chúng tôi là cần phải đấu tranh chống lại nền tập trung hóa hiện tại chính là niềm tin chắc chắn rằng phần lớn quá trình được gọi là quốc gia hóa trong thực tế lại chẳng phải là sự thống nhất, cũng không bao giờ là sự đơn giản hóa, mà trong nhiều trường hợp, nó lại liên quan tới việc tước bỏ các cơ quan chính quyền ra khỏi những chủ quyền của các bang nhằm mở ra những cánh cổng cho lợi ích của các đảng phái cách mạng. Và cũng chưa bao giờ trong lịch sử nước Đức lại có chính sách thiên vị trơ trẽn nào như trong nền Cộng hòa dân chủ. Một phần lớn sự tập trung hóa điên dại này do các đảng phái mà đã từng hứa hẹn rằng sẽ mở đường, tạo điều kiện cho những người có tài năng, nhưng đồng thời lại đưa toàn những người vốn là thành viên của đảng họ vào các chức vụ và vị trí chính quyền. Đặc biệt là từ khi thành lập nền Cộng hòa, thông qua Đế chế, bọn Do Thái đã đưa không biết bao nhiêu người của chúng vào các tổ chức kinh tế và các bộ máy điều hành, quản lý do Đế chế nắm quyền, để ngày nay những tổ chức và bộ máy đó đã trở thành một lãnh địa toàn hoạt động của bọn Do Thái.

Vấn đề thứ ba này, hơn tất cả, phải buộc chúng tôi có trách nhiệm kiểm tra, giám sát từng biện pháp tiếp theo trong quá trình tập trung hóa một cách kỷ lưỡng nhất xuất phát từ những lý do có tính chiến thuật, và khi cần thiết, phải lên tiếng chỉ trích ngay những biện pháp đó. Nhưng những quan điểm và góc độ nhìn nhận của chúng tôi đồng thời phải luôn mang tính chính trị quốc gia cao cấp và không bao giờ được mang tính chủ nghĩa phân lập hẹp hòi.

Sự nhận xét cuối cùng rất quan trọng và cần thiết để không cho phép nảy sinh trong những người ủng hộ chúng tôi cái suy nghĩ như thể chúng tôi – những người theo chủ nghĩa quốc xã sẽ không cho Đế chế có quyền đại diện cho một chủ quyền cao cấp như một trong những nhà nước riêng biệt, về cái quyền này, trong chúng tôi không hề có và cũng không thể cố bắt kỳ một nghi ngờ nào. Bởi đối với chúng tôi, nhà nước vốn dĩ chỉ là một hình thức, nhưng điều cốt yếu là nội dung hoạt động, quốc gia, dân tộc trong nhà nước ấy thì rõ ràng phải được đặt dưới lợi ích chủ quyền của nó. Đặc biệt, chúng tôi không thể cho phép bất kỳ một nhà nước riêng biệt nào trong khuôn khổ quốc gia Đức và

trong Đế chế đại diện này được có quyền lực tối cao về chính trị và chủ quyền nhà nước. Sự tồi tệ của những nhà nước liên bang độc lập, được gọi là những đại diện ở nước ngoài và giữa những nhà nước ấy cần phải dừng lại và sẽ phải dừng ngay lại. Chừng nào họ còn được hoạt động như vậy, thì chừng đấy không có gì phải ngạc nhiên nếu như nước ngoài vẫn luôn đặt nghi ngờ về tính ổn định của hệ thống của Đế chế chúng tôi và dựa theo đó mà có những cách đối xử tương ứng. Mỗi nguy hại mà những đại diện này gây nên sẽ ngày càng to lớn hơn khi bên cạnh những tổn thất, nó chẳng mang lại một điều gì có lợi dù là nhỏ nhất. Những quyền lợi của một người Đức ở nước ngoài mà không được bảo đảm bởi đại sứ của Đế chế thì qua những đại diện ngoại giao của một nhà nước nhỏ mà lãnh thổ của nó trông đã rất buồn cười trong phạm vi trật tự thế giới ngày nay, sẽ còn bị thiếu quan tâm hơn nhiều. Trong những nhà nước liên bang nhỏ này, người ta thực sự chỉ có thể nhìn thấy những điểm tấn công đối với những nỗ lực ly khai mà đặc biệt một nhà nước vẫn luôn thích nhìn thấy, cả bên trong lẫn bên ngoài phạm vi Đế chế Đức.

Cả về vấn đề này, chúng tôi – những người theo chủ nghĩa quốc xã cũng không được phép thông cảm cho bất kỳ người nào có nguồn gốc quý tộc đã trở nên già cỗi và yếu kém lại mang cho những cây lúa đã trở nên vô cùng khô héo của anh ta mảnh đất dinh dưỡng mới nhờ đã khoác trên mình bộ quần áo của chức vụ đại sứ. Những đại diện ngoại giao của chúng tôi ở nước ngoài đã quá khổ sở ngay trong thời đại của Đế chế cũ đến nỗi mà những sự bổ sung thêm kinh nghiệm đã có được thời kỳ ấy là hoàn toàn thừa thãi.

Ý nghĩa của các bang riêng biệt trong tương lai nhất định là sẽ được đưa vào nhiều hơn trên lĩnh vực văn hóa – chính trị. Quốc vương đã làm được nhiều nhất cho tầm quan trọng của Bayern không phải là người đi theo chủ nghĩa phân lập có tư tưởng gây phiền nhiễu, chống Đức nào đó, mà là một Ludwig Đế nhất có tư tưởng Đại Đức và có năng khiếu về nghệ thuật. Bằng cách sử dụng hàng đầu các lực lượng của nhà nước vào việc xây dựng vị trí văn hóa của Bayern chứ không phải là củng cố, tăng cường sức mạnh quyền lực chính trị của Bayern, ông đã xây dựng nó tốt đẹp hơn và bền vững hơn bất kỳ người nào khác có thể. Hồi bấy giờ ông đưa München ra khỏi khuôn khổ của một vị trí mang tính chất huyện lỵ không có ý nghĩa mấy lên thành một trung tâm nghệ thuật lớn

của Đức. Chính qua việc đó, ông đã tạo ra một trung tâm về tâm linh, nơi mà ngày nay có đủ sức mạnh để gắn kết những người gốc vùng Franken khác nhau với nhà nước này. Giả sử München vẫn cứ được giữ nguyên như nó vốn thế, thì ở Bayern sẽ lặp lại quá trình giống hệt Sachsen, chỉ có một điểm khác duy nhất là vùng Leipzig thuộc Bayern, Nürnberg sẽ không phải là thành phố của Bayern nữa, mà thuộc sở hữu của Franken rồi. Không phải những tiếng la hét “Đả đảo dân Phổ” đã tạo ra một München to lớn, mà chính nhờ vai trò được Nhà vua ban tặng cho thành phố này, bởi qua đó, người cũng muốn ban tặng một báu vật nghệ thuật cho quốc gia Đức, một báu vật phải được công nhận và quý trọng. Và trong đó cũng còn một bài học cho tương lai. Đó là, tầm quan trọng của những nhà nước riêng biệt trong tương lai chắc chắn sẽ không còn phụ thuộc vào nhà nước và quyền lực chính trị; mà tôi nhìn thấy tầm quan trọng ấy hoặc nằm trong lĩnh vực nguồn gốc các dòng tộc, hoặc nằm trong lĩnh vực văn hóa chính trị. Nhưng sự nâng cấp vẫn phải cần có tác động của thời gian. Sự dễ dàng của phương tiện giao thông liên lạc hiện đại sẽ lay động nhân loại để những ranh giới về nguồn gốc sẽ bị lu mờ một cách chậm chạp và liên tục, như thế bức tranh văn hóa sẽ bắt đầu dần dần được cân bằng.



Huy hiệu bang Baden-Württemberg: là bang lớn thứ ba về diện tích và dân số của nước Cộng hòa Liên bang Đức.

Quân đội sẽ được quyết liệt tách khỏi những ảnh hưởng của tất cả các nhà nước riêng biệt. Nhà nước quốc xã đang dần xuất hiện không nên mắc phải những sai lầm của quá khứ mà đã giao cho quân đội một nhiệm vụ mà nó không có và cũng hoàn toàn không được phép có. Quân đội Đức ở đây không phải là một ngôi trường bảo tồn các giá trị của nguồn gốc bộ tộc, mà nhiều hơn, phải là một ngôi trường của sự hiểu biết và hòa hợp với nhau của toàn bộ người dân Đức. Bất kỳ một sự chia rẽ nào tồn tại trong cuộc sống của quốc gia sẽ cần phải được tác động thông qua quân đội thống nhất lại. Và cần phải đưa một con người trẻ trung độc lập ra khỏi tầm nhìn hạn hẹp ở bang của anh ta và đưa anh ta vào tầm nhìn của quốc gia Đức. Anh ta sẽ phải học cách nhìn nhận về những đường biên không phải là của quê hương anh ta, mà là của Tổ quốc anh ta, bởi đó là những gì một ngày nào đấy anh ta sẽ phải bảo vệ lấy. Vì thế, sẽ không có nghĩa lý gì nếu để con người Đức trẻ trung ấy ở lại quê hương của anh ta, mà cần phải đạt được mục đích là chỉ cho anh ta thấy nước Đức trong thời gian anh ta phục vụ quân đội. Điều đó ngày nay càng quan trọng hơn khi một người Đức trẻ không còn đi đây đó như trước đây nữa để qua đó mà mở rộng tầm nhìn của mình. Liệu trong sự nhận thức này không có gì là phi lý khi để cho một người Bayern trẻ trung, khi có thể, được đóng quân ở München, người Franken ở lại Nürnberg, người Baden ở lại Karlsruhe, người Württemberg ở lại Stuttgart v.v... và sẽ là không hợp lý hơn khi một lần chỉ cho một người Bayern về vùng Rhein và cho thấy Biển Bắc, cho người Hamburg vùng Alpen, người Phổ phía Đông về vùng trung nguyên của Đức và cứ như thế hay sao? Bản chất của riêng từng vùng miền nên được giữ lại trong hàng ngũ nhưng không phải là trong đồn trại của quân đội. Mỗi một nỗ lực của sự tập trung hóa đều có thể nhận được sự phản đối của chúng tôi, nhưng không bao giờ là sự phản đối của quân đội! Ngược lại, nếu chúng tôi không muốn chào đón những nỗ lực như thế, thì cũng phải vui mừng về những nỗ lực ấy. Hoàn toàn bỏ qua việc duy trì những đội ngũ của các nhà nước riêng biệt bên cạnh quy mô, tầm cỡ của quân đội Đế chế là hoàn toàn phi nghĩa, chúng ta nhìn thấy trong sự thống nhất, quốc gia hóa thành công của quân đội Đế chế này một bước đi mà ngay cả trong tương lai, bên cạnh việc tái thành lập một quân đội nhân dân, chúng tôi cũng sẽ không bao giờ được phép từ bỏ.

Hơn thế nữa, ý kiến trẻ đây khả năng chiến thắng sẽ phải khước từ mọi công cù có thể khiến cho những hoạt động tích cực ấy bị tê liệt trong nỗ lực thúc đẩy những suy nghĩ của nó ra ngoài. Chủ nghĩa quốc xã về cơ bản cần phải đòi hỏi có quyền bắt buộc toàn thể quốc gia Đức nghe theo những nguyên tắc của mình, bất kể những ranh giới của nhà nước liên bang từ trước cho tới nay và giáo dưỡng chúng trong những tư tưởng và quan niệm của chủ nghĩa ấy. Cũng như các nhà thờ không cảm thấy bị trói buộc hay bị giới hạn qua những ranh giới chính trị ấy thì tư tưởng quốc xã cũng không còn có cảm giác ấy qua những vùng lãnh thổ thuộc những nhà nước riêng biệt trong Tổ quốc của chúng tôi.

Học thuyết quốc xã chủ nghĩa không phải là kẻ phục vụ cho những lợi ích chính trị của riêng từng nhà nước trong Liên bang, mà sẽ trở thành người làm chủ quốc gia Đức. Nó sẽ xác định, sắp xếp lại theo trật tự mới cuộc sống của một dân tộc và chính vì thế cũng phải kiên quyết đòi hỏi quyền lợi về lãnh thổ cho mình, đó là được vượt qua những đường biên giới đã bị kéo theo bởi một sự phát triển mà chúng tôi đã khước từ.

Chiến thắng mà tư tưởng ấy đạt được càng trọn vẹn thì nó càng hứa hẹn sự tự do nhiều hơn bên trong.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

CHƯƠNG 11: CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN VÀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC

Năm 1921 đã có nhiều tác động đặc biệt quan trọng đối với tôi và phong trào.

Sau khi gia nhập vào Đảng Lao Động Đức, ngay lập tức tôi nắm giữ vai trò quản lý bộ phận tuyên truyền. Tôi cho rằng đây chính là bộ phận quan trọng nhất vào lúc này. Hiện tại, việc nhồi nhét những vấn đề của tổ chức vào não của mọi người không quan trọng bằng việc truyền tải những ý tưởng của Đảng đến càng nhiều người càng tốt. Công tác tuyên truyền cần phải đi trước để chuẩn bị về mặt nhân lực cho công tác tổ chức sau này. Hơn nữa, tôi là kẻ thù của việc tổ chức quá hấp tấp và mô phạm. Điều này chỉ luôn tạo ra một bộ máy chết chứ không phải một tổ chức sống. Bởi vì tổ chức là một thực thể xuất phát từ cuộc sống hữu cơ, từ sự phát triển hữu cơ. Những tư tưởng bén rễ trong đầu óc của nhiều người sẽ luôn hướng tới tạo dựng một trật tự vĩ đại hơn, và một giá trị vĩ đại sẽ được đâm chồi từ đây. Ở đây, dĩ nhiên chúng ta cũng phải tính đến sự

mềm yếu của loài người, thứ khiến cho một cá nhân, đặc biệt lúc ban đầu, theo bản năng sẽ ngờ vực một trí tuệ cao siêu. Nếu một tổ chức chỉ là được truyền lệnh một cách máy móc từ cấp trên, luôn tồn tại một mối đe dọa to lớn khi nhà lãnh đạo được bổ nhiệm mà không đủ phẩm chất hoặc năng lực quá yếu kém, vì đó sẽ kìm hãm sự phát triển của những nhân tố tài năng trong tổ chức. Nguyên cơ xuất hiện trong những tình huống như thế, đặc biệt trong một hoạt động mới khởi xướng, sẽ dẫn đến hậu quả thảm khốc.



Ảnh minh họa.

Do đó, việc thiết thực đầu tiên cần làm là phổ biến ý tưởng bằng công tác tuyên truyền từ trọng tâm rồi căn trọng tìm kiếm và đánh giá nguồn nhân lực để chọn lựa những người có khả năng lãnh đạo. Đôi khi những người có vẻ ngoài tầm thường hóa ra lại là những nhà lãnh đạo bẩm sinh.

Nhưng sẽ là một sai lầm hoàn toàn để đánh giá một trí tuệ uyên bác là bằng chứng cho khả năng và năng lực để trở thành một nhà lãnh đạo.

Sự thật thì ngược lại.

Những học thuyết gia tài năng hiếm khi là những nhà lãnh đạo vĩ đại, vì sự thông thái của học thuyết gia và những nhà sáng lập chỉ đơn thuần tác động

đến nhận thức và thiết lập các luật lệ trừu tượng đúng đắn, trong khi nhà tổ chức trước tiên phải là một nhà tâm lý. Anh ta phải nắm được bản chất của con người và phải thấu hiểu họ. Anh ta không được đánh giá quá cao cũng như quá thấp bản chất con người. Ngược lại, anh ta phải tận dụng được sự yếu kém, bản năng và những tính cách khác từ mỗi người để tạo thành một tổ chức có sự sống, thấm nhuần quyền lực mạnh mẽ, vững chắc, từ đó, đủ năng lực để đấu tranh cho tư tưởng mở đường cho sự thành công của nó.

Tuy nhiên, tìm được một học thuyết gia là một lãnh đạo tài ba còn hiếm hơn. Vì nhà lãnh đạo phải thiên về là một người khuấy động phong trào, một sự thật khó được chấp nhận bởi những người chỉ chuyên làm công việc khoa học. Điều đó vẫn có thể hiểu được. Một người khuấy động phong trào thể hiện được khả năng truyền đạt tư tưởng cho quần chúng nhân dân phải luôn là một nhà tâm lý, thậm chí anh ta có thể là một kẻ mị dân. Anh ta sẽ vẫn thích hợp cho công việc lãnh đạo hơn là những học thuyết gia thanh cao sống xa hoạt động của nhân dân. Vì lãnh đạo nghĩa là: có khả năng lay động quần chúng nhân dân. Năng khiếu công thức hóa các tư tưởng không tác động đến năng lực trở thành lãnh đạo. Thật là vô ích khi tranh luận giữa việc tạo dựng tư tưởng hướng vào nhân loại và việc áp dụng chúng vào thực tiễn, cái nào vĩ đại hơn. Ở đây, cũng như trong đời sống, một người sẽ hoàn toàn vô nghĩa nếu không có những người khác. Học thuyết vĩ đại nhất cũng trở thành vô nghĩa và vô giá trị nếu người lãnh đạo không thể hướng quần chúng nhân dân đi theo nó. Và ngược lại, một nhà lãnh đạo thiên tài và nhiệt tình sẽ gặt hái được gì nếu học thuyết vĩ đại không hướng vào cuộc đấu tranh của nhân loại? Thế nhưng, sự kết hợp giữa một học thuyết gia, một nhà tổ chức, và một nhà lãnh đạo trong một con người, đều hiếm gặp nhất trên thế giới, sẽ tạo thành một lãnh tụ kiệt xuất.

Như đã đề cập, tôi cống hiến mình cho công tác tuyên truyền trong thời gian đầu gia nhập Đảng. Việc cần làm chính là từng bước tập hợp một lực lượng nòng cốt cho học thuyết mới, và từ đó chuẩn bị nhân lực cung cấp cho thành phần nòng cốt của một tổ chức.

Khi một phong trào nuôi dưỡng mục tiêu phá hủy thế giới và lập nên một cái khác, bộ phận lãnh đạo phải quán triệt các nguyên tắc sau:

Mỗi phong trào trước tiên phải phân chia nguồn nhân lực ra thành hai nhóm lớn: những người ủng hộ và các thành viên.

Nhiệm vụ của công tác tuyên truyền là thu hút người ủng hộ, nhiệm vụ của tổ chức là tuyển chọn thành viên.

Người ủng hộ là người hiểu và chấp nhận mục đích của một phong trào, thành viên là người đấu tranh vì nó.

Người ủng hộ là người tuân theo học thuyết của phong trào thông qua công tác tuyên truyền. Thành viên là người làm việc cho tổ chức để tuyển thêm người ủng hộ từ đó biến họ thành thành viên.

Vì người ủng hộ chỉ cần thụ động nhận thức một tư tưởng, trong khi thành viên đòi hỏi sự chủ động ủng hộ và bênh vực, trong mười người ủng hộ chỉ có nhiều nhất từ một đến hai thành viên.

Trở thành người ủng hộ chỉ đơn thuần dựa trên sự hiểu biết, trong khi thành viên phải đủ dũng cảm tự mình bảo vệ và truyền bá những điều anh ta tin tưởng.

Việc am hiểu thụ động một học thuyết thích hợp cho số đông nhân loại vì bản chất chủ yếu của loài người là lười biếng và nhút nhát. Việc trở thành thành viên đòi hỏi một tinh thần chủ động, và do đó chỉ áp dụng với số ít người.

Công tác tuyên truyền phải nhắm đến những người ủng hộ, trong khi công tác tổ chức phải sốt sắng trong việc tìm kiếm những nhân tố giá trị nhất trong những người ủng hộ để biến họ thành thành viên. Do vậy, công tác tuyên truyền không cần quan trọng hóa từng cá nhân được hướng dẫn, hay chú trọng đến năng lực, khả năng, sự thấu hiểu hay phẩm chất của người ủng hộ, trong khi tổ chức phải cẩn thận tuyển chọn trong quần chúng những phẩm chất này để đem thắng lợi đến cho phong trào.



Khán giả lắng nghe quan điểm của Hitler (năm 1921).

Công tác tuyên truyền cố gắng tác động học thuyết vào tất cả mọi người; công tác tổ chức trong phạm vi của mình bảo đảm chỉ tuyển chọn những người không đe dọa đến việc truyền bá tư tưởng sau này.

Công tác tuyên truyền ghi sâu trong quần chúng nhân dân bản chất của tư tưởng và chuẩn bị cho thời điểm chín muồi của sự thắng lợi của tư tưởng, trong khi công tác tổ chức đạt được thắng lợi dựa trên sự bền bỉ, có hệ thống và liên minh của những người ủng hộ hăng hái và có khả năng gánh vác sự nghiệp đấu tranh giành thắng lợi. Một tư tưởng càng sớm dành được thắng lợi khi công tác tuyên truyền đến quần chúng nhân dân càng hiệu quả và công tác tổ chức đấu tranh càng độc quyền, mạnh mẽ và vững chắc.

Do đó, số lượng những người ủng hộ không thể quá lớn, nhưng số lượng thành viên có thể lớn theo tỷ lệ.

Khi công tác tuyên truyền tác động một học thuyết đến toàn thể quần chúng, công tác tổ chức có thể biến kết quả này thành hiện thực thông qua một

nhóm người. Công tác tuyên truyền và công tác tổ chức, hay nói cách khác, những người ủng hộ và các thành viên, sẽ gắn kết với nhau trong cùng một mối quan hệ. Công tác tuyên truyền càng tốt, công tác tổ chức càng tinh gọn; và càng có nhiều người ủng hộ, số lượng thành viên càng khiêm tốn hơn; và ngược lại: công tác tuyên truyền càng kém cỏi, công tác tổ chức càng phải công kên, và số lượng người ủng hộ cho một phong trào càng ít thì số lượng thành viên của nó càng phải tăng lên, nếu nó thực sự muốn thành công.

CHƯƠNG 11.1: NHIỆM VỤ CỦA CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN LÀ GÌ?

Nhiệm vụ đầu tiên của công tác tuyên truyền là lôi kéo nhiều người có thể gia nhập vào tổ chức sau này; nhiệm vụ đầu tiên của công tác tổ chức là lôi kéo người để tiếp tục công tác tuyên truyền. Nhiệm vụ thứ hai của công tác tuyên truyền là phá vỡ những kiểu mẫu đang tồn tại và thâm thấu vào đó với học thuyết mới, trong khi nhiệm vụ thứ hai của công tác tổ chức là đấu tranh giành quyền lực, từ đó đạt được thắng lợi cuối cùng cho học thuyết.



Ảnh minh họa.

Sự thành công vang dội nhất của một cuộc cách mạng dựa trên triết lý sống, sẽ luôn đạt được thành công khi tư tưởng mới được truyền đạt thấu đáo tới

tất cả mọi người, và nếu cần thiết là nhồi nhét vào đầu họ, trong khi công tác tổ chức một tư tưởng, nói cách khác, phong trào chỉ nên đi theo một nhóm người tối cần thiết để hình thành trung tâm đầu não của Quốc gia mới.

Nói một cách khác, điều này có nghĩa là:

Trong mọi phong trào vĩ đại để thay đổi thế giới, công tác tuyên truyền trước tiên sẽ phải truyền bá tư tưởng của phong trào. Nhà tuyên truyền phải không ngừng cố gắng để khai sáng suy nghĩ mới đến những người khác, để tư tưởng này cắm rễ sâu vào đầu họ, hay ít nhất làm cho họ hoài nghi về tư tưởng trước đây. Bây giờ, vì công việc phổ biến tư tưởng, công tác tuyên truyền, phải có một xương sống vững chắc, học thuyết chủ nghĩa buộc phải tự tạo một tổ chức vững mạnh. Tổ chức đạt được thành viên từ những người ủng hộ do công tác tuyên truyền mang lại. Công tác tuyên truyền càng phát triển mạnh mẽ bao nhiêu, công tác tổ chức càng sôi nổi bấy nhiêu, và công tác tuyên truyền lại càng tốt hơn khi có một tổ chức mạnh và quyền lực yểm trợ. Do đó, nhiệm vụ tối cao của công tác tổ chức là bảo đảm xảy ra không một sự mất đoàn kết nội bộ nào giữa các thành viên trong phong trào dân đến chia rẽ, và cản trở phong trào hoạt động; hơn nữa, nhiệm vụ của công tác tổ chức còn là bảo đảm tinh thần kiên quyết đấu tranh không được tắt lịm, mà phải luôn tăng cường và củng cố. Số lượng thành viên không nên tăng lên quá nhanh, ngược lại càng tốt hơn vì chỉ một nhóm nhỏ nhân loại có bản chất nhiệt tình và quả cảm, một phong trào cứ không ngừng mở rộng quy mô sẽ dẫn đến sự thừa thãi, suy yếu vào một ngày nào đó. Công tác tổ chức, nói cách khác, các thành viên, khi phát triển quá mức nào đó sẽ dần đánh mất sức mạnh đấu tranh và không còn năng lực ủng hộ hoặc tận dụng công tác tuyên truyền tư tưởng một cách kiên quyết và xông xáo.

Một tư tưởng càng vĩ đại và càng mang tính cách mạng, thì các thành viên sẽ càng năng nổ, vì năng lượng lật đổ của một học thuyết sẽ mang nguy hiểm đến các thành viên, nên khiến bọn giai cấp tư sản nhát gan, nhỏ nhen tránh xa nó. Họ sẽ kín đáo xem bản thân mình như những người ủng hộ nhưng lại từ chối công khai thừa nhận là thành viên. Chính vì thế, tổ chức của một tư tưởng cách mạng thực sự chỉ có những thành viên tích cực nhất từ những người ủng hộ có được do công tác tuyên truyền. Hoạt động của một thành viên phong trào,

nếu được chọn lựa đúng, sẽ bao hàm công tác tuyên truyền tích cực, công bằng và sự đấu tranh thắng lợi cho nhận thức tư tưởng. Nguy hiểm lớn nhất có thể đe dọa một phong trào là sự gia tăng số lượng thành viên bất thường do sự thành công nhanh chóng của nó. Chừng nào phong trào còn đấu tranh gian khổ và khó khăn, những cá nhân hèn nhát và kiêu ngạo sẽ lánh xa nó, nhưng họ lại đổ xô vào đăng ký thành viên một cách sốt sắng khi Đảng đã đạt được những thành tựu rõ ràng hoặc phát triển thành công.

Từ đó chúng ta có thể giải thích tại sao nhiều phong trào dù đã đạt được thành công ban đầu, đang trên đường đến chiến thắng, hoặc sắp hoàn thành nguyện vọng, nhưng do những yếu kém nội bộ không thể lý giải, lại bất thành linh, từ bỏ đấu tranh và cuối cùng tắt lịm. Những chiến thắng ban đầu đã khiến cho nhiều kẻ rắc rối, đê tiện và đặc biệt hèn nhát đã len lỏi vào trong hàng ngũ tổ chức, sau đó chính bọn chúng thúc đẩy phong trào theo chiều hướng có lợi cho riêng chúng, hạ giá trị của phong trào xuống cấp độ anh hùng ti tiện của chúng, và không còn đấu tranh cho sự thành công của tư tưởng ban đầu. Lòng nhiệt tình cuồng tín đã bị lu mờ, tinh thần chiến đấu bị rũ bỏ, và giai cấp tư sản đã đúng khi miêu tả tình trạng này là “Nước đã bị trộn vào rượu”. Khi điều đó xảy ra, thân cây không còn vươn tới trời xanh được nữa.

Vì lý do này, điều tôi cần thiết khi một phong trào, vì bản năng tự bảo vệ, nên ngay lập tức đóng danh sách thành viên khi nó bắt đầu đạt được thành công, và chỉ nên mở rộng quy mô một cách hết sức thận trọng sau khi đã khảo sát kỹ lưỡng những người đăng ký thành viên. Chỉ có cách này phong trào mới giữ được tinh thần cốt lõi không vấy bẩn, thuần khiết và lành mạnh. Điều này có nghĩa là, chỉ tinh thần cốt lõi mới được dẫn dắt phong trào, định đoạt công tác tuyên truyền để mang đến nhận thức rộng khắp, nắm toàn bộ quyền lực, đảm nhiệm hành động cần thiết để thiết lập tư tưởng vào thực tiễn.

Tổ chức không chỉ nắm tất cả các vị trí quan trọng của các lãnh thổ bị chiếm đóng bằng tinh thần cốt lõi của phong trào ban đầu, mà còn thành lập sự lãnh đạo thống nhất. Điều này nên được tiếp tục cho đến khi những nguyên tác và học thuyết của Đảng đã trở thành nền tảng và nội dung cho Quốc gia mới. Chỉ khi đó sự kiểm soát mới được chuyển giao cho chính phủ đặc biệt của quốc gia được tạo dựng từ tinh thần của phong trào. Tuy nhiên, ngược lại, điều này

gây ra sự kình địch lẫn nhau, vì cách cư xử của một người quan trọng hơn sự hiểu biết của anh ta, và các thế lực, ban đầu bị thôi phồng về sự phát triển, lại không được cầm quyền vĩnh viễn.

Tất cả những phong trào vĩ đại, dù với bản chất tôn giáo hay chính trị, đều thắng lợi về vang từ sự nhận thức và chấp thuận các nguyên tắc của họ, và tất cả những thành công vĩnh hằng nói riêng sẽ không đạt được nếu không áp dụng chặt chẽ các luật lệ. Là giám đốc công tác tuyên truyền của Đảng, tôi không chỉ quan tâm đến việc chuẩn bị nền tảng cho tương lai trọng đại của phong trào, mà còn triệt để đấu tranh để Đảng chỉ chấp nhận những thành viên tốt nhất. Vì công tác tuyên truyền của tôi càng cực đoan và kích động, những người yếu kém sẽ càng bị dọa khỏi và ngăn ngừa họ thâm nhập vào giá trị cốt lõi của tổ chức chúng ta. Họ vẫn có thể là người ủng hộ, nhưng tiếng nói không có trọng lượng, họ e dè giấu diếm sự thật. Hàng ngàn người đã cam đoan với tôi họ có thể hoàn toàn tán thành mọi thứ chúng ta nói, nhưng họ sẽ không trở thành thành viên của Đảng ta. Họ nói phong trào quá cực đoan nên việc gia nhập sẽ đặt họ vào việc bị chỉ trích và nguy hiểm nghiêm trọng, nên chúng ta không nên phạt ý khi những công dân chân thành và lương thiện nên để họ đứng ngoài ít nhất trong thời điểm hiện tại, mặc dù tâm ý họ hoàn toàn hướng vào sự nghiệp của chúng ta.

Điều đó thật tốt.

Nếu tất cả những người này, vốn chưa toàn tâm cho cách mạng, tham gia vào Đảng của chúng ta vào giai đoạn này với tư cách thành viên, thì chúng ta chỉ có thể xem mình là một tổ chức kín đạo đức giả, chứ không còn là một phong trào tranh đấu trẻ nữa.

Cách thức sống động và xông xáo mà tôi mang đến cho công tác tuyên truyền đã củng cố và bảo đảm xu hướng quyết liệt cho phong trào của chúng ta, bởi vì bây giờ, chỉ có những người quyết liệt, và một vài ngoại lệ, mới sẵn sàng để làm thành viên. Cùng lúc, công tác tuyên truyền này đã có hiệu quả sau một khoảng thời gian ngắn, hàng trăm ngàn người không chỉ tin rằng chúng ta đúng đắn mà còn khao khát chiến thắng của chúng ta, ngay cả khi họ quá rụt rè để hy sinh cho sự nghiệp, hay để tham gia vào phong trào.

Đến giữa năm 1921, hoạt động thu hút người ủng hộ dù đơn giản vẫn phát huy giá trị với phong trào. Nhưng những sự kiện đặc biệt giữa mùa hè năm nay biểu thị rằng, sau những thành công chậm mà chắc của công tác tuyên truyền, công tác tổ chức nên thích ứng và song hành cùng nó.



Ảnh minh họa.

Nỗ lực của một nhóm ủng hộ quá khích để đạt được sự lãnh đạo Đảng, với sự giúp đỡ và ủng hộ của vị chủ tịch Đảng hiện tại, dẫn tới sự vận động ngầm sục sôi, tại buổi họp thành viên, mọi người đã nhất trí đưa tôi vào ban lãnh đạo của toàn bộ phong trào. Ngay lập tức, một đạo luật mới được thông qua, chuyển giao toàn bộ trách nhiệm về chủ tịch phong trào, với nguyên tắc hạn chế quyền quyết định của hội đồng, và thay vào đó, giới thiệu một hệ thống phân chia lao động có hiệu quả tốt đẹp kể từ lúc đó.

Bắt đầu từ ngày 1 tháng Tư năm 1921, tôi đảm nhận việc tái cấu trúc nội bộ phong trào và được ủng hộ bởi những con người tuyệt vời mà tôi sẽ giới thiệu về họ trong một phụ lục đặc biệt.

Trong nỗ lực tận dụng một cách có hệ thống kết quả của công tác tuyên truyền, từ đó thiết lập nó vĩnh viễn, tôi phải hủy bỏ một số thói quen cũ và giới thiệu các nguyên tắc mà chưa từng có Đảng phái nào trước đây áp dụng.

Từ năm 1919 đến 1920, phong trào được lãnh đạo bởi hội đồng được bầu ra trong các buổi họp, đến lượt họ lại phải tuân theo những luật lệ. Hội đồng bao gồm thủ quỹ thứ nhất và thứ hai, thư ký thứ nhất và thứ hai, chủ tịch thứ nhất và thứ hai. Ngoài ra còn có một thư ký thành viên, giám đốc tuyên truyền, và những ủy viên khác.

Điều khôi hài là hội đồng được cấu trúc chính xác như thứ mà nó chống lại, chính là, nguyên tắc Nghị viện. Rất dễ nhận thấy rằng chúng ta đang đi theo nguyên tắc trong đó từ những nhóm nhỏ nhất, qua các quận, thành phố, tỉnh lỵ và lên đến lãnh đạo nhà nước Đức, theo đúng hình mẫu của hệ thống mà chúng ta đã và đang phải chịu đựng. Nhu cầu cải tổ hội đồng là cấp bách và phải được thực hiện ngay, trừ khi, nền tảng nghèo nàn của tổ chức nội bộ, không làm tiêu tan và kìm hãm thắng lợi của sứ mệnh cao cả của phong trào.

Các phiên họp hội đồng, được ghi nhận và biểu quyết dựa trên số đông, biểu trưng cho một nghị viện thu nhỏ. Ở đây, cũng không có trách nhiệm cá nhân. Ở đây, sự phi lý và bất hợp lý vẫn ngự trị ngay chính trong cơ quan đại biểu vĩ đại của Quốc gia. Bởi vì trong hội đồng này, thư ký, thủ quỹ, thư ký thành viên, giám đốc tuyên truyền, và các chức danh khác mà chỉ có Chúa mới biết được, tất cả họ đều cư xử giống như nhau trong từng vấn đề riêng biệt và quyết định dựa trên việc bỏ phiếu. Và như thế, anh chàng trong bộ phận tuyên truyền bỏ phiếu cho vấn đề liên quan đến anh chàng tài chính, đến lượt anh chàng tài chính lại bỏ phiếu về công tác tổ chức, còn anh tổ chức lại bỏ phiếu cho việc chỉ liên quan đến cô thư ký, vân vân và vân vân.

CHƯƠNG 11.2: TẠI SAO PHẢI TÌM KIẾM NGƯỜI ĐẶC BIỆT CHO CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN?

Tại sao phải bận lòng tìm kiếm một người đặc biệt cho công tác tuyên truyền khi mà thủ quỹ, thư ký, thư ký thành viên, vân vân... đã quyết định vấn đề đó, với một người có đầu óc bình thường thì việc đó cũng khó hiểu như trong một xí nghiệp công nghiệp lớn, giám đốc hoặc kỹ sư của những bộ phận khác,

những chỉ nhánh khác lại quyết định vấn đề chẳng liên quan gì đến công việc của họ.

Tôi không đồng tình với sự điên rồ này, nhưng sau một khoảng thời gian ngần từ chối tham gia họp hội đồng. Tôi chú tâm vào công tác tuyên truyền và không để cho bất kỳ ai nhúng mũi vào hoạt động của mình. Ngược lại, tôi không can dự vào công việc của người khác.



Ảnh minh họa.

Khi quy chế mới được chấp thuận và tôi trở thành chủ tịch tối cao, tôi đã có đủ thẩm quyền cần thiết để chấp dứt sự vô nghĩa này ngay lập tức. Ngay trong cuộc họp hội đồng, nguyên tắc quyền hạn chuyên chế đã được giới thiệu.

Chủ tịch chịu trách nhiệm dẫn dắt toàn bộ phong trào. Anh ta phân chia công việc cho từng thành viên thuộc cấp trong hội đồng và cho từng cá nhân. Và từng người này sẽ chịu trách nhiệm hoàn toàn nhiệm vụ đã được giao. Anh ta chỉ duy nhất phục tùng chủ tịch, người giám sát mọi sự hợp tác, lựa chọn nhân sự và chỉ đạo mọi hoạt động chung.

Nguyên tắc quyền hạn chuyên chế dần dần được áp dụng vào phong trào, ít nhất khi vấn đề lãnh đạo còn được quan tâm. Trong những nhóm nhỏ cấp địa

phương, thậm chí ở cấp thành phố và tỉnh lý, công việc này sẽ tốn một khoảng thời gian trước khi nguyên tắc này được áp dụng hoàn toàn, vì những kẻ hèn nhát và do dự sẽ chống lại nó; họ không thích chịu trách nhiệm hoàn toàn cho một vấn đề; họ luôn cảm thấy tự do hơn và tốt hơn khi tất cả mọi quyết định đều được núp bóng dưới danh nghĩa số đông, cái gọi là hội đồng. Nhưng tôi cất lực phản đối thái độ này, do đó, để đạt được sứ mạng và khả năng lãnh đạo, chúng ta không bao giờ được nhượng bộ sự thiếu trách nhiệm này cho dù phải mất rất nhiều thời gian.

Trong mọi trường hợp, một phong trào chống lại sự điên rồ của thể chế nghị viện phải thoát khỏi nó. Chỉ như vậy, phong trào mới đủ sức mạnh cho cuộc đấu tranh.

Một phong trào luôn coi trọng nguyên tắc chuyên chế, chỉ một lãnh đạo chịu toàn bộ trách nhiệm dẫn dắt mọi hoạt động chính thức của phong trào, chắc chắn sẽ vượt qua chính phủ hiện tại và thành công rực rỡ một ngày nào đó. Đó là điều xác thực.

Điều này dẫn đến việc phải cải tổ nội các phong trào. Và, dĩ nhiên dẫn đến sự tách bạch rõ ràng giữa bộ phận kinh doanh và bộ phận chỉ đạo chính trị chung. Theo nguyên tắc, tự chịu trách nhiệm được mở rộng cho tất cả các chi nhánh hành chính của Đảng và mang đến sự cải tiến lành mạnh cho họ, bằng cách giải phóng họ khỏi sự ảnh hưởng của chính trị để tập trung hoàn toàn vào công việc kinh tế.

Vào mùa thu năm 1919, tôi gia nhập vào một nhóm nhỏ những người thành lập Đảng, chúng tôi không có văn phòng, không thư ký, và thậm chí không có biểu mẫu hay con dấu; và không có bất kỳ tài liệu in ấn nào.

Phòng hội đồng được tổ chức đầu tiên trong một quán rượu ở Herrengasse, sau đó là trong tiệm cà phê ở Gasteig. Một kiểu sự vụ chính phủ bất cập. Nên ngay lập tức tôi hành động, tôi đến thăm một vài nhà hàng và quán rượu ở Munich để tìm thuê một căn phòng cho Đảng. Ở Sterneckerbräu trong Tal, có một căn phòng nhỏ từng được dùng làm quán rượu cho cô vắn hoàng gia Bavaria. Nó tối tăm và ẩm ướt, hoàn toàn phù hợp với công dụng ban đầu nhưng lại không thích hợp lắm với mục đích mới của nó. Cửa sổ căn phòng mở ra một con hẻm nhỏ tới mức thậm chí trong ngày hè nắng rực rỡ nhất, căn

phòng vẫn chìm trong bóng tối. Đó chính là văn phòng đầu tiên của chúng tôi. Nhưng vì giá thuê hàng tháng là năm mươi mark (thời đó là khoảng tiền khổng lồ đối với chúng tôi), chúng tôi không thể đòi hỏi gì hơn, thậm chí không có quyền than vãn khi ván ốp tường, vốn dành cho cổ văn hoàng gia, nhanh chóng bị gỡ ra khỏi phòng trước khi chúng tôi dọn vào, bây giờ căn phòng trông giống như một hầm mộ hơn là một văn phòng.

Vẫn còn một công việc quan trọng trước mắt. Dần dần chúng tôi có đèn điện và rồi một cái điện thoại; một chiếc bàn và một vài chiếc ghế mượn, cuối cùng một kệ sách, một tủ. Hai cái bàn có ngăn kéo của chủ nhà dùng để lưu trữ giấy tờ, tranh cổ động... Theo thời gian, việc điều hành đường lối của phong trào đơn thuần dựa trên cuộc họp hội đồng mỗi lần một tuần là không khả thi. Chỉ khi phong trào trả lương chính thức mới đảm bảo được việc tổ chức kinh doanh ngày qua ngày.

Vào thời điểm đó, điều này hết sức khó khăn. Phong trào có rất ít thành viên nên thật khó để tìm ra trong số đó một người thích hợp chấp nhận hy sinh những nhu cầu cá nhân của anh ta để cống hiến toàn bộ thời gian và sức lực cho nhu cầu cao cả của phong trào.

Chúng tôi đã tìm ra được quản lý kinh doanh đầu tiên cho Đảng, đó chính là Schüssler, một người lính và là người đồng đội cũ của tôi. Ban đầu, anh ta chỉ đến văn phòng từ 6 giờ đến 8 giờ mỗi ngày, sau đó từ 5 giờ đến 8 giờ, rồi mỗi buổi trưa, ít lâu sau, anh ta làm việc toàn thời gian và phục vụ từ sáng sớm đến tối mịt. Anh ta là người siêng năng, liêm khiết, hoàn toàn chân thành, người đã chấp nhận mọi khổ cực, đặc biệt trung thành và cống hiến cho phong trào. Schüssler mang theo máy đánh chữ Adler của riêng mình. Đó là máy móc đầu tiên phục vụ cho phong trào. Sau này, Đảng đã mua trả góp cái máy đó. Chúng tôi cần một tủ bảo hiểm nhỏ để bảo vệ những giấy tờ và đơn đăng ký thành viên khỏi bị đánh cắp, chứ không phải để cất giữ quỹ vì hiện tại vẫn chưa có. Ngược lại, tài chính của chúng tôi hạn hẹp đến nỗi tôi thường xuyên đóng góp tiền túi ít ỏi của mình vào đó.

Sau một năm rưỡi, văn phòng kinh doanh quá nhỏ, và chúng tôi đã dọn đến một chỗ mới ở Cornelius Strasse. Đó cũng là một quán rượu, nhưng thay vì

chỉ thuê một phòng nhỏ, bây giờ chúng tôi có ba phòng nhỏ và một phòng to với cửa sổ lớn. Với chúng tôi, lúc đó là điều tuyệt vời.

Chúng tôi ở đây mãi đến tháng mười một năm 1923.

Tháng mười hai năm 1920, chúng tôi giành được tờ Völkisch Beobachter. Tờ báo này, như tên gọi của nó, chuyên đấu tranh vì quyền lợi của nhân dân, bây giờ đã được chuyển thành một bộ phận của Đảng công nhân Đức quốc xã Xã hội chủ nghĩa. Ban đầu, nó phát hành hai lần một tuần, đầu năm 1923 trở thành một tờ nhật báo, và cuối tháng tám năm đó, nó được xuất bản với khổ lớn và rất nổi tiếng thời bấy giờ. Là một người mới vào nghề trong lĩnh vực báo chí, lúc đó, tôi đã phải trả giá cho khá nhiều bài học.

Trái hẳn với lượng báo chí khổng lồ của bọn Do Thái, thời đó chỉ có duy nhất một tờ báo đấu tranh vì sự nghiệp của quần chúng. Điều này, theo kinh nghiệm của tôi, phần lớn là do sự kém cỏi trong quản lý kinh doanh của một ấn phẩm được gọi là tờ báo của nhân dân. Họ đã chỉ đạo dựa trên lòng trung kiên nhiều hơn kết quả. Một quan điểm hoàn toàn sai lầm, vì lòng trung kiên không bộc lộ ra bên ngoài mà được thể hiện hiệu quả nhất thông qua thành công. Bất cứ ai tạo dựng giá trị cho nhân dân luôn thể hiện lòng trung kiên xuất sắc của anh ta, trong khi những kẻ khác chỉ phô diễn lòng trung thành đạo đức giả, nhưng hành động thực tế lại không giúp ích gì cho quần chúng, đó là kẻ thù cho tất cả mọi lòng trung kiên. Thái độ này sẽ hủy hoại cộng đồng.

Tờ Völkisch Beobachter, như đúng tên gọi của nó, là tờ báo của nhân dân, có tất cả những điểm mạnh cũng như yếu kém và sai sót cố hữu của một cơ quan quần chúng. Mặc dù nội dung tờ báo chân thực, nhưng vẫn chưa được quản lý theo quan điểm kinh doanh. Người ta cho rằng những tờ báo của quần chúng phải được trợ cấp từ sự đóng góp của nhân dân, thay vì nghĩ họ phải tự tìm cách cạnh tranh với những tờ báo khác, và việc nhận quyên góp của những người yêu nước để che đậy yếu kém, sai lầm của công việc là không đoan chính.

Trong mọi trường hợp, tôi luôn cố gắng hạn chế tư tưởng này, vì tôi sớm nhận ra mối đe dọa của nó, và may mắn đã ủng hộ tôi khi tôi được làm quen với một người, không chỉ là quản lý kinh doanh của tờ báo mà còn của Đảng, đã

cống hiến hết mình cho sự nghiệp. Năm 1914, tại mặt trận, tôi đã gặp Max Amann, thượng cấp của tôi và quản lý kinh doanh đương thời của Đảng. Trong suốt bốn năm chiến tranh, tôi đã liên tục có cơ hội quan sát năng lực phi thường, tính chăm chỉ và sự tận tâm tỉ mỉ của người cộng sự tương lai.



Hitler và Max Amann.

Giữa mùa hè năm 1921, khi phong trào rơi vào khủng hoảng, tôi không thể bằng lòng với số lượng nhân viên đã mang tới nhiều kinh nghiệm cay đắng, tôi tìm đến người đồng đội cũ cùng trung đoàn, mà tôi tình cờ gặp lại, thỉnh cầu anh ta trở thành quản lý kinh doanh của phong trào. Sau một thời gian do dự, Amann, lúc đó đang nắm giữ một vị trí nhiều triển vọng, đã đồng ý, nhưng với điều kiện anh ta sẽ không bao giờ làm bù nhìn cho bất cứ cộng đồng yếu kém nào. Anh ta chỉ chịu trách nhiệm với một ông chủ duy nhất.

Nhờ vào phẩm chất vô giá của nhà quản lý kinh doanh đầu tiên của phong trào, người được đào tạo bài bản về kinh doanh, nề nếp, trật tự đã được thiết lập trong nhiều bộ phận kinh doanh của Đảng. Kể từ đó, họ luôn gương mẫu bằng hoặc hơn các bộ phận khác trong phong trào, tuy nhiên, trong cuộc sống, năng lực xuất sắc luôn bị đổ kỵ và ghét bỏ. Trong trường hợp này, điều đó sẽ xảy ra và chúng ta nên kiên nhẫn chịu đựng nó.

Trước năm 1922, nhìn chung, những chỉ thị cứng rắn đều được áp dụng cho công việc kinh doanh cũng như cho sự phát triển tổ chức của phong trào. Đã có một hệ thống trung tâm sắp xếp theo danh mục tên những người thành viên trong phong trào. Lúc này, phong trào đã có sự hỗ trợ tài chính vững chắc. Những chi phí thông thường kê khai trong hóa đơn thông thường, và những hóa đơn đặc biệt chỉ dùng cho những chi phí đặc biệt. Mặc dù có khó khăn, phong trào gần như đã thoát khỏi nợ nần, chỉ trừ một vài khoản vay nhỏ, thậm chí thành công trong việc tăng trưởng đều đặn ngân quỹ. Chúng tôi hoạt động như một doanh nghiệp tư nhân, những người được tuyển dụng phải thể hiện hiệu quả công việc và không thể núp bóng dưới danh nghĩa “trung kiên”. Lòng trung kiên của mọi công nhân Quốc xã Xã hội chủ nghĩa được thể hiện bởi sự sẵn sàng làm việc, tính chăm chỉ và khả năng hoàn thành nhiệm vụ được cộng đồng giao phó. Bất cứ ai không làm tròn bổn phận không nên khoắc lác về lòng trung kiên mà chính anh ta đã chống lại nó.

Bằng nỗ lực hết mình, nhà quản lý kinh doanh mới, đã chống lại mọi tác động từ bên ngoài để duy trì quan điểm rằng trong Đảng sẽ không có chức vụ ngồi mát ăn bát vàng cho những thành viên hay người ủng hộ không năng nổ làm việc. Một phong trào quyết liệt chống đối việc tham nhũng trong các đảng phái chính trị hiện tại phải tránh xa các thói hư tật xấu đó. Trong một vài trường hợp, một số người được tuyển dụng vào bộ phận hành chính của tờ báo đã từng là đảng viên của Đảng nhân dân Bavaria, chính bởi phẩm chất xuất sắc của họ cho công việc. Việc đánh giá chân thực và ngay thẳng về năng lực cá nhân đã giúp phong trào nhanh chóng chiếm được cảm tình của đông đảo nhân viên hơn bao giờ hết. Sau này, họ trở thành những công nhân Quốc xã Xã hội chủ nghĩa mẫu mực, không chỉ trong lời nói, mà họ còn chứng minh bằng công việc liên tục, đều đặn, ngay thẳng mà họ phục vụ cho phong trào mới. Dĩ nhiên một thành viên xuất sắc sẽ được ưu ái hơn một người cùng năng lực nhưng không thuộc về phong trào. Nhưng cũng không ai đạt được chức vụ đơn thuần nhờ vào tư cách thành viên. Dù vấp phải phản đối, nhưng việc áp dụng cứng rắn các nguyên tắc của nhà quản lý kinh doanh mới đã trở thành lợi ích lớn nhất cho phong trào. Nhờ vậy, trong giai đoạn lạm phát khó khăn, khi hàng ngàn các doanh nghiệp phá sản, hàng ngàn tờ báo đóng cửa, bộ phận kinh doanh của

chúng tôi không chỉ sống sót, và hoàn thành nhiệm vụ, mà còn giúp cho tờ Völkisch Beobachter phát hành nhiều hơn. Nó đã được xếp vào hàng những tờ báo vĩ đại.



Tờ báo Völkisch Beobachter.

Ngoài ra, trong năm 1921, với cương vị là chủ tịch Đảng, tôi đang dần thành công trong việc giảm bớt sự chỉ trích và can thiệp vào những công việc điều hành của Đảng từ một số thành viên hội đồng. Điều này quan trọng bởi vì chúng tôi không thể có được một người giỏi giang đảm nhận công việc nếu những gã bất tài vẫn lảm nhảm và quấy rầy, tỏ vẻ chúng am hiểu mọi thứ, trong khi thực chất chỉ gây ra rắc rối. Rồi thì, chắc chắn những gã biết tuốt này sẽ im hơi lặng tiếng, tìm một nơi khác để chúng có thể thỏa sức chỉ trích. Một người mắc chứng nghiện khám phá bí mật đảng sau mọi thứ, luôn không ngừng tạo ra những kế hoạch, ý tưởng, dự án, phương pháp tuyệt vời. Những ý tưởng xuất sắc của họ luôn là nền tảng cho cộng đồng hoặc bộ phận kiểm soát để buộc mọi người chú tâm vào công việc. Rất nhiều thành viên hội đồng không hiểu được khi một người nghiệp dư can thiệp vào công việc của người chuyên nghiệp sẽ gây ra phiền phức và đi ngược lại với tinh thần của công nhân Quốc xã Xã hội

chủ nghĩa. Trong những năm đó, tôi luôn xem trách nhiệm của mình là lựa chọn những công nhân thực sự, giao nhiệm vụ cho họ, và chống lại mọi sự quấy nhiễu, để họ tự do làm việc.

Cách tốt nhất để những ủy viên vô hại, những người không làm việc mà chỉ chuyên dựng nên những quyết định phi thực tế, là giao cho họ một công việc thực tế nào đó. Thật buồn cười khi chúng khiến những thành viên này im thin thít và lặng mắt tăm. Điều này làm tôi nghĩ đến một cơ quan lớn tương tự, quốc hội Đức. Bọn họ sẽ chuồn đi rất nhanh nếu thay vì để cho họ nói, chúng ta giao công việc cho họ; đặc biệt là những nhiệm vụ mà mỗi cá nhân phải tự chịu trách nhiệm cho công việc của mình. Tôi luôn đặt ra yêu cầu, trong phong trào cũng như trong đời sống riêng tư, chúng ta phải không ngừng tìm kiếm người xuất sắc nhất để đảm nhận vai trò viên chức, nhà quản lý hay giám đốc của các bộ phận khác nhau trong phong trào. Và người này sẽ nhận được quyền hành tuyệt đối và hoàn toàn tự do trong điều hành cấp dưới và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước cấp trên. Không ai được phép ra lệnh cho cấp dưới của anh ta. Trong thời gian hai năm, tôi áp dụng quan điểm của mình vào thực tiễn ngày càng nhiều, nên đến hôm nay, ít nhất là ban lãnh đạo tối cao đã quan tâm, thừa nhận vấn đề này.

Thành công rực rỡ của thái độ này đã hiện rõ vào ngày 9 tháng mười một năm 1923, cách đó bốn năm, khi tôi gia nhập phong trào, thậm chí một con dấu cao su cũng không có. Vào ngày 9 tháng mười một, Đảng bị giải tán và tài sản bị tịch thu. Tổng số tiền bao gồm tài sản và tờ báo có trị giá hơn một trăm bảy mươi ngàn đồng vàng.

CHƯƠNG 12: VẤN ĐỀ CÔNG ĐOÀN

Sự lớn mạnh của phong trào trong năm 1922 đã thúc bách chúng tôi xác định một vấn đề mà đến nay vẫn chưa được giải quyết thỏa đáng.

Trong nỗ lực nghiên cứu phương pháp nhanh chóng và dễ dàng nhất để phong trào chiếm được tình cảm của quần chúng nhân dân, chúng tôi luôn vấp phải sự chống đối khi người công nhân sẽ không bao giờ toàn tâm toàn ý theo chúng tôi bởi vì lợi ích kinh tế và sự nghiệp của anh ta nằm trong tay kẻ thù của chúng tôi và những tổ chức của chúng.

Đó quả là một rào cản lớn. Mọi người tin rằng một công nhân làm việc trong xí nghiệp sẽ khó lòng tồn tại nếu anh ta không gia nhập công đoàn. Không chỉ lợi ích sự nghiệp của anh ta được bảo vệ, mà cả vị trí của anh ta trong xí nghiệp về lâu về dài cũng được ổn định khi là thành viên của công đoàn. Đa số công nhân đều tham gia vào công đoàn. Nhìn chung, công đoàn đã đấu tranh cho vấn đề lương bổng và đạt được thỏa thuận cam đoan công nhân nhận được thu nhập ổn định. Không còn nghi ngờ, kết quả của những cuộc đấu tranh này đã mang đến lợi ích cho tất cả công nhân trong xí nghiệp, đặc biệt đối với những công nhân lương thiện, lương tâm họ sẽ bị cắn rứt nếu rút khỏi đấu tranh mà vẫn lấy số tiền dành được nhờ vào công đoàn.



Ảnh minh họa.

Thật khó để thảo luận với đề này với những tay chủ tư sản tầm thường, họ không hiểu (hoặc giả vờ không hiểu) cả khía cạnh vật chất lẫn đạo lý của vấn đề. Cuối cùng, lợi ích kinh tế của họ sẽ chống lại bất kỳ tổ chức công nhân nào làm việc cho họ, vì thế họ rất ít khi đánh giá khách quan. Ở đây, chúng ta cần phải khiến những người ngoài cuộc không lệ thuộc vào cảm dỗ nên chỉ nhìn

thấy cây mà không thấy rừng. Chỉ cần họ tỏ ý tốt, họ có thể dễ dàng hiểu được vấn đề quan trọng nhất đối với sự tồn tại của chúng ta bây giờ và sau này.

Trong quyển một của cuốn sách này, tôi đã trình bày quan điểm của mình về bản chất, mục đích và sự cần thiết của công đoàn. Tôi tán thành quan điểm rằng: trừ khi Quốc gia có biện pháp (trong những trường hợp này thường thì không đáng kể) hoặc một tư tưởng mới đưa vào giáo dục nhằm thay đổi thái độ của người chủ đối với công nhân, nếu không, người công nhân sẽ không còn hướng đi nào khác ngoài việc đấu tranh cho lợi ích kinh tế của riêng anh ta với tư cách một bên cùng quyền lợi trong hợp đồng. Tôi nhấn mạnh rằng việc bảo vệ lợi ích của anh ta bằng cách này hoàn toàn phù hợp với toàn cộng đồng quốc gia nếu nó có thể ngăn chặn bất công xã hội điều dẫn đến nguy cơ cho toàn quần chúng nhân dân. Ngoài ra, tôi tuyên bố công nhân cần thiết phải luôn bảo vệ mình chừng nào trong số những người chủ vẫn có kẻ không cảm nhận về trách nhiệm xã hội của hắn, hay thậm chí quyền tối thiểu của con người; do đó, tôi kết luận, nếu những hoạt động tự bảo vệ này là cần thiết, nó nên được trở thành một tổ chức của những người công nhân dựa trên nền tảng công đoàn.

Chúng ta cần phải trả lời các câu hỏi sau:

1. Công đoàn có cần thiết?
2. Đảng công nhân Quốc xã Xã hội chủ nghĩa có nên tự điều hành một công đoàn hoặc hướng các thành viên tham gia vào hoạt động tương tự?
3. Bản chất của công đoàn Quốc xã Xã hội chủ nghĩa ra sao? Nhiệm vụ và mục tiêu của chúng ta là gì?
4. Làm sao chúng ta thiết lập được một công đoàn như thế?

Tôi nghĩ mình đã trả lời thỏa đáng câu hỏi đầu tiên. Đến ngày hôm nay, tôi tin rằng chúng ta không thể bỏ qua công đoàn. Ngược lại, họ chính là một trong những cơ quan quan trọng nhất trong đời sống kinh tế của quốc gia. Tầm quan trọng của họ không chỉ ở lĩnh vực xã hội và chính trị, mà còn tác động mạnh lên bầu chính trị quốc gia. Khi những nhu cầu sống của quần chúng nhân dân được thỏa mãn và nhận thức được nâng cao thông qua phong trào công đoàn, sức mạnh đấu tranh của toàn quốc gia cho sự tồn tại sẽ được tăng cường mạnh mẽ.

Trên hết, công đoàn cần thiết như một nền tảng cho nghị viện kinh tế tương lai hoặc phòng địa Ốc.

Câu hỏi thứ hai cũng dễ trả lời. Nếu phong trào công đoàn là quan trọng, rõ ràng Quốc xã Xã hội chủ nghĩa nên quan tâm đến điều đó trên phương diện học thuyết lẫn thực tiễn. Nhưng bằng cách nào lại là một câu hỏi khó hơn.

Phong trào Quốc xã Xã hội chủ nghĩa hướng đến xây dựng Quốc gia nhân dân Quốc xã Xã hội chủ nghĩa, luôn phải tâm niệm rằng tất cả các cơ quan tương lai của quốc gia đều phải bắt nguồn từ chính phong trào. Sẽ là một sai lầm nghiêm trọng nếu chúng ta tin rằng khi chúng ta đã nắm quyền hành, đột nhiên chúng ta có thể tái cấu trúc rõ ràng từ hai bàn tay trắng, trừ khi trước đó chúng ta đã gây dựng một đội ngũ nhân sự được đào tạo bài bản, và trung thành với phong trào. Ở đây, một lần nữa, nguyên tắc quan trọng hơn hình thức bên ngoài vốn có thể được rập khuôn nhanh chóng, vì tinh thần là sự sống của một thực thể. Ví dụ, chúng ta có thể áp đặt một cách nguyên tắc lãnh đạo một cách độc tài lên cộng đồng chính trị. Nhưng nguyên tắc này chỉ có thể có sức sống khi nó dần hình thành từ những xuất phát điểm nhỏ nhất trong giai đoạn hình thành, thông qua luật đào thải khắc nghiệt của cuộc sống, nó chứng tỏ được sự cần thiết trong hoạt động của phong trào.

Thật vô lý khi nghĩ rằng chúng ta có thể tự nhiên kéo những cái cây của quốc gia mới ra khỏi hành lý và “giới thiệu” chúng bằng sắc lệnh từ trên. Chúng ta có thể thử, nhưng những thứ như vậy chắc chắn sẽ không thể tồn tại, như một đứa trẻ sơ sinh yếu đuối. Điều này làm tôi nhớ về thời kỳ đầu của hiến pháp Weimar, và nỗ lực áp đặt lên người Đức cả hiến pháp mới và lá cờ mới, trong khi hai thứ đó đều không có giá trị tinh thần gì với nhân dân trong nửa thế kỷ trước.

Quốc gia quốc xã xã hội chủ nghĩa phải thận trọng với những thử nghiệm như thế. chỉ một tổ chức đã tồn tại lâu dài mới có thể phát triển được khi thời gian đến. Tổ chức này phải chứa đựng đời sống của Quốc xã Xã hội chủ nghĩa bên trong, để cuối cùng hình thành được một Quốc gia quốc xã Xã hội chủ nghĩa đầy sức sống.

Như tôi đã nhấn mạnh, tế bào mầm cho phòng kinh tế sẽ đại diện cho rất nhiều ngành nghề khác nhau, do đó, đầu tiên phải là Công Đoàn. Nếu những cơ

quan đại diện này và Nghị viện Kinh tế Trung ương là những cơ quan của Quốc xã Xã hội chủ nghĩa, những tế bào mầm này phải thể hiện thái độ và khái niệm của Quốc Xã Xã hội chủ nghĩa. Các cơ quan của phong trào sẽ được chuyển giao cho Quốc gia, vì Quốc gia không thể xây dựng ngay lập tức, trừ khi họ chấp nhận cơ cấu hoàn toàn không có sức sống.

Từ quan điểm quan trọng này, phong trào Quốc xã xã hội chủ nghĩa phải nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động công đoàn của chính nó.

Hơn nữa, chúng ta phải làm vậy bởi vì, việc giáo dục thực sự về Quốc Xã Xã hội chủ nghĩa cho chủ và người lao động, trên tinh thần cộng tác trong khuôn khổ chung của cộng đồng quốc gia, không thể xuất phát từ chỉ dẫn lý thuyết, tuyên bố, hô hào mà phải thông qua đấu tranh trong đời sống hàng ngày. Với tinh thần này, phong trào phải giáo dục nhiều nhóm kinh tế lớn khác nhau và mang họ đến gần nhau hơn vì những mục tiêu chung. Không có công tác chuẩn bị này, tất cả những hy vọng về một cộng đồng quốc gia thực sự hình thành chỉ là một ảo ảnh. Chỉ tư tưởng triết học vĩ đại mà phong trào tranh đấu mới dần dần hình thành hình thái nó hướng tới, một ngày nào đó sẽ tạo nên một thời kỳ mới dường như có được nền tảng vững chắc, không chỉ là hiện tượng bề ngoài.

Vì thế phong trào không chỉ có thái độ tích cực đối với ý tưởng Công đoàn, mà đối với còn phải tham gia truyền đạt cho nhiều thành viên và người ủng hộ của Công đoàn những kiến thức thực tiễn cho Quốc gia Quốc xã Xã hội chủ nghĩa sắp đến.

Đó là câu trả lời cho câu hỏi thứ ba.

Công đoàn Quốc Xã Xã hội chủ nghĩa không phải là một công cụ của đấu tranh giai cấp, nhưng là bộ phận đại diện cho lợi ích công việc. Quốc gia quốc xã xã hội chủ nghĩa không có “giai cấp”, nhưng về phương diện chính trị, nó chỉ có những công dân với đủ quyền lợi và nghĩa vụ, và kèm theo đó, là những người bị quản chế không có bất kỳ quyền chính trị nào.

Theo khái niệm Quốc xã xã hội chủ nghĩa, công đoàn không có nhiệm vụ tập hợp nhân dân trong một cộng đồng quốc gia rồi biến họ thành một giai cấp, để đấu tranh chống lại những tổ chức tương tự khác. Chúng ta không thể giao nhiệm vụ như thế cho công đoàn. Nó chỉ như vậy trong một phong trào mà

Công đoàn trở thành công cụ của chủ nghĩa Mác. Bản chất công đoàn không phải là công cụ của đấu tranh giai cấp, nhưng chủ nghĩa Mác đã biến nó thành một công cụ cho sự đấu tranh giai cấp của họ. Chúng tạo ra vũ khí kinh tế mà bọn Do Thái dùng với mục đích phá hủy nền tảng kinh tế tự do, và quốc gia độc lập, phá hủy nền công nghiệp, thương mại quốc gia, và từ đó, nô dịch những quốc gia tự do để phục vụ cho nền tài chính Do thái thế giới.

Để chống lại điều này, Công đoàn Quốc xã Xã hội chủ nghĩa phải tổ chức những nhóm người tham gia vào đời sống kinh tế của quốc gia từ đó tăng cường an ninh của hệ thống kinh tế quốc gia, củng cố bằng cách giới hạn những bất thường tác động hủy hoại đến thực thể xã hội của quốc gia, gây hại đến sự sống còn của cộng đồng quốc gia và phúc lợi quốc gia, cuối cùng là phá hủy chính đời sống kinh tế.

Do đó, vì cuộc đấu tranh của Công đoàn Quốc Xã Xã hội chủ nghĩa không phải công cụ để phá rối năng suất quốc gia, mà để tăng cường nó và giúp nó hoạt động trơn tru bằng cách chống lại việc lạm dụng, do tính chất phi xã hội của nó, can thiệp vào tính hiệu quả của nền kinh tế và cản trở sự tồn tại của quốc gia. Vì năng suất cá nhân luôn có mối quan hệ thất thường với luật lệ chung và vị trí xã hội mà một người nắm giữ trong tiến trình kinh tế và bằng sự hiểu biết của mình, biết rằng sự thịnh vượng của quốc gia sẽ mang lại lợi ích cho từng công dân.

Người công nhân Quốc xã Xã hội chủ nghĩa phải nhận thức được sự thịnh vượng của nền kinh tế quốc gia mang lại hạnh phúc vật chất cho anh ta.

Người chủ lao động quốc xã xã hội chủ nghĩa phải nhận thức được sự hạnh phúc và mãn nguyện của người lao động là điều kiện tiên quyết cho sự tồn tại và phát triển của sự thịnh vượng của nền kinh tế của chính anh ta.

Công nhân và chủ lao động quốc xã xã hội chủ nghĩa là người phục vụ và người bảo vệ cho cộng đồng quốc gia.

Họ cần phải có mức độ tự do cá nhân cao vì kinh nghiệm cho thấy rằng năng lực cá nhân sẽ tăng cao khi một người được tự do hơn là khi bị ép buộc. Hơn nữa, nó sẽ giúp cho quá trình chọn lựa tự nhiên nhằm mang đến những cá nhân lành nghề nhất, có năng lực nhất và chăm chỉ nhất.

Vì thế, đối với Công đoàn Quốc xã Xã hội chủ nghĩa, đình công là một công cụ có thể hay phải là kẻ sách trước khi Quốc gia quốc xã xã hội chủ nghĩa xuất hiện. Nhưng khi quốc gia đó được thành lập, chắc chắn nó sẽ lần lượt bãi bỏ cuộc đấu tranh giữa hai lực lượng lớn của người chủ lao động và công nhân, cuộc đấu tranh chỉ làm suy yếu năng suất quốc gia và gây hại đến cộng đồng quốc gia. Thay vào đó, quốc gia quốc xã xã hội chủ nghĩa sẽ quan tâm và đấu tranh cho quyền lợi của tất cả các bên tham gia. Nhiệm vụ của Phòng kinh tế là giữ cho nền kinh tế quốc gia hoạt động trôi chảy và gỡ bỏ mọi nhược điểm và sai sót của nó. Những gì mà hàng triệu người đấu tranh ngày hôm nay sẽ được giải quyết ở Phòng địa ốc và Nghị viện kinh tế trung ương. Khi đó, người chủ lao động và công nhân sẽ không còn mâu thuẫn về lương bổng và giờ làm việc vốn chỉ làm phương hại đến cả hai. Nhưng họ sẽ cùng nhau giải quyết vấn đề ở một mức độ cao hơn, nơi mà lợi ích của cộng đồng và quốc gia sẽ soi sáng dẫn đường cho việc thương lượng của họ.

Ở đây, như bất kỳ đâu, lợi ích của quốc gia phải được xem xét trước lợi ích của các bên khác luôn là nguyên tắc bất biến.

Nhiệm vụ của công đoàn Quốc xã xã hội chủ nghĩa là giáo dục và chuẩn bị cho các thành viên tiếp nhận tư tưởng này: Tất cả phải cùng nhau hành động vì sự bền vững và an ninh của quân chúng nhân dân và quốc gia, phù hợp với năng lực và sức mạnh bẩm sinh trong từng cá nhân được cộng đồng quốc gia đào tạo.

Câu hỏi thứ tư : Làm sao chúng ta thiết lập được một công đoàn như thế? Đường như là câu hỏi khó trả lời nhất.

Nhìn chung, thiết lập một thứ gì đó trên lãnh thổ mới dễ dàng hơn trên một lãnh thổ cũ vốn đã có một cơ quan tương tự. Trong một thành phố không có một cửa hàng, chúng ta sẽ dễ tạo dựng cửa hàng đó. Nhưng sẽ khó hơn khi đã có một doanh nghiệp tồn tại, và điều khó nhất là điều kiện chỉ cho phép duy nhất một doanh nghiệp loại đó tồn tại. Bởi vì, ở đây những người sáng lập không chỉ đối mặt với nhiệm vụ giới thiệu công việc kinh doanh của họ mà còn phải phá hủy công việc kinh doanh đã tồn tại trước đó trong thành phố.

Một công đoàn Quốc xã xã hội chủ nghĩa tồn tại song hành với một công đoàn khác là điều vô nghĩa. Vì công đoàn này phải thấm nhuần triệt để ý thức

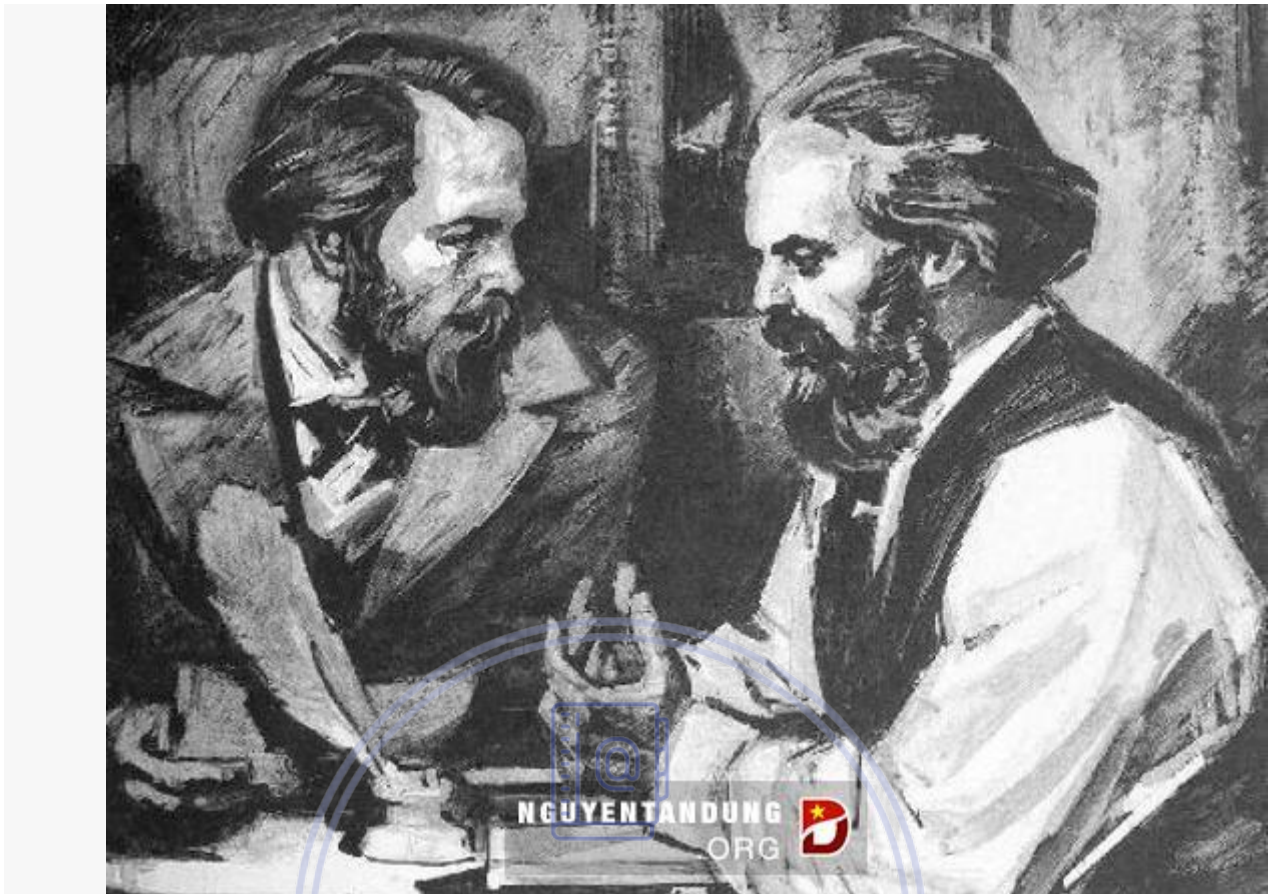
hệ và bản phận không khoan dung cho một cơ quan tương tự hay thù địch. Nó cần phải khẳng định vị trí độc tôn của mình. Không được có bất kỳ sự sắp xếp hay thỏa hiệp nào mà chỉ có duy trì quyền lợi chuyên chế tối cao của chúng ta.

Có hai cách để đạt được sự phát triển đó:

1. Chúng ta có thể thành lập công đoàn của chúng ta rồi dần dần đấu tranh chống lại Công đoàn quốc tế của chủ nghĩa Mác. Hoặc

2. Chúng ta có thể thâm nhập vào công đoàn chủ nghĩa Mác và cố gắng thay đổi nó bằng tinh thần mới; nói cách khác, chuyển nó thành công cụ phục vụ cho tư tưởng mới. Phương pháp đầu tiên không thích hợp vì: tình trạng tài chính của chúng ta đang còn khó khăn trong thời điểm đó, và nguồn lực của chúng ta còn hạn chế. Tác động của lạm phát đang tăng dần làm cho tình thế càng khó khăn hơn, vì trong những năm đó, không ai dám nói công đoàn sẽ mang lại lợi ích cho thành viên. Từ khía cạnh này, không có lý do gì để cá nhân người công nhân lại quan tâm đến công đoàn. Thậm chí là công đoàn đang tồn tại của chủ nghĩa Mác đã đứng trên bờ vực sụp đổ, cho đến khi chính sách khai sáng Ruhr của Herr Cuno đạt được kết quả, hàng triệu mark đã đổ vào kết tiền của họ. Gã được gọi là Thủ tướng “quốc gia” này nên được xem là chúa cứu thế của chủ nghĩa Mác.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online



Triết gia phương Tây: Karl Heinrich Marx - thường được phiên âm là Các Mác trong các tài liệu tiếng Việt.

Chúng ta không thể dựa vào khả năng tài chính tương tự, và không ai có thể bị thuyết phục gia nhập vào một Công đoàn yếu kém về mặt tài chính để mang lại cho anh ta lợi ích kinh tế sáng sủa hơn. Mặt khác, tôi cảm thấy phải chống lại sự thành lập một tổ chức như thế vì nó chỉ là nơi trú ngụ cho bọn trốn việc và bọn tương tự.

Trên hết, vấn đề nhân cách mới đóng vai trò quan trọng nhất. Vào lúc đó, tôi không có lấy một người đủ năng lực để đảm nhiệm nhiệm vụ quan trọng này. Bất kỳ ai, vào thời điểm đó, thành công trong việc lật đổ công đoàn chủ nghĩa Mác để dọn đường cho sự thành công của tư tưởng quốc xã xã hội chủ nghĩa, và phá huỷ sự đấu tranh giai cấp sẽ trở thành một trong những người vĩ đại nhất của quốc gia và tượng đài của anh ta sẽ được dựng lên ở Valhalla tại Regensburg để thế hệ sau ngưỡng mộ.

Nhưng tôi biết rằng không ai có thể đủ khả năng cho tượng đài đó.

Thật sai lầm khi cho rằng công đoàn quốc tế chỉ có những đầu óc tầm thường. Trên thực tế, điều này là vô nghĩa: vì vào lúc họ được thành lập, không có một tổ chức tương tự nào tồn tại trước đó. Hôm nay, phong trào Quốc xã Xã hội chủ nghĩa phải đấu tranh chống lại một tổ chức khổng lồ đã tồn tại lâu dài và chú trọng đến từng chi tiết nhỏ nhất. Người tấn công phải luôn tinh ranh hơn kẻ phòng thủ nếu như anh ta muốn đánh bại đối phương. Hôm nay, thành trì công đoàn của chủ nghĩa Mác có thể được điều hành bởi những tên tướng tầm thường, nhưng chỉ có năng lượng hoang dã và khả năng xuất chúng của một nhà lãnh đạo tài ba đối phương mới có thể đánh sập nó. Nếu không tìm ra được một người như thế, sẽ là vô nghĩa khi đối chọi với Định mệnh và thậm chí là ngu ngốc khi nỗ lực xóa bỏ cái cũ trong khi chưa có cái mới thay thế.

Ở đây, chúng ta phải ứng dụng câu châm ngôn: trong cuộc sống, thỉnh thoảng nên để cho một thứ tồn tại thay vì gây dựng cái mới tồi tệ hơn hay chỉ làm dang dở nó.

Có một vấn đề mà chúng ta không nên coi đó là mỉa dân. Lúc đó, tôi luôn có một nhận thức vững chắc rằng thật nguy hiểm khi kết hợp một cuộc đấu tranh triết học-chính trị với vấn đề kinh tế trong giai đoạn đầu. Điều này đặc biệt đúng đối với nhân dân Đức. Trong trường hợp này, đấu tranh kinh tế sẽ lãng phí năng lượng của cuộc đấu tranh chính trị. Khi quân chúng tin rằng họ có thể mua một căn nhà nhỏ bằng số tiền dành dụm, họ sẽ cống hiến cho nhiệm vụ tiết kiệm và không còn thời gian để đấu tranh chính trị chống lại những kẻ mà có thể, bằng cách này hay cách khác, bòn rút từng xu họ dành dụm một ngày nào đó. Thay vì chiến đấu trong một cuộc đấu tranh chính trị vì tư tưởng và nhận thức được mang đến cho họ, họ quay sang tư tưởng “an cư lạc nghiệp” và cuối cùng họ sẽ trở thành ăn mày.

Hôm nay, phong trào quốc xã xã hội chủ nghĩa đang khởi đầu cho cuộc đấu tranh của nó. Trước hết, nó vẫn còn phải hình thành và hoàn thiện học thuyết. Nó phải tận dụng mọi năng lượng trong cuộc đấu tranh để tư tưởng vĩ đại của nó được chấp nhận, và thành công chỉ đến khi tất cả mọi sức mạnh của nó đều tập trung phục vụ đấu tranh. Chúng ta có một ví dụ kinh điển về làm thế nào sức mạnh tích cực của một con người trở nên tê liệt khi anh ta chỉ biết đến vấn đề kinh tế:

Cuộc cách mạng tháng mười một năm 1918 không phải bởi công đoàn mà thực chất là để chống lại họ. Và tư sản Đức không đấu tranh chính trị cho tương lai của nước Đức bởi họ tin rằng tương lai này sẽ được bảo vệ thích đáng bởi công việc xây dựng trong lĩnh vực kinh tế.



Cuộc cách mạng 11/1918 tại Berlin.

Chúng ta phải rút ra bài học từ kinh nghiệm này, vì trường hợp của chúng ta cũng sẽ không có gì khác. Chúng ta càng tập trung mọi sức mạnh của phong trào để đấu tranh chính trị, chúng ta càng tự tin vào thắng lợi trên mọi mặt trận; nhưng nếu chúng ta càng hấp tấp dấn thân vào các vấn đề công đoàn, an cư lạc nghiệp, và những vấn đề tương tự, những lợi ích mà chúng ta mang lại cho cả phong trào càng nhỏ đi. Vì, dù những vấn đề này là quan trọng, chúng chỉ được giải quyết thỏa đáng khi chúng ta đã nắm quyền lực chính trị trong tay và dùng nó để giải quyết. Cho đến lúc đó, những vấn đề này chỉ làm tê liệt phong trào. Phong trào càng can dự vào các vấn đề đó sớm, các học thuyết của nó sẽ càng bị giới hạn. Vì khi đó, những động lực của công đoàn sẽ lèo lái chính phong trào thay vì chịu ảnh hưởng của học thuyết phong trào.

Lợi ích thiết thực của phong trào cũng như quần chúng nhân dân chỉ có thể xuất phát từ một phong trào công đoàn, nếu về mặt học thuyết, phong trào này hoàn toàn phù hợp với tư tưởng Quốc xã Xã hội chủ nghĩa để không đi vào đường mòn của chủ nghĩa Mác sau này. Vì một phong trào công đoàn chỉ có

nhiệm vụ chống lại công đoàn của chủ nghĩa Mác còn tệ hơn là không có cái nào. Nó phải tuyên bố chiến tranh với công đoàn chủ nghĩa Mác, không chỉ với tư cách một tổ chức, mà còn với tư cách một tư tưởng. Trong công đoàn chủ nghĩa Mác, nó phải đập tan tư tưởng giai cấp và lợi ích giai cấp và trở thành người bảo vệ cho lợi ích cho nhiều nghề nghiệp của nhân dân Đức.

Các quan điểm trên đã và đang chống lại sự thành lập công đoàn riêng của chúng ta, trừ khi một nhân vật được Định mệnh lựa chọn đột nhiên xuất hiện và giải quyết vấn đề khó khăn này.

Do đó, chỉ còn duy nhất hai phương pháp: hoặc đề nghị đồng chí của chúng ta rời bỏ Công đoàn, hoặc tiếp tục ở lại và tìm cách phá hủy nó càng nhiều càng tốt. Nói chung, tôi tiến cử phương pháp thứ hai.

Đặc biệt trong năm 1922-1923, chúng ta rất dễ thực hiện điều này. Vì, trong giai đoạn lạm phát, lợi thế kinh tế mà một tổ chức công đoàn mang lại là không đáng kể, do chúng ta có thể trông chờ kết nạp chỉ một số thành viên nhờ vào sự phát triển chưa hoàn chỉnh của phong trào. Nhưng mối đe dọa sẽ rất lớn, vì những người ủng hộ Quốc xã Xã hội chủ nghĩa sẽ chỉ trích tổ chức nặng nề nhất từ đó dẫn tới sụp đổ từ bên trong.

Vào lúc đó, tôi từ chối hoàn toàn tất cả mọi thử nghiệm mang trong nó hạt giống thất bại. Tôi coi đó là tội ác khi dùng khoản thu nhập ít ỏi của người công nhân cho một cơ quan mà trong thâm tâm tôi chắc sẽ không mang đến lợi ích cho họ.

Nếu một ngày đẹp trời, một đảng chính trị mới biến mất, đó không phải là một mất mát mà luôn là lợi ích, không ai có quyền rên rỉ về điều đó; vì những gì mà người đó đóng góp vào phong trào chính trị là thứ không bao giờ có thể lấy lại được. Nhưng nếu một người đóng góp tiền bạc vào một công đoàn sẽ có quyền đòi hỏi được phục vụ ngược lại. Nếu mọi chuyện không xong, chủ tịch của công đoàn chỉ là tên bịt bọm hay ít nhất là những kẻ lông bông cần phải chịu trách nhiệm.

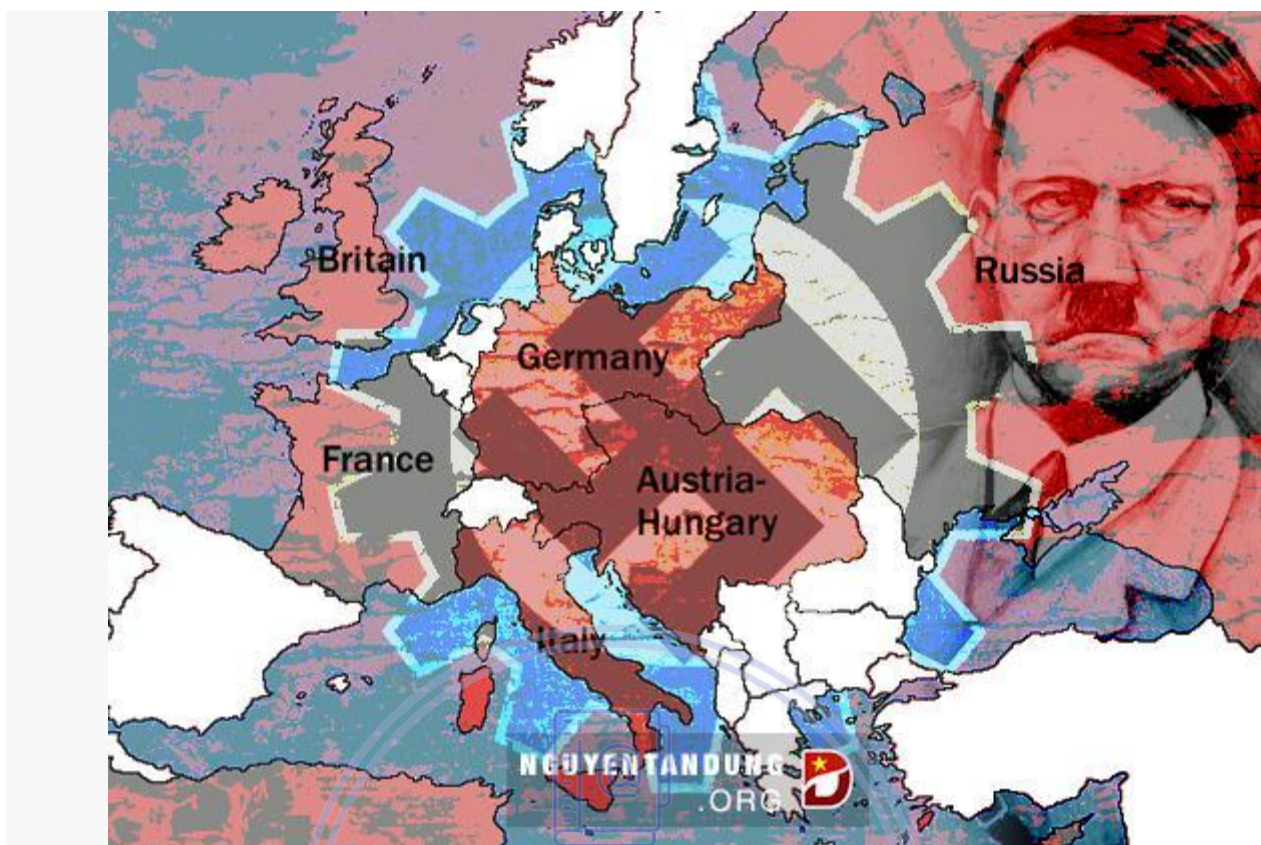
Và trong năm 1922, chúng tôi đã hành động theo quan điểm này. Những người khác tin họ biết nhiều hơn và thành lập các công đoàn. Họ trách mắng chúng tôi quá thiên cận và không biết nhìn xa trông rộng, vì không thành lập

công đoàn. Nhưng không lâu sau, những tổ chức của họ biến mất và kết quả đó đã có thể xảy ra tương tự với chúng tôi. Nhưng điều khác biệt là chúng tôi không nên làm chính chúng tôi và những người tin tưởng vào chúng tôi thất vọng.

CHƯƠNG 13: CHÍNH SÁCH LIÊN MINH ĐỨC HẬU THỂ CHIẾN

Sự cầu thả trong chính sách ngoại giao của Đức Quốc xã trong thiết lập nguyên tắc cho chính sách liên minh thiết thực không chỉ duy trì sau chiến tranh mà nó còn tồi tệ hơn.

Vì trước chiến tranh, quan điểm chính trị rối rắm nói chung có thể xem là do sự yếu kém của công tác lãnh đạo, nhưng sau chiến tranh, sự thiếu mục đích chính đáng mới là nguyên nhân. Hiển nhiên là những nhóm người vừa đạt được mục đích phá hủy bởi cuộc cách mạng không cảm thấy hứng thú với một chính sách liên minh mà kết quả sẽ mang về một quốc gia Đức tự do. Sự phát triển trong lĩnh vực này không chỉ đối nghịch với mục đích của tội ác tháng mười một, không chỉ phá vỡ hay kết liễu sự quốc tế hóa nền kinh tế quốc gia Đức, mà tác động chính trị quốc nội của một cuộc đấu tranh rục rờ trong chính sách ngoại giao còn tiêu diệt cả những người đang nắm giữ chính phủ Quốc xã đương thời. Vì sự hồi sinh của một quốc gia luôn theo sau tiến trình quốc hữu hóa, ngược lại, mọi thành công trong lĩnh vực ngoại giao sẽ dẫn đến những phản ứng tích cực tại chính quốc. Mọi cuộc đấu tranh cho tự do, theo kinh nghiệm, sẽ làm tăng thêm quan điểm tự cường quốc gia, từ đó cảm giác chống các tác nhân và xu hướng phản quốc sẽ nhạy bén hơn. Những tình thế và con người có thể được tha thứ hoặc bỏ qua trong thời kỳ hòa bình, không chỉ bị cự tuyệt khi tình thần dân tộc được đánh thức, mà còn đẩy lên sự chống đối hiểm khi buông tha cho chúng, chúng ta hãy nhớ lại nỗi sợ gián điệp thịnh hành khi chiến tranh nổ ra, khi sự tức giận của con người bốc cháy dẫn đến sự ngược đãi tàn bạo nhất, thậm chí không cần lý do chính đáng, mặc dù mọi người đều biết gián điệp trong thời bình còn nguy hiểm hơn; nhưng vì lý do nào đó, dư luận không quan tâm.



Ảnh minh họa.

Vì lý do này, bản năng xảo quyệt của bọn ăn bám chính phủ lộ diện trong sự kiện tháng Mười một ngay lập tức khiến chúng cảm thấy một chính sách liên minh sẽ mang lại tự do cho quần chúng nhân và làm thức tỉnh tinh thần dân tộc có thể hủy hoại sự tồn tại vô đạo đức của chúng.

Điều này lý giải tại sao từ năm 1918 những nhà cầm quyền có thái độ tiêu cực với vấn đề ngoại giao và những nhà lãnh đạo quốc gia luôn luôn chống lại lợi ích của Đức quốc xã một cách có hệ thống. Vì những gì tưởng chừng là tình cờ ban đầu, nhưng thông qua xem xét kỹ lưỡng, sẽ hiện nguyên hình là một bước tiếp theo trên con đường mà Cách mạng tháng Mười một đã mở ra.

Ở đây, chúng ta chắc chắn phân biệt được giữa những nhà lãnh đạo quốc gia có trách nhiệm hay “lẽ ra nên có trách nhiệm”, ủy viên quốc hội trung bình, và quần chúng nhân dân nhẹ dạ cả tin.

Nhóm đầu tiên biết họ muốn gì. Nhóm thứ hai hòa theo vì họ đã được huấn luyện hay vì họ không đủ can đảm để chống lại và sợ bị hại. Nhóm thứ ba phục tùng vì họ quá mu muội, ngu ngốc.

Khi Đảng công nhân Quốc xã xã hội chủ nghĩa Đức chỉ là một nhóm nhỏ, vô danh, vấn đề chính sách ngoại giao chỉ có thể chiếm tầm quan trọng thứ hai trong mắt những thành viên. Đặc biệt trong trường hợp này, vì chúng ta luôn theo đuổi nguyên tắc, và phải đấu tranh cho nguyên tắc: độc lập của một quốc gia trong các mối quan hệ ngoại giao không phải là món quà từ mà Thiên đường hay Thế lực siêu nhiên nào ban tặng, mà chỉ có thể là kết quả sự phát triển của nội lực. Chỉ có cách loại trừ những nguyên nhân gây ra sự sụp đổ của chúng ta, và tiêu diệt những bọn trục lợi, chúng ta mới có thể khôi phục sự tự do trong quản lý chính sách ngoại giao.

Điều đó giải thích tại sao trong giai đoạn đầu của phong trào non trẻ, giá trị của chính sách ngoại giao luôn được đặt sau tầm quan trọng của kế hoạch cải tổ nội các.

Nhưng khi giới hạn nhỏ và tầm thường bị phá vỡ, tổ chức non trẻ đạt được tầm quan trọng của một tổ chức lớn, sự cần thiết can thiệp vào vấn đề phát triển ngoại giao sẽ tăng lên. Chúng ta cần vạch ra những nguyên tắc chỉ đạo không chỉ phù hợp với nền tảng khái niệm Thế giới của chúng ta, mà còn thực sự đại diện cho sự bành trướng của tư tưởng này.

Vì quần chúng nhân dân không có nhận thức chính trị về vấn đề ngoại giao, nên nhiệm vụ của tổ chức là phải giáo dục đến từng nhà lãnh đạo cũng như nhân dân về nguyên tắc chỉ đạo trong quan hệ ngoại giao của chúng ta. Đó là ưu tiên hàng đầu trong bất kỳ sự vận hành thực tiễn nào trong tương lai cho việc chuẩn bị vấn đề chính sách ngoại giao vì sự nghiệp khôi phục tự do cho nhân dân cùng như chủ quyền thực sự của Quốc xã.

Khi nghiên cứu vấn đề này, chúng ta phải luôn ghi nhớ nền tảng và nguyên tắc chỉ đạo là: chính sách ngoại giao chỉ là một công cụ để đạt được mục đích cuối cùng là mang lại lợi ích cho quốc gia. Trong chính sách ngoại giao, không một tiêu chuẩn nào khác được cân nhắc ngoại trừ: Liệu nó mang lại lợi ích cho quốc gia của chúng ta ngay bây giờ hoặc trong tương lai, hay nó chỉ gây ra tác hại?

Đó là sự đánh giá tiên quyết duy nhất được chấp nhận trong vấn đề này. Chính trị đảng phái, niềm tin tôn giáo, tư tưởng nhân đạo, và tất cả những tiêu chuẩn khác đều không liên quan.

Trước chiến tranh, nhiệm vụ của chính sách ngoại giao Đức là duy trì nguồn cung vật chất cho quần chúng nhân dân và con cái của họ bằng các phương pháp dẫn đến điều này, cũng như thiết lập các liên minh nhằm tranh thủ sự ủng hộ của họ, hôm nay, nhiệm vụ vẫn tương tự, với một ít thay đổi: Trước chiến tranh, đó là vấn đề duy trì Quốc gia Đức, củng cố quyền lực của một quốc gia độc lập, hôm nay, trước tiên, chúng ta cần phải khôi phục sức mạnh của quốc gia thông qua vị thế quốc gia độc lập, tái thiết nền độc lập là vấn đề tiên quyết trong việc thi hành một chính sách ngoại giao thực tiễn sau này để bảo vệ, phát triển và duy trì nhân dân của chúng ta trong tương lai.

Nói cách khác: Hôm nay, nhiệm vụ của chính sách ngoại giao Đức là phải chuẩn bị cho sự giành lại tự do dân tộc ngày mai.

Và đây là nguyên tắc chỉ đạo luôn phải nắm vững: Khả năng giành lại tự do của một quốc gia không chỉ gắn liền với sự toàn vẹn lãnh thổ, mà hơn hết còn dựa vào những vùng lãnh thổ của nhân dân và quốc gia, dù ít ỏi, vẫn đủ biểu trưng cho tinh thần cộng đồng của toàn dân tộc và chuẩn bị đấu tranh quân sự cho tự do, nhằm giành lại độc lập dân tộc.

Một quốc gia có hàng triệu người vì tránh cho đất nước khỏi bị chia cắt đã chịu đựng ách nô lệ còn tồi tệ hơn một quốc gia hay dân tộc dù biết chia cắt nhưng vẫn còn một vùng giữ được tự do hoàn toàn. Dĩ nhiên, với điều kiện, vùng này phải luôn ý thức được sứ mệnh cao cả của mình không chỉ trong việc tuyên bố sự không thể chia cắt về mặt tinh thần và văn hóa, mà còn phải chuẩn bị quân sự để giành lại độc lập và thống nhất những vùng đất đang bị áp bức.

Chúng ta phải luôn ghi nhớ việc giành lại những vùng lãnh thổ đã mất của quốc gia trước hết luôn là giành lại quyền lực chính trị và độc lập của chính quốc; do đó, trong trường hợp này, lợi ích của vùng bị chiếm đóng phải phụ thuộc hoàn toàn vào lợi ích của việc giành lại độc lập cho lãnh thổ chính. Vì một vùng lãnh thổ hay một tỉnh thành bị chia cắt và áp bức không thể được giải phóng thông qua việc biểu hiện lòng khát khao và chống đối từ vùng đất hay con người đang bị chiếm đóng, mà phải qua sự thi hành quyền lực của những vùng của chính quốc cũ còn có chủ quyền ít nhiều.

Do đó, để giành lại những vùng lãnh thổ đã mất, trước tiên, những nhóm còn sót lại của quốc gia phải được thúc đẩy và củng cố mạnh mẽ, khi đó những

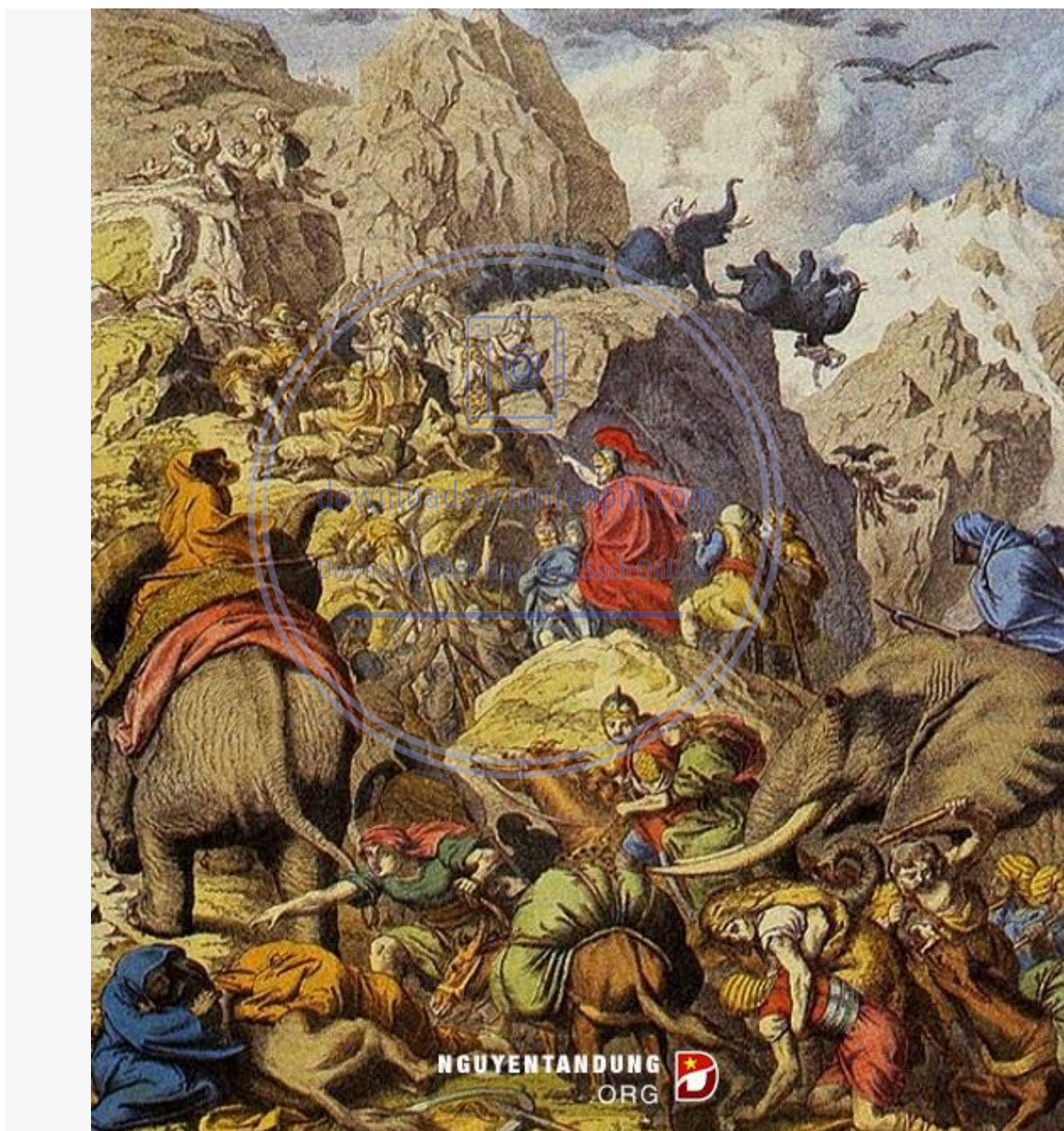
khao khát không thể dập tắt đang ngủ quên trong lòng quần chúng nhân dân sẽ được đánh thức và tăng cường bằng một lực lượng mới, để khi thời cơ chín muồi, tất cả đều sẽ cống hiến cho một mục đích giải phóng và thống nhất nhân dân: vì vậy, lợi ích của những vùng lãnh thổ bị chia cắt sẽ phụ thuộc vào một mục đích nhằm đạt được quyền lực cho những nhóm còn sót lại để họ có thể sửa chữa sai lầm của kẻ thù. Vì những vùng lãnh thổ bị chiếm đóng không thể trở về dưới sự che chở của quốc Xã thông qua phản kháng dữ dội, mà phải bằng sức mạnh của gươm giáo.

Rèn giũa gươm giáo là nhiệm vụ của công tác lãnh đạo chính trị nội bộ quốc gia, bảo công việc rèn gươm và tìm kiếm người mang gươm là nhiệm vụ của công tác lãnh đạo ngoại giao.

Trong quyền một của tác phẩm này, tôi đã thảo luận sự nửa vời của chính sách liên minh của chúng ta trước chiến tranh. Trong bốn con đường dẫn đến tương lai bền vững và sung túc cho quốc gia, con đường tệ nhất đã được chọn. Chính sách thực dân và bành trướng mậu dịch đã được chọn thay cho chính sách thuộc địa châu Âu lành mạnh. Càng sai lầm hơn khi nghĩ bằng chính sách này những mâu thuẫn vũ trang sẽ được đẩy lùi. Hậu quả của nỗ lực cùng lúc ngồi trên quá nhiều ghế đã được nhìn thấy trước, và Thế chiến chỉ là sự thanh toán cuối cùng đưa ra cho Quốc xã để trả giá cho sự sai lầm về chính sách ngoại giao.

Con đường lẽ ra phải chọn là con đường thứ ba: tăng cường vị thế châu lục của chúng ta bằng cách chiếm thêm nhiều lãnh thổ ở châu Âu, và chính xác hoàn tất sự bành trướng lãnh thổ thực dân sau này trong giới hạn tự nhiên. Chính sách này, chắc chắn, chỉ có thể đạt được thông qua liên minh với Anh hoặc thông qua những nỗ lực phi thường nhằm tăng cường lực lượng quân sự, trong bốn mươi hoặc năm mươi năm, nhiệm vụ văn hóa mới được hoàn tất dựa trên hoàn cảnh hiện tại. Nhiệm vụ này lẽ ra phải được đảm trách hợp lý. Tầm quan trọng của văn hóa quốc gia luôn dựa vào sự độc lập và tự do về chính trị, do đó, tự do chính trị là điều kiện tiên quyết cho sự tồn tại, hay hơn nữa là sự hình thành giá trị văn hóa vĩ đại. Vì thế, mọi sự hy sinh đều xứng đáng để bảo vệ tự do chính trị. Những gì văn hóa đánh mất để đáp ứng nhu cầu lớn lao nhằm tăng cường sức mạnh quân sự của quốc gia, sẽ được đền bù xứng đáng về sau.

Thật ra, có thể nói rằng sau những nỗ lực tập trung vào nhiệm vụ duy nhất là bảo vệ nền độc lập quốc gia, một giai đoạn thư giãn và cân bằng sẽ được thiết lập. Và tinh thần văn hóa quốc gia, vốn trước đây bị gò bó và giới hạn, sẽ luôn bước vào thời kỳ hoàng kim. Từ trong gian khó của cuộc chiến tranh Ba Tư, thời kỳ Pericle đã được trỗi dậy, và sau mọi lo lắng của chiến tranh Punic, đế chế La mã đã bước vào thời kỳ văn minh cao cấp hơn.



Chiến tranh Punic là 3 cuộc chiến tranh giữa La Mã cổ đại và Carthage. Chúng được biết đến như là các cuộc chiến tranh Punic bởi vì theo tiếng Latin

người Carthage còn được gọi là người Punic, vì họ là con cháu của người Phoenicia.

Dĩ nhiên, một chính sách tập trung hoàn toàn mọi lợi ích khác của quốc gia vào mục tiêu duy nhất là chuẩn bị cho một cuộc đấu tranh quân sự sắp diễn ra để bảo vệ quốc gia không thể dựa vào sự quyết định của đa số ủy viên trách và vô dụng. Người sáng lập ra Frederick vĩ đại đã hy sinh mọi thứ cho cuộc đấu tranh đó, nhưng những người sáng lập nền cộng hòa nghị viện lỗi bịch của chính ta, với nhãn hiệu Do Thái, không thể làm được.

Đó là lý do vì sao, trước chiến tranh, sự chuẩn bị quân sự cần thiết để chúng ta có thể chinh phạt lãnh thổ mới ở châu Âu lại rất hạn chế, nên rất khó đạt được sự ủng hộ của các đồng minh có ích.

Tuy nhiên, vì những nhà lãnh đạo của chúng ta không biết gì về sự chuẩn bị có hệ thống cho chiến tranh, họ đã từ bỏ kế hoạch thôn tính lãnh thổ ở châu Âu, thay vào đó là chính sách thực dân và bành trướng mậu dịch, hy sinh liên minh khả thi với Anh, tìm kiếm sự hậu thuẫn có vẻ hợp lý từ Nga, cuối cùng, bị tất cả ruồng bỏ, trừ Habsburgs xấu số, sa chân vào Thế Chiến.

Đặc điểm của chính sách ngoại giao hiện tại của chúng ta không hề tương ứng với hành động. Trước chiến tranh, việc lựa chọn sai con đường thứ tư chỉ là do cách vận hành nửa vời, trong khi từ sau cuộc cách mạng cặp mắt tinh tường nhất cũng chưa nhìn ra được lối đi. Thậm chí còn mù mờ hơn trước chiến tranh, hoàn toàn không có một kế hoạch hệ thống nào, ngoại trừ nỗ lực để phá hủy cơ hội cuối cùng vực dậy dân tộc chúng ta.

Sự đánh giá công bằng về mối tương quan thế lực hiện tại ở châu Âu, chúng ta rút được các kết luận sau:

Suốt ba trăm năm lịch sử châu lục đã bị thống trị bởi nỗ lực của Anh trong việc duy trì thế cân bằng giữa các quốc gia châu Âu, nhằm đạt được sự bảo vệ cần thiết cho hậu phương, trong khi họ theo đuổi mục tiêu vĩ đại trên chính trường thế giới.

Xu hướng truyền thống của chính sách ngoại giao Anh từ thời Nữ hoàng Elizabeth, có thể so sánh với truyền thống quân sự của Phổ ở Đức, luôn tập trung vào ngăn chặn bằng mọi cách sự vượt trội của bất kỳ thế lực nào ở châu Âu, nếu cần thiết, họ sẽ dập tắt bằng can thiệp quân sự. Anh đã quen sử dụng

nhiều công cụ quyền lực khác nhau tùy vào nhiệm vụ hiện tại: nhưng ý định và phán quyết sự dụng chúng đều như nhau. Anh càng khó khăn xác lập được vị thế trong dòng chảy lịch sử, thì Chính phủ hoàng gia Anh càng xem trọng việc giữ các thế lực khác ở châu Âu trong tình trạng tê liệt vốn là hậu quả của sự ganh đua lẫn nhau. Sự ly khai chính trị của thuộc địa Bắc Mỹ dẫn đến, trong giai đoạn kế tiếp, Anh càng nỗ lực mạnh mẽ nhằm bình ổn tuyệt đối hậu phương châu Âu. Và sau sự sụp đổ của Tây Ban Nha và Hà Lan, những thế lực hàng hải vĩ đại, sức mạnh của Anh tập trung chống lại Pháp cho đến cuối cùng, sự sụp đổ của Napoleon, mối đe dọa quân sự lớn nhất của Anh mới bị phá vỡ.



Adolf Hitler và Elizabeth.

Sự thay đổi chính sách ngoại giao của Anh đối với Đức diễn ra chậm chạp, không chỉ vì sự hạn chế thống nhất quốc gia Đức không tạo ra mối đe dọa hiện hữu với Anh, mà còn vì quan điểm chung ở Anh, vốn được chuẩn bị bởi công tác tuyên truyền cho một mục tiêu chính trị cụ thể, chậm chạp trong việc đổi hướng. Để đạt được mục đích, một chính trị gia điềm tĩnh phải biết nhân nhượng công luận, vốn là nguồn động lực mạnh mẽ nhất và nguồn năng lượng lâu dài nhất cho họ. Do đó, sau khi chính trị gia đã đạt được mục tiêu, anh ta sẽ

rất khó nhọc trong việc thay đổi suy nghĩ theo hướng mới, tuy nhiên, với nỗ lực tuyên truyền từ từ anh ta vẫn có thể biến cảm xúc của quần chúng thành công cụ cho định hướng mới của công tác lãnh đạo.

Vào đầu những năm 1870-1871, Anh quyết định thiết lập một vị thế mới. Những thay đổi bất thường trong thời gian này, do tầm quan trọng của Mỹ trong nền kinh tế thế giới và sự phát triển thế lực chính trị của Nga, mà Đức không may mắn tận dụng được, đã mang lại sự tăng trưởng vững chắc cho xu hướng truyền thống trong chính trị Anh.

Anh nhận ra ở Đức một tiềm lực quốc tế về chính trị và kinh tế vì sự công nghiệp hóa rực rỡ của Đức, đã làm gia tăng quy mô đe dọa với Anh khi sức mạnh của hai quốc gia tương tự được cân bằng. Chiến lược chinh phục thế giới bằng “hòa bình, kinh tế” mà những chính trị gia của chúng ta xem là đỉnh cao của trí tuệ tối thượng, đã trở thành cơ sở để Anh thiết lập chính sách chống lại chúng ta. Sự chống đối này chuyển sang hình thức tấn công có tổ chức, hoàn toàn phù hợp với chính sách ngoại giao của Anh, vốn không quan tâm đến duy trì nền hòa bình thế giới, mà chỉ chú trọng vào củng cố sự thống trị thế giới của Anh. Để thực hiện chính sách này, Anh liên minh với những nước có tầm quan trọng quân sự rõ rệt, và phù hợp với truyền thống cần trọng trong đánh giá sức mạnh kẻ thù cũng như nhận ra nhược điểm tạm thời của chính Anh. Do đó, việc nay không thể gọi là “vô liêm sỉ” vì một tổ chức toàn diện cho mục đích chiến tranh không phải để một đất nước ngã xuống oanh liệt, mà để nó tồn tại thiết thực. Chính sách ngoại giao phải hiểu rằng một dân tộc không nên bỏ mạng một cách anh hùng, mà nên sống sót một cách khôn ngoan. Mọi con đường dẫn đến mục tiêu này đều là hợp lý, và không đi theo nó chính là tội ác vô trách nhiệm. Với cuộc cách mạng Đức, mỗi đe dọa bá chủ thế giới của Đức đối với Anh đã đi đến một kết thúc thỏa đáng.

Kể từ lúc đó, Anh không còn quan tâm đến sự vắng bóng hoàn toàn của Đức trên bản đồ châu Âu. Ngược lại, sự sụp đổ kinh hoàng xảy ra vào tháng Mười một năm 1918 đã đặt chính sách ngoại giao của Anh vào một tình thế chưa từng có trước đây.

Trong bốn năm rưỡi, Đế chế Anh đấu tranh phá vỡ sự nổi trội giả định của một thế thực châu lục. Bây giờ đột ngột xuất hiện một sự sụp đổ dường như

đã lấy đi thế lực này hoàn toàn khỏi bối cảnh. Sự biến mất của bản năng tự vệ lâu đời nhất cũng là hiển nhiên khi sự cân bằng của châu Âu đã ném bản lề của mình bằng một hành động chỉ trong bốn mươi tám giờ: Đức bị phá hủy và Pháp trở thành thế thực châu Lục hàng đầu của châu Âu.

Công tác tuyên truyền vĩ đại vốn giúp nhân dân Anh bền bỉ và theo đuổi cuộc chiến, đã hấp tấp xúi giục họ và khuấy động tất cả những bản năng và tham vọng sâu sắc nhất của họ, và cuối cùng bây giờ đang đè nặng trên sự quyết định của chính trị Anh. Với sự sụp đổ thuộc địa, kinh tế, và thương mại của Đức, Anh đã đạt được mục tiêu chiến tranh; những thứ khác đều là sự trở ngại đối với lợi ích của Anh. Việc quét sạch thế lực Đức ở châu Âu chỉ mang đến lợi ích cho kẻ thù của Anh. Tuy nhiên, trong tháng mười một năm 1918 đến giữa mùa hè năm 1919, Anh không thể thay đổi chính sách ngoại giao vì trong giai đoạn chiến tranh Anh đã tận dụng hơn bao giờ hết sức mạnh tình cảm của quần chúng nhân dân. Việc thay đổi bất khả thi từ góc độ thái độ hiện tại của nhân dân Anh, và từ góc độ sắp xếp tương quan lực lượng quân sự ở châu Âu. Pháp đã nắm lấy “Luật hành động”, nắm quyền điều khiển đàm phán hòa bình, và có thể ra lệnh cho các quốc gia khác. Tuy nhiên, thế lực đơn lẻ duy nhất, trong giai đoạn thỏa thuận, thương lượng có thể mang đến sự thay đổi là bản thân nước Đức, lại đang rối loạn trong nội chiến và những người được gọi là chính trị gia Đức luôn tuyên bố sẽ sẵn sàng chấp nhận bất kỳ mệnh lệnh nào.

Bây giờ, trong sự công nhận lẫn nhau của các dân tộc, nếu một quốc gia đánh mất bản năng tự vệ và ngừng trở thành một thành viên tích cực, quốc gia đó sẽ trở thành một quốc gia nô lệ, và lãnh thổ của nó sẽ rơi vào số phận thuộc địa.

Để ngăn cản sự lớn mạnh quá mức của Pháp, Anh chỉ còn cách duy nhất là cùng tham gia vào sự thèm khát bành trướng của Pháp.

Thực tế, Anh không đạt được mục tiêu chiến tranh. Sự xuất hiện một thế lực châu Âu hùng mạnh vượt lên trên các tương quan lực lượng khác không những không bị ngăn cản mà còn được tiếp tay.

Năm 1914, Đức với tư cách là một quốc gia quân sự, bị kẹp giữa một đất nước có sức mạnh tương tự và một đất nước có sức mạnh vượt trội. Sau đó, Anh trở thành đế quốc hàng hải hùng mạnh, còn Pháp và Nga luôn gây trở ngại cho

sự bành trướng của Đức. Vị trí không thuận lợi của Quốc xã, xét về mặt quân sự, được xem như một hệ số cản trở nữa cho sự phát triển của sức mạnh Đức. Bờ biển của Đức đặc biệt bất lợi về mặt quân sự cho cuộc chiến với Anh, vì nó quá nhỏ và hiểm trở, ngược lại, biên giới trên đất liền, lại quá dài và thông thoáng.

Vị thế của Pháp hôm nay đã đổi khác: là cường quốc quân sự hàng đầu mà không cần tranh đua quyết liệt ở châu lục. Biên giới phía nam được bảo vệ hoàn toàn khỏi sự tấn công của Tây Ban Nha và Ý, an toàn khỏi Đức vì sự nhu nhược của cha ông chúng ta. Đường biên dài trực diện với trung tâm đầu não của đế chế Anh. Pháp không chỉ có thể tấn công những điểm sống còn của Anh bằng máy bay và khẩu đội pháo tầm xa, mà còn có thể đe dọa các tuyến đường thương mại hàng hải của Anh bằng tàu ngầm. Một chiến dịch tàu ngầm, dựa trên đường biển Đại tây dương dài và đường biển dài khu vực châu Âu, Bắc phi với Địa Trung hải, sẽ là mối đe dọa thảm khốc với Anh. Do đó, hậu quả của cuộc đấu tranh chống lại sự phát triển sức mạnh của Đức lại tạo nên quyền bá chủ châu Âu cho Pháp. Hậu quả quân sự: sự củng cố vị thế hàng đầu châu lục của Pháp và sự thừa nhận liên minh như một thể lực hàng hải cân bằng. Về mặt kinh tế: sự nhân nhượng lợi ích của Anh cho đồng minh và cộng tác trước đó. Giống như Anh khát khao và cần thiết “chia để trị” châu Âu nhằm đạt được mục tiêu chính trị truyền thống, Pháp cũng khát khao “chia để trị” Đức.

Anh luôn mong muốn và sẽ không ngừng mong muốn, ngăn chặn bất cứ một thể thực châu lục nào ở châu Âu trở dậy thành một thể lực chính trị thế giới, do đó, Anh luôn muốn duy trì sự cân bằng giữa các quốc gia châu Âu để tạo điều kiện cần thiết cho ngôi bá chủ thế giới của Anh.

Pháp luôn mong muốn, và sẽ không ngừng mong muốn ngăn chặn sự hình thành một quốc gia Đức thống nhất, do đó, Pháp luôn muốn duy trì hệ thống gồm nhiều tiểu bang Đức có tương quan lực lượng ngang bằng và không có chính phủ trung ương. Từ đó, bằng cách chiếm bờ trái của sông Rhine, Pháp sẽ đủ điều kiện để thiết lập và bảo vệ quyền bá chủ ở châu Âu.

Mục đích tối cao của chính sách ngoại giao Pháp sẽ luôn mâu thuẫn với mục đích tối cao của chính sách ngoại giao Anh.

CHƯƠNG 13.1: KẺ NÀO KHUẤY ĐỘNG PHONG TRÀO LÀM SỤP ĐỔ NƯỚC ĐỨC?

Bất cứ ai đánh giá khả năng liên minh hiện tại của Đức từ những điểm nêu trên, đều rút ra kết luận rằng không còn sự kết hợp nào thiết thực hơn là với Anh. Hậu quả tai hại từ chính sách chiến tranh của Anh đối với Đức, chúng ta không thể nhắm mắt làm ngơ trước sự thật rằng hôm nay, lợi ích cấp thiết của Anh không còn là nhu cầu phá hủy Đức. Ngược lại, chính sách năm này qua năm khác của Anh phải chuyển hướng kiềm chế sự chạy đua không ngừng của Pháp cho vị trí bá chủ. Một chính sách liên minh không nên dựa vào những hiềm khích dĩ vãng mà phải dựa vào kinh nghiệm quá khứ. Kinh nghiệm đã dạy cho chúng ta sự hình thành liên minh vì mục đích tiêu cực sẽ bị suy tàn do yếu kém bên trong, vận mệnh các quốc gia chỉ có thể gắn kết với nhau thông qua thành công chung và lợi ích chung; nói ngắn hơn: sự tăng cường sức mạnh cho cả hai.

Sự mu muội của quần chúng nhân dân về chính sách ngoại giao đã được thể hiện rõ thông qua các bài viết trên các tờ báo nói về “Tình hữu nghị với Đức” hô hào bởi một hay một vài các nhà ngoại giao nước ngoài, từ đó tình hữu nghị tự nhận này được xem là sự bảo đảm đặc biệt rằng những người đó sẽ đấu tranh vì một chính sách có lợi cho nhân dân chúng ta. Đây là một sự phi lý khó tin, một sự suy diễn ngu xuẩn không gì sánh bằng từ những tay chủ hiệu buôn Đức tầm thường học đòi làm chính trị. Không có một chính trị gia Anh, Mỹ, hay Ý nào có thể được xem là “Vì người Đức”. Là một chính trị gia, mọi người Anh sẽ tự nhiên hướng về nước Anh, người Mỹ hướng về nước Mỹ, và không người Ý nào sẽ sẵn sàng theo đuổi một chính sách không “Vì người Ý”. Do đó, bất cứ ai nghĩ rằng có thể xây dựng một liên minh dựa trên định hướng “Vì người Đức” của những chính trị gia, chỉ là một tên đàn độn hoặc một kẻ lừa gạt. Cơ sở cho sự liên kết giữa các quốc gia không bao giờ dựa trên sự tôn trọng hoặc sự quý mến lẫn nhau, mà dựa trên lợi ích triển vọng cho hai bên tham gia. Nói cái khác: sự thật là chính trị gia Anh sẽ luôn theo đuổi chính sách “Vì người Anh”, không bao giờ là chính sách “Vì người Đức”, nhưng một số lợi ích của chính sách “Vì người Anh” có thể trùng khớp với lợi ích “Vì người Đức”. Dĩ nhiên, điều này chỉ xảy ra ở một vài góc độ, và một ngày nào đó có thể bị đổi

ngược hoàn toàn: nhưng nhà lãnh đạo chính trị tài năng luôn luôn tìm ra trong từng thời điểm đặc biệt, những đồng minh để đạt được mục đích của họ, những người sẽ đi chung con đường tìm kiếm lợi ích riêng cho họ.



Ảnh minh họa.

Việc vận dụng những nguyên tắc trên vào thực tiễn dựa vào câu trả lời cho các câu hỏi sau: Quốc gia nào hiện không hưởng lợi ích khi thế lực kinh tế và quân sự của Pháp đạt được vị trí bá chủ châu Âu bằng cách loại trừ hoàn toàn một châu Âu quy phục Đức? Và, quốc gia nào vì điều kiện tồn vong của đất nước và truyền thống chính trị trước đây nhận thấy sự phát triển của Pháp là mối đe dọa cho tương lai của họ. Từ đó, chúng ta phải nhận thức rõ ràng rằng: kẻ thù không đội trời chung của Đức đang và sẽ mãi là Pháp. Dù bất cứ ai nắm quyền chính phủ Pháp: những kẻ theo trường phái Bourbons, Jacobin, hay Bonaparte, hoặc những tay Tư sản dân chủ, Tăng lữ cộng hòa, hoặc Bolshevik, mục tiêu chính sách ngoại giao của chúng luôn là nỗ lực chiếm hữu biên giới Rhine và củng cố vị thế của Pháp trên con sông này bằng cách phân chia và phá vỡ nước Đức.

Anh không muốn Đức trở thành một thế lực tầm cỡ thế giới, nhưng Pháp thì lại không hề muốn một thế lực nào mang tên Đức: đó chính là điểm khác biệt quan trọng. Hôm nay, chúng ta không đấu tranh vì một vị trí thế giới, hôm nay chúng ta phải đấu tranh vì sự tồn vong của Tổ quốc, vì sự thống nhất của quốc gia, vì cơm ăn áo mặc cho con cái chúng ta. Từ góc độ này, liên minh ở châu Âu chỉ còn xem xét với hai quốc gia duy nhất: Anh và Ý.

Anh không muốn Pháp thôn tóm mọi quyền lực quân sự một cách không trở ngại ở châu Âu, và thực thi một chính sách, bằng cách này hay cách khác, sẽ lần át lợi ích của Anh một ngày nào đó. Anh càng không bao giờ mong Pháp, nhờ vào sở hữu trữ lượng sắt và than đá khổng lồ ở Tây Âu trở thành một cường quốc kinh tế đe dọa lợi ích của Anh. Hơn nữa, Anh càng không mong Pháp, với vị thế chính trị ở nhờ vào sự chia cắt những phần còn lại của châu Âu, ngày càng khẳng định chính sách quốc tế kiểu Pháp không chỉ khả thi mà còn có nhiều triển vọng tích cực.

Và Ý, cũng không mong Pháp củng cố thế lực thêm nữa ở châu Âu. Tương lai sung túc của Ý luôn dựa vào sự phát triển vào các hoạt động quanh khu vực Địa Trung Hải. Nguyên nhân khiến Ý tham gia vào chiến tranh không phải vì đi theo khát vọng bành trướng của Pháp mà vì muốn quét sạch kẻ thù Adriatic. Tuy nhiên, bất kỳ sự tăng cường thêm nào của Pháp cũng trở thành trở ngại với tương lai của Ý, và chúng ta không nên tự lừa dối mình rằng mối quan hệ lâu đời giữa các quốc gia có thể hạn chế sự thù địch.

Sự suy xét chính chân và nghiêm túc nhất cho thấy hôm nay lợi ích thiết thực của hai quốc gia, Anh và Ý, không hề đối nghịch với nhu cầu sinh tồn của quốc gia Đức, mà thậm chí còn giống Đức ở một vài mức độ nào đó.

Khi đánh giá khả năng thành lập liên minh, chúng ta chắc chắn không được lơ là với ba nhân tố. Nhân tố đầu tiên phụ thuộc vào chúng ta, hai nhân tố sau phụ thuộc vào hai quốc gia đã được đề cập.

Liệu quốc gia nào sẽ liên minh với nước Đức-ngày-hôm-nay? Liệu quốc gia nào đang tìm kiếm một liên minh để hỗ trợ họ đạt được mục đích tấn công, sẽ liên kết với một quốc gia mà những nhà lãnh đạo chỉ là những tay yêu chuộng hòa bình hèn nhát và tồi tệ nhất, một quốc gia mà phần lớn dân nhân mù

quáng tin theo chủ nghĩa Mác dân chủ, phản bội lại lợi ích của chính đất nước một cách không thể chấp nhận được. Liệu thể lực nào đang hy vọng xây dựng một mối quan hệ giá trị với một quốc gia để cùng nhau đấu tranh vì lợi ích chung, sẽ liên kết với một quốc gia không dám khát khao hay đủ can đảm khuấy một ngón tay để bảo vệ cho sự sinh tồn của chính quốc gia đó.

Liệu một thể lực nào sẽ tham gia vào một liên minh chỉ để bảo vệ và duy trì một quốc gia khỏi bị tan rã như Liên Minh Tam Hiệp cũ. Liệu một thể lực nào sẽ gắn kết sự sống còn của mình với một quốc gia chỉ chăm chăm quy phục, xu nịnh người ngoài nhưng lại xấu hổ ngăn chặn tinh thần dân tộc bên trong; với một quốc gia đã mất đi sự cao thượng vì chính sách của nó không xứng đáng; với một chính phủ bị chính nhân dân trong nước khinh thường nên cũng không được các nước khác coi trọng? Không. Một thể lực muốn được kính trọng và hy vọng đạt được nhiều từ liên minh hơn là từ thù lao của các nghị sỹ tham lam sẽ không và không thể liên minh với nước Đức ngày hôm nay. Sự thiếu khả năng cho liên minh của chúng ta hiện tại là mảnh đất màu mỡ cho sự gắn kết của những kẻ thù đang cướp đoạt đất nước. Bởi vì Đức chưa bao giờ bảo vệ chính mình, trừ những sự chống đối cường điệu của các nghị sỹ được bầu chọn, phần còn lại của thế giới không có lý do gì tham gia bảo vệ chúng ta, và nguyên tắc của Chúa là không ban tặng tự do cho những dân tộc hèn nhát, mặc cho tiếng rên xiết của những tổ chức yêu nước của chúng ta. Do đó, những quốc gia không được hưởng lợi trực tiếp từ sự diệt vong của chúng ta không còn cách nào khác ngoại trừ tham gia vào chiến dịch cướp bóc của Pháp, ít nhất việc liên kết đó cũng hạn chế sự bành trướng quá mức của Pháp.

Thứ hai, chúng ta không thể bỏ qua những khó khăn trong việc tái định hướng tư tưởng của nhân dân những đất nước từng là kẻ thù của chúng ta, những người đã chịu ảnh hưởng sâu sắc của công tác tuyên truyền toàn dân. Vì một dân tộc từng bị xem là “bọn người Hung”, “tên cướp”, “kẻ phá hoại” trong rất nhiều năm không thể đột nhiên sau một đêm, từ kẻ thù ngày hôm qua biến thành đồng minh vào ngày mai.

Nhưng nhân tố thứ ba xứng đáng được quan tâm nhiều hơn, vì nó có tầm quan trọng chiến lược trong việc tạo ra một liên minh tương lai ở châu Âu:

Sự diệt vong của Đức, xét từ góc độ của Anh, không mang lại lợi ích gì, nhưng lại rất thuận lợi cho thị trường chứng khoán quốc tế của bọn Do Thái. Sự phân chia giữa những nghị sỹ Anh chính thức, hay đúng hơn là nghị sỹ truyền thống, và những thế lực Do Thái thao túng thị trường chứng khoán được thể hiện rõ nhất thông qua cương vị khác nhau của họ trong chính sách ngoại giao Anh. Đối lập với lợi ích và sự thịnh vượng của Anh, Tài chính Do Thái không chỉ mong muốn tiêu diệt hoàn toàn nền kinh tế Đức mà còn mong muốn sự lệ thuộc chính trị hoàn toàn của Đức. Sự quốc tế hóa hệ thống kinh tế Đức, tức là bọn Tài chính Do Thái thế giới muốn chiếm đoạt năng suất lao động của Đức, chỉ có thể hoàn thành trong một quốc gia theo chủ nghĩa Bolshevik. Nhưng lực lượng xung kích Bolshevik điều hành bởi bọn tư bản chứng khoán Do Thái thế giới, không thể vĩnh viễn đập tan phong trào đấu tranh của Đức nếu không có sự giúp đỡ mật thiết từ bên ngoài. Do đó, quân đội của Pháp, phải bao vây Đức cho đến khi Quốc xã, kiệt sức từ bên trong, và biến thành một lực lượng xung kích Bolshevik cho bọn tài chính Do Thái thế giới.

Và thế là bọn Do Thái hôm nay đã trở thành kẻ khuấy động phong trào cho sự sụp đổ hoàn toàn của Đức. Bất cứ đâu trên thế giới, khi chúng ta đọc được thông tin về tấn công Đức, bọn Do Thái luôn là kẻ chủ mưu, trong thời bình cũng như trong chiến tranh, báo chí của bọn thị trường chứng khoán Do Thái và chủ nghĩa Mác luôn khuấy động một cách có hệ thống sự căm thù nước Đức cho đến khi từng quốc gia từ bỏ sự trung lập và chống lại quyền lợi của nhân dân họ, để dần thân phục vụ liên minh Thế Chiến.



Đảng Bolshevik quyết định khởi nghĩa ở Pêtrograt.

Động cơ của bọn Do Thái đã quá rõ ràng. Một nước Đức Bolshevik, tức là sự hủy diệt những người yêu nước và tri thức quốc gia Đức sẽ buộc giai cấp lao động Đức phải chịu ách thống trị của bọn tài chính Do Thái thế giới, chỉ là bước đầu cho công cuộc thôn tính thế giới sau này của bọn Do Thái. Như đã từng diễn ra trong lịch sử, Đức là nhân vật chủ chốt trong cuộc chiến kinh khủng này. Nếu nhân dân và đất nước chúng ta trở thành nạn nhân của bọn Do Thái ngang tàng, tham lam và khát máu, cả thế giới sẽ rơi vào vòi của con bạch tuộc này, nếu Đức thoát khỏi sự bao vây này, sự đe dọa các quốc gia trên thế giới sẽ bị phá hủy.

Do đó, bọn Do Thái nhất định sẽ nỗ lực kích động chống trả bằng cách không những duy trì mà còn làm tăng thêm sự căm thù Đức của các quốc gia khác, chắc chắn chỉ một số ít trong các hoạt động đó trùng khớp với lợi ích thật sự của những người bị đầu độc bởi nó. Nhìn chung, trong những quốc gia khác nhau, bọn Do Thái sẽ sử dụng những vũ khí khác nhau dựa trên tâm lý quần chúng của quốc gia đó để mang lại hiệu quả tốt nhất và đạt được thành công. Ở đất nước chúng ta, nơi có quá nhiều sự trộn lẫn chủng tộc, bọn Do Thái có thể lợi dụng chiêu bài chủ nghĩa thế giới và tư tưởng hòa bình, nói cách khác, chúng

sử dụng xu hướng quốc tế hóa làm sức mạnh cho cuộc đấu tranh, ở Pháp, chúng kết hợp với những tay khét tiếng theo chủ nghĩa Sô Vanh (Chauvin), ở Anh, chúng lợi dụng quan điểm về kinh tế và chính trị toàn cầu; nói ngắn gọn: chúng luôn tận dụng bản chất tinh thần cơ bản mỗi quốc gia. Chỉ khi chúng đã được ưu thế nhất định và về kinh tế, chính trị, chúng mới rũ bỏ sự giới hạn của các thủ đoạn trước đây và phơi bày mục đích thật của cuộc chiến. Giờ đây, công cuộc phá hủy của chúng diễn ra nhanh hơn bao giờ hết, cho đến khi chúng lần lượt biến từng quốc gia thành đồng đồ nát mà từ đó chúng có thể thiết lập Đế chế Do Thái tối cao và bất diệt.

Ở Anh, và Ý, sự đối kháng giữa những quan điểm chính trị cứng rắn và chính sách thị trường chứng khoán Do thái thường trở nên rõ ràng.

Ngày nay, chỉ có ở Pháp mới tồn tại sự đồng thuận sâu sắc giữa quan điểm của bọn Do Thái kiểm soát thị trường chứng khoán và mong muốn của những tay nghị sỹ quốc gia theo chủ nghĩa Sô Vanh (Chauvin). Sự tương đồng này tạo thành mối đe dọa lớn đối với Đức. Vì thế, Pháp luôn là kẻ thù ghê gớm nhất của chúng ta. Dân tộc này, ngày càng bị ám ảnh bởi tư tưởng của bọn da đen, liên kết với mục đích thôn tính thế giới của bọn Do Thái trở thành mối đe dọa cho sự tồn tại của dòng dõi người da trắng ở châu Âu. Vì sự ô uế của dòng máu da đen trên dòng sông Rhine, giữa trung tâm châu Âu, phù hợp với lòng mong muốn trả thù độc ác và tàn bạo từ kẻ thù truyền kiếp của chúng ta, cũng như phù hợp với mục đích của bọn Do Thái xảo quyệt trơ tráo trong việc bắt đầu quá trình lai tạp dòng máu châu Âu với dòng dõi hạ cấp của chúng, và dùng chủng tộc da trắng của cha ông chúng ta cho sự tồn tại bằng cách làm nhiễm độc với chủng tộc hạ cấp hơn.

Những gì mà Pháp làm ngày hôm nay, xuất phát từ sự khao khát trả thù và bị điều khiển một cách có hệ thống bởi bọn Do Thái, chính là tội ác chống lại sự tồn tại của chủng tộc da trắng và một ngày nào đó sẽ dấy lên sự báo thù từ những thế hệ nhận thấy sự ô uế chủng tộc này chính là tội ác căn nguyên của loài người.

Tuy nhiên đối với Đức, sự nguy hiểm từ Pháp buộc chúng ta phải hạ tầm tư tưởng của mình và liên kết với những quốc gia cũng bị đe dọa như chúng ta,

những người sẽ không bao giờ chịu đựng hoặc dung thứ cho tham vọng bá chủ của Pháp.

Trong tương lai, chỉ có hai thế thức ở châu Âu có thể thành lập liên minh với Đức: đó là Anh và Ý.

CHƯƠNG 13.2: THÓI QUEN LỪA PHỈNH MÀ BỌN DO THÁI ĐÃ RẤT THUẦN THỰC?

Bất cứ ai nỗ lực nhìn lại và theo dõi sự lãnh đạo trong chính sách ngoại giao của Đức kể từ sau cuộc cách mạng, nhận thấy những thất bại khó hiểu và liên tiếp của chính phủ chúng ta, sẽ không thể làm gì khác ngoài việc vò đầu bứt tai hoặc đơn giản là tuyệt vọng hoặc, với sự căm phẫn cao độ, khởi xướng chiến tranh chống lại một chế độ như thế. Những hành động này sẽ khó có điểm chung nếu không thấu hiểu rằng: việc mà mọi người đều cho là không thể tưởng đã được thực thi bởi những người hùng thông thái của các đảng phái Tháng mười một: chúng đã cầu xin ân huệ từ Pháp. Thực vậy, trong nhiều năm, bằng sự ngu xuẩn đáng thương, những tên mơ mộng viễn vông đã nhiều lần cố gắng kết bạn với Pháp; nhiều lần phủ phục và nịnh nọt trước “cường quốc” này, trong mọi trò bịt bọm xảo quyệt của bọn đồ tể Pháp, chúng luôn thừa nhận sự thay đổi thái độ hữu hình. Dĩ nhiên những nhà chính trị thực sự không bao giờ chấp nhận niềm tin điên rồ này. Đối với họ, xu nịnh Pháp chỉ cản trở mọi nỗ lực của Đức trong việc hình thành một chính sách liên minh thiết thực. Họ không bị đánh lừa bởi ý định của Pháp hay của những tên đứng trong hậu trường. Điều thúc đẩy họ hành động như thế họ hoàn toàn tin vào khả năng thay đổi số mệnh của Đức chính là sự nhận thức chính chắn rằng nếu việc này không xảy ra, nhân dân của chúng ta đã dành được chính quyền.



Những đứa trẻ ném đá vào người Do Thái.

Dĩ nhiên, chúng ta khó có thể tuyên bố Anh là một đồng minh khả thi trong tương lai với vị thế của phong trào chúng ta. Hết lần này đến lần khác, bọn báo chí Do Thái luôn biết cách tập trung sự căm thù đặc biệt lên Anh, nhiều người Đức cả tin đã rơi vào bẫy của bọn Do Thái, khao khát tăng cường sức mạnh hải quân của Đức, chống lại sự chiếm đoạt thuộc địa của chúng ta, đề nghị tái chiếm thuộc địa, từ đó đã tạo giúp cho bọn Do Thái vô lại có nguyên liệu truyền lại cho bọn Do Thái anh em ở Anh để dùng cho công tác tuyên truyền. Vì những nhà tư sản cả tin của chúng ta chỉ tiếp thu từng chút một ý tưởng rằng ngày nay chúng ta không đấu tranh vì “sức mạnh hải quân” hay những thứ tương tự. Thậm chí trước chiến tranh, việc hướng sức mạnh quốc gia Đức vào mục tiêu này, mà không cần bảo vệ vị thế của chúng ta ở châu Âu, đã là một việc ngu ngốc. Ngày nay, kiêu hy vọng như thế sẽ được xếp vào dạng ngu xuẩn mà trong lĩnh vực chính trị, chúng ta gọi đó là tội ác.

Ai cũng phải nổi điên phải nhìn thấy bọn giật dây Do Thái thành công trong việc tập trung sự chú ý của quần chúng nhân dân vào những việc chỉ có tầm quan trọng thứ yếu, chúng kích động nhân dân biểu tình và chống đối; trong

khi bọn Pháp đang xâu xé đất nước ta ra thành từng mảnh từng mảnh, và cơ sở cho nền độc lập của chúng ta đang bị cướp đi một cách có hệ thống.

Ở đây, tôi phải nhắc lại một thói quen lừa phỉnh mà bọn Do Thái đã rất thuần thục trong những năm đó Tôi muốn nói đến: Nam Tyrol.

Đúng, Nam Tyrol. Lý do tôi thảo luận vấn đề này ở đây là vì tôi muốn chống lại bọn tiện dân nhục nhĩ dựa vào sự ngây thơ và thiện cận của đại đa số quần chúng nhân dân để kích động sự căm phẫn khắp quốc gia vốn chỉ là khái niệm xa lạ đối với những tay nghị sỹ lừa đảo giống như một tên cướp lạ với suy nghĩ tôn trọng tài sản cá nhân. Tôi muốn nhấn mạnh rằng, cá nhân tôi và nhiều người khác, khi vận mệnh của Nam Tyrol được định đoạt, từ tháng tư năm 1914 đến tháng mười một năm 1918, đang ở đó để bảo vệ vùng đất này, nghĩa là tham gia vào quân đội. Trong những năm đó tôi tham gia chiến đấu không chỉ để giữ lại Nam Tyrol mà còn vì Nam Tyrol cũng phải được bảo vệ như bất cứ một tỉnh nào của Tổ quốc.

Lúc đó, những tay nghị sỹ lừa đảo, những đảng phái chính trị giả dối đã không hề tham gia vào cuộc chiến. Ngược lại, trong khi chúng tôi đang chiến đấu với niềm tin rằng thắng lợi rực rỡ chiến tranh sẽ giúp Đức giữ lại Nam Tyrol, những kẻ phản bội to mồm đã công khai chống đối chiến thắng cho đến khi trận chiến cuối ở Siegried đã không chống đỡ nổi sự công kích phản bội cay độc. Vì sự bảo vệ quyền sở hữu Nam Tyrol của Đức không thể tự nhiên được bảo đảm bằng những bài diễn văn kích động của bọn nghị sỹ lừa đảo ở Vienna Rathaus Platz (Toàn thị chính thành Vienna) hay trước cửa Feldherrnhalle (Hội trường tướng quân) ở Munich, mà phải bằng binh đội ngoài mặt trận. Những ai chống lại mặt trận là kẻ phản bội Nam Tyrol, cũng như là kẻ phản bội những lãnh thổ khác của Đức.

Bất cứ ai tin rằng hôm nay vấn đề Nam Tyrol có thể được giải quyết bằng sự phản đối, hô hào, biểu tình, thì chỉ là một tên vô lại hoặc một gã tư sản Đức thiện cận.

Chúng ta phải nhận thức rõ ràng rằng những vùng lãnh thổ đã mất không thể được giành lại thông qua nghi lễ cầu xin Thượng đế hay niềm hy vọng ngoan đạo vào Cộng đồng các quốc gia, mà chỉ có thể bằng lực lượng quân sự.

Và câu hỏi là: Ai sẽ sẵn sàng nỗ lực giành lại những vùng lãnh thổ đã mất bằng phản kháng quân sự.

Đối với tôi, tôi có thể cam đoan với một lương tâm trong sạch rằng tôi có thể tập trung những tay can đảm để tham gia vào trận chiến giành lại Nam Tyrol, tại đầu não của nghị viện, bao gồm những nghị sỹ to mồm, những nhà lãnh đạo các đảng phái khác và một vài nhiều hội viên hội đồng khác. Chỉ có Chúa mới biết tôi vui sướng thế nào nếu một vài mảnh đạn làm nổ tung cuộc biểu tình chống đối “sôi nổi” này. Tôi nghĩ nếu đem bỏ một con cáo vào chuồng gà thì tiếng cục tác ngay lập tức sẽ im bặt và bọn gà diêm dúa này sẽ nhanh chóng tháo chạy.

Nhưng điều tồi tệ nhất chính là những quý ông này không tin rằng họ có thể đạt được bất cứ điều gì bằng cách này. Hơn ai hết, mỗi người bọn chúng đều biết, sự bất khả thi và vô hiệu quả của tất cả những thứ nhặng xị mà chúng bày ra. Nhưng chúng vẫn tiếp tục, bởi vì huyền thuyên về vấn đề giành lại Nam Tyrol còn dễ hơn nhiều việc đấu tranh để bảo vệ nó. Mọi người có vai trò riêng; ngày đó chúng ta hy sinh máu xương, hôm nay, bọn chúng mài nhọn mỏ.

Tuy nhiên, đặc biệt thú vị khi xem những bọn theo chủ nghĩa chính thống tập trung ở thành viên tự khen ngợi những hoạt động nhằm giành lại Nam Tyrol của chúng. Bảy năm trước, chắc chắn, triều đại uy nghi và quý phái của chúng, bằng sự khai man và phản bội, đã giúp cho liên minh thế giới đánh chiếm thắng lợi Nam Tyrol. Lúc đó, đám người này ủng hộ chính sách phản bội được Triều đại của chúng thông qua, và không hề quan tâm đến Nam Tyrol hay bất kỳ tỉnh thành nào khác. Ngày nay, dĩ nhiên, việc đấu tranh cho những lãnh thổ này trở nên dễ dàng hơn vì chúng chỉ đấu tranh bằng “vũ khí tinh thần”; la hét khan giọng trong một “cuộc họp chống đối” – từ sự căm phẫn thanh cao và thành tâm – và làm việc cật lực để viết những bài báo luôn dễ hơn đánh sập một cây cầu trong thời kỳ chiếm đóng.



Đường phố tại Vienna Rathaus Platz 1930.

Lý do tại sao đám người này lại xem vấn đề Nam Tyrol là trọng tâm trong mối quan hệ Đức-Ý rất rõ ràng. Bọn Do Thái và bọn theo chủ nghĩa chính thống Habsburg luôn quan tâm đến việc ngăn chặn một chính sách liên minh có thể dẫn đến sự phục hồi Tổ quốc Đức tự do. Tất cả những thứ nặng nề mà chúng bày ra không phải vì tình yêu với Nam Tyrol, vốn chỉ có hại chứ không có lợi, nhưng vì nỗi lo sợ một sự thỏa thuận được thiết lập giữa Đức và Ý.

Điều đó hoàn toàn phù hợp với xu hướng phỉ báng và đạo đức giả của đám người này khi chúng nỗ lực một cách điềm tĩnh và trơ tráo làm ra vẻ rằng “chúng ta” đã “phản bội” Nam Tyrol.

Chỉ có một câu trả lời dành cho các quý ngài này: Đó là: trước tiên Nam Tyrol đã bị “phản bội” bởi những người tráng kiện đã không tham gia chiến đấu tại mặt trận trong khoảng thời gian từ 1914-1918 để thực hiện nghĩa vụ với Tổ quốc.

Thứ hai, Nam Tyrol bị phản bội bởi những kẻ trong giai đoạn đó đã không giúp gì cho việc tăng cường sức mạnh đối kháng quốc gia để củng cố sự kiên trì của quần chúng nhân dân nhằm theo đuổi Chiến tranh đến cùng.

Thứ ba, Nam Tyrol bị phản bội bởi bất cứ kẻ nào tham gia vào Cách mạng tháng Mười một, trực tiếp hành động hay gián tiếp dung thứ cho nó một cách hèn nhát, đã làm tan vỡ vũ khí duy nhất có thể cứu được Nam Tyrol.

Vâng, thừa những nhà chống đối dẻo mồm, đó chính là những gì đã xảy ra!

Hôm nay, sự nhận thức chín chắn chỉ cho tôi sự thật rằng những vùng lãnh thổ bị mất không thể giành lại bằng biện pháp nghị sỹ to mồm, thủ đoạn hay những cái lưỡi lươn lẹo của chúng, mà phải bằng gươm đao sắc bén; nói cách khác: một cuộc chiến đẫm máu.

Nhưng tôi không ngần ngại tuyên bố rằng, bây giờ xúc xắc đã được gieo, chúng ta không thể giành lại Nam Tyrol thông qua chiến tranh, tôi thậm chí còn phản đối hoạt động này, vì tôi tin chắc rằng ngọn lửa nhiệt tình quốc gia của nhân dân Đức không đủ mạnh để mang đến chiến thắng. Ngược lại, tôi tin rằng, nếu ngày nào đó phải đổ máu thì sẽ là tội ác khi đổ máu chỉ vì hai trăm ngàn dân trong khi kể bên hơn bảy triệu người tiêu tụy dưới ách thống trị của ngoại bang, và huyết mạch sống còn của nhân dân Đức chày dưới đất của bọn châu Phi Negro man rợ.

Nếu dân tộc Đức muốn chấm dứt những mối đe dọa xóa sổ Đức khỏi châu Âu, Đức không được vướng vào những sai lầm trước chiến tranh, biến cả thế giới thành kẻ thù, Đức phải nhận thức được kẻ thù nguy hiểm nhất và dùng tất cả sức mạnh để chống lại chúng. Và nếu để đạt được chiến thắng chúng ta phải hy sinh nhiều người, thì thế hệ mai sau cũng sẽ không lên án chúng ta. Họ càng nhận thức được sự vẻ vang của thành công, họ càng hiểu được sự suy tính cẩn trọng và nỗi đau của chúng ta khi ra quyết định cay đắng đó.

Một lần nữa, tôi muốn nhấn mạnh chúng ta phải theo đuổi nguyên tắc cơ bản: để lấy lại những vùng lãnh thổ đã bị mất của Quốc xã, điều kiện tiên quyết là phải giành lại sự độc lập chính trị và quyền lực của Tổ quốc.

Để biến điều này thành hiện thực, nhiệm vụ hàng đầu của lãnh đạo Đức trong vấn đề ngoại giao là thiết lập một chính sách liên minh khôn khéo.

Đặc biệt, những người công nhân quốc xã xã hội chủ nghĩa chúng ta càng phải chống lại sự lôi kéo của những kẻ tư sản yêu nước bị bọn Do Thái giết đây.

Sẽ làm một thảm họa nếu chúng ta lại bận rộn hô hào chống đối thay vì chuẩn bị cho cuộc chiến sắp tới.

Chính quan niệm quái dị của khối liên minh Nibelungen (Mặc dù Niebelungenlied, một sử thi của dân tộc Đức, là một truyện cổ về sự phản bội và hư cấu từ đầu đến cuối, nhưng trong nhận thức phổ biến của người Đức, những người Nibelungs luôn biểu trưng cho bản chất trung thành đáng tin cậy. Bằng liên minh Nibelungen, Hitler muốn ám chỉ một liên minh được thiết lập từ sự căm giận, ngây thơ của người Đức) với sử thi của Habsburg đã dẫn đến sự thất bại của Đức. Sự ủy mị quái dị trong việc xem xét các khả năng của chính sách ngoại giao hôm nay sẽ là công cụ tốt nhất để mãi mãi ngăn chặn sự hồi sinh của chúng ta.

Ở đây tôi phải thảo luận ngắn gọn những sự phản đối có thể nảy sinh từ ba câu hỏi tôi đã đặt ra:

Thứ nhất, liệu có thể hình thành một liên minh với “nước Đức ngày hôm nay” khi mà những yếu kém của nó đã phơi bày quá rõ ràng.

Thứ hai, liệu những quốc gia thù địch trước đây có thay đổi thái độ đối với Đức?

Thứ ba, liệu tầm ảnh hưởng hiện tại của bọn Do Thái có mạnh hơn bất kỳ một sự nhận thức hoặc mục đích tốt nào, dẫn đến việc phá hỏng mọi kế hoạch?

Tôi nghĩ mình đã trả lời thỏa đáng một phần của câu hỏi đầu tiên. Dĩ nhiên, không ai muốn thiết lập liên minh với “nước Đức ngày hôm nay”. Không một thế lực nào trên thế giới sẽ liên kết với một quốc gia mà chính phủ luôn phá hủy mọi quyết tâm. Chúng ta phải kiên quyết đấu tranh chống lại những nỗ lực mà rất nhiều đồng bào của chúng ta đã bỏ ra, vì tâm trạng đau khổ vào thời điểm đó, thậm chí xem đó như một cái cớ, để tha thứ cho chính phủ.

Sự thiếu nghị lực của nhân dân chúng ta trong suốt sáu năm vừa qua thật sự là một nỗi buồn sâu sắc, sự thờ ơ của họ đối với vấn đề quan trọng nhất của đất nước rất đáng khinh, sự nhút nhát của họ thành thạo đáng bị nguyên rủa. Nhưng không ai được quên rằng chúng ta đã từng giao thiệp với những con người, vài năm trước đây, mang đến cho thế giới một biểu tượng đáng ngưỡng mộ nhất về đặc tính chủng tộc cao quý. Từ tháng tư năm 1914 đến khi kết thúc cuộc đối đầu vĩ đại giữa các quốc gia, không dân tộc nào trên thế giới biểu hiện

lòng can đảm, sự kiên trì, và nhẫn nại chịu đựng nhiều hơn dân tộc Đức của chúng ta, những người mà hôm nay lại trở nên thảm hại, nhụt chí. Không ai dám khẳng định sự thiếu nghị lực của nhân dân ta hiện tại là đặc trưng của dân tộc chúng ta. Những gì mà hôm nay chúng ta phải chịu đựng xung quanh và ngay trong chúng ta, chỉ là những ảnh hưởng đau lòng, đáng căm phẫn gây ra do hành động phản quốc vào ngày 9 tháng mười một, 1918. Hơn bao giờ hết, những vần thơ đã đúng: tội ác sinh ra tội ác. Nhưng thậm chí hiện tại, những bản chất tốt đẹp của dân tộc chúng ta vẫn chưa mất đi hoàn toàn, chúng chỉ ngủ quên trong sâu thẳm, đôi khi chúng ta lại trông thấy chúng chiếu sáng trên nền trời u ám như trong tương lai Đức sẽ được ghi nhớ như một biểu tượng hàng đầu của sự hồi sinh.

Chúng ta đã quen thấy hàng ngàn, hàng ngàn thanh niên Đức tự nguyện và vui sướng hy sinh cuộc sống tươi đẹp của mình vì Tổ quốc như trong năm 1914. Một lần nữa, hàng triệu người siêng năng, cần cù lao động như thể sự tàn phá của cuộc cách mạng chưa từng xảy ra. Người thợ rèn lại đứng bên lò, người nông dân lại cày ruộng, người học giả lại nghiên cứu, tất cả đều tiếp tục cống hiến hết mình cho nhiệm vụ.

Sự đàn áp của kẻ thù không còn được dung thứ như trước đây, mà đã chuyển thành sự cay đắng và giận dữ. Không còn nghi ngờ nữa, một sự thay đổi lớn trong quan điểm đã xuất hiện.

CHƯƠNG 13.3: ĐÂU LÀ CHÍNH SÁCH LIÊN MINH TÍCH CỰC?

Hôm nay, quan điểm quyền lực chính trị và bản năng tự vệ của dân tộc vẫn chưa được hồi sinh mạnh mẽ, là do sai lầm của những tay phình trị gia bất tài nhưng lại tự bổ nhiệm vào vị trí lãnh đạo, từ năm 1918, đã điều hành đất nước đi đến diệt vong.

Vâng, nếu chúng ta thương tiếc cho đất nước ngày hôm nay, chúng ta nên tự hỏi: Làm sao để cải thiện tình thế? Liệu có phải sự ủng hộ yếu ớt của nhân dân đối với các quyết định của chính phủ, những quyết định hiếm khi tồn tại là dấu hiệu thiếu sức sống của một quốc gia, hay hơn nữa là bằng chứng về sự thất bại hoàn toàn trong việc tận dụng nguồn tài nguyên quý giá này? Làm sao để chính phủ của chúng ta khơi lại tinh thần tự cường, sự kháng cự mạnh mẽ, sự phần nộ sâu sắc của nhân dân ta?

Năm 1919, khi nước Đức bị đè nặng bởi Hiệp ước Hòa bình, lẽ ra chúng ta nên hy vọng rằng rõ ràng qua công cụ áp bức vô hạn này, sự khát khao tự do của Đức càng được tăng cường. Những hiệp ước hòa bình với mục đích trừng phạt các dân tộc, thường đẩy lên hồi trống cho sự nổi loạn.



Ảnh minh họa.

Hiệp ước hòa bình Versailles có tác dụng gì?

Công cụ áp bức vô hạn này và sự nhục nhã đáng khinh, trong tay của một chính phủ thiện chí, sẽ trở thành công cụ để thổi bùng ngọn lửa yêu nước. Bằng một chiến lược tuyên truyền thông minh khai thác những sự độc ác tàn bạo này, sự thờ ơ của một dân tộc sẽ chuyển thành sự căm phẫn, sự căm phẫn sẽ chuyển thành cơn thịnh nộ dữ dội.

Từng điều khoản trong Hiệp ước phải được đốt cháy trong tâm trí và cảm xúc của dân tộc ta, cho đến khi sáu triệu con người, cả đàn ông và đàn bà, đều mang cùng một nỗi nhục và một nỗi căm phẫn sôi sục như biển lửa để tôi luyện một ý chí cứng rắn như thép, khi đó toàn dân sẽ cùng gào lên “Trả quân đội lại cho chúng tôi”.

Vâng, bạn thân mến, đó là cách một hiệp ước hòa bình sẽ làm. Vũ khí tuyên truyền vĩ đại nhất nằm trong sự áp bức vô hạn và nỗi ô nhục mà Hiệp ước mang lại, sẽ làm thức tỉnh tinh thần uể oải của một quốc gia và mang lại sức sống cho nó.

Vì vậy, từ quyền sách về lòng của trẻ em đến tờ báo cuối cùng của đất nước, mọi nhà hát, rạp chiếu phim, mọi cột dán quảng cáo, mọi bảng hiệu đều phải được tận dụng cho sứ mạng vĩ đại này, cho đến khi lời cầu nguyện nhút nhát mà những tổ chức yêu nước gửi lên thiên đàng: “Thượng đế, xin hãy giải thoát chúng con” được chuyển vào đầu đưa bé nhỏ nhất thành một lời yêu cầu cháy bỏng: “Lạy Chúa toàn năng, hãy phù hộ cho quân đội của chúng con khi thời khắc đến, Lạy chúa, xin hãy phán xét liệu chúng con có xứng đáng được tự do. Thượng đế, xin hãy phù hộ cho cuộc chiến của chúng con”.

Mọi cơ hội đều bị bỏ qua, chúng ta đã không làm gì cả.

Vậy thì, ai sẽ ngạc nhiên khi dân tộc của chúng ta không được như mong đợi. Phần còn lại của thế giới chỉ xem chúng ta như một con rối, một con chó trung thành, vui sướng liếm tay người vừa mới quất roi vào nó.

Dĩ nhiên, khả năng thành lập liên minh với các quốc gia khác bị cản trở bởi sự thờ ơ của nhân dân, nhưng trên hết là do chính phủ của chúng ta. Sự thoái nát của chúng khiến cho, sau tám năm thực thi sự áp bức không giới hạn, sự khao khát tự do chỉ tồn tại mờ nhạt.

Để có thể thực hiện được một chính sách liên minh tích cực, chúng ta phải lấy lại uy thế trước những quốc gia khác, và phải có một chính phủ đủ thẩm quyền, không phải là tay sai cho ngoại bang và tên độc công của chính dân tộc mình, mà phải là sứ giả của ý chí quốc gia.

Nếu dân tộc chúng ta có được chính phủ ý thức được sứ mệnh, sáu năm đã không trôi qua trước khi một chính sách ngoại giao can đảm của Quốc xã tìm được sự ủng hộ tương xứng từ quần chúng nhân dân khao khát tự do.

Trở ngại thứ hai, khó khăn trong việc chuyển từ kẻ thù sang đồng minh thân cận, có thể được giải quyết như sau:

Tâm lý chống Đức ở các quốc gia khác, phát triển thông qua công tác tuyên truyền trong chiến tranh, chắc chắn sẽ tiếp tục tồn tại cho đến khi Đức quốc xã, bằng sự hồi sinh tinh thần dân tộc của tất cả nhân dân Đức, trở thành

một quốc gia có vị thế trên bàn cờ chính trị châu Âu, và thể hiện được khả năng của mình. Chỉ khi chính phủ và nhân dân hoàn toàn thể hiện được khả năng liên minh, một hay những thế lực khác, có cùng lợi ích với chúng ta, mới có thể nghĩ đến việc xây dựng một hệ thống tuyên truyền để thay đổi tư tưởng của quần chúng. Điều này tất nhiên cần nhiều năm làm việc liên tục để đạt được mục đích. Bởi vì cần phải có một khoảng thời gian dài để thay đổi công luận của một đất nước, và không ai dám hành động như thế nếu như anh ta không hoàn toàn bị thuyết phục bởi hiệu quả của nó trong tương lai. Không ai sẽ muốn thay đổi nhận thức và cảm xúc của nhân dân dựa trên sự huênh hoang của một tay được xem là bộ trưởng nước ngoài, mà không có sự bảo đảm hữu hình cho những lợi ích của định hướng mới. Nếu không, điều này sẽ dẫn tới sự rối loạn hoàn toàn trong tư tưởng của quần chúng. Sự bảo đảm đáng tin nhất cho khả năng thiết lập liên minh tương lai với một quốc gia không dựa vào sự ba hoa của từng thành viên trong chính phủ, mà vào sự bền hữu hình của chính sách rõ ràng và thiết thực của chính phủ, và vào sự ủng hộ của dư luận với định hướng tương tự. Sự tin tưởng của quần chúng vào chính sách này sẽ được tăng cường hơn nữa nếu chính phủ tổ chức một công tác tuyên truyền tích cực nhằm giải thích nỗ lực của nó và bảo đảm sự ủng hộ của quần chúng.

Do đó, một đất nước, trong trường hợp của, chúng ta, sẽ đủ năng lực liên minh nếu cả chính phủ và công luận đều nhiệt tình quyết định theo đuổi cuộc đấu tranh giành tự do. Đây là nền tảng cho việc tái định hướng công luận của các quốc gia khác, từ đó trong công cuộc bảo vệ lợi ích của mình, họ sẵn lòng đi cùng con đường với một cộng sự thích hợp với họ, nói cách khác, sẵn lòng hình thành một liên minh.

Nhưng vẫn còn một vấn đề cần phải thảo luận trong môi liên kết này: vì sự chuyển đổi một thái độ nào đó của một dân tộc là một công việc khó khăn, và lúc đầu, sẽ không có nhiều người hiểu được, ngay lập tức nó sẽ trở thành tội ác và sự ngu ngốc khi tạo ra sai lầm để những thế lực chống đối có thể sử dụng điều này khi một vũ khí chống lại chúng ta.

Chúng ta phải nhận thức được rằng cần phải có một khoảng thời gian nhất định trước khi quần chúng có thể thấu hiểu mục đích bên trong của chính phủ, bởi vì không thể giải thích mục tiêu cuối cùng của công tác chính trị, chung ta

chỉ có thể dựa vào niềm tin mù quáng của quần chúng hoặc bản năng trực giác của giai cấp lãnh đạo ưu việt. Nhưng vì nhiều người không có giác quan thứ sáu chính trị sáng suốt và vì không thể giải thích nguyên nhân chính trị, một phần giai cấp lãnh đạo trí thức sẽ luôn chống lại những xu hướng mới do không thể hiểu. Vì thế, sự chống đối của những nhân tố thủ cựu sôt sắng này sẽ tăng lên.

Vì lý do này, nhiệm vụ tối cao của chúng ta là bảo đảm không để lọt bất cứ vũ khí nào vào tay những kẻ gây rối bằng sự nghiệp thấu hiểu lẫn nhau giữa những quốc gia, đặc biệt trong trường hợp của chúng ta, chúng ta luôn phải đối mặt với những lời nói lảm nhảm phi thực tế và hoang đường của bọn yêu nước khoác lác và những tay tư sản nhỏ bé học đòi làm chính trị. Một người có suy nghĩ chín chắn và nghiêm túc sẽ không phủ nhận rằng việc hô hào cho một binh chủng mới, cho sự phục hồi thuộc vãn vãn... địa chỉ là những chuyện tầm phào ngu ngốc, không hề có giá trị áp dụng thực tiễn. Các hành xử thiếu suy nghĩ trong các cuộc họp chống đối của những tay nghị sỹ, một số thì ngây thơ, một số thì điên loạn, nhưng tất cả âm thầm tiếp tay cho những kẻ thù, đang được khai thác ở Anh không thể xem là có lợi cho Đức. Và thế là chúng ta đang lãng phí sức lực vào một cuộc minh chứng phù phiếm để chống lại Chúa và toàn bộ thế giới và quên đi nguyên tắc đầu tiên cho mọi thành công: Bất kỳ điều gì anh làm, hãy làm đến cùng. Bằng cách than vãn chống lại năm hay mười quốc gia, chúng ta đã sao lãng việc tập trung tất cả năng lực ý chí và sức mạnh thể chất để giáng một đòn chí tử vào tâm của kẻ thù bỉ ổi, và đã hy sinh khả năng củng cố sức mạnh của chúng ta trong cuộc chiến này bằng một liên minh.

Một lần nữa, đây lại là nhiệm vụ của phong trào Quốc xã xã hội chủ nghĩa. Chúng ta phải dạy cho quần chúng bỏ qua những chuyện lật vật để nhìn thấy những điều vĩ đại hơn, đừng sa đà vào những chuyện không thích hợp, và không bao giờ được quên rằng hôm nay mục đích đấu tranh của chúng ta là vì sự sinh tồn của dân tộc, và kẻ thù mà chúng ta phải tiêu diệt chính là thế lực đang cướp đi sự sống của chúng ta.

Có thể chúng ta sẽ phải chịu nhiều đau khổ. Nhưng những nỗi đau này không phải là cái cớ cho những lý do chống đối và cãi nhau ồn ào và vô nghĩa với cả thế giới thay vì tập trung mọi nguồn lực tấn công kẻ thù độc ác nhất.

Hơn nữa, người Đức không có quyền để đổ lỗi cho phần còn lại của thế giới khi mà chính họ không trừng trị những tên tội phạm đã phản bội và bán đứng đất nước. Thực ra, chúng ta không cần đứng từ xa nguyên rửa chống lại Anh, Ý, vãn vãn... trong khi trên chính đất nước chúng ta, bọn vô lại, bị kẻ thù mua chuộc, tuyên truyền phá hoại, bẻ gãy tay, đập nát xương sống của chúng ta, rồi bán đấu giá Quốc xã què quặt với giá ba mươi đồng bạc.

Kẻ thù đã làm đúng như dự đoán, chúng ta nên học từ cách thức và hành động của chúng.

Những ai không có được quan điểm ở cấp độ này, nên luôn nhớ rằng chỉ còn cách duy nhất là từ bỏ, bởi vì chúng ta sẽ không thể hình thành được bất kỳ liên minh nào trong tương lai. Vì nếu chúng ta không liên minh với Anh, bởi vì họ cướp thuộc địa của ta, hay với Ý vì họ chiếm Nam Tyrol, với Ba Lan hay Tiệp Khắc, thì sẽ không còn khả năng liên minh nào ngoại trừ với Pháp, kẻ đã cướp Alsace và Lorraine của ta. Không còn nghi ngờ liệu liên minh cuối cùng có phục vụ cho lợi ích của nhân dân Đức hay không. Nhưng nếu một ý kiến như vậy được ai đó đưa ra, chúng ta cần phải nghi ngờ liệu hắn là một kẻ ngờ nghệch hay là một tên lừa gạt gian trá. Nếu đó là những nhà lãnh đạo, tôi luôn tin vào giả thuyết thứ hai.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online



Hitler và chú chó được huấn luyện.

Vì thế, sự thay đổi nhận thức của những cá nhân, những người từng là kẻ thù của chúng ta nhưng lại có những lợi ích phù hợp với chúng ta, theo tính toán, có khả năng xảy ra rất cao, nếu sức mạnh nội tại cũng như ý chí bảo vệ sự sinh tồn chúng ta là một đồng minh đáng giá; ngoài ra, những phong trào nguy hiểm hay thậm chí hành động tàn bạo của chúng ta không được tạo điều kiện cho quân địch lợi dụng tuyên truyền để chống lại quan điểm thành lập liên minh với kẻ thù trước đây.

Trở ngại thứ ba khó giải quyết nhất.

Liệu những người đại diện cho lợi ích thật sự của các đất nước, có khả năng trở thành đồng minh của chúng ta, có bị thuyết phục và chấp nhận chống lại tham vọng của bọn Do Thái, kẻ thù ghê gớm nhất của các quốc gia độc lập? Ví dụ, liệu các chính trị gia truyền thống của Anh có phá hủy sự ảnh hưởng của bọn Do Thái hay không?

Vấn đề này, như tôi đã đề cập, rất khó để giải đáp thỏa đáng. Có quá nhiều nhân tố để hình thành phán quyết cuối cùng. Dù vậy, vẫn có một sự thật hiển nhiên: Trong một đất nước, mà quyền lực của chính phủ được thiết lập vững chắc và hoàn toàn phục vụ lợi ích của nhân dân, thế lực Do Thái quốc tế không thể tổ chức hiệu quả một sự cản trở chống lại những quan điểm chính trị.

Cuộc đấu tranh, với những lý do sâu xa khó hiểu (bản thân tôi cũng không tin vào những điều này), mà Phát xít Ý đang phát động để chống lại ba vũ khí chính của bọn Do Thái, là dấu hiệu tốt nhất đã gián tiếp chỉ ra rằng nanh độc của thế lực siêu nhà nước đó đang bị nhổ ra. Việc cấm đoán các hội Tam điểm bí mật, ngăn chặn các tờ báo siêu quốc gia, và không ngừng tiêu hủy chủ nghĩa Mác giúp cho Chính phủ Ý, trong vài năm, mang lại ngày càng nhiều lợi ích cho người dân Ý, không cần quan tâm đến tiếng rít của bọn dân độc Do Thái.

Ở Anh, tình hình không được thuận lợi như thế. Trong một đất nước có “nền dân chủ tự do nhất” thỏa sức áp dụng nền chuyên chính gián tiếp thông qua dư luận. Và thậm chí khi đã có một cuộc đấu tranh liên tục giữa những người bên vực cho lợi ích quốc gia Anh và bọn khơi xướng nền độc tài Do Thái.

Sau chiến tranh, lần đầu tiên sự mâu thuẫn này đã trở nên gay gắt nhất khi chính trị gia Anh và bọn Báo chí hình thành hai quan điểm khác nhau về vấn đề Nhật Bản. Ngay sau chiến tranh, tình trạng căng thẳng cố hữu của Mỹ và Nhật lại xuất hiện. Dĩ nhiên, các thế lực ở châu Âu không thể làm ngơ trước mối đe dọa chiến tranh mới. Ở Anh, dù có mối quan hệ thân cận, vẫn không tránh khỏi sự ganh tỵ với sự tăng trưởng của Hợp chủng quốc Hoa Kỳ trong tất cả các lĩnh vực kinh tế quốc tế và quyền lực chính trị. Quốc gia thuộc địa trước kia, đứa con của mẫu quốc, dường như đã trở thành ông chủ mới của thế giới. Hoàn toàn dễ hiểu khi hôm nay, Anh nên đánh giá lại những liên minh cũ, và các chính trị gia Anh nên cảm thấy lo lắng cho một giai đoạn, khi đó người ta không nói “Anh cai trị những con sóng” mà chuyển thành: “Biển cả thuộc về Hoa Kỳ”.

Tấn công Gã khổng lồ Bắc Mỹ hùng mạnh với những vùng đất chưa khai thác dồi dào tài nguyên, khó hơn một Đức quốc xã bị chèn ép. Một ngày nào đó khi xúc xắc số phận được gieo, Anh sẽ phải chịu kết cuộc bi đát, nếu chiến đấu

một mình. Vì thế, Anh đã nhanh chóng với lấy một bàn tay da vàng và bám víu vào một liên minh, xét về khía cạnh chủng tộc là không thể chấp nhận được, nhưng xét về khía cạnh chính trị, đó là khả năng duy nhất để củng cố vị thế toàn cầu của Anh nhằm đương đầu với châu lục Mỹ cực thịnh.

Mặc dù họ từng kẻ vai sát cánh trên mặt trận châu Âu, nhưng khi chính phủ Anh đã quyết định không kết thúc liên kết với một đồng minh châu Á, thì toàn bộ báo chí Do Thái đều chống lại ý tưởng liên minh với Nhật. Làm sao chúng ta có thể giải thích sự việc cho đến năm 1918, Báo chí Do Thái ủng hộ chính sách chống Quốc xã Đức của chính phủ Anh, nhưng sau đó, đột nhiên chuyển hướng và thể hiện sự bất trung với chính phủ?

Sự diệt vong của Đức không mang lại lợi ích cho Anh, nhưng lại là mối quan tâm hàng đầu của bọn Do Thái, cũng như hôm nay, tiêu diệt Nhật Bản không mang nhiều lợi ích đến cho Anh bằng cho tham vọng bành trướng của bọn lãnh đạo phong trào vì một đế chế Do Thái toàn cầu. Trong khi Anh khó nhọc duy trì vị trí trên thế giới, bọn Do Thái tổ chức tấn công để xâm chiếm nó.

Chúng xem châu Âu hiện tại là công cụ dễ sai bảo trong tay, bằng cách gián tiếp thông qua cái gọi là Nền dân chủ phương Tây hay bằng sự thống trị trực tiếp của Chủ nghĩa Bolshevist Do Thái. Nhưng không chỉ thế giới cũ bị sa bầy, tân thế giới cũng khó tránh khỏi số kiếp. Chính bọn Do Thái là người nắm quyền các thế lực trên thị trường chứng khoán Hoa Kỳ. Mỗi năm, chúng càng tăng thêm sự thao túng đất nước với dân số một trăm hai mươi triệu người, duy nhất Ford vĩ đại (Tái bản lần hai dùng “chỉ một vài” thay cho “duy nhất Ford vĩ đại”), nỗi ô nhục của chúng, vẫn giữ được độc lập hoàn toàn.

Bọn Do Thái thể hiện kỹ năng điều luyện trong việc thao túng dư luận và sử dụng nó như một công cụ chiến đấu cho tương lai của chúng.

Tất cả những gã lãnh đạo vĩ đại của bọn Do Thái đều tự tin về ngày định mệnh được tiên tri trong Kinh thánh và người Do Thái sẽ tiêu diệt tất cả các quốc gia khác trên thế giới.

Trong một số lớn những đất nước bị mất chủ quyền trở thành thuộc địa Do Thái, một quốc gia độc lập có thể phá vỡ toàn bộ kế hoạch vào phút chót. Vì một thế giới theo chủ nghĩa Bolshevist chỉ có thể tồn tại khi nó đàn áp tất cả mọi thứ.

Chỉ cần một quốc gia duy nhất duy trì được sức mạnh và lòng tự hào dân tộc, để chế toàn cầu của bọn thống đốc Do Thái, như bất kỳ một chính thể độc tài nào, sẽ bị đè bẹp bởi quyền lực của tư tưởng quốc gia.

Sau một nghìn năm thích nghi, bọn Do Thái bây giờ đã biết rất rõ chúng có thể làm suy yếu các dân tộc châu Âu, và biến họ thành những chủng tộc lai căng, nhưng chúng khó lòng làm điều tương tự với một quốc gia châu Á như Nhật. Hôm nay, chúng bắt chước người Đức và người Anh, người Mỹ và người Pháp, nhưng không thể tiếp cận được với người da vàng châu Á. Vì thế chúng đấu tranh tiêu diệt Nhật bằng sức mạnh của các quốc gia khác, nhằm tự giải thoát khỏi sự đe dọa của kẻ thù, trước khi chúng giành lấy quyền lực của quốc gia cuối cùng vào tay và biến thành một chế độ độc tài chống lại loài người.

Trong một nghìn năm lịch sử, chúng luôn khiếp sợ quốc gia Nhật Bản, do đó, chúng càng muốn tiêu diệt Nhật trước khi thiết lập chế độ độc tài. Vì thế, chúng kích động các quốc gia chống lại Nhật như chúng đã từng làm với Đức, và có thể tình huống sau sẽ xảy ra: trong khi các chính trị gia Anh vẫn đang đấu tranh để xây dựng liên minh với Nhật, bọn báo chí Anh-Do Thái lại yêu cầu chiến đấu chống đồng minh, và chuẩn bị cho cuộc chiến hủy diệt dưới chiêu bài Dân chủ với khẩu hiệu: “Lật đổ chủ nghĩa đế quốc và chủ nghĩa quân phiệt Nhật”.

Vì thế, ngày nay ở Anh, bọn Do Thái không chịu phục tùng chính sách của quốc gia. Do đó, cuộc chiến chống lại mối đe dọa Do Thái toàn cầu một ngày nào đó cũng sẽ bắt đầu ở Anh. Và một lần nữa, phong trào Quốc xã Xã hội chủ nghĩa có một sứ mệnh to lớn phải đảm nhiệm. Chúng ta phải khai sáng quan điểm của nhân dân về các quốc gia khác, và phải liên tục nhắc nhở họ về kẻ thù thật sự của thế giới ngày hôm nay. Thay vì sự căm thù chủng tộc Aryan của những quốc gia không hề gần gũi với chúng ta, nhưng với những quốc gia có cùng dòng máu, có nhiều nét tương đồng trong nền văn minh, chúng ta phải khuấy động sự phẫn nộ dành cho kẻ thù của nhân loại, kẻ đem lại bất hạnh cho chúng ta.

Phong trào Quốc xã Xã hội chủ nghĩa, ít nhất trên đất nước mình, phải nhận ra kẻ thù nguy hiểm và đấu tranh chống lại chúng sẽ là ngọn lửa soi đường

cho một thời kỳ mới và tốt hơn cho những quốc gia khác, cũng như thể hiện sự bảo vệ chủng tộc Aryan trong cuộc chiến sống còn.

Cuối cùng, cầu mong lẽ phải dẫn đường cho chúng ta, ý chí tăng thêm sức mạnh cho chúng ta. Cầu mong nhiệm vụ thiêng liêng cho chúng ta quyết tâm, và quan trọng hơn cả, cầu mong niềm tin sẽ bảo vệ chúng ta.

CHƯƠNG 14: ĐỊNH HƯỚNG PHƯƠNG ĐÔNG HAY CHÍNH SÁCH PHƯƠNG ĐÔNG

Có hai lý do khiến tôi phải đề xuất xem xét đặc biệt mối quan hệ của Đức với Nga:

1. Ở đây có lẽ chúng ta đang đề cập đến mối lo ngại mang tính quyết định trong mọi công việc đối ngoại của Đức; và
2. Vấn đề này cũng là một tiêu chuẩn đối với năng lực chính trị của phong trào Xã Hội Chủ Nghĩa Quốc Gia còn non trẻ để suy nghĩ một cách rõ ràng và hành động một cách đúng đắn.

Tôi phải thừa nhận rằng đặc biệt điểm thứ hai đôi khi làm cho tôi có những mối lo lắng bồn chồn. Vì phong trào còn non trẻ của chúng ta không có được những tư liệu hội viên từ phe có quan điểm trung lập, mà chủ yếu từ những quan điểm cực kỳ cực đoan, đó cũng là lẽ đương nhiên nếu dân tộc này, trong lĩnh vực hiểu biết các công việc ngoại giao cũng như trong các lĩnh vực khác, có nhiều định kiến hoặc hiểu biết không rõ về những nhóm người mà họ liên quan, cả về chính trị và triết học. Và điều này không áp dụng với những người gia nhập chúng ta từ Cánh Tả. Trái lại, chỉ dẫn trước đây của ông về những vấn đề này có thể là điều tai hại, ít nhất phần nào nó hiếm khi không được cân bằng bởi bản năng tự nhiên và bản năng tích cực còn lại hiện tại. Khi đó nó chỉ cần thiết để thay đổi một thái độ tốt hơn đối với sự ảnh hưởng mà trước đây đã tác động đến ông, và thường thì bản năng sức khỏe thiết yếu và sự thúc đẩy bản năng tự vệ hiện có trong ông có thể được coi là đồng minh tốt nhất của chúng ta.



Ảnh minh họa.

Mặt khác, thật khó để thuyết phục tư tưởng chính trị chân thật của một con người mà nền giáo dục trước đây của họ về lĩnh vực này không hề có lập luận và logic, nhưng trên hết, điều này cũng đã khơi dậy bản năng tự nhiên cuối cùng còn lại của ông về sự tôn thờ tính khách quan. Nói một cách chính xác, các thành viên của những người gọi là giới trí thức là những người cứng rắn nhất đối với việc bảo vệ chắc chắn và hợp lý lợi ích của họ và lợi ích của dân tộc. Họ không chỉ mang nặng những quan niệm và định kiến vô nghĩa, mà những gì làm cho các vấn đề hoàn toàn không thể chấp nhận được là ở chỗ họ đã mất và từ bỏ bản năng tự vệ tích cực. Phong trào Xã Hội Chủ Nghĩa Quốc Gia buộc phải kéo dài cuộc đấu tranh gian khó với những người này, gian khó là bởi vì, mặc dù hoàn toàn không có khả năng, nhưng họ lại không hề cảm thấy buồn vì tính tự cao tự đại quá mức làm cho họ coi thường người khác mà không có lý do, phần lớn là mạnh hơn họ. Những người tự cho mình là hiểu biết hết mọi thứ trên đời có thái độ kiêu kỳ, ngạo mạn, không có bất kỳ khả năng nghiên cứu và suy xét, lần lượt, phải được công nhận là những điều kiện tiên quyết đối với bất kỳ ý muốn và hành động nào trong lĩnh vực ngoại giao.

Vì ngày nay, chính những nhóm người này đang bắt đầu hướng khuynh hướng chính sách ngoại giao của chúng ta theo cách thức tồi tệ nhất khỏi bất kỳ sự bảo vệ thực tế lợi ích vốn có của dân tộc ta, đặt nó thay cho việc phục vụ tư tưởng lập dị của họ, tôi cảm thấy phận sự của tôi là thảo luận câu hỏi quan trọng nhất trong lĩnh vực ngoại giao cho những người ủng hộ tôi, mối quan hệ của chúng ta với Nga, đặc biệt, và hoàn toàn cần thiết cho sự hiểu biết chung và có thể trong phạm vi của một công việc như vậy. Nhưng trước tiên tôi muốn đưa ra những nhận xét mở đầu như sau:

Nếu theo chính sách đối ngoại, chúng ta phải hiểu quy định về những mối quan hệ của một quốc gia với các nước còn lại trên thế giới, phương thức của quy định này sẽ được xác định trong một số sự việc cụ thể. Hơn nữa, với vai trò là Xã Hội Chủ Nghĩa Quốc Gia, chúng ta có thể thiết lập nguyên tắc về bản chất của chính sách đối ngoại của một nhà nước dân tộc như sau: Chính sách ngoại giao của nhà nước dân tộc phải bảo vệ sự tồn tại của chủng tộc bao gồm trong nhà nước trên hành tinh, một mặt là tạo ra mối quan hệ lành mạnh, tự nhiên giữa dân số và sự tăng trưởng của quốc gia và mặt khác số lượng và chất lượng đất đai của đất nước đó.

Chúng ta có thể coi mối quan hệ là lành mạnh chỉ khi đảm bảo điều kiện sinh tồn của một dân tộc trên mảnh đất của dân tộc đó. Mọi điều kiện khác, thậm chí nếu tồn tại hàng trăm, hàng ngàn năm, thì vẫn không lành mạnh và chẳng sớm thì muộn sẽ dẫn đến sự tổn thương nếu không có sự hủy hoại của dân tộc đang được nói đến.

Chỉ có một không gian đủ rộng trên trái đất mới đảm bảo một quốc gia tự do tồn tại. Hơn nữa, diện tích sinh sống cần thiết của lãnh thổ không thể được đánh giá trên cơ sở các yêu cầu hiện tại, thậm chí trên thực tế không phải trên cơ sở hoa lợi của đất so với dân số. Vì như tôi đã giải thích ở tập đầu, theo “Chính Sách Liên Minh Của Đức Trước Chiến Tranh” ngoài tầm quan trọng của đất như là một nguồn lương thực trực tiếp của một dân tộc, còn có một ý nghĩa khác, đó là nguồn quân sự và chính trị, phụ thuộc vào diện tích của một nhà nước. Nếu sự sinh tồn của một quốc gia được bảo đảm bởi số lượng đất đai của mình, thì quốc gia đó cũng phải có ý nghĩ tự bảo vệ đất đai hiện tại. Điều

này nằm trong sức mạnh chính trị quyền lực chung của nhà nước, mà trong phạm vi không nhỏ được quyết định bởi sự suy xét về địa lý – quân sự.

Vì vậy, nước Đức có thể bảo vệ tương lai của mình chỉ với vai trò là một cường quốc thế giới. Trong hơn hai ngàn năm qua, việc bảo vệ ít nhiều lợi ích của dân tộc chúng vì, khi chúng ta xác định hoạt động có lợi của chúng ta trong các công việc ngoại giao là lịch sử thế giới. Chính chúng ta là những người chứng kiến sự việc này: vì những cuộc đấu tranh vĩ đại của dân tộc trong những năm 1914-1918 chỉ là cuộc đấu tranh của dân tộc Đức cho tồn tại của mình trên thế giới, nhưng chúng ta đã xác định rõ loại sự kiện này là Chiến Tranh Thế Giới.

Dân tộc Đức tham gia vào cuộc chiến tranh này với vai trò như là một cường quốc trên thế giới. Tôi nói tại đây “như là” vì trên thực tế nó chẳng là gì. Nếu nước Đức năm 1914 có mối quan hệ khác giữa diện tích và dân số, nước Đức sẽ thực sự là một cường quốc trên thế giới, và cuộc Chiến Tranh, ngoài tất cả các nhân tố khác, có thể được chấm dứt một cách thuận lợi.

Nước Đức ngày nay không phải là một cường quốc trên thế giới. Thậm chí chúng ta tạm thời đã không còn bất lực về quân sự, chúng ta không còn bất kỳ đòi hỏi nào về danh hiệu đó. Sự hình thành, giống như mối quan hệ thảm hại giữa dân số với diện tích của Đế chế Đức ngày nay, có thể có ý nghĩa gì trên hành tinh này? Trong một kỷ nguyên mà trái đất đang dần bị chia cắt giữa các nhà nước một trong số những nhà nước đó gần như hoàn toàn thuộc lục địa, thì chúng ta không thể nói về một cường quốc thế giới liên quan đến sự hình thành mà đất nước lệ thuộc của cường quốc đó bị giới hạn trong một diện tích bất hợp lý là năm trăm ngàn ki-lô-mét vuông.

Xét trên quan điểm lãnh thổ đơn thuần, diện tích của đế chế Đức hoàn toàn biến mất so với diện tích của các nước được gọi là cường quốc thế giới. Đừng để ai trích dẫn nước Anh là một bằng chứng của sự trái ngược này, vì nước Anh trên thực tế chỉ là một thủ đô lớn của đế chế Anh mà gần đây chiếm một phần tư bề mặt trái đất. Ngoài ra, chúng ta phải tính đến những nhà nước khổng lồ, trước tiên là Liên hợp chủng Hoa Kỳ, rồi đến Nga và Trung Quốc. Tất cả được tồn tại trong diện tích lớn hơn mười lần đế chế Đức. Và thậm chí nước Pháp cũng được coi là một trong những nhà nước này. Nước Pháp không chỉ

ngày càng tăng cường quân đội của mình ở mức chưa từng có từ nguồn dự trữ những người da màu của thuộc nhiều đế chế của Pháp, mà còn về chủng tộc, nước Pháp đang có những tiến bộ lớn về chủng tộc da đen mà trên thực tế chúng ta hay nói về các quốc gia châu Phi đang sinh sống trên đất đai của châu Âu. Chính sách thuộc địa của nước Pháp ngày nay không thể so sánh với chính sách thuộc địa của nước Đức trong quá khứ. Nếu sự phát triển của Pháp theo kiểu hiện tại được tiếp tục trong ba trăm năm nữa, thì vết tích cuối cùng của dòng máu Frãng sẽ bao trùm ở quốc gia da trắng và da đen đang phát triển Châu Âu-Châu Phi. Một diện tích độc lập rộng lớn từ Rhine đến Công-gô, được sinh sống bởi chủng tộc thấp hơn đang dần được sản sinh từ sự lai căng liên tục.

Điều này phân biệt chính sách thuộc địa của Pháp so với chính sách thuộc địa của nước Đức cũ.

Chính sách thuộc địa của nước Đức trước đây, giống như mọi thứ chúng ta làm, đang được giảm một nửa. Nó không tăng diện tích định cư của đế chế Đức, và cũng không thực hiện bất kỳ nỗ lực nào – mặc dù đó đã là kẻ phạm tội – để thúc đẩy đế chế Đức bằng cách sử dụng dòng máu đen. Askaris ở Đông Phi Thuộc Địa Đức là một biện pháp văn tăt và không cương quyết trong xu hướng này. Thực tế họ chỉ phục vụ việc bảo vệ thuộc địa của chính họ. Ý tưởng đưa đội quân da đen vào mặt trận châu Âu, ngoài tính bất khả thi thực tế trong Chiến Tranh Thế Giới, không bao giờ tồn tại thậm chí chỉ là dự định được thực hiện trong những hoàn cảnh thuận lợi hơn, trong khi, trái lại, nó luôn được coi và cảm nhận bởi người Pháp như là một lý do cơ bản cho hoạt động thuộc địa của họ.

Vì vậy, trên thế giới ngày nay chúng ta thấy một số nhà nước hùng mạnh, một trong số nhà nước đó không chỉ vượt xa sức mạnh của nước Đức chúng ta về dân số, mà diện tích của các nhà nước đó trên hết là sự ủng hộ chính về sức mạnh chính trị. Quan hệ của đế chế Đức với các nhà nước đang tồn tại trên thế giới không bao giờ thuận lợi như thời kỳ đầu lịch sử của chúng ta cách đây hai ngàn năm và lặp lại ngày nay. Khi đó chúng ta là một dân tộc còn non trẻ, bị đẩy vào một thế giới của những nhà nước lớn dễ bị sụp đổ, tên không lồ cuối cùng của những nhà nước này, đế quốc La Mã, giúp chúng ta sụp đổ. Ngày nay

tự chúng ta tìm thấy trong một thế giới của những nhà nước lớn mạnh trong quá trình hình thành, với đế chế Đức ngày càng đắm chìm vào sự vô nghĩa.

Chúng ta phải nhớ trong đầu sự thực cay đắng này. Chúng ta phải theo đuổi và so sánh Quốc xã Đức qua nhiều thế kỷ trong mối quan hệ với các nhà nước khác về vấn đề dân số và diện tích. Tôi biết rằng mọi người khi đó sẽ đi đến một kết luận không còn minh mẫn mà tôi đã nêu ở đầu cuộc thảo luận này: nước Đức không còn là một cường quốc thế giới, bất kể nước Đức mạnh hay yếu xét trên quan điểm quân sự.

Chúng tôi đã mất toàn bộ sự cân bằng với các nước lớn khác trên trái đất và điều này chỉ do sự lãnh đạo thảm hại của đất nước chúng ta trong công việc ngoại giao, do sự thất bại hoàn toàn dưới sự dẫn dắt của cái mà tôi nên gọi là mục đích vốn có trong chính sách đối ngoại, và do sự mất bản năng tích cực và khả năng tự vệ.

Nếu phong trào Chủ Nghĩa Xã Hội Quốc Gia thực sự muốn được lịch sử tôn thờ bởi sứ mệnh vĩ đại đối với đất nước chúng ta, thì phong trào đó phải thấm nhuần tri thức và đau đớn trước tình trạng thực tế của chúng ta trên thế giới này; liệu lĩnh và ý thức được mục tiêu của mình, phong trào đó phải tiến hành cuộc chiến tranh chống lại những gì không có mục đích và không có khả năng đã dẫn dắt dân tộc Đức trong đường lối ngoại giao. Khi đó, nếu không suy xét về “truyền thống và định kiến”, phong trào Chủ Nghĩa Xã Hội Dân Tộc phải có được sự khích lệ để thu thập nhân dân và sức mạnh của họ để tiến thẳng trên con đường mà sẽ đưa dân tộc này từ không gian sống bị hạn chế hiện tại đến một vùng đất mới, và do vậy cũng sẽ giải phóng phong trào Chủ Nghĩa Xã Hội Dân Tộc khỏi nguy cơ biến mất trên trái đất hoặc bị các nước khác coi như là một quốc gia nô lệ.

Phong trào Chủ Nghĩa Xã Hội Quốc Gia phải cố gắng xóa bỏ sự mất cân bằng giữa dân số và diện tích – coi diện tích như là một nguồn thức ăn cũng như cơ sở các hoạt động chính trị mạnh mẽ – giữa quá khứ lịch sử của chúng ta và tuyệt vọng về sự bất lực hiện tại của chúng ta. Và trong vấn đề, phong trào phải nhận thức được rằng chúng ta, với tư cách là những người bảo vệ nhân loại cao nhất trên trái đất, bị ràng buộc bởi nghĩa vụ cao nhất và phong trào càng cố gắng làm cho dân tộc Đức nhận thức được chủng tộc cốt đẽ, ngoài việc nuôi

dưỡng những con chó, con ngựa, và con mèo, thì chúng sẽ có tình thương với đồng loại của chúng, thì phong trào càng có thể đáp ứng nghĩa vụ này.

Nếu tôi cho rằng chính sách của Đức ngày nay là không có mục đích và bất lực, bằng chứng cho sự khẳng định trên của tôi là sự thất bại thực tế của chính sách này. Nếu dân tộc ta đã thấp hơn về mặt tri thức hoặc hèn nhát, kết quả cuộc đấu tranh của dân tộc ta trên trái đất không thể tồi hơn những gì chúng ta đã thấy trước chúng ta ngày nay. Sự phát triển trong những thập kỷ cuối cùng trước Chiến tranh không làm chúng ta thất vọng vì lý do này; vì chúng ta không thể đo được sức mạnh của một đế chế chỉ bằng cách so sánh với các nhà nước khác. Và chính việc so sánh đã đưa ra bằng chứng rằng sự tăng cường sức mạnh của những nhà nước khác không chỉ không ngang nhau, mà còn lớn hơn về hiệu quả cuối cùng; và hậu quả là, bất chấp sự tăng cường rõ rệt về sức mạnh, con đường của nước Đức thực sự ngày càng khác nhiều so với con đường của các nhà nước khác và tụt hậu; tóm lại, sự chênh lệch về phạm vi rộng lớn sẽ tăng sự thù hận. Vâng, khi thời gian trôi qua, chúng ta ngày càng cân bằng về dân số. Nhưng kể từ khi chẳng dân tộc nào trên thế giới vượt trội dân tộc ta về chủ nghĩa anh hùng, trên thực tế, dân tộc ta đã đổ nhiều máu ở tất cả các quốc gia trên trái đất để duy trì sự tồn tại, thì sự thất bại có thể chỉ do đường lối sai lầm được đưa ra.

Nếu chúng ta đã xem xét kinh nghiệm chính trị của dân tộc ta trong hơn một ngàn năm về vấn đề này, nghĩ đến tất cả các cuộc chiến tranh và đấu tranh mà chúng ta đã trải qua, xem xét kết quả hiện tại của việc kết thúc những cuộc chiến tranh và đấu tranh đó, chúng ta sẽ buộc phải thừa nhận rằng biển máu này đã gây ra ba hiện tượng mà chúng ta được biện minh là duy trì thành quả của những hành động đã được xác định rõ ràng trong lĩnh vực ngoại giao và các hoạt động chính trị chung:

- (1) Chiếm Ostmark làm thuộc địa, được tiến hành phần lớn bởi Bavarians;
- (2) Chiếm và thâm nhập vào lãnh thổ phía đông của Elbe; và
- (3) Tổ chức những người thuộc dòng họ Hohenzollerns của nhà nước Brandenburg – Phổ như là một mô hình và hạt nhân của sự kết tinh của đế chế Đức mới.

Một cảnh báo có tính chất răn đe cho tương lai!

Hai thắng lợi lớn đầu tiên của chính sách đối ngoại vẫn còn tồn tại mãi mãi. Nếu không có hai thắng lợi đó đất nước chúng ta ngày nay sẽ không còn có tầm quan trọng. Hai thắng lợi đó là đầu tiên, nhưng thật tiếc lại là nỗ lực duy nhất để làm cho sự gia tăng dân số phù hợp với diện tích đất đai. Và điều đó phải được coi là một thảm họa thực sự mà những nhà sử học Đức chưa bao giờ có thể dự đoán chính sách hai thành tựu này mà cho đến nay là lớn nhất và có ý nghĩa nhất trong tương lai, nhưng trái lại họ đã ca ngợi mọi thứ mà họ nhận thức được, tuyên dương và khâm phục chủ nghĩa anh hùng kỳ diệu, những cuộc chiến tranh và đấu tranh mạo hiểm, thay cho việc nhận ra là hầu hết những sự kiện này không phải là quan trọng nhất đối với đường lối phát triển to lớn của đất nước.

Thắng lợi vĩ đại thứ ba về hoạt động chính trị là sự hình thành nhà nước Phổ và sự nuôi dưỡng tư tưởng nhà nước đặc biệt, cũng như bản năng tự bảo tồn và tự vệ của quân đội Đức, thích nghi với thế giới hiện đại và phù hợp với hình thức đã được tổ chức. Sự phát triển về tư tưởng chiến đấu của mỗi cá nhân trong nhiệm vụ chiến đấu của dân tộc [nghĩa vụ tòng quân] đã phát sinh từ sự hình thành nhà nước và mọi khái niệm về nhà nước. Ý nghĩa của sự phát triển này không thể đánh giá cao. Thông qua kỷ luật của tổ chức quân đội Phổ, dân tộc Đức, đã có nhiều chủ nghĩa cá nhân do sự phân chia chủng tộc, ít nhất giành lại một phần quyền hạn trong tổ chức mà họ đã mất từ lâu. Những gì mà các dân tộc khác vẫn đương đầu trong cộng đồng là bản năng cộng đồng, chúng ta, đã giành lại được ít nhất một phần cộng đồng dân tộc trong quá trình huấn luyện quân sự. Vì vậy việc xóa bỏ nghĩa vụ tòng quân thông thường – mà đối với hàng chục dân tộc khác có thể là một vấn đề không quan trọng – lại rất quan trọng đối với chúng ta. Mười thế hệ của Đức không được huấn luyện quân sự và giáo dục đúng đắn đã để lại hậu quả xấu về sự phân chia chủng tộc và do đó là sự phân chia triết học – và đất nước chúng ta sẽ thực sự mất đi những gì còn lại cuối cùng của sự tồn tại độc lập trên hành tinh này. Chỉ thông qua những con người đặc biệt, trong sự che chở của các nước khác, tinh thần Đức mới có thể đóng góp vào văn hóa, và thậm chí nguồn gốc nền văn hóa đó sẽ không được

thừa nhận. Sự phát triển văn hóa, cho đến khi tàn dư cuối cùng của dòng máu Aryan-Nordic trong chúng ta bị dơ bẩn hoặc bị hủy diệt.

Điều đáng chú ý là ý nghĩa của những thắng lợi chính trị thực sự mà dân tộc ta dành được trong các cuộc đấu tranh của mình đã kéo dài hơn một ngàn năm, lại không hiểu rõ hơn và được cảm phục bởi đối thủ của chúng ta hơn chính chúng ta. Thậm chí ngày nay chúng ta vẫn nói một cách say sưa về chủ nghĩa anh hùng mà đã cướp đi hàng triệu người mang dòng máu cao quý nhất, nhưng kết quả cuối cùng của nó thì hoàn toàn vẫn vô ích.

Sự khác biệt giữa những thắng lợi chính trị thực tế của dân tộc ta và dòng máu dân tộc cho những mục đích vô ích có tầm quan trọng lớn nhất đối với cách cư xử của chúng ta hiện tại và trong tương lai.

Dưới bất kỳ hoàn cảnh nào, Chủ Nghĩa Xã Hội Quốc Gia phải không bao giờ kết hợp với chủ nghĩa yêu nước bản thổ của thế giới tư sản hiện tại của chúng ta. Đặc biệt, cực kỳ nguy hiểm để coi những phát triển cuối cùng trước Chiến tranh là sự liên kết quá trình của chúng ta, chứ không phải là một nghĩa vụ xuất phát từ sự phát triển lịch sử của thế kỷ 19 mà đã được đặt nền tảng trong thời kỳ này. Trái lại với cách cư xử của những đại diện thời kỳ này, chúng ta lại phải tuyên bố mục đích cao nhất của tất cả chính sách đối ngoại, để biết: để cân bằng đất đai và dân số. Vâng, chúng ta chỉ có thể biết từ trước đây rằng để định ra mục đích cho hoạt động chính trị, chúng ta phải tiến hành theo hai xu hướng: Đất đai và đất trồng là mục tiêu của chính sách đối ngoại của chúng ta, và nền tảng đồng bộ mới được hình thành theo triết học là mục tiêu hoạt động chính trị trong nước.

Tôi vẫn muốn đưa ra quan điểm vắn tắt về vấn đề là trong phạm vi nào nhu cầu về đất và lãnh thổ dường như được chứng minh một cách đúng đắn. Điều này là cần thiết, vì thật đáng tiếc, thậm chí trong nhóm người được gọi là dân tộc, tất cả đã lên tiếng, cố gắng khắc phục sự bất công của năm 1918 như là mục đích của những cố gắng của nước Đức trong lĩnh vực ngoại giao, nhưng đồng thời phải thấy cần thiết để bảo đảm sự yêu thương và đồng cảm trong toàn bộ thế giới đó.

Tôi muốn đưa ra những nhận xét ban đầu như sau: Nhu cầu khôi phục lại biên giới năm 1914 là một phạm vi vô lý về mặt chính trị và hậu quả của nó là

biến nó trở thành một tội phạm. Ngoài thực tế là biên giới của đế chế Đức năm 1914 là bất kỳ điều gì ngoại trừ tính hợp lý. Vì trên thực tế những đường biên giới đó không hoàn toàn có ý nghĩa là đã bao gồm những con người quốc tịch Đức, và cũng không phải là thực tiễn quân sự. Nó không phải là kết quả của hành động chính trị quan trọng, mà là những đường biên giới tạm thời trong cuộc đấu tranh chính trị mà chẳng có kết thúc; trên thực tế, một phần là do kết quả của sự may rủi. Với quyền công bằng và trong nhiều trường hợp có nhiều quyền hơn, một số năm trong lịch sử Đức có thể được lựa chọn là điển hình, và sự khôi phục các điều kiện tại thời điểm đó được công bố là mục đích hoạt động trong công việc ngoại giao.

Yêu cầu trên là hoàn toàn phù hợp với xã hội tư sản của chúng ta, mà ở đây cũng như bất kỳ nơi nào khác không có tư tưởng chính trị sáng tạo cho tương lai, mà trên thực tế chỉ sống trong quá khứ, trong quá khứ gần nhất; vì thậm chí sự nhìn về quá khứ của họ không thể vượt quá thời đại của họ. Định luật về quán tính đã ràng buộc họ với tình thế đã rồi và làm cho họ thích nghi với bất kỳ sự thay đổi nào trong đó, nhưng nếu không tăng cường hoạt động của sự đối lập này vượt quá sức mạnh của bảo tồn. Vì vậy rõ ràng rằng tầm nhìn chính trị của những người này không vượt quá năm 1914. Bằng cách tuyên bố sự khôi phục những đường biên giới này như là mục tiêu chính trị trong hoạt động của họ, họ đang sửa đổi liên minh đồ nát của phe đối lập. Chỉ bằng cách này mới có thể giải thích được rằng tám năm sau cuộc chiến tranh thế giới trong đó các nhà nước, mà một trong đó đã có những mong muốn khác nhau, tham gia liên minh của những thắng lợi của thời kỳ này thể được duy trì ít nhiều theo một cách thức liên tục.

Toàn bộ những nhà nước này đều là những người hưởng lợi từ sự sụp đổ của Đức. Mỗi lo ngại về sức mạnh của chúng ta đã làm giảm đi sự tham lam và đồ kỵ về quyền lực to lớn và riêng rẽ giữa các nhà nước này. Bằng cách chiếm đoạt của đế chế Đức càng nhiều càng tốt, những nhà nước đó đã có được sự phòng thủ tốt nhất cho sự nổi dậy sắp tới. Một tâm hồn trong sạch và mỗi lo ngại về sức mạnh dân tộc của chúng ta vẫn là sự gấn bó lâu dài nhất để liên kết các thành viên khác nhau trong liên minh này.

Và chúng ta đã làm cho các nhà nước này toại nguyện. Bằng cách thiết lập lại đường biên giới năm 1914 như là một chương trình chính trị cho nước Đức, giai cấp tư sản của chúng ta đã làm xua đi những lo sợ của mọi nước thành viên mà không muốn liên kết với những kẻ thù của chúng ta, vì các nước đó chắc chắn sợ bị tấn công đơn lẻ và do đó mất đi sự bảo vệ của những đồng minh riêng rẽ của mình. Mỗi nhà nước đơn lẻ thường cảm thấy lo lắng và bị đe dọa bởi khẩu hiệu này.

Hơn nữa, điều này là vô nghĩa khi xét về hai khía cạnh :

- (1) vì công cụ của quyền lực không đủ để có thể đưa quyền lực từ viên
vòng vào thực tế; và 1
- (2) vì, nếu quyền lực có thể thực sự được thực thi, thì việc thực thi đó lại không mang lại kết quả to lớn đến nỗi, nhưng chỉ có Chúa mới biết, quyền lực đó sẽ không đáng để dân tộc ta đổ máu.

Vì quyền lực dường như chắc chắn sẽ bị nghi ngờ đối với bất kỳ ai mà đạt được việc thiết lập lại đường biên giới năm 1914 chỉ bằng sự đổ máu. Chỉ có đầu óc trẻ thơ và khờ dại mới có thể có ý tưởng rằng nhà nước có thể đem lại sự đúng đắn của Versailles bằng cách phỉnh nịnh và cầu xin. Ngoài thực tế rằng sự nỗ lực có thể là một yếu tố để trở thành con người nhiều tài năng như Talleyrand, những tài năng mà chúng ta không có. Một nửa những nhân vật chính trị của chúng ta gồm những phần tử cực kỳ khôn ngoan, nhưng lại nhu nhược và những phần tử đó bắt đầu thù địch với đất nước, trong khi những nhân vật còn lại bao gồm những phần tử có bản chất tốt, vô tư và có đầu óc thoải mái. Hơn nữa, thời thế đã thay đổi kể từ Hội Nghị Viên: Ngày nay, không phải là những hoàng tử hoặc công chúa tranh cãi và thỏa thuận về biên giới của nhà nước; chính người Do Thái kiên cường đã đấu tranh giành lại sự thống trị của mình đối với các quốc gia. Không quốc gia nào có thể chặt bỏ được cánh tay khỏi cổ của mình trừ khi có thanh gươm. Chỉ có sức mạnh đồng tâm và hợp lực về tình yêu đất nước cùng với sự bền bỉ mới có thể bất chấp chế độ nô dịch của các dân tộc trên thế giới. Quá trình đó đã và vẫn còn là một quá trình đẫm máu.

Tuy nhiên, nếu chúng ta có niềm tin rằng tương lai của nước Đức, bất kể những gì xảy ra, đòi hỏi sự hy sinh cao cả, ngoài tất cả các suy xét về tính thiết

thực chính trị như vậy, chúng ta phải đề ra một mục đích xứng đáng với sự hy sinh này và đấu tranh vì mục đích đó.

Những đường biên giới của năm 1914 chẳng có ý nghĩa gì đối với tương lai của nước Đức. Những đường biên giới đó không bảo vệ được quá khứ, và cũng không chứa đựng bất kỳ sức mạnh nào cho tương lai. Thông qua các đường biên giới này, nước Đức sẽ không đạt được sự toàn vẹn bên trong cũng như không bảo vệ an toàn phương tiện sinh sống của mình, hoặc những đường biên giới này, nhìn từ quan điểm quân sự, dường như không thích hợp hoặc thậm chí không thỏa mãn, hoặc cuối cùng những đường biên giới không thể cải thiện được quan hệ mà hiện nay chính chúng ta thấy được với các cường quốc khác trên thế giới, hoặc theo cách diễn đạt hay hơn, là cường quốc thực sự trên thế giới. Sự tụt hậu sẽ không bắt kịp được với nước Anh, sự lớn mạnh của Liên Minh sẽ không đạt được; thậm chí Pháp không bị giảm đáng kể tầm quan trọng chính trị trên thế giới.

Chỉ một điều chắc chắn là: ngay cả với một kết quả thuận lợi, thì sự nỗ lực khôi phục lại đường biên giới năm 1914 sẽ dẫn đến sự đổ máu nhiều hơn nữa của những con người trên khắp đất nước của chúng ta, nhiều đến nỗi máu không còn giá trị để đi đến quyết định và hành động thực sự để bảo đảm tương lai của đất nước. Trái lại, say sưa với thắng lợi hời hợt, chúng ta nên từ bỏ bất kỳ mục tiêu nào xa hơn, càng nhiều “vinh danh quốc gia” được hồi phục một cách dễ dàng và, ít nhất tại thời điểm này, một vài cánh cửa đã được mở lại cho sự phát triển thương mại.

Trái ngược với điều này, chúng ta, Những Người Theo Chủ Nghĩa Xã Hội Quốc Gia phải quyết tâm giữ mục tiêu của chúng ta trong chính sách ngoại giao, cụ thể là, bảo đảm cho dân tộc Đức đất đai mà họ có quyền được hưởng trên trái đất này. Và hành động này chỉ là một hành động mà, trước Chúa và con cháu sau này của nước Đức chúng ta, sẽ làm cho sự hy sinh máu thịt đó được minh chứng: trước Chúa, vì chúng ta đã sinh ra trên trái đất này với sứ mệnh của cuộc đấu tranh bất diệt vì miếng ăn hàng ngày của chúng ta, con người không được ban tặng một thứ gì, và những người có được địa vị là những vị chúa của trái đất chỉ do tài năng và lòng dũng cảm mà họ có thể trình phục và bảo vệ trái đất; và trước con cháu sau này của nước Đức đến nay, chúng ta đã

không phải đổ máu của người dân trong đó hàng ngàn người khác không truyền lại cho con cháu sau này. Một ngày nào đó, đất đai mà những thế hệ nông dân Đức có thể sinh ra những đứa con trai hùng mạnh trên đó sẽ khuyến khích việc đầu tư của những đứa con trai ngày nay, và một ngày nào đó những chính khách sẽ làm tròn trách nhiệm đối với tội ác đầm máu và sự hy sinh của dân tộc, ngay cả khi họ bị ngược đãi bởi những người đương thời.



Ảnh minh họa.

Và tôi phải tấn công mạnh vào những người công kích cây bút truyền thống này, những người cho rằng việc chiếm đất đai là vi phạm quyền thiêng liêng của con người và công kích việc chiếm đất đó trong những tác phẩm của họ. Mọi người không bao giờ biết ai là người đứng sau những cây bút này. Nhưng có một điều chắc chắn rằng sự nhầm lẫn mà họ tạo ra là do mong muốn và phù hợp với kẻ thù của đất nước chúng ta. Với quan điểm như vậy, họ góp phần làm suy yếu và làm tiêu tan ý chí của dân tộc chúng ta vì cách bảo vệ các nhu cầu thiết yếu đúng đắn duy nhất của họ. Vì không có dân tộc nào trên trái đất có sức mạnh của ý chí hoặc quyền tối cao nhiều bằng diện tích lãnh thổ.

Nhưng đường biên giới của Đức chỉ là đường biên giới tự nhiên, đường biên giới tạm thời trong cuộc đấu tranh chính trị hiện tại ở bất kỳ thời kỳ nào, và cũng là ranh giới diện tích đất sinh hoạt của các quốc gia khác. Và đúng như hình dạng của chiếc Lò Nung trái đất của chúng ta dường như không thể biến đổi được như đá granit đối với những người khờ khạo thiếu suy nghĩ, nhưng thực tế chỉ thể hiện một sự gián đoạn rõ ràng trong một sự phát triển liên tục cho mỗi thời kỳ, được tạo ra bởi những thế lực Tự Nhiên hùng mạnh trong một quá trình phát triển liên tục, sẽ chỉ được chuyển hóa hoặc tiêu hủy ngày mai bởi những thế lực lớn hơn, giống như ranh giới diện tích đất sinh hoạt trong đời sống của các quốc gia.

Con người thiết lập và thay đổi ranh giới của Nhà nước.

Thực tế là một quốc gia đã chiếm được một lượng lớn đất đai thì không có nghĩa vụ nào cao hơn mà quốc gia đó được công nhận vĩnh viễn. Trên hết, quốc gia đó đã chứng tỏ được sức mạnh của những người chinh phục và điểm yếu của các quốc gia. Và trong trường hợp này, quyền lợi thuộc về sức mạnh này. Nếu nước Đức ngày nay, được khoanh lại thành một khu vực không thể vào được, phải đối mặt với một tương lai thảm hại, điều này không phải lệnh của Thần Mệnh mà là sự nổi loạn chống lại nhà nước về những vấn đề tạo thành một sự sỉ nhục đối với Thần Mệnh. Nhiều quyền lực cao hơn không có không hứa hẹn với một quốc gia là nhiều lãnh thổ hơn nước Đức, hoặc bị xâm phạm bởi việc phân bố đất đai không công bằng. Tổ tiên của chúng ta không phải nhận được đất đai mà ngày nay chúng ta đang sống trên mảnh đất đó như một sự ban tặng của Thượng Đế, nhưng đã phải đấu tranh vì đất đai mặc dù có nguy hiểm đến tính mạng, trong tương lai, sự độ lượng truyền thống sẽ không giành được đất đai cho chúng ta và do đó cuộc sống của người dân chúng ta, nhưng chỉ là sức mạnh của một cuộc chiến tranh thắng lợi. Giống như ngày nay tất cả chúng ta công nhận tính tất yếu của việc tính toán với Pháp, đó là điều không có giá trị về lâu dài nếu nó thể hiện toàn bộ mục tiêu của chúng ta trong chính sách đối ngoại. Điều này có thể và sẽ đạt được ý nghĩa chỉ khi nó có được sự bao bọc phía sau để mở rộng không gian sống của dân tộc chúng ta tại châu Âu. Vì đó không phải là sự chiếm thuộc địa mà chúng ta phải thấy giải pháp của vấn đề này, nhưng việc chiếm độc quyền của một lãnh thổ để định cư, và sẽ mở rộng

diện tích của đất nước, và do đó không chỉ giữ được những người định cư mới trong một cộng đồng thân thiện nhất với mảnh đất của nguồn gốc của họ, nhưng bảo đảm những lợi thế cho toàn bộ diện tích nằm trong sự mở rộng thống nhất.

Phong trào dân tộc không phải là những chiến binh của các dân tộc khác, mà là những chiến binh tiên phong của phong trào đó. Nếu không phong trào đó là không cần thiết và trên hết là không có quyền để than phiền về quá khứ. Vì trong trường hợp này, nó đang được diễn ra theo cách tương tự chính xác. Chính sách trong quá khứ của Đức đã được xác định sai lầm bởi sự suy xét của triều đại, và chính sách tương lai phải không được chỉ đạo bởi những kẻ ngu ngốc trên thế giới. Đặc biệt, chúng tôi không phải là những cảnh sát bảo vệ “các quốc gia bé nhỏ tội nghiệp”, được biết đến mà là những người lính của đất nước chúng tôi.

Nhưng chúng ta, những người Chủ Nghĩa Xã Hội Quốc Gia phải đi xa hơn. Quyền sở hữu đất đai có thể trở thành một nhiệm vụ nếu không có sự mở rộng đất đai của mình, một quốc gia lớn dường như phải chịu sự hủy diệt. Và đặc biệt nhất là khi không phải một số dân tộc da đen nhỏ bé hoặc dân tộc khác có quan tâm, nhưng nguồn gốc cuộc sống của Đức mà đã tạo ra hình ảnh văn hóa thế giới ngày nay. Đức sẽ là một cường quốc thế giới hoặc sẽ không có nước Đức. Và đối với cường quốc thế giới nước Đức cần có sự rộng lớn để có được vị thế mà nước Đức cần trong thời kỳ hiện tại, và cuộc sống cho các công dân của nước Đức.

CHƯƠNG 14.1: TẦM QUAN TRỌNG CỦA LIÊN MINH VỀ MẶT QUÂN SỰ

Và, vì vậy, chúng ta, những người Chủ Nghĩa Xã Hội Quốc Gia chú trọng đến chính sách đối ngoại trong thời kỳ tiền Chiến của chúng ta. Chúng ta đến những nơi mà chúng ta đã từ bỏ sáu trăm năm trước đây. Chúng ta ngăn chặn sự di chuyển bất tận của Đức về phía nam và phía tây, và hướng sự chú ý của chúng ta đến những miền đất ở phía đông. Cuối cùng, chúng ta phá vỡ chính sách thuộc địa và thương mại của thời kỳ tiền Chiến và chuyển đổi thành chính sách đất đai trong tương lai.

Nếu chúng ta nói về đất đai ở châu Âu ngày nay, chúng ta chủ yếu chỉ có thể nhớ đến nước Nga và những nhà nước lệ thuộc sát biên giới của nước này.



Ảnh minh họa.

Chính Thần Mệnh ở đây dường như muốn đưa cho chúng ta một dấu hiệu. Bằng cách giao Phở cho Bôn-xê-vích, Thần Mệnh đã cướp đi của đất nước Nga giới trí thức mà trước đây đã mang lại và bảo đảm sự tồn tại của nó như là một nhà nước. Vì việc tạo thành một hệ thống tổ chức nhà nước Nga không phải là kết quả của khả năng chính trị của Slavs ở Nga, nhưng chỉ có một hình mẫu tuyệt vời về sự hình thành nhà nước của các phần tử của Đức trong một cuộc chạy đua kém hơn. Nhiều đế quốc hùng mạnh trên trái đất đã được tạo ra bằng cách này. Những quốc gia thấp hơn được dẫn dắt bởi những người tổ chức và những chúa tể của Đức đã hơn một lần phát triển thành nhà nước hùng mạnh và đã tồn tại với điều kiện là những hạt nhân chủng tộc của chủng tộc nhà nước sáng tạo duy trì chính chủng tộc ấy. Trong nhiều thế kỷ, Nga đã hút hết chất dinh dưỡng từ những hạt nhân của tầng lớp đứng đầu của Đức. Ngày nay, tầng lớp này có thể được coi là gần như hoàn toàn bị tiêu diệt và hủy bỏ. Nó đã được thay thế bằng Người Do Thái. Đó là điều không thể chính nước Nga đã tự thoát khỏi ách áp bức của Người Do Thái bằng nguồn lực của chính mình, Người Do Thái không thể duy trì đế quốc hùng mạnh mãi mãi. Chính Người Do Thái

không phải là phần tử của tổ chức, nhưng là chất men để phân hủy. Đế chế Ba Tư (Bản xuất bản lần hai có “người khổng lồ” thay thế Ba Tư) ở phía đông đã chín muồi cho sự sụp đổ. Và sự chấm dứt việc cai trị của Người Do Thái ở Nga cũng sẽ là sự chấm dứt của Nga như là một nhà nước. Chúng ta đã được Thần Mệnh lựa chọn như là người chứng kiến thảm họa và sẽ là sự khẳng định mạnh mẽ nhất tính hợp lý của thuyết dân tộc.

Nhiệm vụ của chúng ta, sứ mệnh của phong trào Xã Hội Chủ Nghĩa Quốc Gia là mang lại cho người dân của chúng ta sự hiểu biết chính trị để họ sẽ không thấy được mục tiêu của họ cho tương lai trong một cảm giác nín thở về một cuộc chinh phục của Alexander mới, nhưng với công việc của cái cày Đức siêng năng mà chỉ cần cày lưỡi xuống đất.

Không cần phải nói rằng người Do Thái tuyên bố chống lại mạnh mẽ nhất chính sách này. Hơn ai hết, họ ý thức được tầm quan trọng của hành động này cho tương lai của chính họ. Chính thực tế dạy cho tất cả con người thực sự có tư tưởng quốc gia về sự đúng đắn của việc định hướng lại này. Thật không may, trường hợp này lại trái ngược. Không chỉ trong giới Quốc Xã Đức, mà ngay cả trong giới “dân tộc”, tư tưởng về chính sách phương đông bị công kích kịch liệt, và hầu hết trong các vấn đề như vậy, họ khiêu nại đến cấp có thẩm quyền cao hơn. Tinh thần của Bismarck đã được trích dẫn để bao hàm một chính sách mà không có giá trị vì chính sách đó là không thể và ở mức độ cao nhất là có hại đối với nước Đức. Bismarck trong thời đại của mình, họ nói, luôn đánh giá cao mối quan hệ tốt đẹp với Nga. Điều này, trong một phạm vi nhất định, là đúng. Nhưng họ quên đề cập rằng ông chỉ đánh giá cao mối quan hệ tốt đẹp với Ý, ví dụ, trên thực tế, giống như Herr von Bismarck đã từng kết liên minh với Ý để thôn tính Áo dễ dàng hơn. Khi đó, tại sao họ không tiếp tục chính sách này? Vì nước Ý ngày nay không phải là nước Ý của những ngày này, họ sẽ nói. Rất tốt. Nhưng sau đó, thưa ngài, ngài sẽ cho phép phản đối rằng nước Nga ngày nay cũng không phải là nước Nga của những ngày này chứ? Bismarck không bao giờ có tư tưởng đặt quá trình chính trị một cách chiến thuật và lý thuyết cho mọi thời đại. Về phương diện này, ông đã quá chủ động để trói buộc tay của mình theo cách như vậy. Vì thế câu hỏi, hầu hết không không phải là: Bismarsk đã làm gì ở thời đại của ông? Mà là: ông sẽ làm gì ngày nay? Và câu hỏi này dễ trả

lời hơn. Với sự tinh thông về chính trị của mình, ông sẽ không bao giờ tự liên minh với một nhà nước mà sẽ bị tiêu diệt.

Hơn nữa, thậm chí Bismarck sau đó đã xem xét chính sách thuộc địa và thương mại của Đức với những cảm xúc lẫn lộn, vì trong thời điểm ông chỉ quan tâm tới phương pháp chắc chắn nhất để củng cố nội bộ tổ chức nhà nước mà ông đã tạo ra. Và đây chỉ là lý do tại sao vào thời điểm đó ông đã hoan nghênh sự che chở phía sau của Nga, mà đã đưa cho ông một cánh tay tự do ở phương tây. Nhưng cái có lợi cho Đức khi đó thì ngày nay lại là bất lợi.

Đầu năm 1920-1921, khi các phong trào Chủ Nghĩa Xã Hội Quốc Gia non trẻ bắt đầu từ từ mọc lên ở phía chân trời chính trị, và ở đâu đó được gọi là phong trào tự do Đức, đang được tiếp cận bằng phương hướng khác nhau nhằm nỗ lực tạo ra sự liên kết giữa đảng và các phong trào tự do ở các nước khác. Điều này là trong đường lối của Liên Minh Các Quốc Gia Bị Áp Bức/ được tuyên truyền nhiều. Tham gia chủ yếu là những đại diện của các nhà nước các Balkan khác nhau, và một số đại diện từ Ai Cập và Ấn Độ, những đại diện này là các cá nhân luôn gây ấn tượng cho tôi như là những người hay ba hoa mà không có bất kỳ kinh nghiệm thực tế. Nhưng không có một vài người Đức, đặc biệt là trong các phe chủ nghĩa dân tộc, những người đã để cho mình bị lừa mất bởi những Người Phương Đông tự mãn và dễ dàng chấp nhận bất kỳ học sinh Ấn Độ hay Ai Cập cổ từ Thiên Chúa biết như là một ‘đại diện’ của Ấn Độ hay Ai Cập. Những người này không bao giờ nhận ra rằng họ thường giao dịch với những người đã hoàn toàn không có gì đằng sau họ, và trên hết không được ai uỷ quyền để ký kết bất kỳ hiệp ước với bất kỳ ai, vì vậy mà kết quả thực tế của bất kỳ mối quan hệ nào với các phần tử này là con số không, trừ khi thời gian lãng phí đã được ghi nhận như là một sự mất mát đặc biệt. Tôi luôn chống lại những nỗ lực như vậy. Tôi không chỉ có những điều tốt đẹp hơn để làm hơn là loanh quanh vài tuần ở những hội nghị vô ích mà còn ngay cả khi những người này là những người đại diện được uỷ quyền của các quốc gia này, tôi coi toàn bộ công việc là vô ích, trên thực tế, là có hại.

Ngay cả trong thời bình, điều nguy hiểm là chính sách liên minh của Đức, vì sự theo đuổi bất kỳ mục đích nào của riêng chúng ta, đã dẫn đến một liên minh phòng thủ của các quốc gia cổ đại, bị loại bỏ bởi lịch sử thế giới. Liên

minh với Áo cũng như Thổ Nhĩ Kỳ không có gì để viện lý lẽ bênh vực cho họ. Trong khi những nhà nước lớn nhất của quân đội và công nghiệp trên trái đất tập hợp thành một liên minh tích cực, thì chúng ta lại tập hợp một số nhà nước lỗi thời và không có năng lực và với đồng rác mục nát được tạo ra nhằm đối mặt với một liên minh tích cực trên thế giới. Đức đã nhận được sự giải thích gay gắt cho sai lầm này trong chính sách đối ngoại. Nhưng sự giải thích này dường như không đủ gay gắt để ngăn chặn những người suốt đời viển vông phạm phải những sai lầm tương tự. Vì những nỗ lực để làm tiêu tan những chiến thắng to lớn thông qua ‘liên minh các Quốc Gia Bị Áp Bức’ không chỉ là vô lý, mà còn là thảm họa. Đó là thảm họa vì nỗ lực đó đã làm cho con người chúng ta không chú ý đến khả năng thực tiễn, làm cho họ chỉ luôn tự tưởng tượng, nhưng lại hy vọng và ảo tưởng vô ích. Nước Đức ngày nay thực sự giống như một người sắp chết đuối vớ được cọc rơm. Và điều này có thể áp dụng ngay cả với những người được giáo dục rất tốt. Nếu bất kỳ bóng ma của niềm hy vọng, tuy nhiên không có trên thực tế, xuất hiện tại bất cứ nơi nào, những người này phải chạy thật nhanh, đuổi theo bóng ma đó. Liệu đó có phải là Liên Minh Các Quốc Gia Bị Áp Bức, Hội Quốc Liên, hay bất kỳ phát minh mới lập đi nào, điều này chắc chắn sẽ được hàng ngàn người cả tin.

Tôi vẫn còn nhớ những hy vọng, như một đứa trẻ con không hiểu biết gì, bỗng nhiên xuất hiện trong công chúng trong những năm 1920-1921, với ý nghĩa là cường quốc Anh sắp sụp đổ ở Ấn Độ. Một số kẻ lừa bịp ở châu Á, vì tất cả những gì tôi quan tâm là họ là “những người chiến đấu cho tự do của Ấn Độ, thực sự, những người tại thời điểm đó đang lang thang khắp châu Âu, xoay xở để làm cho những người hoàn toàn phù hợp tin vào định kiến rằng Đế quốc Anh, có căn cứ tại Ấn Độ, sắp sụp đổ tại chính điểm đó. Tất nhiên, tư tưởng đó không bao giờ có trong đầu của họ mà ở đây một lần nữa ước muốn của họ là người cha duy nhất của tất cả những suy nghĩ của họ. Những hy vọng của chính họ không thống nhất. Vì bằng cách hy vọng vào sự kết thúc của Đế quốc Anh để kéo theo sự sụp đổ của thực dân Anh ở Ấn Độ, họ tự thừa nhận rằng Ấn Độ là hết sức quan trọng đối với Anh.

Tuy nhiên, có thể là vấn đề cực kỳ quan trọng này không phải là một điều hoàn toàn bí mật chỉ được những nhà tiên tri cổ của Đức biết đến; có lẽ vấn đề

này cũng được những người lèo lái số phận của nước Anh biết đến. Thực sự ngớ ngẩn để cho rằng những con người ở Anh không thể dự tính chính xác được tầm quan trọng của Đế quốc Ấn Độ đối với khối liên hiệp Anh. Và nếu có ai tưởng tượng rằng Anh sẽ để cho Ấn Độ đi mà không nhỏ giọt máu cuối cùng của mình, đó chỉ là một dấu hiệu xin lỗi về sự thất bại hoàn toàn từ cuộc Chiến tranh Thế giới, và về sự sai lầm và thiếu hiểu biết về hoàn cảnh quyết định của Anglo-Saxon.

Hơn nữa, đó là bằng chứng của sự thiếu hiểu biết của người Đức về toàn bộ phương pháp thâm nhập và thống trị của Anh đối với đế quốc này. Anh sẽ mất Ấn Độ nếu bộ máy thống trị của Anh là nạn nhân của sự phân biệt chủng tộc (mà tại thời điểm này hoàn toàn không phải là một vấn đề ở Ấn Độ) hoặc nếu Anh bị thua dưới thanh kiếm của kẻ thù hùng mẽ. Tuy nhiên, những người kích động Ấn Độ sẽ không bao giờ đạt được điều này. Thật khó để thắng được nước Anh, chúng ta, những người Đức đã nhận biết rất rõ điều này. Ngoài thực tế là tôi, là một con người mang dòng máu Đức, bất chấp mọi thứ, thù nhìn thấy Ấn Độ dưới ách cai trị của Anh còn hơn dưới ách cai trị của bất kỳ nước nào khác.

Thật đáng tiếc là những hy vọng về bất kỳ cuộc nổi dậy mang tính thần thoại nào tại Ai Cập. Chiến tranh Goly có thể làm cho những người Đức chơi Schafkopf thay đổi suy nghĩ rằng hiện nay có lẽ những người khác đã sẵn sàng đổ máu vì chúng ta – vì sự suy đoán hèn nhát này, vì sự thật luôn là người cha im lặng của tất cả các hy vọng; trên thực tế điều này sẽ đi đến một kết thúc thê thảm dưới sự bắn phá của những đội súng máy của Anh và tiếng gào thét của bom bi.

Đương nhiên là liên minh của những người tàn tật không thể áp đảo được một nhà nước hùng mạnh mà đã quyết tâm hy sinh giọt máu cuối cùng của mình cho sự tồn tại của đất nước nếu cần thiết. Là một con người của quần chúng, những người đề cao giá trị của con trên một cơ sở chủng tộc, những kiến thức về của sự tự ti chủng tộc của ‘các quốc gia được gọi là bị áp bức’ này đã ngăn cản tôi liên kết số mệnh của dân tộc tôi với dân tộc của họ.

Và ngày nay chúng ta phải có cùng quan điểm đối với nước Nga. Nước Nga ngày nay, đã loại bỏ tầng lớp thượng lưu Đức, ngoài mục đích của chủ

nhân mới của mình, thì không phải là đồng minh cho cuộc chiến dành tự do của nước Đức. Xét về quan điểm quân sự thuần túy, những mối quan hệ đơn giản sẽ là thảm họa trong trường hợp xảy ra chiến tranh giữa Đức, Nga và Tây Âu, và có lẽ đối với tất cả các nước còn lại trên thế giới. Cuộc đấu tranh sẽ diễn ra, không phải trên đất của người Nga, mà trên đất của người Đức, và nước Đức sẽ không thể có được sự ủng hộ tích cực của nước Nga. Các công cụ quyền lực của Đức Quốc Xã hiện nay thậm hại và vô ích đối với một cuộc chiến tranh ngoại quốc đến nỗi không bảo vệ được biên giới của chúng ta khỏi Tây Âu, bao gồm cả Anh, và đặc biệt là vùng công nghiệp của Đức sẽ phải đương đầu với vũ khí tập trung của kẻ thù của chúng ta. Một thực tế nữa là giữa Đức và Nga là nhà nước Ba Lan, hoàn toàn nằm trong tay người Pháp. Trong trường hợp của chiến tranh xảy ra giữa Đức, Nga và Tây Âu, trước tiên Nga sẽ phải chinh phục Ba Lan trước khi binh lính đầu tiên có thể được phái đến mặt trận phía Tây. Nhưng đó không phải là vấn đề binh lính cũng không là vấn đề vũ khí trang bị kỹ thuật. Về mặt này, tình hình Chiến tranh Thế giới sẽ lặp lại chính nó, chỉ có điều là khủng khiếp hơn nhiều. Chính ngành công nghiệp của Đức khi đó đã được tập trung cho những nước đồng minh vĩnh quang của chúng ta, và, về mặt kỹ thuật mà nói, Đức đã phải chiến đấu một mình chống lại cuộc chiến tranh, tương tự trong cuộc đấu tranh này, Nga sẽ hoàn toàn lỗi thời với yếu tố kỹ thuật. Trên thực tế, chúng tôi có thể chẳng có gì để phản đối giá trị của sự cơ giới hóa tổng thể mà sẽ được thể hiện một cách áp đảo và dứt khoát trong cuộc chiến tranh tiếp theo. Vì nước Đức không những vẫn còn ở trong tình trạng lạc hậu đáng hổ thẹn trong lĩnh vực, và ngay cả ngày nay nước Đức không thể có một nhà máy có khả năng sản xuất một chiếc xe có động cơ thực sự chạy được. Vì vậy, một cuộc chiến tranh như vậy sẽ mang đặc điểm của một vụ thảm sát thông thường. Thanh niên Đức sẽ bị đổ máu thậm chí nhiều hơn trước đây, vì thông thường gánh nặng của cuộc chiến đấu sẽ chỉ đặt lên vai chúng ta, và kết quả sẽ là không thể tránh khỏi thất bại.

Nhưng thậm chí giả sử là một điều kỳ diệu xảy ra và cuộc đấu tranh đó không kết thúc với sự hủy diệt hoàn toàn của Đức, thì kết quả cuối cùng sẽ chỉ là nước Đức sẽ bị kiệt quệ, và sẽ vẫn như trước khi bị bao vây bởi những nhà nước quân sự lớn và do vậy không còn cách nào khác, tình hình thực tế của

nước Đức đã thay đổi. Đừng để ai cho rằng khi chấm dứt liên minh với Nga, chúng ta không cần phải nghĩ ngay đến chiến tranh, hoặc, nếu chúng ta đã nghĩ như vậy, thì chúng ta phải chuẩn bị kỹ lưỡng cho cuộc chiến tranh. Một liên minh mà mục đích của nó không bao gồm kế hoạch cho cuộc chiến tranh thì vô ích và không có giá trị. Liên minh là để chấm dứt cuộc đấu tranh. Và thậm chí nếu cuộc xung đột sẽ không bao giờ chấm dứt tại thời điểm khi hiệp định được ký kết, triển vọng triển khai quân sự dù sao vẫn là nguyên nhân của nó. Và không thể tưởng tượng rằng bất kỳ quyền lực nào cũng sẽ giải thích được ý nghĩa của liên minh dưới bất kỳ hình thức nào khác. Liên minh Nga-Đức sẽ vẫn chỉ là trên giấy, hoặc sẽ được biến đổi từ lá thư của hiệp ước thành thực tế – và các nước còn lại trên thế giới sẽ được cảnh báo. Thật ngây thơ khi cho rằng trong trường hợp như vậy Anh và Pháp sẽ chờ đợi một thập kỷ để liên minh Nga-Đức hoàn tất việc chuẩn bị kỹ thuật của mình. Không, cơn bão sẽ tràn qua Đức nhanh như tốc độ của tia sét.

Và như vậy sự thực là việc ký kết liên minh với Nga biểu hiện một kế hoạch của cuộc chiến tranh tiếp theo. Kết quả của cuộc chiến tranh đó sẽ là sự kết thúc của Đức. Trên hết, có những vấn đề sau:

1. Những kẻ thống trị nước Nga hiện nay không có ý tưởng gia nhập liên minh, hãy chỉ quan sát một ví dụ:

Không bao giờ quên rằng những kẻ thống trị nước Nga ngày nay là những tên tội phạm đẫm máu; rằng họ là những căn bã của nhân loại, lợi dụng tình thế đã tàn phá thảm hại một nhà nước lớn chỉ trong một giờ đồng hồ, tàn sát và tiêu diệt hàng ngàn trí thức hàng đầu của nước Nga một cách khát máu man rợ, và bây giờ gần mười năm vẫn tiếp tục chế độ tàn ác và bạo ngược nhất mọi thời đại. Hơn nữa, đừng quên rằng những kẻ cai trị này thuộc một chủng tộc mà biết kết hợp rất tốt hành động tàn ác và sự tài đối trá phi thường, và chủng tộc đó hơn bao giờ hết ngày nay ý thức được sứ mệnh tiến hành cuộc đàn áp đẫm máu đối với toàn thế giới. Đừng quên rằng Người Do Thái quốc tế, những người hoàn toàn thống trị nước Nga ngày nay coi nước Đức, không phải là một đồng minh, mà là một nhà nước có số phận tương tự. Và bạn không ký kết hiệp ước với bất kỳ ai chỉ quan tâm đến việc phá hoại đối tác của mình. Trên tất cả, bạn đừng đưa cho họ những yếu tố mà đối với họ không hiệp ước nào là quan trọng,

vì họ không sống trong thế giới này với tư cách là những đại diện cho danh dự và tính chân thành, mà là những vô địch của sự lừa gạt, dối trá, trộm cắp, cướp bóc và chiếm đoạt. Nếu một người tin rằng mình có thể sống được ở một nơi đầy ký sinh trùng, thì người đó giống như một cái cây đang cố gắng bám vào một cây tầm gửi cho lợi ích của chính mình.

2. Mỗi nguy hiểm mà Nga phải đương đầu là sự hiện diện của Đức. Chỉ có một gã tư sản khờ khạo mới có thể tưởng tượng rằng Bolshevism đã bị xua đuổi. Với cách nghĩ nông cạn của mình, gã tư sản đó không có tư tưởng rằng đây là một quá trình theo bản năng, đó là, sự phấn đấu của những người Do Thái để thống trị thế giới, một quá trình tự nhiên giống như ham muốn của Anglo-Saxon để dành lấy sự thống trị trên trái đất. Và Anglo-Saxon theo đuổi quá trình này theo cách riêng và tiếp tục đấu tranh bằng những vũ khí của mình giống như Người Do Thái. Gã đi theo con đường của mình, con đường nham hiểm trong trong số các quốc gia và nham chán từ bên trong, và ông đã chiến đấu với vũ khí của mình, với dối trá và vu khống, chất độc và tham nhũng, đẩy mạnh cuộc đấu tranh đến đẫm máu diệt kẻ thù ghét mình.

Trong chủ nghĩa Bôn-xê-vích Nga, chúng ta phải nhận thấy những nỗ lực của người Do Thái trong thế kỷ 20 để đạt được sự thống trị thế giới. Cũng như trong những kỷ nguyên khác, họ cố gắng để đạt được mục tiêu đó bằng những cách khác, mặc dù các cách đó có liên quan từ bên trong. Nỗ lực của họ bắt nguồn từ nhu cầu thiết yếu của họ. Không quốc gia nào từ chối ý định theo đuổi ham muốn mở rộng quyền lực của mình và cách sống, nhưng bị bắt buộc bởi hoàn cảnh bên ngoài hoặc bất lực do các triệu chứng của tuổi già, có phải Người Do Thái các chia cắt con đường đến với chế độ độc tài trên thế giới của mình không phải do sự từ bỏ tự nguyện, hoặc vì họ kìm nén ham muốn của mình. Người Do Thái sẽ bị chính các thế lực bên ngoài đẩy lùi tiến trình của họ, hoặc mọi nỗ lực để thống trị thế giới sẽ được kết thúc bằng cái chết từ từ. Nhưng sự bất lực và cái chết do tuổi già của các quốc gia đó đều phát sinh từ sự lãng phí dòng máu tinh khiết của họ. Và đây là một điều mà Người Do Thái giữ gìn tốt hơn so với bất kỳ dân tộc nào khác trên trái đất. Và vì thế Người Do Thái tiến thẳng trên đường đầy nguy hiểm của mình cho đến khi có một thế lực xuất hiện

để chống lại họ, và trong một cuộc đấu tranh quyết liệt đã ném các chiến binh thiên thần trở lại với Lucifer.

Nước Đức ngày nay là mục tiêu của một cuộc chiến tranh vĩ đại kế tiếp của Bôn-xê-vích. Cuộc chiến tranh đó đòi mọi nguồn ý tưởng truyền giáo của tuổi trẻ để nâng cao dân tộc chúng ta lên một lần nữa, để giải thoát dân tộc khỏi cam bẫy của những con quỷ trên thế giới, và để ngăn chặn sự ô nhiễm dòng máu của chúng ta, để các thế lực của đất nước tự do có thể bảo vệ đất nước của chúng ta, và do đó có thể ngăn chặn một lặp lại thảm họa gần đây giáng xuống chúng ta trong tương lai. Nếu chúng ta theo đuổi mục tiêu này, thì đó là hành động hoàn toàn điên rồ để chúng ta tự gắn bó với quyền lực mà người nắm quyền lực đó là kẻ thù tương lai của chúng ta. Làm thế nào để chúng ta có thể hy vọng giải thoát dân tộc ta khỏi những kiềng xích nếu chúng ta cũng bị mắc vào kiềng xích đó? Chúng ta sẽ giải thích cho công nhân Đức về chủ nghĩa Bôn-xê vích như là một tội ác ghê tởm chống lại nhân loại nếu chúng ta từ liên kết với các tổ chức này sinh ra địa ngục này, do đó công nhận nó theo nghĩa lớn hơn? Chúng tôi có quyền gì để lên án một thành viên trong đại đa số dân chúng vì sự đồng cảm của thành viên đó với quan điểm nếu chính các nhà lãnh đạo của nhà nước chọn người đại diện cho quan điểm này đối với các đồng minh?

Cuộc chiến chống Bôn-xê-vích trong thế giới Do Thái đòi hỏi một thái độ rõ ràng đối với Xô viết Nga. Bạn sẽ không thể người không xua đuổi ma bằng Quỷ sa tăng.

Thậm chí, nếu ngày nay dân chúng nói về liên minh với Nga, họ chỉ cần nhìn suy xét họ về nước Đức và nhận thấy sự ủng hộ của Đức mà họ nhận được trong các nỗ lực của mình. Hoặc liệu con người của dân chúng gần đây bắt đầu coi hoạt động như là lợi ích đối với dân tộc Đức được khuyến khích và phát huy bởi sự thúc ép của chủ nghĩa Mác-xít trên thế giới? Vì khi nào con người chiến đấu với những áo giáp được cung cấp bởi các chiến binh Do Thái?

Sự buộc tội chính mà có thể được riêu rao chống lại Quốc xã Đức cũ đối với chính sách liên minh của mình: tuy nhiên, không phải rằng Quốc xã Đức không duy trì mối quan hệ tốt với Nga, nhưng cũng không hủy hoại mối quan hệ với tất cả mọi người bằng cách lưỡng lự liên tiếp, trong tình trạng yếu kém về bệnh lý để cố gắng giữ gìn hòa bình thế giới bằng mọi giá. Tôi công khai thú

nhận rằng ngay cả trong thời kỳ trước chiến tranh tôi đã nghĩ rằng điều đó sẽ tốt hơn nếu Đức, từ bỏ chính sách thuộc địa vô ích của mình và từ bỏ đội thương thuyền và đội tàu chiến của mình, ký kết liên minh với Anh chống lại Nga, do đó chuyển đổi từ chính sách toàn cầu không nhất quyết sang chính sách châu Âu rõ ràng về việc chiếm đóng lãnh thổ trên lục địa.

Tôi không quên mối đe dọa ngỗ ngược mà Liên Nga-Sla-vơ thời kỳ đó dám đưa ra với nước Đức; tôi không quên những khích động nhằm mục đích duy nhất là một sự lăng mạ nước Đức; tôi không thể quên lối công luận tại Nga mà vượt hơn hẳn chính họ về sự thù hận đối với dân tộc và Đế chế Đức của chúng ta; tôi không thể quên các tờ báo lớn của Nga mà hay viết Pháp hơn là viết về chúng ta.

Nhưng bất chấp tất cả, trước Chiến tranh, sẽ vẫn có một cách thứ hai: chúng tôi có thể có tự chống lại Nga và chống lại Anh.

Ngày nay điều kiện đã khác. Nếu trước Chiến tranh, chúng tôi có thể có kìm nén mọi cảm xúc, và đi cùng với Nga, ngày nay điều đó không còn có thể thực hiện được. Kim của đồng hồ thế giới đã di chuyển về phía trước kể từ khi đó, và đang điểm giờ mà số phận của đất nước chúng ta phải được quyết định bằng cách này hay cách khác. Quá trình củng cố những nhà nước lớn trên trái đất vào lúc này, đối với chúng ta, là tín hiệu cảnh báo cuối cùng để dừng lại và kiểm soát trái tim của chúng ta, để đưa dân tộc ta ra khỏi thế giới mơ mộng trở lại thực tế khắc nghiệt, và chỉ cho họ con đường đến tương lai mà sẽ đưa Đế chế Đức cũ đến một kỷ nguyên vàng mới.



1923-1924 đồng tiền của Đức mất giá. người phụ nữ này đã lấy tiền để đốt lò sưởi.

Nếu phong trào Chủ Nghĩa Xã Hội Quốc Gia tự thoát khỏi những ảo tưởng đối với các nhiệm vụ quan trọng và to lớn này, và chấp nhận lý trí là kim chỉ nam duy nhất của mình, thì một ngày nào đó thảm họa năm 1918 có thể trở thành sự may mắn vô hạn đối với tương lai của đất nước chúng ta. Trong số sự

sụp đổ này, đất nước chúng ta sẽ đi đến sự định hướng lại hoàn toàn hoạt động của mình trong quan hệ đối ngoại, và, thêm vào đó, củng cố trong nước bằng triết lý mới của cuộc sống, cũng sẽ đạt được sự ổn định cuối cùng của chính sách đối ngoại của mình. Sau đó, cuối cùng sẽ có được những gì nước Anh đang có và thậm chí cả những gì nước Nga đã có, và những gì một lần nữa khiến Pháp đưa ra các quyết định tương tự, về cơ bản sửa chữa từ quan điểm về các lợi ích của mình, tức là: Một bằng chứng chính trị.

Bằng chứng chính trị của Đức để chỉ phối hoạt động bên ngoài của mình trong mọi thời đại nên và phải là: Không bao giờ phải chịu sự nổi dậy của hai cường quốc lục địa Âu Châu. Coi bất kỳ nỗ lực nào để tạo ra một sức mạnh quân sự thứ hai về biên giới Đức, thậm chí dưới hình thức tạo ra một nhà nước có sức mạnh quân sự, như là một cuộc tấn công vào Đức, và trong cuộc tấn công đó không chỉ có quyền lực, mà có nhiệm vụ, để sử dụng tất cả các phương tiện, kể cả lực lượng vũ trang để ngăn chặn sự nổi dậy của một nhà nước như vậy, hoặc, nếu nhà nước đó đã nổi dậy, thì lại phải dập tắt đi. Nhận thấy rằng sức mạnh của dân tộc chúng ta được thành lập, không phải trên các thuộc địa, mà là trên mảnh đất châu Âu của chúng ta. Không bao giờ coi Đế chế Đức là an toàn, trừ khi trong những thế kỷ sắp tới Đế chế Đức có thể đem lại cho con cháu của dân tộc những mảnh đất riêng của mình. Không bao giờ quên rằng quyền thiêng liêng nhất trên trái đất này là quyền của con người sở hữu đất để trồng trọt bằng chính đôi bàn tay của mình, và sự hy sinh máu thịt thiêng liêng nhất mà con người đã đổ vì mảnh đất này.

Tôi không muốn đưa ra những phản ánh này mà không chỉ ra lần nữa khả năng liên minh duy nhất tồn tại cho chúng ta tại thời điểm ở châu Âu. Trong chương trước về các vấn đề liên minh, tôi đã chỉ định Anh và Ý là hai quốc gia duy nhất ở châu Âu mà chúng ta mong muốn và hứa hẹn có mối quan hệ gần gũi hơn. Ở đây, tôi sẽ nêu ngắn gọn về tầm quan trọng của liên minh này về mặt quân sự.

Kết quả về mặt quân sự của việc ký kết liên minh này sẽ đối lập mọi mặt với kết quả của việc liên minh với Nga. Trước hết, suy xét quan trọng nhất là sự việc mà tự nó tiếp cận Anh và Ý theo cách biến hóa mối nguy hiểm chiến tranh. Pháp, cường quốc duy nhất mà có thể tin được là phản đối liên minh, lại không

ở vị trí làm việc đó. Và hậu quả là liên minh sẽ tạo cho Đức sự chuẩn bị để thanh toán Pháp một cách bình tĩnh mà sẽ phải được chuẩn bị trong bất kỳ sự kiện nào trong phạm vi liên minh này. Vì đặc điểm quan trọng của liên minh này thuộc đúng sự việc là sau khi ký kết, Đức sẽ không bất ngờ được tiến hành xâm lược thù địch, nhưng liên minh đối lập sẽ vi phạm hiệp ước của mình; Entente, mà chúng ta luôn phải chịu tai họa, sẽ bị tan rã, và do đó Pháp, kẻ thù sinh tử của dân tộc của chúng ta, sẽ bị cô lập. Thậm chí nếu thành công này lúc đầu bị hạn chế về mặt đạo đức, thì nó sẽ đủ để làm cho Đức tự do di chuyển trong một phạm vi mà ngày nay chắc chắn là không hiểu. Vì pháp luật về liên tụng sẽ nằm trong tay của liên minh mới AngloXermanltalian thuộc châu Âu và không còn thuộc Pháp.

Kết quả sẽ là bằng một hành động Đức sẽ được giải phóng từ vị trí chiến lược bất lợi của mình. Một mặt, sự bảo vệ mạnh mẽ nhất đối với flank của chúng ta, mặt khác hoàn tất bảo đảm thực phẩm và nguyên vật liệu của chúng ta, sẽ có kết quả hữu ích đối với các chòm sao mới của những nhà nước.

Nhưng quan trọng hơn là sự việc mà liên minh mới sẽ nắm những nhà nước mà bổ sung cho nhau trong sản xuất kỹ thuật trên nhiều phương diện. Lần đầu tiên Đức đã có những đồng minh mà không làm kiệt quệ nền kinh tế của chúng ta giống như những kẻ bóc lột, nhưng có thể và sẽ đóng góp phần của mình để làm giàu thêm vũ khí trang bị kỹ thuật của chúng ta.

Và không được bỏ qua thực tế cuối cùng là trong cả hai trường hợp chúng ta cần phải đối phó với những đồng minh mà không thể được so sánh với Thổ Nhĩ Kỳ hoặc nước Nga ngày nay. Cường quốc thế giới lớn nhất trên trái đất và một nhà nước trẻ sẽ tạo ra những tiền đề khác nhau cho cuộc đấu tranh tại Châu Âu hơn là những xác chết thối rữa của nhà nước mà Đức tự liên minh trong cuộc chiến tranh cuối cùng.

Chắc chắn, như tôi đã nêu bật trong chương trước, những khó khăn mà liên minh này gặp phải là rất lớn. Nhưng sự hình thành của Entente, chẳng hạn, có ít khó khăn hơn không? Những gì các thiên tài của Ring Edward VII đã đạt được, một phần gần như trái với ham muốn tự nhiên, chúng ta cũng vậy, phải và sẽ đạt được, miễn là chúng ta nhận thức về sự cần thiết của việc phát triển này mà với sự tự chủ không ngoan, chúng ta xác định hành động của chúng ta một

cách phù hợp. Và điều này sẽ có thể xảy ra vào thời điểm đã rơi vào tình thế cực kỳ nguy hiểm (erfüllt won der Mahnenden Not, ‘ a Wagnerism.), chúng ta theo đuổi, không phải là không có mục đích ngoại giao của những thập kỷ qua, nhưng là một quá trình nhận thức và quyết tâm gắn bó với nó. Định hướng phương đông hoặc định hướng phương tây không phải là mục tiêu tương lai trong chính sách đối ngoại của chúng ta, nhưng chính sách phương đông với ý nghĩa của chiếm đất đai cần thiết cho dân tộc Đức của chúng ta. Vì đối với việc này, chúng ta đòi hỏi sức mạnh, và kể từ khi Pháp, kẻ thù sinh tử của dân tộc ta, kìm hãm và lấy đi sức mạnh của chúng ta, chúng ta phải hy sinh bản thân và kết quả của sự hy sinh sẽ góp phần làm tiêu tan mọi nỗ lực của Pháp để làm bá chủ ở Châu Âu. Ngày nay, mọi cường quốc đương nhiên là đồng minh của chúng ta, giống như chúng ta cảm thấy sự thống trị của Pháp trên lục địa này là không thể được. Con đường đến với cường quốc này là không quá khó đối với chúng ta, và sự hy sinh dường như không thể tả được nếu chỉ có kết quả cuối cùng của khả năng đánh bại kẻ thù hung bạo nhất của chúng ta. Sau đó, nếu chúng ta có thể rửa sạch và băng bó vết thương lớn nhất, chúng ta có thể yên tâm để cho vết thương tự lành theo thời gian.

Ngày nay, đương nhiên, chúng tôi đang phải chịu sự nguyên rủa đáng ghét của kẻ thù của dân tộc ta. Chúng ta, Chủ nghĩa Xã hội phải không bao giờ để việc này làm trệch hướng chúng ta khỏi tuyên bố hoàn toàn cần thiết trong niềm tin của chúng ta. Ngày nay, điều này là đúng, chúng ta phải gắng hết sức mình để phản đối dư luận hiện tại bị xáo trộn những âm mưu của Người Do Thái khai thác sự cả tin của người Đức; đôi khi, điều đó là đúng, những cơn sóng đã đánh vào chúng ta một cách mạnh mẽ và giận dữ, nhưng một người mà bơi ở dòng nước thì dễ dàng nhận ra hơn người đang lặn ngụp giữa những cơn sóng. Ngày nay, chúng ta là một tảng đá ngầm; trong một vài năm Fate có thể nâng chúng ta lên giống như một con đập sẽ bị vỡ khi ngăn dòng nước lớn, và chảy vào một con sông mới. Do đó, điều cần thiết là phong trào Chủ nghĩa Xã hội Quốc gia được công nhận và thiết lập trong mắt của tất cả như là người đi đầu mục đích chính trị nhất định. Bất kể cái gì trời phú cho chúng ta, hãy để cho con người nhận ra chúng ta bằng chính mặt nạ của chúng ta!

Một khi tự chúng ta nhận thấy nhu cầu rõ ràng và quyết định thái độ của chúng ta trong các công việc đối ngoại, sự hiểu biết này bắt nguồn từ tính kiên nhẫn mà chúng ta thỉnh thoảng cần khi dưới các đại bác của những kẻ thù địch của chúng ta, người này hoặc người khác trong chúng ta sẽ sợ và dần dần ngất đi vì sợ hãi để ít nhất được nhượng bộ ở trong một cánh đồng, và với sự găm rú của những con chó sói, để mọi người không chống lại mình.

CHƯƠNG 15: QUYỀN ĐƯỢC PHÒNG THỦ KHẨN CẤP

Thỏa thuận ngừng chiến tháng 11 năm 1918 đánh dấu sự khởi đầu của một chính sách mà rất có thể chắc chắn sẽ dần đưa đến một sự quy phục hoàn toàn. Những ví dụ lịch sử về tình trạng tương tự như thế cho thấy những dân tộc hạ vũ khí của họ mà không có lý do thuyết phục thường thích có một giai đoạn tiếp theo để chấp nhận sự nhục nhã lớn nhất này hơn là cố gắng thay đổi số phận của họ bằng một lời hiệu triệu sử dụng lực lượng mới.

Trong tầm nhận biết của một con người thì điều này cũng dễ hiểu. Người chiến thắng, nếu có thể, thường đưa ra những yêu cầu của mình đối với kẻ chiến bại. Và sau đó, với một dân tộc đã mất đi thanh danh của mình – và đây là trường hợp của tất cả những người tình nguyện qui phục – thì chắc chắn họ sẽ không coi sự đàn áp cá nhân này là một lý do duy nhất để lại cảm sùng một lần nữa. “Càng nhiều của cải được tự nguyện dâng hiến theo cách này, càng phi lý khi nó khiến người dân cuối cùng phải phòng thủ trước một sự đàn áp mới, rõ ràng là riêng biệt, mặc dù thường có tính định kỳ, đặc biệt khi họ phải im lặng kiên nhẫn chịu quá nhiều điều rủi ro lớn hơn”.



Quân đội Đức tại Berlin năm 1945.

Sự sụp đổ của Carthage là bức tranh rùng rợn nhất về sự phá hoại dần dần một dân tộc thông qua chính những gì mà họ đáng được hưởng.

Đó chính là lý do tại sao Clausewitz trong cuốn “Drei Bekenntnisse” của mình đã đưa ra ý tưởng có một không hai và sống mãi với mọi thời đại khi ông nói: “Sự nhục nhã khi qui phục hèn hạ có thể không bao giờ hết được; giọt thuốc độc này trong máu của mỗi dân tộc sẽ được truyền tới thế hệ sau và sẽ làm tê liệt và làm suy yếu sức mạnh của các thế hệ sau; Nhưng mặt khác, chính sự mất tự do này sau cuộc chiến đổ máu và thể hiện danh dự lại bảo đảm cho một dân tộc hồi sinh và reo mừng sự sống, từ đó một ngày nào đó một cây mới sẽ đâm rễ rất nhanh”.

Tất nhiên, một dân tộc đã mất tất cả thanh danh sẽ không bận tâm đến những bài học đó. Những người suy nghĩ hơn về những bài học này có thể lại thấm nhuần được quá ít; anh ta hoặc quên những điều đó, hoặc không còn muốn biết chúng. Do đó, chúng ta không thể hy vọng những người là hiện thân của sự qui phục nhu nhược hướng về trái tim họ và trên cơ sở những nguyên nhân và tất cả những trải nghiệm của con người, bắt đầu hành động khác trước. Ngược

lại, những người này sẽ bỏ qua tất cả những bài học như vậy cho đến khi dân tộc họ phải chịu gông xiềng của kiếp nô lệ hoặc cho đến khi các lực lượng mạnh hơn xuất hiện, giành quyền lực từ tay những kẻ bỉ ổi. Ở trường hợp thứ nhất, những người này không cảm thấy quá tội, bởi vì ít khi họ được những người chiến thắng bổ nhiệm vào vị trí giám thị coi những người nô lệ, mà bản chất nhu nhược thường vận dụng với người dân của họ hơn bất kỳ một người tàn bạo nước ngoài nào thực hiện bởi kẻ thù của chính họ.

Sự thay đổi từ năm 1918 cho chúng ta thấy rằng ở Đức niềm hy vọng giành được sự ủng hộ của bên chiến thắng bằng cách tình nguyện qui phục lại xác định một cách đáng tiếc những quan điểm và hành động của quảng đại quần chúng theo cách thảm khốc nhất. Tôi nhấn mạnh quảng đại quần chúng là đặc biệt quan trọng, bởi vì tôi không thể bày tỏ niềm tin của chính mình rằng nhiệm vụ và sự chênh lệch của những người lãnh đạo nhân dân chúng tôi đang đóng góp vào ý nghĩ rồ dại gây hại tương tự, bởi vì kể từ khi kết thúc cuộc chiến, đội ngũ lãnh đạo vận mệnh của chúng tôi đã được những người Do Thái trang bị cho tương đối hào phóng. Chúng tôi thực sự không thể thừa nhận rằng nhận thức sai lầm là nguyên nhân của điều bất hạnh xảy ra với chúng tôi. Ngược lại, chúng tôi phải nhận thức rằng có một rắp tâm đang phá huỷ dân tộc của chúng tôi. Và khi chúng tôi xem xét sự ngu xuẩn của giới lãnh đạo nhà nước trong lãnh vực ngoại giao về vấn đề này, nó mới bộc lộ rõ sự xảo quyệt trong ý tưởng của người Do Thái và đấu tranh để chinh phục thế giới. Và do vậy, thật khó hiểu khi cùng khoảng thời gian, từ năm 1806-1813, nước Phổ sụp đổ hoàn toàn lại có sinh lực cần thiết mới và xác định đấu tranh, ngày nay là không thể làm được, nhưng cũng làm yếu đi chưa từng có đất nước chúng tôi.

7 năm sau tháng 11 năm 1918, Hiệp ước Locarno được ký kết.

Dòng các sự kiện được trình bày sơ qua ở trên: Khi thoả thuận ngừng chiến nhục nhã được ký kết, không thể dồn hết cả sinh lực và dũng khí hay lập tức để chống lại những biện pháp thô bạo và sau đó lặp đi lặp lại của kẻ thù. Kẻ thù của chúng ta quá huênh hoang khi đòi hỏi quá nhiều ngay lập tức. Chúng thường hạn chế sự bóc lột tới một con số mà theo chúng và theo cả giới lãnh đạo Đức ở thời điểm này là đủ để không sợ phải đối mặt với sự bùng nổ cơn giận dữ của nhân dân. Nhưng càng nhiều thoả thuận được ký kết, dường như

càng ít sự hợp lý vì thêm một sự bóc lột hoặc sự nhục nhã phải chịu đựng. Đây là “giọt thuốc độc” mà Clausewitz cho rằng: sự hèn nhát khi đã hình thành chắc chắn sẽ tăng dần lên và sẽ dần kế thừa nguy hại, là gánh nặng cho mỗi quyết định trong tương lai. Nó có thể trở thành một ảnh hưởng hàng đầu nghiêm trọng, một ảnh hưởng mà một dân tộc không thể giữ sạch, và cuối cùng chuyển sang một kiếp sống nô lệ.

Do vậy, ở Đức những sắc lệnh về giải trừ quân bị được thay thế bằng sắc lệnh nô dịch hoá, làm suy yếu nền chính trị bằng sự cướp bóc và cuối cùng hình thành tư tưởng đạo đức coi Kế hoạch Dawes là một cú đánh của vận may và Hiệp ước Locarno là một thành công. Nhìn nhận tất cả những điều này từ một lợi thế cao hơn, chúng ta có thể nói về một vận may trong tất cả những cảnh cùng cực này. Bởi vì họ không thường xuyên cầu nguyện: vì thế sự gian khổ và sự chăm sóc luôn đồng hành cùng người dân của chúng ta và của đồng minh thân thiết của chúng ta cũng chịu cảnh cùng cực. Vận mệnh đã không có trường hợp ngoại lệ trong trường hợp này, nhưng vận mệnh đã cho chúng ta những gì chúng ta đáng được hưởng. Bởi vì chúng ta không còn biết đánh giá danh dự, nhưng điều đó ít nhất cũng dạy chúng ta đánh giá thế nào là tự do miếng cơm manh áo. Đến giờ, mọi người đã biết thét lên để đòi hỏi miếng cơm, nhưng một trong những ngày này, họ sẽ cầu nguyện để được tự do.

Cay đắng thay, nước chúng ta sụp đổ trong những năm sau năm 1918. Tất cả mọi người dám tiên đoán điều gì sẽ trở thành hiện thực sau đó đều bị ngược đãi một cách tàn bạo và cương quyết. Các lãnh đạo của nhà nước chúng ta thật xấu xa, tồi tệ. Họ đều kiêu căng, đặc biệt khi họ tổng khừ được những nhà tiên tri mà họ không ưa thích. Chúng ta đã bị coi như là những người ngu ngốc đàn độn nhất, những người thụ làm yên cương và những người thợ làm gãy tay bổng dung được coi là chính khách, từ đó họ có thể lên lớp với những con người bình thường.

Không có gì đáng chú ý cho tới tháng thứ sáu trong hoạt động của mình, ‘chính khách’ đó đã bộc lộ là một người ba hoa và không có năng lực, là mục tiêu nhạo báng và khinh thường của mọi người, và chính khách đó không biết rẽ theo con đường nào và đã chứng tỏ hoàn toàn không có năng lực! Không, điều đó không tạo ra sự khác biệt, trái lại: những chính khách thuộc nghị viện của

nước Cộng hòa này càng không có năng lực thực tế, thì họ càng tỏ ra bức tức với những người mà hy vọng vào năng lực của họ, những người dám chỉ ra thất bại trong hoạt động trước đây của họ và tiên đoán sự thất bại trong hoạt động trong tương lai của họ.

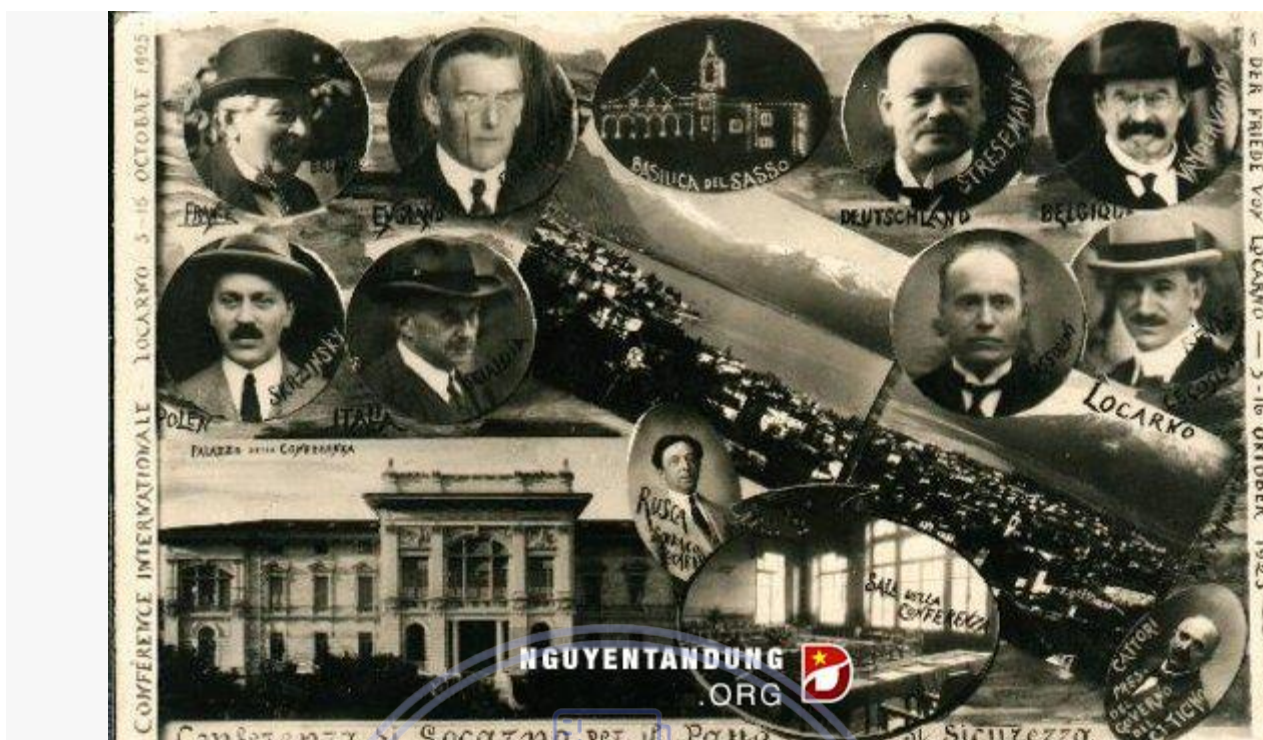
Nhưng nếu một khi bạn cương quyết trói buộc một trong những nhân vật thuộc quốc hội này, thì người lão luyện về chính trị này thực sự không thể phủ nhận sự sụp đổ trong toàn bộ hoạt động của mình và kết quả của hoạt động đó nữa, họ sẽ đưa ra hàng nghìn và hàng nghìn lý do để biện minh cho sự không thành công của mình, và chỉ có một điều mà họ sẽ không thừa nhận, đó là chính họ là nguyên nhân chính của tất cả các điều xấu xa.

Mùa đông năm 1922-1923, đến thời điểm muộn nhất, mọi người mới hiểu rằng thậm chí sau khi chấm dứt hoà bình, Pháp vẫn cố gắng lập luận đanh thép để giành được mục đích cuộc chiến mà từ đầu Pháp đã chủ tâm giành được. Không ai có thể tin rằng Pháp lại đổ máu của nhân dân mình trong 4 năm rưỡi trong một trận đánh quyết định nhất trong lịch sử nước Pháp chỉ để có được sự bồi thường thiệt hại chiến tranh. Thậm chí Alsace- Lorraine cũng không giải thích về sức lực mà Pháp đã tiếp tục cuộc chiến nếu đó không phải là một phần của chương trình chính trị lớn trong chính sách đối ngoại của Pháp trong tương lai. Và mục tiêu này là: biến nước Đức thành một mớ hỗn hợp trong số các quốc gia nhỏ. Đó là những gì một nước Pháp có tính chất sô-vanh đã chiến đấu để đạt được, mặc dù cùng thời đó trên thực tế họ phải bán nhân dân của mình làm lính đánh thuê cho thế giới người Do Thái quốc tế.

Mục tiêu chiến tranh này lẽ ra Pháp có thể giành được bởi cuộc chiến đơn phương bởi lúc đầu Pari hy vọng, cuộc chiến sẽ xảy ra trên đất của Đức. Giả sử rằng, các trận đánh đẫm máu của chiến tranh thế giới xảy ra không phải ở Somme, ở Flanders, ở Artois, trước Warsaw, Nijni-Vovgorod, Kovno, Riga và tất cả các địa điểm khác, mà là ở Đức, ở Ruhr và Main, ở Elbe, Hanover, Leipzig, Nuremberg, v.v..., bạn sẽ phải nhất trí rằng điều này có lẽ sẽ làm nước Đức đổ nát. Thật khó tin là liên bang non trẻ của chúng ta lại có thể vượt qua được cuộc thử thách kéo dài 4 năm rưỡi như một nước Pháp tập trung quyền lực một cách khắt khe, hướng đến một trung tâm thống nhất ở Pari. Cuộc chiến đấu to lớn giữa các dân tộc xảy ra ngoài biên giới đất nước chúng ta không chỉ là

một chứng nhận bất diệt về một quân đội lão luyện mà còn là một vận may đối với tương lai của nước Đức. Đó là niềm tin trung thành và sắt đá của tôi, và đôi khi nó cũng là ngọn nguồn của nỗi đau khổ của tôi nếu không có Đế chế Đức, mà chỉ là “Liên bang Đức”. Và đây là nguyên nhân duy nhất vì sao dòng máu của bạn bè tôi và anh em tôi đổ xuống ít nhất cũng không hoàn toàn vô ích.

Nhưng tất cả mọi thứ đã diễn ra hoàn toàn khác! Sự thật là nước Đức đã sụp đổ trong giây lát vào tháng 11 năm 1918. Nhưng khi thảm họa này xảy ra ở đất nước, quân đội đã chiến của chúng ta vẫn đang nằm sâu trong lãnh thổ của kẻ thù. Mỗi quan tâm đầu tiên của Pháp lúc đó không phải là làm tan rã nước Đức mà là làm thế nào để đuổi quân đội Đức ra khỏi Pháp và Bỉ càng sớm càng tốt. Do vậy, nhiệm vụ đầu tiên của các nhà lãnh đạo Paris khi kết thúc chiến tranh thế giới là giải trừ quân bị quân đội Đức và nếu có thể đưa họ trở về Đức ngay lập tức; Chỉ khi đó họ mới có thể giành hết tâm sức để thực hiện mục đích chiến tranh đầu tiên và thực sự của họ. Ở khía cạnh này, Pháp hoàn toàn bị tê liệt. Bởi vì nước Anh đã thực sự kết thúc cuộc chiến một cách thắng lợi với việc tiêu diệt nước Đức – một cường quốc thương mại thực dân và đưa nước này xuống hàng thứ 2. Chẳng những nước Anh không được hưởng lợi từ việc tiêu diệt hoàn toàn nước Đức, họ thậm chí còn có mọi lý do để mong muốn một đối thủ chống lại Pháp ở châu Âu trong tương lai. Bởi vậy, các nhà lãnh đạo chính trị Pháp phải tiếp tục công việc thời bình mà họ đã xác định trước khi cuộc chiến bắt đầu và lời phát biểu của Clemenceau rằng, đối với ông hoà bình chỉ là tiếp nối của chiến tranh, càng có ý nghĩa.



Hiệp ước Locarno được ký kết với những thủ lĩnh chủ chốt giữa các nước.

Trong tất cả các trường hợp có thể hiểu được, họ phải phá hủy kết cấu của Đế chế Đức. Từ những công hàm yêu cầu giải trừ quân bị hết lần này đến lần khác cho đến những yêu cầu về mặt kinh tế, Paris hy vọng sẽ dần làm tan rã Đế chế Đức. Danh dự quốc gia nhanh chóng mất đi ở Đức, chẳng bao lâu những áp lực về kinh tế và sự nghèo đói liên tiếp xảy ra đã dẫn đến những ảnh hưởng tiêu cực đến chính trị. Chính sách đàn áp chính trị và cưỡng đoạt về kinh tế như vậy tiếp diễn trong 10 hoặc 20 năm, chắc chắn sẽ phá hủy dần dần những cấu trúc nhà nước thậm chí tốt nhất và trong những hoàn cảnh nhất định có thể giải tán nhà nước đó. Và như vậy, mục đích chiến tranh của Pháp sẽ đạt được.

Đến mùa đông năm 1922-1923, người ta nhận ra ý định này của Pháp. Chỉ có 2 khả năng: Chúng ta có thể hy vọng dần dần làm nhục ý muốn bám riết lấy dân tộc Đức của Pháp, hoặc điều khiển bánh lái của con tàu Đế chế Đức trong một vài trường hợp đặc biệt và đâm vào kẻ thù. Điều này chắc chắn sẽ là một trận chiến một mất một còn, và chỉ có tương lai cuộc sống nếu trước đó chúng ta thành công trong việc cô lập Pháp ở mức độ mà cuộc chiến tranh lần 2 này sẽ không bị biến thành một cuộc chiến của Đức chống lại thế giới nữa, mà

là một sự phòng thủ của Đức trước một nước Pháp đang không ngừng gây mất ổn định thế giới và hoà bình của chính họ.

Tôi nhấn mạnh một thực tế và tôi tin tưởng chắc chắn về điều đó, tình huống thứ hai này có lẽ và sẽ xảy ra một ngày nào đó. Tôi không bao giờ tin rằng những ý định của Pháp đối với chúng ta không bao giờ thay đổi, bởi vì trong phân tích cuối cùng, họ chỉ đơn thuần là tự bảo toàn dân tộc Pháp. Nếu tôi là một người Pháp, và nếu điều vĩ đại nhất của nước Pháp cũng như những điều tôi trân trọng ở nước Đức là bất khả xâm phạm, tôi không thể và sẽ không hành động khác từ Clemenceau. Dân tộc Pháp đang chết dần chết mòn không chỉ quan tâm đến người dân của họ, mà còn đặc biệt quan tâm đến những yếu tố chủng tộc tốt nhất của họ. Rốt cuộc, họ có thể duy trì được vị thế của mình trên thế giới chỉ khi nước Đức suy yếu. Chính sách của Pháp có thể đi theo một nghìn đường vòng, nhưng cuối cùng sẽ đạt được mục tiêu này, thực hiện được mong muốn cuối cùng và niềm khao khát thầm kín. Thật sai lầm khi tin rằng đó chỉ đơn thuần là mong muốn thụ động, mong muốn chỉ bảo vệ chính mình. Khi cuộc xung đột liên tiếp giữa Đức và Pháp diễn ra dưới hình thức Đức phòng thủ chống lại sự xâm lược của Pháp, thì điều đó sẽ không bao giờ được quyết định, từ năm này đến năm khác, từ thế kỷ này đến thế kỷ khác, Đức sẽ mất dần vị thế của mình. Từ các phong trào của biên giới nói tiếng Đức bắt đầu từ thế kỷ 12 đến nay, bạn sẽ không thể tính được thành công của một quan điểm hay một phát triển mà đã khiến chúng ta bị phá huỷ lớn cho đến tận bây giờ.

Chỉ đến khi tất cả mọi người ở Đức hiểu đầy đủ được điều này, thì dân tộc Đức mới không còn chỉ đơn thuần phòng thủ một cách thụ động, mà tập trung lại để hướng tới hành động cuối cùng với Pháp và lao vào trận đánh quyết định cuối cùng với mục tiêu vĩ đại. Chỉ khi đó chúng ta mới có thể chấm dứt được cuộc chiến kéo dài và vô ích giữa chúng ta và Pháp; Giả sử rằng Đức coi việc phá huỷ Pháp là phương tiện để sau đó tạo khả năng cho Đức bành trướng đến bất kỳ nơi nào có thể, thì ngày nay chúng ta đã có 8 triệu người Đức ở châu Âu. Chính sách đối ngoại này sẽ được thừa nhận là đúng chỉ khi sau 1 trăm năm, có 250 triệu người Đức trên lục địa này, và không làm nghề cu li ở các nhà máy ở các nơi khác trên thế giới, mà làm nông dân và công nhân, kiếm kế sinh nhai bằng chính lao động của họ.

Tháng 12 năm 1922, tình hình căng thẳng giữa Đức và Pháp lại thêm trầm trọng. Pháp lại thực hiện sự bóc lột mới và yêu cầu Đức cam kết thực hiện. Sự bóc lột về kinh tế được Pháp thực hiện trước những áp lực về chính trị và dường như Pháp đánh vào trung tâm thần kinh của toàn bộ cuộc sống của người Đức và khiến những người dân “cứng đầu” của Đức phải qui phục. Chiếm đóng được Ruhr, Pháp hy vọng không chỉ phá huỷ được sức mạnh tinh thần của Đức và còn đẩy chúng ta vào tình trạng kinh tế khó khăn mà dù muốn hay không, chúng ta phải chịu ơn họ, thậm chí ở mức độ nặng nhất.

Đó là vấn đề khuất phục và làm suy sụp. Đức có xu hướng bị khuất phục ngay từ đầu và sau đó bị suy sụp hoàn toàn.

Với việc chiếm được Ruhr, Pháp một lần nữa giúp nhân dân Đức đứng lên một lần nữa. Điều đó lúc đầu là không thể nhưng dường như là tai hoạ bám chặt kiểm soát chúng ta thì nay lại mở ra vô số cơ hội để chấm dứt mọi nỗi khổ sở của Đức.

Từ lập trường trong mối quan hệ đối ngoại, việc chiếm đóng Ruhr lần đầu tiên đã làm cho Anh thực sự xa lánh Pháp và Pháp không còn nằm trong vòng ngoại giao của Anh – chính sách ngoại giao duy trì đồng minh với Pháp với những toan tính lạnh lùng, mà nằm trong vòng rộng hơn của nhân dân Anh. Anh ngấm ngấm khó chịu với sức mạnh về kinh tế của Pháp. Bởi vì không chỉ Pháp, từ quan điểm đơn thuần là chính trị – quân sự, bây giờ lại tiếp tục có được vị thế mà trước đây Đức cũng không có được ở châu Âu về kinh tế. Pháp hiện đã đạt được những nền tảng kinh tế và gần như chiếm vị trí độc quyền về kinh tế cùng với khả năng cạnh tranh về chính trị. Những mỏ sắt và than lớn nhất châu Âu cũng thuộc về một đất nước đối đầu gay gắt với Đức và luôn bảo vệ những lợi ích cần thiết của mình với sự kiên quyết và chủ nghĩa tích cực, một dân tộc mà trong cuộc chiến tranh vĩ đại vừa mới cho cả thế giới biết về khả năng quân sự của mình. Với việc Pháp chiếm toàn bộ các mỏ than ở Ruhr, thì toàn bộ lợi lộc sau chiến tranh của Anh bị Pháp giành hết. Nước chiến thắng không phải là chính sách ngoại giao cảnh giác và cần cù của Anh nữa, mà là Marshal Foch và nước Pháp.

Ở Ý, kể từ khi kết thúc chiến tranh, phong trào chống Pháp từ khi không có chút hy vọng nào dần chuyển sang sự căm thù thực sự. Đó là thời điểm lịch sử vĩ đại

ở đó những đồng minh trước đây trở thành kẻ thù trong tương lai. Nếu mọi việc diễn ra hoàn toàn khác và các nước đồng minh không bỗng nhiên chuyển thành các nước thù địch nhau, như trong cuộc chiến tranh Balkan lần thứ 2, thì điều này chỉ có thể là do nước Đức không có Enver Pasha, mà là Đế chế của Thủ tướng Cuno.

Không chỉ xét về chính sách ngoại giao mà cả chính sách trong nước, việc Pháp tấn công vào Ruhr đã nắm hết được những khả năng tương lai lớn của Đức. Một bộ phận lớn những người dân Đức bị ảnh hưởng không thật của báo chí vẫn coi Pháp là nước vô địch về sự tiến bộ và chủ nghĩa tự do bị bất ngờ điều trị căn bệnh ảo giác này.

Năm 1914 đã xua tan giấc mơ về sự đoàn kết giữa những người lãnh đạo công nhân Đức trên toàn thế giới và lãnh đạo họ trở về với thế giới đấu tranh liên tục, trong đó người này sống dựa vào người khác và cái chết của kẻ yếu là sự sống của kẻ mạnh, mùa xuân năm 1923 diễn ra tương tự như vậy.

CHƯƠNG 15.1: CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP CÓ HOÀN TOÀN VÔ NGHĨA?

Khi người Pháp tiếp tục đe dọa và bắt đầu chuyển sang vùng than thấp hơn của Đức, giờ phút quyết định số phận đã đến với nước Đức. Nếu trong giờ phút này, người dân của chúng ta thay đổi thì Ruhr có thể trở thành Matxcova của Napôlêon của Pháp. Chỉ có thể có 2 khả năng: Hoặc chúng ta đứng im chịu đợt tấn công mới này và không làm gì cả hoặc hướng con mắt của người Đức tới vùng đất giàu khoáng sản này, chúng ta truyền cho họ những mong muốn cháy bỏng kết thúc tình trạng nhục nhã liên miên này và thà để họ sợ hãi trong giây lát còn hơn phải chịu đựng sự sợ hãi liên miên thêm 1 phút nữa.

Phát minh ra con đường đi thứ ba này là Thủ tướng xuất chúng của Đế chế Đức Cuno, và các đảng tư sản Đức tiếp tục kế thừa và phát triển con đường đó.

Ở đây tôi sẽ xem xét trước tiên xu hướng thứ 2 càng ngắn gọn càng tốt.



Adolf Hitler đang thuyết trình.

Với việc chiếm được Ruhr, Pháp đã vi phạm Hiệp ước Versail. Chiếm đóng Ruhr, Pháp cũng đẩy mình vào cuộc xung đột với một số cường quốc ký kết hiệp ước, đặc biệt là Anh và Italia. Pháp không còn hy vọng bất kỳ một khoản hỗ trợ nào từ phía các quốc gia này vì chiến dịch bóc lột ích kỷ của riêng nước này. Do vậy, Pháp phải mạo hiểm. Đối với chính phủ quốc gia Đức, chỉ có một con đường buộc phải thực hiện vì danh dự. Chắc chắn không thể chống lại nước Pháp hiện nay bằng lực lượng vũ trang thường trực, mà chúng ta phải nhận thức rõ ràng rằng bất kỳ một cuộc đàm phán nào nếu không được một cường quốc ủng hộ đều vô lý và không mang lại kết quả. Không có khả năng kháng cự tích cực, thì thật ngu xuẩn khi chấp nhận: “Chúng tôi sẽ không tham gia đàm phán”, nhưng kết thúc bằng việc tham gia đàm phán mà không trang bị cho mình một sức mạnh thì còn ngu ngốc hơn.

Chúng ta cũng không thể ngăn chặn Pháp chiếm Ruhr bằng các biện pháp quân sự. Chỉ có người điên mới có thể khuyên quyết định như vậy. Nhưng tận dụng ấn tượng bởi những hành động của Pháp và khi hành động này được triển khai, những gì mà chúng ta nên làm là bảo đảm các nguồn lực quân sự mà

chúng ta có thể được trang bị cho các bên đàm phán của chúng ta mà không cần phải quan tâm đến Hiệp ước Versailles. Bởi vì rõ ràng đến một ngày nào đó, vấn đề lãnh do Pháp chiếm đóng sẽ được đặt lên bàn đàm phán. Nhưng chúng ta phải nhận thức rõ một thực tế rằng ngay cả những nhà đàm phán tốt nhất cũng có thể đạt được rất ít thành công nếu quan điểm mà họ đưa ra và chiếc ghế họ ngồi không phải là thứ vũ khí bảo vệ của đất nước họ. Một người thợ may bé nhỏ yếu đuối không thể tranh cãi với một vận động viên, một nhà đàm phán khả năng biện hộ kém thường phải chịu áp lực nếu anh ta không cố gắng ném áp lực sang đối thủ. Hoặc thật khổ sở khi xem những cuộc đàm phán hài hước trên những opera mà từ năm 1918 thường được diễn đi diễn lại. Sự biểu diễn hèn hạ này được giới thiệu đến toàn thế giới, đầu tiên là mời chúng ta vào bàn đàm phán như thể là trò đùa, sau đó đưa ra cho chúng ta những quyết định và những chương trình đã được chuẩn bị rất lâu từ trước để thảo luận, nhưng vấn đề đưa ra đó ngay từ đầu đã có thể được cho là không thể sửa đổi được.

Đúng là những nhà đàm phán của chúng ta, chỉ trong trường hợp đặc biệt, vượt trên mức trung bình, còn phần nhiều toàn biện minh cho cách phát biểu láo xược của Lloyd George, người đã nhận xét một cách đầy khinh bỉ về cựu thủ tướng Đế chế Đức Simon rằng: người Đức không biết cách chọn những người thông minh làm lãnh đạo và đại diện. Nhưng ngay cả những người thiên tài, xét về ý chí quyết tâm của kẻ thù có quyền lực và sự phòng vệ khôn khéo của dân tộc ta trên mọi phương diện, sẽ đạt được nhưng rất ít.

Nhưng vào mùa xuân năm 1923, bất kỳ người nào muốn sự chiếm đóng Ruhr của Pháp là cơ hội để khôi phục công cụ quyền lực quân sự, thì trước tiên phải đem lại vũ khí thiêng liêng cho dân tộc, củng cố quyền lực của dân tộc, và tiêu diệt những kẻ phá hoại sức mạnh dân tộc quý giá nhất này.

Năm 1918, chúng ta đã phải trả giá bằng máu cho sự kiện là chúng ta đã không giẫm nát cái đầu của con rắn của chủ nghĩa Mác năm 1914 và 1915, chúng ta sẽ phải trả giá một cách thảm khốc nhất nếu chúng ta đã không tận dụng cơ hội để ngăn chặn hoạt động của những kẻ phản bội và kẻ giết người của đất nước thuộc chủ nghĩa Mác vào mùa xuân năm 1923.

Bất kỳ ý tưởng nào của cuộc kháng chiến chống Pháp trên thực tế đều hoàn toàn vô nghĩa nếu chúng ta không tuyên chiến chống lại những thế lực mà

đã đánh bại cuộc kháng chiến của người Đức trên chiến trường cách đây năm năm. Chỉ có những đầu óc tư sản mới có quan điểm lạ thường rằng chủ nghĩa Mác bây giờ có thể đã thay đổi, và rằng các nhà lãnh đạo vô dụng của năm 1918, những người khi đó đã nhấn chìm hai triệu người chết dưới chân họ để leo lên những chiếc ghế của chính phủ, thì năm 1923 lại đột nhiên sẵn sàng tỏ lòng tôn kính đối với lương tâm của dân tộc. Thật là một ý tưởng lạ thường và thực sự điên rồ để hy vọng rằng những kẻ phản bội trước đây đột nhiên sẽ trở thành những người đấu tranh cho tự do của Đức. Ý tưởng đó không bao giờ xuất hiện trong đầu họ. Không một con linh cầu nào từ bỏ xác chết cũng như chủ nghĩa Mác từ bỏ hành động phản quốc. Và xin bạn đừng làm tôi tức giận, vì với lý lẽ ngớ ngẩn nhất trong tất cả các lý lẽ mà xét cho cùng quá nhiều công nhân đã đổ máu cho nước Đức. Những người công nhân Đức, vâng, nhưng lúc đó họ không còn là những người theo chủ nghĩa quốc tế Mác. Nếu năm 1914, giai cấp lao động Đức có niềm tin chắc chắn rằng họ vẫn là những người theo chủ nghĩa Mác, thì Chiến tranh sẽ chấm dứt trong ba tuần. Nước Đức sẽ sụp đổ, thậm chí trước khi người lính đầu tiên đặt chân qua biên giới. Không, thực tế là những người Đức khi đó đang chiến đấu đã chứng minh rằng ảo tưởng của chủ nghĩa Mác vẫn chưa thể ăn sâu. Tuy nhiên, nói một cách chính xác là, trong quá trình chiến tranh, công nhân và binh lính Đức đã lại rơi vào tay các nhà lãnh đạo chủ nghĩa Mác, và đã bị mất tổ quốc. Nếu ngay từ đầu Chiến tranh và trong Chiến tranh, mười hai hoặc mười lăm nghìn trong số những kẻ phá hoại dân tộc người Do Thái bị giam giữ dưới khí độc, như đã xảy ra với hàng trăm ngàn công nhân tốt nhất của nước Đức chúng ta ở chiến trường này, thì sự hy sinh của hàng triệu người ở mặt trận sẽ không vô nghĩa. Ngược lại: mười hai nghìn tên vô lại đã bị tiêu diệt đúng lúc có thể cứu sống một triệu người Đức thực sự, và thật có giá trị đối với tương lai. Nhưng điều đó chỉ xảy ra dưới sự lãnh đạo của ‘các nhà chính trị’ tư sản để đưa hàng triệu người đến một kết cục đẫm máu trên chiến trường không có lúc nào bình yên, nhưng lại coi mười hoặc mười hai nghìn kẻ phản bội, kẻ trục lợi, kẻ cho vay nặng lãi, và kẻ lừa đảo là một kho báu thiêng liêng của quốc gia và công khai tuyên bố bất khả xâm phạm chúng. Chúng ta không bao giờ biết được cái gì lớn hơn trong thế giới tư sản này, sự ngu xuẩn, tính nhu nhược và hèn nhát, hoặc sự tham nhũng sâu sắc của

họ. Đó thật sự là một tầng lớp mà số phận của họ được định đoạt bởi Thần Mệnh, tuy nhiên, thật không may, tầng lớp này đang lôi cả nước vào vực thẳm.

Và năm 1923, chúng ta phải đối mặt với một tình huống tương tự như năm 1918. Bất kể cuộc kháng chiến dưới hình thức nào đã được quyết định, thì nhu cầu trước tiên là phải đào thải chất độc của chủ nghĩa Mác khỏi cơ thể dân tộc của chúng ta. Và theo quan điểm của tôi, đó là nhiệm vụ hàng đầu của một chính phủ dân tộc đích thực khi đó để tìm kiếm các lực lượng quyết tâm tuyên bố cuộc chiến tranh hủy diệt chủ nghĩa Mác, và sau đó đưa các lực lượng này đến một con đường tự do; nhiệm vụ của họ không phải là tôn thờ hành động ngu ngốc của “luật pháp và trật tự” tại thời điểm mà kẻ thù bên ngoài đang giáng một đòn tiêu diệt đối với đất nước và sự mưu phản ầm náu ở mọi ngõ ngách trên đường phố. Không, vào thời điểm đó, một chính phủ dân tộc thực sự cần phải có ham muốn làm cho tình trạng trở nên náo động và bất ổn, với điều kiện duy nhất là trong tình trạng hỗn loạn đó thì việc thanh toán cơ bản chủ nghĩa Mác cuối cùng có thể được thực hiện và thực sự diễn ra. Nếu điều này không được thực hiện, thì bất kỳ ý tưởng nào về cuộc kháng chiến, bất kể dưới hình thức nào, chỉ là ý tưởng điên rồ.

Việc thanh toán như vậy thực sự có tầm quan trọng trong lịch sử thế giới, nó phải được thừa nhận, không theo kế hoạch của ủy viên Hội đồng cơ mật hoặc một số cựu bộ trưởng đã cao tuổi, nhưng quy luật trường tồn của sự sống trên trái đất này là cuộc đấu tranh nào cho sự sống này và cuộc đấu tranh nào để tồn tại. Cần phải nhớ rằng những cuộc nội chiến đẫm máu nhất thường làm cho dân tộc trở nên sắt đá và khỏe mạnh hơn, trong khi những nhà nước yên bình giả tạo đã từng tạo ra sự thối rữa bốc mùi đến tận Trời cao. Bạn không làm thay đổi số phận của các quốc gia trong đôi găng tay của đứa trẻ. Và như vậy, năm 1923, cuộc tấn công tàn bạo nhất đòi hỏi phải bắt được những kẻ nham hiểm đang phá hoại dân tộc chúng ta. Chỉ khi cuộc tấn công này thắng lợi thì việc chuẩn bị cho một cuộc kháng chiến thực sự mới có ý nghĩa.

Tại thời điểm đó, tôi thường phải nói đến khản cả giọng, ít nhất là trước những nhóm người được gọi là dân tộc, nhằm làm rõ những gì hiện đang ở trong tình trạng lâm nguy, và nếu chúng ta mắc phải những sai lầm tương tự như năm 1914 và những năm tiếp theo, thì kết cục chắc chắn sẽ giống như năm

1918. Một lần nữa, tôi cầu xin họ hãy để cho Thần Mệnh tự do hành động, và tạo cho phong trào của chúng ta một cơ hội để tiêu diệt chủ nghĩa Mác; nhưng tôi đã giáng giải vào những chiếc tai điếc. Tất cả họ đã biết rõ, trong đó có cả chỉ huy các lực lượng vũ trang, cho đến khi cuối cùng họ phải đối mặt với sự đầu hàng có điều kiện thê thảm nhất của mọi thời đại.

Rồi tôi nhận ra trong tâm trí của tôi rằng rốt cuộc, tư sản Đức là sứ mệnh của tư sản Đức và không dành cho sứ mệnh nào khác. Sau đó, tôi nhận thấy tất cả các đảng này tiếp tục bất đồng với những người theo chủ nghĩa Mác chỉ vì sự đố kỵ của những đối thủ, mà không có bất kỳ mong muốn thật sự nào để tiêu diệt họ; tận đáy lòng, tất cả bọn họ từ lâu đã cam chịu sự phá hoại tổ quốc, và điều duy nhất làm cho họ lo lắng nghiêm trọng là chính họ sẽ có thể tham dự lễ tang. Đó là tất cả những gì mà họ vẫn đang “chiến đấu” vì nó.

Trong thời gian này – tôi công khai thừa nhận – tôi đã ngưỡng mộ sâu sắc những con người vĩ đại ở phía nam dãy Alps, những người có tình yêu mãnh liệt đối với dân tộc mình, đã không ký hiệp ước với những kẻ thù của nước Ý, mà cố gắng hủy diệt kẻ thù đó bằng mọi cách. Điều mà làm cho Mussolini được xếp vào những người vĩ đại nhất trên trái đất này là quyết tâm không chia sẻ Ý với chủ nghĩa Mác của ông, nhưng lại tiêu diệt chủ nghĩa quốc tế và cứu đất nước thoát khỏi chủ nghĩa quốc tế.

Khi so sánh mới thấy được những chính khách tương lai của nước Đức chúng ta bé nhỏ và đáng thương biết nhường nào, và một người làm sao mà không khỏi phẫn nộ khi những kẻ vô danh tiểu tốt này, với vẻ ngạo mạn thô lỗ, dám chỉ trích một người mà vĩ đại gấp một nghìn lần chúng; và thật là đau xót khi nghĩ rằng điều này đang xảy ra tại một vùng đất mà nửa thế kỷ trước đây coi Bismarck là người lãnh đạo của vùng đất đó.

Do quan điểm về tư sản và chính sách không dính đến chủ nghĩa Mác, nên số phận của bất kỳ hoạt động kháng chiến nào năm 1923 đều được quyết định trước. Để cùng Pháp chống lại kẻ thù không đội trời chung trong hàng ngũ của chúng ta sẽ là một hành động hoàn toàn ngớ ngẩn. Những gì được thực hiện sau đó có thể chỉ là một cuộc đấu võ, được dàn dựng nhằm thỏa mãn các phần tử của chủ nghĩa dân tộc tại Đức trong một phạm vi nào đó, hay trên thực tế nhằm lừa bịp tâm hồn đang sôi sục của dân tộc. Nếu họ đã thực sự tin tưởng vào

những gì họ đang làm, họ sẽ phải công nhận rằng, sức mạnh của một dân tộc chủ yếu là ở ý chí của dân tộc chứ không phải là vũ khí của dân tộc đó, và rằng, trước khi chiến thắng được kẻ thù bên ngoài, thì kẻ thù bên trong phải được tiêu diệt; mặt khác Chúa sẽ giúp chúng ta nếu chúng ta chiến thắng không phải bằng vũ khí của chúng ta ngay từ ngày đầu tiên. Một khi cái bóng của sự thất bại vụt qua một dân tộc mà vẫn còn kẻ thù nội bộ, thì lực lượng kháng chiến của dân tộc đó sẽ bị phá vỡ và kẻ thù sẽ là người chiến thắng cuối cùng.

Điều này đã được tiên đoán ngay từ đầu tháng 2 năm 1923. Đừng để ai nghi ngờ thắng lợi quân sự chống Pháp! Vì nếu kết quả hành động của Đức trước sự xâm lược của Ruhr chỉ là sự hủy diệt chủ nghĩa Mác ở trong nước, do sự kiện đó thì thắng lợi duy nhất sẽ thuộc chúng ta. Một nước Đức được cứu thoát khỏi những kẻ thù không đội trời chung hiện tại và tương lai sẽ có những lực lượng mà cả thế giới không còn đàn áp được nữa. Vào ngày mà chủ nghĩa Mác bị đập tan ở Đức, thì gông xiềng của chủ nghĩa Mác thực sự bị bẻ gãy mãi mãi. Vì trong lịch sử, chúng ta chưa bao giờ thất bại do sức mạnh của kẻ thù, mà là do sự đòi bại đạo đức của chính chúng ta và kẻ thù trong phe phái của chúng ta.

Vì những người lãnh đạo của nhà nước Đức không thể dồn hết can đảm cho một chiến công anh hùng, họ chỉ có thể lựa chọn phù hợp đường lối trước tiên là chẳng làm gì và để mọi thứ trôi qua.



Hitler và những người lính của ông.

Nhưng vào thời điểm trọng đại, Chúa đã ban cho dân tộc Đức một con người vĩ đại, Herr von Cuno. Ông thực sự không phải là một chính khách hoặc một chính trị gia chuyên nghiệp, và tất nhiên thuộc dòng dõi thấp kém; ông là một lãnh đạo chính trị, người chỉ thực hiện một số công việc nhất định; và ông thực sự là người thông thạo trong công việc kinh doanh. Thật là một tai họa cho nước Đức, bởi vì nhà kinh doanh này trong các hoạt động chính trị đã coi chính trị là một doanh nghiệp kinh tế và đã có hành động phù hợp.

Pháp đã chiếm được Ruhr; những gì thuộc về Ruhr? Than đá. Do đó, Pháp đã chiếm Ruhr vì than đá. Điều đương nhiên đối với Herr Cuno là ý tưởng đình công cốt để người Pháp không có được than đá, và thế là, theo quan điểm của Herr Cuno, một ngày nào đó họ sẽ sa thải những người Ruhr khi doanh nghiệp bị thua lỗ. ít nhiều, đó là ‘chính khách “lỗi lạc” của đất nước’, người mà ở Stuttgart và các nơi khác thừa nhận là đại diện cho dân tộc của ông, và người mà dân tộc ngưỡng mộ.

Nhưng tất nhiên, đối với một cuộc đình công thì những người theo chủ nghĩa Mác là cần thiết, vì chủ yếu các công nhân sẽ phải đình công. Do vậy, cần

phải mang lại cho công nhân (và trong bộ não của một trong những chính khách tư sản, ông luôn đồng nghĩa với chủ nghĩa Mác) một mặt trận đoàn kết với tất cả người Đức khác. Cách mà những nhân vật của đảng chính trị này cảm thấy ngượng trước tiếng hô của một khẩu hiệu rực rỡ như vậy là một điều gì đó đáng chú ý! Không chỉ là sản phẩm của các thiên tài, đồng thời đó còn là dân tộc và cuối cùng họ đã có những cái mà họ thực sự đang tìm kiếm.

Cây cầu đến với chủ nghĩa Mác đã được tìm thấy, và kẻ lừa đảo của đất nước đã cho phép các dân tộc Giéc-manh đọc và nói các cụm từ tiếng Đức trong khi đưa một cánh tay thân thiện với kẻ phản bội quốc tế. Và những kẻ phản bội đã nhanh chóng nắm lấy cánh tay đó. Vì giống như Cuno cần các nhà lãnh đạo chủ nghĩa Mác cho ‘mặt trận đoàn kết của mình’, thì các nhà lãnh đạo chủ nghĩa Mác ngay lập tức cần tiền của Cuno. Vì vậy, đó là sự hữu ích cho cả hai bên. Cuno đã có được mặt trận đoàn kết, được hình thành từ những kẻ ba hoa của đất nước và những tên vô lại chống lại đất nước, và những kẻ lừa đảo quốc tế nhận tiền của nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ tối cao của cuộc đấu tranh đó là: tiêu diệt nền kinh tế quốc gia, và lần này thực sự là sự trả giá của Nhà nước. Một tư tưởng bất hủ, cứu đất nước bằng cách mua chuộc một cuộc tổng đình công; trong bất kỳ trường nào một khẩu hiệu trong đó lợi ích thông thường nhất – không vì một mục đích gì có thể tham gia với dây sự nhiệt tình.

Nói chung, mọi người đều biết rằng một dân tộc không thể có được tự do bằng cách cầu nguyện. Nhưng có lẽ một dân tộc có thể được tự do bằng vũ khí, và điều này phải được thử thách trên phương diện lịch sử. Nếu vào thời điểm đó, thay vì tuyên bố cuộc tổng đình công và tổ chức cuộc tổng đình công đó làm nên tảng của ‘mặt trận đoàn kết’, Berr Cuno chỉ yêu cầu mỗi người Đức làm việc hơn hai giờ, kẻ lừa đảo ‘mặt trận đoàn kết’ đã bị lộ diện vào ngày thứ ba. Các dân tộc sẽ chỉ có được tự do bằng cách hy sinh.

Chắc chắn, cuộc kháng chiến được gọi là thụ động này không thể được duy trì lâu dài. Vì một người hoàn toàn không hiểu biết về chiến tranh có thể tưởng tượng rằng việc các đội quân chiếm đóng có thể gieo rắc nỗi kinh hoàng bằng cách thức lột bóc như vậy. Và việc đó có thể là ý thức hành động mà phải tiêu tốn hàng nghìn cho hành động đó và chủ yếu đã giúp đảo lộn loại tiền tệ quốc gia cho các quỹ của mình.

Tất nhiên, người Pháp có thể tự nhiên ở Ruhr với một cảm giác nhẹ nhàng ngay khi họ thấy những người chống lại sử dụng các phương pháp như vậy. Trên thực tế, họ đã có được những xu hướng tốt nhất của chúng ta để đưa một công dân ngoan cố vì khi hành vi của công dân đó là sự đe dọa nghiêm trọng đối với các cơ quan chiếm đóng. Với tốc độ như một tia sét, rốt cuộc, chúng ta đã đánh tan những đội du kích Bỉ chín năm trước và làm cho tình hình rõ ràng trở nên nghiêm trọng đối với công dân khi quân đội Đức có nguy cơ bị thiệt hại nghiêm trọng từ hoạt động của mình. Ngay sau cuộc kháng chiến thụ động tại Ruhr đã thực sự lên đến mức nguy hiểm cho người Pháp, cuộc kháng chiến đó là trò chơi trẻ con đối với các đội quân chiếm đóng để chấm dứt trò nghịch ngợm trẻ con trong chưa đầy một tuần. Vì câu hỏi cuối cùng luôn là như thế này: Chúng ta làm gì nếu cuộc kháng chiến thụ động kết thúc bằng sự tức giận của kẻ thù và kẻ thù đó sẽ tiến hành một cuộc đấu tranh chống lại cuộc kháng chiến đó với vũ khí mạnh hơn và tàn bạo hơn? Khi đó chúng ta sẽ phải quyết định tiến hành một cuộc kháng chiến khác? Nếu vậy, bất chấp hậu quả ra sao, chúng ta phải tiến hành một cuộc khủng bố đẫm máu nhất và nghiêm trọng nhất. Nhưng sau đó chúng ta sẽ đứng đúng ở vị trí mà cuộc kháng chiến thụ động đưa chúng ta đến đó đối mặt với Mace trong cuộc đấu tranh. Vì thế, bất cứ cuộc kháng chiến nào được gọi là thụ động chỉ có ý nghĩa tinh thần nếu cuộc kháng chiến đó được quyết định cần theo đuổi trong cuộc đấu tranh công khai hoặc trong chiến tranh du kích bí mật. Nói chung, cuộc đấu tranh đó sẽ phụ thuộc vào niềm tin vào thắng lợi. Ngay sau khi một pháo đài bị bao vây dưới sự tấn công mạnh mẽ của kẻ thù buộc phải từ bỏ hy vọng cứu viện cuối cùng, vì trong tất cả các mục đích thực tế, sự cứu viện đó sẽ làm ngừng cuộc chiến, đặc biệt là trong trường hợp đó, người bảo vệ được tin chắc là sẽ sống hơn là có thể xảy chết. Cướp đồn trú của một pháo đài bao quanh với niềm tin vào sự tự do, và tất cả các lực lượng phòng vệ đột ngột sẽ sụp đổ.



Quân đội Đức.

Vì vậy, một cuộc kháng chiến thụ động tại Ruhr, xét đến kết quả cuối cùng mà cuộc kháng chiến đó có thể và chắc chắn sẽ đạt được ra trong trường hợp cuộc kháng chiến đó thực sự thắng lợi, chỉ có nghĩa là nếu một mặt trận tích cực được xây dựng phía sau cuộc kháng chiến đó. Sau đó, đúng là, không có giới hạn đến những gì có thể đã được rút ra từ dân tộc của chúng ta. Nếu mỗi một trong các Westphalians đã biết rằng đất nước thành lập một đội quân tám mươi hoặc một trăm đơn vị, những con người Pháp đã có thể thấy những khó khăn đang trải qua. Có nhiều người dũng cảm sẵn sàng hy sinh bản thân cho thắng lợi hơn là cho một cái gì đó rõ ràng là vô ích.

Đó là một trường hợp kinh điển buộc chúng ta, Chủ nghĩa Xã hội Quốc gia để có được vị trí sắc bén nhất chống lại cái gọi là khẩu hiệu quốc gia. Và chúng tôi đã làm như vậy. Trong những tháng này, tôi bị tấn công không ít bởi những người mà thái độ của họ đối với dân tộc không là gì, nhưng sự pha trộn giữa sự ngu ngốc và sự giả tạo bên ngoài, tất cả bọn họ reo hò chỉ vì họ đã không thể cưỡng lại được cảm giác dễ chịu là đột nhiên có thể làm ra vẻ ta đây mà không có bất kỳ nguy hiểm nào. Tôi coi mặt trận đoàn kết thảm hại này là một hiện tượng vô lý nhất, và lịch sử đã chứng minh là tôi đúng.

Ngay sau khi liên minh đã đổ đầy vàng bạc của họ vào vào các quỹ của Cuno, và cuộc kháng thụ động đã phải đối mặt với quyết định chuyển từ phòng vệ có vũ trang sang tấn công chủ động, những con linh cầu da Đỏ ngay lập tức nhảy bổ vào đàn cừu quốc gia và một lần nữa trở thành những gì họ đã luôn

luôn từng là. Lặng lẽ và nhục nhã Herr Cuno trốn trên tàu của mình, và nước Đức ngày càng có nhiều kinh nghiệm và ít có hy vọng lớn hơn.

Cuối hè, nhiều sĩ quan, và họ chắc chắn không phải là tồi tệ nhất vì đã có lúc trái tim họ không tin vào sự phát triển ô nhục như vậy. Họ có tất cả hy vọng rằng, nếu không công khai, ít nhất vẫn còn giữ bí mật, việc chuẩn bị đã được thực hiện để làm cho cuộc tấn công lão xược của Pháp trở thành bước ngoặt trong lịch sử Đức. Ngay cả trong hàng ngũ của chúng ta, có rất nhiều người đặt niềm tin ít nhất vào Reichswehr. Và niềm tin này có sức sống đến nỗi nó quyết định các hành động và đặc biệt đào tạo nhiều dân tộc trẻ.

Nhưng khi sự sụp đổ nhục nhã xảy ra và kéo theo sự đầu hàng đáng xấu hổ, thì việc tiêu tốn hàng tỷ mác và sự hy sinh của hàng ngàn người Đức trẻ tuổi, những người ngu ngốc đã biến những lời hứa hẹn của các nhà lãnh đạo của Đế chế Đức thành sự căm thù và thối bùng thành một ngọn lửa chống lại sự phản bội của dân tộc đây bất hạnh của chúng ta. Trong tâm trí của hàng triệu người, niềm tin đó bỗng nhiên trở nên tươi sáng và rõ ràng rằng chỉ có loại trừ tận gốc toàn bộ hệ thống thống trị thì mới có thể cứu được nước Đức.

Không bao giờ là thời điểm chín muồi, không bao giờ gào thét lên một cách hống hách đòi một giải pháp như vậy vào thời điểm khi, một mặt, sự phản bội tổ quốc được phô bày một cách đáng xấu hổ, trong khi đó, mặt khác, một dân tộc đang bị chết đói dần. Kể từ khi chính nhà nước chà đạp lên tất cả pháp luật của lòng trung thành và lòng tin, coi thường các quyền công dân của mình, lừa hàng triệu chàng trai trung thực nhất của nhà nước phải hy sinh và cướp của triệu chàng trai khác những đồng xu cuối cùng, nhà nước đó không có quyền nào khác để mong đợi điều gì ngoài sự hận thù dân chúng mình. Và trong bất kỳ sự kiện nào, lòng căm thù những người phá hoại dân tộc và đất nước đang thôi thúc sự bùng nổ. Ở đây, tôi chỉ có thể chỉ ra câu cuối của bài phát biểu cuối cùng của tôi trong phiên tòa lớn vào mùa xuân năm 1924:

Người xét xử nhà nước này có thể cứ tiến thẳng về phía trước và kết án chúng ta vì những hành động của chúng ta tại thời điểm đó, nhưng Lịch sử, với vai trò của nữ thần của một chân lý cao hơn và công lý một cao hơn, một ngày nào đó sẽ hờn hờ xé tan bản án này, tuyên bố chúng ta không có tội.

Và sau đó bà sẽ gọi cho tất cả đến ngồi trước chiếc ghế xét xử, những người mà ngày nay sở hữu nhiều quyền, chà đạp lên công lý và pháp luật, những người đã đưa dân tộc ta đến sự khốn khổ và sự hủy hoại và giữa những bất hạnh của đất nước đã đánh giá lòng tự trọng của họ trên cuộc sống của cộng đồng.

Ở đây, tôi sẽ không tiếp tục kể về những sự kiện đưa đến và mang lại ngày 8 tháng năm 1923. Tôi sẽ không làm như vậy bởi vì làm như vậy, tôi không thấy triển vọng cho tương lai, và bởi vì trên hết, thật là vô ích để khơi lại những vết thương có vẻ vừa mới lành, hơn nữa, vì thật là vô ích để nói về tội lỗi của những con người mà trong tận cùng thâm tâm của họ, có lẽ tất cả đã cống hiến cho tình yêu đất nước, và những người đã hiểu sai hoặc không hiểu con đường chung.

Xét những thảm họa lớn chung của đất nước chúng ta, ngày nay, tôi không còn muốn làm tổn thương và do đó có lẽ xa lánh những người mà một ngày nào đó trong tương lai sẽ phải thành lập mặt trận đoàn kết lớn của những người là người Đức thực sự có trái tim chống lại mặt trận chung của các kẻ thù của dân tộc chúng ta. Vì tôi biết rằng một ngày nào đó, thời điểm sẽ đến thậm chí ngay khi những người mà khi đó phải đối mặt với tôi với sự thù địch, sẽ nghĩ rằng với sự tôn kính những người mà đi trên con đường chết đầy cay đắng dành cho dân tộc Đức.

Phần cuối tập thứ hai, tôi muốn nhắc nhở những người ủng hộ và người đi đầu học thuyết của chúng ta về mười tám người anh hùng này, và tôi đã dành riêng tập đầu trong tác phẩm của mình để viết về những người anh hùng này, những người đã hy sinh cho chúng ta với tất cả lương tâm trong sạch nhất. Họ lúc nào cũng sẵn sàng và đầy nghị lực để hoàn thành các nhiệm vụ của mình, một nhiệm vụ mà chính họ tin chắc là sẽ đưa đến kết quả cuối cùng. Và trong số họ, tôi cũng trân trọng con người đó, một trong những con người tốt nhất, người đã cống hiến cuộc đời mình cho sự thức tỉnh của chính mình, sự thức tỉnh của dân tộc chúng ta, trong những tác phẩm và những suy nghĩ của mình và cuối cùng trong hành động của mình.

KẾT LUẬN

Ngày 9 tháng 11 năm 1923, sau bốn năm thành lập, Đảng Công Nhân Quốc Gia Xã Hội Chủ Nghĩa Đức đã bị giải tán và bị ngăn cấm trong phạm vi toàn lãnh thổ Đế chế Đức. Ngày nay, vào tháng 11 năm 1926, Đảng đã lại tự do trước chúng ta, mạnh hơn và vững vàng ý chí hơn bao giờ hết.



Adolf Hitler.

Tất cả các hành động khủng bố phong trào và những người lãnh đạo phong trào, tất cả sự gièm pha và vu khống đều hoàn toàn không ảnh hưởng đến phong trào. Những tư tưởng đúng đắn, ý chí kết tinh, và tinh thần hy sinh của những người ủng hộ phong trào đó đã làm cho phong trào mạnh mẽ hơn bao giờ hết dưới sự đàn áp.

Nếu, trong thế giới tham nhũng của quốc hội chúng ta hiện nay, nó ngày càng nhận thức được bản chất sâu sắc của cuộc đấu tranh, cảm thấy chính nó là hiện thân tinh túy cho các giá trị chủng tộc và nhân cách và đạo đức, với một sự chắc chắn chính xác một ngày nào, nó sẽ chiến thắng trong cuộc đấu tranh. Giống như nước Đức chắc chắn phải giành được vị trí xứng đáng của mình trên

trái đất này nếu nước Đức được lãnh đạo và tổ chức theo các nguyên tắc tương tự.

Một nhà nước mà trong thời đại nhiễm độc chủng tộc này vẫn hết sức giữ gìn các yếu tố chủng tộc tốt nhất của mình thì một ngày nào đó phải trở thành chúa tể của trái đất.

Những người trung thành với phong trào của chúng ta không bao giờ quên điều này nếu những hy sinh to lớn đánh lừa họ bằng sự so sánh đầy mong đợi với kết quả có thể xảy ra.

